

NGUYỄN
TUÂN
TOÀN TẬP
TẬP IV



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

**NGUYỄN TUÂN
TOÀN TẬP**

(Năm tập)

IV

(TẠC PHẨM TỪ 1957 - 1975)

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

bìa soạn và giới thiệu

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2000

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
sưu tầm và giới thiệu

NÓI HAY ĐÚNG

(*Phát biểu ngắn*)

Tôi muốn nói về cái tên gọi nước ta hiện nay.

Tổ quốc Việt Nam chúng ta từ sau Cách mạng tháng Tám đã trở thành một nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam. Tất cả công dân nước ta đều hiểu như thế. Tất cả đều hiểu như thế, và làm như thế với tất cả nhiệt tình của mình. Cái việc to tát ấy, ta cảm ta nghĩ ta sống ta làm đúng, nhưng trong cái cách hô danh, ta làm nó vẫn chưa được đúng. Theo một thói quen, ta vẫn gọi là nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Đúng ra, phải gọi là nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam. Vì sao phải gọi ngược lại cái cách ta vẫn gọi hiện nay thì lại bảo là đúng? Ai ra lệnh như vậy? mà ai có quyền ra lệnh như vậy?

Xin thưa rằng đây là cái lệnh tối cao của tiếng nói dân tộc, của tiếng nói Việt Nam có văn phạm, có quy chế, có ngữ pháp, một thứ tiếng nói, trong quá trình

lịch sử Việt Nam, đã có rất nhiều công lao thanh tích và tuy tín về các mặt tổ chức cho đời sống nhân dân. Tiếng nói Việt Nam là một thứ tiếng nói đã được xây dựng trên một cái cơ sở chính quy. Cho nên lúc dùng nó, ta phải tôn trọng những quy luật của nó. Nhất là khi ta đem cái tiếng nói đã có thể thống áy ra mà gọi đến những cái rất kính mến, rất đứng đắn và rất cần chính quy như là quốc hiệu của một nước vậy. Trong báo chí, sách vở, văn bản đã có những hiện tượng cần được nắn lại về ngữ pháp. Tại sao trong một văn bản lại có những câu ví dụ như: "... Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa dân chủ Đức vân vân..."? Danh từ Cộng hòa để trước để sau một đặc hữu danh từ (*nom propre*) có một giá trị gì khác nhau không? Tại sao khi chỉ cái sự áy của Trung Quốc của nước Đức thì ta gọi thuận chiểu theo đúng ngữ pháp của ta, mà đến khi gọi cũng một cái sự áy của ta bằng chính cái tiếng yêu quý và nền nếp của chúng ta, thì chúng ta lại làm cho trái cựa đi? Dịch cái quốc hiệu chúng ta, chẳng hạn như ở Hội nghị Giơ Neo dịch ra tiếng Pháp, chúng ta cũng vẫn dịch một cách thuận chiểu là République démocratique du Việt Nam kia mà!.

Quanh tôi, hình như có nhiều người đang đồng tình với vấn đề nêu lên, nhưng đồng thời cũng lại bảo tôi "nhưng mà đúng như thế nó quen đi rồi, giờ nắn

lại thì cũng khó đây". Dùng thế đó, chúng ta đã kéo dài một cái thói quen như thế trong mười hai năm nay. Nhưng mà ta cũng không nên quên rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân chúng ta đã dám làm Cách mạng và làm Cách mạng tháng Tám thành công, tức là đã có những thành tích vĩ đại về chống lại những thói quen, cả với những thói quen ghê gớm nhất trong đời sống ngày lại ngày. Cho nên nói đến thói quen, không có nghĩa là nói đến những cái không sửa được. Thấy cần thì chúng ta sửa, quyết tâm mà sửa thì sửa được thôi. Mà cũng đừng có cho việc này là chuyện riêng của mày cái anh văn sĩ hay nói chử nói nghĩa, hay lệch bàn về chi tiết hoặc thiên về hình thức ngôn từ này nọ.

Từ sau Hòa bình, tôi nhớ Quốc hội chúng ta có lập ra một ban để chỉnh lý lại một số chi tiết về quốc kỳ (quy định kích thước cự ly ngôi sao vàng trên nền cờ đỏ), về quốc ca (thay một vài chữ). Tôi trang trọng đề nghị tiếp tục việc đó đối với vấn đề quốc hiệu. Thường vẫn gọi là "Việt Nam Dân chủ Cộng hoà" thì từ nay ta sẽ cùng gọi là "Cộng hòa dân chủ Việt Nam". Trong việc này, dùng biện pháp chính quyền rất là kết quả. Nếu có những trường hợp dùng biện pháp chính quyền không lợi (như phê bình thế nào là câu thơ lăng man cũ lăng man mới, thế nào là nhân vật hồng, nhân vật xám v. v..) thì trong việc này, biện pháp

chính quyền lại là rất tốt. Những giấy tờ đã in sẵn, ta có thể tiết kiệm mà vẫn cứ dùng, dùng chữ máy chữ đánh đè lên, (ý là nói ví dụ cả về những chi tiết thực hành của vấn đề).

Duy còn một trở ngại này: là đám Mỹ Diệm trong Nam cũng vẫn tự gọi một cách thuận đột và mạo xưng là “Cộng hòa Việt Nam”. Nhưng lầm lẫn sao được, khi mà quốc hiệu ta lồ lộ lên hai chữ DÂN CHỦ, mà chính cái điểm này là chỗ để phân biệt công hòa này và cộng hòa kia. Ở trong đó Mỹ Diệm có thể còn bày ra nhiều kiểu cộng hòa, nhưng đố tại nó dám làm DÂN CHỦ và dám đề cao DÂN CHỦ ở quốc hiệu như Cộng hòa của ta ngoài này.

Cho nên, tôi tin vấn đề tôi nêu lên đây, chúng ta sẽ làm được. Nó chỉ còn là một câu chuyện thời giờ đó thôi. Và trong khi chờ đợi, tôi xin phép cho cá nhân tôi được phép vẫn nói và viết theo đúng ngữ pháp của tiếng nói dân tộc.

Văn nghệ số 25 (25-10-1957)

PHỐ MÀU

(Tùy bút)

*“...và lại không có hoa đen
trong các giống hoa...”*

MÁC

Ngày xưa, nước đó sông Hồng chảy xuyên vào giữa lòng thủ đô. Hà Nội là đất thủ đô đã gần mươi thế kỷ, và giữa lòng khu phố ngày nay, đã có những con thuyền xưa kia xuôi chèo ăn bến. Chỗ cống đá Cầu Đông ấy, tiên ông đã hiện lên bán tranh Tết cho những người học trò yêu đời, và có người học trò nghèo đã lấy được nàng tiên. Khúc sông mơ tiên biến mất rồi như những truyện thần tiên, nhưng có những cái phố Hà Nội vẫn còn mang tên con sông dĩ vãng. Tại một góc phố nhỏ sông ấy, cứ gần hết năm, người ta hẹn nhau ra họp chợ hoa đào như trong về một giòng nước chảy. Đã nhiều chàng trai mơ Thiên thai ở ngay hè phố đào này...

Hôm nay tôi lại đếm bước giữa phố đào. Từ ngày hòa bình lập lại trên đất nước tôi, hoa đào nở ba lần rồi ở giữa Hà Nội. Hoa đào không có hương thơm, nhưng mỗi lần thấy nở đào là người tôi không thể không nghĩ đến những cái lành nhẹ thơm quý. Vào phố đào có lúc tôi nghĩ rằng kẻ thù của tôi biết được sự cởi mở của lòng tôi trước hoa đào nở mà hẩn dấp đưa ra một cành đào để làm chiêu bài, e có lẽ tôi có thể bị hẩn đánh lửa trong một lúc đi thăm hoa. Nhưng mà những bàn tay đã chuyền cầm súng bắn trộm, nay cho cầm sang cành đào thì cũng chỉ cầm hoa được trong một khoảnh khắc nào đó thôi. Những cái diện mạo sinh ra để néo mắt bên các lô chàu mai nay cho lồng vào những khung cửa sổ hòa bình dù cửa sổ ấy có tháp thoáng bóng đào, rồi cũng vẫn cứ phân biệt được. Đối với những tâm hồn già dối, cầm hoa chóng mỏi tay hơn là cầm vào bắt cứ cái gì khác ở cái thế giới hữu hình hữu hoại này.

... Phố đào mỗi năm chỉ phô màu có mấy ngày. Những cò xe tay chờ cá vàng, chim xanh, quất đỏ đang vun vút qua phố đào, càng gợi lại bóng đò xuôi gió trên nhánh sông xưa. Tôi cũng đang là một bóng đò con men men vào suối đào. Lúc này tôi muốn làm cái đứa nhỏ du mình vào cánh tay các bậc cha mẹ đang chọn hoa Tết. Xưa kia nhiều lần cha tôi đã đưa tôi vào phố đào.

... Thơ Đường, có những câu nói đến những cái vỏ
ngựa dính cánh đào dặm dài. Cái phố hoa đây mà
vắng người thì tôi đã dám ngồi thụp xuống để nhìn
lại cuộc đời bưng đào của tuổi nhò. Trong tuổi hoa
niên ấy, cuộc sống đã nổ nhiều tiếng pháo, xác pháo
xuân ngập đến mắt cá chân, tôi như dẫm lên một cái
thảm dệt cánh đào, máu đào đã hoen thuốc súng.

Tôi ngắm kỹ người bán đào ngồi trên lề phố; gốc
đào to, cánh đào nhỡ đều như những cái tán cái lọng
hồng đỡ lấy những hạt mưa báo xuân. Có những ông
cu bà cụ lão nông tóc bạc, có những chị thôn nữ ngồi
mơ tưởng dưới những tán hoa. Nhưng mặt người ngồi
dưới gốc hoa vẫn không vui được bằng cánh hoa. Ở
quê hương tôi, sự vật chuyển nhanh hơn con người và
cánh vật nhẹ nhõm hơn lòng người. Hoa đào cười giò
Tết, nhưng mặt người cầm đào Tết chưa thấy cười lên.
Gian khổ không ánh hưởng đến màu hoa và mùa hoa,
nhưng sức nặng của gian khổ khắc sâu vào mặt người.
mặt người hàng hoa còn nặng những thương tích
chiến tranh vừa qua, còn nặng những lo âu mới. Tôi
biết rằng loài hoa không có tính chất giai cấp, nhưng
tôi vẫn không quên rằng những con người bình dị ngồi
cầm những cái tản đào chợ Tết này là những con
người chưa thể đổi ba năm hòa bình mà đã mệt mỏi
như hoa được. Vẫn như cái gốc đào tổ lán đầu trổ cái
hoa thư nhất trên rừng đồi, đồng nội tổ quốc bao đời

nay, hoa đào Việt Nam vẫn còn phải nở trên những khó khăn của đất nước. Nhưng mà, cũng giống như nghệ thuật, hoa vẫn nhắc con người ở quanh mình là vui, là tin, là yêu sống. Đi trong phố đào, thấy bừng lên cái hình ảnh nàng Lý bền gan chiến đấu cho tương lai Triều Tiên (trong vở kịch nói của một nhà văn cộng sản Pháp) và mơ trên trận địa: "... Mai hậu đây, cháu con chúng ta không cần làm người anh hùng...", nghĩa là sau này chủ nghĩa cộng sản mà toàn thắng, thì cuộc sống e cũng chỉ còn bận bịu với nghệ thuật và hoa nữa mà thôi.

*Văn nghệ số 156, 157
(từ 13 đến 31-1-1957)*

CHỢ ĐỒNG XUÂN

(*Tùy bút*)

Tôi mượn cảnh chợ Đồng Xuân của thủ đô, để muôn nỗi lên cái tấm lòng thơm thảo của người Hà Nội, và phơi bày ra đây cái bụng dạ của người Hà Nội.

Tôi nhớ có lần đã vi Hồ Gươm và Hồ Tây là hai lá phổi rất cần thiết cho nhịp thở của thủ đô, ngày đêm không ngừng cung cấp dưỡng khí cho những người cân lao Hà Nội. Giờ lại xin nói chuyện về cái bụng của Hà Nội; chợ Đồng Xuân là một cái bụng rất độ lượng bao dung. Nội thành, ngoại thành, các tỉnh miền ngược miền xuôi gửi bất cứ thực phẩm gì về, bất cứ miếng sống miếng chín nào gửi tới, cái bụng tốt ấy đều nhận hết, tiêu hóa phân phối để cho các mạch máu sống của Hà Nội. Cái nhịp đập của chợ Đồng Xuân vốn cũng là nhịp sống mãnh liệt của trái tim nồng hối của Hà Nội.

Cái cảnh người Hà Nội đi sắm Tết ở chợ Đồng Xuân những ngày cuối năm vừa qua thật là một cảnh

tượng vì đại. Người buồn đời đến mây, bát mân đến mây, hē tới đây lúc này là cũng thấy vô cùng yêu đời và cũng thấy muốn tự hẹn một cái gì với lòng mình. Bốn mươi vạn người thủ đô, hình như tất cả đều tuôn cả đến đây giờ này. Chợ Đồng Xuân người đông như sóng bể, đun đưa như sóng bể và tôi cũng bôông bêéng như một cái phao nổi. Tôi đi vào trong cái bụng của Hà Nội, nghe cái tiếng ào ào của dãy thủ đô. Tôi nổi vào dòng người đi mua sắm, cứ nhìn vào cổ áo người đi trước mà nhich bước nhẹ nhẹ. Bỗng thấy nhớ nhớ cái cảnh những năm nào nổi nhau đi dân công, nổi nhau hành quân đêm rừng. Người ta chào mời nhau qua vai tôi, người ta kêu giá hàng trên đầu tôi, dưới chân tôi. Trước mặt tôi là một cái gáy Nam bộ, trên búi tóc lồng buông cái khăn rằn ri. Tôi muốn níu chí lại mà nói một đôi câu như vầy: “Chợ Bến Thành trong ta lúc này đang bán dưa hấu ăn Tết, phải hòn chí? Tháng Diễm có cẩm xe thổ mộ chờ dưa hấu Mỹ Tho vào vươn hoa Bùng Bình không chí?

“Hôm nào chúng ta lại thông đồng bén giọt, có quan hệ bình thường, có tàu bay dân dụng, để sớm đi chợ Bắc chiêu về chợ Nam, chí?”.

Rổ rá thúng bồ mèt lăng có hàng triệu cái đánh đồng lên cao vút mái nhà. Cuộc sống trong những ngày sắp tới đây cần chứa nhiều đựng nhiều, dan ra bao nhiêu cũng hết. Ông đang tươi từng khu mệt, đú

biết cái số lạt tươi cái sức quấn buộc của cả một thành phố. Người ta như đi vào một rừng lá dong, người ta ôn ào đòi lá dong nếp để thêm màu xanh cho bánh chưng. Cùi tạ đang bổ ngắn ngang báo hiệu trước những lò lửa nấu bánh rừng rực chờ đón đêm giao thừa. Vò rè ăn giòn đỏ ửng mây gian đầy. Gà vịt ngọt kêu inh ỏi. Cam bưởi nhào lăn khắp lối đi. Dãy hàng cây cảnh, con chim hoàng yến hót trong lòng, con cá loáng loáng cái đuôi cờ đỏ trong cái thấu thủy tinh, như rú nhau báo trước cái xuân sang cho cả cái chợ túi bụi.

Hàng cua bể, tiếng càng cua động rào rào như tiếng bọt biển tan trên cát, và gợi nhắc lại cái tiếng rao ngoắt của những chị bán cua bể rong phổi: "Ai cua bể rá mùng!". Ở đây ướt như vừa tạnh mưa rào. Cá gáy sông Hồng và cá chép Hồ Tây có ngày đánh đến ba tấn và kín kìn gánh vào đây. Dịp Tết năm nay, Hà Nội mồ lợn trên dưới năm ngàn con, bán ra 250 tấn thịt tươi. Những bàn tay trắng nõn của những chị hàng thịt thoăn thoắt và chính xác như bàn tay nhà giải phẫu. Đứng quanh khu hàng thịt đông người, lại nhớ cái khu này trong chợ Đồng Xuân những ngày đầu kháng chiến, Trung đoàn Thủ đô đánh giáp lá cà với giặc, vọt qua phản thịt luồn qua bàn thịt mà đấu dao với Tày mū đò, Tày rạch mặt; lúc bấy giờ chợ Đồng Xuân là cái túi đựng đại bác và

móc-chẽ của địch và là một mặt trận ác liệt nhất, anh dũng nhất của Hà Nội anh dũng.

Tôi đã đi vòng ra những phố chung quanh chợ. Xưa kia cả khu vực trong và ngoài chợ Đồng Xuân là một cái làng, và phường Đồng Xuân chỉ leo teo bé vàng nan, bán hỏa lò và nồi đất. Làng vẫn còn đình, và còn ngôi chùa làng. Chùa Huyền Thiên của làng cũng đang mua thuốc đánh đồng cho đánh bóng lại những cỗ đồ thờ tam sự ngũ sự. Xếp cửa chợ là một ngôi chùa Cầu Đông, xưa kia những người học trò tài hoa đã xin đến ở trú, và dưới cửa Phật, người trần đã gói vào tay tiên. Tam quan chùa, nay là những hiệu bánh khào và các thứ mứt ngũ vị ngũ sắc, ngày đêm rao rào tiếng giấy bóng gói hàng. Sân chùa, ngắn ngang những nong bí và phật thủ đang thái đang phơi. Phật thủ Thanh Ba đầy hiên trai phòng, và đếm sao cho hết được những trái bí sông Bồ, sông Thao cộp lên những bột phấn trắng. Trong sân nhiều hiệu bánh ngọt, những người thợ bánh cầm những cái sèng tương đang đánh kẹo hồng đang vỡ bột khói trong những cái vạc đồng đựng hàng hai ba yên kẹo. Những ba trăm tấn đường cho các hiệu bánh. Đi qua phố hàng Đường, có thể say vì mùi đường ngọt bốc khói nghi ngút ngày đêm trên các vạc kẹo nồi mứt. Hàng bán trong cửa hàng, hàng ngồi trong chợ, không đủ, nên hàng họ đã lấn ra cả ngoài khu chợ Đồng Xuân.

Và hàng đã ngồi hẳn xuống mặt đường. Bao giờ mà đào lý đứng đường, bao giờ hàng xuống hết mặt đường, thì mới thật là Tết, xưa nay người Hà Nội vẫn tầng nói thế. Bóng bi bóng cá chất hàng bồ, măng, nấm hương, tôm he khô, cam bưởi, táo, tràぬ, kim cúc, hương vòng, hương thẻ, nến, pháo trên lề đường, tha hồ bầy dây. Sát xuống hè phố, thấp hẳn xuống mặt đường, cái lời chào mời của hàng họ Tết hình như tha thiết hơn, thâm thia hơn, đòi hỏi người qua đường phải cúi xuống mà cầm lấy mà nâng lên. Kỷ luật giao thông và kỷ luật via hè của thủ đô lúc hết năm vui chợ Tết thật là nhiều sắc thái. Anh công an trật tự nói nhiều nhưng cũng cười nhiều đúng với cái khẩu hiệu “công an là bạn của nhân dân”. Phố xá lệnh nghênh những cây mía gãy ông vải của tỉnh Đoài. Những bà bán thớt gỗ nghiên đỏ quanh đã khéo rủ nhau ngồi gần những bà dao bài dao phay sắc lém vùng Đan Trì. Tết nhất, ai mà lại không chật và thái xuống một cái gì đây; nhà ai mà lại không nổi tiếng dao tiếng thớt. Dưới mái hiên, bên cột đèn vang lên cái tiếng chèo kéo của những chị bán dầu cà cuống vùng Sêu, Đặng, khu chợ Cháy, cái khu vực đồng cỏ không người của những năm cuối kháng chiến. Cửa hiệu hàng vàng bạc nạm, chọc lại nheo nhéo: “Tầm đôi hoa tai, lấy ngay kịp không?” Những ông lái chiếu gánh gánh chiếu ung dung đì giữa ngã tư, một đâu là

chiều đậu, một đầu là chiếu chữ thợ đỏ. Ngày cuối năm, ai cũng vội. Có nhiều nét mặt thông thả nhưng đôi chân bước vội như chân người phương Tây. Ông lái chiếu cưng dung với gánh chiếu chữ thợ như bảo thâm mọi người: "Mua chiếu là để nằm xuống cùng nhau. Có cần gì phải tắt tười vội vã". He phố nào quanh chợ cũng rất nhiều hò tiêu sọ và miến. Phố Hàng Mã rực lên những màu nguyên thủy. Giấy màu gắt chói, và những bàn tay tháp bút luôn luôn dính hò cát, dán. In lên nền trời là những cái lao màn quần áo Tết trẻ em có nhiều áo hoa in màu của tơ vái lụa nước bạn. Giữa trời như nở tung những cánh hoa hữu nghị. Tết hòa bình thứ nhất, điện ảnh Ba Lan đã quay về Tết Hà Nội. Năm nay lại có cả các bạn Tiệp Khắc và Đức dán chủ cũng sang quay Tết Việt Nam bằng phim màu. Màu lại càng làm tôn màu. Góc phố kia, có những cụ già, viết câu đối, muốn phá công thức về chỗ ngồi, nên năm nay đổi chỗ từ Hàng Bô ra đây. Vừa viết bán, các cụ vừa chặc lưỡi xin lỗi khách hàng là thế nào sang năm cụ cũng có tìm được mực Hoàng tam xương và giấy hồng điều ngàn chu có vẩy bạc. Buổi chiều đang xuống mau, nhiều người sốt ruột nghiêng nghiêng ghé ghé chờ cho mực khô. Một vài người vẫn còn mặc cá vê chữ "Phúc" chữ "Thọ" lúc năm cùng tháng tận để ông cụ câu đối phải trả lời: "Tôi viết chữ từ hồi Tây còn ở đây. Càng già chữ tôi

cang chắc tay. Chữ Phúc của tôi vuông vắn và tươi lấm! Ông già chữ Phúc rẻ quá." Chom râu, mái tóc óng cụ, tôi thấy trắng đẹp óng lên như những sợi cước và hiền hanh như những sợi miến đang bảy quanh phố đây.

Thời tiết cuối năm, và thời khác cuối năm, mọi người quan tâm đến nhiều nhất là ở phố cành đào. Bà lão bán đào, hai tay cầm hai gốc đào, ngồi nguyên một chỗ từ sớm đến sẩm tối, trông phảng phát cái bóng của thời gian. Người ta cò kè về giá đào, vừa làm giá, vừa nhìn nụ hoa, vừa nhìn trời mà lảng gió nồm cuối năm như sợ hoa nở không đúng vào đúng giữa ngày đón tuổi mới. Năm nay đào lên giá. Có cành giá đến năm bẩy vạn đồng, nếu đặt nó giữa cửa Câu lạc bộ thì người vào chúc Tết tập thể phái lách mới vào được. Phố đào lúc hoàng hôn là lúc tập nập nhất. Hoa ngồi trên hè phố, giờ hoa tràn hết cá xuống mặt đường nhựa. Trên cái nền tái tái của giờ Tết về chiều, cành đào cành mận càng rực rõ lên. Ánh sáng dịu đi, càng nâng cái phẩm giá của hoa. Phố đào lý như một tấm ảnh, kính ảnh rửa non nước. Nhiều cô thôn nữ một tay mận một tay đào, không sợ hoàng hôn đổ xuống. Cuối cùng, nhiều người đã ngoan ngoãn trả tiền đào, sốt sáng đón gốc hoa lên xe, vui vẻ như đón em nuôi về ăn Tết. Giờ này, đào, mận, quất nghèu nghện trên xe hoa và từ đây tản đi qua "ba mươi sáu phố

phường" của Thủ đô yêu dấu. Những chiếc xe ô tô vận tải của Sở ươm cây Hà Nội cũng đang chờ hoa thược dược, hồng, cúc, cẩm chướng, đến đỗ ở quanh gần năm chục vươn công cộng, để thay áo mới cho công viên. Anh đèn phố Hà Nội cũng vừa bật lên.

Tay tôi lúc viết bài này chưa cầm vào một thứ hàng Tết nào, nhưng lòng tôi chan chứa rất nhiều mà tôi cho là tốt lành, và có thể là quý giá hơn nhiều thứ hiện vật bày bán cả trong và ngoài chợ Đồng Xuân vừa rời khỏi. Cái điều tôi thấy rõ nhất trong tôi lúc này, là tôi muốn nói lên một lời cảm ơn thành kính. Tôi cảm ơn cuộc đời, tôi cảm ơn tất cả mọi người quanh tôi đã góp cái phần mình vào cuộc đời làm ăn chung trên đất nước, để tôi cũng được dự trước vào một cái tiệc Tết thơm lành ngon đẹp thừa thãi bày ra để đón chào xuân sắp về trên miền Bắc no, ấm, yên, vui.

30-1-57

Văn nghệ số 161 (từ 22 đến 28-7-1957)

CÂY HÀ NỘI

Đầu mùa xuân năm qua, chúng tôi họp xong được ba cái hội nghị; và thấy rằng trong đại hội mùa xuân cùng có những gốc đại thụ còn ăn nhau những cái bong nồng, và quanh đây lại rất nhiều thân cây đang bốc nhựa. Cảm động và hiên ngang nhất là một vại cây tròn như cành cùi rêu chôn đứng, nhưng trên thân khô mộc, như lên một cái mầm, chỉ một cái thôi, nhưng rất sắc rất tươi đầy hẹn ước. Gió con gheo nhiều chiếc lá lung cون xanh, nhưng bụng đã đóm vàng. Mắt vẫn dõi theo tài liệu, tai vẫn bắt vao cái luồng tiếng ống phóng thanh hội nghị, nhưng trong lòng thấy ngắn lên những câu thơ Đường, vẽ lên cảnh xuân tàn tháng ba biệt bạn:

... Bạn về buồm chiếc xanh vời vợi

Đang đặc sông sầu giờ chảy theo

Giữa những lúc tạm nghỉ, nhiều người bàn cà ra ngoài những vấn đề lý luận và tổ chức của Đại hội.

Sắp đến ngày giỗ Hoàng Diệu và Thăng Long thất thủ đây. Bài “Chính khí ca” tôi xúc cảm nhất với câu “Quyết đem gùi cái tàn hồn gốc cây”. Theo sử chép, Hoàng Diệu buộc cái khăn xanh vào cành ôi mà tuẫn tiết. Sao lại là cành ôi mà không là thứ cây gì khác nó tượng trưng hơn? Hà Nội, Thăng Long thiếu gì cây đẹp.

Không rõ Thăng Long, trước đây, ngoài thứ cây ôi của Hoàng Diệu thì còn những cây gì nữa. Nhưng Hà Nội ta ngày nay có rất nhiều thứ cây khác nhau mà ta không biết nhìn đây thôi. Mỗi thành phố miền Bắc đều như một thứ cây bên đường phố. Thanh Hóa với những rặng cây sờ thân đầy gai và quả khô rụng làm đồ chơi trẻ em. Hải Phòng là thành phố của cây chói, mùa hè hoa đỏ thắm, và mùa đông in lên bến cảng những cái quả đen dài ngoằn ngoèo. Sơn Tây là cái thành phố của lá bàng rơi trên đá tổ ong. Còn Hà Nội của ta thì rất nhiều me, nhiều sầu, với những trè em trèo me trèo sầu ngày xưa. Nhưng bên cạnh những phố trồng toàn me toàn sầu, còn có những thứ cây đứng lè tẽ khắp Hà Nội. Hoàng lan, ngọc lan, sưa, long não, gạo, lim, đại, đỗ quyên Nhật... Trong Kiều, người trong truyện và cả người đọc truyện, trăm năm sau và cả đến “sau ba trăm năm” nữa đều than thở với cây liêu cổng phủ Chương Đại mãi đâu đâu trong không thời gian. Đã có những nhà văn Việt Nam nào

đem được cây ta vào sách để bóng cây sóng với bóng nhân vật. Quanh những gốc cây to Hà Nội, qua bốn ché độ, dưới cái bóng nắng hoặc bóng giăng bóng đèn áy, quanh cày Ha Nội, đã có bao nhiêu câu chuyện làm ăn vui buồn, bao nhiêu cuộc đời lên xuống, bao nhiêu hâm hiếp, án mạng trong tư tưởng, trong hành động, bao nhiêu tương tích, bao nhiêu câu thơ yết hậu, bao nhiêu giấc mộng, bao nhiêu sinh thành, bao nhiêu "cây đa bến cũ con đò khác xưa". Chúng ta ngày nay có bận quá, bận đến cái mức chỉ biết đến có người mà không biết đến cây, không cần biết đến cây không? Có phải vì hiểu lệch thực tế là chỉ xoáy vào con người, thẳng người, nói nhiều đến cây bị coi như là tách rời thực tế, mà trong một số sách gần đây, thấy ít hẳn cái chất xanh của cây cỏ? Văn chương của chúng ta gần đây một số toàn hùng hực lên những khẩu hiệu, mà không có một bóng cây nào trên đường đi của lũ nhân vật, thì cái phong cảnh tiểu thuyết áy có nên đưa ra làm mẫu mực không?

Tôi nhớ trong tiểu thuyết xã hội chủ nghĩa của Liên Xô đã có những nhân vật thị dân yêu cây cỏ say sưa và trong nhạc Liên Xô cũng có những đoàn hợp xướng lấy cây xanh bóng cá làm chủ luận.

Mỗi khi nhắc tới Tổ quốc ta tươi đẹp, van chương phong kiến trước đây thường nói "non sông như gấm vóc - non sông như gấm như hoa". Cái hình ảnh sẵn

sàng ấy tại sao không phát triển lên, tại sao có người không muốn đưa cái hoa gấm ấy vào truyện, ký, kịch hiện đại? Tâm phá nhiêu màu mà mùa xuân đất nước mỗi năm dét một kỳ trên toàn cõi quê hương, cái tâm họa ấy ở riêng trên khoảnh đất Hà Nội này cũng đã làm nhiều màu lung linh lầm. Sung sướng vây thay là những thành phố um tùm bóng cây như Hà Nội chúng ta! Bạn bè quốc tế cứ mê mẩn trầm trồ vì Hà Nội nhiều cây đẹp. Đất nước trải qua mười năm binh đao, và thủ đô Hà Nội chúng ta cũng trải qua binh lửa như nhiều thủ đô thế giới, nhưng khác với thành phố bị triệt hạ như Hirōshima, Vacsava tan hoang, như Stalingrat... Hà Nội vẫn giữ được hàng cây phố cũ. Ngày đầu tác chiến người tự vệ sao vuông có khoan lỗ mìn giữa thân cây phố Hà Nội, giật cây đổ ngang xuống mặt đường phố, bên những ụ đất và chướng ngại vật. Sau đó nhiều cơn bão đánh bật nhiều gốc cây phố. Nhưng cây Hà Nội vẫn um tùm như bao giờ để đỡ mưa, đỡ nắng cho cái đầu người Hà Nội ít đội nón đội mũ. Tôi đã có dịp đi ra ngoài máy chuyến, tôi có dịp ngắm cây phố thủ đô khỏi xã hội chúng ta và so sánh với cây Hà Nội, và xin kết luận rằng màu xanh cây ta thật nhiều cung bậc, từ xanh nhè đến xanh đen. Cái dáng cây Hà Nội cũng nhiều vẻ, nhiều thế. Cây của ta về mặt màu vẻ và hình thể đã chính phục nhiều tâm hồn họa sĩ bạn ~~cũng~~ như họa sĩ mình.

Những kiến trúc sư xây dựng lâu đài công thự trên đất nước ta nhiều khi thảm cảm ơn thiên nhiên ban cho diện tích thanh tháo quấn quýt lấy những hình khối bê tông dựng lên. Nhưng mà hình như ta chưa biết yêu quý đầy đủ những cái cây đẹp của ta, quên hẳn đi rằng mỗi cái cây in bóng xuống đường nhựa kia cũng là một kiếp sống, mỗi năm có những nỗi vui nỗi buồn theo một cái chu kỳ xuân hạ thu đông. Người ta thường trách người Hà Nội hưởng thụ nhiều mà ít tìm hiểu, chơi hoa ăn quả rất sanh nhưng ít nghĩ đến cái cây nó xé vỏ trổ mầm như thế nào. Có phải vì bận họp nhiều, có phải vì bận nhiều về sinh nhai hàng ngày cứ cuí mài xuống mặt đất, và mặt đất thì nhiều xe cộ quá không?

Làm lúc tôi muốn rộng lượng tặng huân chương cho một vài cái cây thủ đô vì một số công lao của chúng đối với cuộc sống hàng ngày của người Hà Nội. Anh tướng chỉ có một số người nào mới có công lao thôi hay sao?

Anh trách con người ở đây ít chú trọng đến cái cây, nhiều người tiến bộ nhanh quá, mạnh quá họ sẽ liệt anh vào cái hạng khuya khoát cho mà xem. Tôi đã có dịp nghĩ rằng ở đây, con người đối với con người vẫn chưa được đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện cây cối. Cái trưởng thành chất vật của từng trường hợp cá biệt ít khi mình theo sát được và đôi lúc có nhớ đến

người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ đến cái lúc họ đánh đổ hoặc đánh vỡ một cái gì. Áy thế rồi thì cứ âm lên là trong chế độ ta tuyệt đối không được buồn... làm cứ như là từ hôm nay trở đi, trong cuộc sống miền Bắc, miền Nam chúng ta không còn ai phải từ biệt ai ở sân ga hoặc ở bến đò nữa...

Ngoài cửa sổ đại hội mấy cây gạo ra hoa tung toé, có cây rùng rực như châm lửa đốt gioi. Hà Nội toàn mái ngói, mái tôn, mái đá đen, thây cành có ít mái gianh cũ cho hoa gạo rụng nhẹ bớt tiếng chia lìa. Hà Nội đang như cái bể dâu nước rút hết và mọc lên những cây san hô Ông Dùng Bà Đà. Ngày trước, Phạm Văn Hạnh có đưa vào sách một cây gạo đánh rơi hoa xuống mui đò trày hội chùa Hương. Tôi, lúc này nghĩ đến đàn sáo rìa hoa gạo, hoa rơi lá tả xuống mui toa tàu điện ra các ngoại ô, trên lưng cái tàu điện, hoa vẫn xoáy tít như con quay sơn đỏ của nhì đồng chơi hội xuân.

Hôm nay là rằm tháng ba lịch mật giăng. Tôi nhớ ngày này ngày trước, tại nhiều vùng thôn quê có tục trẻ chăn trâu bò cúng tổ, ngồi quay lai trên gò đồng cánh đồng, ngồi trên bài tha ma đầu làng bày cỗ chay và vui hát nghêu ngao:

Chúng tôi con trẻ mục đồng

Ông bà phúc hậu mở lòng thương ra

Cúng thời tiền bạc hương hoa

Anh em có lè tháng ba ngày rằm.

Cái tiếng hát của trẻ mục đồng xưa ấy bỗng vàng
trở về và tôi muốn được biết xem ở thôn xã đang đi
bước hai nhò của bước hai sửa sai, hiện nay, trẻ chán
bò chán trâu miền Bắc đang hát những cái gì đây?

Ngoài Hà Nội đây, tôi biết tạo vật đang hết sức
tưng bừng. Rừng Việt Bắc, ở mây cái thung căn cứ
địa, ở lưng đèo vào Atêca, những cây thòn mát, những
cây ruốc cá đang trổ hoa trắng xóa cánh rừng. Rồi cây
phách sáp trổ những chùm hoa màu đào, ong sáp bay
hang đan về hút nhuỵ và các chị Thủ đi chợ đông mua
vò phách về nhai trầu.

Không rõ ở các nơi có giữ tục lè tảo mồ tháng ba
đẹp thanh, trẻ già trai gái cùng dẫm lên có không? Có
lẽ chúng ta cũng cần sửa sai một cái nếp cũ:
Mùng một Tết đã là xuân và giữa tháng ba coi là hết
xuân rồi. Chính tháng ba mới là mùa xuân, chính lộc
cây nở nhiều nhất vào cữ này. Xuân mạnh nhất lại là
lúc “xuân tàn”. Gọi mùa xuân bằng hoa không hay
bằng hình ảnh các cây mùa xuân ra lộc. Có những cây
chỉ lúc ra lộc mới dễ trông. Có những cây đẹp cảnh
đẹp gốc nhưng lúc ra hoa lại giảm đẹp đi. Có những
cây chỉ tưng bừng vào lúc trổ lộc, cũng có những cây
được hoa thì hỏng lá, và được lá thì lại hỏng cảnh. Và

có những cây tre hé trổ hoa là lúc giờ chừng rồi chết lui. Cây ở rừng ở phố cũng như cá ở biển ở nguồn, biết đâu mà nhớ hết được, nhưng nói chung thì cây nào lúc ra lộc, cũng đều dễ thương cả. Mầm lộc ở bát cứ cây nào cũng là một lời chào sự sống. Mỗi cây có một cách riêng để chào mừng cuộc đời, và một câu chào mừng nào của lộc cây nơi bát cứ cây nào quanh phố Hà Nội, cũng đều là một thiện ý cả. Trong cuộc sống xanh tươi sớm mới muôn ngàn màu vẻ, mỗi cái lộc trổ lên trời là một cái nồng vui, là một cái đợt của sự tốt lành. Có lẽ tôi muốn đổi đi cái khẩu hiệu trăm hoa đua nở. Cũng có ý hào hùng góp vào sản xuất nhân tạo và thiên tạo ấy nhưng đổi nó ra thành “trăm cây ra lộc”, nó khiêm ái hơn và tránh được những ý nghĩ suy diễn. Thêm nữa khẩu hiệu “Trăm cây ra lộc” nó nói được nhiều hơn, nó bao dung hơn. Cũng như người, không có thứ cây nào tháp toán, được cả từ ngọn lá đầu cành, cuống hoa, tua rẽ. Cái lúc thịnh phát của một đời cây chưa hẳn đã là lúc trổ hoa. Cái vinh quang của cây là lúc đâm lộc. Mùa xuân này lộc, cây nào cũng đều có ưu điểm thiện tâm cả.

Trên kia tôi nói rằng Hà Nội đã là một rừng cây sáu mọc thành hàng dãy phố. Cây sáu trông hình thù xấu xí. Cũng như anh Trương Chi người xấu nhưng tiếng hát hay, cây sáu có nhiều đức tính. Hình thu cây sáu rất lắn với trăm ngàn cây khác, nhưng quả

sáu chín có một hương ngọt nó thơm một cách khiêm
tốn nhưng cũng tự kiêu ngâm; và ngay từ lúc nó còn
là một trái xanh non, đem ra làm tương giấm hoặc
tan ra trong nước rau muống lúc nắng mới, vị sáu có
một hương chua chua cầu kỳ gồm lên áy. Cây sáu ra
quả là một nguồn cảm xúc mạnh cho những trẻ em
nhà nghèo lúc lăm lét trèo lên cây hoặc cầm súng cao
su đứng dưới gốc. Cái lúc sáu rụng lá già cũng tỏ ra
là một thứ cây có tinh. Trong tiếng gió thổi trên thành
phố, vẫn thầm thì cái tiếng chào kín đáo của lá sáu
gai lên mặt đường nhựa; nó nhịp với tiếng nhát chổi
của người công nhân linh tinh chuyển bước chử định
trên đường phố vắng người. Đêm về sáng, người nạo
lòng đường sắt tàu điện có lẽ là người hiểu nhiều nỗi
riêng của cây sáu. Trong cuộc hội họp của màu xanh
muôn vẻ của cây Việt Nam, cây sáu như ngả sang
màu đen bền vững. Những khóm lá xanh già các áy
tự nguyện thành một cái nền chắc nịch làm bừng sáng
lên những chồi lộc các loại cây quanh mình. Cái gì
chắc chắn thường là chậm chạp, cho nên trong hội thi
đua múa xuân trăm cây ra lộc hết cả rồi, rồi ta mới
thấy cây sáu đứng đinh xoè lên nền nắng mới một vài
cái nõn nhỏ.

Cái lúc mà cây sáu biết nhường nhịn kia đã chịu
ra lộc thì cũng là lúc cuộc đời đã xuân tàn, luống cà
bát một xóm lao động ngoài bãi nghèo cũng đang trổ

những đóa hoa tim nhạt. Và từ đây, giữa đám lộc sáu đang chuyển nhanh sang màu xanh đen cố hưu rồi se ngân lên cái tiếng thở dài đầu tiên của con ve sầu hát ngao trong nắng non. Rồi đây rừng Việt Bắc trên kia đã thập thò những con suối bướm trắng; cây và dây rừng đang vươn thêm tay ra, và rừng se rồng lên những tiếng con thú động rừng. Đây đó các ngõ phố Hà Nội đã nhói lên cái tiếng con cò cộ của người bán rong đồ chơi trẻ con, một vài bà lại ngồi thân ra trong chốc lát nhìn các bóng cây giao mùa. Bờ ao ngoại thành, thoảng tiếng con cuốc, con tu hú.

Những cây gạo gốc hóm nào vừa ra hoa bừng thắm giờ Hà Nội, làm các bạn điện ảnh quốc tế quay phim màu phải luôn tấm tắc khen ngợi cái giống cây dễ tính, cắm xuống đất là mọc ngay, là ra gai vỏ, là ra hoa đỏ ngòn những cây gạo ấy hóm nay đã hết hoa và cũng đang ra lá non. Tôi băng khuân nhở đến một rặng cây gạo suốt trên đường Đồng Văn qua chợ Lương về đến đò Yên Lệnh Hưng Yên trong những năm tháng chiến Khu Ba chưa mít đất và chưa lưu vong vào khu Bốn. Cái lúc xuân điểm những đồng tiều nắng mới tung vãi dưới gốc cây ra lộc, hình như người ta hay nhở lung tung. Và hình như người Hà Nội bao giờ cũng phải thương nhớ một cái gì. Trước cách mạng ngồi nhớ cái lúc ông cha ngâm vịnh cai lúc chưa có Tây sang, những năm chiếm đóng ngồi nhớ cai bóng

mây chiều trên chiến khu; Hà Nội giải phóng rồi, lại nhớ đến Sài Gòn, Lục Tỉnh, Khu Năm, và Huế tim... Trồng lén cao ngọn nhiều lá lộc hồng hồng, lấm cái tía rực lén, chẳng khác một số thư năm nguyên trên đó vì Sở dây thép thằng Diệm chưa dám nhận chuyển vô Nam.

Suốt một quãng giữa tháng hai ta đến tháng ba âm lịch này, tôi có cái cảm tưởng giờ thù đô sáng hơn lên. Trăm thứ cây phố cứ luân phiên ra lá non. Hà Nội cứ như bật cả đèn phố giữa ban ngày, lấm hôm lộc cây vui mở như một ngày quốc khánh cảng đèn lồng phủ lượt, phủ sa, phủ the xanh cho đỡ chói. Cả một hàng dài long não phố Hàng Đẫy và cả một khu long não sân tòa án và khu Nghĩa trang cạnh Tòa án xanh nhẹ lung linh ròn ròn mơn mởn. Toàn thân long não, lộc tươi mát như kết toàn bằng lớp cánh trong chị cào cào và bọ ngựa đang chập chờn trên những cánh long não đen rạn. Mỗi tia nắng lạc vào đám này là không muốn đi nữa, không muốn tắt nữa. Tất cả những cái tơ và nòn ấy đã biến chuyển, đã đi xong rồi, thì anh bạn tôi mới đến rủ tôi đi xem long não khoe tươi. Tôi đã phàn nàn cho anh nhớ mất một dịp học tập những cái thực tế giữa giờ: "Hội long não tan rồi, anh mới tìm đến. Anh họp nhiều quá, lâu quá, cây đẹp không đợi được anh mai. Bây giờ thì lá long não cũng đang xanh chung chung như nhiều cây lá khác,

khó mà thấy cái bản chất của nó. Lộc cây chỉ đẹp trong một số ngày nhất định, có lúc nó đi nhanh hơn cái tiếng cười cuối cùng của một nàng góá. Mỗi loại cây, khác nhau nhất lúc nó ra lộc. Qua mắt cái lúc màu non có sự phân biệt áy, có bản chất trong màu xanh áy, tức là lá cây nào rồi cũng xanh tốt xanh um cá lên, xanh một cách hòa cả làng, chẳng hiểu đâu nào mà đổi xứ nữa. Thời anh về đợi mùa xuân long não năm sau, nếu anh vẫn còn thích học tập thẩm mỹ qua cuốn sách lớn của thiên nhiên". Để đến bù cho anh tôi đã đưa anh đến một trường học phố Quang Trung, nhiều trẻ em quàng khăn đỏ đang cười nhảy. Sân trường, nhiều gốc bàng chậm chạp còn ngậm lộc bên những gốc bàng khác hoàn thành mấy cái tán lá đầu. Anh bạn tự an ủi: "Nhờ mắt long nào vẫn còn lộc bàng". Lộc bàng đẹp như cây nến xanh nghển mình lên chờ có người thắp cho. Lá bàng cũng như lá mít, mình dày, nhưng lộc bàng non lọc ánh sáng rất kỹ, thân lá trong suốt như miếng kính quan lục và duyên dáng như một cái đĩa ngọc hình quả và. Tôi rất yêu bàng, mùa đông bàng rụng hết lá màu tôm rang, trên một cái sân sáng lên áy, bàng có một cái dáng khoẻ của một người thể tát đến những đòi hỏi của chung quanh. Hà Nội trong dịp rét nàng Bân đang chống gắt gao với bọn đầu cơ tích trữ vài vóc. Để ủng hộ cái đó, tôi thấy nhiều cây tôi không biết tên cũng đòi mặc

những cái áo mới, có cây mặc áo mớ ba, vẫn còn mang cả lá già cũ đen kịt như áo bông đụp và đồng thời cùng phô ra những màu lá non nguyệt bạch phấn hồng...

Hai đứa chúng tôi khoác tay nhau đi xem cây sáu ban đêm thay áo mới. Là sáu vàng cứ thế mà xuống như mưa, không thấy gió reo mà chỉ thấy lá rơi. Sáu trong vườn kia, lá sáu đậu đầy hai đôi vai một pho tượng xám. Lại gần, thấy một trong hai pho tượng trẻ tráng kia đang di di đầu chân về xuống cuối vườn hoa bên cạnh một pho tượng khác rung rung đôi vú nhọn.

Báo Tổ quốc, số 5, ngày 5-5-1957

PHỞ

Xứ Phân Lan rừng thông trùng trùng xanh ngát, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng nai nịt sáp biểu diễn điền kinh. Mình thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghĩ ngờ nơi đây là một ẩn tượng giả tạo.

Cánh va người Henxanhki, vì phòng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây 10 ngày, mỗi ngày họp trà tiền ăn mỗi người là 6 đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn 3 bữa, khẩu phần thừa thãi bỗ béo, nghi thức lúc ăn thật là trang trọng: đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng muốt, quanh bàn ăn chúc chúc lại cử nhạc, những chi đũa thức ăn đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liên lién ở Đại hội Hòa bình Thế giới, có thể nhịp đều, tâm trí có

nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thay ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hiền già có trí lớn chỉ biết có sự nghiệp và rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp của tôi và nó chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi và mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hà Nội cả.

Quanh hồ khu Ôtaniemi chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh, phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ thương một cái gì xa xôi lâm. Từ hôm xách va li ra tàu qua nước này rồi nước khác, thế là mấy tháng rồi, ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải Phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đam xoay vào chuyện ấm thực và muôn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay thẳng xuống nền cỏ bờ hồ Phần Lan, buông thõng một câu: "Bây giờ có ngay một gánh phở đồ bên hồ này, thi tờ đã luôn năm sáu bát". Tất cả đều reo lên. Thi ra gần đây chúng tôi héo hắt đi vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nha, nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê hương đưa ra lúc ấy

giải quyết đúng thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao đức tính của phở dân tộc. Dưới đây liên tiếp những mẩu chuyện nói về bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt Nam chân chính.

*
* *

- Nay, các cậu có thấy món ăn ở Phần Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không? Thịt bò rán lại phết mứt công-phi-tuya ngọt sắc lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Cơm lại ướp vào túi nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, xúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với món quà cổ điển rất tình chất dân tộc của ta, tức là phở.

*
* *

- Phở còn là một món ăn rất nhiều quân chủng tính. Ông muốn ăn phở ngồi hay là đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng tùy thích. Phở là món ăn bình dân, Công, Nông, Bình, Trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị, nông thôn,

không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân Việt Nam khi còn ấm ngừa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi, chỉ có khác người lớn là cái bát phở áu trĩ chưa biết đau khổ ấy, chưa cần phức tạp, không cần hành háng, chanh chua, ớt cay. Còn nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà căn bản bát phởнибудь vẫn là bánh và nước dùng thôi.

*

* * *

- Phở ăn vào bất cứ giờ nào cũng đều thấy trôi được. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào ăn cũng được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cũng thường thức với bạn bè, hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành thạo với bạn bè, nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tai tình ở chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có ý nghĩa thâm thuý. Mùa nắng ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giờ quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đói mồi tái nhợt thấm tươi lại. Trong một ngày đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thèm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong,

tự coi như vừa nuốt được cả một cái chǎn bόng, và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai di làm khoέ. Dung những hình ảnh bình dị nói lên mùa đông ở Việt Nam tôi cho không gì nên thơ bằng hình ảnh một bếp lửa hàng phở bén ô tó nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nháy như trẻ em đang thú đói. Tết nhà ai cũng bánh chung, cá kho, thịt đông, nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mồng hai Tết.

*

* * *

- Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia, tôi cứ tưởng chữ “*Xuong xǎu*” là một tiếng đôi, và chữ “xǎu” chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ: “xǎu” khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và xương róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phụ xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với bát “xǎu”. Tôi lại còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt giắt mỡ quý giá nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, giòn và mềm ấy gọi là một cánh gầu, và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tươi con nháy

lên dưới lán dao, mà gọi là một quả thân. Trong tiểu thuyết Việt Nam trước đây, nhớ như người ta có viết cái truyện: *Anh hàng phở lấy vợ có đầu*. Tôi còn được nghe một cô điếm ngày xưa vi von than đời tàn: “Đời hồi này như bát phở bánh chưng, mỡ người đóng vàng”. Phở người tanh thật là buồn hơn cả cái sự đời có gái thập thành bị ma cô lửa bò. Chữ nghĩa của ta hay thật! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ “ngưu nhục phán”, và ta đã Việt Nam hóa chữ phán thành chữ phở. Chữ phở, nguyên là một danh từ, còn chuyển thành một hình dung từ; cái mủ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật.

*

* * *

- Đố biết thê nào là *mủ phở*. Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân chính ngày xưa thì mới tâm nguyên ra được. Những người bán phở gánh xưa kia có người đồ ở đầu phố này hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tit trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một “giang sơn nào anh hùng ày”, người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cá thói quen và sở thích của người ăn trong phố. Những anh hàng phở “hùng cứ một phương” này lại còn thuộc cá nhân số từng hộ và ngày giỗ tết trong từng gia đình

khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vải vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông binh khổ đeo thải ra, trên đầu là cái mũ cát mít cả nút chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dẹp mèo đā mít cả băng hoặc rách cả bo. Những cái mũ này đặt lên đầu người nào cũng không chỉnh, mà hình như chỉ đặt lên những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chí ít cũng là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa là băng sắt tay sơn màu, ở phố hàng Thiếc có ghi lại cái dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển càng cử động cái cánh tay cầm dao nhác lên thái xuống.

*

* * *

- Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên đúng cơm người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh, tên hiệu, ví dụ phở

Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường Ca, phở Tư... Có khi một cái tát nguyễn trên thân thể được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu: phở Gù, phở Lắp, phở Sứt... Cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà Nội có nhiều sáng kiến đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hay đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu một anh phở thời Tây xưa đã thành cái tên một người làm phở trứ danh của thủ đô sau này. Có lẽ gắn với quần chúng trung lưu và người nghèo nên cũng như “ông chủ” hiệu hớt tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn Thất Khoa gì gì hoặc phở Trần Thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng độc, àm ngắn cộc, càng đáng cho người mua tin cậy, cái tên một chữ như một nhát dao thái xuống thịt chín. Vả lại, ở những biển hàng hiệu phở dù là giữa đất Hà Nội văn hoa mỹ tự cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kể những chữ huênh

hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại để tên một cách quá trầm bồng du dương cả. Vì phở có ai mở phở mà nói máu hay chữ đê lên biển thì tôi cũng không bao giờ chọn hiệu phở có cái tên như : "Thu Phong", "Bạch Tuyết", "Nhất Chi Mai" mà vào ăn. Trong nghề phở nó cũng có những cái nè nép của nó.

- Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nấu ngon hơn thịt bò, nhưng đã là phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức người ta đã làm phở vịt, phở xá xiu, phở chuột? Cứ cái đã tìm tòi ấy thì rồi sẽ có những hàng phở óc, phở ếch, phở dê, phở chó, phở khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, tắc kè... Nghĩa là loạn, phở nỗi loạn. Có nhẽ ngày ấy thiên hạ đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó. Trong năm đổi 1945, ở đây nỗi nước phở của thời đại, ở Hải Phòng và Hà Nội đã có những thùng phở có cả những bàn tay trẻ con, nhưng đó lại là chuyện khác.

*

* * *

- Lại còn phở ngầu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích léng phéng mới

án. Tên thứ thịt phở này còn gợi lại một thú roi của bọn Tày độc ác hay đánh cu ly đến thối thịt tim xương.

- Lại còn phở gà. Muốn đổi cái hương vị chính cổng của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà Nội mà những người thủ đô không bằng lòng chút nào, y bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gạt đi không hết còn người bán hàng khinh khỉnh như một tay quý tộc đó, cũng khéo chọn góc phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng! Nói của đáng tội gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có những bạn lưu dung khen ông hàng nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, và khen tay ông hàng lách vào con gà béo vàng như tay một bác sĩ khoa mổ gà, cái căng giò gà già, cái cổ, xương mỏ ác, ông thản nhiên vứt nó xuống một cái thùng, không phải để vứt đi, nhưng chắc là đã có những bợm rượu khu phở ăn giá săn từ trước rồi để ch襌 nữa đem ra nhám nháp. Thực ra khi có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo để. Người ăn mề gan, người ăn đùi, người ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mờ, ăn phao câu, ăn đâu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo

cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo cái nghĩa nhục nhãn túi bụi. Ở vỉa hè đường ấy cứ nháo nhác cà lên quanh một ông hàng mặt phớt tinh như đế quốc Ang Lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lấy bát. Có người đã giắt sắn từ nhà đi một cù hành tây, có người quả trứng gà, đập trứng bỏ hành tây vào cai bát của mình đã đu sắn và đánh dấu vào bát, dúi dúi bát vào trước mặt ông hàng, cười cười, nháu nháu, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sơ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình. Hồi còn mồ ma ông tư sản dân tộc Bạch Thái Bưởi chạy tàu thủy trên các sông dọc Bắc Kỳ, tàu thủy mắc cạn, người bắt bí bắt chẹt hành khách cũng chưa bao giờ sung sướng và hách đến như thế. Bên cạnh tiếng thái, tiếng chặt của gánh phở gà, chốc chốc có tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đáy ăn quà sờm, khói phở phảng phát giây lát mùi ét xang, có người vừa húp vừa kể cái thời oanh liệt của cửa hàng này, hồi còn đế quốc và bù nhìn, ô tô cứ nối đít xuống đây ma điểm tâm, nhiều bà Hà Nội từ chiêng cầm vào bát phở gà mươi ngón tay lồng lánh nhǎn vàng tâm, vàng trăng, cà ra kim cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do như phở Giời, phở Đất, phở Công (tên vẫn một tiếng thôi) - nhưng vẫn có những bát phở chưa

được đúng cách thức lầm mà ăn vào vẫn thấy cảm động. Ví dụ phở ăn ở căn cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh trung ương chung nhau giết bò để bồi dưỡng theo kế hoạch hàng tháng. Có những đồng chí cấp dưỡng rất yêu thương anh em, nhất định tổ chức phở. Thịt săn xương săn, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những cháu phở ngày chủ nhật bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đê phong phú cho báo liếp. Ăn phở trên rừng càng thấy cồn cào nhớ miền xuôi. Ở các đơn vị tĩnh tại, chiến sĩ thỉnh thoảng cũng nấu phở ăn. Vui nhất là ở một trung đoàn gì đó có nhiều chiến sĩ người Hà Nội, trung đoàn ấy về đánh dưới xuôi, đánh cái trận vận động chiến ở Ha Băng. Nhân dân đi sát bộ đội, có hàng phở gánh của dân chúng bán ngay tại tuyến lửa, gánh phở cứ quân lấy hâu quân của đơn vị đang lập công, anh chiến sĩ cầm bát phở đang bốc khói và cạnh anh là những nòng súng cũng chưa đi hết khói.

*

* * *

- Hình như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, những còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề phở cải lương ở Hà Nội văn vật. Đầu năm

1928, ở Phố Mới, cái phố trước đây mang tên thực dân Đô Phố Nghĩa, có một hàng phở cho cà húng lùi, dầu vừng, đậu phụ. Nhưng những cái lối tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quán chúng phở không sa đọa như người chè tạo. Quán chúng vẫn đòi hỏi những cái cổ hữu của phở. Ngày nay cũng có người cho cà tương tau lạp-chíu-chường vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nha hàng cũng chiêu trong phạm vi có thể của chủ phở. Nhiều người bảo rằng nên ăn phở tái thi bổ hơn phở thịt chin. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bổ thi cũng có thể uống Pang-tó-cơ-rin của Liên Xô hoặc làm tě thuốc bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chin. Thịt chin thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chin mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhận thức tạo hình, người thám mý bao giờ cũng thấy miếng thịt chin đẹp hơn miếng thịt tái. Thương những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chin, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là đem rác vào bát, có thể việc ấy không hề gì với khách hàng cần ăn no nỗi. Nhưng vẫn trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phản biệt đối xử và không san bằng các thứ khách; đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết bì danh nhưng

ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà buoc vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nem giòn nem giắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bàn, với cái sung sướng bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất hoạt thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp trong hiệu chim quay trong hồi Hà Nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về các khoa thái: "chất thịt loài có cánh đã khó mà thái vào miếng thịt không xương còn khó hơn. Tôi dậy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái được bánh thôi".

*

* * *

- Trong số những thác mắc của một số ông Hà Nội trí thức dờ người, người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì mất hết phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bò cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đục ra mà ăn, và như thế thì nó chưng hết bánh lên.

Cùng ngay trong hiêu phở, có người đã đập ngay lại. "Thôi đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo giờ sập ấy đi. Hiện nay phở đang phát triển mạnh ở thủ đô Hà Nội, lớn nhỏ, gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt Nam còn thì còn bát phở, bát phở trong tương lai vẫn nóng sốt như bây giờ và còn có thể thơm béo hơn nữa. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp kiểu Mỹ đâu, người công dân Hà Nội này xin trả lời ông một nghìn lần, không, không, không thể có sự thô bạo ấy".

*

*

*

- Cái thế giới Hà Nội trước đây hình như cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thày ký sờ buôn, chủ hiệu nhỏ, những người lao động vận tải, những người lao động tự do... Có những linh lè dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đó ra trong mũ có cái quần linh vừa cướp ở nhà chưa ra; người khách hàng lính đánh thuê đó đã vắt quần lính đó xuống quầy hàng thay một thứ tiền rồi ù té chạy... Có những tay giàu su nhưng tinh nết hắp lịm, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà có cử gọi là án cơm Tây binh dân. Có

những người đàn bà trái duyên trộn cơm nguội vào bát phở nóng mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thê lương thế nào ấy. Có những người sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đường, chạy hàng xách chợ đèn, dù các thứ, lúc tinh tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả: "Việc này mà trôi cháy ông anh bà chị cứ cho em một trăm cái bát tái năm", vân vân..."

Hương vị phở vẫn như xa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều. Ngày trước anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bành dầy giờ đêm đông tội lỗi trong ngõ khuất, có người rao nghe vui rền. Tại sao bây giờ Hà Nội vẫn có phở mà tiếng rao lại vắng hẳn đi? Có những lúc, tôi muốn thu thanh vào đĩa tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong của tất cả những thứ quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê hương chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đây.

*

* * *

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hanoi kí túc nhớ đến một bát phở quê

hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam châu Á, chúng tôi đã phát hiện được những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là cơ sở vững chắc để dựng lên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà Nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩa một anh bạn nó đã thành một ám ảnh: “mình khen phở mình là một món ăn ngon lành, nhưng trước khi khẳng định giá trị dân tộc của phở có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè quốc tế của ta không?”

Bạn Liên Xô, bạn Ba Lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có những cảm xúc gì về món phở Việt Nam? Họ đã có dịp nếm phở chưa? Bài dân ca của mình họ nghe rồi, đặt nước mình các bạn thấy rồi. Nhưng còn phải cho bạn “thấy” phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt Nam chân chính và bình dị. Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng của Hà Nội tôi đã nghe được mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trường phở thông cấp 3 gần đây: “Phở hiệu này ăn mê quá. Thế đó chị biết Hồ Chủ Tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không?” “Làm thế nào mà biết được. Nay, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chù hàng thật là sung sướng đến vô bờ đáy chị nhỉ!” Hai

cô rút túi lấy gương con chiếu lẩn vào hàm răng nhau xem có vương tí hành, tí rau mùi nào không rồi cười riu rit như chim đòn nhảy quanh bàn phở. Mẩu chuyện của hai cô học trò nhò giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái quan trọng hơn cả phở nữa. Ít lâu nay chúng ta hay nói đến thực tế Việt Nam, đến vấn đề thực tiễn Việt Nam, đến những đặc tính của Việt Nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế mà ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở áy, lồng vào trong những thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lồng lánh có cả một câu chuyện của vầng thái dương! Trong một miếng ăn cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao là giàu có tươi đẹp. Tôi thấy Tổ quốc ta có núi cao vời vợi điệp điệp, có sông dài dang dặc, có biển bờ thăm thẳm, có con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện Biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năm chiến tranh giải phóng, kè thù bay trên bát phở, có những bát phở húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nhảy xuống lỗ hầm, có những bát phở bị bom, bánh chưng lén mà người ăn không thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cai hồi tôi về công tác ở

vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đè miết láy vùng căn cứ du kích, những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt vành đai trăng và xuyên qua vị trí địch, ăn có một hương vị thật lạ đặc biệt; sau ngày nó tổng càn, nó đốt hết các quán trên đè, không biết người bán phở đêm đó có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng Vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy, đồng chí gánh rất nhiều nồi niêu, ga men và thực phẩm công kenne, các chiến sĩ đều gọi là “ông hàng phở của tiểu đoàn”. Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mờ hiệu phở, nay hòa bình rồi đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ ngồi an tâm ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày, bất giác cảm nhớ ơn nhiều người. Rồi mỗi cảm xúc phở vụt chốc bay ra xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sàu khu tự trị Thái Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hóa đang cuí xuống ngón cỏ non trên đất nước. Gạo mẩy vụ liên lại được mùa, bột bánh mịn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà Nội mờ rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phưng phức cái hương vị thổ ngời.

Đêm Hà Nội, hay thức khuya nhất vẫn là hiệu phở. Xưa kia là phở ông Trường Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình hàng Bạc - cái nơi tập trung nhân dân Hà Nội nám đầu kháng chiến để rút ra khỏi vòng vây địch. Đình cũ không còn ông Trường Ca nữa, nhưng nay đã có ông phở Sửa Sai thay ông mà thức khuya. Người Hà Nội đặt tên đến là hay.

Trước đây ông nấu bếp hiệu cao lầu Tầu, rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhẩm ông, ông phải về quê giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sửa sai, lại trở về thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở "Sửa Sai" càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hồn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp thành bình bô xây dựng vừa xong.

Chuyện góp về phở tới mức độ nao đó là y như tôi lại thấy nhớ một chị bạn rất thân, ngày chưa có cách mạng vẫn hay rủ nhau đi ăn phở đêm và nói những chuyện trên trời dưới nước. Cũng như vô khói người khá, chỉ đã bỏ đi Nam vì một vai vắn đề sĩ diện gì đó. Giờ đây mỗi lần phát hiện thêm được một hiệu

phở ngon sạch là tôi không thể không nghĩ đến cái chị bạn thích ăn ớt cay xé lưỡi? Ớt tươi, ớt khô, ớt bột ngoài này hiện đang thơm cay, mỗi lần ăn bát phở cay và đậm, đôi môi tôi bỗng cháy lên càng láy làm thương nhớ vô cùng chị bạn đi Nam. Chỉ mong chóng quan hệ bình thường, tôi rủ chị bạn xưa và các bạn của chị về đây dấu cho chỉ một ngày, để thăm lại phố phường và bạn bè cũ. Và cái món ăn Hà Nội đầu tiên tôi thết chị, vẫn là cai món phở ngày xưa chúng ta vẫn ăn đủ cả rau mùi hành hoa đủ chua cay và sôi sùng sục. Tôi biết ở Nam Bộ vẫn có phở, phở hủ tíu, nhưng bát phở Bắc ăn ở đâu hè di cư không bao giờ có thể ngon được bằng bát phở cổ truyền Ha Nội ăn ngay bên lò than quả bằng đỉ lửa giữa ngàn năm văn vật này.

1957

**TRUYỆN
MỘT CÁI THUYỀN ĐẤT^{*}**

* Nhà xuất bản Kim Đồng - 1958

Bến làng Bát Tràng, ngày nào cũng có thuyền về, ngày nào cũng có bè về. Có thể nói rằng đây là một cái bến vui nhất trong tất cả những làng có chợ có bến tấp nập nhất ở miền Bắc. Nhưng mà không hiểu tại sao gần nửa tháng nay không thấy có thuyền đón về, mà chỉ thấy có thuyền cau, thuyền nước mắm và bè cùi mạn ngược về đậu bến thôi. Những chủ lò bát làng Bát Tràng mong chờ đón ở Đông Triều, mong chờ những người thợ đầu đất tỉnh Đông⁽¹⁾ đưa đất về để lấy cái mà làm hàng. Hồi này các lò bát đều bán được.

Cô Sao không phải là chủ lò bát, cô chỉ là một người thợ vẽ hoa lên bát đĩa của chủ lò, nhưng cô cũng bồn chồn mong tin thuyền đón về ăn bến làng Bát Tràng. Cả một buổi, cô Sao vẫn vơ ở sân đình, ở thềm đình, ở cổng đình. Cổng đình làng Bát Tràng dòm thẳng ngay xuống bến. Dưới áy, các lái mạn ngược đang cho dỡ cùi. Những cái bè tre vẩu nứa

(1) Tỉnh Hải Dương.

nặng trĩu cùi tạ, cùi cạnh, cùi cả cây cà gốc, chìm ngập xuống khói mặt nước sông Cái. Ông cụ Một đi lên đi xuống nói một câu hai câu với lái bè đang bốc cùi. Có lúc cụ Một lại lầu bầu nói một mình: "Đất hết rồi, người ta mong thì không thấy về. Chỉ về toàn cùi. Không có đất để nặn ra bát đĩa thì còn lâu mới đốt lò". Cụ Một vẫn kéo dài câu nói một mình khi tạt qua sân đình làng: "Hết đất, đất không về. Còn khói cùi, thì cùi cứ tuôn về như cùi rêu mùa nước lũ. Ấy nay mai thuyền đất về, thợ vuốt đất tối mắt tối mũi luôn tay làm, thì rồi lại hết cùi. Lại chờ cùi. Cứ được cái này lại thiếu cái khác: Cố được người này, lại vắng mất người khác. Cô Sao ngồi nhìn mây nhìn nước, nhìn theo cụ Một tạt qua sân đình. Chợt thấy cô Sao, cụ Một liền nói thêm cho rõ: "Tôi đang có chuyện không được vui trong lòng. Ấy là tôi đang nói bàng quơ thế thôi. Chứ không phải là tôi nói cạnh hoặc chế giễu gì cô đâu. Đây, rồi cô cứ ngâm mà xem. Mai mốt đây mà thuận buồm thuận bến, anh Tạ mà làm rể làng ta, cô mà lấy anh Tạ thì tôi là người trước tiên ở làng Bát Tràng này sẽ nấu một mẻ rượu ngon, bán đi ít chai dưới chợ huyện Văn Giang, còn là giữ lại một hũ để uống mừng cho có đây... À, mà lâu nay, không thấy anh Tạ chuyển đất Đông Triều sang ta nhỉ! Tôi vẫn nhớ cái dáng thuyền anh Tạ. Cả cái kiều buồm giống cái cánh con dơi của thuyền anh ấy. Cả

cái cách cái dáng anh ấy đội thúng đất từ dưới bến
đội lên trông cứ nhẹ nhõm như cái bắc gì người làng
Ước Lè hay đến bán bánh giò chả ở làng ta... "Cụ Một
mà gấp cái cơn nói thì còn nói nhiều nói dài, hình như
phải nói hết để cho nó hả dạ. Ấy, cứ mặc cho cụ nói,
cứ mặc cho cụ nói một mình như thế, thì cụ còn nói
mãi. Nhưng cô Sao đã nói chen vào: "Hôm nay mà
dựng lồng⁽¹⁾ cùi, cháu sẽ tung cùi lên cho cụ đứng ở
trên mà bắt nhé!".

Cụ Một không trả lời ngay, cũng không tỏ ra mình
có bằng lòng để cho cô Sao giúp mình hay không. Cụ
ngồi bệt xuống cấp đá dưới mái đình, lặng lẽ nhìn xa
ra cả một vùng giời nước. Cụ lại bắt đầu nói một
mình, xem ra vẻ như là quên mất cô Sao ngồi ở trước
mặt. Cụ lâm như là đang nói tiếp một câu chuyện gì
với năm ba cụ nào đó: "Này, có ngắm kỹ mới thấy
làng Bát Tràng ta có một cái thế rất đẹp. Trên bến
dưới thuyền. Làng có phố. Ngõ con cũng lát gạch, hòn
nào cũng rắn như sành, tha hồ mà mưa nắng. Làng ta
giống giọt cây hai cũng ít thôi, không bằng bà con
khắp nơi xa gần Bắc Ninh, Hưng Yên. Làng ta làm ít
ruộng, nhưng ruộng đất khắp nơi mà được mùa thì
bao giờ làng ta cũng đều có phần nhở. Mùa màng

(1) Giống như một cái giàn, trên giàn, những thanh cùi cứ xếp
lên cao dần thành hình một ngọn tháp, một cái chòi.

thiên hạ có tốt, có được nhiêu thì bát đĩa ám chén
làng ta mới bán được. Ấy, bà con khắp nơi mà mưa
thuận gió hòa, thì lò bát làng ta đua nhau mà tuôn
khói. Rồi bát đĩa làng ta mới quẩn đầy rơm mà ganh
đi khắp các lều chợ các miền quê. Thỉnh thoảng cò dip
sang sông mua sắm bên Hà Nội, lúc trở về chờ đò
ngang đứng ở bên Thanh Trì mà trông sang Bát
Tràng sao mà đẹp thế. Thôn quê mà cứ trông như phố
phường trên tinh. Mặt giờ chiếu xuống, rồi lại ánh
nắng dưới mặt sông Cái hắt lên, nhà cửa ngõ phố, mái
nhà nóc lò hiện lên trông thật là sướng mắt. Lồng cui
trông xa xa như những chòi canh. Nói một cách khi
vô phép chứ cứ có đủ cờ đò mà cắm tua túa lên các
giàn cui thì khác gì một cái phố cây gạo cổ thụ ra hoa
sau Tết. Tôi chỉ là một người xếp lồng cui ở làng này
thôi, cũng chả có của chüm của nỗi gì, của ăn của để
giờ ở xóm này xóm khác. Nhưng nói dại mồm dại
miệng, giá lúc trãm tuối về già phải nằm xuống mà
chết ở một nơi nào khác, tôi tin rằng lúc ấy tôi sẽ nhớ
và mến tiếc làng Bát Tràng vô cùng... Làng ta đẹp
thật. Cứ ngồi ngay chỗ cổng đình nó vọng ra sông này
mà trông ra núi non trước mặt thì biết nó đẹp hay
không đẹp. Tôi cũng chả hiểu địa lý gì cả, nhưng các
cụ ta thường khen núi Tân Viên và núi Tam Đảo là
đẹp. Thị ngồi ở làng đều thấy được cả hai dãy núi ấy
trước mặt mình. Trừ khi mây mù thấp giùi thi thôi,

chứ náng hừng lên là thấy cả hai dãy. Có cụ gì làng trên hay nói chữ bảo rằng mở cửa nhà mình ra mà thấy núi hiện ra là nên vui đi. Tôi làm ăn loanh quanh đây, chưa đi đến vùng Tân Viên, Tam Đảo, nhưng cứ đứng trên những chòi cùi làng ta mà nhìn núi thấy nó cũng ngây ngất như có ai cho nhấm nháp chén rượu ngon vậy...".

Cô Sao lại nói chen vào, nhưng lần này giọng cô Sao không uể oải như ban nãy, mà lại có vẻ hóm hỉnh nữa kia. Có lẽ cái vui của cụ Một say nói đã thăm sang người khác. Cô Sao cười cười nhắc lại: "Chốc nữa dựng lồng cùi, cụ cho cháu tung cùi lên với nhá!". Cụ Một phá lên cười:

- Cô có biết tung cùi bao giờ. Có họa là cô tung vào chân tôi hoặc ném vào người tôi thì có. Để cho cô tung nhỡ ra đổ cà cùi xuống, nó bắn vào mặt vào mũi người đứng dưới thì chết áy chứ không phải chuyện chơi đâu.

- Cụ cứ cho cháu tung thử. Cháu đã tung gạch ba viên một lần cho ông phó ngõa phó nề rồi mà. Độ này lò hết đất làm hàng cháu cũng chả phải làm gì cả. Cháu ra tung cùi cho cụ một buổi, cho nó đỡ buồn tay.

Thôi thì chẳng bằng lòng mà cụ Một cũng cứ phải bằng lòng vậy. Cô Sao đã van xin đến như thế mà không để cho cô áy làm cho đỡ buồn chân buồn tay

một buổi thi cũng không đánh lông thật đây. Chính cụ Một la người có hiểu biết đến câu chuyện yêu thương tốt lành giữa cô Sao và cái anh Tạ vẫn có thuyền đất đò bến Bát Trưng. Dao này cô Sao ngày nào cũng ra bến ngóng thuyền đất. Còn ai mà không biết cô Sao đi ngóng anh Tạ. Cái thuyền có lá buồm cánh dơi ấy vào bến mà ít đất hoặc chặng chờ sang hòn đất nào cả có lẽ đây là việc vui buồn chính của những chủ lò bát. Cô Sao chỉ mong người chứ không phải là mong đất đua sang.

Kia, kia, có một cái thuyền đang hạ buồm cánh dơi xuống dân để lái vào bến làng. Cô Sao đứng dây, bàn tay xoè ra nâng lên ngang trán, nhíu đôi lông mày mà chớp đôi mắt. Trọng ra như là thuyền anh Tạ. Cô đi nhanh xuống bến. Một lúc thấy cô trở lên, thẩn thờ, mệt nhọc. Cụ Một đã biết cô Sao đoán nhầm thuyền anh Tạ từ lúc thuyền đãng ngoài xa, từ lúc thuyền chưa cập bến. Cụ vươn vai đứng dậy, ôn tồn bảo cô Sao: "Nào, ta đi dựng chờ cui". Xem ra ông cụ cảm thông nhiều với nỗi nhớ của cô Sao và muốn cho cô được khuây khỏa đi phần nào. Tự nhiên, cụ Một bỗng thấy nhớ đứa con gái mình. Cụ chỉ được có mỗi một mình nó. Giá nó vẫn còn sống, thì nay cũng chỉ bằng trạc tuổi cô Sao này đây.

Đúng như lời cụ Một để phong trước, cô Sao tung cùi không giống như mọi người vẫn tung cùi. Lúc cô

tung cao, lúc cõ tung thấp, lúc lại tung bổng lên. Cụ Một lúc phải cúi xuống, lúc phải ngừa người ra sau mà bắt cui, thật là tốn sức. Mấy lần cui suýt quật cà vào chân. Ông cụ đứng trên cái giàn cui đã lên cao dần, có lúc đã định bảo cô Sao nghỉ tay đưa cui cho mấy người họ vẫn quen tay làm. Nhưng ông cụ nghĩ cũng thấy muốn chiều “con bé”, tha thứ cho cái tuổi trẻ nó có những lúc đênh trí hay vẩn vương cái này cái khác. Thế rồi cũng dựng xong một lồng cui. Cô Sao vuốt mái tóc có mồ hôi, chào cụ Một, rẽ vào phố xóm.

Những cái lồng ngô dài, dưới chân cũng gạch, hai bên cũng gạch cao đến mấy tay cầm, trước mắt cũng lai gạch chẵn ngang. Toàn là gạch nung già, toàn là những hòn sành. Lại còn thêm những hòn nống⁽¹⁾ kê các chân lò trải qua nhiều phen thử lửa lò, thân gạch đã bóng lên vệt lửa táp, còn cộm lên những vệt men bát đĩa dính vào. Cô Sao nhớ đâu có một buổi sáng giăng, hai người cùng đi trong cái ngò sành này, Tạ tỏ ý lo xa: “làng cô Sao nhiều gạch quá. Mà lại toàn gạch già lửa. Tục lệ cưới xin ở đây, chắc nộp cheo làng, các cụ không cần đến món gạch đấy nhỉ!”. Lần ấy, Sao cũng vui đùa mà trả lời: “Chả nộp cheo gạch, thì nộp cheo một thuyền đất sao!”. Trông cái ngô gạch thích thật. Nhưng cũng có những lúc không tiện lắm.

(1) Một thứ gạch hình cái vại con đựng nước

Lắm hôm hai người đã bước những bước nhẹ trong bóng tối, mà lòng ngõ ván dội vang lên, rồi hoặc chó sủa lên, hoặc trong các nhà lại có những tiếng vu vơ hòi chó ra. Có hôm hai người hẹn tìm nhau, mỗi người ngơ ngác ở mỗi đầu lòng ngõ, bỗng nhận nhau ra ở xa liền đưa tay lên miệng làm loa mà gọi nhau. Gọi sẽ, thế mà tiếng gọi cũng cứ vang được lên. Chị em làm cùng lò, hôm sau gặp Sao lại khóc khích: “Cái ngõ làng ta trông kín lắm mà lại hóa ra thóc mách góm. Ai đi đêm mà hụt một bước, ai thở dài một cái nơi lòng ngõ là trong mọi nhà đều nghe rõ cả”.

Cô Sao đi men qua một dây tường cao. Nhưng vách tường chô này đều xây bằng gạch già lùa, mặt trước gạch, mặt sau gạch, nhưng mà lại hỏng ở giữa. Lòng tường chia thành ra từng ngăn như ngăn tủ hàng và có những cái ngăn lại không bịt kín mặt trước hoặc mặt sau. Có cái gì mà muốn đem cất kín mà đem giấu ở đây thật là tốt. Hẹn nhau mà cho nhau cái gì, dùng những cái ngăn ấy cũng rất tốt vì cũng chỉ ít người chú ý dòm ngó đến. Tạ và cô Sao đã chọn một cái ngăn tường gạch ấy để mỗi lúc muốn nhắn nhau cái gì, hai người thường cứ để kín vào ngăn tường gạch đó. Đôi gái trai hiền lành này có một cách tin đồn lại với nhau thật là giản dị. Mỗi lần nhắn nhau hẹn nhau hoặc thông tin cho nhau, họ không viết thành dòng chữ lên giấy, mà họ lấy đất nặn ra những hình

tương này hình tượng nọ. Họ nặn ngay bằng cái thứ đất ĐÔng Triều mà thuyền vẫn tài sang cho lò bát làm hàng. Họ nặn cái gốc đa, cái cổng đình, cái mái hàng nước, cái nóc chợ, cái thành giếng v.v.. Có khi định hẹn nhau ở bên làng thì họ nặn một cái thuyền; định hẹn nhau ở chùa làng họ nặn một cái đầu ông But; định hẹn nhau ở gốc táo, họ nặn một cái quả bé bé. Cái cách họ trao đổi hẹn hò với nhau, thật là phong phú, thật là mộc mạc đơn sơ. Và họ còn nặn ra nhiều thứ con giống bằng đất, đồ vật mới xem qua thì tưởng như là một đồ chơi gì đó. Chỉ có họ mới nghĩ được ra như thế. Mỗi vật nặn ra bằng đất kia là một mong đợi. Sự quấn quýt hồi hộp của đôi gái trai đã khơi nguồn cho trí tưởng tượng. Và sự yêu thương cũng giúp cho họ đoán được ra tất cả những cái mà họ định nói vẫn tắt bằng những vật nặn ra kia.

Cho đến nay, cũng khó mà đoán được xem giữa đôi bạn ấy, ai đã nặn ra hình đất nhiều hơn ai. Cũng như anh Tạ, cô Sao chính tay mình đã nhiều lần đặt vào ngăn tường gạch hổng ruột kia không rõ là bao nhiêu cái nhà đất, con cốn, cái thuyền, con chim bồ câu, cái gốc bàng, cái thành giếng xây... Cái ngăn kéo gạch đựng đồ chơi dùng để đưa tin bằng đất nặn có lúc đầy ứn lên. Họ gặp nhau bên tường gạch, giữa những câu mong ước vào tương lai, thuận tay hai người bóp vụn ra những vật đất nặn, bột đất của nhiều lần như thế

đã thành một đồng cồn cao gồ lên. Ta và cô Sao giữ rất kín, cả làng không ai biết, ngoài cái ông cụ Một vẫn chuyên cùi và dựng những lồng cùi cho các lò bát. Có lẽ vì ban đêm hay đi câu, ông cụ bắt gặp hai người mà biết chẳng. Cụ Một vui tính với cả làng, lúc nào cũng chỉ mong điều hay, điều tốt cho mọi người nghèo khó. Một đêm giang chờ cá cần câu, cụ Một cũng lấy một hòn đất thô bờ ao nặn một hình bầu rượu đặt vào trong cùng cái ngăn gạch bí mật của đôi trai gái, bên cạnh cái quả bầu đất, cụ còn gài thêm một mảnh vỏ cùi khô. Hình như có một lần nào đó, cô Sao ngờ có kẻ định phá và đem pha cái việc mình định xay dựng với Ta, cô đã thoáng nghĩ rằng cụ Một này sẽ là người ra tay giúp đỡ cho mình vượt được nhiều nỗi khốn đây.

*

* * *

Thuyền đất mấy hôm nay ngày nào cũng có một hai chiếc cặp bến làng. Đất Hải Dương càng chở về nhiều, làng Bát Tràng càng thêm vui. Ban tối ban đêm ban ngày đều vui cả. Ngoài bến vui, trong sân trong nhà các lò đều nhộn nhịp. Ban đêm, lửa lò bát sáng lên vườn xoan, vườn cau, vườn chuối, hắt sáng lên những cái lồng cùi cao leu leu vượt cả nhà gác hai tầng. Các lò bát, lò này tắt lửa chờ lò người dê đỡ

hàng, thì lò khác đã nồi lửa, ngày đêm cà làng không lúc nào ngọt khói, ngọt lửa lò. Những hiệp thợ luôn tay bên những chiếc bàn quay xoáy tít thò lò. Hình khói đất ướt nhuyễn được đặt lên bàn mà xoay tít. Dưới lòng tay ngón tay người thợ khéo dang vuốt đất dẻo queo, hình đất lúc nhô lên lúc dẹp xuống, lúc thắt cổ bồng lúc phình ra, trông cứ bóng bóng loáng nhoáng. Chỗ này xay gio, chỗ kia giã gio, tiếng chày giã gio làm men nghe âm âm nặng nặng vui tai. Chỗc chốc lại hiện vào lòng ngõ gạch, lại hiện vào công gạch, lại hiện vào sân nhà lò một vài cái bóng quen thuộc của người bán hàng quà. Lúc thì anh bánh giò, lúc thì cô hàng bún chả bún ốc bông. Chả là hối này thợ đàn ông thợ đàn bà đều có việc, làm luôn tay luôn chân, ai cũng ăn thêm ít quà để càng được làm đều tay vui tay hơn nữa. Ấy cứ tắt lò hết đất làm hàng là những hàng quà rong ít đến, chứ đã nồi chày giã men sứ lên, đã nồi cùi nồi lửa lên, là họ rủ nhau đến mà bán mà chào, hết hàng này đến hàng khác. Mà thứ quà nào cũng đều rẻ cũng đều ngon đều sạch cả.

Lò bát mà cô Sao làm thợ về thuê ăn công nhật là một lò bát thuộc loại khá to. Lò có đến mươi cái bầu⁽¹⁾, trong lòng đựng hàng nung, có chỗ đứng thẳng người lên chuyển hàng quét nền lò mà không dụng đầu. Thợ

(1) Một lò to có nhiều bầu con liên tiếp nhau từng gian nhỏ. hình khum khum. cửa lò nhỏ, trông như một cái tổ ong.

làm ở đây cũng đông. Riêng cái món vè, cũng đến
dăm bảy người. Lò khác, thường chỉ có một hai người
ngồi từ sớm đến tối luôn tay điểm hoa lá lên cốt bát
đĩa chưa nhúng men. Đặc biệt nhất ở lò này, là vè
hoa toàn là con gái cả, cô Sao là người vè khéo
nhất trong số chị em. Cô Sao cầm bút vè từ bao giờ?
Họ ở đâu? Ai dạy vè cho cô Sao! Có lẽ trong số chị em
vè hoa, cũng chả có ai cần tò mò hỏi. Có một điều mà
cả cái tổ vè ấy và đến cả làng Bát TRàng ai ai cũng
đều biết rõ là cô Sao vè đẹp lắm. Hoa gì cô Sao vè
cũng được cả nhưng thứ hoa hay vè đến nhất là hoa
cúc, pha phù dung. Lá, vè lại càng giỏi. Có khi vè một
cái cành dây leo. Có khi vè lá đơn lá kép. Có khi cô
Sao không muốn vè giống như người khác vẫn vè lá.
Vui tay cô Sao lại vè một cái lá lật, một nửa lá ở
thành ngoài chiếc bát, một nửa cái lá lại vắt vào
thành trong miệng bát. Chủ lò cũng biết đến cái tài
của cô Sao vè lá có sáng kiến như thế, nhưng không
bằng lòng cho vè lá lật, vì vè lá lật thì nó tốn nhiều
thuốc vè hơn. Nhưng chủ lò là người thạo nghề bán
buôn nên vẫn chú ý đến những bát đĩa do cô Sao vè.
Mụ chủ lò vẫn cho xếp riêng ra những chồng bát đĩa
có nét vè của cô Sao. Những chồng hàng ấy, mụ sẽ
giao cho những chuyến hàng dành riêng cho những
chợ tinh và những cửa hàng bát sứ ở Hà Nội có những
khách hàng khó tính hay kén chọn.

Cô Sao vẽ đà khéo rồi nhưng lại còn vẽ nhanh nữa. Nét vẽ của cô đã thành thuộc lầm rồi. Cầm đến hàng một để kiểm hoa lá lên, nếu cô Sao có nhầm cả hai mắt lại mà vẽ thì nét vẽ vẫn cứ ăn đứt những hoa lá của khôi người khác. Tay cô như múa, thoăn thoắt nét hoa đưa lên thân bát. Cánh hoa cong lá cứ như đậu cứ như bay dưới một cặp mắt tình tứ, dưới một bàn tay say mê. Trong sân lò bát và dưới hàng hiên xưởng bát, kể cả thợ gốm kẽ cả thợ bàn quay và kể cả đám chuyển cùi đất lò dỡ lò nguội lấy hàng ra, cái chõ làm việc vui nhất nhiều tiếng hát nhất vẫn là cái chõ người ta vẽ hoa lá này. Các cô thợ vẽ thuộc nhiều câu hát. Cô Sao giọng hát cũng nhiều duyên như là nét vẽ. Lúc nào cô Sao im tiếng thi mọi người lại giục. Có bà có cô lại còn khích: "Cô Sao có hát nhiều lên thì bên tình Hải Dương người ta mới nhớ ra mà cho thuyền đất sang chứ!". Cô Sao "ừ ừ" một cái, nhặt một hòn đất nhò ném đưa sang phía người nói ghẹo mình, rồi lại vui vẻ hát. Miệng cô Sao hát và dưới đầu ngón tay cô, hoa lá thi nhau mà bay nở trên bát trên đĩa sứ. Gần chõ mọi người làm việc là cái lò bát, cửa lò rung rực cháy. Đang nung cái lửa bát đĩa ấm chén đã vẽ xong và đã nhúng nước men từ máy hâm trước. Lò đốt từ tối hôm qua. Trong mười cái bầu lò, hoa và lá của cô Sao đang chịu sự thử thách ghê gớm của hơi lửa, sức lửa luồng lửa reo hò. Lửa lò bát, tiếng reo lên

nghe thật là dữ dội nhưng cũng thật là vui. Tiếng lửa lò bát reo lên như gió chảy ở ngoài sông Cái những lúc tắt cả những cánh buồm đều chưa phồng cả lên và miết vào bờ làng bên này. Mải mê tay vẽ, có lúc cô nghe lửa reo mà cô Sao lại mơ tưởng cái tiếng gió nào trên sông vẫn hay đưa một cái thuyền nào đang cuồng quýt hạ nhanh dây leo và cột buồm mà lái vào bến ngoài kia. Cô Sao chỉ nghĩ thầm trong lòng, chỉ thoảng nghĩ rất nhanh thế thôi. Thế mà lại cũng có những chị thơ bạn biết ngay được, thế có tài không. Họ vừa vẽ vừa thì thào, thì thào mà vẫn là để cho cô Sao nghe thấy nữa: "Con gai tỉnh Đông mà lấy con gái tỉnh Bắc ta, để con ra nhất định phải là khâu khinh. - Chồng đâu đất, vợ tía hoa, vợ chồng làm không hết việc, tha hồ mà của ăn của đê...". Thế rồi là người ta nhao nhao lên mà bàn về tỉnh Hải Dương, bàn về cai tỉnh của anh Tạ mà họ quen gọi là tỉnh Đông. Họ đều là thơ bạn phần nhiều là tốt bụng, nhưng có lúc cô Sao cũng hơi bức mình vì họ đùa dai quá. Giá họ đùa bớt đi, ít pha trò đi, thì cũng có thể thích nghe nữa kia đây. Cũng đua đòi với bọn trẻ, một bà thơ vẽ đứng tuổi liền nói lên một giọng hát đi cấy:

Chùa Quỳnh Lâm khánh đá chuông đồng

Muốn chơi em già của chồng em chơi.

Tất cả lại ôn ào bàn tán về chùa Quỳnh Lâm bên tỉnh Hải Dương, cảnh đẹp, chuông khánh đẹp, tượng đẹp đến nỗi có người đã mê thích mà coi đó là quý trọng hơn cả cửa nhà riêng mình. Cả bọn lúi rúi, người nào cũng làm ra vẻ thành thạo về phong canh và mọi chợ búa bên tỉnh Đồng. Thật ra, thì có người chưa rời khỏi làng, chỉ mới đi xuống chợ huyện hoặc mới gánh hàng chuyển qua cầu Bồ Đề thôi. Cô Sao cười thầm trong bụng: "Các chị cứ trao đổi về địa du tỉnh Hải Dương đi, nhưng các chị không ai biết tinh ấy hơn được anh Tạ của tôi đâu. Và sau này mà được đi chơi xem chùa đẹp Quỳnh Lâm, may ra cũng lại vẫn chỉ có tôi thôi đấy nhỉ!".

Có ông thợ đốt lò, thấy cái đám này cười nói vui quá, cũng xách luôn cả điều cày đến ngồi cạnh để nghe gẫu và cũng góp chuyện. Câu chuyện lại chuyển sang chuyện đốt lò bát. Đến chuyện cui lửa đốt lò thì cả bọn thợ về đàn bà con gái lại xin thua ông đốt lò thôi. Cả bọn cứ luôn tay vẽ. Ông đốt lò cứ kể, ai muốn nghe thì nghe ai không muốn nghe thì tùy ý, còn ai vừa làm vừa nghe chuyện thì cũng không làm sao cả. Ông đốt lò cứ thông thả mà kể, mắt nhìn sang cửa lò cháy rùng rực. Một vài hơi thuốc lào rit nhẹ nhẹ cho đỡ tốn thuốc lên tiếng giòn tan điểm vào câu chuyện cui lửa lò bát.

"Này các bà các cô ạ. Cái gì rồi nó cũng là có quen thì có hơn. Đốt lò mãi rồi đến lúc chỉ nghe tiếng lửa nó reo như thế nào đây thì cũng đoán được bát đĩa ấm chén ở trong các bầu lò đã gần được. Có khi hơi lửa nó đánh mạnh quá thì hàng trong bầu có chỗ còn sống ít nhiều, cũng cứ phải thôi đi. Trong bầu lò, lửa sôi không đều nhau đâu nhá. Lửa ở cửa lò, không được đúng đâu, nó cháy dữ dội, và giặc ⁽¹⁾ lửa đi mạnh quá sẽ vặn méo cả dáng bát dáng đĩa đi ấy. Thường nung hàng bằng sứ, phải đốt nóng gấp ba lần lửa nung hàng đất như vung nồi chậu. Lửa ở chỗ giữa bầu là tốt nhất...".

Một bà vẽ ám, tính hóm hình liền chen vào, độp ngay ông đốt lò một câu: "... Cho nên nhà bà Hai gì ở xóm dưới mỗi lần thuê bầu lò là vẫn mua rượu lót trước với ông để ông xếp mẻ hàng của bà ấy vào chỗ giữa bầu chứ gì!". Đám thơ con gái thấy bà kia trêu tức ông đốt lò, liền rộ lên cười. Ông đốt lò phai vội phản trần: "Chết chết, các bà nhầm rồi. Xếp hàng vào bầu lò là người khác kia. Tôi chỉ biết nhóm lửa lên bầu và giữ lửa thôi, còn ai muốn thuê bầu này bầu nọ của chủ lò, già tiền cùi, già tô lò, hoặc muốn xếp hàng ở góc nào đó trong lò, thì tôi không biết đến, thì không phải là tôi đâu. Còn như rượu chè, nói lạy Tổ trong

(1) Luồng đi của sức nóng hơi lửa.

nghề, chờ mỗi lần nồi lửa cho một mẻ lò bát, chủ lò cũng có sửa cái lỗ cúng thánh sư và tôi cũng có uống một vài chén để lấy sức...". Mọi người lại khuyên giải ông đốt lò đôi mắt cũng đang quắc lên như sợi tia lửa nơi cửa lò: "Thôi, chỗ bạn thợ cùng lo cả, bà ấy choc tức ông để thêm vui câu chuyện đấy thôi. Xin mời ông cứ nói tiếp nữa đi. Chị em chúng tôi đều quý ông cà đáy. Không có ông thêm cùi thêm lửa cho, thì chúng tôi có vẽ đến mỏi tay cũng chưa thành được cái bát cái đĩa mà ăn uống cỗ bàn được đâu...".

Ông đốt lò dễ nỗi nóng nhưng tính người giản dị thực thà, nên cũng lại dễ nguôi cơn giận. Ông lại hỏi dạ mà kể tiếp, ai thích thì lại cứ nghe, ai không thích thì cũng xin tùy lòng: "... Người ta bàn đến cái gì rồi nhỉ ? À, đang nói rằng trong một bầu lò, lửa ở chỗ giữa bầu là tốt nhất: xếp hàng trong bầu mà đúng vào cái giạc lửa, đúng vào cái luồng lửa nó thổi từ cửa lò vào đến đáy, thì đẹp lắm. Đúng độ lửa, là men nó sẽ bóng như nước gương Tầu. Men nó cứ láng ra như là câu đổi sơn then...". Cái bà ban này lại túm tìm mà nói tức một câu nữa: "Thế cái lúc nước men nó gấp đúng giạc lửa mà nó láng ra như gương Tầu, thì ông mở cửa lò chui vào giữa bầu mà xem mà biết hay sao?". Lần này thì ông đốt lò thừa biết la đám thợ vẽ đùa mình nên không mắc lửa mà cãi vã nữa. Nhưng

ông cũng đến lúc phải đứng dậy để tra lượt cùi mới vào các cửa lò.

Từ phút đó, công việc lại vẫn tiếp tục, ai đốt lò thì châm nom mà trở cùi, ai vẽ bát đĩa, thì cứ miết mài với dây leo có hoa có lá. Cửa lò bát, lửa bùng bùng reo.

Thực ra, cuộc sống làm ăn trong một cái lò làm bát, quanh đi quanh lại năm này qua năm khác, cũng chỉ có ngần ấy công việc nhất định. Người thợ vuốt đất trên bàn quay cứ vuốt đất lấy dáng cho đồ sứ. Người giã đất giã đá giã gio sàng gio để chế ra men sứ vẫn cứ đều tay mà làm. Người đốt lo vẫn cứ bạn bầu hôm sớm với hơi lửa tàn than. Người thợ vẽ vẫn cầm bút vẽ đi vẽ lại một đóa hoa xanh lá xanh đã thuộc nét. Chồng bát chồng đĩa ấy đã làm ra tuần trước tháng trước dỡ ra khỏi lò, thì ngày sau tuần sau tháng sau lại vẫn cứ thế mà làm mà cho vào lò nung. Khắp chợ miền quê, khắp cửa hàng phố phường lúc nào cũng có bát đĩa mới. Cái bát cũ cái đĩa cũ không phải là mình đồng da sắt, nó chỉ là những đồ vật bằng sứ mỏng manh xinh nhẹ. Mỗi lần em bé lơ đãng mà buông tay cho bát rơi xuống nền nhà thì người lớn tuổi phải mua cái khác thay vào, kèm thêm một câu gắt mắng hoặc một lời khuyên bảo. Và ngay cả đến những người lớn tuổi nữa cũng nhiều lúc sẩy tay sẩy chân để bát đĩa gieo mạnh xuống thềm. Ấy là chưa kể

đến những trận xô bát xô đĩa loảng xoảng trong những gia đình mà giận hờn đã thay thế cho tình hòa thuận. Đời sống còn có bao nhiêu là va chạm sứt mẻ và hàn gắn. Cho nên vẫn không hết được những người phải đi mua bát mới. Thêm nữa, quanh ta, đâu đã phải cái cảnh tượng đâu đâu cũng thừa bát ăn. Cho nên, nói cho nó gọn lại, thì lửa nòi lò bát vẫn là cái nguồn vui chung cho tất cả mọi người. Rồi những người thợ vẽ bát vẫn là những người hàng ngày nói lên cái vui sống áy bằng hoa sứ bằng lá sứ và quý mến gửi nó đến tận tay từng người khác.

Nhưng mà tại sao cô Sao vẫn vẽ hoa vẽ lá trên bát mà lại vẫn không thật vui trong lòng? Thuyền đất tỉnh Đông vẫn luôn luôn chuyển đất sang Bát Tràng, sự sản xuất vẫn đều nhịp, lò bát không mấy cái phải nguội lửa bỏ không, ai cũng có công ăn việc làm, hàng quà rong luôn tiếng rao trong ngõ trong sân vui chào người thợ làm ra bát đĩa sứ đẹp. Tại sao mọi người làm nghề thủ công ở Bát Tràng thấy thuyền đất về thì đều yên vui cả, mà chỉ riêng cô Sao là không vui trong lòng? Không vui trong lòng, mà lại không vui cả trên mặt nữa. Lại còn không vui cả đến cái bước đi. Cái tay cô Sao vẽ hoa bát đã có những lúc chênh mang, nét bút không muốn đưa mạnh trên bát vẽ. Cái điều này, có lẽ chỉ có anh Tạ là hiểu rõ hơn ai hết. Nhưng mà lúc này anh Tạ vẫn còn đâu đất chờ

thuyền ở tận đâu đâu. Anh Tạ vẫn ở xa khói làng Bát Tràng, nên ở đây vẫn thiếu mất một con người hiểu thấu được nỗi mong nhớ chờ đợi của cô Sao.

Cô Sao mong bạn, nhớ bạn, và cô buồn. Buồn trong lòng, và tay cũng buồn. Bát đĩa ở lò này, mấy đời nay chỉ toàn vẽ hoa và lá. Thế mà trong cái đợt bát đĩa sản xuất giữa tháng ấy, ở thành cái bát, cô Sao đã vẽ ngay một cái thuyền. Chỉ vẽ một cái thuyền và cánh buồm. Thuyền vẽ trên bát sứ không có một bóng người nào, không có một cái chấm cái nét nào tả đến dáng người. Nhưng mà đối với cô thợ vẽ bát đang nhớ bạn kia, thì cái bóng thuyền ấy, chính là anh Tạ đó. Lâu nay, đối với cô Sao, cái hình ảnh anh Tạ không bao giờ tách rời cái hình cái bóng một con thuyền gỗ một khoang đò dọc.

*

* * *

Mè bát đĩa nay, đốt lửa kỹ quá. Lúc dỡ lò để lấy hàng ra, phải chờ đến mấy buổi mới nguội lò. Người ta lom khom chui vào các cửa lò. Cái bầu trong lò vẫn còn nóng hầm hập và tối om. Lò to, bầu rộng, nhiều chỗ đứng thẳng mình lên được, nhưng ở những quãng sát tường lò, vẫn cứ phải cúi xuống và nhẹ bước. Cô

Sao cõng cầm một ngọn đèn lán theo một số thợ bạn
vào dỡ hàng.

Thành lò sù xì như vách đá trong một cái hang chỉ
có khác một điều là hang đá thì lạnh có giọt nước
thánh thót rò xuống, còn ở đây thì vẫn bốc ra cái hơi
nóng của lò. Nhưng mà lúc rọi đèn lên mà xem thì có
những cái vệt bóng loáng giống cái hình thù các thạch
nhũ trong các hang đá. Những vệt đèn màu mun màu
nâu da lươn ấy cũng đồng cục lại và sáng ánh lên
chẳng khác gì một giọt nước đọng ở cuối cặp mắt
những người không gặp may mắn và hay khóc. Ở
những mảng tường lò mà luồng lửa thổi thẳng vào, thì
tất cả những vật bóng áy chau đều xuống như mưa
sa. Chỗ này, chỗ kia, vệt đèn vệt khói đèn loáng giống
một mó tóc dài xổ khỏi vành khăn quấn. Nền lò bát
và chân tường lò, ngắn ngang nhiều hòn nóng. Đó là
những thứ gạch lót dưới các chồng hàng, gạch rỗng
hình tròn như cái vai nước lật ngược. Ở trên những
cái vai để kê chồng bát đĩa nung áy, men đồ sứ toát
ra từ bao nhiêu bát đĩa nung đã đọng lên. Phải chịu
sự thử thách dữ tợn của lửa, phải chịu sự phê bình
bóng cháy của luồng gió lửa mà độ nóng tính đến
như nghìn độ, men đồ sứ đã hiện lên như mặt nước gập
ánh sáng. Men sứ cháy ra và ánh lên sáng ngồi, và
loang rộng mãi đi Hòn nóng cộm lên những giọt men
sứ rõ xuống đều đều.

Cô Sao vẫn đều tay như mọi người đang chuyển nhẹ những chòng bát chén ra các lỗ cửa bầu lò. Lò bát nồng lên những mùi gio than như cảnh nhà cửa bị thiêu cháy. Sân lò bát, lỗ nhỏ những bóng người xếp lại những chòng bát đĩa và những chiếc mèo hoặc men không đều, và chia ra từng chòng để riêng. Gió sông thổi se mái tóc những người vừa ở lò nóng ra. Cứ thấy một bà đẽm bát lẩm nhám một mình: "Quái, sao lại có bà nào cô nào vẽ bát vẽ đĩa mà lại nghịch ngợm thế này nhỉ? Mời tất cả mọi người lại đây nhìn hộ tôi tí nào!". Nhiều người xúm đến. Có những cặp môi còn cái ngắn đò của cau trâu bồng hé ra nụ cười, khẽ cất tiếng khen người thợ bạn nào đã vẽ lên thành bát lên lòng đĩa hình một cái thuyền có bóng nước. Từ trước đến nay, bao nhiêu năm nay ở cái lò bát này, đã bao nhiêu năm nay đám thợ vẽ bát này chỉ quanh quẩn hết vẽ lá lại đến hoa, nay thấy có một kiểu vẽ nó khác đi thì đều thấy nó cũng hay hay, nó cũng đổi khác đi một cái cách nhìn quen thuộc về hình vẽ trên bát đĩa. Nhưng cũng có một số bạn gái khác thấy thuyền hiện lên thành mẫu vẽ trang trí trên bát đĩa, đã tỏ ra vẻ lo ngại. Họ nói thẳng ra ngay rằng thế này là lại có chuyện không hay sẽ xảy ra dày. Họ bảo rằng con mụ chủ lò thế nào rồi cũng sinh chuyện. Thế nào con mụ chủ lò cũng bắt đèn và trù vào tiền công vẽ.

Có người còng lưng vẽ từ lúc sáng sớm bóng nắng
chưa chấm vạch ngang mảnh sân kia cho đến buổi
chiều bóng cây xoan cây đào đã đi gần vào cái thềm
nhà kê chiếc cối đá già tro làm men, vẽ cuống cả tay
lên mà không được hai trăm chiếc, nghĩa là tiền công
cũng khó được nỗi một rá gạo. Bây giờ chủ lò bắt đèn,
chủ lò sẽ trừ tiền công, và nó còn bắt phải lịnh lấy tất
cả những bát đĩa vẽ sai kia, nó tính ra thành tiền như
bán cát cho các lái vẫn đem bán ở các chợ. Tiền ấy nó
trừ vào chỗ tiền công. Tiền công vẽ mẻ này không đủ,
thì còn phải vẽ bù mãi. Ở đây còn ai lạ gì những cách
áp bức và giờ mặt hoặc các kiểu hạch sách mắng mỏ
của mụ chủ. Vẽ đủ hoa đủ lá đủ cành đủ gốc cho nó,
nó kêu là hại thuốc vẽ: "Các người có bỏ tiền ra mua
thuốc đâu mà chỉ vẽ thêm mãi vào cho rắn thêm chân
ra". Vẽ mà non hoa non lá đi thì nó bảo là vẽ điêu,
sai với mẫu vẽ và làm hại đến sự sản xuất của lò bát.
Chẳng mấy khi ma tố vẽ này trót lọt cả mẻ bát đĩa
với nó. Mỗi lúc ra lò, bát đĩa còn âm ấm giòn giòn, nó
cũng đã dòm ngó nghiêng nghé soi lên soi xuống rồi.
Có chị em đã tức quá phải bao hǎn vào mặt mụ chủ
là bắt lồi giỏi như thế thì cứ cầm lấy bút mà vẽ có
tiện hơn không. Nó cười một cách thù hǎn, vừa cười
vừa bắt đèn. Bát đĩa của nó, nó bảo vẽ hoa vẽ lá, tay
minh vẽ đúng như thế đủ như thế mà nó cũng còn
xoay xở trừ công minh được. Huống chi bây giờ lại đi

vẽ khác đi, có hoa mà mất hết với nó, được đồng công nào, nó trừ hết, và lại còn phải bù nữa kia. Nhưng mà chị nào có nào mà lại giờ trò ra mà đi vẽ thuyền về bè vào đây thế này hở!

Lại còn có nào nữa? Cô Sao chứ còn ai vào đây nữa! Bát đĩa xưa nay chỉ có vẽ hoa vẽ lá một loạt, thì còn có ai mà lại dở chứng ra mà đi vẽ thuyền vẽ bè vào đây, ngoài cái cô Sao của cái anh Tạ kèm thuyền đát đến bến đây. Bực mình với bát đĩa sắp phải đền và ghét bực với mụ chủ hay phạt hay trừ vào tiền công, thì trong chị em, cũng có người cứ cất tiếng hỏi xem ai vẽ thuyền vào bát đĩa. Chứ thực ra, không cần một tiếng hỏi nào, mà tất cả cái tổ vẽ này, chị em đều biết là chỉ có cô Sao vẽ thuyền thôi. Chỉ có cô Sao mới vẽ thuyền, người khác dù có muốn vẽ cũng không vẽ được cho ra hình thuyền nữa kia. Mấy lần trước cô cũng cứ vẽ như thế rồi ở lò đá thành một câu chuyện đùa với nhau, thợ bạn đã quen miệng với cái câu: "Áy, thuyền bè ở đây là của cô Sao cả đáy". Mà khổ quá đi mất, cái người nhỡ tay vẽ hình thuyền lên bát đĩa cũng có chối là mình không vẽ đâu. Cô Sao vẽ sai thì rồi cô đền, cô sẽ đền chứ gì!

Người phải đền là cô Sao cũng không tỏ ra bực giận gì cả. Chị em trong tổ vẽ cũng là vui câu chuyện mà bàn tán thêm vào thôi, chứ đối với chị em, cô Sao có vẽ đến mấy chục mấy trăm cái thuyền nan hay

thuyền mành cũng không ai định ngăn cõi đâu. Chỉ tức một điều là con mụ chủ lò lại được dịp bớt vào tiền công vč. Thực tình mà nói, chị em cả cái tổ này, ai cũng mong anh Tạ và cô Sao sớm xong được cái việc lập gia đình đi, rồi thuyền đậu đâu thì bến ở đó. Cho nên trong những dịp dỡ lò bát và ngồi loại ra những đĩa bát có hình thuyền là tất cả lại trách thầm cái anh Tạ sao không sớm liệu công việc cho nó chóng xong đi có hơn không.

Ông cụ Một hôm ấy uống rượu hơi nhiều, cũng lấy luôn câu chuyện cô Sao phải đèn cho chủ lò làm thành một chuyện pha trò với làng: "Cô Sao ít tuổi thế mà có ý tứ góm. Làng ta chả là trên bến dưới thuyền. Thuyền thiên hạ đồ về ăn bến làng ta, có lẽ không làng nào dám thi được với làng ta.. Cô Sao vč những cái thuyền ấy vào đồ men đồ sứ là quý lắm. Đáng lẽ cái đám vạn chài và chủ các loại thuyền phải chung tiền nhau lại mà trả tiền phạt cho mụ chủ lò thay cho cô Sao. Rồi đám nhà đò lĩnh những cái bát đĩa đặc biệt ấy về mà bày trong mâm trong khoang đò mà ăn với nhau, cô Sao cô ấy cho ra cái loại bát đĩa này, có lẽ anh Tạ anh ấy cứ mua cả lấy mà nộp cheo cho làng cũng hay đây nhỉ!".

Một vài người đem câu chuyện này mách lại với cô Sao, cho là ông cụ Một rượu vào nói nhảm và có ý gièu cô Sao nữa. Nhưng không, cô Sao rất tin ông cụ

tung cùi là người tốt bụng, ông cụ sẽ là người đứng ra bênh vực cho cái hạnh phúc của mình, nếu có kẻ nào định dèm hoặc phá. Có Sao biết lầm. Lần nào thuyền của Tạ về bến, Tạ bốc đất lên đò, là ông cụ cũng hay nói chuyện thân mật với Tạ. Có lần lại còn mời Tạ cứ thử uống một chén xem nó ra sao. Nhưng mà anh Tạ thì rượu thế nào được với cụ Một, anh ấy chỉ nhấp một tí là đã say rồi và cũng không thích rượu chè.

*

* * *

Cái quán nước chè xanh chõ cây bàng làng Bát Tràng là cái nơi đông và vui lầm. Ở làng nào, dù là làng giàu làng nghèo, và ngay cả ở làng Bát Tràng này, cái đình vẫn là cái nơi gấp gờ nhộn nhịp nhất. Nhưng không phải là lúc nào cái đình làng cũng vui, không phải là lúc nào cũng hội hè ở đình làng, không phải bắt cứ lúc nào cũng kéo nhau cà thôn cà làng ra đình mà họp, và những lúc không có họp hành gì thì cái đình lại thật là vắng. Chỉ có vài cái lá rụng ở sân đình, hoặc vài chú chim sẻ bay vù vù ở kẽ mái ngói, hoặc vài chú chim to đánh rơi hạt quả hoặc hòn sỏi con lăn trên mái ngói mốc. Cũng gần ngay đình làng, cạnh cái gốc bàng xoe dù sáu cái tán lá già, là một

cảnh tượng có thể nói là vui nhộn hơn đình làng. Ban ngày ban tối, lúc nào cũng đông người, lúc nào cũng đủ hạng người, mùa nào cũng có người đến đây cười nói chuyện vãn. Dưới gốc bàng to lớn, là một ngôi hàng nước, bát nước lúc nào cũng bốc khói, đèn con để châm dóm thuốc lào lúc nào cũng cháy, cả ban ngày cũng đỏ ngọn bắc. Từ sáng cho đến tối mịt, và có khi đến canh hai, ở đây luôn luôn có bóng người, người ngồi bệt xuống nền gạch, người đi đi lại lại quanh cái quán. Người nào làm ăn gặp vui gặp may cũng ra đây, người buồn khổ cũng ra đây, người có chuyện thương chuyện nhớ cũng rủ nhau ra cái quán bà cụ đầu làng. Có khi là hẹn nhau trước rồi mỗi người lẻ té ra đây sau. Có người chẳng cần gặp ai cũng chẳng cần nói gì với ai, nhưng cũng cứ một mình ra thẳng đây. Không ra đây thì thấy nó thiêu thiếu một cái gì. Đi đến quán nước bà cụ chồ cây bàng cổ thụ đã là một thói quen. Ở quanh quán nước, đủ mặt đủ tuổi đủ lứa. Ông cụ bà cụ ngồi nói bâng quơ về mùa sớm cây chật, mưa nhiều nắng ít, vẽ bát chén làm nhiều làm tốt. Cò thợ cây, cò thợ nặn thợ lò thợ vẽ cũng ra đây. Những anh trai làng cũng ra đây giao chuyện, bá cổ bá vai nhau hoặc đi quanh quán nước như quân đền kéo quân. Cả đến những em bé cũng thích ra quán có gốc bàng. Ngoài ngôi hàng nước, lại còn nhiều thứ hàng khác hay đồ lại. Cái bác gì hay

bán còi tu huýt đất, đuôi còi có một cái lông gà. Cả cái anh hay bán con cồ cộ cũng cứ hay ngồi đứng ở quanh quán nước bà cụ, người lớn trẻ con quay thử cồ cộ nghe lúc nào cũng cứ như là sắp đến mùa hè inh ôi tiếng ve sầu. Lại cái bà già gánh kẹo mạch nha đổi nhạc đất lấy tóc rụng tóc rồi. Thế rồi lại còn cái bà già gì nữa hay gánh một gánh đầy những con phồng phềnh chì có một tí tẹo bột thôi mà nướng lên nó phình to ra đến thế với bao nhiêu là màu thuốc vàng thuốc xanh thuốc đỏ cánh sen. Trông cái bánh đẹp quá, đang định muôn khóc cũng cứ muôn nín ngay để ngắm con phồng phềnh. Ngoài những em bé ra đây vì được xem thứ này thứ kia, thèm ước cái đồ chơi này đồ chơi khác, lại còn một số trẻ khác ra đây chì vì ở đây có một gốc bàng, một gốc bàng to nhất làng, to nhất đối với cả mấy làng khác nữa kia. To nhất, không một thứ cây nào dám tranh giành vê ngôi thứ, thì tức là cái cây đa làng Giang Cao. Nhưng đến cái cây to đứng hàng thứ hai, thì không cây nào ở quanh vùng đây hơn được cây bàng có sáu cái tán xoè rộng ở ngay chỗ bà cụ dọn quán nước chè tươi này. Mùa thu lá nó đỏ tia, lấy lá bàng buộc lên đầu làm mũ ông tướng, lấy lá bàng buộc lên người làm áo giáp,chia nhau ra làm hai bên thiện bên ác mà hò hò tranh nhau thua được, trông thật là thích. Mùa đông, lá nó rung xuống để cho quán nước có thêm nhiều tia nắng

ám; và các em nhỏ thì nhặt đầy thúng những chiếc lá
đã khô đem về nhà đun nấu. Mùa hè, sáu cái tát xòa
lá to, tăng thêm bóng mát cho quán nước.

Bà cụ bán nước ít lén tiếng mời mọc khách đi qua.
Có lẽ vì đã có cây bàng bóng rợp này mời thay cho bà
cụ rồi. Trông thấy bóng to gốc bàng, ai bàn đến đâu,
cũng muốn đỡ lại chõc lát. Nhưng mà gốc bàng, về
mùa hè, thích nhất là nó vàng ối lên những quả chín.
Mùi bàng chín thơm nực cả một góc làng. Những trẻ
em nhơn vừa ăm em bé, vừa nhặt bàng chín rung bồm
bộp xuống nền gạch. Thế rồi tiếng đập hột bàng để lấy
nhân. Ba bốn chục trẻ em cùng nhặt gạch đập hột
bang một lúc.

Gốc bàng to quá, có những cái mắt cày to hơn cái
gáo dừa, có những cái lá to bằng mạt bún lá của cái
bà vân vào các lò bát mà bán bún ốc. Không biết cây
bàng này năm chục tuổi bày chục tuổi hay cả một
trăm tuổi. Nhiều người ngồi uống nước ở đây những
lúc quán nước vắng khách, đã ngắm kỹ gốc bàng, rồi
lại ngắm sang phía bà cụ bán hàng nước. Bà cụ không
biết bao nhiêu tuổi giờ, không biết bao nhiêu tuổi lao
động, bán quán được bao nhiêu năm. Chỉ thấy đầu bà
cụ bạc trắng, trắng hơn cả cái mờ tóc già của phường
chèo phường tuồng vẫn đóng các vai bà cụ nhân đức.
Ví dụ như thế, có lẽ cũng chưa được đúng lắm. Phải
là bà cụ bán nước tóc bạc phơ phơ như một bà tiên

hay hiện ra giúp các trẻ nghèo thì mới đúng. Đoán đúng được tuổi những bà tiên thật là khó. Và hỏi xem gốc bàng thân mập to lớn kia và bà tiên quán nước hiền hậu này, ai nhiều tuổi hơn ai, thì cũng không phải là một việc dễ. Nhưng mà có lẽ cũng chả cần phải làm cái việc ấy. Có một điều dễ biết nhất và ai cũng phải thấy ngay: cả cái cây rợp bóng và cả bà cụ múc nước chè này đều la lành là tốt cả. Cá làng đây không có ai đặt điều nói xấu gốc bàng hoặc đòi chém giết nó. Và cũng không có ai thù ghét bà cụ đòn hàng nước, trông thấy bà cụ là người ta băng lòng rồi. Ngôi bên cái cây to, và ngồi sát cái chõng tre bóc khói chè tươi, người làng đều thấy có được một sự yên tâm sau những giờ mệt nhọc ngoài đồng ngoài bến trong vườn trong lò bát.

Lẽ tất nhiên, ở những nơi tốt và lành như nơi đây làm sao lại thiếu được anh Ta, làm sao mà lại không có bóng cô Sao. Ngày nao mà hai người chả đảo qua quán nước. Anh thợ đáu đất tên là Tạ, những lúc anh ở lại tít quê anh tận bên tỉnh Hải Dương thì không bàn làm gì nữa, nhưng hễ mà anh đã đưa thuyền anh sang đậu bến Bát Tràng, thì ngày nào mà anh Tạ chả ghé vào quán nước có gốc bàng này. Bà cụ quán nước mến anh Tạ vô cùng. Bát nước bà cụ múc cho anh Tạ bao giờ cũng đầy đặn. Cái bát đàm rộng miệng, bao giờ bà cụ cũng chọn chiếc lành nhất rồi mới đổ nước vào.

Anh Tạ người nhanh nhẹn và dẽ tinh, ngồi vào ghế là tay lật ngừa chiếc bát lên ngay không cần để ý đến miệng bát nguyên vẹn, hay là đã giập đã sứt mẻ. Nhưng bà cụ hay quý trọng người tử tế nét na nên mỗi lần anh cầm phải cái bát mẻ là bà cụ thuận tay liền đổi ngay cho anh một chiếc khác. Chiếc này nó tròn hơn, trắng hơn, dẽ ưa nhìn hơn. Chọn bát cho anh Tạ rồi, bà cụ cũng chưa băng lòng rót nước ngay. Phải tráng đi cho sạch đã. Trước khi múc thật sự một gáo nước, bà cụ còn nhìn lại cái gáo xem mấy que nan vỉ ngăn lá chè có còn nguyên không đã. Người bà cụ phúc hậu như thế nào, bát nước của bà cụ múc ra cũng đầy đặn như thế. Hai bàn tay anh Tạ trình trọng nâng bát nước nóng lên. Bưng bát nước có khói theo cái kiểu ấy, cũng có thể là do lòng quý cái tuổi già và cái tâm lòng thảo của bà cụ bán quán. Cũng có thể là do cái thói quen của nghề nghiệp đổi với một người thợ đấu đất hay cẩn thận bung những khối đất ướt vừa đặt nhẹ nhàng lên chỗ cao cho nó khôi vỡ khôi sứt. Trông anh Tạ người cao lớn vạm vỡ thế, nhưng mà tính nét lại dịu dàng và những lúc phái tinh vi thì anh cũng hay tỏ ra ý nhị. Có phải vì thế mà cô Sao đã hết sức gần anh và đã chọn hẳn anh làm người bạn làm ăn đúng đắn không. Cũng có một phần đúng đấy. Nhưng mà ngoài cái đức tính khác

nữa của một người con trai có nghề lao động trong tay, khoẻ mạnh, hiền lành và yêu đời.

Chính bà cụ dọn quán nước đã đánh giá người rất nhanh và rất tinh. Không phải bây giờ bà cụ mới khen anh thợ đẽo đất Tạ là một người giỏi một người tốt. Ngay từ năm ngoái thuyền anh Tạ ăn bến Bát Tràng, sau một vài lần anh Tạ uống nước ở quán, bà cụ đã có bụng mến ngay. Không có vẻ gì là ba hoa cả. Bà cụ đã bảo: “Cái anh chàng này tinh tình thẳng thắn và vui vẻ. Cô nào ở làng mà lấy được anh ta thì cũng là có phúc đấy. Làng Bát Tràng ta, trước đây con gái hay nhờ vợ, vợ phải làm nhiều. Con gái làng ta đám đang hơn đàn ông. Có anh chàng này về làm rể làng, cũng là tốt thôi”. Ông cụ Một cũng nghĩ gần giống như thế. Không ai bảo ai hình như nhiều bậc có tuổi và chất phác ở làng này đều đồng tình với nhau mà có thiện cảm với anh Tạ. Những em bé hay chơi quay, đánh đáo, nhặt lá bàng quả bàng ở quanh chõ quán nước đều thuộc tên và nhớ mặt anh Tạ. Tạ hay giúp các em gõ được nhiều khó khăn trong các cuộc chơi. Có những em khóc rất to rất dai, ai dỗ cũng không xong. Thế mà anh Tạ đứng ra giảng giải thì cái đám nhí nhố ấy bỗng nín ngay và trở lại hòa thuận với nhau dần. Lại có những em không có ai trêu ghẹo mà động thay anh Tạ ghé ngồi vào quán nước là đằng này em cũng khóc vang lên. Em khóc vì, cốt để anh

Tạ nghe thấy. Đã nghe thấy thì bao giờ anh Tạ cũng dỗ dành. Các trẻ em phản nhiều đã quen với anh Tạ. Cho nên, ngay cả những lúc anh Tạ không có mặt ở quán nước, một vài em cũng khóc è a một vài câu, để cho đứa khác vội vàng nói to hoặc nói nhỏ: "Thôi mà, nín đi. Nín đi, không có anh Tạ anh ấy không yêu nữa... Thôi mà, nín đi, không thì tao lại mách anh Tạ cho mà xem đây này... Anh Tạ anh ấy đã dặn bà bán voi ngựa đất và dặn cả cái bác bán còi tu huýt là nếu em bé ở đây mà hay khóc thì đừng có mang đồ chơi đến bán nữa. Chỉ nên đưa đồ chơi đến làng có những trẻ em ngoan thôi". Cô bé nướng ngô đặt lò than gần chõ ấy, và cả bà lão đang quạt bánh ở tận đầu kia liền lén tiếng một lúc: "Anh Tạ anh ấy dặn rằng quà chỉ nên bán rẻ cho đứa nào ít khóc và không nghịch bẩn".

Chõ này chõ khác, người này người kia đều có nhắc đến anh Tạ, những kỳ anh Tạ chậm sang. Chứ cũng chẳng phải riêng có cô Sao mới hay nhắc đến.

Nhưng mà kỳ này anh Tạ lâu sang thật đây. Bà cụ bán quán vừa nói thế xong với mấy người bưng bát nước khói, thì đã thấy cô Sao tạt nhanh qua sân đình và tiến lại phía quán. Chắc là cô Sao lại vừa ở dưới bến lên, chắc là ra bến để nghênh xem có phải thuyền của anh Tạ. Bà cụ bán quán nước nhẹ nhàng hỏi cô Sao:

- Tôi nghe nói cô vừa được một mè phát tài, phải không? Cô vẽ nhầm mất nhiều bát không? Chủ lò nó trừ vào tiền công vẽ của cô mất nhiều không? Thôi chuyện này anh Tạ sang, cô nên bàn với anh ấy liệu cho nó xong sớm đi, để còn yên tâm mà làm ăn chứ!

- Cháu xin cụ một miếng giấu. Cụ cho cháu cau khô cũng được. Dưới bến gió to quá. Cháu đứng ở dưới có một lúc mà thấy lạnh.

- Già bảo thật đấy. Thuyền anh ấy chuyến này mà đưa đất sang, cô cứ nên bảo anh ấy thưa lại với ông bà đi rồi lo cưới xin sớm đi. Rồi còn xin ra mà ở riêng chứ. Chồng có nghề, vợ cũng có nghề. Chồng đấu đất, vợ vẽ men, tốt đói đấy.

- À, cháu muốn nhờ cụ giúp cho một việc. Hôm nọ cháu có nhờ một chị mua hộ cháu một cái thắt lưng sồi. Chị ấy vẫn gánh đôi bồ hàng xén đi chợ Như Quỳnh, vẫn hay gánh qua đường này ấy mà. Cháu định nhuộm cánh sen cái thắt lưng ấy. Cũng lại nhờ chị ấy mua xong rồi nhuộm luôn ở dưới chợ. Nhưng bây giờ cháu không mua nữa. Tiền công vè đợt này, chủ lò trừ hết. Cụ nói hộ cháu với chị ấy, cho chị ấy bằng lòng. Co mua có ruộm, cũng phải chờ đến tháng sau vậy.

- Chỉ sợ cô hàng xén gánh qua đây mà tôi lại mải tráng bát múc nước, không nom thấy thì lại nhớ việc của cô. Mắt tôi càng ngày càng kém lăm rỗi. Hay là cứ mặc cho cô hàng xén mua và ruộm đi. Số tiền cô gửi tôi, tôi vẫn còn giữ nguyên đây, vì độ này cũng chả có thứ gì rè mà buôn thêm. Thế tôi cứ lấy cái chõ tiền ấy đưa cho cô hàng xén nhé! Cứ mua thắt lưng đi, cô Sao ạ! Để lùi lại, nhớ việc cưới xin sớm thành, thì lại không có thắt lưng đẹp.

Cái tường xây bằng gạch nung già ở cuối ngõ làng, thông ra cánh đồng vốn có một cái ngăn gạch kín đáo vẫn dùng làm nơi thông tin riêng của cô Sao và anh Tạ. Hai người hẹn hò và nói lóng với nhau bằng cách nặn ra những hình đát nhỏ rồi để vào đáy. Một hồi lâu, anh Tạ không sang đây, nên ngăn gạch tường kia rồng không. Dạo này lại thấy cái ngăn ủn ủn lên những hình đát nặn, những đầu ông bụt, cái cây, cái thuyền, cái quả táo be bé, cái chõng con...

Các cô gái làng Bát Tràng đang bàn tán nhiều về chuyện cô Sao sắp lấy chồng. Các cô ấy tài thật. Biết cả anh Tạ quê ở làng Tử Lạc. Rồi tất cả lại bàn tán về chuyện đát cát bên vùng Tử Lạc, người nói thế này người nói thế khác. Không biết đã có cô nào bà nào đặt chân tới thôn Tử Lạc chưa, nhưng những câu

chuyện về Tử Lạc nghe thật là rõ ràng, nhất là khi nói về thứ đất Tử Lạc vẫn chở sang Bát Tràng này để làm cốt cho bát đĩa ấm chén.

Vùng Đông Triều Hải Dương có nhiều cái đồi đát và cánh đồng đát có một chất mà nơi khác không có. Phải lấy được thứ đất quý và đặc biệt đó thì mới làm đồ sứ được. Đất ấy thường là nằm ở mấy thôn Chi Ngài, Bích Nhội, Tử Lạc. Mọi người đều gọi là mỏ đất. Đất ở mỏ Chi Ngài thì nhiều gân và chất đất còn non. Đất ở mỏ Trúc Thôn thì vàng. Lại còn một thứ đất hồng hồng tươi tươi mà tiếng nhà nghề đặt cho một cái tên nghe thật là âu yếm. Họ quen gọi là đất hoa đào. Nhưng mà muôn màu vàng, màu hoa đào hay là màu gì đi nữa, cũng đều thua thứ đất màu trắng hết. Một cô thơ lên mặt thông tỏ hơn chị em khác, nói nhanh như sợ chị em khác nói tranh mắng: “Đất trắng dùng để làm cốt bát đĩa, lại còn dùng làm men sứ nữa kia đấy. Bát đĩa làm bằng thứ đất trắng vẫn là tốt hơn các thứ đất khác. Chì có thôn Tử Lạc bên Đông Triều là có nhiều đất trắng thôi. Mà anh Tạ lại đích là quê ở vùng mỏ đất trắng Tử Lạc đấy”. Cô nói xong, nhìn cô Sao túm tím cười.

Cô Sao vẫn đưa nét bút vẽ đều đều lên trên những bát đĩa chuốt bằng thứ đất trắng lấy ngay ở chính cái làng quê anh Tạ. Chợt nghĩ ra cái điều ấy, cô Sao thấy vui nhẹ trong lòng. Tay cô vẫn đưa bút nhanh

nhen, nét vē hoa lá rất thuộc. Người nào tinh mắt mà xem kỹ những cành lá và cánh hoa cô Sao điểm lên bát đĩa những ngày gần đây, thì thấy có một cái gì nó khác hẳn nét vē mọi khi. Hoa và lá mọi khi cô vē cùng vẫn như bao giờ. Nhưng mà cánh hoa bây giờ xem ra vē tươi và đậm hơn. Trông kỹ vào hình vē, thấy có những cánh hoa chiếc lá nó nhẹ mát tươi sáng như vừa lấy ra khỏi một vườn hoa sau một cơn mưa bụi. Cái lá cứ mơn mởn; cái hoa cứ nuột nà. Nhìn qua vai cô Sao một chị thợ bạn khác cất tiếng ca ngợi nét bút của cô Sao và cũng nói ngay cảm tưởng của mình: "Cô Sao độ này thì tâm trí sáng sửa lám rồi. Lòng dạ vui thế, vē ra nhất định phải đẹp sáng. Hôm nào có việc vui mừng, tôi cũng xin nghỉ một buổi làm để sang bày biện giúp cô Sao đấy".

Cả một đám thợ vē bát đĩa, không ai là không đưa ra một vài ý vài câu về cái đám cưới nay mai. Chỗ năm người chỗ ba người, họ cứ khen mãi cô Sao và anh Tạ là tốt đôi. Người ta còn nhắc đến con gái tỉnh Đông đẹp như thế này, con gái tỉnh Bắc đẹp như thế khác, thật là xứng đôi phải lứa và tốt phúc. Có người lại còn bông đùa mà ví von: "... *Xây cầu bán nguyệt cho nàng rửa chân*". Mọi người đều cười rộ lên một cách thảng thắn, khi nhắc lại cái chuyện trước đây cô Sao vē nhầm bát đĩa phải đèn cho chủ lò, đáng lẽ vē hoa vē lá thì lại đi vē một cái thuyền. Có người liền

nói thêm: “Bây giờ thì chả còn sợ vẽ nhầm nữa. Thuyền kè kè ngay ở ngoài bến kia rồi, muốn ngắm nó lúc nào chả được mà còn phải vẽ thêm vào bát đĩa. Mà có lẽ thuyền anh Tạ chuyến này đã ngoài bến còn lâu rồi mới nhổ sào. Hình như cũng chỉ vài hôm nữa thôi thì cưới rồi. Anh Tạ đón cô Sao xuống thuyền thì ở xuống vẽ lại vắng vẻ đi đây nha... Bây giờ thì chả ai vẽ thuyền lên bát đĩa người khác nữa nha!”. Chính giữa cái lúc ấy, cô Sao đang say mê vẽ, và thỉnh thoảng cũng vẫn còn đăng trí vẽ nhầm ra cái khác. Cô Sao không vẽ nhầm thành ra hình cái thuyền nữa nhưng thỉnh thoảng vẫn có những cái bát chén vẽ ra không đúng với cái mẫu hoa lá muôn năm của chủ lò. Cô Sao đã tự ý vẽ ra lúc thì con gà con lợn hoặc những chùm quả ngọt. Lại thành câu chuyện vui miệng nữa đồn đi khắp làng. Chả thế mà hôm vừa rồi cô Sao ra quán nước, bà cụ bán quán đã nói đứa cô thơ trẻ hay mơ mộng ấy: “Này, độ này cô đang nuôi thêm đàn gà đàn lợn đấy à! Thế bao giờ thì cô về đến bà lão múc nước này vào bát chén làng ta đấy?”. Sẵn cái không khí thân mật và vui vẻ, mấy người bán quàng rong và đồ chơi ở quãng cái quán nước, cũng mỗi người góp vào một câu:

- Cô Sao mua còi đất đi! Mua con phồng phềnh đi!
Mua con cồ cộ đi! Cò cứ mua trữ sẵn đi. Nhờ giờ sang
năm có con đâu lòng rồi cho cháu nó chơi!

- Quà bánh dạo này ngon lắm. Ăn một lại muốn ăn hai. Cô Sao giờ phải mua gấp đôi. Một cho cô, và một nữa cho anh Tạ.

Tinh hiền lành, cô Sao chả biết giả nhời ra sao, chỉ cười và đỏ mặt lên như người say mêng giàu nhai bên lò bát nồi lửa.

*
* *

Thế là cô Sao và anh Tạ đã thành một đôi vợ chồng mới cưới. Những người làm ăn lương thiện trong làng đều khen tâm tắc.

Sau ngày cưới, cô Sao vẫn vẽ bát đĩa như ngày chưa đi lấy chồng. Anh Tạ vẫn lấy đất tráng ở làng quê mình giao cho những lò bát ở Bát Tràng như hồi anh chưa lấy vợ. Và những lúc vợ chồng nhàn rỗi thì thỉnh thoảng lại đem cái việc ngày trước vẽ thuyền lên bát đĩa ra mà vui chuyện với nhau. Người làng gặp đôi vợ chồng mới mỗi lần cắt bước trong các ngõ gạch họ đều đứng tránh ra một bên để nhường lối. Người làng cười hóm hỉnh nhớ lại những ngày nào hai anh chị bước rón rén và nói khẽ trong ngõ gạch sơ có người biết. Bay giờ thì khác rồi. Cả làng đều biết cả rồi. Cả làng nay đều gọi anh Tạ là rể làng. Và anh Tạ nay coi làng này là cái cơ sở chính. Mỗi lần anh sấp

nhổ sào cho thuyền đi Đông Triều chở đất tráng cho các lò Bát Tràng, anh thường bảo cô Sao: “Cô mình ở nhà vẽ bát nhà. Tôi sang bên ấy vài hôm lấy đất về bên này”. Các trẻ em mấy xóm nay đều gọi cô Sao là chị Tạ và đưa gạch non ra đùi chị Tạ vẽ hoa lá xuống sân gạch cho chúng tò lại nét vẽ.

Ngày 1 tháng giêng 1958

TÀU BAY CHÚNG TA ĐỖ XUỐNG SÂN ĐIỆN BIÊN PHỦ

... Giữa mùa mưa Tây Bắc trăng bêch cả núi rừng
cả vòm trời, tôi ra nhìn cái sân bay Mường Thanh,
trong lòng nỗi lên những thèm khát liên lạc tin tức
với nhiều nơi nhiều chốn ở khắp miền Bắc. Sân bay
mênh mông và sát vách sân bay là một con sông Nậm
Rốm, dòng nước lũ cung mênh mông vắng quạnh. Giá
có đánh liều thả một cái thư xuống dòng sông nhanh
miết thì cái thư ấy cũng lại lạc sang Lào mất thôi.
Mưa Điện Biên vẫn rơi triền miên trên liếp cót xạ
kích, trên con bù nhìn đậm lê ngoài thao trường, trên
nón lá những chiến sĩ nông trường và trên những mũ
lông bịt tai của những chiến sĩ biên phòng.

Ngoài trời có những tiếng nổ xe màn mưa. Đây là
trâu hoang dãm phải mìn hay đây là tiếng bộc phá
của công binh phà mìn để dọn dẹp làm sân bay?
Trong chiến tranh vừa qua, địch đã gài mìn lại trên
một diện tích sáu triệu thước vuông. Máy dò mìn nào

cho xuể: trên cái chiến trường lịch sử này chõ nào mà chả có sắt có thép, có kim khí vùi lấp xuống. Đề máy dò xuống, chõ nào cũng có thể kêu lên được. Không ai là không nhắc nhở đến sự dũng cảm của anh em công binh gỡ mìn ở quanh Điện Biên và nhất là khu vực sân bay, lán cái chết từng tác đất từng bùi cỏ vạch ra.

Con đường rẽ vào cầu sắt Mường Thanh đã rộng ra, bên đường đã có nhiều đồng phân ủ. Thiên nhiên ở quanh khu vực lịch sử và sân bay đã được cải tạo một cách nhanh chóng. Nắng hanh nháy nhánh trên những kết quả lao động của con người. Những bụi chuối của đơn vị giồng giữa mùa mưa này đã nặng trĩu quả sáp ngả vàng trứng quốc. Hoa ở vườn công binh cánh thăm hơn và mượt óng hơn. Những mảng rau cải đã thẳng tắp vuông vắn và loang ra, đường nét hình học của cuộc sống có tổ chức mỗi ngày một đánh lùi những cái rậm rít loanh quanh của tạo vật bừa bãi.

Trước tầm mắt là những mảnh đất bằng phẳng liên tiếp. Nắng chói chang trên khu đất rộng phẳng lì, đất trắng bột lên như đường hoa mơ. Ánh nắng trắng lèn mái, có lúc gợi đến cái phẳng phiu mặt gương của ruộng muối miền bắc, chõ này chõ kia muối đã cào lên đồng thành những ngọn tháp nhỏ. Loang loáng trong nắng hanh, hàng mây trâm cánh tay chiến sĩ đang đều đều đầm xuống mặt sân bay; chõ thiếu đồ thì lấy

luôn vò đạn pháo 105 ly mà làm đầm. Ở đây, luôn luôn được thấy sự phối hợp giữa thủ công và cơ giới tối tân. Cảm nhóng hai guồng máy đang kéo những quả lu bốn tần nén mặt sân bay xuống, đất lèn xuống và gõ xuống thấy chắc nịch như gạch mộc. Đã nhô lên những lá cờ trắng cờ đỏ của đơn vị làm sân bay. Cờ trắng, cờ đỏ mọc lên trên cánh rừng hoa lau bay trong gió nắng. Từ cờ trắng trở vào sân bay là khu vực an toàn, từ cờ trắng trở ra ngoài rừng gianh kia, vẫn còn phải cẩn thận với mìn díp.

Đầu sân bay và cuối sân bay, hai lá cờ đỏ làm chuẩn cho đường tim sân bay, thẳng tắp một đường chỉ xuyên vào ngọn đồi Độc Lập, ngọn đồi của những kỷ niệm chiến thắng đợt đầu cùng với đồi Him Lam mờ màn chiến dịch Điện Biên Phủ và tiếp đến những giai đoạn cắt ngang trường bay Mường Thanh. Chính ở trên cái sân bay này đây, đêm đêm chiến sĩ của ta ra đào hào và liên tiếp bao ngày đêm, ta và địch giành nhau từng tấc đất, ta đào, nó ra lấp lại, rồi ta lại đào, mỗi tấc đất sân bay cũ cắt được là máu của ta có rò xuống đánh dấu lầy.

Xe vận tải ùn ùn từ các nơi chuyển liếp sắt đến lát sân bay. Liếp sắt chiến lợi phẩm nhiều tấm mới nguyên. Nhiều tấm đem dùng làm cầu ao, tường nhà, bàn ghế, cầu chìm lát giòng suối đá cho xe đi, tất cả đều đã được uốn nắn lại và đưa ra sân bay để công

binh lát quăng sân đã đầm xong nền. Với tinh thần thi đua vượt năng suất vượt mức thời gian, anh em đã đạt tới cái mức 60 thước trong một ngày. Cái sân đất đã thành cái sân sét trổ đua rộng, đường tim đường bờ thẳng tắp đầu này đến đầu kia. Đứng lên cao một chút mà nhìn cái sân sét loang lổ những mảng đã gi chen với những mảng còn nguyên sơn cũ - cũng nói thẳng luôn rằng sân bay đây là ta lấy được của đế quốc Mỹ tiếp tế cho thực dân Pháp - Tôi có cảm tưởng như bốn năm trước đây dân tộc ta lên rừng Điện Biên chống các thú dữ đế quốc và trong các giống sài lang tiêu diệt được, có bắt được thêm một con trăn mốc. Con trăn mốc lột lấy da cẳng sân bay là một hình ảnh hiện thân của đế quốc Mỹ tiếp sức cho đế quốc Pháp bị sa lầy.

Hồi ấy, đế quốc Mỹ từ trên không phận Tày Bắc, đã thả xuống lòng chào Điện Biên năm vạn cái liếp sét để cho quân viễn chinh Pháp dựng sân bay. Mỗi tấm liếp sét rộng bốn tấc, dài ba thước, nặng hai mươi tám cân. Không kể những cầu sét ngang sông, chiến xa và súng lớn đạn to chúng thả dù xuống, riêng cái khói liếp lát sân bay này cùng đã nặng tới 1.400 tấn sét.

Trong chiến tranh qua, cái sân bay Mường Thanh Mỹ lắp cho Tày kia đã bị ta cắt ta bắn phá, nhiều tấm còn mang vết đạn pháo của ta xé toạc. Cảnh ruộng

sân bay Mường Thanh phủ giáp sắt ở sát ngay chỉ huy sở Đờ Cát, chính là cái mục tiêu của hỏa lực ta. Phi công địch mỗi lần thả cánh xuống cất cánh lên giữa cánh đồng bọc sắt mà không chết ngay thì cũng chột dạ, và những lần sau bên mảng tối Điện Biên là chỉ dám lượn ngoài tầm cao xạ của ta.

Sau ngày chiến thắng, lần da sắt của sân bay giặc bị bóc đi rất nhanh như là có sự điều khiển kỳ diệu của một bàn tay thần thoại nào. Thế rồi cỏ gianh và cây rừng phủ mái lên cái sào huyệt cũ của con trăn mốc đế quốc Mỹ thả xuống. Cho tới ngày nay từ các xóm, từ các cửa rừng lưng núi, ta lại thu về, ta lại ghép cái khố sắt gì ấy lại và đem cái da ác thú thuộc đi và dùng vào công việc hòa bình của ta.

Tôi quên sao được cái cảnh mong thư đợi thư và nhận được thư ở trên đất Tây Bắc thân yêu nhưng hãy còn thưa vắng người này, một cây số mới chỉ có bảy linh hồn người. Sau một ngày luyện tập hoặc đi gỗ đi tre từ rừng xa về, sau một ngày cấy gặt từ ruộng xa của nông trường mà về cái bếp anh nuôi, bữa cơm chiều nhận thư nhà và báo mới thì có khác gì thêm chất cho bữa ăn, có những chiến sĩ vui quá mà lại hóa no.

Hình ảnh những chiến sĩ đọc thư nhà và trông đợi thư nhà đã đến với tôi rất đông đủ, khi tôi đứng trước

cái sân bay đã lát xong mặt sân và đang dựng lên cái đài chỉ huy cho tàu bay nay mai sẽ hạ cánh xuống với cái tên mà anh em đã đặt trước cho: “Người sứ giả của đồng xuôi”.

... Tôi đứng trên cái sân sát thảng lắp, nghĩ đến một cái ngày nào đó trong tương lai gần đây, phong trào bảo vệ hòa bình thế giới lớn rộng tới cái mức có một đoàn đại biểu nhân dân lao động Mỹ sang thăm Việt Nam và đỗ máy bay xuống nơi chiến trường lịch sử này.

Cái ngày ấy có lẽ chúng ta phải biểu đoàn đại biểu hòa bình một tấm liếp sắt mắt cáo sân bay kia, kèm những lời chú thích như thế này: “Tấm sắt mắt cáo này là tài liệu vạch tội ác của tư bản Mỹ đối với dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu hòa bình và góp phần xương máu bảo vệ hòa bình. Đế quốc Mỹ đã lừa lọc áp bức công nhân Mỹ sản xuất ra những tấm sắt này dùng vào việc giết người. Những tấm sắt hung dữ bẩn giầy, chúng tôi đã cài tạo nó đi và hướng nó vào con đường hòa bình. Sân bay Việt Nam còn có thể phải lát bằng những sắt chiến phẩm cũ nó loang lổ như da con trăn mốc, nhưng trên cái xác trăn, trên tấm da trăn mốc kia sẽ đậu xuống những cánh trắng chim hòa bình chuyển thư trên miền Bắc Việt Nam giống như chim nhạn mang thư trong thơ ca người phương Đông”.

... Con chim nhạn đưa thư chuyến thứ nhất của đường hàng không dân dụng Điện Biên Phủ - Hà Nội hôm nay hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh đây. Tôi đứng trên sân bay nhìn giờ nhìn đất nhìn mây. Mây hôm nay thấp nặng hơn mọi buổi sớm mùa đông, chân mây chỉ cao độ 1.200 thước. Có lẽ tầu bay ta ở Gia Lâm còn đợi tin mây trên này nâng cao lên nữa rồi mới cất cánh lên trên ta đây. Loa phát thanh đài Tiếng nói Việt Nam vừa dứt tiếng phát thanh bản tin thứ hai buổi trưa ngày 25-11-58 được một lúc thì cũng được thêm cái tin: "...Cất cánh khỏi Gia Lâm rồi!". Trong lòng tôi dào dạt những cảm xúc về không gian và thời gian. Điện Biên và thủ đô Hà Nội sần sần nhau một đường bắc vĩ tuyến 21 và chênh nhau ba độ kinh tuyến đông.

... Kia kìa, lên rồi kia kìa. Mọi người hướng về phía núi thành lòng chảo cánh đồng Mường Thanh. Con chim nhạn sơn màu quốc kỳ lượn mây vòng, đậu xuống. Một đồng chí trên máy bay bước xuống bức thang và cười: "Có báo hàng ngày đấy. Trong túi sách, họa báo, có báo Nhân dân ngày 25 hôm nay đấy".

MÙA XUÂN TRÊN TÂY BẮC

Tây Bắc nay có ba khu vực kinh tế lớn: Điện Biên - Sơn La Nà Sản; - và Mộc Châu. Nói chung thì Tây Bắc đều đang ra hoa, đang ngâm hạt đang kết quả, những trái những quả xã hội chủ nghĩa. Nhưng trước đây Tây Bắc là đất của đau thương. Trên cái diện đau thương dĩ vãng ấy, có những cái điểm cái mảng đen tối vẫn còn “nói” nhiều lắm với bây giờ với mai sau. Trên khu sông núi Sơn La ngày nay ròng ròng chảy những thác mồ hôi kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Xưa kia, ở đây chảy toàn nước mắt.

Qua đất Sơn La, tôi hay nhìn lâu vào những cái mà Thái bên đường. Những hiện vật tùy thân của người chết được người sống chia cho, đều bật lên đủ các màu ngũ sắc đù đưa với gió rừng. Mỗi lần đi qua mà Thái, lại cứ nhớ đến chuyện cán bộ địch hậu và chuyện người chính trị phạm đi dày lên Sơn La hồi Pháp Nhật. Người Thái khi hạ huyệt người chết và trang trí những khu nhà mồ sặc sỡ vải lụa kia, chắc

cũng chà khi nào nghĩ rằng mình có lúc đã có phản nào giúp cho Cách mạng trong những giai đoạn bí mật và khó khăn. Nhiều đồng chí chúng ta, mỗi lần tổ chức vượt ngục Sơn La, đều lấy nhà mồ Thái làm địa điểm liên lạc với người đưa mình qua rừng qua suối và đã có khi phải lấy thêm cả cái thứ corm cúng ở chòm mả ấy làm lương khô đem theo đi. Trong hồi Pháp chiếm đóng lại Sơn La, ta có những đoàn cán bộ địch hậu "nhảy dù" vào bờ phải, bờ trái sông Đà. Cái thường đem theo mòn dần đi vì đào cù mài trường kỳ. Những cái bẩn có nhiều người hùi nhất lại chính là nơi nấu mìne tương đối an toàn nhất. Và cái nhà mồ Thái đã nhiều lần cung cấp tạm thời quần áo mặc cho đồng chí đi gây cơ sở địch hậu.

Núi rừng Sơn La, có rất nhiều thứ cây khác nhau nhưng đến độ cuối thu sang đông thì đều nhát trĩ với nhau mà chuyển sang thành một rừng lá đỏ, trông như là máu cán bộ và máu nhân dân quết vương lên cây cỏ. Trong số những cây chuyển sang lá đỏ, có cây *mây noi* trông hao hao cây tre miền xuôi. Những vệt đỏ *mây noi* và nhiều thứ lá đỏ khác của rừng Sơn La nay đã trở nên vui hơn, cái màu đỏ lá rừng trông in hệt cái màu gạch mây triệu viên đợt đầu của công trường gạch ngôi Bản Giàng đang dở lò.

Tôi đến thăm di tích lịch sử Sơn La, tiếc không phải là nhà điện ảnh quay phim màu. Hôm ấy là

chiều ba mươi Tết dương lịch, những gốc đào Tô Hiệu đang reo giò đông và đang hồn hở nhìn xuống cả một vùng công trường bụi hồng khói trắng. Đồng chí Tô Hiệu giống đào trong hành lang nhà ngục cách đây gần hai mươi năm. Thời Hiệu nhà Đường có làm thơ; còn đồng chí Tô Hiệu chúng ta có làm bài thơ nào ghi vào mực đen giấy trắng hay không thì tôi cũng chưa rõ; nhưng cái động tác cầm gốc đào lên đất tù, giống đào trong ngục tối, cái đó là một câu thơ đẹp và rất biện chứng. Tôi nghĩ rằng người trồng cây hoa không bình thường kia là một tâm hồn có cái phong cách của một nhà thơ lớn. Cũng nhắc đến Sơn La ngày trước, có đồng chí mới thấy có “núi khuất sương mù, lá vù gió suối”, trong khi cùng quần quại giữa ngục tù thì lại có đồng chí khác có một cái nhỡn quan trong láng hơn và ghi lại bằng cánh hoa đào của tương lai, tức lá hoa cây đào của khu vực giồng giọt Sơn La-Nà Sản hôm nay. Tôi nghĩ rằng cái khía cạnh trữ tình cách mạng ấy cũng là một cái cốt cách của hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc và khắp nơi.

Thật vậy, Tây Bắc vẫn là cái quê hương của chủ nghĩa lâng mạn. Người Thái Mèo chính quê Tây Bắc và người Kinh lén đoàn kết với nhân dân khu tự trị cùng xây dựng Tây Bắc cho núi rừng miền Tây tươi thêm và sáng mãi lên, đều là có cái căn bản lâng mạn cả.

Ngày xưa, nhân dân Thái dăng đặc một niêm trữ tình gửi vào cái dài kiến trúc văn học *Sóng chư son sao* với một ngàn sáu trăm câu thơ tiền đưa dặn dò người yêu. Cũng dăng đặc màu trữ tình là những cỗ tích thân thoại và câu hát của người Mèo yêu nghĩa khí, của những người Mèo sống phóng khoáng quen với những đỉnh cao của cuộc đời, của những người Mèo quen thấy mặt giờ mọc trước hết mọi dân tộc khác và cũng là những người tiễn mặt trời lặn sau hết tất cả mọi người khác.

Ngày xưa là như vậy mà ngày nay Tây Bắc càng gấp bội bùng bùng lên cái chất lảng mạn yêu đời. Ở Lai Châu tôi đã thấy người ta cấy gặt hai mùa. Ở Lai Châu ỉ ạch nhất về phong trào phụ nữ bình quyền bình đẳng với đàn ông về mặt lao động sáng tạo, rất nhiều chị Thái trắng đã đánh đá, gánh đá, cuốc đá để dựng những công trình thủy nông lấy nước suối tưới ruộng bằng. Chiến sĩ số một của công trường Phiêng Thin là một cô thanh nữ Thái trắng mươi sáu tuổi: cô Điều Thị Đoọng, người Chiềng Nưa, nhà nghèo khổ nhưng rất giàu có về nhiệt tình lao động. Thường các chị em khác ở công trường chỉ mới tập xúc bằng xèng và khiêng ki, nhưng cô Đoọng đã cầm hòn xà beng lách sắt vào via đá mà bẩy đá mica sit. Chị chờ đò công trường trên Nậm Na mà bận thì cô Đoọng lại chờ đò luôn. Đò ngang, đò dọc, cô Đoọng đều chờ

nặng chờ nhanh, mà giỏi hơn nữa, cô lại cầm chèo mà lái ở phía đuôi cá quầy nơi sau thuyền. Bên cạnh cô chiến sĩ thanh nữ trong trắng Đoọng là rất nhiều phụ nữ Thái khác, cả những chị Thái trắng trước đây bị ép làm vợ Tây, vợ lính cũng đang lên tất cả mặt rừng, mặt đường, mặt nương và phẩn khởi lấy lao động “cứu quốc” ra làm cái cơ sở để mà hoàn lương. Có nhiều chị đã bị đế quốc đưa tàu bay đi xòe ở Sài Gòn rồi Điện Biên, và đã được ta giải phóng cho sau cái xuân khói lửa Điện Biên Phủ ấy. Nhiều chị dân công xúc khỏe, cuộc khỏe, khiêng khỏe. Hình như hễ nhắc đến phụ nữ Thái trắng là không ai bảo ai đều nhớ nhất tề mà hình dung ngay ra một cô xòe múa đang động viên sự sống bằng chân tay uyển chuyển. Hôm nay trong cuộc sống mới, chính những cô xòe ấy lại trực tiếp bắt tay vào xây dựng đất nước Tây Bắc! Trên mặt ghềnh, nắng núi tan sương tòa xông những chấn hoa nệm gầm các chị đem theo lên công trường. Nhưng, chính giữa công trường này, cánh tay bắp thịt cuốn sóng thửng các chị cũng đang dệt những đường tơ mới, cho những tấm thổ cẩm mới. Trong chuyến đi Tây Bắc, tôi càng thấy cái quan triệt lớn lao của chính sách đổi mới các dân tộc ở Tây Bắc của Đảng. Các dân tộc nhiều người ít người cầm tay nhau cho chặt mà giữ gìn đất nước chung, và giúp đỡ nhau làm cho giàu đẹp thêm mãi lên cái của hương hòa chung ấy. Theo chõ tôi được

biết, thì cái khôi người Thái ở Việt Nam, ở Trung Quốc, ở Lào, ở Xiêm, ở Miến Điện lên tới 50 triệu và riêng ở Tây Bắc nước ta thì anh chị em đồng bào Thái trắng, Thái đen được gần 20 vạn. Nếu trong cuộc sống của Tây Bắc nói chung mà cuộc sống riêng của đồng bào Thái trắng, Thái đen được tươi sáng rạng rõ mãi lên, thì nhất định sẽ dội hường vào cả cái khôi 50 triệu to lớn ấy. Gian lao thay! mà cũng vinh quang vậy thay!

Hắn là cảm thấy cái niềm trữ tình thăm thiết nghĩa đại đoàn kết ấy mà nhiều con người ngày nay đang hăng say kiến thiết ở Tây Bắc. Và mùa xuân trên Tây Bắc cũng là cái mùa bốc nhựa của nhựa sống lâng mạn xã hội chủ nghĩa, anh hùng chiến sĩ lao động và những con người dũng cảm của chế độ ta cũng tươi nở đông đảo như nụ đào, rừng đào Mèo rèo cao. Tây Bắc là cái đất trữ tình. Cảnh và người ở đây cứ hình như thủ thi bảo anh làm thơ đi, vẽ đi, đàn hát đi. Tôi cứ nghĩ rằng hiện nay, trên các nẻo rừng Tây Bắc đang bạt ngàn thiên dã những con người lâng mạn hát, vẽ, làm thơ mới, mạnh bạo cài tạo thiên nhiên Việt Nam, những con người của kỷ nguyên dám bay lên vũ trụ, dám lên cung Quảng à Hằng, dám phóng những công trình nhân tạo lên tận Thái dương hệ. Những con người lâng mạn xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc ngày nay chính là những con người đi phát hiện

tài nguyên nằm ngủ lâu trên rừng dưới núi, đi tìm rừng gỗ, rừng thuốc bắc, thuốc nam, đi tìm mỏ, tìm quặng, đi tìm rừng bạc núi vàng. Ấy là những đoàn đi đo lường khí hậu, đo mức ẩm đo mực nước; những đoàn đi trừ sót rét đầu suối cửa rừng; những đoàn đi tìm chò chẹt núi, chẹt nguồn, chẹt sông để làm thủy điện; những đoàn đi nghiên cứu địa điểm vỡ hoang mờ nông trường, đi phát hiện đồng cỏ chăn nuôi. Ấy là những con người say sưa với những vùng thảo nguyên cao nguyên Mộc Châu. Ấy là những đoàn người hàng vạn hàng ngàn vừa thắng lợi ở Điện Biên trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên đem được lúa nông trường vụ gặt đầu về kho, và đang tiếp tục thu hoạch những bông lúa mới của những cuộc đấu tranh tư tưởng trong mọi mặt tiến lên xây dựng thành phố xã hội chủ nghĩa Điện Biên. Ấy là những đoàn người đang dọn rừng bạt núi vượt sông để mở những con đường cái chính xứ ở các ngã ba Tuần Giáo, ngã ba Phù Yên, Vạn Yên...

Tây Bắc xưa kia ngút ngàn đau thương bao nhiêu thì ngày nay cũng vô cùng triển vọng bấy nhiêu, mặc dầu gian khổ hôm nay, ngày mai ở đây còn phải dán lên rất nhiều. Mỗi bước chân qua vùng Tây Bắc trữ tình là một tài liệu sống về văn sử địa. Tâm lòng hiếu khách của Tây Bắc và Thái Mèo từ xưa đã thành tục ngữ. Tây Bắc vốn quý người nay càng quý cái vốn

người, những người đang hào hứng đi Tây Bắc, lấy Tây Bắc làm quê hương đồng rừng sau khi gửi bớt lại ở đồng bằng cái tình quê cũ. Tây Bắc sẽ nở lên nhiều cái làng mới, cái trại mới, cái áp mới, cái nông trang, nông trường mới.

Ở nơi Tây Bắc hiếu khách, mùa xuân hôm nay đang ra hoa, đang ra lộc để mở đầu cho những hội hoa hội lộc những mùa xuân tới của năm cuối kế hoạch ba năm, của những mùa xuân kế hoạch dài hạn sau. Mùa xuân xã hội chủ nghĩa đang ra hoa ở Tây Bắc, không biết bao nhiêu là gia đình mới ở miền xuôi đang rủ nhau lên xây dựng Tây Bắc, nhộn nhịp rộm rả như đàn bướm say hương, như hội ong trẩy mật.

Văn nghệ số 22 (3-1959)

BÊN NI BÊN TÈ SÔNG TUYẾN

Đèo Ngang, Sông Gianh, Đò Hầu, cứ thẳng cái hướng Nam mà đi vào. Ngân nga trong đầu một câu thơ của một người yêu nước đời Trần “Thái bình tu nô lực - Vạn cổ thử giang sơn”. Đây là truông nhà Hồ, đây đã là khu đặc biệt Vĩnh Linh. Quay lại hòn đá bên đường quốc lộ I ghi đậm nét “Hà Nội 551 cây số”. Chỉ còn ba cây số nữa là bắt đầu khu đệm, cái khu phi quân sự của giới tuyến quân sự tạm thời nằm trên vĩ tuyến mươi bảy. Tôi đã đứng trước cái cầu Hiền Lương. Một cái cầu bắc qua một con sông trung bình, cũng như tất cả những cái cầu của con người của cuộc đời vẫn thường bắc qua mọi con sông. Nhưng tại sao tôi lại phải đứng sững lại đây? Bờ Nam bên kia và xa nữa thấu Sài Gòn Cà Mau, và Huế cách đây không tới 100 cây số, vẫn là đất nước và nhân dân Tổ quốc tôi, tại sao tôi lại buộc phải dừng chân ở đây? Đầu cầu bén kia, thoáng hiện ra những cái bóng linh Diệm, và một cây cờ vàng bệnh rắn ri ba sọc đỏ bợt màu. Thưa anh, cầu sắt này gồm tất cả bảy nhịp và đường giới

tuyến cắt ngang một cách trùu tượng giả tạo vào giữa cái nhịp thứ tư, gần gần cái mảnh ván cầu làm bằng gỗ thông Mỹ có in mấy chữ “U.S. Virginia” đó. Thưa anh, những nhịp cầu của miền Bắc chúng ta đều sơn một màu sơn nâu cũ cẩm, nước sơn đều và mới; còn những nhịp cầu miền Nam thì lem nhem xanh gỉ đồng và đỏ hồng hoàng cái thứ sơn lót nước đầu như anh thấy đó. Thưa anh, ở đây không có cái gì giản đơn cả, sơn cái cầu này cũng là một chuyện phức tạp. Ta có đưa ra ba giải pháp. Một là ta sơn cả bảy nhịp. Hai là họ sơn cả, nếu họ cứ năng nắng muốn làm cái việc đó. Ba là mỗi bên sơn một nửa. Họ không trả lời, cũng như họ đã vô lễ không trả lời bất cứ cái gì hợp tình hợp lý của miền Bắc đưa ra như trao đổi hàng, trao đổi tiền, trao đổi phái đoàn, trao đổi tin tức kinh nghiệm làm ăn kiến thiết Tổ quốc v.v.. Ta không thể cứ mặc cho mưa nắng mãi trên cầu Hiền Lương thản yêu nêntađãmờitổQuốc tếlên cầu, rồi ta sơn. Ta sơn nâu ba nhịp, rồi ta sơn đến nhịp thứ tư, thế là họ mới ùa ra, mang sơn hồng hoàng của họ ra bôi lem nhem chõ này chõ kia. Tôi lùi lại, đứng chêch xuồng rẽ bờ sông, nhìn lên thấy cái cầu thành ra một cái áo nâu có những miếng vụn vá vai chắp nối, trông nó chẳng còn ra làm sao, nhất là những nhịp cầu về phía Nam. Mà thực ra cái cầu này vẫn là một cái gì còn lại của chiến tranh vừa qua. Cơ cấu của nhịp sắt và

cách bắc cầu, đúng là cái kiểu cầu Belay do Anh Mỹ trang bị cho đế quốc Pháp, nó giống giống cái kiểu cầu sắt Mường Thanh vắt qua Nậm Rốm trên Điện Biên ấy.

Đầu cầu bên kia, sừng sững cái lô cốt tiền tiêu của một pháo đài trọng pháo của đồn Ba Dốc, năm cây số trong kia. Lâu lắm tôi mới lại thấy một cái lô cốt nguyên vẹn, cứ như là hồi mới về tiếp quản thủ đô Hà Nội và đồng bằng. Sông bờ Nam, một cái biển to kè chữ to xuyên tạc và lộn sòng: “Ai phản bội dân tộc - Ai chia cắt lãnh thổ - toàn dân đều biết.”. Cái thằng Diệm vốn bắt các trường ở miền Nam phải học bằng chữ và tiếng nước ngoài, cái thằng Diệm lõm bõm chữ Anh tiếng Mỹ đúng là một thằng dốt về tiếng ta. Cho nên nó mới tưởng bở mà dùng chữ *ai* này trong cái khẩu hiệu trên. Những người Việt Nam chân chính chúng ta dùng tiếng mẹ đẻ, nhất là khi làm thơ, hẳn đều hiểu rằng danh từ *ai* không phải chỉ dùng để chỉ người khác mà trong nhiều trường hợp lại dùng để chỉ vào mình chính mình. *Ai* nhiều khi có nghĩa là *ta*. Trở lại cái khẩu hiệu láp liếm hô đồ trên kia, nay phân tích ra cho rõ, thì *ai* tức là *ta*, mà *ta* đây tức là Diệm chứ còn là “*ai*” nữa, Diệm đúng là cái người “chia cắt lãnh thổ” cố tình tránh mọi quan hệ Bắc Nam, chứ còn “*ai*” vào đây nữa!

Không biết có phải vì Diệm đã thấy khẩu hiệu nó lai như một cái gai đập vào nó hay không mà hôm sau tôi đi qua chỗ bờ sông đầu cầu, thấy nó đang cho người xóa đi kẻ lại câu khác. Bên bờ Bắc ta, đối diện với cái khẩu hiệu cũ của Diệm, vẫn trước sau như một là một hàng chữ to kẻ lối chân phuong “Nam Bắc là một nhà, không một lực lượng nào chia cắt nổi”. Trên đôi bờ Hiền Lương, trên bờ Bắc và bờ Nam là một cuộc đối thoại tay đôi giữa khẩu hiệu khác nhau của hai chế độ khác nhau. Đối thoại bằng khẩu hiệu, bằng loa truyền thanh, loa bên ni hình cái đài hoa bên những nhà lợp ngói tươi, loa bên kia hình cá ngao mồm xéch mang tai giài vào các chòm cây gần những cái nhà mái tôn Mỹ viện trợ.

Tôi vào giới tuyến đúng vào dịp Mỹ-Diệm đang om xòm chuẩn bị cho “quốc hội khóa hai”. Bờ Nam cắm lên những khẩu hiệu mới. Cảnh sát chạy lên chạy xuống. Loa ôm ôm từ bốn giờ khuya. Không cần ống nhòm viễn kính mà tôi trông sang bờ Nam cũng rõ từng mảng người từng hình người. Và trong tai cũng vang vang lên cái tiếng đồng bào xã Hai Chữ họp chợ Võ Xá, cái chợ Võ Xá cũng lợp mái tôn Mỹ như tất cả những đồn và nhà nó dựng. Nhiều bóng phụ nữ nón trắng, áo dài. Áo dài đen, áo dài trắng. Đồng bào bờ Bắc bảo tôi: “Bên nő, thằng Diệm nó bắt mặc áo dài, người nghèo cũng phải sắm áo dài, mặc áo cộc áo

ngắn nó bảo là kiều ác lao động của Việt Minh". Té ra là Diệm sợ cả đến cái tà áo và cái tà áo ở đây là phủ lên một sự phồn vinh giả tạo. Bờ Nam, đất vốn màu mỡ hơn bờ Bắc, nhưng nay chỉ thấy vàng úa một màu đồng hoang; còn bờ Bắc thì nhờ công sức người mà đất lại xanh um đót sắn ngọn lúa vòng từng mảng xanh mảng xanh.

Sông bờ Nam song song một con đường to có cột dây thép. Chợ Võ Xá nằm cạnh con đường to ấy đang lưu trú những xe đạp cảnh sát và ô tô quận trưởng áo trắng cà vạt đen đi theo dõi xem nhân dân Hài Cù, Kinh Môn, Võ Xá, Xuân Hòa, Xuân Mỹ, Cát Sơn hướng ứng tới mức nào với cuộc bầu cử bíp bợm tới. Ô T... chỉ sang con đường cái bờ Nam, kể cho tôi hay về những ngày chị bị nó bắt đi phu làm con đường chiến lược đó chạy từ Cửa Tùng lên tháu trên rú, qua chỗ Bến Tắt. Nhà chị ở bờ bên nő, cứ thẳng cái đầu bụi sắn tảng già ni qua sông là tới ngay nhà. Chị T... đã trốn nó bắt phu làm đường chiến lược và đã bơi sang bờ Bắc. Chị nói rất nhanh, tưởng như vẫn còn ở đâu bờ Nam, sợ nó nghe lỏm, phải nói gấp để rồi lắng sang chuyện khác: "Nè, qua bờ Bắc không phải là chuyện dẽ mô. Có khi thấy thuyền mà không dám gọi. Cố mà bơi lấy bằng sức mình vẫn là đảm bảo. Bọn Diệm thường trả hình làm người chở đò. Thuyền nó qua lại trên dòng sông Bến Hải, cứ ghé miết vào bờ Nam, nói lên với người này người kia ở bên trên bến

dưới, hồi có qua bờ Bắc không thì hắn ghé vào cho mà qua. Ai không biết lỡ bước xuống đò là mắc mưu hắn. Bước lầm xuống đò bọn khiêu khích tức là rồi sẽ bước vào nhà lao của hắn ở quận Trung Lương hoặc đưa đi Đông Hà, Quảng Trị. Bọn hắn đã nhiều lần cạo số thuyền Nam đi sơn lại số đò cho giống thuyền miền Bắc, để đánh lừa bà con bờ Nam lòng vẫn hướng về bờ Bắc. Ở dưới nước hắn bày trò chưa đủ..."

Bờ Nam đang nhốn nháo. Loa kèn, người chạy dật dật như ma dồn quỷ đuối. Bên bờ này cũng nhiều đồng bào tiến ra phía bờ xem. Lại vẫn chưa thấy có gì cả. Tôi đứng ở bờ sông, lại tiếc khúc chuyện thuyền Bắc thuyền Nam chị T. bò dở. Lại nhớ đến mẩu báo Tự Do ở Sài Gòn vừa rồi cũng nói đến bầu cử và nói đến thuyền bè: "... Tổng tuyển cử quốc hội thứ 2 có thể ví như một cuộc đua thuyền... chỉ thấy một chiếc tàu độc nhất... trên boong tàu là phong trào cách mạng quốc gia dưới hầm máy là cần lao nhân vị. Ngoài ra, chỉ thấy nước trôi, không có bóng dáng một chiếc thuyền nào khác... Những chiếc khác bị sóng tấp vào bờ, và người chèo chỉ còn việc chạy đi lo có đủ mây chục nghìn đồng để hoàn lại chính phủ số tiền đã dùng để in bích chương biểu ngữ..."

Hắn đồng bào từ bờ Nam trở vô đang phải ép đi bầu cử kia còn nhớ rõ cái quốc hội của Diệm chính là cái thứ quốc hội vừa qua đã thông qua một ngân sách mà dự thu hơn 60% là dựa vào thuế và dự chi hơn

70% là dành cho bộ máy quân sự của Mỹ-Diệm đi đàn áp khủng bố. Chuyện ruồng bỏ càn quét cũng là vừa mới mươi tuần nay đó thôi và nay vẫn tiếp tục. Diệm tuyên bố “tình trạng chiến tranh” (!) tuyên bố lập an ninh trên “một cơ cấu mới” nghĩa là mặc dầu hòa bình, Diệm vẫn có tòa án quân sự đặc biệt và lưu động, máy chém của Diệm cũng lưu động và báo chí của Diệm (như tờ *Cách mạng quốc gia*) còn ca ngợi từng bộ phận máy chém “lưỡi dao sắc ngọt”. Sự dâm bạo (Sadisme) đã trở nên tráng tráo hơn cả Hội đồng Đề hình thời Pháp thuộc và cách dùng máy chém của đế quốc hồi ấy. Ấy là không kể cái việc tay sai Diệm đổ bộ lên làm cỏ cả những hòn đảo đông đúc dân cư và chúng la trước nhà thờ ở cù lao, tự nhận là “thiên lôi của Diệm”. Ấy là không kể những việc vừa rồi Diệm chặt cây, chặt nhà, chặt người, cắt tai người nhắm rượu, cầm đầu người vào cây chuối trôi sông...

Tôi nhìn mãi không mỏi mắt không chớp mắt sang bờ Nam con sông giới Tuyên. Thấy đồng bào đang bị cảnh sát dồn dồn tới, đứng lại thành một đám đông dưới gốc đa xóm Kinh Thị. Thế rồi tám chín chiếc xe máy dượt qua, mỗi xe một người cầm cờ ba sọc và đốc hậu là xe tuabin có loa. Tất cả đoàn xe đều đồng thanh mà nói dối và đánh lửa về cuộc bầu cử của Diệm. Và tất cả đồng bào đều bắt buộc phải hoan nghênh theo. Tôi nhìn cái đoàn xe ma giữa ban ngày ấy vun vút trên con đường chiến lược ở bờ Nam sông

Bến Hải. Một trận mưa thu thật to, chiều hôm ấy đã nhúng ướt hết cả cờ biển cái đám cổ động ấy và chúng đang rầm rập chạy nấp vào mái tôn chợ Võ Xá. O Tâm ở bên này bờ Bắc vứt cái tàn thuốc lá, buông thong: "Cho tụi bay đáng đời!".

*

Một lần nữa, tôi lại lên giữa cầu Hiền Lương, chăm chú nhìn dòng sông. Tôi chăm chú nhìn cái cầu lờ nhịp và cái nhịp chia đôi. Nước ta tạm thời chia làm "hai miền...". Không phải chỉ có một nước ta. Còn Triều Tiên, Còn Đức. Ở Việt Nam ta, giới tuyến là một dòng sông tạm chia hai. Ở Bá Linh, giới tuyến lại chạy qua một khu phố, một cái sân nhà gác, một cái ngã ba đầu đường, một cái thủ đô. Mỗi nơi một cảnh, nhưng đều cũng là một cảnh ngộ lịch sử, một cảnh ngộ chính trị, một tình hình đấu tranh sôi nổi gian lao và kiên quyết để thống nhất Tổ quốc mình. Hay là chuyến này ta rủ nhau cả Việt Nam cả Triều Tiên cả Công hòa dân chủ Đức, chúng ta cùng làm chung một phim tài liệu để thêm trọng lực cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, và cũng là để tố cáo thêm nữa về cái đau khổ vô lý trái nhân đạo nhân tâm của vấn đề giới tuyến, cái giới tuyến gọi là tạm thời nhưng đã kéo dài qua thời gian kể cũng đã khá lâu rồi.

CON SÔNG TUYẾN HIỀN LUONG

Từ thủ đô Hà Nội vào đến giới tuyến quân sự tạm thời ở phía Nam, đến đúng cái đầu cầu Hiền Lương, chỉ có năm trăm năm mươi tám cây số; chênh nhau chỉ có chừng bốn độ vĩ tuyến mà sao thấy nó dài thật đấy. Xuyên qua chín tỉnh, vượt qua tám cái phà, kể chi những nỗi dọc đường, nhưng cứ luôn luôn mà vo vo trong lòng anh cái điệp khúc của cái thực tế “nước ta tạm thời chia làm hai miền”.

Vụt thoáng trên quốc lộ số một, những tám biển xi măng nhắc anh còn bao nhiêu nghìn thước nữa thì tới Huế, bao nhiêu nghìn thước nữa thì tới Đà Nẵng. Và từ khoảng gần truông nhà Hồ đây mà sang Lào, thì chỉ còn có 362 cây số là sang tới tỉnh Lào Sà Vă Na Khét, đúng cái tỉnh Trung Lào mà Mỹ đang ùn ùn chuyển đạn chuyển bom, chuyển cơ giới và các thứ viện trợ chiến tranh đến cho quân lính vua Lào, - của một nước Lào mà báo Mỹ vừa đây lại cũng xi nhận là biên giới Mỹ họ kéo cả đến tận đó nữa kia!

Giá mà Tổ quốc chúng ta thống nhất, giá mà quan hệ Bắc Nam bình thường để tiến tới thống nhất, thì muôn cho xe nghỉ cho đúng chặng đường, dĩ nhiên là đêm nay tôi không ngủ ở Vĩnh Linh mà tôi phải ngủ ở Huế và hôm sau phải ngủ ở Nam Ngãi, Bình Phú gì đó. Nhưng mà đây là cái vỉ tuyến 17 rồi. Cái vỉ tuyến giới tuyến nói ra nghe cũng trừu tượng thật. Nhưng mà, sừng sững trước bước chân tôi là một con sông rồi. Một con sông cụ thể có một cái tên cụ thể với tất cả cái môi trường cụ thể của sông giới tuyến Hiền Lương. Ở đây tôi không nhắm hướng Nam mà tiếp tục đi được, không phải vì không có đò chở. Bờ Bắc bờ Nam sông Hiền Lương vô khôi là đò và hình như tất cả lái đò bờ Bắc đang chăm chú nhìn theo tôi đeo cái túi dết mà lộn lén lộn xuống một mình dọc bờ sông.

Trên sông vẫn nhanh nhản đò thuyền này, đã từ lâu, không có đò ngang, đã từ lâu không có người chở sang ngang chính thức, mà chỉ có đò dọc thôi. Nếu cần sang sông thì vẫn có một cái cầu sắt, một cái cầu sắt bảy nhịp, lòng cầu đủ cho ca-mi-ông to đi lọt. Tôi lên phía cầu Hiền Lương. Đầu cầu bờ Nam kia lố nhố những bóng linh dưới một lá cờ. Những bóng linh ấy ngắm kỹ áo quần lon mũ và cách cục đi đứng, không phải là cái anh bộ đội quân đội nhân dân mình vẫn quen thuộc. Lạ mắt hơn nữa là cái lá cờ cắm trên bờ

Nam. Nó cũng hai màu vàng và đỏ nhưng sao những hình vẽ lại đem làm khác cá đi, lại thành ra ba cái sọc dài và cái nền hồng điều sao lại thành ra một cái nền vàng bệnh? Không, bên kia và từ bờ bên kia thẳng tắp vào nữa, dành là vẫn đất nước nhân dân Tổ quốc tôi, nhưng sao ở đó người ta lại cho cắm lên một cây cờ không phải cây cờ của tôi, của tất cả chúng ta?

Nhân dân và cán bộ Vĩnh Linh vẫn thường kể lại rằng đồng bào bờ Nam rất quen với Sao vàng trên quốc kỳ; vì đồng bào phải đi làm nghề cá ngoài khơi từ khuya và chiều hôm mới về nên nhẫn sang bờ Bắc thường cờ sớm hơn nữa và hạ cờ hàng ngày muộn hơn nữa để đồng bào cùng thấy với, có phải là đúng như thế không? Đúng thế đấy. Nhưng thưa anh, “nước ta tạm thời chia làm hai miền”... và ở giữa cái nhịp thứ tư của chiếc cầu sắt bảy nhịp này là đường giới tuyến tạm thời và bên bờ kia là bắt đầu một thế giới khác của một chế độ khác. Tôi bỏ mặc đó cái cầu Hiền Lương, một cái cầu tuy vẫn lành lặn, nhưng không có một cái xe nào qua, không có một bóng người thường dân nào qua lại. Thế rồi tôi ra ngồi trên một cửa biển. Bài bể Cửa Tùng bữa nay tốt trời. Tầm nhìn xa quá thật là xa. Nhìn về hướng Nam, mắt tôi thấy được cả núi Thùa Thiên xô ra mặt biển, và núi Hải Vân và những dãy núi mâm xôi Quàng Nam cùng đang xô ra

bển Đông. Núi Huế đậm hơn, núi Quảng nhạt hơn. Ngoài khơi, những cánh buồm Quảng Trị, buồm trắng sáng chen với buồm nâu nhạt. Trắng sáng là buồm vải thuyền bờ Bắc, nâu nhạt là buồm cói của bờ Nam. Bà con nói vẫn không sai, thuyền Bắc đi cá vẫn đông hơn thuyền Nam bị Diệm kiểm soát kỹ nên thường ra khơi ít hơn. Những cánh buồm cứ gần mãi lại. Rồi lần lượt trở vào Cửa Tùng chịu sự kiểm soát thường ngày của khu phi quân sự và xong rồi, thì thuyền bờ Bắc lại ghé bờ Bắc và thuyền miền Nam lại đỗ về bờ Nam. Có những cái thuyền nặng trĩu, nặng vì mẻ lưới cá nục hay là nặng trĩu cái buồn của một cửa bể chiều hôm? Thuyền bờ Bắc số đó cùng nặng và thuyền bờ Nam số xanh ghé về cái bến xã Cát Sơn quê “chị Hoài” bên kia cũng nhiều chiếc nặng nặng cái cảnh con sông nước chảy đôi dòng.

Lưỡi cát bờ bên kia là hai cái bóng hai người lính của hai chế độ cùng gác chung một cửa biển mà cát mỗi ngày một bồi thêm và, nếu cứ mặc cho giờ đất, mặc cho tự nhiên thì chả mấy nã mà liền khoảnh hai lưỡi cát bên tê và bên ni đó. Tuần lễ này, ta qua gác chung với họ ở bên tê. Mỗi người đang bó gối ngồi trên hòn đá thành giếng trên lưỡi cát bên ni đang tự cho mình là một người không may. Đã liên ba hôm nay rồi, anh chàng chiều chiều ra ngồi chờ thuyền cá ngoài khơi về xem xem có gặp người làng và người

nhà không. Anh đang làm ăn tận trên các công trường Tây Bắc, chuyến này không quản đường xa, từ khu Tự trị về đây cốt nhìn sang một cái bờ sông quê hương và cũng mong gặp lại xóm giềng thân thích. Giá tuần này mà gác ở lưỡi cát bên ni, còn được đứng gần hơn nhiều và có triển vọng nhân ra được người này người khác trong lòng đò. Thực ra có nhận ra được người quen thì cũng chả nói chả hỏi được gì, có nói có hỏi thì người quen cũng chả dám bắt lời. Bởi vì cảnh sát Diệm mà thấy ai đầu mày cuối mắt có tình ý với cái bờ Bắc là nó phạt bạc ba chục đồng, và có thể đi huấn chỉnh ở quận. Nhưng mặc dù thế, nhìn nhau suông vẫn cứ hơn là đằng đằng không thấy mặt nhau, không biết nhau là còn hay chết. Tôi đứng trên cái lưỡi cát xóm Vĩnh An, nhìn đau đớn vào một cái cửa sông miệng thắt lại như một cái túi nước hẹp, tôi căng tròng mắt nhìn vào những cái khoang thuyền số xanh bờ Nam đang qua chỗ lưỡi cát kiểm soát và ngược lên dòng sông Bến Hải. Tôi chú ý đến những cái dáng nhiều chị nhiều mẹ đang cúi mặt xuống, những dáng người đang xoay hắn lưng lại với bờ Bắc cốt để lừa tên cảnh sát của Diệm hay cầm bà con bờ Nam nhìn sang bờ Bắc. Vẫn có những cái nón nghiêng nghièng khi thuyền lướt qua cảnh sát Diệm. Nhưng vẫn có những cặp mắt lặng lẽ suy nghĩ trong bình lặng, không động nhăn và trong đáy tròng mắt đậu im cái

cảnh bóng bờ Bắc không nhòa nét. Hình như tôi đã nhiều lần bắt gặp những đôi mắt kiên quyết như thế ở nhiều đám mít tinh đấu tranh thống nhất ủng hộ công hàm chính phủ ta. Chao ôi! Anh bạn họa sỹ yêu nước của tôi ơi, anh vốn vẽ chân dung rất truyền thần, tôi nhờ anh điểm nhỡn ngay những khuôn mặt yêu thương này hộ tôi ngay đi! Và này chị diễn viên bạn tôi kia, chị đã đóng chị phụ nữ giới tuyển, tôi muốn chị nhập vai thêm cho tôi cái thần thái của một chị bờ Nam đang vào cửa bể của một cửa bể chiều hôm buồn trông này. Cây đèn hải đăng của ta thắp lên ở bờ Bắc cho bà con ở cả hai miền nhớ bờ mà vào, cây đèn bể đêm đó có vẻ như nhấp nháy nhiều hơn mọi đêm.

Hôm sau tôi ra ngồi ở lưỡi cát lại vẫn gặp cái anh chàng đón thuyền cá cố nhìn mặt người thân. Và bờ bên kia, cái bóng đôi của hai người công an và cảnh sát của hai miền. Thuyền lại về lại vào như mọi chiều hôm. Nhưng cái người từ Tây Bắc vô giới tuyển kia hôm nay đúng là một pho tượng sống của một cái buồn trên cửa bể chiều hôm. Bãi cát cũng đang hút lấy cái buồn đó. Hai cái bóng hai người lính của hai chế độ khác nhau đóng bước mà in vết giầy xuống cát nhá nhem, trở về cái bốt lẻ trong rặng phi lao bên kia. Bên này lưỡi cát, cái người thất vọng đợi người nhà đi khơi về kia cũng thát thểu rời cái cửa biển của một

con sông. Một con sông bị bỗ dọc ra làm đôi và Diệm còn đe dọa là hai cái bờ ấy sẽ là những đường bình hành không bao giờ cho gặp nhau, dù có kéo nó ra đến tận ngoài bờ Đông, tận ngoài khu đệm trên mặt sóng biển Đông kia. Bể khơi chiều nay phía chân giời dùn lên nhiều hình mây, nhiều cụm mây đỏ như máu cá vỡ bong bóng, và có cụm mây bùng lên cái hình nấm như nguyên tử nào vừa thử nổ. Mây đặc quá. Lại cứ phải ngầm nghĩ về cái lố bịch của Diệm tại Hoa Thịnh Đốn tuyên bố rằng biên giới nước Hoa Kỳ kéo đến tận chỗ vĩ tuyến 17 này! Cái biên giới Hoa Kỳ quái ảo ấy, phải chăng là cái rặng mây kia đang dùn dùn trên sóng nước khu đệm biển Cửa Tùng?

*

Một đêm trăng rằm trên sông tuyến “Vùng giang ai xé làm đôi”. Lúc Nguyễn Du miêu tả mảnh giang trên đầu tôi kia thì đất nước và Tổ quốc chúng ta vẫn liền một cõi. Chợt nhớ câu thơ xưa, giật mình mà thấy Nguyễn Du vẫn rất hiện thời. Trăng bờ Bắc đập đập vào tâm khẩu hiệu “Nam Bắc là một nhà không một lực lượng nào chia cắt nổi”. Bên bờ Nam, trăng rằm loang loáng trên nhiều miếng vuông nối nhau cách quãng bên ven sông. Đây là những cái mái tôn viện trợ Mỹ trên các nóc đồn nóc chợ bờ Nam. Giang mờ

trên tám tôn Mỹ lạnh. Cầu Hiền Lương ban ngày đã lạnh, về đêm có sương thu càng lạnh hơn. Cái xác cầu toát ra một thứ mồ hôi trộm. Thành cầu kéo dài bấy nhịp bóng, ngả ngả về phía biển. Đêm thu se sẽ nổi dần lên những câu hò đò. Giờ này dài phát thanh của bờ Bắc của bờ Nam đều đã nghỉ cả, tiếng hát đối đáp của cô chị miền Bắc của cô em miền Nam cũng đã ngủ từ lâu rồi. Giờ này là tiếng hát giữa lòng sông của nhân dân lao động sắp đến giờ ra khơi làm cá. Thuyền bờ Bắc thường hò những câu mới, thuyền bờ Nam hò những câu cũ. Cũng lại vẫn là một cuộc đối thoại bằng hò đò, những câu hò đò truyền thống của quê hương Quảng Trị. Ở ơ hừ ơ.

*“Sông Hiền Lương nước chảy đôi dòng
Đèn chong đồi ngon... chờ em trông ngon nào?”*

Một thuyền khác chui qua gầm cầu. Chắc là thuyền bờ Nam và hát bé hơn, như là chỉ đủ ru cho một đứa nhỏ nào trở giấc trong lòng đò lạnh.

*“Sầu đông trong héo ngoài tươi
Có vui thì vui gượng có cười thì cười khuây”*

Thấy nhớ Huế quá. Thấy nhớ Huế nhớ những cây sầu đông cây xoan bờ sông Hương quá. Tiếng hát rất nhỏ, nhưng có lẽ tên cảnh sát đầu cầu kia vẫn có thể nghe được và sẽ tù phạt bắt bớ vì “hướng về Bắc Công”, nên tiếng hát ấy lại chuyển sang một câu hò

khác. Nghe nó xưa cũ lạc lõng thật nhưng sao vẫn hàm một nỗi niềm gì. Ông.

*"Trâu không lắn với hô tiêu
Con theo hát bộ mẹ liều con hư..."*

Tôi đã ngủ một đêm thu ở ngay đầu một cái cầu, cái giường của tôi kê mấp mé vào cái bờ giời tuyến, và tai tôi nghe róc rách những nguyện vọng của một con sông muốn hòa hợp lại hai dòng nước. Chỗ đầu một cái cầu giời tuyến này cũng vẫn là một cái đầu cầu để nối lại hai cái bờ, để xóa đi cái đau khổ không bình thường của hai cái bờ bị đứt quan hệ hàng ngày. Diệm có tình đóng tuyến, nhưng tôi không quên rằng nhân dân bên sông đây trước đây đã bắt Diệm phải mở tuyến cho hai bờ đi lại, cho trên sông này không phải chỉ có đò dọc mà còn phải có đò ngang nữa. Cái hồi mở tuyến áy, nghĩ mà thấy cần phải mở lại, mở một lúc và mở hẳn ra mãi mãi. Cái lầu Quốc khánh ấy, tuyến mở, đồng bào bờ Nam sang dự Quốc khách 2-9 chỗ đầu cầu này, bày ra hàng trăm cái ca nước chè tươi khỏi nóng, cái bát nước chè nóng của bờ Bắc đi mua hàng năm sáu ngàn đồng bạc chè ở suốt sáu cái chợ của khu Vĩnh Linh. Trên sông nhộn nhịp từ đầu hôm chí tối, phải tăng thêm mãi số đò ngang, phải tăng thêm nữa số người chờ đò. Nay thì sông vắng, bến vắng, cầu vắng. Ruộng bờ Nam vốn tốt là thế mà có cháy vàng.

Sau một đêm đẫm sương thu, cái cầu sắt buổi mai càng lạnh bóng. Mặt cầu không vết bùn xe bùn chân người. Nó sạch quá, sạch sẽ một cách lạnh lùng như một cái mặt bàn mổ. Và trên cái bàn mổ đó, là Tổ quốc tôi, là Tổ quốc chúng ta. “Nước ta tạm thời chia làm hai miền”, nước sông Hiền Lương xiết vào trụ cầu đều đều mà nhắc lại cái điệp khúc đó. Tôi nhớ hôm ở Hà Nội, khi nói đến đấu tranh cho Thống nhất, anh N. có đưa ra một hình ảnh hiện nay của Tổ Quốc, ví dụ Tổ quốc như một con người toàn thân thì cái thân Tổ quốc ta ấy đang bị chia ra làm hai mảnh... bỏ theo một đường dọc. Mỗi mảnh cũng đủ từ chi lục phủ ngũ tạng nhưng mà là chỉ có một nửa. Tôi đem theo cái hình ảnh đó vào giới tuyến. Cái hình ảnh đang rò máu trong tôi, tôi đem nó theo lên cái cầu sắt sớm này. Tính lại từng ngày, thì tôi thấy Tổ quốc tôi nằm trên cầu giới tuyến này đã quá năm năm nay, và quanh bàn mổ lịch sử này có bốn Mỹ-Diệm đang cầm dao đẫm máu kia, trên cái bàn mổ, mặt giờ mọc từ phía Cửa Tung và lặn về phía Tha Khét Sa Va Na Khét đã được gần hai nghìn lần sớm chiều rồi. Hai đầu cầu Hiền Lương như hai cánh tay dang ra, và Tổ quốc tôi mỗi tay cầm một lá cờ. Cánh tay trái bên bờ Nam, là cái lá cờ Diệm cố dúi dúi vào; ngón tay Tổ quốc không khép lại trên cây cờ thừa thì Diệm kìm kẹp rồi lấy thép gai cột vào.

Tổ quốc bị cắt làm hai mảnh, máu tươi vết thương ấy đang chảy ở trong tôi, ở trong huyết quản tất cả chúng ta bất cứ là ở tận tít trong kia hay là ở ngoài này. Tôi nghĩ rằng Tổ quốc tôi là một người lao động chăm chỉ chịu thương chịu khó suốt đời, kể từ lúc bập bênh những tiếng nói ban sơ rồi tiến lên có văn tự, và kể cả cái tuổi chưa có sử sách ghi lại, suốt đời Tổ quốc tôi là một người rất yêu đời và lúc nào cũng cố gắng vượt lên mọi biến cố lịch sử. Nhưng tôi cũng không quên rằng Tổ quốc tôi là một người đã nhiều lần thiếu máu đã nhiều lần mất máu, qua một cái quá vãng nhiều chiến đấu với thiên nhiên với nội chiến với ngoại xâm.Ần đây nhất, cuộc Kháng chiến mười năm làm cho Tổ quốc lớn vọt lên, nhưng con người Tổ quốc vẫn là người còn thiếu máu, đang cần máu, đang cần cháu con trong nhà tiếp thêm máu cho. Cho nên tôi cho rằng cái ông Diệm quỳ sứ khát máu Tổ quốc kia, xin mời ông hãy tháo đạn súng ông ra, và nếu ông còn dám xung xung là người có đạo, mời ông hãy quỳ xuống mà làm dấu thập ác đi, ông hãy bỏ tay dao xuống, muốn bắn bạc gì muốn xin xỏ gì thì rồi sẽ bàn sẽ cho, nhưng mà trước hết là máu đừng chảy thêm nữa, là máu đừng chảy nữa trên thân hình Tổ quốc.

“Nước ta tạm thời chia làm hai miền”. Không phải chỉ riêng nước ta mà trong khối xã hội chủ nghĩa chúng ta, còn có Triều Tiên còn có Đông Đức. Ở bao

nhiều nguyện vọng hòa bình dân chủ thì ở đó cũng bấy nhiêu khát vọng chính trị. Ba dân tộc, ba sợi giới tuyến thịt chặt vào. Giới tuyến gọi là tạm thời, nhưng qua thời gian bị chia cắt Tổ quốc, cả ba nước tính gộp lại thì cũng gần ba chục năm rồi còn gì nữa. Ở vĩ tuyến 38, giới tuyến Triều Tiên có thép gai dày năm thước, đồng ruộng Bắc ngày cày cấy tối rút ra, đồng ruộng Nam thì ngày đêm tuyệt đối không người làm ruộng, và mươi cây số vanh đai trắng.

Ở vĩ tuyến 17 Việt Nam, khác với Triều Tiên, giới tuyến của ta có sông có đờ, bờ ni nhìn bờ nớ, người ni thấy người tè. Nhưng nhìn thấy nhau, để càng đau khổ thêm về sự chia cắt, như thế hơn hay cứ vành đai trắng mà lại hơn. Thật cũng khó mà nói ra, bởi vì cái chia cắt nào dưới hình thái nào cũng đều là cái khổ, cái khổ của một người, của một nhà ly tán, của một miền của một nước. Cùng một cảnh ngộ chính trị, nhưng mỗi nơi một cảnh. Cộng hòa Dân chủ Đức thì giới tuyến trên cả nước chưa xong, lại còn giới tuyến ngoặc vào thủ đô cắt ra khu Đông khu Tây, đường tuyến xuyên vào một cụm nhà lầu, cắt ngang cắt chéo một đầu phố, một vườn hoa công cộng, một cái cửa ô Branbourg, một cái trường học, một cái nghề nghiệp, một đôi nam nữ, một số kiếp v.v... Tôi đứng trên cầu Hiền Lương bảy nhịp, tôi nhìn vào cái vạch giới tuyến trùu tượng cắt ngang giữa cái nhịp cầu thứ tư mà có

lúc tôi liên tưởng đến giới tuyến trên nước bạn. Lại thấy hai cái đầu giới tuyến, một ở đầu đăng kia Công hòa dân chủ Đức, một ở đầu đăng này Công hòa dân chủ Việt Nam. Và có một phút nghĩ ngợi nào đó, đứng ở cầu đây nghĩ cho mình chưa xong mà lại còn cứ nghĩ cả đến những đau khổ ở chỗ khác, ở Béc Lanh cũng chia cắt làm hai. Hay là... hay là chuyến này cả ba chúng ta, cả Việt Nam, cả dân chủ Đức cả Triệu Tiên, chúng ta dựng chung với nhau một bộ phim về giới tuyến. Phim màu hay phim trắng đen, phim truyện hay phim tài liệu, cái đó chưa quan hệ. Cái quan trọng là ở tính cách đương cục của chúng ta trong vấn đề cùng đấu tranh cho Tổ quốc Thông nhất và cho Hòa bình thế giới này nay. Mỗi nước sản xuất riêng về đề tài giới tuyến, người hơn người kém, chúng ta đều có khả năng làm được cả. Nhưng làm chung với nhau, nó có một ý nghĩa khác, cái ý nghĩa chính trị, cái ý nghĩa của một tập thể nghệ thuật xưa hội chủ nghĩa phục vụ cho Tổ quốc và cho hòa bình dân chủ chung. Cái sáng tác tập thể ấy nhất định là phải có một trọng lực chính trị. Có lẽ trong khắp nhân loại hiện nay cũng chỉ có ba nước chúng ta là thấm thía hơn hết về những xúc động của giới tuyến bất nhân phi nghĩa.

Cái vạch giới tuyến đặt ngang trên đầu tỉnh Quảng Trị, cái tỉnh Quảng Trị có truông nhà Hồ ở phía Bắc và có phá Tam Giang ở cuối tỉnh. Hãy nghe đây mấy câu hát xưa kia ở Quảng Trị:

*“- Đường vô xứ Huế xanh xanh
Khen ai khéo vẽ bức tranh họa đồ
Thương anh em cũng muôn vô
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang
- Phá Tam Giang ngày nay đã cạn
Truông nhà Hồ nội tán cám nghiêm
Thương anh em cứ vô tìm”*

Truông nhà Hồ ngày nay phong quang tấp nập và sát ngay thị trấn Vĩnh Linh, đứng ở truông nhà Hồ thấy được gần toàn cảnh khu Vĩnh Linh. Những cái sợ hãi của truông vắng rú rậm trộm cướp đòi tiền mài lộ không còn nữa, nhưng ngày nay Quảng Trị lại có cái đau khổ mới của vạch giới tuyến.

Đi trên bờ sông giới tuyến, cứ thấy nó thế nào áy, cứ thấy nó cạnh cánh bên lòng, cứ thấy hình như nhân dân đôi bờ đang luôn luôn hồi mình đòi mình, cứ thấy cảnh vật đất nước như quả trách mình.

Ở giới tuyến Vĩnh Linh thật là nhiều chuyện. Chuyện đau khổ, chuyện căm thù, chuyện đấu tranh quyết liệt. Và nhất là chuyện chia rẽ chia lìa chia cắt.

Những cái chuyện của những sự tình đáng lý ra chỉ là một thì bị cắt đỏi bị xé lẻ ra làm mấy mảnh.

Tháng trước có một con trâu ở bờ Bắc về bờ Nam. Nguyên gia đình nông dân đó trước ở bờ Nam rồi bỏ bờ Nam qua bờ Bắc làm ăn dưới chế độ miền Bắc. Một buổi nhớ thứ cỗ cũ bên kia sông bờ Nam, con trâu đó lội qua bên tê để cảnh sát Diệm tóm được. Ta đòi họ. Ta đấu tranh. Họ phải trả lại trâu cho bờ Bắc. Lúc qua bên đó, trâu lội chéo qua dòng sông Bến Hải. Nhưng lúc trở về, con trâu đường hoàng đi trên cầu sắt Hiền Lương mà về, có tổ Quốc tế đứng xem. Cảnh trâu ở bờ Bắc mà cỏ ruộng quen lại ở bờ Nam, gợi gợi một chút gì ở Tây Bắc có cái cảnh người Mèo làng xóm bên đất Việt Nam dân chủ mà mương ruộng thì lại nằm bên đất vua Lào.

Chuyện con trâu lạc; chuyện cái diều con trέ đứt dây gió đưa từ bờ này qua bờ nọ; chuyện cái thuyền cá bị gió bão dạt bờ Nam họ định giam giữ và ta đấu tranh buộc họ phải trả về bến này.

Chuyện một người tiêu phu bờ Nam đi củi trên rú, lội qua suối chết đuối vì nước lũ, xác giặt về bờ Bắc. Ta vớt, điện cho họ nhẫn tin cho thân nhân người bất hạnh. Họ làm ngơ, họ không cho thân nhân qua. Ta mua cỗ hậu sự dán giấy dò lên áo quan mộc quàn ở bờ sông đặt xuống thuyền chờ họ sang nhận. Những

trường hợp này, lại thấy sông Hiền Lương có đò ngang bên đó qua bờ bên ni.

Thế rồi đến chuyện bưu vụ bưu thiếp giữa hai miền. Böyle giờ ta cũng chỉ gọi bằng giấy thôi. Trước ta có túi vải đường hoàng, nhưng họ quyết của ta hàng mấy trăm cái túi nên ta không dùng túi vải nữa. Mà cái cách gói giấy hai bên cũng khác nhau. Ta buộc kỹ hơn, buộc tốn dây gai, buộc lối ô vuông, họ chỉ buộc xộc xệch kiểu thập ác. Và cái gói thường là rách bờ. Minh kêu, họ bắt bí mình họ bảo: "mấy anh chê rách thì chúng tôi lấy về". Mình thương những bà con có bưu thiếp gửi ra, mình lại cứ phải nhận.

Chuyện một cái đám ma đang đi dọc theo bờ Nam. Ở bên bờ Bắc, người con nhìn qua sông mới thấy người nhà mình mặc đồ tang, mới biết đó là đám cha mẹ mình. Và cũng cứ đi dọc theo bờ Bắc mà khóc vọng sang bờ Nam, bà con bờ Bắc chạy theo dùi vào tay chỉ một vuông vải trắng.

Con sông Hiền Lương ngày nay không phải là không có cầu để nối đôi bờ, không phải không săn đò để sang ngang. Nhưng Diệm nhưng Mỹ đã chủ trương cái việc đứt quan hệ đó và kéo dài cái kiểu quan hệ đó. Cho nên luôn luôn dài sông vô tội kia vẫn cát vào một đám ma, một đám giỗ, một đám cưới, vân vân... Ở tuyến đây cái gì cũng phân ra làm đôi, cũng thành

ra trái khoáy, ngược chiều, cũng bị Diệm vẩn chéo bẻ quẹo đi, rồi cái gì cũng thành ra hai thứ. Một cái cầu mà hai thứ sơn hai kiểu sơn hai đợt sơn. Một con sông mà hai thứ đò, một thứ tiếng mà hai cách nói hai cách phát thanh. Hai thứ mù, hai thứ quần áo, hai thứ tiền tệ. Một con sông mà hai dòng nước, một nước mà hai cây cờ. Bắc Nam một nhà mà... hai chế độ. Một cái cầu bắc trống, một cái bức đá bến nhớ người đi chợ sang ngang. Hai cái bến làng sâu hoắm nhìn thẳng sang nhau như hai khẩu súng đối pháo. Người rửa rau bên này lặng lẽ nhìn người vo gạo bến bên kia. Hai gốc đa cổ thụ hai bờ im lìm đọ bóng nhau như chờ một cơn gió nó rung hộ cành tay lá. Con cá rô bể chốc chốc lại quẫy mạnh vọt lên mặt sông mặn.

Tôi ngồi bên một đống gỗ mới ngôi mới gạch mới của nhà mậu dịch bách hóa sắp dựng trên bờ Bắc. Tôi nhìn sang cái bến làng Võ Xá. Chưa bao giờ thấy khát vọng sự hợp nhất, chưa bao giờ thấy sự thối thíc của thống nhất đất nước một cách dội lên dội xuống như những phút giờ này đi, đứng, nằm, ngồi ở dọc cái bờ Bắc con sông tuyến Hiền Lương đây.

8-1959

Tạp chí Văn nghệ số 29 (9-1959)

NHÀ NGỤC HY LẠP

Nghĩ đến Hy Lạp, chúng ta đều nhớ ngay đây là một nơi phát tích của chủ nghĩa nhân đạo, từ Hy Lạp đã tỏa rọi ánh sáng văn minh vào cuộc sống nhân loại. Ở cái xứ sở của trí tuệ và ánh sáng ấy, ngày nay những người cộng sản và Đảng cộng sản Hy Lạp phải rút vào bóng tối. Và ở đây, những lực lượng đen tối cũng đang tổ cộng như ở miền Nam nước ta.

Hy Lạp, cái quê hương cũ của triết học của các ngành nghệ thuật viên mãn, của các họa phái tươi đẹp, của nền kiến trúc điêu hòa tiết tấu, trên đất nước Hy Lạp quê hương của những anh hùng ca và tất cả những nhà thơ chân chính, ngày nay Mỹ đang dựng lên những cǎn cứ tên lửa và nguyên tử. Chạy theo đế quốc Mỹ hiếu chiến, nhà cầm quyền Hy Lạp đang chống lại mọi nguyên vọng hòa bình nhân ái của các tầng lớp nhân dân lao động. Những âm mưu của nhà cầm quyền Hy Lạp tay sai cho chiến tranh cho nguyên tử Mỹ cho đế quốc Mỹ, chính là những hành động thô

bạo đánh thắng vào cái vốn văn hóa cổ truyền ấy của dân tộc Hy Lạp văn minh.

Manolis Glezos và những nhà ái quốc Hy Lạp đã không để yên cho nhà cầm quyền Hy Lạp trắng trợn bán kho tàng văn hóa và đất nước Tổ quốc cho Mỹ dùng làm đầu cầu chiến tranh nguyên tử. Cùng với nhân dân Hy Lạp, Menolis Glezos đã đấu tranh cho hòa bình và độc lập của Tổ quốc. Cùng với đế quốc Mỹ, chính quyền tay sai Hy Lạp liền dựng lên một cái tòa án quân sự để “xét xử” Glezos. Nên nhớ đây là một tòa án hình thiết lập trong thời bình. Quyền lực của bạo lực, thực ra không là thực lực, cho nên người cầm quyền đã phải dựa vào sự nói liều, dựa vào vũ khống để kết tội để làm án Glezos và những người yêu nước Hy Lạp. Bản án của tòa án hình Aten vừa rồi, không có ý nghĩa gì khác hơn là một sự xúc phạm thô bạo và tàn khốc vào chính nghĩa. Tòa án hình Hy Lạp đã bó tú và bắt những tiếng nói chính khi ca phải đi đầy. Bản án này là một sự khủng bố đối với tri thức hòa bình. Nó còn là một sự tuyên truyền cho chiến tranh lạnh. Lúc đầu, ám mưu của nhà cầm quyền và quan tòa Hy lạp tay sai Mỹ xây cất cứ tên lửa, là định kết án tử hình Glezos. Nhưng tất cả những người yêu hòa bình chính nghĩa trên toàn thế giới đã chặn tay dao phủ lại. Không giết được Manolis Glezos,

chúng xoay ra bỏ tù và đày tất cả những người ái quốc Hy Lạp đã vạch rõ âm mưu chúng.

Manolis Glezos, nhà trí thức Hy Lạp yêu hòa bình nhân loại, nhà ái quốc chiến sĩ của phong trào Hòa bình thế giới, Glezos của mặt trận hòa bình chúng ta mà không bị tử hình vừa rồi, đó là các kết quả bước đầu của cuộc đấu tranh giữa các lực lượng hòa bình và chiến tranh. Đây không phải là một sự mặc cả với Thần Chết, mà rõ ràng là uy tín và khí thế của chính nghĩa đã làm cho tội ác phải chùn tay lại.

Cùng với tất cả mọi người đã từng lên tiếng vì Manolis Glezos, tôi tin tưởng rằng tiếng nói hòa bình chính nghĩa chúng ta càng đông hơn nữa càng mạnh hơn nữa, thì nhà ngục Hy Lạp phải mở cửa ra và trả lại Glezos cho chúng ta.

Báo Văn học số 53, ngày 31/7/1959

SUỐI

(trích nhật ký của Nguyễn Tuân)

Kháng chiến, tới thời kỳ địch chiếm đóng thị xã Sơn Tây và thị xã Hòa Bình, đường dây từ Việt Bắc về Khu Bốn vắt qua châu Yên Lập, châu Thanh Sơn, đường dây xuyên vào rừng nứa và xuyên vào lòng suối, có khi cả ngày lõm bõm nghe tiếng nước, mắt nhìn dán vào đôi gót chân anh liên lạc ròng ròng lâ chā, tai mình nhảm đì vì tiếng nước suối khua động. Anh liên lạc còn an ủi chúng tôi bám miết anh: “Áy nó mà lại đánh tỏa được ra vùng này nữa, thì lại không thể lội suối bừa bãi như thế này được đâu. Cứ ào ào mà lội như thế này, chúng nó đến sau mươi lăm phút hai mươi phút, nó vẫn dò được là có người vừa vượt suối. Chỗ dòng suối nước đọng, bùn bị khua lên, lâu lăm mới lắng xuống. Men đòn địch mà lội suối, là phải lội lối chân cò, quắp bàn chân lại mà rút cao từng bước một”.

Hôm nay đất nước thanh bình, tôi lại lội suối Tây Bắc. Ba ngày đi bộ liền. Hôm qua lượn rồng rắn trên một con suối dài. Hôm qua cũng con suối ấy, hôm nay lại vẫn con suối ấy. Ngoài lòng suối, không có con đường nào khác. Trên bờ đồ đem theo, cũng thấy đúng như thế, những cái chấm chấm trứng rận đường tiểu mạch chính là những chấm chấm đen đen lẩn vào cái vệt lam nhè nhẹ con suối. Con ngựa thồ tài liệu xem chứng muốn nghỉ nên móng nó luôn luôn trượt trên nhòn rêu cuội sọ dừa. Anh thanh niên Thái dẫn đường, hồi vùng Tây Bắc đây còn đồn bốt, đã bị nó bắt đi khiêng đạn theo nó đi càn; nay anh là một tiểu đội trưởng dân quân có thành tích diệt phi. Một lối mòn lấp ló sau mấy gốc ngái gốc ngoài chỗ khuỷu suối; anh thanh niên Thái ngồi xuống cây gỗ mục, vớ một cái diều cày của người đi rừng nào đi trước bỏ lại cho người đi rừng sau. Anh rít mỗi thuốc: "Lối này hồi chưa giải phóng là đi vào một cái hang bắp bí mật của du kích, Pháp nó có vào, nhưng không lấy được gì". Bỗng có tiếng người. Tôi nín lại khẩu súng trường anh liên lạc, ra hiệu đứng im đừng lội nữa. Để nghe nốt cái bài hát Thái ấy. Bài hát tôi không hiểu được hết nghĩa, nhưng chỉ biết là âm diệu buồn, buồn thương như cánh rừng chưa có sự bảo vệ của con người. Rồi thấy hiện ra một người đàn bà Thái nã dòng váy nhẹ nhại nước suối, không phân biệt được đường viền ngũ

sắc mép xiêm đúng là màu cầu vồng gì... Bên hông, thông xuống một lăng rêu mượt. Anh liên lạc lấy cành hộp đập nhẹ vào móng con ngựa; con ngựa lóc cóc giữa lòng suối chiều hôm trăng đã rót qua vòm tò vò lá ken đầy. Trả lời câu tôi hỏi bài hát vừa rồi là bài hát gì, anh thanh niên Thái chỉ mỉm cười rút bước cho sớm tới chặng nghỉ tối. Nước suối chảy xuôi và thấy mình xê đi từ bữa qua như muôn thuở vẫn trôi đi một tấm lá rời ngàn. Từ hôm qua hôm nay tôi thuận dòng mà trôi tới địa điểm không cần ai đưa đường, bởi vì cái bản tối nay ngủ lại vẫn là nằm bên mép con suối này. Ngày hết vẫn đủ ánh sáng để theo dõi một máng hoa ban trôi mặt nước như đàn bướm trăng nào chết đuối vì tàn lửa đốt nướng ngô. Bất chợt thấy đồng vọng về từ thiên thai xưa cái câu Tân Đà.

đã mòn rêu nhạt... đau non

đường lối cũ... ngàn năm

tha thán bóng giăng chời.

Đêm đó, cũng là đêm tôi không ngủ, bên một bờ suối Tây Bắc đang còn bì bõm những người cuối cùng vội đi kê khai dân số kèo sắp đến giờ khóa sổ dân số toàn miền Bắc. Bên bếp lửa, gặng hỏi lại anh thanh niên Thái về bài hát ban chiều. Có mấy chén rượu men lá chéch choáng, giờ anh mới giảng cho về bài hát. Nhưng anh vẫn còn nghi ngại và rào trước là “bài

này hỏi làm gì. Nó là một bài lạc hậu, giờ phụ nữ
Thái tiến bộ toàn hát những bài đời sống mới”.

Bài hát hái rêu lúc chiều áy, tiếng Thái gọi là *Kháp kép cây*. Ngày xưa, cô gái Thái buồn mà đi hát rêu, bởi chung rằng nó khắc buồn như thế thôi. Người mình yêu thì bố mẹ không cho lấy, lại đi gả mình cho cái người mình không thích. Giống như là thơ *Sóng chу son sao áy*. Gia đình làm cỗ bàn, lại bắt mình đi hái rêu về làm rau xanh cho một tiệc cưới mà mình không có ý kiến. Cho nên buồn thương, mà hát hái rêu. Bên bờ sầu suối buồn, vừa hái vừa buồn thương mà hát:

*Mặc cho nước chõ cửa lướt chảy thành thác
Hãy bỏ mặc nước dưới thác thành rêu
Và bỏ qua đi người yêu phương xa đã thành
khách lạ*

*Rêu chưa đầy giỗ mẹ đã bắc chõ
Con chưa đến tuổi
Mẹ sóm vội gá chồng
Lá tre rơi mất nước mạ hóa thành cá, chả thích!
Lá cọ xa rơi xuống ruộng thành lúa, không thích!
Lá cây tậu rơi bên cửa sổ hóa ra tiền, chả thích!
Cành xương rồng đậu nhà biến thành lụa,
cùng chả thích!*

*Gót chàm cùng hạt cát non thành muối, cũng
không yêu được!*

Hôm sau vẫn đọc suối mà đi tiếp. Gần một bản, thấy trồng toàn cải xanh và cà chua đỏ. Hỏi ra thì quanh đó không có đơn vị bộ đội hoặc cơ quan nào cả. Cải và cà chua là hoàn toàn của nhân dân Thái địa phương. Tôi mới sực nhớ ra rằng ít lâu nay cuộc sống Tây Bắc có những thay đổi cụ thể. Có chị Mèo rời đình cao xuống gánh đá đắp đường dưới bàn chị Thái, có chị Mèo học trồng rừng làm máng nước, có chị Thái dạy chị Xá dệt vải khổ rộng, có chị Thái Mèo y tế đang nghiên cứu qua ống kính khoa học, có những chị Thái tốt nghiệp đỡ đẻ để không bà mẹ Thái nào còn phải đẻ đứng nữa... Và các bà các chị Thái đã biết trồng rau trồng quả, không hoàn toàn y lại vào thiên nhiên. Cái vườn ở nương ở bản đã mang nhiều hơi hướng bàn tay người. Vẫn còn ăn rêu trời rêu suối, nhưng mâm ăn đã có thêm rau người. Trước là rau cỏ tự nhiên chủ nghĩa, nay là quả lá của những người miền núi cải tạo dần đời sống cỏ lá hoa trái quanh mình...

SÔNG ĐÀ*

(Tuỳ bút)

* Sông Đà - lần in thứ nhất 1960
Sông Đà in lần thứ hai (1978) thêm bài Sông Đà đổi thay lời
bạt (NXB Tác phẩm mới)

ĐƯỜNG LÊN TÂY TÂY BẮC

Những hành khách chung với tôi chuyền xe rời Hà Nội đi Điện Biên Phủ là những anh bộ đội trai trẻ của nông trường Điện Biên đi phép thăm quê thăm nhà, nay lại về già phép trên Điện Biên. Chúng tôi là một đoàn dài ca-mi-ông trên đường Mai Linh-Xuân Mai. Sực nhớ lại cái ngày nào từ rừng Việt Bắc về tiếp quản thủ đô, cũng những đoàn xe màu xanh lá rừng và sao vàng kiểu dây. Mới đó mà đã bốn năm ngừng bắn ở miền Bắc. Nhưng mà con đường số 6 vẫn gợi nhiều lầm ở những quăng dây. Những nghĩa trang liệt sĩ hai ven đường, nhắc lại những trận ta đánh địch tại bời trên con đường nó rút quân từ thị xã Hòa Bình về Hà Nội đầu năm 1952. Cũng đã gần thành một cái quy luật: từ ngày xây dựng hòa bình, chỗ nào có nghĩa trang liệt sĩ thì nhất định gần đây đã có những trận nhỏ trận lớn ta diệt quân hoặc diệt đồn nó. Cũng như một cái quy luật nữa: trong vùng giải phóng, chỗ nào có vị trí nó đóng, thì quanh đó, thường là nhoi lên một cái gác chuông nhà thờ nhọn hoắt. Tôi chăm chú nhìn

ven đường, cố tìm lại những vết lối mòn cũ của con đường dây Việt Bắc-Khu Ba vắt qua đường số 6 mà trước đây, mỗi lần cán bộ vượt đường, lại nâng lên hoặc hạ xuống, tuỳ theo tình hình rải quân của nó.

Ngã ba Chăm. Phía tay trái tôi là con đường vượt lên Dốc Cun của cán bộ kháng chiến về họp Khu Ba qua Sào, Rệnh, Chợ Bến, Đầm Đa; về họp với Khu Bốn qua Nho Quan, Chợ Rịa, Thạch Thành, Cầu Bó, Đô Lương. Từ nèo Chợ Bờ, một đoàn ca-mi-ông đi ngược chiều lại, thành xe, tai xe đầy bùn ướt bùn khô. Ló ra những khuôn mặt quả cảm và những câu chào động viên thảng thắn: “Chúc các anh lên góp phần kiến thiết Tây Bắc thân mến!”. Những chuyến xe xuôi bao giờ cũng nhẹ nhõm và chuyến xe ngược bao giờ cũng nặng trĩu hàng hóa và tình cảm.

Thế là đã sang ngang Sông Đà hai lần rồi, và đêm nay ngủ lại ở Suối Rút. Suối Rút với những kỷ niệm xây dựng cơ sở buổi đầu của khu Mai Đà trực thuộc Trung ương những năm đầu kháng chiến. Đã lâu lắm, tôi mới lại mặc mìn ở một cái phố ruột ngựa nơi đường rừng. Cả đêm thao thức. Và chập chờn hiện lên những bóng hình cả từ xưa xưa cả từ Kháng chiến gần đây. Cuối thế kỷ mười chín, Pháp đã dựng Suối Rút thành thị trấn lấy đây làm cái cửa rừng để bòn rút dần những của cái rừng Tây Bắc và Thượng Lào Trung Lào. Ở đây có Tây buôn có thương cục. Nhà tư

sản dân tộc Bạch Thái Bưởi cho tàu thủy chạy lên đến Chợ Bờ cạnh tranh với sà-lúp đế quốc. Ở Suối Rút nhanh nhót những mại bản cửa rừng xuyên qua đây mà sang Lào, mà vào Thanh Hóa. Suối Rút thời Pháp thuộc, là cái chặng nghỉ của những người bị đi đày lên đường ngược có lính khổ xanh giải đi. Suối Rút cũng là nơi những người tù cộng sản vượt ngục Sơn La chia tay với người Thái giác ngộ Cách mạng. Suối Rút còn ghi nhiều sự việc của dân công Khu Ba Khu Bốn tiếp tế cho tuyến lửa Điện Biên. Được rừng soi vào những khuôn mặt và mồ hôi của dân công và các chiến sĩ xe đạp thồ vận tải trên ba tạ hàng. Suối Rút cuối 1953 là một kho khổng lồ phân tán trong lòng rừng. Gạo, muối, đường, cá khô, sữa, nước mắm kem, lụa đạn, đạn các cỡ, tập trung gần đây cứ hàng trăm hàng ngàn tấn. Suối Rút cuối 53 đầu 54 là kho hàng quân lương quân giới, nhưng còn là cả một tấm lòng vô giá của hậu phương gắn bó keo sơn với tiền phương Điện Biên. Lá nguy trang cái khô cái tươi rơi rụng trên khắp mấy trăm cây số mặt đường 41, khúc ruột thân yêu của Tây Bắc. Mỗi chiếc lá rơi ấy là một cái tình, là một tấm lòng. Và câu hò yêu nước của những dòng dân công tiến sâu trong đêm chiến dịch, thường dội lên câu: "Đó ai quét sạch lá rừng". Tàu bay địch quần con đường ban ngày này. Công trường dân công nâng kỷ luật khói lửa lên tới một mức có khoa học có nghệ

thuật. Những khu vực giấu xe và kho xăng dầu mờ đều có những giàn mướp già. Ban ngày, lúc cần, cũng có những đồng lá xanh di chuyển. Nhưng cái sinh hoạt náo nhiệt nhất của con đường Suối Rút-Sơn La chính là từ lúc mặt trời lặn về phía tây trong Điện Biên kia. Đêm đêm rầm rập tiếng người chuyển, hơi nóng của đoàn người dòng người đánh tan mù và sương rừng. Bộ đội, thanh niên xung phong bảo vệ cầu đường phà, cán bộ xã cán bộ huyện, cán bộ tỉnh và khu và trung ương đều đi miết, gặp mặt trời ló ở đầu thì rẽ ngang khỏi đường trực, lấy chõ rừng đó làm nhà mình, ăn ngủ qua quýt rồi chạng vạng mặt giờ lại đi tiếp đi tiếp. Có những tiếng súng báo động tàu bay, dội lại từ vách núi. Có những đoàn xe lái ngay xuống suối cạn, có những đoàn xe cứ tiếp tục lăn bánh mà theo sau những cái bóng đi trước dò đường và mặc đồ trắng làm dấu xi nhan. Có những tổ trưởng đoàn xe anh dũng vượt đường dưới mưa bom mưa đạn, lúc vào tới địa điểm, buông cái tay lái xe ra để hồi hộp nhận lấy những tấm huân chương gắn lên bộ ngực thở mạnh. Bài học địa dư Tổ quốc về phần địa dư hình thể Tây Bắc, quảng đại nóng dân - kể cả người nóng dân mặc quân phục - đã đem tất cả sức lao động và tình yêu đất nước ra mà học một cách tập thể ngay trên con đường Suối Rút-Sơn La này. Họ vừa gánh vừa học. Tôi cũng ôn lại bài học đó trên suốt đoạn xe

từ Suối Rút đi Mộc Châu. Đã trưa rồi mà khí hậu cao nguyên Mộc Châu mát lạnh như đầu một mùa xuân nào. Dưới chân tôi và sau lưng tôi một ngày đường, là Hà Nội đang nhẽnhại trong tiếng ve sầu và đường nhựa bốc hơi. Mây trắng Châu Mộc là là trên những ngọn cỏ mát rờn một thứ cỏ cơm bữa của dê bò ngựa nồng trường. Ngay chỗ đỗ xe là cảng tin. Những cái bóng linh lợi của người lính hòa bình kiến thiết Tây Bắc. Bát phở nóng cảng tin, năm sáu năm tới hẵn là ngày lên cái mùi thịt chín thịt tái của chính bò nồng trường đây. Tách cà phê nồng cảng tin gợi trước lên cái hương vị cà phê tương lai của nồng trường Tây Bắc. Chẳng bù với quang cảnh năm nào, bộ đội ta vào Tây Bắc mở rộng căn cứ, đất Xồm Lồm đây chỉ một màu trúc vô cỏ chay, nồng lên cái mùi hổ đói. Hàng ngày đường không có tiếng nói của người đi. Toàn là cỏ dại và cỏ riềng, cái vị riềng cay muối mặn nhớ đời của bữa cơm đơn vị chủ lực quân vào mở đất ở Sơn La. Nay giờ thì khác quá đi rồi. Cuộc đời có tổ chức có trật tự, công khai có Đảng có kế hoạch, cuộc đời mới đang bén rẽ đậm chất mạnh, và nơi đây đang kết tinh nhiều giống hoa say nồng chưa nở một lần nào trên đồi lũng Thái Mèo. Trong tôi đang hình thành lên một tấm tranh áp phích đòi tuyên truyền bằng được cho Tây Bắc giàu có sáng tươi và hồn hậu. Thấy mong muốn một cuộc thi vẽ tem dán thư. Tây Bắc đầy

của chìm của nổi, với những con người bao lâu đời chịu đựng thiệt thòi bất công, với những phong cảnh bao la một niềm lâng mạn xã hội chủ nghĩa, Tây Bắc xứng đáng in hình tem lên nhiều lá thư gửi tới ức triệu cánh tay miền ngược miền xuôi đang hào hứng bước lên đường xây dựng. Trong lòng tấm áp phích sẽ thu bé lại để in tem, tôi muốn vẽ một con đường hồng hào vắt veo trên một cái nền màu lam, một màu lam sâu sắc và chung thủy nó diễn tả đúng cái chất của triền núi Tây Bắc, trên chóp núi hiện lên một cái mũ trắng bông kết bằng cái áng mây yêu đời của thơ ca Thái; phần dưới hình tem là cái khuôn mặt có hạnh phúc nhơn tiễn của người đàn bà Tây Bắc cổ điển.

Xuống gần hết dốc Chiềng Đông, bên tay phải đã thấp thoáng cái lườn đở con đường liên tỉnh lộ số 13 đậm từ Bờ Đậu Thái Nguyên sang chỗ ngã ba Cò Nòi kia. Đây là một công trình kiến thiết ngay trong kháng chiến, bằng bảy tháng công sức của nhân dân ta mở thêm đường và hoàn thành con đường vắt qua ngọn đèo, nối liền Sông Đà bên này với sông Thao, sông Chảy, sông Lô, sông Tiểu Dáy và sông Công bên Việt Bắc.

Cò Nòi, Hát Lót, Nà Sản đã bay hết vết tích đầu cầu hàng không của địch rút chạy năm ngàn quân ở sân bay Nà Sản. Giờ đây là diện tích khai phá và xây dựng của nông trường. Nhà cửa, còn là mái gianh liếp

nữa, nhưng đã thành lập những kíp ngói kíp gạch và bộ phận nung vôi ngả gỗ. Rừng ở đây không còn là thứ cỏ cây vô chính phủ mà cây rừng cũng đã bước đầu được cải tạo dần dần. Trên lối cửa rừng, cây to đã lấy mình ra làm khẩu hiệu với những dòng chữ vừa Kinh vừa Thái: "Cấm lửa rừng". Trong những mái nhà gianh mới, vòng bánh to dày những con lán máy còn hăng lên cái mùi bột đá của đoạn đường nắn lại và mở rộng thêm. Quanh con suối cầu Hát Lót, bạn trai bạn gái công trường cười nói, giọng Hà Nội vẫn chưa lấn hòa đi. Bộ đội đi qua đường, cũng áo sơ nón lá như ai. Quanh đây, như bao thế kỷ nay, tiếng cối già gạo vẫn còn cầm canh, nhưng mai đây rồi tiếng máy nổ của kế hoạch kinh tế sẽ trùm lên tiếng cối nước. Ba năm chưa được thì lại năm năm. Và cuối cùng là rừng ở đây sẽ quấn quanh lấy người, lấy hơi người, mười đầu ngón tay con người sẽ giao hòa với cuống hoa đầu quả, hoa không còn là hoa ngàn vô định, có cũng không còn là cỏ dại dặm dài. Hoa chấu, hoa các cây công nghiệp, cây ép dầu, cây bóng mát, cây ăn quả sẽ đua tươi với mọi thứ hoa hương và hoa sắc. Hắn vì đã thấy trước cái triển vọng thơm ngọt tươi thắm ấy của lũ chúng ta ngày nay trên con đường lớn này, mà trên đồi ngực Sơn La từ những ngày hoa cỏ còn bị dập vùi, các đồng chí tiên liệt Đảng ta đã tượng trưng trồng lên mây gốc đào. Ngày nay,

mỗi lần gốc đào trên đồi ngục cũ nở hoa, gió xuân Mường La tạt bay cành đào xuống nóc ngôi cũ chợ tỉnh Sơn La là lại báo hiệu thêm một sự chuyển vần mới, một vần hội mới đang nở trong lòng mọi người, đang nở thêm trong lòng cuộc sống làm ăn và suy nghĩ của mọi người.

Đi trên đường 41 mà từ nay ta thống nhất tên gọi mà gọi là đường quốc lộ số 6, thực ra đi trên đường số 6 qua Châu Mộc, Châu Yên, Châu Thuận, Mường La, Mường Muội, Mường Mùn, Mường Lay mà rủi quên đi cái dĩ vãng phúc tạp của cuộc sống hai bên đường trực này thì đó là một thiếu sót nó hạn giới tâm lòng cảm thông của mình với cảnh và người trước mắt. Cách đây bảy mươi năm, Tây Bắc là khu vực Pháp xâm lăng cuối cùng trong lịch sử đất nước của chúng ta. Trước khi có Cách mạng, con đường đá này là con đường của công nông và trí thức cách mạng đi lưu xứ mười niên hoặc cầm cố chung thân, người đi lên con đường này cũng gần như là đi con đường biển ra đảo Côn Lôn hoặc sang đất an tri Guy An của Pháp ở Mỹ La Tinh. Máu và nước mắt đã quên lại trong lớp bùn đường cũ chảy qua một vùng ẩm ướt tối tăm, trên đó tiếng thét của Cách mạng thời Pháp thuộc có dội lên nhưng mà thường thường chỉ còn là những tiếng thầm thì. Cả một cái tổ chức bất nhân đại ác của công sứ, quan binh, lê dương, đầu sai, linh dōng, phia tạo,

thống lý, thống quán. Cướp đoạt trắng trợn, hiếp bức tinh vi, tra tấn, tù dày, bán chém. Kể đến kháng chiến, tội ác của đế quốc càng chồng chất lên mãi. Nó nuôi beo hùm hàng chục con ở vị trí Chiềng Đông để cắn xé hói khẩu cung những cán bộ các dân tộc ngược xuôi. Nó dồn làng, bờ tù cả bản, dày dọa cả bản cả mường chết mòn. Nó đưa ra những khẩu hiệu “giết kinh lấy muối - giết Thái lấy ruộng - giết Mèo lấy thuốc phiện”. Nó di súng trận vào tay những thiếu niên Thái, có nhiều khẩu súng dài hơn thân người lính các “tiểu đoàn xứ Thái”, và có rất nhiều dòng nước mắt dài hơn cả súng nó khoác cho. Cán bộ gây cơ sở địch hậu Tây Bắc hồi áy chỉ đem theo trên người một cái bật lửa, một cái thuồng đào cù mài và một tấm lòng. Rạch bẹ chuối rừng ra hứng lấy từng giọt mà uống, ngắt lấy búp có gianh mà nhai cho đỡ đói đỡ khát; nằm trong hang đá mà khát mà đói mà thèm muối, nhìn đá lấp lánh trong hang mà mơ đến những tảng những hòn muối mỏ. Muối thời chiếm đóng là vàng trắng. Giặc Pháp đã đem cái vàng trắng áy ra mà như lòng bọn tham bọn xấu. Cũng đã có những đứa ham mấy bơ muối ngoài chợ mấy bát thịt phở trên đòn mà cắt đầu anh em cán bộ đem nộp cho Tây. Cán bộ địch hậu hồi áy nhớ muối và thèm đi trên đường cái quan. Có đồng chí mải mê nhen lửa trong lòng nhân dân Tây Bắc để Cách mạng sớm bùng ngọn

khắp nơi, mong đất nước Tây Bắc mà giải phóng rồi thì cái nguyện vọng đầu tiên và cũng giản đơn của anh lúc ấy là được nhảy ngay xuống con đường trực mà chạy suốt một đoạn giữa mặt đường thênh thang chói chang ánh sáng tự do, cười nói cử động thừa thãi với cái tư thế của một người từ đó làm chủ đất nước và đường đất vừa giải phóng. Ẩn ẩn hiện hiện, cái hình ảnh anh cán bộ địch hậu Tây Bắc thèm muối thèm đường cái chính xứ đã đeo đẳng tôi suốt ngày đường. Hôm nay đây, cái thứ muối xót lòng rời nước mắt ấy đã từ dưới xuôi đưa lên đây, ô tô vận tải quốc doanh đã đưa lên rất nhiều, mậu dịch heo hút và cao vát vèo nhất cũng có nhiều, nhiều như mùa xuân Tây Bắc nở hoa ban rồi, các đồng chí ạ. Chắc các đồng chí còn biết tận hưởng hơn tôi nữa kia. Phải, cái thứ muối Tây hồi chiếm đóng bắt nộp đủ hai mươi cân gạo thì mới xúc cho một cân muối, thì nay ta đưa thẳng lên tận các bến trên đèo cao và đưa thấu ra tận biên giới Lào Việt mà giá mỗi cân muối vẫn chỉ tinh bằng một cân rưỡi gạo thôi. Cuộc sống ngày nay ở hai ven đường cái chính xứ số 6 và tít lén đầu đường quốc lộ từ đây rồi càng thêm phong quang càng thèm đậm đà. Và con đường cái quan trọng ước của các anh từ cái hồi còn bí mật nằm trong hang đá bem ngó xuống, con đường ấy bây giờ lại còn đắp thêm mặt đường cho rộng ra nữa, lòng đường đắp mu cao vồng lên, nền

đường cấp phối đủ đá, đá, cát, đá sỏi lắn lượt chồng xếp lên nhau, mỗi cây số đường tu sửa như thế sẽ ăn của ngân quỹ hai triệu đồng. Rồi đây bảo đảm giao thông vận tải cả hai mùa, cả mùa mưa nước lũ rùng, phải xây dựng cầu và cống thêm cho ra trò, thi những con đường huyết mạch của Tây Bắc sẽ tốn phí tới gần gần mươi ngàn triệu đồng bạc Việt Nam cũ. Nhưng mà rồi đây đường Tây Bắc của ta sẽ tươi nhộn hơn, mùa mưa cũng đông vui như mùa khô, đường sẽ đỡ dốc đỡ lội đỡ đi chìm xuống suối, sẽ thẳng thắn phảng phiu và quang đãng hơn. Trong cái nhịp điệu sản xuất phổi hợp của Tây Bắc, đường quốc lộ số 6 rồi sẽ tham dự vào sự cải tạo và sáng tạo cuộc sống trên này. Nó rồi cũng tái sản xuất nữa. Hàng trên này cuồn cuộn đổ về đồng bằng, người đi kiến thiết Tây Bắc lớp ấy lên lại lớp khác về luân phiên, các chuyến xe của nó về xuôi cũng đông đủ như mọi chuyến xe của nó ngày nay đang âm âm tiến lên. Khối lượng kinh tế trước mắt của đích thân Tây Bắc chưa đủ sức nuôi dưỡng con đường này. Chúng ta còn phải lao động cật lực và bồi dưỡng nhiều nữa cho nó, nhưng khi nó lớn rộng lên, nó sẽ trả đền lại cho ta cũng rất nhiều đó. Bay giờ trên mình nó đã âm vang lên cái bản nhạc hợp tấu của vận tải thời quá độ. Tiếng các đoàn xe đạp thồ xe ngựa thồ, tiếng chuông tiếng nhạc chuyển bánh, tiếng máy nổ, ca-mi-ông hai guồng của vận tải quốc doanh,

tiếng xe của quân đội hòa bình sản xuất! Mai kia rồi
còn tiếng còi xe lửa đường sắt Tây Bắc.

Đời sống Tây Bắc ngày nay là một tấm lòng tin tưởng không bờ bến, tin mình tin người, mây chục dân tộc miền cao và đồng bằng tin cậy lẫn nhau, và nhất là tin chắc vào cái chế độ đẹp sáng do tay mình đắp cao mãi lên trên chỗ cao nguyên tiềm tàng sức sống này. Dọc châu Mộc và châu Yên, những quán tự giác mọc mãi lên ở ven đường ở mé suối đã phần nào biểu thị cái niềm tin vô hạn ấy. Thời để quốc không thể nào có những cái quán này, nó đúng là cái sản phẩm tốt lành của hòa bình và của chế độ ta. Các bác các chị Thái nay đã giác ngộ về sản xuất lương thực, đã dành thời giờ của mình ở nương ở ruộng, và đã có sáng kiến dựng nên quán tự giác. Ở đây không có người bán hàng, nhưng có đủ thời chán phẩm quả: chuối, dưa, muỗm, mía, cam, tùy theo từng mùa vụ, giá nhất định đã ghi trên chông quán. Khách đi đường cần giải khát lót dạ, tự mình chọn lấy món quà và tự mình bỏ tiền vào cái túi vải thêu dắt ở mái gianh. Quán không nổi lên lời chào, lời mời, quán thiếu bóng người, nhưng sự vắng mặt ấy không có nghĩa là thiếu vắng những chân tình thơm thảo quý tin lẫn nhau.

Đèn điện phố Thuận Châu sáng choang từ hai dây
phố chợ, từ nhà Giây Thép từ điện dài, quán ăn, hiệu

sách và từ hai bên núi có những khu bệnh viện, đã thức hành khách dậy và nhắc cho biết rằng trong giai đoạn đầu mở mang này, đây là thủ phủ của Khu Tự trị Thái Mèo. Cái ông cụ khâu ba lô và yên ngựa, người Bắc Ninh làm ăn ở phố Ngõ Trạm Hà Nội đã mấy mươi năm nay, vừa khâu vá và vừa nói chuyện rằng sê nhăn bà con lên hòn Điện Biên mà khâu vá, vừa khâu vừa sản xuất vì “đất nước ta giờ rộng chán, đi đâu cũng có ăn có việc làm”. Một ông già khác khoe vụ rau năm ngoái, sự lao động cật lực của già đình ông đã đem lại cho ông bốn triệu bạc. Ông thuê máy sào đất, lấy giống cải bắp từ núi thiêng vân dài Sa Pa về, cải bắp bán ra một ngàn hai mươi kí lô.

Khỏi thủ phủ khu Tự trị chừng trên chục cây, thì cảnh bắt đầu chuyển cảnh. Đã bắt đầu leo đèo Pha Đin. Đèo Pha Đin thuộc vào loại những đèo vừa cao vừa đẹp của cả miền Bắc miền Nam nước ta. Đường đèo ngoặt chữ “chi” liên chi hồ điệp, nhiều dốc dựng cao. Nhìn ngang nhìn ngược nhìn xuôi đều thấy được những đường lượn vừa vượt qua và những khuỷu sấp lao xuống. Một tấm tranh toàn cảnh của núi rừng Tây Bắc điển hình. Núi trọc, sườn cỏ gianh, và đường xén vào núi, đất rực lên cái màu đỏ gạch nung già. Có cái cảm giác như ngồi tàu bay từ Liên Xô về nước lúc bay qua Trung Quốc, nhìn xuống những khúc tường gạch cũ gập góc trùng điệp của Vạn Lý Trường Thành. Ở

chỗ cao nhất của thân đèo, trông xuống, các chóp núi đều lượn rập rờn như các nếp sóng bạc đầu của một vùng biển cả mà phép màu nào đó, vừa biến hóa thành ra đá, cứng lại, xanh sẫm và tim ngắt một niềm im lặng.

Mày ở đây xốp lên như bông như len của Tây Bắc trong tương lai gần đây. Lúc này có phim màu đem ra mà quay dăm bảy chục thước ghép vào với một số cảnh sinh hoạt khác mà gửi đi dự thi quốc tế, nếu không được ăn giải thì chí ít cũng hấp dẫn cảm tình người xem đối với cảnh đẹp đất nước ta yên vui lao động hòa bình. Trên Pha Đin, cỏ gianh liên tiếp đồi nọ đồi kia như một tấm áo nhung đại cà sa óng ánh xanh một màu cỏ pha, trên cái áo căng phơi dài rộng đó, ánh sáng láng đi láng lại nhiều lần. Trong chiến tranh vừa qua, cái áo xanh đẹp ấy đã bị lính viễn chinh xé rách và làm cháy xém nhiều mảng. Bom chùm, bom giây, bom bướm, bom khói trắng, khói đen, bom tạ, bom tấn, bom nhanh bom chậm, bom giờ, đã làm hoen ố và rách nhau nhiều miếng trên thân áo nhung màu. Cây cỏ Tây Bắc có độ lượng đã khâu và lại tất cả, nhưng người Tây Bắc ở đây không những nêu tội ác giặc mà còn muốn bắt đèn nó và không bao giờ quên cả những khoản nợ máu nó gây nên. Trong chiến tranh vừa rồi, đất đồi đình đèo lưng đèo bát tung lên như cơ thể vọt máu từ miệng vết thương, và núi

sông quanh đây không ngót dội lại không thôi cái tiếng hận thù trong những trận bom sáng giăng. Sức chịu bom đạn của con đèo cũng có thể đem so sánh được với công sức của con người ngày đêm bảo vệ đường đèo, lắp hố bom, cắp rộng những quăng sụt, xén đi xúc đi những quăng sạt, chuẩn bị gỗ cành và tre liếp vứt lên quăng lầy mưa bùn cho pháo nặng qua đèo cho cơ giới quân lương vượt đèo.

Từ chân Pha Đin vào Điện Biên, từ Tuần Giáo vào, đường 42 dữ hơn. Suối ác hơn, phong cảnh lầm lì. Ai hay đau tim chỉ nên đi vào mùa khô. Ai tài nghệ lái chưa già dặn, cũng dễ chùng tay lái. Những anh bạn trẻ cùng xe đều là những con người vào sinh ra tử của đất Điện Biên, nên chuyến xe đi rất chầy chật hồi hộp, nhưng cũng rất vui. Anh tự giới thiệu: "Thế là đơn vị tôi ba lần lên Điện Biên. Cuối 52, giải phóng Điện Biên lần thứ nhất. Chiều mồng 7 tháng 5 năm 1954, tham gia chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử. Thế là lần thứ hai. Và lần này lên Điện Biên tham gia sản xuất tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thế là ba lần tất cả, có phải không đồng chí văn nghệ?". Anh cười tí cung thăng. Tôi cũng cười tràn. Cùng hiểu với nhau trong cái cười, không cần giải thích thêm. Nghĩa là triển vọng của quân dân chúng ta ở Tây Bắc đây là rất lớn, nhưng những khó khăn trước mắt thật ra không là ít đâu, phải luôn luôn tự vượt mình và luôn

luôn vượt khó, chớ có bi quan chớ có chủ quan mà lại kiểm điểm mệt! Cái xe hai pôeng bám vào bùn mà lèn đèo rất khỏe, két nước sôi khói. Lại nói về đồng chí lái xe đây. Thành hoàng bản thổ con đường này đây. Trong chiến dịch Điện Biên, chính đồng chí ấy đêm đêm vẫn xe vào vẫn xe ra liên tiếp trên đường 42. Hòa bình trở lại, đồng chí ấy vẫn tiếp tục đánh nhau với con đường này, xe chạy ngầm xuống suối nước lên đến gần đèn pha, suối trôi đít xe đi, máy dọa ngọt mà vẫn cứ sang như thường. Mùa mưa là chuyên môn quần đùi áo may ô, dừng xe lại cái đã, nhảy ào xuống dò lòng suối, lên tháo cánh quạt ở máy ra, lấy ni lông bọc bu-di ổ máy lại thế là lại sang. Cái đồng chí lái xe nghe mọi người nêu ưu điểm mình, chỉ cười mà nói gọn: “Lái xe hồi đi đánh nó, còn khó khăn hơn nhiều. Muốn gì đi nữa, hòa bình vẫn có nhiêu thuận lợi hơn”. Máy anh chiến sĩ vui đời lại tiếp tục đùa: “Áy, sao ông lại cứ định đi tắt xuống mép vực thế kia. Để cho anh em còn có ý kiến với cuộc đời chứ!”. Đã đến bản Nà Táu. Phong cảnh rộng hẵn ra. Hồi ta tấn nó, Nà Táu là cái tuyến sâu nhất của dân công và cái tuyến cuối cùng của bộ phận hậu cần. Cách đây ít cây, vẫn còn dấu vết con đường kéo pháo vào Mường Thanh. Hố bom một tấc, nay thành giếng ăn. Đường mới dựng lại sau ngày ngừng bắn. Từ lòng vực sâu bốc ngược lên tiếng reo sùi bọt của suối Thác Bay sẽ thành công

trình thủy điện giữ nước và quay điện cho khu vực thành phố Điện Biên Phủ xâ hội chủ nghĩa. Đồi Him Lam. Lại một công trường nữa. Những ngọn đồi phía đông Mường Thanh không còn đỏ trọi như lúc đánh nhau lấy đi lấy lại. Cỏ cây xanh lì. Có những cây soan đã cao hơn tầm với. Đuôi bom, mũ sắt, xích xe tăng, cánh quạt tàu bay, bao đạn, nòng súng, thùng xăng, khung díp, vành bánh, thiết giáp 18 tấn, tất cả những đồ lề nhớt nhỏ nặng nhẹ của chiến tranh để quốc áy đã hóa kiếp thành ra những cái đồng dị dạng bẩn thỉu trên đó thời gian cho sùi mài lên cái màu han gi xấu hổ của bọn xâm lăng huênh hoang và chiến bại. Cái xe tăng có ụ ca nòng trên cánh đồng cỏ trong mấy năm nay chỉ còn có chút ý nghĩa đối với mấy hiệu ảnh bên phó mới: thỉnh thoảng lại có người muốn chơi ảnh, ngồi chơi lên xe tăng cho hiệu ảnh bấm một cái. Trong một nhà bán quà bánh phố Điện Biên, luống hành hoa đang so le ngọn lá trên những cánh tàu bay, đuôi tàu bay lem nhem. Hàng muỗm hai bên phố của mỗi nhà tự giác trồng hai gốc trước cửa, một đôi năm nữa, đã dài ra cái bóng nắng rồi. Bên kia bờ sông mưa ngâu dim lún xuống thêm nữa cái nóc hầm tò vò của chi huy sở đại tướng Đờ Cát. Đứng bất cứ chỗ nào trên cánh đồng Mường Thanh bao la, cũng nhìn thấy tháp tráng mờ liệt sĩ trên đồi A. Nắng buổi chiều mùa thu tà xuống bãi chiến trường và lập lanh soi sáng

vào đài liệt sĩ. Đồng hồ tôi đúng năm giờ, vẫn cái giờ của bốn năm trước đây, bọn tội phạm ló cái mảnh giề dù trăng lên, và chui lên xin thôi và xin chịu tội. Từ đó, cánh đồng đạn đã trở lại làm cánh đồng lúa đứng hàng đầu của bốn cánh đồng lương thực ở Tây Bắc. Thành núi Pú Hồng Mèo Tà Lèng và bốn bề núi vây tròn lấy cánh đồng Mường Thanh. Khói núi bốc lên như khói nồi cơm vừa sôi. Cánh đồng lịch sử Mường Thanh hiền lành như một cái nồi đồng điếu khổng lồ đang sủi tăm nước chờ đón lấy gạo té của nông trường những anh bộ đội trước đây đã chính tay mình giải phóng cho cánh đồng này. Tôi cho rằng ngày nay, mặc dầu chúng ta còn thắt lưng buộc bụng, cũng phải dựng cho được một pho tượng trên đồi A. Chỗ vinh quang ấy, phải có một ngôi tượng đá trắng cẩm thạch cao tinh hàng chục thước, nặng tính hàng chục ngàn cân. Công ơn liệt sĩ xứng đáng một công trình điêu khắc bề thế, lưu nghìn sau mà đời đời tồn thọ với núi sông Điện Biên.

Tôi muốn xuống tắm một lúc ở lòng sông Nậm Rốm, nhưng tôi lại mải đi nữa. Nhìn con sông, thấy tiếc rẻ muốn lao xuống đáy một cái lá cây hoa ban xòe hình cánh bướm, với cái lòng tin tưởng rằng chiếc lá này sẽ thuận dòng mà đổ vào con sông Nậm Hu bên vương quốc Lào, sẽ đổ vào sông Cửu Long mà bình yên trôi qua đất nước Khơ Me trung lập. Và chiếc lá

ấy, cũng chỉ trong thời gian mùa thu này sẽ phải tới được lòng bàn tay một người nào ở dọc Tiền Giang Hậu Giang của Nam bộ vừa xa xôi vừa gần gũi.

Tôi đi thẳng xuống nông trường Hồng Cùm. Lúa té là thứ cây lương thực chính dưới đó giồng, nhưng Hồng Cùm cũng vừa hạ thổ những cành cam sành vừa chiết ở Mường Pồ về. “(...) *vườn cam lại vàng*”. Anh chiến sĩ quen từ những năm thu đông máy lấn ở đường số 4, nhận lấy tôi như một người của nông trường, kể lể dồn dập: “Có hàng chục cái máy cày đây, nhưng sức lao động của mình vẫn là chính. Anh em ở đây cũng thắc mắc như núi cả đấy. Nhưng đảng viên đoàn viên đang có những biến chuyển tốt. Đánh nhau với thiên nhiên để lên chủ nghĩa xã hội thật có vất và hơn là quần nhau với đế quốc. Đây đang lo sân phơi đấy. Nô cù khô nè toác rạ, thóc lọt xuống kẽ thì lại ôm đòn. Tháng sau có nơi đã gặt rồi”.

GIĂNG LIÊM

(phác thảo một bài thơ)

Cát xuân cuồn lốc như năm nao
Bao la một giờ chiến hào
Dài ngân trong gió Lào
Rung cánh từng cánh hoa ban
Ngoài bến cỏ gianh lút đầu người
Náu lên những hơi mìn gỡ sót
Võ hoang Cò My đánh gốc rừng
Âm âm động xích chiến xa hòa bình
Bãi xưa đèn hiệu thả dù
Đèn pha nay chạy máy cày đêm
Sân bay đất lật ngửa lên
Hầm pháo nặng thành hô phản xanh
Con chim bạt ngàn ngày xuân nở
Trở về nở trúng giữa chân ruộng mạ

*Khu trục gi cánh quạt chìm dần
Sóng lúa Hồng Cúm vòng ngọn cao
Nông trang khắc thâu
Mô trâu
Đui đạn đồng
Lanh canh nhạc lạnh sương lồng giọt mơ
Hơi may ngọt nhờ nhờ
Đêm cỏ đầm đầm sữa vắt
Loang khắp cánh rừng Mường Theng
Trong nắng mai bừng lên
Như sôi hơi một nỗi com khổng lồ
Chào reo lúa té vụ đầu
Phía cầu Nậm Rốm
Có anh bộ đội yên tâm sản xuất
Thả nhẹ vào lòng sông chiều
Một chiếc liềm vàng*

*Nghiêng nghiêng giăng liềm
Vàng thiếp lên vàng
Trên lúa rõ đồng Mường Thanh
Một mùa thu lao động hòa bình
Treo lên một giờ xanh*

*Điện Biên chiêu về nguyệt bạch
 Kim tuyến thêu hình liêm vàng
 Láng đi láng lại hào quang
 Trên lúa đỗ nồng trื่ng*

*Ngợp trong bụi lửa
 Bốn năm xưa Điện Biên
 Giăng liềm gác lên nòng súng khói
 Đất cũ rưng rưng chiêu sa trường
 Mênh mông tiếng lúa nồng trang
 Cánh đồng lịch sử
 Biên tuyến xanh ngắt xanh
 Lô lô chiếc liêm vàng*

4-10-1958
 (đã đăng ở báo Văn học
 số 22, ngày 25-12-1958)

TÂY TRANG

Ở bên này bờ cũng như bên kia bờ Nậm Rốm, hết mảng lớn này đến mảng lớn khác, nông trang Điện Biên đang tới tấp gặt vụ lúa té đầu tiên. Đúng nơi bờ sông mà nhìn lên đỉnh núi Pú Hồng và Tà Lèng, đã thấy nhiều vật rừng Mèo Pú Tิú vàng rực hẳn lên. Lúa nương bàn Mèo rèo cao cũng chín rồi, lúa vàng lênh khênh giữa giờ như mọc giữa chân mây xốp đang ủn lên từ phía núi bên kia. Trên những ngọn đồi của khu chiến trường lịch sử, cỏ gianh đã bung ra một thứ hoa tia tía cái màu tử tó. Đã có những con chim chìa vôi quét đuôi trên những bờ ruộng khô vừa bay vừa hót, đúng là những cái tiếng bạn bè của những người cày ruộng sắp gặt lúa đưa về. Lặng xanh những cái bóng cô Thái đi ngắt bông lau về làm thêm đậm, chống gió bắc, gió heo, gió hanh đã lùa dưới nứa sàn nhà gác. Đêm đêm lại cứ nghỉ lung về biên giới, về đồn biên phòng. Tây Trang ở cách xa Điện Biên đây chỉ có hơn một ngày đường, và đây là cái chỗ cũng tốt của con đường 42 này đi thông sang Lào. Chao ôi,

hình như từ muôn thuở, biên giới vẫn có một sức hút đối với tình cảm con người. Thật vậy, không đi Tây Trang mà mai mốt lại về xuôi thôi, thì sao cho đành lòng. Tiểu đoàn liền cho chúng tôi một con ngựa thồ. Con đường đá đi Tây Trang trước kia là con đường xương máu. Nhiều người còn nhắc lại những chuyện đế quốc Pháp trước đây đưa những chính trị phạm Sơn La, Nghĩa Lộ lên làm. Cỏ gianh lên cao lấn ra giữa lòng đường cưa vào da mặt, da tay lại nhắc lại những cảnh máu và nước mắt của một thời đen tối ấy đã qua rồi. Đường rộng nhưng vắng người. Khác với bên Việt Bắc, rừng ở đây không có nữa, chỉ có cây, rừng thông sạch gọn hơn. Núi hói, núi trọc, núi đá và đồi gianh. Con ngựa thồ đi trước rú hộ sương đêm đóng giọt trên lá trên cỏ mặt đường. Móng ngựa in vệt xuống mặt đường âm cái hình lá cây hoa ban. Trong nắng hanh, trước mắt đã hiện lên một khu doanh trại, xa trông như tường lũy gạch cũ của một dải thành xưa. Đây là một cái công trường làm đá làm vôi để chuyển về kiến thiết Điện Biên. Đơn vị đá đây là một đơn vị đánh đồi Him Lam, đồi A, dự phần chiến thắng Điện Biên và nay bắn mìn bộc phá lấy đá hộc, đá đầm, đá cù đậu về nung lò vôi. Ở đây suốt ngày chí chát tiếng đập choòng đục lỗ mìn và tiếng búa cái đập đá hộc. Chiều chiều tiếng nổ mìn phá đá vang dội qua các triền núi. Đoàn chúng tôi nghỉ lại ở công trường

đá, cùng chiến sĩ đêm ấy kỷ niệm Cách mạng tháng Mười lần thứ 41 và tìm hiểu thêm đơn vị qua những thành tích mới thi đua xã hội chủ nghĩa. Chiến sĩ có người choàng một ngày được thước rưỡi lỗ mìn, mức đá đè ra cho đơn vị là ba vạn thước khối đá hộc. Cái núi đá to cao đã vẹt dần chân, lưng núi cứ trăng dần ra vì mìn, gợi lại một số hình núi phía ài Chi Lăng hồi mới tiếp quản, ta làm lại đường xe lửa Hà Nội - Mục Nam Quan, phá núi lấy đá rải lót đường sắt.

Sớm hôm sau, đi tiếp lên đồn biên phòng. Con ngựa của tiểu đoàn cho mượn thồ các thứ mang theo, vẫn đi trước và gạt xuống khỏi cây khỏi cỏ tất cả những giọt sương đọng xuống. Nhưng cái đêm hôm qua nghe chim khán khắc vọng trong bãi núi mà trong đầu cứ thao thức về tất cả những cái gì quanh quất nơi biên giới Việt-Lào, thấy nó mènh mong, vắng thưa mà phức tạp thật. Con đường đá vẫn rộng, nhưng thật là vắng. Cây chó đẻ mọc ngay giữa đường, như đứng sẵn ra đây chờ ai lên cắt về làm phân xanh và chờ cũng đã lâu rồi. Vùng đây là đất cháy cũng chả bao lâu nữa mà thành đá tổ ong nếu thiếu cái bóng cây già. Trên núi, đất dễ trở nên đất cháy. Cỏ gianh là thứ cây độc tôn trên các lườn đồi. Cây số 120. Dốc núi bắt chéch lên mây trời thăm thẳm. Mây ấy là mây của nước khác rồi. Trên khối mây ủn như khói, trên

cái không phận xanh lơ nước hàng xóm, sững sững hiện lên một mái đồn Tây Trang.

Đây là thước đất cuối cùng trong cây số chót của chuyến đi. Và cũng là cái phần đường cùng tệ của một con đường quốc tế. Chúng tôi đi Tây Trang, ngủ lại giữa Tây Trang, mai phải quay trở về, mặc dù là trước mặt tôi vẫn thăm thẳm con đường cái, nếu cứ bước lên thì chưa biết hôm nào mới thật là hết đường. Lại nhớ cái câu gì của Lỗ Tấn nói rằng: mặt đất tự nó vốn không có đường và đường đi chính là cái nhãn hiệu của con người.

Gió trên đồn cao biên phòng đúng là cái gió mà tất cả chiến sĩ cán bộ của ba mươi một xã toàn châu Điện Biên đều thuộc lòng trong cảm giác, trong tình cảm, như là một thực tế một chân lý. Nó thổi lặng óc, thổi cả mùa nóng, thổi cả mùa lạnh, thổi cả ngày, thổi cả đêm, thổi cả tháng thổi cả năm, năm ấy và năm khác quanh chỗ Lầu Tây (tôi tam dịch hai chữ Tây Trang). Giờ nghỉ trưa lại nghe chính các chiến sĩ biên phòng đang nằm trên những đệm cỏ gianh kia nhắc lại: “Ruồi vàng, bọ chó, gió Tây Trang”. Anh bộ đội đội cái mũ bông có hai quai bịt tai - nó là cái nét đặc biệt của chiến sĩ đơn vị biên phòng - nói thêm cho biết rằng một ngày ở Tây Trang cũng đủ bốn mùa: sớm mát như mùa xuân cây ban ra hoa, trưa là mùa hè, chiều là mùa thu đến và đêm là đêm đông trường. Và trên

tất cả bốn mùa trong một ngày, là chỉ có gió, gió Lào. Chao ôi, gió Lào. Gió Lào đang lùa qua phên cỏ gian nhà chúng tôi năm. Tôi ngờ rằng đêm hôm nay, mặc dầu tôi không phải thức làm nhiệm vụ canh gác như chiến sĩ Tây Trang, nhưng tôi cũng khó mà ngủ nhiều được. Trong những cái đêm không bình thường với những xúc động trong một ngày, có những điều ở đâu nó cứ kéo đến với cuốn nhật ký tuỳ thân. Thôi! Anh chiến sĩ Tây Trang, anh hãy ngủ trưa đi, rồi tối nay, chúng ta cùng thức với nhau giữa cái đồn này. Tôi biết chiêu nào các anh chả phải quẩy nước từ dưới chân đồn lên, ngoài việc tập tành, ngày nào các đồng chí chả quẩy nước hàng tám chín gánh, có đồng chí lao động một ngày mười bốn tiếng liền. Hãy ngủ đi một tí nhá, kệ cho gió Lào nó ù ù qua liếp cỏ gianh.

Buổi chiều, cả bọn tôi đi theo anh tiểu đội trưởng xuống con dốc trong và thăm cái vạch biên giới. Một thanh niên Mèo bán cho mậu dịch một bộ xương khỉ, một bộ xương gấu trong một cái lều bên đường, vai vẫn không rời khẩu súng kíp lêu nghêu. Thế nào ngày mai rời đồn Tây Trang mà về, cũng phải rẽ vào bản Mèo thăm bà chủ tịch Mèo, cái người đã có công vận động người Mèo giúp thóc giống cho nông trường Điện Biên đây. Bên đây và bên tê, rừng chiêu vẫn liên liền một vệt dài vô tận, núi chiêu liền liền một tấm đá không biết bắt đầu trái ra từ chỗ nào mà cuộn hết ở

nơi nào. Nơi tiên đồn, nắng xiên xiên vào nòng khẩu tiểu liên và cái tư thế hiên ngang của anh chiến sĩ đứng cảnh giới trong vọng gác. Trên con đường cái đá Tây Trang đi tháu sang trường bay S López Nạo và Muồng Khoa bên Lào, tôi bước đều đều. Tôi sấp nhảy nhẹ qua một cái khe nước. Anh tiểu đội trưởng thấp giọng: "Biên giới đây!" Tôi cũng vừa kịp thu cái chân lại. Tôi ngắm cái khe nước biên thuỷ, cái khe nước dùng làm biên giới thiên nhiên nước Lào có hai triệu người và khu Tây Bắc Việt Nam và cả châu Điện Biên này, mỗi cây số vuông chì độ bẩy người. Ở hai bờ suối biên thuỷ vắng thưa dân số, không biết có bao giờ mọc lên được những quán biên thùy không? Trên bản đồ miền Bắc Việt Nam, con suối Tây Trang chỉ gọn lên một vết nhỏ mờ như cái tóc mây của ai đó vừa rơi nhẹ xuống tờ giấy. Nhưng ở trên thực địa này, cách tôi hai mươi phân kia, cái con suối đó cũng thật là bé bỏng, gầy nhom và nông choèn. Tôi nhìn lâu, nhìn kỹ cái lòng suối như là một người muốn khai thác tài liệu, đòi bóng nước phải trả lời cho mình. Thoáng hiện về trong trí nhớ một số tư liệu gần đây về tình hình Lào:

"- Mỹ trong ba năm gần đây đã viện trợ cho Lào 133 triệu đô la, thì 100 triệu dùng vào quân sự. Đôi với một nước Lào dân số chỉ hai triệu người thì con số viện trợ một năm gần 45 triệu như vậy là một con

số lớn nhất so với tất cả những nước Âu lân Á nhện làm con nợ của chủ thầu Mỹ.

“- Đồng Tiên Lào (đồng kíp) trước đây lệ thuộc đồng phật lăng Pháp, nay lệ thuộc đồng đô la Mỹ, mỗi đô la ăn 35 kíp. Nay Mỹ đòi đô la Mỹ phải nuốt cho được 100 kíp Lào.

“- Dưới danh nghĩa phái đoàn này phái đoàn nợ, đế quốc Mỹ đã đưa vào Lào nhiều chuyên viên quân sự làm cố vấn các đơn vị Lào và các tổ chức cảnh sát trá hình. Lại cung cấp lương thực vũ khí mới cho toán quân Tường Giới Thạch ở biên giới Miến Điện-Lào. Lại sửa chữa và thêm các sân bay Sầm Nưa, Bu Nưa, gần Phong Xa Ly, sân bay Cánh Đồng Chum v.v... Rồi vi phạm không phận và địa phận ta ở miền Tây.

“- Bọn người của Mỹ và Diệm sang Vương quốc Lào để thực hiện âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ đang bày ra nhiều tổ chức đen tối dưới nhiều danh từ kiểu treo đầu dê bán thịt chó. Ở đây đang hình thành cái xã hội tư sản mại bản rất có quy mô.

“- Thiếu mất cái sự có mặt cần thiết ở Lào của Ủy ban quốc tế để theo dõi và kiểm tra việc thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ...”.

Cái khe nước biên giới, nước vẫn róc rách, tiếng nước chảy dưới cái cầu gỗ mục chẳng khác gì cái tiếng của một dòng nước đánh trống làng ra khỏi một chò

khó chảy êm. Trước mắt tôi, vẫn hun hút một con đường cái lớn đủ cho xe ca-mi-ông đi được, một con đường quốc tế xoai xoài dốc xuống. Nhưng con đường ấy lại phải ngừng lại ở cái suối con này. Tại sao thế nhỉ! Hình như trong Kháng chiến, đã có một câu trong bài nhạc: "Ta mơ trần gian san bằng biển thuỷ...". Tôi nhìn những tảng đá rêu trong nước suối. Nếu bây giờ chúng ta vạch một đường tim giữa lòng suối để phân ra ranh giới dứt khoát thì cái hòn đá tảng này là của nhân dân Việt Nam và cái hòn đá rêu kia là của nhà vua Lào, và mặc dù thế, hai người của hai nước vẫn có thể ngồi giáp lưng vào nhau mà thổi chung một cái khèn hòa bình vậy đó. Giữa lòng suối biển thuỷ có một cây vông to. Tôi chưa có thể dứt khoát mà trả lời rằng cây vông đó thuộc về Việt Nam hay là thuộc về nước bạn, bởi vì rất có thể cành nó ngả sang Lào mà rễ con gốc cái nó lại ở bên này kia. Đối với một cây vông còn năm sáu tháng nữa mới trổ bông đỏ thắm, đối với một cái cây sinh ra ở một chỗ nước đồi như vậy, tự nhiên tôi thấy sẵn sàng những tình cảm rộng rãi độ lượng và hình ảnh cái cây ấy bồng khắc sâu vào tôi. Mặt trời đang hạ thấp xuống dần. Chỗ tôi đứng là một cái điểm nhỏ chấm một chấm trên cả vệt dài bảy trăm năm chục cây số sơn tuyến Việt-Lào ở miền Bắc Việt Nam. Nắng chiều đã kéo dài cái điểm ấy thành một cái diện, và chỗ tôi đang chân chôn đứng

tần ngần đây, tôi đinh ninh bảo tôi rằng đây là cái mảnh đất tận cùng của Tổ Quốc tôi. Tổ quốc tôi ngừng lại ở suối này. Chỗ này và chỗ khác, và bên này rồi lại bên kia. Ở đây ngừng đọng lại một cái gì, và từ kia lại mờ ra đóng lại một cái gì khác. Vật núi cỏ Lào nghiêng nghiêng cái bóng sang đất Việt Nam. Giờ đang xuống màu dần ở nước hàng xóm. Mà bên nước tôi thì đang bừng lên cái nắng bốn giờ chiều, cái nắng đậm đà của mùa thu biên giới, cái thứ nắng hanh đang sáy khô gió Tây Trang và đang mài sắc thêm tiếng động của hoa lau phát cờ trong bóng núi.

Hình như thời gian ở biên giới vẫn có cái gì khang khác với cái thời gian ở trong nội địa. Hình như không gian chỗ giáp giới hai nước nó cũng vẫn có một cái gì không giống như cái không gian vùng trong nội địa. Biên giới vẫn là nơi có những con sông chảy chéo nhau, đầu ở một nơi mình ở một nơi khác, hoặc là nguồn ở bên áy mà dòng sông lại cuốn reo lên ở bên này. Biên giới vẫn là cái nơi nhiều trái núi dãy núi chưa đặt tên, có những con người anh hùng mà lịch sử chưa tiện công bố sự nghiệp tên tuổi. Biên giới cũng là cái nơi có những cỏ lá không có tên riêng, có những việc không quy định giản đơn, có những cái chuyện khó gọi tên, có cả cao già cao thật, có cả người già người thật. Lúc này tôi thèm nghe một tiếng gà Lào gáy từ bên áy vọng qua con suối này. Nắng tắm

mãi lên rừng thu biên giới. Núi xa núi gần liên miên như trùng dương thạch trận. Sơn hệ nối vây nhau như đá khói đang gó đồng kéo lên. Tôi nhìn ra một cái biển đá sóng đá tít mù non khơi. Có những mảng trông ra mênh mông xanh tít một vùng chằng khác chỉ một ánh đồng đá liền mấy tinh hồn canh hồn cư. Bên tay trái tôi, mặt giờ càng xuống càng kéo dài thêm bóng núi Lào sang cỏ gianh Việt Nam. Lòng khe suối mở thẳng ra một chân giờ núi. Cứ thẳng cái hướng Tây Bắc đó, băng qua cái dãy núi án ngữ tầm mắt ta đó, mà đi miết tám ngày đường là tỉnh Phong Xa Ly, cái tỉnh thàn yêu của Pa-thét Lào, cái tỉnh được liên quân Lào-Việt hai lần giải phóng khỏi áp bức của đế quốc Pháp và cũng là cái tỉnh còn vang vang những dư âm của ngày tập kết. Chị Lả, nữ du kích Lào tôi có gặp mấy năm về trước đây, không biết chị ấy chiều nay có ở chỗ nào nơi phía đó không?

Chiều về biên giới núi càng tím lơ. Đứng ở đây, giữa những cái phút này, tôi mới hiểu tại sao ở đơn vị biên phòng, có anh chiến sĩ hạng hai được về phép vùng xuôi, đi qua Hà Nội, dám bỏ một lúc ra một vạn bắc tiễn cũ mua toàn tiểu thuyết để dành đọc dần lúc trở về chỗ biên phòng. Gần khe nước đây nó có một cái gì vừa bí mật vừa rành rành, rất cụ thể và cũng rất huyền diệu!

Chúng tôi từ biệt dòng suối trở về đồn, chiều tà trên con bù nhìn đậm lè giữa bãi tập sân đồn. Cái dốc lên đồn tắt dần nắng. Một con ngựa tài công vân lên đồn dang se dần mô hôi trong bóng dốc. Trông cái bao tải ấy nhiều chiến sĩ đội mũ bông bịt tai đang đoán xem ngoài sách báo họa báo kỳ này hẳn là có thư nhà của mình.

Đêm về, gió Lào càng thổi mạnh trong sân đồn phên cỏ, vách cỏ phên ra mà chui vào. Đơn vị đã cho mỗi chúng tôi mượn thêm một chăn bông, nhưng tôi vẫn thao thức mà nghe gió. Đêm ở đồn Tây Trang, tôi cảm thấy rõ ràng là dài hơn mọi đêm thu ở nông trường Điện Biên, là còn dài hơn tất cả những đêm dài Hà Nội của cả một giai đoạn văn nghệ vừa qua.

Tường cỏ gian nhà tôi ngủ đêm nay chỉ là một cái nhà của thuyền chài đi bể. Mà ngoài vách cỏ gianh đây là một cái bãi cát vô cùng tận, trên ấy sỏi lén những trận lôi đình của gió, của một thứ gió đòi hỏi thanh toán đi một khoản gì giữa những con người đêm nay không ngủ được giữa nơi đây và bất cứ ở nơi đâu.

Tôi mở mắt mà nghĩ hết chuyện này sang chuyện khác. Tây Trang không phải là tiếng Lào, không phải là tiếng Thái tiếng Mèo, nó có vẻ như là chữ Hán của người Kinh đặt ra, và gọi cái nơi heo hút này là một

cái “trại áp ở phía giới Tây”. Tên đất chập chờn hiện về như một thiên ký sự náo nùng nào trong vốn cổ.

Pháp ngày trước có đóng ở Tây Trang. Phát xít Nhật cũng tới Tây Trang, rồi Tàu trắng cũng tìm Nhật Bản ở Tây Trang. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta cũng đóng tại đây, cắt ngang sự liên lạc của địch giữa Mường Khoa và Điện Biên định tiếp sức cho nhau. Thế rồi phái đoàn Việt-Lào cũng ăn ngủ làm việc giữa cái khoảnh đồn này để giao ước với nhau về ranh giới hai nước láng giềng. Thưa đồng chí trực ban, đêm nay tôi đã nhiều lần phạm vào điều lệnh nội quy sinh hoạt của đơn vị, nghĩa là cứ luôn luôn ngồi lên nằm xuống và không muốn tắt đi cái đèn bão đêm theo lèn đây.

Không rõ có tên có ván quân sự Mỹ nào cài trang đến chụp ảnh con suối và cái cây vòng giữa suối ban chiều chưa nhỉ!... Chiến sĩ đồn Tây Trang ch襍 ch襍 lại bấm đèn pin lên giá súng tiểu liên, bấm vào những lá màu trắng rủ buông, khe khẽ gọi nhau dậy thay phiên gác. Những cái bóng chiến sĩ đổi gác quanh đồn, người nào cũng nai nịt đầy đủ gọn ghẽ. Tôi còn nhớ lại nhiều đoạn đời tư đời công của một số chiến sĩ đơn vị này vừa làm quen, tôi nhớ lại cảnh sinh hoạt buổi tối cùng anh em, đèn bão đốt thêm nhiều lên để chúng tôi kể chuyện và ngâm thơ và hát lên cho anh em nghe. Có những khuôn mặt tôi đã thuộc nét. Nhiều

anh em chậm chạp trong cái cười, nhưng lúc cười lên thì chuyển ngay được niềm an tâm cho người khác. Ở đây xa vắng nhân dân. Cái bàn Mèo gần nhất cũng là gần mươi cây số đường núi. Cái đồn theo lanh trên núi cò, đã trở nên cái gia đình chí thiết của anh em. Cái thư nhà của riêng mỗi người nhận được cũng chóng trở thành cái thư chung chuyền tới tay nhiều người đồng đội. Anh em được cấp phát ba chǎn, hai mũ, nhiều áo hơn bình chủng khác; bữa cơm ăn cùng mâm với anh em, tôi thấy nó tương đối đủ mỡ thịt và đậm đà ngon lành hơn ở nhiều bếp đơn vị khác; cái mức thường xuyên của đồn là như vậy, chứ không phải là vì có "khách" và tiếp khách. Thực ra, cái khó khăn của anh em không phải là những khó khăn về cơm áo thịt rau hoặc giờ giấc, hoặc những kỳ đi tuần tra dọc biên cương toàn châu, ngủ lán rừng và đem theo lồng chim thông tin hỏa tốc, đem theo lương khô. Chiến sĩ biên phòng chật vật nhất là về mặt tình cảm. (tháng sau năm ở Điện Biên, tôi mới có dịp hiểu thêm về sự dỗi dào tình cảm của chiến sĩ biên phòng. Chả là có đội Ca Múa của Tổng cục Chính trị lên diễn ở đồn biên giới. Lúc đội ca múa trở về xuôi, chiến sĩ gửi văn công máy dỗi chim bồ câu thông tin, để mỗi lúc văn công ngừng ở dọc đường thì viết máy dòng cảm tưởng buộc vào chân chim, thả chim, chim lại bay lộn lai Tây Trang "báo cáo" tình hình xuống núi về xuôi

của đội Ca Múa tươi đời). Cái khó khăn gian khổ tình cảm anh em đã dán lên được bằng cái lòng yêu thương đối với Tổ quốc ta xã hội chủ nghĩa này. Ở khoảnh núi cheo leo xa xôi vòng quanh tịt mù này, cái tiếng nói của Tổ quốc truyền qua dài mỗi buổi phát thanh, nhất là mỗi buổi hoàng hôn, vẫn là cái tiếng nói mà anh em cho là ám áp tin cậy nhất. Cái phòng chính của nhà thủ trưởng, cứ đóng thêm mãi ghế dài kê vào mà vẫn thiếu chỗ anh em ngồi quây lấy cái máy ra-đi-ô mà say sưa nghe đài Tiếng nói Việt Nam. Hạnh phúc đúng là một vấn đề tương đối: Điện Biên và phố Mường Thanh chợ họp ở phố châu, chiến sĩ biên phòng đều gọi là miền xuôi rồi.

Anh em tháng tháng chì mong có công tác về đồn Pom Lót dưới kia một lần, nó cũng na ná cái kiểu đội viên phát động ruộng đất mong về tổng kết ở hội nghị các đoàn ủy. Về họp ở Pom Lót, đã có những chiến sĩ và cán bộ xin đồng chí trực ban cho tranh thủ chạy lên phía nông trường nhìn lúa nước, nhìn cái cày máy cho nó đổi vị đổi sắc đi cho cặp mắt bấy lâu nay chỉ bạn bầu với cỏ gianh và mây gần mây xa. Cặp mắt chiến sĩ biên phòng nheo nheo như luôn luôn theo dõi những mục tiêu di động trong rừng núi mịt mùng sương đêm sương sớm sương chiều. Mắt anh em còn thăm thẳm vời vợi như mắt những người đi bể, đứng ở ngoài khơi mà nhìn vọng vào đất liền.

Tôi nhớ lại cái bản đồ hình thể Tổ quốc Việt Nam treo trên tường đồn chính, ngay trên chỗ để cái đài cho anh em chiêu chiêu nghe cái tiếng đồn dập đi lên từng bước của đất nước chuyển mình và mình mẩy Tổ quốc đang ánh lên cái màu mỡ của các cánh đồng thi đua sinh nở. Trên bản đồ hình thể có ruộng màu nâu non, có núi màu vỏ già, biển màu lam, sông ngòi màu xanh quan lục, đường trục màu đỏ gạch vừa ra lò, thấy cái chấm Tây Trang đây cũng ngang với cái vành khuyên thủ đô Hà Nội, đường Bắc vĩ tuyến 21 kéo một vệt qua rừng Tây Trang, qua phố phường Hà Nội, qua những hòn đảo Vịnh Hạ Long, qua cái vùng làm cá hộp, thứ cá bể sốt cà chua đóng hộp gửi thằng lên đây cho anh em và đang xếp ở kho thực phẩm của anh nuôi dưới sân đồn kia. Cái vệt thẳng tắp trên bản đồ ấy đi từ rừng núi chỗ ta đóng, qua đồng bằng quê hương chúng ta, qua thủ đô rồi ra biển cả, vị chi là dài hơn 600 cây số đường trường đây các đồng chí à. Đủ thế, đất nước chúng ta là rộng, là đẹp, là đủ cả, và chúng ta được tự hào mà giữ gìn và phát triển cái cơ nghiệp của dân tộc để lại từ bao đời nay. Và chỗ ta đương đóng đây là một chỗ địa đầu của Tổ quốc, nó là cái chỗ tận cùng của núi sông đất nước Tổ quốc ta.

Tôi nằm trong gió Lào đêm buốt, mở mắt mà điểm lại nhiều khuôn mặt chiến sĩ biên phòng, tôi nhớ lại cái nét, cái dáng, cái giọng chất phác hiền lành của

anh tiểu đội trưởng. Anh quê ở làng miền xuôi, ở ngay giữa một cái vùng đồng bằng có nhiều ruộng, nghĩa là xưa kia nhiều cường hào ác địa, mỗi cây số vuông đồng ruộng là trung bình có bảy trăm linh hòn kẻ đói. Năm đó, mấy năm đó trước Tháng Tám Cách mạng, anh bỏ làng quê lên cái tỉnh trung du nhiều đồi chè đồi săn, đê chuối và đồi cọ và thấy cờ đỏ ở trên những quả đồi ấy. Anh tham gia phong trào rồi hoạt động vùng Lao Hà Yên, vùng Thượng Lào, rồi Điện Biên Phủ. Từ ngày tắt tiếng súng chiến tranh, anh đã ăn liền mấy cái tết ở đồn Tây Trang. Ở chỗ biên giới cỏ gianh đang ra búp non cho hươu ăn này, anh đã liền liền đón mấy cái xuân hòa bình; ở đồn này anh đã liền liền đón lấy tuổi giờ, tuổi quân và tuổi Đảng. Hôm sắp đi lên Tây Trang, các đồng chí thủ trưởng một số đơn vị đã vui vẻ nói thêm với chúng tôi: "Các anh đi Tây Trang, anh em chiến sĩ biên phòng cũng thêm được sự động viên của các anh đấy". Tôi nghĩ lại không rõ sự có mặt của mình ở Tây Trang đã động viên tinh thần chiến sĩ được tới cái mức nào, nhưng chính là cuộc sống thật của anh em ở đồn biên phòng động viên mình không phải là ít, và nó có thêm cho tôi nhiều cảm nghĩ về cái khía chịu đựng để mà vượt lên. Ngoài sân đồn, cái đường hào lờ mờ dưới ánh trăng cuối tháng đã gần về sáng. Sao búa đầy trời như mặt bể nổi lân tinh, vòm trời cao trong vắt như

một bầu pha lê mùa đông. Những chùm sao run run như muốn né tránh cái gió Lào bốc ngược lên từ mặt đất biên giới. Vòm pha lê loé điểm sao chùm đang ngân trả lại mặt đất cái i àm của gió núi. Sóng núi rập rờn trong sương buốt và nháp nhô trên cánh đồng đá. Gió về sáng càng nổi lên như sóng vấp đất liền. Và gió buốt đã làm đông cứng lại những ngọn sóng biển, sóng thành ra đá cùng một lúc. Nhìn lên sao cao tôi thấy như đôi chân đang động lên sóng vỗ nhẹ và tôi như bị hút lên. Đêm Tây Trang, trời sao nháp nhánh, thấy nó ngờm ngợp, thấy như mình đứng tì tay lên mép cái thành vách biển cương mà nhìn xuống lòng giếng khơi, lòng giếng khổng lồ dội lên cái va đụng của các vì sao đang sải bơi trong gió Lào một đêm giá buốt. Trăng cuối châu thu cuối tháng chín ta lại nổi lên một hình liềm vàng, cái liềm của những người cộng sản thích nện búa nhồi thép, thích chǎn nuôi giòng giọt gặt hái. Trăng lặn về núi Tây lặn về những triền nui có nhiều kỷ niệm ở Pa Thét Lào của liên quân Lào-Việt gửi lại ở chung quanh, ở quá cái chỗ gì trăng sắp lặn hết kia kia. Những kỷ niệm liên quân Lào-Việt và Mặt Trận giải phóng dân tộc It-xa-la Lào, chiến sĩ đồn đây vẫn còn kể lại. Truy kích để quốc Pháp, bộ đội hai bên đều gian khổ cả, nhưng cuối cùng là nhân dân Lào múa hát, voi hi cửa rừng, dừa và cau nỗi gió, hoa đại nồng hương và nhà sư Lào mặc

cà sa vàng chói giữa các cuộc lễ mừng. Và nhân dân Lào sang cả đất ta mà múa hát và mua thuốc lào của ta đem về bên ấy. Nhưng đêm nay quanh đây, chỉ còn có gió Lào, rất nhiều gió Lào. Và trong gió Lào, như nghe rõ thấy cái tiếng xa vắng vắng của nhân dân Lào nó âm vang lên sự đấu tranh của những người dân một nước trung lập mà đế quốc Mỹ âm mưu xâm lược mỗi ngày mỗi thọc sâu thêm vào đôi bàn tay máu.

Quá trưa ngày sau, chúng tôi rời Tây Trang, trời vẫn lồng lộng nắng và gió. Đoàn người ngựa chúng tôi trông cũng dễ làm với một đoàn đi tìm mỏ này mỏ nọ ở quanh vùng Điện Biên giàu có đủ mặt về thổ sản khoáng sản này. Tôi đã hết cái dốc đòn biên phòng, còn cứ bịn rịn ngoảnh lại nhìn cái bóng xa các chiến sĩ vừa chia tay.

Bãi bia đồi cỏ gianh ngay chỗ trên đầu chúng tôi, rin rít lên cái tiếng dòng dọc miết rền vào dây thường kéo tấm liếp vê hình người đen của chiến sĩ đang tập ngắm những mục tiêu di động. Chiến sĩ biên phòng nói chung đều là bắn giỏi. Nhưng ở đồn Tây Trang anh nuôi cũng là xạ thủ; một anh nuôi người miền xuôi một anh nuôi người miền ngược cũng đều vào loại những tay bắn khá cả. Cả đến ông thủ kho mậu dịch ở cạnh nách đồn cũng bắn trúng bia một phát. Đàn chim bồ câu của đội thông tin biên phòng đang

bay nhiều vòng trên sân đồn để tập cho càng quen dần đi với các phương hướng bay đi bay về qua những hình núi dãy núi. Ngoảnh lại một lần nữa, mái đồn Tây Trang vẫn vi vút trên nền mây Lào. Phải dãy, lên được Tây Trang, nó đúng là một điều thỏa đáng đối với chỗ tận cùng của đất nước, nhất là đối với những người con của Tổ quốc đang ở đây mà giữ gìn cõi bờ và mọi công trình lao động của mọi người hậu phương chúng ta kiến thiết hòa bình.

Điện Biên, cuối 1958

ĐI MỞ ĐƯỜNG

Nông trường Điện Biên gần thu nốt bông lúa cuối cùng của vụ gặt đầu cho vào kho thì ở ngã ba Tuần Giáo ngoài kia cũng vừa xong một buổi lễ: các đơn vị cầu đường hạ nhát cuốc đầu tiên mở rộng con đường 42 từ Tuần Giáo vào Điện Biên. Ở trong này Điện Biên cũng như ở ngoài kia Tuần Giáo, Bản Tơ, quân số lao động có bao nhiêu đều tung ra hết. Tung ra hết mặt ruộng nông trường để làm nốt những công việc đồng áng cuối châu gặt và bắt tay vào những công việc chuẩn bị cho vụ tới, chõ này phá bờ, chõ kia máy kéo dã cày ái nhiều mảng, nhiều đường. Tung hết ra quân số vào khắp nèo rừng cửa rừng lấy cây xanh về ú phân xanh; những mảng rừng cây chõ đẽ quang hẳn đi và cây chõ đẽ được cuộc đời đánh giá lại không bi coi là thứ hiện vật thừa bô nữa. Tung hết ra quân số lao động vào sâu trong suối trong rừng lấy tre lấy gỗ về làm thêm nhà cửa: hàng trăm hàng ngàn gia đình dưới xuôi sắp lên Điện Biên để cùng tất cả mọi người cố thủ trên này xây dựng nơi này thành một cái què

hương bàn quán thứ hai của mình. Có những đơn vị vừa cất xong liềm, hái, néo đập lúa, cót phơi, vừa lợp xong kho thóc, vừa trị xong sân phơi thì cán bộ đã hối hả đi thăm rừng mới đổi mới để nay mai dời lên địa điểm mới tiếp tục vỡ hoang tảng thêm diện tích giòng giọt. Trong này Điện Biên tung hết người ra mặt ruộng mặt rừng, ngoài kia Tuần Giáo, cũng tung hết người lên mặt đường. Ở nông trường trong này, âm ầm ù ù tiếng xay gạo xay thóc, quạt thóc, đồ thóc; các bộ phận chăn nuôi càng động tiếng: bò rống, ngựa hí, dê kêu, lợn sặc; cho đến máy anh cao su đưa từ giới tuyến Vinh Linh lên hồi nọ mới vực được có mươi lăm cái lá non mà cũng đua vui thi reo rước gió nồm cuối năm. Công trường cầu đường các đơn vị ngoài ngã ba Tuần Giáo động tiếng càng dữ hơn. Gỗ tươi kêu, đất kêu, đá kêu, suối la lên mỗi lần núi ngã xuống vực từng mảng. Con đường 42 có tiếng là ác hay chơi những miếng khăm với những tay lái xe non, con đường 42 nhiều ngoặt không đủ tiêu chuẩn đường cái quan và nhiều quàng xe to phải bám đến hai ba đó mới lọt khuynh đường, con đường ấy nay đang kêu nài, vật vã mình mấy, cà dọa dẫm nữa, đã bước đầu chịu đi theo sự cải tạo của đoàn quân anh dũng mở đường. Có những cái sụ đá bướng bỉnh bao năm nay xoay lưng ra đường cái chống móng giờ đít ra giữa long đường để bắt bí, bắt chết những xe vận tải mùa

mưa, thì nay là a lê háp cho đi hết. Mìn kêu liên tiếp. Xà beng phóng vào lách vào. Có những cỗ núi bị thiến đi, có những quả đồi bị bồ đới ra. Tiếng động rền ở đây là tiếng động của một cái chiến dịch. Có những tảng đá tuổi giờ tính hàng thế kỷ mọc thay láy ra lòng đường vểnh ra như một cái mộc nhĩ kho cứng; cái tai đá ấy như đang cố nghe ngóng xem cái tiếng mở đường cái đã chuyển đến đâu rồi. Đất ở ruộng nông trường Điện Biên chuyển, đất giữa đường bên đường 42 và cả con đường 42 tiếp sức cho Điện Biên cung đang chuyển. Ở nơi này ở nơi kia, cuộc đấu tranh với thiên nhiên để cải tạo thiên nhiên thật là dữ dội cấp bức và vĩ đại. Cuộc sống ở trên cái mặt ruộng khổng lồ này và ở trên cái mặt đường hiểm khốc kia đang thình thích bước những bước chắc nịch, những bước dài hơn và nhanh hơn mọi ngày tháng vừa qua. Ở đây, giờ đây ngày tháng đúng là ngựa chạy mà con ngựa Điện Biên thì cứ như là cái mũi tên tách khỏi dây cung lao lên phía trước.

Tất cả những cái nhộn nhịp tươi trẻ của tất cả những con người làm ruộng xã hội chủ nghĩa, làm đường xã hội chủ nghĩa, tất cả những náo nức tung bừng áy vẫn không đủ làm cho tôi xua tan đi một chút bìn rịn trong lòng, hôm rời Điện Biên. Cái bìn rịn của một người sắp phải chia tay, dù chỉ là tạm biệt với những người bạn mới đã bắt đầu đi vào tâm tình, với

một nơi mình đã bắt đầu quen thuỷ thổ. Lần sau trở lại đây, khôi nào không bỡ ngỡ với rất nhiều đổi mới, cảnh cũng mới và người càng mới hơn nữa. Lần sau trở lại Điện Biên mà xuống tắm ở con sông duy nhất của cánh đồng Mường Thanh bao la tốt tươi này, thì con sông Nậm Rốm cũng khác đi rồi, đúng như có người hiền triết cổ Hy Lạp đã nói một cách biện chứng rằng người ta không tắm hai lần ở cùng một khúc sông ấy. Tôi rời Điện Biên thấy tiêng tiếc, cái tiếc của một người biết mình không thể cùng một lúc thời gian mà có mặt ở khắp mọi chỗ không gian Tây Bắc được.

*

* *

Qua Sông Đà, tôi vào châu Phù Yên giữa lúc cuộc sống ở đây cũng vặn mình vươn vai mà bước dài chẳng kém gì bên Điện Biên. Phù Yên đang mở đường từ Gia Phù ăn sát bờ sông Đà vắt qua sông Đà rồi sang bên Châu Mộc, nối liền khu nông nghiệp Mộc Châu với khu nông nghiệp cánh đồng Quang Huy, một cánh đồng lớn bậc ba trong bốn cánh đồng lớn Tây Bắc.

Tôi chưa được nom tận mắt những công trường vĩ đại Liên Xô, Trung Quốc dựng đập thuỷ điện

Nhiều rôr tòi và trị thuỷ sông Hoài, tôi chưa được biết những đồng đảo hằng hà sa số ở các nước bạn, nhưng đối với cái quê hương Việt Nam xinh xinh bé bé và lại bé hạt tiêu nước tôi, thì cái đồng đúc của công trường Gia Phù Vạn Yên mờ đường đắp đường một cách giông bão này, tôi thấy cái khói dãm ngàn con người ấy cũng đã nhộn nhịp có quy mô lớn. Ở đây có đủ cả bộ đội và nhân dân. Có đủ cả gái trai thanh niên công nhân cầu đường của ba mươi thành phố và thị trấn miền Bắc, có đủ mặt người nghèo các thành thị có cả anh chị học sinh mười sáu mười bảy, có cả cụ già sáu mươi. Có người mới vừa quen với cuộc sống, với mặt con đường rừng thượng du. Có người đã làm quen với việc xây dựng đường xá từ ngày tắt tiếng súng chiến tranh. Cũng có người công thần chủ nghĩa, cho là mình đã có thành tích từ lâu và lại là thành tích làm đường sắt kia chứ không phải đường đất đường đá như thế này. "Khu tự trị trên này mới chỉ có đường đất, đường đá, đường nước Sông Đà, đường chim bay, chứ làm gì đã có đường sắt. Bao giờ Tây Bắc làm đường sắt đi Lai Châu đi Điện Biên để chúng tôi được phát triển kinh nghiệm cũ của chúng tôi!". Ai cũng nói mạnh, không phải chỉ nói mạnh mà là làm mạnh nữa. Chả thế mà gạo nếp một cân hai lạng một ngày mà cứ hết veo. Người Mường Phù Yên quý yêu bộ đội dành lợn vịt rau quả cho bộ đội làm

đường chạy qua bờn mường mìn. Các chị các cô công nhân vào các bờn hỏi mua gà vịt rau xanh, đồng bào Mường lúc đầu chưa ai biết là ai, tìm cách thoái thác, nhưng lại vui vẻ bán cho ngay, sau khi các cô các chị công nhân mạnh bạo nhận mình là “vợ và em gái bộ đội” cùng ở công trường làm đường ngoài kia cả đây”. Con suối Tác chảy qua cánh đồng Tác xã Quang Huy, chảy song song với con đường cải tạo lại, chảy men theo nhiều bờn mường đồng đúc, ở bờ con suối ấy thường rộ lên nhiều trận cười lành mạnh báo hiệu chất tươi mới lần các “chị vợ và cô em bộ đội” đi mua được rau quả gà vịt đem về. Ở khu vực mới này, có bao nhiêu rau quả vẫn không là thừa. Cho nên sau cả ngày mở đường dấp đường, làm việc quần quật như thế, mà đêm đêm vẫn còn thức thêm để lấy phân xanh với cái ý thức “một gánh phân là một viên gạch để xây dựng chủ nghĩa xã hội”, và vẫn nhiều bóng người vừa soi đuốc vừa tranh thủ tưới bón ít luống rau với cái đám hạt giống chất chiu nắng niu đưa dạo nọ từ xuôi lên. Ở đây làm việc cả ngày làm việc cả đêm với cái khẩu hiệu giống như khẩu hiệu lao động quên mình của chiến sĩ bên khu kinh tế Sơn La-Nà Sản: “Hết đèn trời, đã có trăng, hết trăng đã có đuốc”. Ở một đơn vị kia đã có một đồng chí trực ban một buổi tối nọ bị một số chiến sĩ tặng cho cái tên là quan liêu, khi thổi còi nhắc đơn vị tắt đèn đi ngủ đúng như

điều lệnh. “Giờ này, cả đơn vị đang đi làm đêm ngoài ruộng ngoài rừng ngoài đường, chứ có ai ở nhà để chờ đi ngủ đúng giờ đâu mà rúc còi!”. Độ này lại đang có phong trào đóng xe cút kít để chờ đât đi chờ đât lại, để lấy cái bánh xe gỗ giải phóng cho đôi vai và do đây mà tăng năng suất lao động. Tất cả đều hùa nhau làm xe cút kít. Cả ngày dầm mình ngoài gió nắng để nắn đoạn đường cũ vẫn lượn gân suối Tắc, để mở những đoạn đường mới cắm sát vào phía núi gần mé sông Đà, ban ngày dành cả cho làm đường, tối tối mới chuyển cả vào việc đóng xe chờ đât. Tre rừng gỗ rừng mỗi người mỗi tổ tự kiếm lấy mà đóng. Có những cái bánh gỗ, mặt đường kính hơn nửa thước mét liền một tấm rất đẹp rất vững, có những bánh gỗ phải ghép vá nhiều mảnh như một tấm áo người nghèo can nhiều miếng vụn khác nhau. Những gốc tre lui, gỗ kêu như sừng bò tốt, được bổ đôi ra làm tay xe. Có những xe cút kít cổ điển một bánh, có những xe cút kít cải tiến có đủ cả hai bánh. Trong khi có những chiến sĩ lao động oằn cả người lên để gánh đât gấp hai gấp ba gấp bốn người khác, chập chờn đôi lại và gánh đúp chồng bốn sọt lên nhau mà chuyển đât được nhiều, thì xe cút kít ra đời hàng chục chiếc, hàng trăm chiếc để giải phóng cái vai người lao động. Tiếng xe cút kít rít lên và bật tiếng lên giữa bàn hợp tầu mờ đường rừng. Trong phong trào sản xuất xe cút kít để tranh thủ

thời gian cho đường dài ra được nhiều trong mùa khô
chủ động, những con người vui tay vui chân lao động
không mặc cà kia, liền nghĩ luôn ra những cẩn bẩy
của đầm đất lối kéo vỏ ở miên xuôi, và muôn làm
đường vui hơn nữa, lại nghĩ thêm ra cả cái đầm lối
khung cùi khiến được bằng bàn chân. So với anh em
lao động trong phe ta đã phóng được vệ tinh nhân tạo,
có lẽ cái sáng kiến xe cút kít đầm kéo vỏ đầm khung
cùi này cũng chẳng có gì là khoa học hiện đại lắm,
nhưng ở một nước nông nghiệp Việt Nam phải lao
động cả bằng cổ bằng vai, bằng đinh đầu bằng mông
bằng gối, bằng cả gan bàn chân gót chân lúc rù đất
bó mạ tươi, chân tay minh mẩy quần quật phôi hợp
động tác, ở cái điều kiện làm ăn đó mới thấy cái giá
trị của việc cải tiến cái đầm đất, từ hai người cầm
chuôi đầm rút xuống chỉ còn một người và một người
ấy lại đầm được gấp bốn lần công sức bốn người kia.
Là lấy ngay cái xe cút kit chờ lợn để chờ đất chờ đá
thay cho cái đòn gánh đè lên vai. Cái tin thời sự Liên
Xô vừa phóng xong hành tinh nhân tạo vượt mặt
giăng để vào Thái dương hệ, càng làm cho từ đầu này
đến đầu kia cả tuyến đường lạc quan hơn trong mọi
mặt vượt khó. Mặc trên người bộ quân trang bợt màu
lem nhem bùn đất thô nhưng vẫn cứ còn bánh, cánh
tay chín đỏ lên những con chuột bắp thịt, những anh
bộ đội âm âm đầy xe cút kít, cười nói như họp chợ

trong rừng sương: “Muốn hiểu được khoa học một cách thật khoa học, vẫn cứ là phải thấy nó theo một cái nghĩa tương đối và tùy theo tình hình kinh tế cụ thể, có đồng ý không anh em ta đi mở đường!”. Một loạt hưởng ứng rền vang để cùng vui với sự xuất hiện của xe cút kit khoa học ra đời chứng minh cho cái thế ưu việt của mình đối với cái đòn gánh nó cổ điển một cách lạc hậu. Trên khắp tuyến đường từ đầu phố Tạo đến gần phố Vạn Yên, thế là băng băng những cái bóng người thúc xe cút kit và vật ngang xe đất ra, mỗi lần tới đích chuyển đất. Phụ nữ công nhân công trường liên cù phái đoàn đến tham quan và nghiên cứu xe cút kit. Cán bộ và chiến sĩ bên Điện Biên Tuần Giáo cũng cử người sang trao đổi kinh nghiệm mọi mặt giữa hai công trường cầu đường. Bên Điện Biên, con người đang đấu mạnh với thiên nhiên, và không khí lao động quên mình cũng hùng hực không kém bên Vạn Yên Phù Yên này. Các đơn vị đã rao to rằng không để kỷ lục năm quá hai mươi bốn tiếng mà không phá, có những chiến sĩ tự tay mình phá lấy cái kỷ lục chính tay mình đã tạo ra cũng đã khá cao rồi. Xe cút kit bên Điện Biên lại còn chạy trên những đường ray bắc băng thân tre. Để xô đất gọn xuống vực, chiến sĩ cầu đường Điện Biên đã ghép gỗ tròn cây và ván xè để dựng những cầu máng, dựng những cái máng mái hiên. Đất từ lưng đồi lưng núi, xô thẳng

xuống vực hoang người đi đường mỗi khi qua máng nghe ào ào trên đầu mình những thác đất bột đất tăng đồ như mưa xuống lòng vực. Mới vừa đây, kỷ lục đào đất của Điện Biên là 77 thước khối do một người liên tay làm trong một ngày.

Đứng trên cao điểm xa mà nhìn về một dài đường Phú Yên dài mấy chục cây số đang duỗi ra thẳng thắn, thấy áng bụi trần của những người hăng say mở đường đang dày đặc bốc tòa khắp mặt suối, mặt đồng như một cuộc chuyển quân tiến nhanh ra phía Sông Đà. Định là sang năm 1960, anh em phải làm xong phần đường tả ngạn đây, nhưng lòng tự tin của con người lanh man mở đường, đã biến thành cái khẩu hiệu "vượt Sông Đà trước mùa mưa". Cũng như bên Tuân Giáo Điện Biên, mức đề ra là một năm làm xong ba mươi cây số vào đến Bán Tô, thì chiến sĩ Điện Biên cũng quyết tâm là trong mùa mưa năm nay đã phải xong rồi. Vượt Sông Đà, vượt Sông Đà, đúng là cái điệp khúc thân yêu của những con người đã sống chết với Tây Bắc và đang sống cao độ với quê hương Tây Bắc. Vượt Sông Đà nghe phảng phát dư âm lời hịch của Tổng quản úy của Bộ Tổng vào những ngày vượt sông đuổi địch mở thiên đầu cho tập anh hùng ca giải phóng hữu ngạn Sông Đà, giải phóng cả Tây Bắc bảy năm trước đây. Mở đường trên Tây Bắc thật là nhiều gian lao nhưng đã thấy âm ấm lên cái vui của người

đắp đường cho xe Cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến hàng ngang vào Tây Bắc sâu hơn nữa, đồng hơn nữa, nhanh hơn nữa. Anh chị em đi mở đường nhộn nhịp người cuốc, người xúc, người đẩy, người gánh, người đào, người xẻ, người đánh gốc rừng, người cạp bờ trên vực, cả bằng tay chân mình, cả máy húc máy ngoạm núi máy dui đồi, tất cả đang hầm hở cùi xuống mặt phân đường ngón ngang. Trong một lúc nghỉ tay, giải lao mười phút nào đó, tôi đề nghị anh chị em hãy nghe tôi đọc mấy câu buồn cười này của một thằng cha chống lại việc mở đường. Nghe cái thằng phản động lố bịch ấy nó ôn thót này: "... Sơn La nàng ôi, chỉ vài năm nữa thôi, cái duyên dáng của em sẽ mất hết! Em há chẳng thấy cả một cái dài đường từ phía Suối Rút đang lần lần tuôn dài lên mà với tới em. Nhưng con đường kia có khác chi một mũi dao nhọn cắm phập vào long nàng. Sơn La ôi...!" Cũng phải nói nhanh ngay rằng đây là văn của Tây thuộc địa sặc mùi thuốc phiện đang ở một số tuần báo thực dân, tờ "Đông Dương" tháng hai 1943, dưới tên ký Bút-sê, một thứ Tây cai trị dùi cui phinh phờ thị dân, muốn các anh chị em các dân tộc ít người Tây Bắc cứ sống mãi cuộc đời bưng bit không có đường ra của núi rừng Tây Bắc, của một vùng Tây Bắc mà ngày nay các dân tộc miền núi miên xuôi đang đồng cam cộng khổ đẩy mạnh việc khai thông đường sá, để từ đó đẩy mạnh

mãi lên nữa sự khai thông đời sống cho một đời sống sáng sủa tươi lành và công bằng. “Đường là gì? Đường là một dài đất, chuẩn bị sẵn để tiện giao thông...”. Một nhân vật sĩ quan công binh của A-léc-dăng Rô-den định nghĩa như thế về con đường trong truyện “Đường là gì”, tôi thấy nó cũng đúng là như thế đấy, nhưng ví dụ đối với cái ý nghĩa xây dựng đường sá mở đường ở Tây Bắc của ta hiện nay, với tất cả cái ý thức xã hội chủ nghĩa và cái tâm hồn lăng mạn của người đi mở đường miền Tây Tổ quốc, tôi nghĩ rằng nếu chỉ nói như thế thôi, nếu chỉ nhấn vào cái khía vật chất không thôi rồi quên đi mất cái khía tinh thần mà định nghĩa, thì nó vẫn còn thế nào áy... Nhưng thôi, ta hãy trở lại nơi mặt đường chúng ta đang làm ở gần bến Sông Đà kia.

Đọc theo con đường ở Phù Yên đang rộng ra, đang dài thêm mãi và thẳng duỗi ra, cuộc sống lao động tập thể đang cát lên cơ man là mái nhà mới, những ngôi nhà gianh nhà xưa mới. Nhà mới mọc đến đâu thì cây rừng bị thu hẹp lại đến đấy. Những ngôi nhà mới có nơi xùm hàn lại thành một khu vực thật mới toanh, chưa có bản đồ tham mưu nào ghi cả. Có chỗ thì nhà đất mới dựng của từng đại đội chen với bản cũ nhà sàn các bản Mường mái gianh đã xuống màu. Rừng Tây Bắc đang mọc lên những cái làng thuyền thơ những cái làng của người lính làm ăn trong hòa bình.

Chỗ này phơi hàng dây quần áo lá cơi bợt màu vá dầu
gối vá vai vá cửa tay; chỗ kia la liệt những sào áo
cánh vải phin trắng, quần chéo go đen, những tấm áo
sợi cũ cầm huyết dụ, những tấm bun-ô-ve màu chói,
màu mát. Những tấm áo màu ướt im à như một xâu
bướm cánh tắm sương ngái ngủ trong nắng rừng
gianh. Tôi không rõ công trường đã xây dựng được bao
nhiều đám cưới đời sống mới giữa bộ đội và công nhân
đàn bà con gái rồi, nhưng tôi biết rằng có nhiều anh
nhiều chị đang trên con đường tìm hiểu nhau, lấy tài
năng lao động mở đường làm cái cơ sở để dựng hạnh
phúc gia đình. Những dây quần áo của những làng
mới kia, mặc dầu áo đàn ông áo đàn bà phơi riêng
từng chòm từng xóm nhưng chúng cũng ra vẻ quen
dần cái hơi hướng của nhau. Nhiều khi gió rừng có
phần giúp cho những con người trẻ ấy càng quen hơi
với nhau thêm nữa. Mắt tôi theo dõi mấy chú bướm
rừng đậu lên cái áo bốn túi hai túi bên này rào nứa
rồi xập xoè vượt cọc rào mà tìm đậu lên một cái nịt
vú trắng ở cái dây phơi xa hơn. Tôi đã thấy một vài
thân cây rừng bên đường vỏ cây hần xuống những
đường trổ cái hình quả tim cổ điển, dưới tim gạch một
niên hiệu rất gần đây và ký hai cái tên người mà tôi
đoán chắc là tên một người đàn ông và một người đàn
bà. Chiều về khói lam chiều nổi lên tối tấp từ những
nơi từ nhiều nơi phơi quần áo chưa kịp mang hết vào

nhà. Khói lam chiều nổi ở bờ suối, ở mặt ruộng thang, ở cửa rừng, ở ngã ba con đường cũ rẽ sang con đường mới, ở đầu cầu đầu dốc. Tại làm sao tôi không dám tưởng tượng đến cái cảnh hai mươi năm sau này, sẽ có một anh cán bộ thanh niên nhất định đi nghỉ phép mười ngày chì để lên Tây Bắc thăm con suối Tác thăm bến Vạn Yên chồ sang Sông Đà, đứng bên một cái cầu bê tông mà nói một câu in như cách nói của một nhân vật tiêu thuyết nào: "Bố tôi là một chiến sĩ đánh hàng trăm trận ở Tây Bắc và hết chiến tranh, bố tôi chuyển sang làm cán bộ kỹ thuật của nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng hàng trăm cầu gỗ lim cầu xi măng ở Tây Bắc. Cùng nhau cái cầu này mà bố mẹ tôi có sự thương yêu nhau và làm bạn với nhau. Cái niên hiệu cầu này cũng là ngày sinh nhật của tôi đây..." Tại làm sao mà tôi không dám nghĩ rằng đây là những cái làng mới của một thứ Tây Bá Lợi Á kiểu Việt Nam. Và ở đây, mặc dầu còn có ít nhiều dội lên dội xuống trong sóng lòng tâm tư cá biệt người cầm xe này người đẩy xe người đầm nọ, ở đây đang hình thành cái làng và nhiều cái làng mới của những con người dám đi xa dám đi khắp đất nước tổ quốc mình, dám xuống biển lèn non, phá bỏ cái thói quen chỉ dám cầm cuộc đời mình ở chồ đồng bằng mà thôi. Những cái làng mới ở ven đường mới này, rồi có thể di lên phía trên chuyển xuống phía dưới, hoặc như ở thần thoại,

một đêm trăng sao hay là mưa to gió lớn gì đó, sẽ bốc cả qua bên kia Sông Đà, tùy theo sự tiến lên của đoạn đường mới. Nó lại cũng na ná như sự hình thành của những cái phố cao su cái chợ cóc nhảy trên các nèo đường đất nước Kháng chiến cũ ấy mà.

*

* * *

Suốt tuyến đường, bốc lên một mùi đặc biệt. Nó không phải cái mùi mốc của dì vắng mà nó thật là cái mùi điển hình của một sự kiện rất có tính chất hôm nay. Nó đúng là cái mùi mờ đường qua Tây Bắc. Mùi nhựa rừng, mùi nhựa những cây tươi ở những quả đồi ở những cánh rừng mà đường cái quan đang xuyên qua một vệt dài trắng. Trắng như vệt đi qua của một viên hỏa tiễn nào phụng sự hòa bình kiên thiết. Cây to khoanh gỗ cắt tròn đến băng cái nong ấy, cây to kéo xuống mặt đường như vừa bị đàn voi mậu dịch lâm khẩn quật ngã xuống, rẽ con rẽ mẹ đang không ngừng tuôn rơi những giọt lệ hăng chát. Những cây nhỏ cũng ngốn ngang cành lá, những bàn tay đoàn người mờ đường, như một trận bão tố tắt yếu trên bước đường tiến lên, đang rung cả khu rừng nằm giữa con suối và con sông. Mùi rừng hăng lên cái say mờ đường của mấy ngàn người đang âm âm chuyển đất. Nhựa rừng nồng, mùi đất lật lên nén xuống cũng cay

nồng như đất vỡ hoang mờ rộng diện cày bên nồng trường Điện Biên. Những tiếng dội chi chát từ lòng rừng đưa ra; trên mặt đường, vật lại cái tiếng chắc nich của các thứ vồ bơi chèo các thứ đầm kéo vỏ đầm khung cùi. Không may may phân biệt đối xử, nắng châu Phù Yên tỏa đều đều xuống những khói đất hình học trên phần đường cũng đang khô màu và in hệt cái màu tươi soan đào của những tấm ván vừa xé ra kia. Có chặng đường luôn qua rừng, đất khô bột phấn lên như mình một con trăn gấm đang phơi nắng ở khu rừng gianh sau kỳ mưa úng. Mồ hôi hàng ngàn dòng vâ ra, tưới thêm muối mặn xuống mặt đường như tăng thêm cáp phoi cho đoạn đường. Nhựa cây rừng, tới một lúc nào, đã phải xin thua không dám chảy thi với mồ hôi những người đang quần đang cuốn lên ở khắp tuyến đường. Những mảng người lăn xả vào những mảng cây tươi những mảng đất tươi những mảng đất khô. Đào, đắp rồi lại đào rất nhiều. Những cái cọc làm dấu cho đường tim mặt tuyến đường có cái bị đất ngập đến sát đầu. Không biết đã đào được di tích lịch sử hoặc trống đồng cổ nào chưa, nhưng hiện vật chiến tranh linh tinh thì không ít đâu: quanh vùng đây, hồi ta chưa giải phóng 1952, cũng là đồn bốt nó cả. Trên cái trận địa này, con người này không đánh nhau với những con người kia mà họ đang cùng nhau đánh vào cái thiên nhiên ở đây. Chiến trường ngắn ngang những ụ, những mô, những đống, những

gộc, những tảng. Có khi lòng đường hưng xuống như thành một cái hố bom tấn năm nào. Có khi một nửa đường bên trái lêu đều năm bảy cấp đất nền nhà nén xuống bên một cái nửa đường phía tay phải sâu hoắm xuống như cái thúng đáu lấy đất cho lò gạch. Ở giữa đường cũng cuốc, phía trong đường cũng cuốc một cái khoanh tảng gia gì đó. Cột cờ các đơn vị các đại đội thi nhau mà mọc lên, lúc nào cũng đi đi về về những thanh niên chuyển quân lao động lên xuống những địa điểm cần tiếp sức thêm. Đột ngọt nhất, là cái lúc anh chị em nghỉ tay rút hết vào phía rừng bên có bóng cây. Mặt phần đường quang vắng hẳn đi. Từng khóm xèng cầm pháp xuống đất tươi, đúc xèng cán thường đều có những bít tất tay bao tay trắng chụp lên, cái ngón bao tay hoen đất, cái lòng bao tay còn hăng lên cái mùi mô hôi làm đường. Bên cạnh khóm thường xèng dựng đứng là một dải vịt bầu Mường cảnh và cổ ánh xanh lên cái màu áp lực. Hai chú vịt có vẻ như không biết gì đến những tiếng mìn mìn đường những tiếng sấm động ở quanh quanh Tây Bắc đây. Lại thấy cần có anh bạn quay phim thu cảnh ghi ngay hộ cho cái bức tranh tĩnh vật rất sinh động này.

Con đường mới mở, nhiều đoạn dài, đã chia tay với suối Tác mà đi vào phía núi xa mãi trong kia. Thân con đường cũ rồi lại già về cho bản mường đem bạt nó đi để cho ruộng hai ven đường cũ sẽ liên thêm khoanh, và rồi lúa hai mùa sẽ mọc lên trên phân

đường cũ. Đứng trên thân đường cũ mà nhìn vào mặt đường mới đang dịch vào trong lườn núi xa, đang dịch dần ra mé Sông Đà, thấy nó hùng dũng như một cái thân đê nhà Lý bên sông Hồng dưới quê cũ đồng bằng. Quanh cái đê núi ấy, làng mới của những người làm đường trên đồng rừng mỗi ngày lại thêm một ngôi hai ngôi nhà mới. Những căn nhà đất mới đánh bạn với những ngôi nhà sàn mái cũ. Nhà gỗ nhà gianh không đủ, phải thêm cả nhà vải. Những cái lều vải bạt gợi rất nhiều đến cuộc sống của một tập đoàn hay chuyên chở, của một đoàn người đi mở đường đi cải tạo đường xưa, yêu quý đường như là huyết mạch Tổ quốc và lấy nó làm cái quê hương lưu động của mình. Những mảnh vách bằng vải trắng mang những nhãn hiệu viết bằng hắc in, mực tàu: "Kho thức ăn" - "kho đồ làm" - "cảng tin" - "câu lạc bộ" - "nhà ngủ của bộ phận cầu II". Cái tăng vải bạt gần đây in một chữ thập đỏ, cửa sổ vải bạt cuốn lên ló ra cái đầu một chí y tá của những tai nạn lao động phải đề phòng. Thỉnh thoảng, trong một căn lều vải bạt bên suối, qua tấm cửa vải, còn lom khom cái dáng nhợt nhàng của chị nuôi xay bột đóng khuôn đậu phụ.

*

* * *

Trên đoạn đường đang mở rộng bên Điện Biên, có những ngày cấm đường và những ngày mở đường cho xe vào xe ra. Các thứ ô tô ra vào đều có những ngày nhất định trong mỗi tuần, trừ những xe công tác đặc biệt và hỏa tốc. Một hôm ấy, xe ca-mi-ông tôi rời Điện Biên. Ra Tuần Giáo, qua những quãng đường đang mở rộng, tôi chăm chú nhìn vào các chiến sĩ làm đường và cố ghi lại một số nét mặt và câu nói thoảng ngoài cửa xe chạy. Theo chở tôi được biết thì bên cạnh những quyết tâm của anh em đấu tranh với thiên nhiên Điện Biên nhiều suối sâu vực thẳm và đá sít núi già, đấu tranh với thiên nhiên để phát triển mạnh cái truyền thống vinh quang của chiến sĩ những đơn vị bốn năm trước đây đã mở đường cho xe súng lớn tiến vào tuyến lửa Mường Thanh, tôi biết rằng một số chiến sĩ làm đường đang có một số khó khăn nội tâm. Cũng theo chở tôi nghe được, thì những khó khăn này không phải là tư tưởng phổ biến của chiến sĩ cầu đường, nhưng dù có là cái cá biệt của một số nhỏ nào đó, tôi vẫn thấy nó làm bận tâm tôi nhiều lắm, bận tâm như thấy cái chuyện ấy cũng là chuyện của đích thân mình, cảm thông với vấn đề mà loay hoay chưa biết cách thoát ra khỏi cái vướng mắc trong vấn đề. Đã có những lúc tôi hỏi tôi: "Giả thử anh là chính trị viên là chính uỷ của đơn vị đang mở đường, thì anh sẽ nói gì... nói những gì để... để... Nếu anh viết một tiểu thuyết về các nhân vật cầu đường Tây Bắc chẳng

hạn, với cái nhan đề ví dụ là *Mở đường*, thì anh mở truyện và đóng truyện lại như thế nào?". Tôi ló đầu ra khỏi cửa xe, trên quăng ra Ngã ba Tuần Giáo, tôi nhìn ra bên phải bên trái con đường đang mở rộng. Từng trung đội đại đội chiến sĩ làm đường đang tập trung đang phân tán. Cái anh chiến sĩ lanh lẹn vui cười kia với cái tư thế phơi phới đang say sưa vần hòn đá tảng kia, đã đúng là cái hình ảnh nhân vật tích cực của "tiểu thuyết" *Mở đường* chưa? Cũng chưa khi nào tôi tin cái chủ quan của tôi tới cái mức cho là cứ ngồi ô tô phóng qua đây một lượt, cho là không cần xuống khỏi ô tô mà ở lại đây ít lâu, cho là cứ ngồi trong xe cũng cứ đủ viết được về các mẫu người làm cầu đường. Nhưng giữa khi xe từ từ lướt qua những anh hùng trong đông đảo quần chúng làm đường, tôi cứ theo một cái tật nhà nghề mà ướm ướm cái tướng tượng của mình với bóng người này người khác đang xêng cuốc động đậy trên các khu công trường. Có một lúc tôi thấy tôi đang hết sức chú ý vào một chiến sĩ ngồi bó gối trên đống gò tươi nứa tươi cạnh cái lều vài bạt. Mặt anh ngùn ngút một thứ bức bối, anh đang bận vì anh quá, anh không thấy trên đường làng đang có một cái ca-mi-ông nổ máy chạy qua, hoặc là có thấy mà anh mặc kệ không thèm ngó đến. Có thể lúc đó anh đang nghĩ về một hòn đá một cái cây gì đó, trong quá trình xé góc núi vừa rồi. Cũng có thể là anh đang nghĩ đến một cái làng quê nơi đồng bằng có con đè cò

cái diều sáo. Làm thế nào ngồi trên xe mà tính cho hết được cho trúng được cái nỗi niềm của con người đang cau có ngồi ở dệ đường rừng kia? Nhưng không rõ tại sao tôi cứ muốn đổ riết cho anh đó chính là người đã nói cái câu suy tính hơn thiệt cá nhân tôi mới nghe lóm được hôm nọ ở trong nông trường Điện Biên. Chả là ở cảng tin nông trường Điện Biên, một số anh em ngồi uống trà tối thứ bảy kháo chuyện nhau về diền biến tư tưởng của một số anh em đơn vị này đơn vị khác. Một người bảo: “ Nông trường ta lúc mới lên chuyển sang sản xuất mà chả gay à? Bây giờ tư tưởng nó đã sáng dần ra. So với anh em ngoài Tuần Giáo làm đường, tôi không tự mãn về những đèo dốc thác ghềnh đã vượt được về mặt đấu tranh tư tưởng, nhưng tôi thấy mình tương đối còn đỡ hơn cậu gì ở đại đội cầu đường 98. Cậu ta chỉ cái quả lu máy bánh gang to tướng mà bảo một cách mỉa mai rằng “tương lai và hạnh phúc tờ là đây, là theo cái quả hổ lô mà rồi ngày tháng dài ra trên các nẻo đường, nay công trường này, mai cầu quán khác...”. Cái câu ấy còn văng bên tai tôi, và tôi cứ nghĩ một cách chủ quan rằng đích cái anh ngồi bên đường kia với cái tư thế bức mình ra mặt kia, đích thị là anh ta đã trào phúng bắt công với cái con lăn máy trên đường miền Tây đây. Dáng anh ta đau khổ, mặt anh ta rủm ro lại, tôi chắc khi tôi sai lầm mà cứ bảo thủ thì mặt tôi cũng xấu như thế đó.

Tại sao tôi rời Điện Biên đã hàng tháng rồi, tôi sang bên này Sông Đà rồi, sổ tay tùy thân tôi đang ghi chép về công trường làm đường bên châu Phù Yên mà cái câu mía mai “hạnh phúc - quả - hồ lô máy” ấy và cái nét mặt anh bất mãn ngồi ở dệ đường Điện Biên ra Tuần Giáo áy lại hiện về một cách day dứt ghê gớm như thế này?

Trước mặt tôi là một con sông khác rồi, không phải con Sông Đà nữa; chỗ tôi đang đứng là một cái bến phà máy, có máy cái máy dũi đất to bằng hai con voi đang chờ chuyên sang sông cũng để đi mở đường rừng miền Tây cùng với các chiến sĩ cầu đường Tây Bắc.

Tại sao lúc áy tôi đang ghi chép về một anh làm đường Phù Yên thì hình thù và lời nói của một anh chiến sĩ làm đường Điện Biên lại cứ hiện về ? Hai con người này họ hàng gì với nhau? Có lẽ nó cũng có liên quan với nhau về mặt tư tưởng, đơn vị họ khác nhau, nhưng họ cùng chung một công tác mở đường, họ cũng có những khó khăn tình cảm giống nhau. Hôm tôi rời Điện Biên, tôi đã chú ý đến một anh ngồi bên đường như là tôi đã nói trên kia. Đến cái hôm xe ca-mi-ông tôi rời công trường Phù Yên - Vạn Yên, tôi chú ý nhìn hàng hà sa số anh chị em đang nhộp nhịp say xưa với con đường đang dựng, đồng thời tôi cũng có dịp để ý đến một anh khác. Một anh mà tôi cho đúng là một người lòng chưa thông với lòng đường, chưa thấy được cái vui lớn và cái nghĩa cả của người đi mở đường.

Anh ta đã chỉ lên xe tôi gọi như giật tôi xuống: “Xuống đây làm đường đi!”. Tôi rất lấy làm suy nghĩ về cái tiếng gọi thiếu bình tĩnh một cách dữ tợn ấy. Có lẽ tiếng gọi giật giọng ấy còn đuổi theo tôi mãi cho tới cái ngày nào tôi viết xong được cái tiểu thuyết *Mở đường*. Viết nó ra để làm gì nhỉ, các anh các chị đang mở đường trên Tây Bắc? Phải chăng là để chúng ta cùng nhận định với nhau về cái ý nghĩa lớn lao sâu sắc của sự tất yếu mở đường xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc, và phát hiện được ra những cái quý báu trong tâm hồn người chiến sĩ người công nhân đi mở đường, sau khi đã phân chất được một số gian khổ vật chất tinh thần mà các anh các chị vừa vượt đã vượt lên được?

Trong kế hoạch ba năm, các chị các anh ở Phù Yên ở Điện Biên sẽ hoàn thành một con đường cái, hai con đường cái. Cuốn sách *Mở đường* “định” viết, chưa rõ sẽ xong trước, hay là các anh các chị sẽ cắt băng khánh thành đường trước? Có thể xong con đường lớn rồi mà còn lâu mới thấy *Mở đường*. Có thể là cuốn sách đi trước được vài chặng tháng năm mà con đường vẫn còn đuổi theo nó. Có thể sách vẫn ra mà nó lại đi nói đến những thứ khác cũng không kém cái vĩ đại của sự nghiệp cầu đường. Tôi tưởng cũng chả hề gì, vì vấn đề chưa phải ở chỗ ai nhanh ai chậm. Mà nó là thế này: các chị công nhân làm đường Phù Yên, các anh chiến sĩ làm đường Điện Biên và tôi đây, tất cả chúng ta đều là những con người đầy nhiệt tình

đây thiện chí, mỗi người đều muốn đem một chút đến với cuộc sống. Đóng góp vào đời sống, thật là nhiều cách đây. Có người cả đời chỉ hát có một câu, một câu hát lịch sử nó lái cuộc sống vọt lên. Có người cả đời chỉ toàn múa, càng múa thì cuộc đời lao động quanh ta càng thêm thâm thuý và cao cả. Có người góp vào vài trăm trang sách gọi là gửi gắm một đôi điều suy nghĩ độc lập của mình. Có người góp một cái cầu qua suối qua sông, góp vào một nghìn thước đá đường trường, hoặc cả một cung đường. Riêng về những con đường Tây Bắc chúng ta đang mở, tôi cứ nghĩ rằng nó cũng có cái khía quý giá như một công trình văn hóa, như một cuốn sách quý đây. Bởi vì con đường các anh các chị đang mở, cũng là những con đường mà trên đó sẽ phóng lên Tây Bắc rất nhiều tia sáng của chủ nghĩa xã hội. Cuộc sống của nhân loại đã nhờ vào sách tốt sách quý, và đồng thời cuộc sống cũng dựa hẳn vào những con đường và rất cần có thêm đường. Con đường là một công cụ không những chỉ để chờ mầm muội chờ cày cuốc lên Tây Bắc mà còn là để vận chuyển lên tất cả những cái vốn văn hóa chúng ta có được. Không biết nói thế này có gán ép quá không, chứ có lúc tôi cứ thấy rằng đứng trước công cuộc tiến lên ở đây, con đường đang làm và những cuốn sách đang viết đều bình đẳng về giá trị phục vụ trực tiếp cho cuộc sống rất đáng yêu ở Tây Bắc. Cho nên, lấy lại cái hình ảnh của anh bạn làm đường Điện Biên rẽ rúng quả hồ lô máy lăn đường để ngờ vực đến cái ý nghĩa hạnh phúc của người đi mở đường, tôi thấy

rằng ở quá hồ lô vẫn có hạnh phúc được; cần nhất là mình đánh giá được con đường mình đi con đường mình làm, thì mình yêu thương được những cái xe nó cùng lăn với mình trên hướng đó, mặc dầu có là nặng mặc dầu có là chậm. Nếu di động là mảnh hạnh phúc, nếu chỉ ở một nơi nhất định nào tại một điểm tĩnh tại nào mới là hạnh phúc, nếu thật mà là như vậy, thì có lẽ những người chờ đò những gia đình các vạn chài trên nước ngọt nước mặn từ vạn cổ Đông Tây cổ kim không còn bao giờ thấy được cái vui ấm của đời sống? Cứ thử tưởng tượng mà nghĩ rằng Tây Bắc là một cái biển hồ to lớn mà núi non là những con sóng đã khô chắc lại vì dâu bể các đời qua. Thì những người đi mở đường lại giống như những người lái đò cạn, thì tất cả anh chị em làm đường mờ đường chúng ta sẽ là những vạn chài trên đất liền Tây Bắc, chỗ nào cần đến đôi bàn tay ta thì chúng ta liền “non sông một chèo” mà đến. Và con đường ta mở ra, sao lại không là một tia đèn bể rọi đi xa? Chiếu rọi qua những cái sóng đêm dài ở Tây Bắc?

Xuân 1959

DỌN NHÀ LÊN ĐIỆN BIÊN

Tôi ở đồng rừng về đồng xuôi về thủ đô chưa được bao lâu thì trong tập thư tín sách báo công văn mà đồng chí liên lạc cơ quan phát cho tôi hàng ngày hàng tuần, thấy có những cái thư chuyển từ Tây Bắc về, bì thư mang đủ các con dấu ^{hưu} điện Nghĩa Lộ, Điện Biên, Sơn La, Mộc Châu ^{v.v.} Chưa kịp bóc thư mà trong ^{đá} hí trường trạm 62 này, của những người bạn ^{mợ} ^{đá} phó chủ tịch nông chuyến đi vừa rồi. Mỗi lá ^{ít} lâu nay để theo sông suối núi rừng trên ^â ^{ít} lóp mở tại Hà Nội mắt đê phố Bờ Sông vào lúc ^c ^{ng} việc của trạm sắt Long Biên choáng bật ¹ ^u lên Điện Biên. ngang sông, không hiểu tại ^đ ¹ ⁱ tình đồng đúc anh hàng binh người Thái tôi có gặp ở ^L ^{át} của miền lính Thái bị nó ép đi vào tập đoàn cứ điểm ^đ ^{em} Tinh năm 1953, rồi nó cho lên tàu bay đưa về Đồng ^đ ^u Hà Nội để chữa một vết thương nặng. Tàu bay của anh lính Thái tới Hà Nội cũng vào cái giờ này Hà Nội chiếm đóng vừa đò đèn, và lần đầu tiên xuống đồng

bằng, anh vội la lên: “Hà Nội đốt rừng nhiều quá! Rừng Hà Nội cháy nhiều quá!”. Tôi qua khu cao lầu nhà hát Hàng Giấy, tự nhiên trong người cung nồng cái mùi khói Hà Nội “cháy rừng” của một anh ngụy binh Nà Sán.

Trước cửa một quán trọ bình dân, có tiếng người gọi tôi, gọi tên tôi luôn mấy tiếng. À, mấy anh bạn Điện Biên! Chuyện líu túu, chuyện gỡ không ra. Một cuộc trao đổi địa chỉ. Lúc chia tay, họ còn thân mật nhắn với theo: “Anh muốn gặp Ch. thì nên gặp ngay đi, không có anh ấy lại lên Điện Biên ngay đây! Cứ đến trạm 62 là thấy, cả chung lại cả vợ nữa”. Vậy ra anh Ch. mìn ở đây

Tôi tìm vào trạm 62. Đồng chí trưởng trạm 62, đồng chí trưởng trường cũng ở Điện Biên, là một lớp quản trị kinh doanh và luôn thể cũng là để ái kinh doanh. Trạm 62 đón đưa các gia đình tống tinh, đồng chí trưởng trạm 62, để xây dựng chính sách cụ thể cho nhất và cũng nổi tiếng chiến sĩ Điện Biên vận động gia đình vợ Bắc, đồng chí cùng chia sẻ với mình cái vinh quang kiến Tú, thiết khu vực xã hội chủ nghĩa Điện Biên. Mới đó mà đã hơn ba tháng. Và lúc này, tôi được thấy cái chính sách bàn tân trên Điện Biên kia đang hình thành

Cũng là mừng cho anh ôi bế. Ch. là một chính trị nông trường rất được quý mến, nhưng chuyện rất nhiều cái chưa đâu hông khí sôi nổi của cả trường bộ Điện Biên, hồi

thành những sự thật thật là tốt đẹp ở ngay giữa nơi đồng bằng Hà Nội. Mùa xuân năm ngoái, chỉ mới có những con người đàn ông “trở lại” Điện Biên.

Mùa xuân nay, có thêm đàn bà. Thật vậy, cuộc sống gian khổ chúng ta mỗi mùa mỗi năm càng đi mãi tới sự bình thường, đi mãi tới nhiều triển vọng cụ thể. Trên con đường ngoại thành Hà Nội, trên những cành lộc bên đường, những đàn chim những đàn sáo sậu, con uyên con ương đang hót, hót đến đâu thì hoa gạo bay đến đấy xuống lòng đường, như những chùm ngọc lựu của một thứ hạnh phúc chói thăm chín lành.

Tôi tìm vào trạm 62. Đồng chí trưởng trạm 62 này, hôm nọ tôi đã gặp tại nhà đồng chí phó chủ tịch nông trường cũng ở Điện Biên về được ít lâu nay để theo học một lớp quản trị kinh doanh, lớp mở tại Hà Nội và luôn thể cũng là để đẩy mạnh công việc của trạm 62 đón đưa các gia đình chiến sĩ ta lên Điện Biên. Đồng chí trưởng trạm 62 quê ở một cái tỉnh đồng đúc nhất và cũng nổi tiếng là làm ăn chân chất của miền Bắc, đồng chí nguyên là công nhân ở mỏ kẽm Tinh Túc, chị ấy cũng là người đồng tính đồng hương, cũng làm công nhân mỏ kẽm và biết nhau thương nhau cũng từ cái mỏ Việt Bắc ấy.

Con đường vào trạm 62 đi lại đã mệt lèn rồi, nhưng mỗi lần men theo cái rặng sồi vào làng, tôi lại nhớ đến một thứ cây cũng dùng để nhuộm vải mặc trên Điện Biên, thứ cây chàm, tuy hai giống cây này thân và lá đều khác nhau. Đã gần thành một nếp nghĩ, thấy cây sồi trạm 62 lại nhớ cây chàm trên kia. Bên những gốc sồi, có nhiều người quen mặt tôi từ chuyến vào thăm trạm 62 lần trước. Một vài người cắp cái chiếu mới và ít quần áo rẽ xuống phía ruộng chiêm rộng như một cái ao trong veo. Vợ chồng anh trung đội phó B. cùng cười:

- Đến dăm hôm nữa mới có xe đi Điện Biên, chúng tôi tranh thủ thời giờ, đi giặt đồi chiếu mới mua. Giặt cả ba lô nữa. Thế bao giờ anh lên ở Điện Biên với chúng tôi?

- Vâng, mời anh chị tranh thủ thời giờ. Vâng, thế nào tôi cũng có dịp lên Điện Biên ít ra cũng vài chuyến nữa.

Bà cụ chủ nhà quen mặt liền bảo là anh trưởng trạm đi lên Hà Nội để liên lạc với xe ô tô. Tôi cũng tranh thủ thời giờ, hỏi ít chuyện ở làng đây trong hồi địch hậu, ba cái bốt Hà Trì nó đi tắt đồng sang đây chỉ hơn cây số. Một người ngồi đó nói chen vào: "Nó ở đâu, nó đến đâu là toàn đi chặt tre. Tre làng này cũng là tre Gioi Neo cả dây thôi, có mảng được bốn năm tuổi

thân cây đã to rồi, nhưng có mảng cung mới giống
thêm chỉ là tre bánh té để ché lạt thôi”.

Các gia đình đi Điện Biên chờ xe ở trạm đây không
ở tập trung mà chia ra từng đôi từng tổ ở san vào các
nhà bà con trong xóm. Tôi tìm sang nhà anh chị Ch.
Qua ngõ này ngõ khác, thấy ngát lên mùi hoa bưởi,
cái thứ hoa bưởi bay cánh bay nhị xuống cầu ao xuân
sớm tháng hai. Anh Ch. đang ghi ghi chép chép gì,
bên cạnh một người đàn bà trẻ ngồi bên giường. Tôi
cất tiếng chào to và suông sã hỏi luôn: “Chị Ch. đây
phải không?”. Anh Ch. mừng rỡ giới thiệu tôi với vợ
anh, và nhắc lại tới mấy lần rằng tôi cũng ở Điện
Biên trong mùa mưa năm ngoái và rồi cũng sẽ lên
nữa đây. Lâu không gặp lại nhau, anh Ch. kể nhiều
chuyện, chuyện trên Điện Biên đổi mới những gì từ
ngày tôi rời về, rồi đến chuyện gia đình, và nhất là
những chuyện trước mắt của một gia đình bộ đội đang
chờ xe lên trên ấy. Cái giấy đi phép của anh phía sau
lại có cả con dấu và lời ghi của Bàn Đổi Tiền ngày
28-2-59 chứng nhận đã đổi cho anh một số tiền là...
cũng không là bao nhiêu, số tiền ấy dù là tiền cũ dù
là tiền mới đổi, cũng chỉ vừa đủ cho hai vợ chồng chi
dùng dọc đường cho tới đất nông trường. Tôi vừa đọc,
vừa ngó sang chị Ch. thấy chị trẻ, đẹp, khỏe, đúng là
một người quen lao động chân tay, tôi nghi thầm rằng
tiền nong vốn liếng đem theo lên Điện Biên, không

phải là ở một số tiền cũ nào đem đổi ra tiền mới, mà nó chính là ở ngay cái tâm hồn và cái tay cái chân đem theo lên cái áp xã hội chủ nghĩa Điện Biên. Vui tay, anh chị Ch. cho tôi xem cả giấy của địa phương giới thiệu cho chị Ch. đi Điện Biên, tấm giấy của Ủy ban Xã con dấu vuông màu mực xanh: "Xin giới thiệu chị... đã được sự đồng ý của gia đình, đã được sự thỏa thuận của địa phương, bản xã xin chứng nhận". Anh Ch. giơ tay chỉ chỉ sang mấy khóm nhà bên Đông: "Bên kia, có gia đình một đồng chí ta đưa vợ đi Điện Biên thật là khó khăn quá. Anh sang hỏi chuyện thì sẽ thấy gay lắm. Thực ra, có những địa phương cũng muốn giữ lại, nếu người vợ lại có khả năng công tác ở đoàn thể hoặc cơ quan địa phương: họ sợ rút mất cán bộ đi. Nhưng trường hợp đồng chí X., ở nhà bên cạnh đây lại là do gia đình. Nguyên là bà nhặt con cái chỉ có một bể, không có con gai chỉ có hai con gái. Con gái thứ nhất lấy chồng ở huyện khác. Con gái thứ hai thì chồng lại ở Điện Biên. Anh ấy về vận động thì vợ bằng lòng nhưng mẹ vợ không bằng lòng. Hôm đi phái trốn bà cụ mà đi đấy. Thanh niên phụ nữ xã họ bảo chị ấy cứ yên tâm mà đi, ở nhà họ sẽ khuyên giải bà cụ và rồi thế nào bà cụ cũng thông thõi. Tôi cho cái chính vẫn là ở người vợ. Vợ mà quyết tâm thì chàng có thử khó khăn địa phương hoặc gia đình gì cả...". Chị Ch. liếc chồng, túm tím, đi xuống bếp. Tôi

ngờ ngợ không biết có phải anh Ch. đang cần cung cõi thêm tinh thần cho vợ mình không. Tôi hỏi khẽ:

- Chị ấy, trong khi chờ xe hàng tuần nay, đã có hiện tượng gì là nhớ nhà chưa?

- Tránh sao được. Nếu ở tại trạm này mà có công ăn việc làm thì không ngại. Xưa nay vốn là người lao động, nay ngồi không liền mấy ngày, cũng dễ thành vấn đề đấy.

- Nó cũng như cái kiều đi chiến dịch thì không có gì về mặt tư tưởng, nhưng thắc mắc này thắc mắc khác thường phát sinh vào giữa hai chiến dịch, vào giữa những thời kỳ trú quân ấy chứ gì?

- Cũng có cái kiều ấy đó. Hôm họ chị chàng đã ra ngắm hoa bưởi. Mọi ngày hay chuyện trò, hôm ấy ít nói hẳn đi. Và hôm sau lại hỏi: "Ở nông trường Điện Biên, có hoa bưởi không anh nhỉ?". Mình chớp ngay lấy dịp, nói trên ấy đang ra nhiều thứ hoa, và hoa bưởi thiếu gì ở các bản mường, và sau này sản xuất khá mãi lên thì còn nhiều thứ hoa xã hội chủ nghĩa mà chắc đâu dưới đồng bằng này đã có được.

Chị Ch. đã bưng nồi cơm lên. Một cái nồi đất xinh xắn, đúng là cái nồi cơm của một đôi vợ chồng son. Nhưng tôi cũng khó mà từ chối nồi lời chào mời chí thiết của anh chị Ch. nhất định giữ tôi lại ăn cơm. Vừa ăn vừa chuyện. Chị Ch. vừa xới vừa nói: "Em

chưa mấy khi ăn cơm nếp, nhưng anh Ch. đã chuẩn bị tư tưởng cho em là lên trên ấy còn phải ăn cơm nếp một thời gian nữa, mặc dù là nông trường đã giống lúa té. Nhà em bảo ăn cơm nếp khỏe người ra, và sau này ăn quen nếp thì lại thấy cơm té là lạt léo. Ở trạm đây cũng có mấy anh nuôi. Nhưng vợ chồng em mượn nỗi, em thối lấy vì cũng chả bận công việc gì... Có gia đình một đồng chí Thổ Cao Bằng, cả vợ cả em gái, lúc đầu ăn cơm hàng ngoài phố Hà Đông, sau vì chờ xe lâu, tôn quá cũng lại về trạm này và nấu lấy... Ở trạm đây, anh nuôi cũng chỉ phải nấu cho một số hành khách lè, chứ còn có vợ có chồng là đều nấu lấy cả”.

Tôi sang nhà bên thăm một số hành khách lè cũng đang chờ chuyến xe đi Tây Bắc. Ấy là năm chị, tuổi từ khoảng mười tám đến hai mươi lăm. Các chị vừa ăn cơm xong. Tôi làm ra vẻ thông thạo:

- Cơm anh nuôi ở trạm đây, có nhiều ưu điểm không hở các chị?
- Không, chúng em thối lấy chứ.
- Thế sao bảo là khách lè thì...
- À, đây là khách lè nam giới nào đó chắc... Còn chúng em thì tự lập lấy một tổ, thay phiên nhau làm cấp dưỡng của tổ...

Thế rồi là các cô cười rúc lên. Bà cụ chủ nhà mắt kém ngồi ở cái bậu cửa, cũng cười: “Có các chị ấy đến,

nhà vui lên. Hôm sau có xe, các chị ấy đi Điện Biên cả, rồi lại thấy nhớ đây". Tôi nhìn sang một cái giường, có mấy cuốn thơ ca hò về sản xuất hợp tác xã và một cô bài tú lơ khơ. Một anh bên phòng thường trực trạm chạy sang, giới thiệu tôi là một đồng chí nhà báo cũng đã ở mải Điện Biên đây. Chuyện trở nên rộm ráo hơn. Thành ra ở đây các cô đều mỗi người một tỉnh cả, người ở Thanh Nghệ, người ở Vĩnh Phúc, Phú Thọ, người ở mải vùng bể Hải Kiến. Một chị có chồng ở công trường gỗ và máy cưa Him Lam, còn bốn cô thì do anh đi phép về vận động lên và nay lên theo anh. Trông năm chị, người nào cũng bừng bừng cái khí huyết của tuổi trẻ yêu đời và tham công tiếc việc. Không hiểu tại sao tôi đã dám tin chắc rằng trong mấy cô em bộ đội kia thế nào cũng có người nhiều thành tích năng suất lao động ở khu vực vỡ hoang tăng diện tích nông trường, ở công trường thuỷ nông chỗ này chỗ nọ quanh cánh đồng Mường Thanh. Điện Biên giờ vui, thật là vui hơn cái hồi tôi còn ở trên áy đạo năm ngoái. Mấy trăm cô em người thủ đô chuyền vừa rồi cũng rủ nhau lên trên áy, cô thì tóc uốn cô tóc buông cô tóc cặp, nhưng đều cùng chung một cái nhiệt tình và lạc quan của tuổi trẻ lên đường kiến thiết Tổ quốc miền Tây Tây Bắc. Nay các gia đình lục tục lên nữa, các chị các cô vẫn cứ tiếp tục mà tiếp sức cho Điện Biên lịch sử, tôi cảm thấy rừng Tây Bắc càng

ngày càng tươi ấm, xuân Tây Bắc năm nay tươi sáng hơn xuân năm ngoái nhiều, và từ rày về ba năm sau về năm năm sau nữa, Tây Bắc càng ngày càng là xuân bát tận. Lại cứ phải nhớ lại cái buổi họp cuối năm ngoái ở nông trường bộ Điện Biên để bàn về kế hoạch đưa các gia đình lên. Có nhiều người hào hứng nhưng cũng có một số dè dặt. Có người đã dùng đến cái danh từ “tản cư hòa bình”. Tôi nhớ một khuôn mặt hoài nghi, nêu ra toàn những hình ảnh bốc mồ bốc mà bán sân bán vườn, nghe anh thì tưởng chừng như không thể nào có những cái ngày xuân như ngày hôm nay ở trạm 62 này có biết bao nhiêu sinh lực rộn ràng quyết tâm đem cái nụ cái hoa ở mình lên góp vào vườn vào ruộng trên Điện Biên. Những đê lúa mới gặt của nông trường đã được đề thơ và gửi tới hội trường, và chiến sĩ nông trường đã chào mừng Đại hội Đảng bằng những bát cơm mới của vụ lúa té đầu mùa. Đại hội Đảng sau đây ở Điện Biên, ở hội trường, sẽ còn cất lên những tiếng chào trong trắng nhất của lớp công dân đầu tiên khai sinh ở hộ tịch thị trấn xã hội chủ nghĩa Điện Biên, của tất cả những em bé mà mẹ hiền chúng hôm nay ở trạm này, còn đang ở trên cái quá trình dọn nhà lên Tây Bắc.

Chung quanh văn phòng trạm 62, những cây bưởi vẫn ra hoa trắng, cánh hoa long lanh phản mưa bụi của mùa xuân năm bàn lề kế hoạch ba năm. Trên

đường Ba La Bông Đỏ về Hà Nội, hoa gạo nở rộ như muốn thi đua với hoa ban rừng Điện Biên cũ này cũng đang nở rộ. Năm nay, lập xuân từ trong năm, xuân về sớm, hèn chi hoa gạo đã rực rỡ cả bầu trời.

Tôi muốn coi những chùm hoa gạo kia như là những bánh pháo cưới đang nổ trên tầng cao để chào mừng những xây dựng những hạnh phúc nông trường Điện Biên, trong chào mừng có cả tiếng tiên đưa và hẹn ước.

Tôi rời trạm 62, nhìn những gốc gạo hoa nôi tiếp bão hì trên các chặng đường quốc lộ số 6, tôi lại nhớ đến mấy anh bạn kiến trúc sư đang hồi hả vẽ và đắp mô hình cho các công trình văn hóa dựng lên ở Điện Biên. Đài liệt sĩ trên đồi A đồi C. Nghĩa trang liệt sĩ ở chỗ sân vận động cũ Mường Thanh. Biết là tôi vừa ở trên ấy vẽ và biết tính tôi hay tì mẩn nhìn mấy nhìn suối nhìn cây cỏ tạo vật, một anh kiến trúc đã hỏi tôi xem ở quanh Mường Thanh cây to thì nhiều nhất là loại cây gì. Tôi trả lời là thứ cây to độc tôn giữa Mường Thanh là cây muỗm, những gốc muỗm đen thâm, đứng xa hàng dăm nghìn thước vẫn trông thấy rõ cả mảng to. Nhà kiến trúc lắc đầu, thong thả mà cắt nghĩa: "Bạn mình được cái vinh dự vẽ kiểu cho đài và cho nghĩa trang Điện Biên. Có thể dựng bằng gạch có thể dựng bằng đá. Gạch và đá vẫn là những

nguyên liệu tại chỗ, nhưng đá thì vẫn đúng hơn hay hơn. Nhưng dù gạch hay là đá, quanh những công trình đó, vẫn phải có những cái cây. Chắc cậu cũng biết vai trò của cây và bóng cây trong kiến trúc là quan trọng như thế nào rồi, không cần nói nhiều với cậu. Giờ nói thẳng vào vấn đề. Bọn mình định cho giống ít cây có bóng có hoa ở nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên. Nhất định là có cây đại rồi, cành đại như cái lộc hưu nhung hưu ấy mà. Nhưng còn phải những cây khác nữa. Mà cây muỗm như cậu vừa nói thì nó nghiêm nghị quá. Về nghĩa trang, mình có một cái quan niệm không rõ có thuộc vào loại táo bạo không. Nghĩa là nghĩa trang dựng lên để nhớ ơn những bậc đã hy sinh, nhưng không phải chỉ ngừng ở một cái ý đó, mà còn có một ý nghĩa nữa về phía cuộc sống lạc quan đang diễn ra quanh ta. Theo cách đó, mình muốn dựa vào một vài thứ cây để nó đem thêm cái tươi đời vào một nơi nghĩa địa cẩn bàn là cổ kính hoài niệm. Giống cây muỗm thì tiện đây vì có sẵn. Nhưng giá mà giống được ít cây gạo ở lối vào nghĩa trang sẽ vẩy lên trời, sẽ điểm lên bầu trời Điện Biên một thứ máu thâm tươi nó đúng là cái màu nhiệt huyết của anh hùng và chiến sĩ, những người không chết được, những người sống vĩnh cửu trong lòng chúng ta. Về

phía cuộc sống hiện nay Điện Biên, ta thấy rõ là có rất nhiều người, cả nam lẫn nữ, quê gốc là ở miền xuôi. Nếu nhân dịp dựng đài dựng nghĩa trang này mà giồng lên ở Điện Biên được một số cây gạo, thì nó cũng làm cho phong phú thêm cái tình cảm của những anh chị em đang ở trên ấy. Trong kiến trúc, vẫn có cả thơ. Và có một nhà thơ lớn đã nói rằng những con người có tâm hồn, mỗi lần đi đâu, là đều mang theo mình một thứ phong cảnh nào..."

Hoa gạo nở trên con đường vào trạm 62 càng gợi lại cái tha thiết của anh bạn kiến trúc sư muôn Điện Biên Phủ chúng ta cùng sẽ đầy trời nở hoa gạo. Tôi xin ủng hộ cái ý kiến rất có tình ấy. Phải đó, hãy thử giồng thử một cây đi. Rồi sau đây, sẽ là cái việc của con chim cua lán gió mà rời hoa gạo Điện Biên cũng sẽ nhiều như hạt lúa nồng trường. Những anh em đã từng dũng cảm sóng với Tây Bắc, gần mươi năm hoạt động ở khắp chiến trường tràn dia Tây Bắc, những anh em đã từng vao đèn cánh đồng Nghĩa Lộ, hẳn không thể nào quên được những hàng cây gạo giữa cánh đồng Nghĩa Lộ. Chao ôi, những gốc gạo hiện ngang vì đại và thân mật trên cánh đồng lúa Nghĩa Lộ, bên con suối to như một nhánh sông đồng băng! Tôi đã thấy những gốc gạo trên khắp các tràn ruộng

bậc thang châu Văn Chấn, tôi cang mong được thấy nó nay mai rõ hoa ở bên Điện Biên cùng với rừng ban sánh nhau trong cái lịch hoa của Tây Bắc nhiều màu sắc.

8

3 — 7

Cứ này, tôi hay đáo vào trạm 62. Lần này, rất nhiều già đình chờ xe lên. "Hôm nào có xe đi? Hôm nào mới có xe?" Ai cũng hỏi, ai cũng đòi được đi chuyên này, ai cũng thấy nóng lòng muôn sớm tới đất Điện Biên sớm an cư để ma càng sớm lạc nghiệp. Người này người nọ kháo chuyện rằng các đồng chí thủ trưởng các đơn vị trên ấy cũng gương mẫu về việc này và đã lục tục đưa vợ con lên cả rồi. Có người vừa mới đến, túm lấy tôi, nhầm tôi là chủ xe vận tải tư doanh ký hợp đồng với nông trường. (Hồi mới đặt chân vào đây giữa Điện Biên, có những anh em đã lâm tôi là ông chủ máy kem que áp tái máy lên cho cảng tin nông trường; hôm tôi vào Lai Châu ra chợ nhìn các dân tộc ăn mặc diêm dúa và hỏi gia rau quả, nhiều anh em đã lâm tôi là đồng chí quản lý của đoàn Văn công Tổng cục sáp lén biểu diễn; bây giờ tôi lại thành ra chủ xe. Nhưng chưa có anh em nào lâm gọi tôi là một nhà trí thức ca).

Anh trưởng trạm 62, phải nói rất nhiều với nhiều người: "Nếu hỏi ở trên áy vè, đồng chí đã dứt khoát được là thè nao chí áy cũng lên ma xin ngay giấy của đơn vị, đơn vị giới thiệu với trạm, thi chuyến xe này thế nào chả đi ngay. Cho nên tôi xin nhắc lại: những trường hợp các gia đình đợt xuất, thi xin đợi cho. Trạm 62 xin hết sức phục vụ đón tiếp các gia đình ta lên Điện Biên kiến thiết, nhưng cũng cứ phải có chuyến trước chuyến sau. Đồng chí nào về ma vận động được người nhà lên, rất là đáng quý đáng hoan nghênh, nhưng xin cứ bình tĩnh. Cũng phải có chuyến trước chuyến sau chứ".

Anh trưởng trạm lai quay sang một chị khác: "Đồng chí chồng ở trên đấy, nhân thể nhờ một đồng chí bạn đi vé phép, mà chị thu xếp lên được ngay với anh áy như thế này là rất hoan nghênh, rất hợp với chủ trương của trên. Nhưng tôi đề nghị chị phải đem theo tới trạm một cái chứng minh thư của địa phương thì chúng tôi mới giải quyết chu đáo được".

Lại một vai chị khác đang hỏi về cùi lửa. "Áy, cái này là một vấn đề đây. An do anh nuôi thôi nấu cho thì gọn, mà tôi cũng thông cảm với các gia đình muốn tân tiên thôi riêng. Nhưng nhớ phải thanh toán cụ thể về chỗ rrom cùi với chủ nha trước khi ta lên xe. Vâng, gia đình mấy chị thi chuyến xe này đấy...".

Sắp đèn ngay có xe lèn, sinh hoạt trạm bóc hàn lèn. Công lang nhiều người la mặt ra vao. Đàn ông, đàn bà, em nhỏ. Có máy động chí tuy ở đơn vị biên phòng trên ấy, nhưng cũng đưa vợ lèn để chuyên vào quản số lao động của nông trường. Lại có cả một ông cụ râu tóc bạc phơ cũng hồi dương vao trụ sở trạm. Cụ nguyên là một cơ sở cũ ở Bắc Ninh từ hồi chưa Tống khởi nghĩa, nhà cụ là chỗ bêm để giàu cán bộ, để in đất in thạch. Cụ biết chữa xe đạp. Cụ biết dựng lò bě ren dao rèn cuốc, thợ nguội thợ điện đều làm được cả. Được giày giới thiệu đặc biệt, cụ cũng đang trên đường lên Điện Biên và cụ rẽ vào trạm. Tất cả đều kéo đèn anh trường trạm. Trạm 62 như một chỗ trũng cho mọi mạch nước tiếp sức lên Điện Biên đều chạy vào. Nhà anh trường trạm ôn ôn sự chờ ngóng. Các nhà trong xóm cùng to lên những lời tranh luận. Có nhiều người tư già quyết lấy khó khăn tình cảm với nhau, không cần phiền đèn động chí trường trạm.

- Thôi, trước sau thì gia đình chúng ta cũng đều lên cả. Ở tut lại thì nhất định có tổn kém hơn. Nhưng trên cũng có chiếu cố cho chúng ta về những khoản này ma. Chỉ có một điều là ở thèm ngày nao, là ta cần chủ động mà tăng thêm công tác chính trị với vợ và gia đình chúng ta. Nếu đi một thán một mình lên già phép σ Điện Biên, thi tốt ra bến kim Liên mà lên xe chuyên, thi gọn quá rồi, dễ quá rồi. Nay kèm vớ

con em iếc, đèn trạm là phải nghỉ đèn những việc do mới được.

- Nhất là tranh thủ thời giờ chết mà học thêm van hóa những ngay chờ xe.

- Nghe nói bộ phận kinh doanh về dưới này mua được khói cá giồng. Cá chám, ca mè, cá rô phi nữa. Dĩ nhiên là cá con đè lén thà ao; nhiều hổ bom tẩn cũ nay cái tạo thành ao thà cá cà. Chỉ rầy một nỗi là ca đưa lên khó hơn người. Ta đi năm ngày, tốc độ đi o tờ cua ca giồng mà nhanh như ta thi nó chết, mà kéo ra hàng nửa thang doc đường thi nó cũng chết. Đầu co kế hoạch là cho nó đi tàu bay, bo vào thung phuy xang cũ. Như thế là co khi giải quyết cho ca nhanh hơn người.

- Cũng như với đàn bo đưa lên thì lại phải giải quyết cách khác. Bo đưa từ đây lên, đi đường số 13 cho nó có cỏ ăn, nhán nha mất hai tháng hai mươi ngày. Tinh rồi. Vừa đi vừa dưỡng sức bò. Tôi không ví bo với con người hoặc con cá, nhưng nói thê để thấy rằng giải quyết cái chuyện đi lên Điện Biên cái nào dài ngay cái nào ngắn ngay cái nào trước cái nào sau, là phải nhìn cu thê tung việc và nhìn bao quát cả vấn đề.

Mọi người hãy làm thích cái cách nhìn vân đê của đồng chí co ve am tường ve ca va bo của nông trường

trên áy. Nhưng mà trạm cứ mỗi ngày một ùn lên những người chờ xe lên.

Hồi còn chiến tranh, tôi cũng đã có nhiều ngày sống với cái không khí ủn người lên ở những trạm giao thông đường dây từ miền giáp địch xuyên vào nội địa vung hậu địch. Trong kia mà nó cần một cái là đường lại nghẽn, là đường dây ngoại này lai đứt; công văn tài liệu và cán bộ lại ùn lại. Ngay như ở vùng Mai Đà tự do ta, hồi cuối 1950 nó chọc từ thị xã Hoa Bình ra Chợ Bờ ra Suối Rút, là cũng ùn lại hàng tuân; tôi quên sao được những ngày ăn bì đở - có bì đở mà ăn những ngày tắc đường đã là may lầm rồi - vừa ăn bì đở vừa ngóng tin của huyện ủy đưa về. Tôi không ngạc nhiên lắm với cái sự ủn động lại ở một cái trạm đường dây trong hòa bình mọi người mọi thú không phải che giấu ngụy trang mà lại nghẽn ngang thẳng thắn nói cười đi lại giữa ban ngày. Nhưng tôi đã thông cảm với sự lúng tung của đồng chí trưởng trạm 62 luôn luôn không trả lời kịp những câu hỏi những câu đùi cứ dội xuống như mưa nặng hột. Trạm trong kháng chiến, có ủn lên đến mấy thì cũng không nhiều người hỏi dồn đến như thế. Nhưng mà một mặt khác, tôi cũng thông cảm với sự nồng lòng sốt ruột của tất cả những hành khách chờ xe to đi Điện Biên.

Vào một lúc bàn giấy nhà trạm vẫn người hỏi ngày xe, đợt xe, số xe, anh trưởng trạm nhìn tôi, câu nói có

chen giọng cười: “Còn lên nhiều, đồng chí ạ. Quân số các gia đình lên, càng ngày càng tăng. Có nhiều đồng chí ta ở Điện Biên về phép, đánh giá thấp tinh thần phụ nữ không dám nêu vấn đề với đơn vị, nhưng lúc về phép xong thì về một nhà lại lên hai, có khi lại lên ba nữa, cả em gái em gái cũng lên. Cứ phải giải quyết thôi. Giờ là tháng hai ta, lên càng đông, sau cái tháng giêng ăn tết ở nhà một cách cổ truyền con rót lại”. Thế rồi vui chuyện anh trưởng trạm kể luôn về lịch sử và diễn biến của trạm 62. Ừ được đúng một năm rồi đây. Chả thế là gì. Tháng ba dương lịch năm ngoái, chuyển đại đội binh mã lên Điện Biên làm nhiệm vụ hòa bình, làm nhiệm vụ sản xuất, thì mới sinh ra cái trạm 62 này đây chứ. Thời kỳ hành quân áy, trạm 62 là một trạm thu dung, có nhiệm vụ đón những đồng chí phải đuổi theo đơn vị. Sau cái dạo áy, mới chuyển ra làm trạm về phép già phép 1957. Và bây giờ là giai đoạn tiếp đón các gia đình vợ con chiến sĩ lên kiến thiết Điện Biên xã hội chủ nghĩa. Đúng một năm của bao nhiêu gian khổ vượt được ở Điện Biên và của bao nhiêu thuận lợi. Còn như sau giai đoạn đón tiếp cho bằng hết tất cả mọi gia đình chiến sĩ, trạm 62 sau đây sẽ giải tán hoặc là nhận nhiệm vụ mới gì nữa, thì cái này, cũng chưa biết sẽ có những gì là mới nữa. Ai mà lường hết những cái chuyện biến

tốt lạ của Tây Bắc và Tây Bắc ngày nay, có phải không đồng chí!".

Tôi cũng tin như vậy, cái cười của tôi hòa lẫn vào cái cười đây lòng tin của một đồng chí mà tôi muốn gọi là đồng chí sếp ga đường Điện Biên Phủ. Riêng tôi, tuy chưa lường được mọi thay đổi từ nay ở Điện Biên, nhưng tôi thừa cảm thấy rằng, mặc dầu lúc này tôi đang ở đây, ở giữa lòng thủ đô Hà Nội, tôi vẫn nhạy cảm được cái đà chuyển và cái nhịp rung của Điện Biên. Và giữa hai nơi trọng điểm của Tổ Quốc ta, mặc dầu năm trâm cây số đường đất còn phải tu sửa thêm để rút ngắn ngày đường, con người ta đã đi về về lên lên xuống xuống một cách thật là vui mắt vui lòng vậy.

*

* * *

Hôm nay là một buổi sớm hoa gạo ném nhiều pháo toàn hồng xuống cái sân xanh ngắt giờ xanh ngoại thành Hà Nội để tiến đoàn xe các gia đình bộ đội lên tiếp sức cho Điện Biên. May cái quán nước đầu phố Bông Đò, đây những người ngồi. Vợ chồng con cái, anh con trai, chị con gái, cứ từng đôi từng tố, toàn những người quyết tâm quyết chí với quê hương Điện Biên. Những cái hòm gỗ mới rực rỡ lên màu nước vồng vang.

Những cái va li su, bóc lên mui da mới, đường chỉ khâu còn ven cá màu cá mùi sáp ong, quai da dit lèn như đôi giây moi xó lán đâu. Thùng tôn, chậu nhôm, chậu men hoa, có cái để lot được trẻ con ngồi tắm. Những cái tay nái cang hết đường khâu. Những đôi chiếu mới còn hàng hàng mui còi Kim Sơn. Có chị đi lên một mình ma cùng mang cả một đôi chiếu. Những bọc chân và gối. Nếu có những lúc nào anh bộ đội đi công tác, trong ba lô hoa bình chỉ có một cái gối lè thôi. thi nay những bó chăn kia đã guộn dù ca đôi gối tho mép hoa ra ngoai. Một vài người noi vọng sang một cặp vợ chồng son: "Mấy cái khuôn non mang theo lên, thê mà tốt đây. Lên Điện Biên, làm non, không sợ é dâu". Cảm động nhất là những đôi chim bồ câu, có đôi toàn trắng, có đôi ghep con cái trắng con đục xám. Có đến một phần tư hành khách có bu bô câu kem theo ba lô hờn tay nái và li. Tây Bắc bây nay chỉ nhiều đôi chim thông tin của các đơn vị biên phong. Nay Điện Biên sẽ dựng lên vò khồi là chuông chim của những gia đình lên lập nghiệp. Vợ chồng chị Ch. cũng có một đôi tráng tuyển góit đó như sơn. Chị Ch. giờ lồng chim lên, bảo tôi: "Đây là của mạ em bao mang theo lên trên nơ mà nuôi ở trước nhà, giữ lấy cho thằng nhỏ sau nay nó chơi và thêm ít trứng mà ăn. Ma em con báo: Thời mây đưa lên trên đó, chịu thương chịu khó mà làm ăn. Đời mây đưa bay con dài,

hãy lo lای mìnһ, và cung đցng bận bෑu gි lám vේ mạ ጀ nhâ. Bao giờ có con, thi nhán nhời vේ cho mạ vui với". Một vài người như sực nhớ ra điều gì, chạy vụt vào trong lang. Vao xin ba cụ chủ nhà ít nǎm rօm đć chóc nữa lót xuống xe ngồi cho máy đưa trè ǎm ngừa đỡ xóc. Và nhán tién, cầm lây cái chổi quét lại cái nhà bà cụ cho nó sạch: may quá tí nữa quên quét già nhà thi khuyết điểm ma rồi ngồi lên xe sẽ khόng đành lòng.

Đoàn xe đã tới. Đồng chí trưởng trạm xưởng danh tցng gia đình lên xe. Lúc háp tấp ôm đóm, có những túm su hào đứt cái lạt, cù su hào lân ra cá đường nhựa. Cái đám su hao nay là lương thực dọc đường đấy. Từ đây đến Thuận Châu sáu chặng án, ba chặng ngủ. Ba bữa trưa ở Hòa Bình, Xóm Lồm, Sơn La. Ba bữa tối ở Pha Lý, Yên Châu, Thuận Châu. Rồi là vào Điện Biên, su hao vẫn còn tươi chán. Quanh đoàn xe, mấy người bán lǎng nan lǎng mây đã ban voi một đầu gánh. Bó mía khόng cân cheo kéo máy ma đã gán hết.

Đoàn xe nổ máy. Tôi đã chú ý từ ban này tới một chị mặc áo xanh công nhân lên xe từ lúc đâu, thu gọn mình vào một góc xe, nét mặt voi tập trung vේ cái phía trước chập chờn những rặng núi phủ mây. Xe nổ máy, chị lấy vật áo châm mắt, rồi sụt sít. Trong xe nhiều người ôn ao khuyên giải, có người nói nhỏ vào tai chị khóc: "Nhán dàn rất đông kia kia. Khóc thi

mắt ánh hường dày. Cả đoàn xe có ai khoc gì đâu...'. Cái xe chuyên bánh, cả đoàn xe chuyên bánh. Một chị trong làng vừa chạy kịp ra, dúi vội vào bàn tay người trên xe một cái huy hiệu, hòn hênh noi với theo: "Tôi không biết là của đồng chí nào cái huy hiệu chiến sĩ Điện Biên Phủ này. Bắt được ở cổng làng. Nhớ hỏi hộ xem của ai".

Tôi nhìn theo đoàn xe, lòng đau đớn về cái hình ánh nước mắt của chị mặc áo xanh công nhân. Không, tôi không dám vội lên án những giọt nước mắt nhớ nhà của một người xa nhà rời quê cũ. Nhưng tôi muốn nói thêm với chị áo xanh công nhân một ý nghĩ của tôi về câu chuyên quê hương chúng ta. Cái xe thì chạy đi xa rồi, nhưng thấy cần, thì cũng cứ phải lèn tiếng theo thôi.

Tôi đã thấy rõ cảnh tình của những gia đình đang lên Điện Biên Phủ lấy Điện Biên làm cái quê hương thứ hai của mình. Cái chuyện một chốn đồi quê không phải là hôm nay mới có, mà nó đã sinh ra từ cái buổi người ta biết đổi chỗ và biết nhớ một cái gì. Sự chia ly bao giờ cũng nhiều xót thương. Cả ngay ở những chốn quê hương rất hắt hui mà ta vẫn đeo đẳng. Sự sống, nhiêu khi chỉ là những chuỗi dài thói quen. Bò một cái thói quen, kể cả cái thói quen đồi với cái làng gốc gác của mình, để mà ra đi, nó rất là giang xé rất là phiền phức. Nhưng phải dẫn được lên đê mà thấy

rằng có những sự chia tay rất là tất yếu trong đời sống tiến lên. Rời ra tách ra lại có ý nghĩa là lớn thêm lên. Rời một chỗ này đứng ra một chỗ khác là một quá trình phát triển. Từ đó lâu lám, vẫn còn nghe vong vê cái lịch sử những cuộc đời nông dân chỉ khá già được vì đã dám bỏ làng cũ. Chia tay để mà trưởng thành. Già tôi có dịp ở gần chị ao xanh công nhân nhớ nha, thì tôi sẽ kể tóm tắt cho chị nghe một vài cuộc chia ly vĩ đại đã diễn ra ở một vài cái làng tại nước bạn xã hội chủ nghĩa ta. Người ta đập đập thuỷ điện, người ta tháo nước đánh dám cả một cái làng quê. Va cả làng dời di một chốn khác. Quê hương cũ nay chìm xuống đáy biển nhán tạo nhấp nhô con sóng nhớ nha. Mà cái que hương mới thì cây cao bóng cả phải còn chờ hàng nam mươi nam. Nhưng đời sống làm ăn noi lang mới, nhất định mới hơn sáng hơn, sương tươi hơn.

Gần đây câu cửa miệng của anh em Điện Biên là "lấy Tây Bắc làm quê hương lâu dài của mình". Có người con noi Điện Biên là quê nội, có người lại bao la quê ngoại, quê đồng rừng quê đồng xuôi. Nhưng thế nào là quê hương đây?

Một dòng chí bám cơ sở Tây Bắc từ hồi địch hậu có lần đã ban với tôi về cái tình quê và tôi nghĩ rằng có lẽ đây là cái định nghĩa xác thực nhất về hai chữ quê hương, theo cái nghĩa mới, theo cái nghĩa sinh

động của sự sống ngay nay. Đồng chí ấy bảo: "Cụ tôi ba đời tôi người Nam Định, lên làm ăn ở Phú Thọ. Nếu căn cứ vào mồ ma tổ tiên chi họ, thì phải nói tôi quê gốc ở Nam Định. Nhưng nếu đem hộ tịch và địa bạ ra ma so, thì tôi là người quê ở Phú Thọ, mặc dầu đối với Phú Thọ, đối với thực tế của Phú Thọ, tôi biết tôi hiểu rất ít, hau như là chưa đủ trí thực để xúc cảm với những thực tế ấy. Cuộc sống tình cảm của tôi chỉ bắt đầu có từ cái giai đoạn sống chêt với cơ sở Tây Bac. Mỗi lần chêt đi sông lại với cơ sở trong lòng địch, mỗi lần đau thương rời yêu thương với cơ sở, là mỗi lần mình cảm thấy cơ sở đây chính là quê hương mình dày. Nhân dân ở đây bao vệ cho mình, mình bảo vệ cho nhân dân, cảm tình qua lại thật là cá nồng. Có thể nói một cách ràng người iết kỹ cũng là người không có quê hương. Tôi cho rằng chỗ nào mình có nhiều cảm xúc trước những thực tế mà mình có góp phần xây dựng, chỗ nào mình gắn bó với vận mệnh nơi đó, nhân dân và tập thể nơi đó thương yêu mình, thì đây là quê hương của mình"...

Áy đây, chí-công-nhàn-áo-xanh-nhớ-nhà, chỉ đã thấy quê hương là như thế nào rồi đó. Chỉ vừa phải chia tay với một cái gì rất thâm thiết trong đời mình. Nhưng chí cung đang có một cái phương hướng hương tình cảm đê ma trường thanh hơn nữa lên qua những cảm xúc mới của mình, đối với hai chữ quê hương. Quê

hương không con là một cái làng cũ nhỏ bé nào nữa. Quê hương ngày nay là những cái áp xã hội chủ nghĩa do bàn tay chúng ta dựng lên khắp nơi trên Tổ-quốc-quê-hương-vì-đại của mọi người Việt Nam Bắc Nam một nha chúng ta.

Thôi, chúc chi đi cho khỏe và nhờ chi chuyển hộ tôi những lời chúc tất cả anh chị em trên quê hương Điện Biên đạt nhiều thành tích mới dựng làng xã xã hội chủ nghĩa.

MỘT TÍ VỀ LỊCH SỬ VÀ MỘT BẢN LÝ LỊCH

“Tây Bắc đẹp lảm”. Nói chung, về chính trị và kinh tế về nhiều mặt khác nữa, Tây Bắc có những nét đẹp mỗi ngày mỗi sáng thêm ra. Cá đến những anh chị em chưa có dịp lên Tây Bắc, chỉ mới có ý định phải lên Tây Bắc ít ra một lần, cũng đều thốt lên “Tây Bắc đẹp lảm”. Thực ra, với tất cả những người yêu đời yêu nước có những xúc cảm kiên thiết xã hội chủ nghĩa và lạc quan cách mạng như chúng ta, không ai ma lai không thấy Tây Bắc là có rất nhiều triển vọng. Ở đây, trong mục nho này, tôi miễn bàn về cái đẹp Tây Bắc nữa. Mà tôi lại muốn nói đến một cái xấu ở Tây Bắc, mặc dù cái xấu ấy đã là sở hữu của lịch sử. Tôi nói đến một cái xấu có tên có tuổi và có tội ở Tây Bắc. Cái xấu ấy tên là Đèo Văn Long. Cái xấu ấy đã được Tây phong vương cho. Thực dân Pháp và vua An Nam Bảo Đại đã công nhận cho Đèo Văn Long làm vua ở

Tây Bắc. Có người bảo: “Tây Bắc giờ đang tiến dân lên chủ nghĩa xã hội, thiếu gì chuyên hôm nay ngày mai đáng nói, ta nên bàn đến những cái hiện tại trước mắt hơn là đi bươi cái xác chết của dì vâng Tây Bắc ra...”. Tôi đồng ý là hiện tại của Tây Bắc là vui tươi hơn ngày cũ và hiện tại này là cái cơ sở tốt cho ngày mai Tây Bắc. Nhưng muốn thấy thật rõ cái tốt của hôm nay, nhiều khi phải thấy cái xấu hôm qua, do đó mà có một cái cơ sở cụ thể để so sánh. Hôm nay đây Tây Bắc yên, lành, tươi, sáng và triển vọng của nó ngay càng tươi thắm mãi. Nhưng mà Tây Bắc của trước đây? Chuyện mới đó, dăm năm mới đây thôi chưa đà xa gi.

Cái xấu ở Tây Bắc mang tên Đèo Văn Long, chưa thật là chết hẳn. Vua Đèo vẫn còn sống. Vua Đèo Văn Long do Pháp bay trồ ra, Pháp thực dân thua chạy Điện Biên liền mang theo ca tro vua ày đi. Và ngay nay, vua Đèo Văn Long đang ở bên đất nước vua Lào. Người thì bảo Đèo Văn Long 70 tuổi, người thì bảo trên 70 tuổi, có người lại còn bảo rằng vua + giặc nay tướng còn thọ lâm. Có thể vua Đèo Văn Long vẫn còn keo dài cái sống của động vật có ngủ có ăn, không ăn cướp được ở Tây Bắc nữa thì nay ăn xin ăn nhờ vua Lào, làm Việt gian mách nước cho Tây cho Mỹ, nhưng

đối với nhân dân Tây Bắc giải phóng và kiến thiết ngày nay, thì vua Đèo Văn Long đã hoàn toàn là榜样 về mặt chính trị.

*

* * *

Tỉnh lỵ Lai Châu nằm lọt trong một thung lũng; vào tinh phải đỡ xuống một con dốc đá cao và dài, thuộc vào những dốc đèo hiểm trở của Tây Bắc. Lưng chừng đèo đá, lấp lánh một khúc Sông Đà. Và lấp lánh một mái nhà. Cái mái lâu dài ấy không phải bằng ngói hoặc bằng tàu lá hoặc bằng phiến gỗ gọt như lầu Lào. Mái nhà bóng láng một màu xám tái của mảnh tôn Mỹ viện trợ. Trong lũng, qua đám mù sương, hiện dần lên những chòm xóm, bản, phố, nhưng át tất cả đi, vẫn là cái mái lâu bằng tôn Mỹ xám lạnh. Tấm tôn lù lù giữa rừng xanh núi đỏ, hỏi ra mới biết rằng đó là cái nóc dinh cơ nhà họ Đèo.

Lâu đài Đèo Văn Long ở bờ trái Sông Đà. Phố tỉnh Lai Châu ở bờ phải. Phố dựa lưng vào đồi núi; đồi là nhà tù và đồn quan binh đạo thứ tư. Đứng trên đồn quan binh bờ bên này mà nhìn sang cái cơ nghiệp Đèo Văn Long bên kia sông, thấy nó như gần hơn là đứng ở lòng phố dưới bờ sông. Người dưới phố, hình như ai cũng có một vài câu một vài đoạn chuyện săn

sàng để giúp ta dựng lại cái hình thù và tâm địa Đèo Văn Long. Người Kinh kể lại, người Thái kể lại, cả đến những ông già bà già Hoa Kiều cũng kể lại. Ngoài phía bờ Sông Đà, nước thác vẫn réo lên tiếng bọt nước xô vào đá. Trên một nền nhạc nước chảy hậm hực vô tận của thác Sông Đà mùa cạn, ta hay lắng nghĩ về lai lịch Đèo Văn Long lồng khung vào ít nhiều dã sử Tây Bắc.

Đèo Văn Long là con Đèo Văn Trì. Hai người em Đèo Văn Trì có lần bị vua Xiêm hoặc vua Lào gì đó tiến quân sang tận Điện Biên bắt về làm tù binh hoặc con tin gì đó. Va Đèo Văn Trì trước đây, đã có lần đánh sang Lào, lấy được quốc án vua Lào đúc bằng vàng. Lúc này Pháp và Anh đều tranh nhau gây ảnh hưởng trên đất Án Độ - China và kèn cựa nhau để tiến sâu tiến nhanh về phía sau lưng Trung Quốc. Tên thực dân thám hiểm người Pháp là Pavie, sau thời kỳ làm lãnh sự Pháp tại Vọng Các Thái Lan thì nay xúc tiến việc nghiên cứu triền sông Cửu Long, - một mũi tiến vào nách Trung Quốc, song song với con đường thuỷ sông Hồng phát triển do thực dân mật thám giả danh lái buôn Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis). Những năm đầu hoạt động của Đèo Văn Trì ở Tây Bắc và cả ở phía Hưng Hóa Đôn Vàng là những năm đánh Tây chống Tây. Những năm sau đó thì Đèo Văn Trì

chuyển ra hàng Tây, ăn lộc Tây rồi chết năm 1908. Pavie vốn là một tên nham hiểm. Chuyển đi nghiên cứu triền sông Cửu Long, Pavie tâu với vua Xiêm vua Lào gì đó cho nó xin lại hai người em Đeo Văn Trì, xin quản lý hai người Thái đó, và Pavie để dành cái quà sống áy chờ lúc sẽ dùng đến. Trong lúc Đèo Văn Trì đang hưởng ứng phong trào Cần Vương dưới xuôi đánh Pháp, thì Pavie đưa hai người em Trì bị bắt làm con tin kia về trả cho Đèo Văn Trì. Và đánh đổi với Trì cái án vàng lấy được của vua Lào. Cái án đó, Tây liền mời vua Lào tới Hà Nội mà nhận về để đồng thời nước Lào công nhận luôn sự bảo hộ của Pháp.

Từ ngày chịu cái ơn đó, Trì đổi dạ. Cho nên sau đó, binh lính Thái ở Mường Tè đang có phong trào du kích đánh rừng bên Sông Đà, mà Pavie dám cởi trần tay không, râu xồm dài xuống đến rốn, tiến quân “cầu lớn” vào Mường Tè, vừa đi vừa giơ tay lên múa đe tò ra mình không có cầm võ khí nào. Pavie xông vào tận Mường Tè thuyết khách Đèo Văn Trì. Và hiệp ước 1886 có án triện Bộ Thuộc địa Pháp chính thức công nhận cho nhà họ Đèo cha truyền con nối mà đời đời làm quản đạo ăn lộc ở Phòng Tô, Lai Châu và Sơn La. Đó là Tây Bắc bị bán lần thứ nhất cho Pháp. Bố bán một lần, sau này con bán một lần thứ hai nữa. Trước

Cách mạng, cái phố Phú Cường toàn Hoa Kiều này, chính tên nó là Pavie đại lộ đó. Và phố Dân Chủ ngày nay, hồi đó gọi là xóm Đèo Văn Trì đó.

*

* * *

Nói một cách thật tóm tắt thì trong các tỉnh nước ta, kể cả tỉnh đồng xuôi đồng rừng tỉnh miền Nam miền Bắc, Lai Châu là cái tỉnh bị thiệt hại nhất trong mặt đón nhận lấy ánh sáng cũ... Cách mạng đã chiếu khắp Việt Nam từ mùa thu 1945. Sau ngày chính quyền ta thành lập ở toàn quốc cờ đỏ pháp phái khắp lũy tre làng mạc thành thị và khắp cửa rừng khắp bản mường, thì tinh ly Lai Châu kéo cờ đỏ sao vàng được có một ngày, rồi là phản động nổi lên, phản Cách mạng dựa vào Quốc Dân Đảng Tàu Trắng, dựa vào Pháp ở Vân Nam kéo về mà dây lên. Rồi tiếp vào đó là thời kỳ Tây Bắc bị chiếm đóng. Ở Lai Châu đây, đã xảy ra liên tiếp hai vụ bán nước. Ở đây Nhật đến, và Pháp đã chạy rút hai lần. Ở đây Tàu Quốc Dân Đảng cũng kéo qua tới hai lần, và lần sau là vào lúc Cách mạng Trung Quốc thành lập nước Cộng hòa Trung Hoa, tàn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua, rồi Pháp cho về lối Thu Cúc Lai Đông Đôn Vàng. Qua tám năm hậu chiến, cờ đỏ năm cánh sao rút vào rưng

xanh, mãi đèn giữa tháng chạp 1953, Lai Châu mới được hoàn toàn giải phóng và công khai treo quốc kỳ. Cùng thây cần thiết nhắc lại một vài nét về tình hình lúc đó của Lai Châu đen tối và đau thương.

... Lai Châu trong thời gian một tiểu đoàn phát xít Nhật chiếm đóng, đèn điện dưới phố thường chì cháy đến mười giờ đêm. Một buổi chiều mùa thu 1945, sau khu rưng trên đồn Lai Châu, có nhiều lựu đạn Nhật nổ, nổ quá một và nổ hàng tràng. Và tên quan Nhật vào nhà máy điện bảo bác thợ người Kinh coi máy điện rằng “đêm nay cho chạy điện tới mười hai giờ. Các quan và lính quân đội Thiên hoàng Đại Nhật Bản hôm nay ăn tiệc”. Buổi chiều hôm đó lính Nhật giết nhiều lợn nhiều bò, và say và hát cả đêm. Dưới bờ Sông Đà, những bu gá sông buộc ở đuôi én những thuyền then nǎm chèo đã gáy rõ sang canh tư. Cổng trại Nhật đóng trên dải phố vẫn có ánh đèn dầu. Nhưng do là một cái đòn bô không. Năm trăm lính Nhật cung lừa ngựa ca-mi-ông mau đất thó đã rút đi rất êm từ khi nào. Trước phút đó, bác thợ điện người Kinh còn thây thằng quan nó bảo: “Từ bây giờ xong hết chiến tranh rồi, chúng tôi về Nhật Bản, bác giữ lấy nhà máy đèn của bác... Các thứ đồ hộp Nhật như măng, tôm, cá, tương, đường, chúng tôi để lại và chỉ mang đủ súng đi thôi”. Sáng rõ, lính của tình trưởng Đèo Văn Mun (anh ruột Đèo Văn Long) mới lo dò sang

thì cả tiêu đoàn lính phát xít Nhật đã qua đèo Cờ La Vô. Và hai ngày rưỡi sau khi 12 vạn quân Long Văn do đường Sìn Hồ và dưới quyền Lư Hán kéo đến trước khi giới quân Nhật. Nó sức giấy trước là cá phó phải đi đón. Nhưng lèo tèo có một số đi đón, nhất là Hoa Kiều. Cá phó đã nhốn nháo lên vì Nhật kéo lên hồi nọ, nay lại nhốn nháo lên nữa vì Tàu Trắng kéo sang.

Đèo Văn Long chạy Nhật trốn sang Côn Minh cho trọn vẹn nghĩa tử thầy với Pháp, nay lại theo Tàu Trắng về Lai Châu cùng một chuyến với Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh và một số người như Hai Liêu Hai Cao... Việc thiết lập chính quyền Việt Nam dân chủ ở Lai Châu đã gặp rất nhiều khó khăn do đám anh em nhà họ Đèo Văn Long gây nên. Chúng mua súng Tàu Trắng đưa quân xuống Tuần Giáo đánh lại quân chính phủ.

Thế rồi bọn tàn quân Pháp chạy Nhật sang Côn Minh lại bắt đầu trở về do quan năm Quilichini (trong đám sĩ quan của tướng Alessandri) đưa về qua biên giới ta ở cửa khẩu Ba Nậm Cúm và Giao Sơn. Đoàn quân này có đám xích hầu đi tiền trạm. Tiền đạo của chúng có 12 người trong tổ chức GMA, gồm một số Tây lai mật thám, một số Tây đoàn thạo tiếng địa phương, và có cả đám làm phòng nồi. Ở trong đoàn này có cả thằng con thứ ba Đèo Văn Long là Đèo Văn Phát, có cả con rể Đèo Văn Long là Louis Bordier mật

thám, nguyên hạ sì pháo thủ thuộc địa, nguyên công chức ướm cây. Trưởng đoàn này là quan ba Boulet, trước làm đoàn ở Điện Biên Phủ (và sau này lại làm đoàn ở Hà Nội chiếm đóng để tư thông với Đèo Văn Long và các lái thuốc phiện lậu dùng tàu bay nhà binh tàu bay hàng buôn chờ nhựa a phiến về Hà Nội). Tiên trạm chúng kéo đến Chiềng Nưa bên sông Nậm Na, tức là ngay chỗ ta vừa kiến thiết xã hội chủ nghĩa năm 59 xây mương phai công trường Phiêng Thìn tưới nước cho mấy trăm mẫu ruộng Thái.

Được tin quân Pháp tới, Đèo Văn Long cử người đem 50 lính dông lên mặc cả với quan binh Pháp tại địa điểm Chiềng Nưa trên con đường số 111. Đèo Văn Long nhắc lại cái hiệp ước 1886 (do Đèo Văn Trì đã ký) và nhắc lại người Pháp cứ cho “dòng họ Đèo chúng tôi” làm quan coi ba tỉnh Phòng Tô, Sơn La, Lai Châu. Nếu được như thế, thì cả họ “Đèo Văn Long chúng tôi” xin tích cực tiếp tế quân đội Pháp đánh Việt Minh. Quan ba nhà Boulet liền xuống ngựa bắt tay người đại diện Việt gian Đèo Văn Long, và lập tức cho điện đài hoạt động, đánh điện về Hà Nội và sang Calcutta chỗ căn cứ của lực lượng Đờ Gôn. Có gì mà thực dân lại chẳng “đồng ý”. Thế là ngày 6-2-1946, trước Tết ta mấy ngày, quân Pháp lại đóng đầy Lai Châu. Đoàn quân Pháp do trung tá Quilichini chỉ huy, đóng rải quân ở Lai Châu, chia làm mấy mũi. Một mũi đi

xuống Quỳnh Nhai nhưng vấp phải lực lượng ta. Một mũi nữa tiến xuống quá Thuận Châu, đến Chiềng Pác thì vừa lúc hiệp định “Mùng Sáu Tháng Ba” ách chúng lại và sau này chúng chọc luôn qua Sông Đà chiếm Nghĩa Lộ đầu 1947. Một mũi khác đi vào Điện Biên Phủ. Lúc này, Tàu Trắng đã tước khi giải toán Nhật Bản (đóng ở Đồi A bảy giờ) xong xuôi từ lâu và quân đoàn 93 Tàu Quốc Dân Đảng ấy đóng ở Mường Thanh dưới quyền một sư trưởng người Quảng Đông. Chỗ Nhất nộp vũ khí cho Tàu Trắng là ngay chỗ nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên ta vừa xây đó. Thời này, Vệ quốc đoàn của ta cũng có một đơn vị nhỏ hoạt động quân báo quanh Điện Biên. Quân Pháp tiến vào gồm có lính Tây thuộc địa, khổ đở Cát-dem Tông Kì Noa, lính Thái Trắng, tổng cộng 3 tiểu đoàn đi theo ba hướng khác nhau: đường Mường Tùng Mường Pôn; đường Tuần Giáo; đường Suốc Cộp Sông Mã. Mới đầu, Tàu Trắng đồng ý. Nhưng sau đó, vì vấn đề tiếp phẩm khó khăn, giành nhau quyền lợi trứng chuối vịt gà trâu lợn thức ăn hàng ngày mà hai bên đã xin lấn nhau tí máu, và có những tiếng súng lé. Rồi đến tiếng súng to. Ta liền sử dụng thời cơ, cùng với đám Tàu Trắng đánh Tây. Đánh ở Noọng Hẹt từ lúc chưa tan sương cho đến chiều tối. Tây và ngựa Tây chết một số. Pháp đưa cờ trắng cho một lý trưởng Thái Đen cầm ra để Pháp xin nói chuyện. Người cầm cờ trắng cho

Pháp lúc ấy là kỵ mục Ô người Nøøng Luøøng. Ta đòi tước võ khi Pháp, nhưng Tàu Trắng không muốn thê, vì Tây vừa lê quan Tàu sư trưởng hai bao tài giấy bạc Đông Dương. Thê là Tàu Trắng lật ta. Rồi Tàu Trắng vẫn đóng và Pháp rút ra Tuần Giáo. Cho tới khi có hiệp ước 6-3-46, với bản phu lục ngày 3-4-46 cho quân Pháp đóng quân ở những khu vực nhất định như Hải Phòng, Hòn Gai, sân bay Điện Biên Phủ, thì chúng mới lại vào Điện Biên. Thị trấn Điện Biên năm 1946 ấy trước khi có Nhật đến, có Tàu Trắng và thực dân trở lại, thì cũng na na như quang cảnh ghi lại trong một bài báo cách đây một góc thế kỷ chia tư, bài ấy đăng từ 1935 (Báo An Y báo số 15) dưới đầu đề *Hành trình từ Hà Nội đến Điện Biên Phủ*: "... Dưới ánh trăng suông, xa xa thấy đồn Điện Biên trắng toát ngát nghênh trên một trái đất. Ngựa ráo bước, chì hơn một tiếng nữa thì đến Muong Theng (người Thái gọi phủ lỵ Điện Biên là Mường Theng). Làng Muong Theng có con sông Nậm Dóm chảy qua, chia đôi địa phận, người Thổ ở một bên, bên kia là trại lính, cùng nơi trú ngụ của người Khách và người An Nam. Nhà bưu điện ở sát trại lính, ngay dưới ta thấy một ngôi chùa, đi xuống mươi bước có con đường tắt sang làng Hồng Liu. Trên đường thẳng xuống thì đến phố khách, quặt sang bên trái thì là chợ rồi đến phố An Nam (...) Bằng gạch thì chỉ có nhà trường và nhà thuốc thôi. Trông

kể cũng buồn (...) Trong sân nhà nào cũng thấy vài chiếc yên thồ ngựa ngắn ngang (...) Trong khi đó, nước sông Nậm Dôm vẫn từ từ chảy, hai bên bờ là rừng cây với bãi dâu um tùm xanh biếc. Èm đềm lặng lẽ hết ngày ấy đến tháng khác, sông Nậm Dôm với người ở ven sông hẳn cũng một duyên một kiếp như nhau..."

Nhưng thôi, hãy trở lại vấn đề Lai Châu khi Pháp kéo quân từ Trung Quốc về, đầu 1946, sau khi giặc ngoài và thù trong hai đám chúng đã xong xuôi giá cả với nhau. Người ta thường nói rằng diễn biến lịch sử không bao giờ lặp lại, nhưng ở giữa Lai Châu, họ Đèo đã bán đi bán lại Tây Bắc cho đế quốc Pháp tới hai lần, cũng vẫn bấy nhiêu con người đó buôn đất bán quê cho bấy nhiêu con người thuộc địa kia, và Đèo Văn Long đã làm lại cái việc mà trước đây 60 năm cha nó đã làm.

*

* * *

Đèo Văn Long nói tiếng Tây vào loại lién láu, và cũng có sang Pháp. Đặc thù của gia đình này là toàn gia đều nói tiếng Pháp, người không nói đúng mèo Tây thì nói giọng già cầy nói lôi bối. Nhưng nói chung là đều nói và nghe được. Một đặc thù nữa là con gái Đèo Văn Long, nếu không là tất cả thì tuyệt đại đa

số là lây Tây, không phải Tây xi-vin mà là quan binh quan biếc cả. Nàng sao luông (cô nàng cả) Đèo Thị Tội lấy Louis Bordier sĩ quan Phòng nhì phục dịch trong đoàn GMA về mặc cà đắt nước Tây Bắc với Đèo Văn Long.

Đèo Văn Long thông gia với Tây giám binh Bordier bố, trưởng đồn đại lý Vạn Yên, hai đưa cùng uy hiếp một dài Sông Đà, đưa ở dòng trên đưa ở dòng dưới, chúng cắt Sông Đà ra như cắt từng khúc cá sông mà chia nhau. Tháng Bordier bố, hồi Bắc Sơn khởi nghĩa, chính nó đưa khố xanh đi câu-lợn lên đánh nhau với Cứu quốc quân và chiếm lại Đinh Cà Võ Nhai. Sau 9-3 Nhật lên bắt ở Vạn Yên đưa về Suối Rút đâm lưỡi lê vào sống lưng và hất xác ở bến phà Suối Rút.

Con gai Đèo Văn Long là Đèo Văn Tài, Đèo Văn Phát và Đèo Văn Ún. Đèo Văn Ún làm tri châu Điện Biên bàn giấy đặt ngay trên quả đồi cạnh đồi A, cho nên lúc đánh Điện Biên Phủ, bộ đội thường gọi cái đồi ấy là đồi Châu Ún. Quả đồi Châu Ún mà nay ta gọi tên khác thì vẫn còn, nhưng tri châu Đèo Văn Ún Việt gian phản động thì đã đèn tội ở giữa cánh đồng Mường Theng rồi. Ở đây cũng cần mở một dấu ngoặc. Có một tên phản động nữa cũng tên là Đèo Văn Ún làm châu đoàn ở Lai Châu, chạy sang Lào đóng quan hai ở đồn Sóp Nạo cách Tây Trang biên giới ba chục cây số. Mùa hè 1959, bộ đội Pa Thét Lào tiêu diệt Sóp

Nao và cung giêt luôn tên phản động này. Nghĩa là có hai tên Đeo Văn Ún và cả hai đều là phản diện cà và cái thiên đà thanh toán xong hai thằng ác nhân trùng tên nhau này.

Trong số con gai Đèo Văn Long, có tên Đèo Văn Phát là người ta hay bàn tán. Phát đóng quan ba coi tiểu đoàn lính Thái, nên thường gọi là Ba Phát. Trong việc Ba Phát lấy vợ và Ba Phát chết đều có âm mưu chính trị của Đèo Văn Long.

Trong hồi Tây Bắc hậu địch, thực dân Pháp ám mưu thành lập xứ Thái tự trị vào ngày 14-4-48. Liền sau đó, có vấn chính trị Pháp là Digot và Ecarlat họp với các tỉnh trưởng phen kâm Lai Châu, Sơn La, Phòng Tô để chia khu vực cho từng người. Từ bờ phải Sông Đà tới bờ trái Sông Mã từ Mộc Châu lên tới Tuần Giáo là đất riêng của Bạc Cầm Quý; từ Nghia Lộ, Văn Bàn, Than Uyên đến Phong Tô là đất của Đèo Văn Ân; bờ trái Sông Đà từ Phu Yên kéo lên Lai Châu qua Quỳnh Nhai là giang sơn của Đèo Văn Long. Giấy bạc xứ Thái thi in hình Đèo Văn Ân; Bạc Cầm Quý làm pho vương, con Đèo Văn Long thi là vua chinh. Quân đội xứ Thái tự tri cả quân áo đen thuỷ. Vá cơ thì xanh lè có sao đỏ lư mươi sáu tua giải. Vá nhiều kiểu vá khác như vá Sơn La nền đen hàn lên những hình vẽ như thêu ở các mặt đệm. Linh Biệt

kích thì cờ vuông, long cờ đỏ vàng cũng hình vuông
gọi là cờ Nàng Han.

Đèo Văn Long được phong vua chưa bao lâu đã
phá cả quan hệ tổ chức với phó vương Bạc Cầm Quý,
trái với điều lệ Tây đà quy cho. Vua chinh đà cử lu
bù các quan bang tá Thái Trắng xuống cai trị Thái
Đen trong khu vực của vua phó Bạc Cầm Quý. Bạc
Cầm Quý liên định cắt quân lính Thái Đen lên hồi tội
vua chinh Đèo Văn Long. Tây thấy hai vua lục đục lại
bày mưu. Nó mới xui Đèo Văn Long thông gia với Bạc
Cầm Quý đi, cho con gái là Đèo Văn Phát lấy con gái
Bạc Cầm Quý, để hai họ Thái Trắng Thái Đen ấy
thành một nhà cho xứ Thái tự trị bền vững đời đời
cùng với nước Pháp thực dân. Ba Phát xuống Sơn La
lam rể, cả đại đội lính Ba Phát cũng xuống Sơn La ở
gửi rể lấy vợ Thái Đen. Cái trò này là một dịp để nòng
dân khổ, cả nòng dàn Thái Đen Sơn La cũng khổ, cả
nòng dàn Thái Trắng cũng khổ. Lúc phò mã Ba Phát
đưa công chúa về Lai Châu, phò vương Bạc Cầm Quý
sức toàn tình mỗi bán xà phải nộp một chan đầm bông
gạo. Cũng như trên phía Lai Châu, quốc vương Đèo
Văn Long xuống chiếu cho mỗi thán dân Thái Trắng
phải triêu công 50 bắc Đông Dương, một chai rượu
một đôi ga thiến và cũng một chén một nem, đê hoang
tử Ba Phát được thấy mình là một hoang tử eo hạnh
phúc và được thân dân quý yêu. Va cũng từ cuộc cười

xin gả bán chinh trị này, việc quan lại Thái Trắng
Thái Đen muốn cử muốn bổ lên bổ xuống giữa hai
vương quốc, đều tư đó dễ dàng thuận lợi vì nó hai
chiều, quan đen lén nhậm vùng trắng và ngược lại.

Rồi đến việc Ba Phát chết và đám ma Ba Phát.
Lần ấy quân ta tiến đánh phía cháu Sin Hồ. Đèo Văn
Long bảo Ba Phát cầm quân lên giao chiến. Ba Phát
trình bố: "Con không muốn mất xác ở Sin Hồ, nếu có
chết thì chỉ chết ở Mường Lay này thôi". Từ ngày đó,
Đèo Văn Long nghi Phát có nhị tâm gì chăng. Đèo
Văn Long vốn là một người rất nham hiểm và tinh đa
nghi đà sát. Đèo Văn Long bàn riêng với cố vấn Mỹ,
và - theo lời nhiều bậc tuổi tác ở Lai Châu kể lại - cố
vấn Mỹ nhận lấy việc trừ khử quan ba Đèo Văn Phát.
Hai cố vấn Mỹ này lên nghiên cứu trận địa Lai Châu
và hỏi Đèo Văn Long đặt mua những mẫu súng gì, lên
bằng tàu bay và lúc về sẽ đi đường thuỷ về nghiên
cứu Sơn La. Thuyền sáu bờ chèo to hơn cá thứ
thuyền tài muối, sẽ qua Quỳnh Nhai, rồi đổ bộ bến Tà
Bú, xe díp sẽ đưa từ bến Tà Bú vào Sơn La. Đèo Văn
Long bảo Ba Phát đi báo vê hai cố vấn Mỹ xuôi
thuyền, nhưng chính là giao con gai cho Mỹ thủ tiêu
trên sông. Tiệc rượu cuối cùng trong đời Ba Phát bày
trong khoang đò và uống từ hai giờ chiều cho tới tám
giờ tối vẫn chưa xong. Thì cái thuyền bồng lái đúng
vào xụ đá thác Hát Đàn cách Quỳnh Nhai hai mươi
nhăm cây. Xác Phát trôi luôn từ Thác Đàn đến Thác

Lá, hai cổ vân Mỹ bình tĩnh xuôi thẳng về bến Tà Bú, sau khi ghé Quỳnh Nhai ra lệnh cho bang tá ngược lèn ma vớt xác. Ca nô máy đưa xác Ba Phát về Lai Châu. Cái xác có một vết thương sâu tím to bằng hạt ngô. Bây giờ nhiều người còn nhắc lại cái vết thương rất đáng ngờ là vết đạn của thứ súng lục bắn đạn cầm của găng-xít-tơ Mỹ, và không một ai ở Lai Châu tin vào cái thuyết Ba Phát ngã xuống Sông Đà khi thuyền đâm đá thác.

Để lấp liếm dư luận, Đèo Văn Long làm ma to cho Ba Phát, bắt dân phố và các bàn đi đưa, đầu đám xuống đến phía cầu Bán Xá rồi mà đuôi đám còn ở bãi cát bến. Lại phát vài tang cho tất cả người đi đưa. Xác Phát đã quàn tại nhà một tháng, làm cơm cúng ma suốt một tháng, thịt cúng mổ hết gần ba chục con trâu. Quanh mà Ba Phát, túc trực một châu đoàn và một tiểu đội lính đăm gác suốt ba tháng. Trên mà đắp rây cỏ, vứt lên ba triệu đồng bạc Đông Dương tiền giấy thật. Bên cạnh mà, buộc một con ngựa sống, cái con ngựa Ba Phát hay cười. Số bạc mưa nắng nát dần, và con ngựa chết rũ xương bén mà. Ai bén mảng đến nhất bạc nát hoặc lấy trộm thịt ngựa, lính đăm được lệnh cứ bắn chết.

Đeo Văn Long đực dân Thái Trắng đến tận tuý, dèo dân chỉ còn có xương, tinh tham lam vô độ của Đeo Văn Long đã thành câu cửa miệng của người Thái người Hoa kiêu người Kinh ở phố Lai Châu. Những cách vơ vét của Đeo Văn long, đúng là những cách bơn đái của giai cấp địa chủ, địa chủ đồng bằng và địa chủ đóng rưng cũng vẫn là một duoc cà. Lại còn vay chàng vay bứa là khác. Hồi Đeo Văn Long chưa làm vua, hồi nó còn cho thuê ngựa thồ trưng thâu chờ bao thư và bưu kiện, nó lùn lùn beo béo hay deo tiếu hén đưa cái đâu hói đi phát phor ở phố ở các song tai sưu soc dia ở phố, giật lửa nha này nhà kia tiền để đánh bạc. Dù tiếng bạc thua hay canh bạc được, vua Đeo đều có tính quên nợ quyết khéo, ai nhẫn nại hỏi thì nó sẽ thù, và kiêm chuyện. Lúc nó làm quan to rồi tiền lên tới chức vua, thì sự lấy tiền nhân dân của nó lại càng đi vào mặt quy mô. Nó hay bày ra giỗ tết đê đê thu tiền về. Nó súc cho cháu Điện Biên phải nấu thử rượu men giêng ớt và đoàn tài rượu sang cho nó đi đèn hàng trăm người. Bàn đèn trăm cỗ bày la liệt khắp dinh cơ. Rồi băm thịt trâu sông ra làm món lạp chua. Khách khuya ở các bán gần xa, nhất là ở bên phố sang đều say khuất. Bây giờ họ Đeo mới cho giấu hết cả thuyền đò ngoại bến, để không ai về được, phải ngủ lại nha nó. Đèn được thắp lên, liên giải thêm chiêu ra mà it-xi sóc dia, kỳ cho

thực khách cháy túi mứa khạc ra cho đến đồng tiền cuối cùng rồi nó mới trả thuyền đò cho mà bơi về. Người ta nói dịnh cơ Đèo Văn Long là một nơi chứa thổ ép các cô xòe ngủ với Tây Tàu Mỹ tại chỗ, nhưng chính còn là một nơi đỗ hổ nuba.

Đèo Văn Long có nhiều ấp trại quanh vùng. Trại giống cam ở Tịnh Túc. ấp nuôi dê ở Pa Pho, ấp nuôi vịt ở Nậm Can. Trại nuôi gà giống mía ở Búng Đau, lấy tù ở trại giam ra làm. Mỗi gia đình Thái phải nộp một cân sâu chít cho nó ngâm rượu để cường dương tráng khí. Mỗi gia đình lại nộp một cân óc sâu để nó nấu dầu ăn. Ai nổ phát súng kíp bắn được con nai hay con gì, vua Đèo đã xuống chiếu săn để lấy ba đùi thịt. Người Mèo mỗi nhà mỗi năm phải nuôi không và mất không cho nó ba con lợn. Nó vốn ghét người Mèo, ngờ vực người Mèo, không đưa người Mèo vào hàng ngũ lính Lai Châu, nhưng nó cũng cứ cắt nghĩa là nộp lợn thì người Mèo không phải đi lính đi phu. Ai không đủ lợn, lấy mình ra thay lợn và dành làm lính Mèo, thì nó dày ra đóng ở những chòm núi xa vắng nhất, không được lai vãng xuống lũng Thái. Mèo còn phải đóng thuế thuốc phiện, mỗi cận thuốc phiện phải nộp hai lạng rượu. Trên rέo cao người không giồng cây thuốc phiện nào, thì nộp thuế khoán là năm lạng. Nó còn ăn chặn thuốc của người buôn, ăn lẽ của người buôn. Buôn một triệu hàng đèn này, nó lấy tươi năm

mươi vạn đồng Đông Dương. Vua Đèo còn lật lọng quan Tàu Tướng cứ hàng trăm nén dựa, còn ăn thông lưng cả với quan Pháp về những chuyến tàu bay a phiến bay về Hà Nội. Mỗi lần Đèo Văn Long đi tàu bay về Hà Nội mà nó nói là đi họp hội đồng, thì mỗi đầu người nông dân Thái lại bổ nhau ra mà chịu thêm 50 đồng Đông Dương gọi là góp vé máy bay hội nghị. Cả bố cả con luân phiên nhau luôn lòn lấy vé tàu bay đi họp hội đồng, nhưng thực ra là đi mua súng đi đổi thuốc phiện. Nó còn ăn chặn tiền tử tuất của vợ linh Thái, và khâu vào lương linh Thái ở trong biên chế lính Bảo Đại mà nó khai tăng lên.

Bên cạnh lâu đài họ Đèo, có một cái nhà tù, lúc nào cũng đóng đủ 400 người tù nửa Thái nửa Kinh. Đây là những nhân công xây nhà cửa cho Đèo Văn Long. Còn số 400 ấy, có ai chết đi vì lẽ này lẽ khác thì bên đồn Pháp lại bổ sung cho nó. Đèo Văn Long, xuyên qua bàn tay tri châu Điện Biên là Đèo Văn Ún, bắt hàng trăm người Thái Đen Điện Biên sang làm nhà cho Thái Trắng. Cái nhà lâu mái tôn Mỳ ấy, móng phải đào vào đá tảng đen đá tảng xanh sâu xuống ba thước, mồi thước đá là một xác người Thái Đen Điện Biên.

Đèo Văn Long ghét Mèo, ghét Kinh, ghét cả Thái Đen, chỉ thân với Pháp với Mỳ thôi. Đối với người Kinh, Đèo Văn Long rất tàn nhẫn. Chính nó đã bay

về cho bang trưởng người Kinh phải ngược đái tất cả những người Kinh tha phương cầu thực lên Lai Châu. Cứ bén mảng lên, là tống cổ về, có người lò dò lên ba mươi Tết mà nó trực xuất bắt phải đi ngay và vượt ngay đèo Cờ La vô. Có khi nó còn ác hơn nữa, nó không cho đi trở lại con đường mình tìm lên, mà nó bắt đi vòng đường Phong Xa Ly Sầm Nứa mà về. Cho nên vô khôi người trực xuất đã là người chết đường chêt rừng chêt suối. Hồi Vua Bảo Đại lên thăm vua Đèo Văn Long (vì Tây muốn thế), phó tinh trưởng Lai Châu gọi thợ mộc dưới phố lên làm cửa ngõ cho cái chuồng xí. Bảo Đại ỉa xong ở Lai Cnâu ba lần rồi xuôi - mỗi ngày đi ngoài một lần, chắc vua tốt bụng hư bụng cũng thế thôi - bác thợ mộc đòi tiền công mãi không được, thì Đèo Văn Long đã bảo: "Đây là vua mày chứ không phải vua tao. Về xuôi mà đòi vua mày". Kết luận mâu chuyện này, một bác chuyên đánh bầy hổ bán xương cho mậu dịch ở phố, đã nói buông câu rằng nó bay ra lăm vua xuôi vua ngược cho nên mới khổ đến những người Kinh làm đồ gỗ.

Đèo Văn Long ở một bên bờ sông, công đường đặt ở một bên bờ sông đối ngạn, vợ cà để ở tả ngạn, vợ lê để ở hữu ngạn, và những người vợ một đêm thì bỏ rải rác ở khắp lưu vực Sông Đà. Nó có một cái bến riêng, ai nhỡ tắm nhầm giặt nhầm vào địa giới bên vua, thì vua đánh chêt và nhẹ thì bắt tội. Vua ngồi ngựa từ

vọng lâu bốn chữ đè: “Lai Châu đạo tú” xuống một trăm cái bực bến. Hàng chục cô xòe lúc này đã chuyển thành con ở giặt rũ quần áo cho cả nhà vua ở bến đá, liền dẹp ra quỳ cả bên đường, cúi mặt xuống để vua đi khuất rồi mới dám ngẩng lên. Nó bắt làm như thế cho nó đúng lề phép đồi với nhà vua, nhưng có người lại bảo là cô-xòe-con - đài ấy tóm ghê cái mặt thằng bạo chúa không râu mép không râu cắm đã hiếp dâm nghệ thuật đêm nào, nên họ đều tránh mặt không nỡ nhìn. Nó xuống ngựa, người đỡ cương ngựa người xốc nách vực nó xuống phà máy xuống máy; sang bên phố, lại người xốc nách mà diu lên xe dip. Nó đi qua phố lên công đường đất trên đồi quan Tây đóng đồn, dân phố bạt cả ra hai ven đường, phụ nữ quỳ gối xuống vệ đường, gỡ nón cúp tát ra, và nếu mưa, cũng mặc mưa, chạm phải via nó là phải bỏ hết mũ nón nghênh hết ô. Ai vào buồng giấy nó, phải tụt giấy xéo lám. Có súng lục phải tháo ra để ở cửa ngoài. Đèo Văn Long biết mình gây nhiều oán giận, nên hay sợ chung quanh giết mình. Duy chỉ có một mình châu đoàn Khat là dám mang súng nghênh ngang tự tiện vào thẳng tới nơi (châu đoàn Khat sau làm trùm thổ phi và ta tóm được ở mặt trận Điện Biên).

*

* * *

Người bạn đọc thân mến của tôi hẵn đã có dịp vào thăm cái dinh cơ Thái Hà Ấp cách Hà Nội năm cây số của một tên địa Phủ quan lại giết hại không biết bao nhiêu người ái quốc phong trào khởi nghĩa Văn thán để lập công với Tây. Nếu chưa đến xem cái "sự nghiệp" ấy thì ít ra cũng đã nghe nói đến "cụ Quận" Kinh lược Bắc Kỳ "có công dẹp giặc Bãi Sậy cho nhà nước Bảo hộ". Ấy từ phút sang ngang bến phố Lai Châu, đặt chân vào nhà Đèo Văn Long, nghĩ đến lai lịch hành tung Đèo Văn Long nhìn đến dương cờ của hẵn, mà tôi cứ luôn luôn liên tưởng đến Hoàng Cao Khải. Đây cũng là một cái Thái Hà Ấp... miền núi. Đây là một khu vực riêng của Đèo Văn Long, nhà vua cha ở giữa, nhà các con ở quanh, và chung quanh tất cả là những ngọn tường hoa cũng có lỗ chầu mai ở trong bắn ra được, như kiểu đại địa chủ phong kiến võ trang nước Tàu cũ. Một đoàn ngựa thồ tải vải súc và thực phẩm của mậu dịch chuyển hàng lên Mường Tè đang lóc cọc gõ móng quanh co dày tường hoa. Giá mà chưa có giải phóng Tây Bắc, thì đừng hòng lóc cọc tung tăng ve vẩy trên lối đi này. Bởi vì đây là khu "rừng cấm" khu riêng của Đèo Văn Long. Và hai cái Bàn Trợ và Bàn Trang ở gần nhất khu rừng cấm này rut cục lại cũng chỉ là hai cái kho nòng nô cung cấp đầy tớ con hẫu không công cho cả nhà vua Đèo.

Tôi qua khu vọng giang lâu, bước vào vườn quả. Ở “ngự uyển” này, có đủ các thứ cây ăn quả, có thể nói dưới đồng bằng có thứ quả gì thì nơi đây có đủ thứ cây ấy.

Lâu dài dựng sát bờ sông, móng tường móng nhà đặt ngay trên đá đen bờ trái Sông Đà, và ở một ngã ba sông trông xuống bãi cát sông Nậm Na. Kiểu đất phong thuỷ này, Đèo Văn Long tin tưởng là kiểu đất phát tích đế vương. Đèo Văn Long xây mả Đèo Văn Trì ở ngay móm sông. Thầy Tàu địa lý Sǎn Pǐng Coóng tìm mãi mới chọn được thế đất ấy để cắm cho Đèo Văn Long vừa ý. Nay ta đặt trạm thuỷ văn khi tượng ở đó.

Có lẽ tôi không chụp ảnh những chi tiết lâu dài, mà tôi chỉ muốn nói đến cái sàn múa dựng ngay trên một cái nhà hầm giam tù của Đèo Văn Long. Phải, đúng thế, tầng dưới là nhà ngục, tầng trên là nhà nhảy đầm. Tầng trên đủ tiêu chuẩn và tất cả những phụ tùng để nhận ngay ra là một cái gác chơi, và tầng dưới là một nhà ngục chìm có đủ những chi tiết kiến trúc chia ra những bệ xi măng chia ra từng ô từng góc từng buồng giam, không khí chỉ lùa vào một lỗ nhỏ ở phía trên cùng. Những cán bộ địch hậu Quỳnh Nhai Lai Châu không kể người Thái Trắng Thái Đen hoặc Kinh, trước khi bị bắt tịch, đều đã có nằm qua ở các tầng chim nhà vũ sành này.

Nhà múa do Tây lục lộ đốc công làm, giữa sân bắc vạc dầu sôi sinh sịch để luộc gỗ rừng ghép ván sàn. Sàn gỗ ngâm dầu luyn sau này soi gương được, và bốn bánh tròn cái xe chở hàng trăm chai rượu khác nhau cứ lăn tít cù đèn từ quan cổ ván chính trị Pháp đến đại tá cố vấn Mỹ, từ vua Đèo Văn Long đến thái tử đến công chúa, đến phò mã Tây lai phòng nhì, đến tất cả cái triều đình sơn lâm của Đèo Văn Long. Bảo Đại đã nhảy ở sàn này, đao phủ thủ Nguyễn Văn Tâm cũng đã nhún gối đánh cùi chỏ ở sàn này. Nhiều thứ quan vê quan văn và tướng tá đế quốc phong kiến sau này tan xương ở trận Điện Biên Phủ cũng đều đã từng múa và chơi cả con múa ở ngay sàn gỗ này. Tuần lễ nào, Đèo Văn Tài cũng tổ chức múa nhảy. Nhà múa còn là phòng hội đồng bàn về quân sự về kinh tế về chính trị về tội ác về giết người, những người đang bị giam giữ tra tấn ngay dưới chân họ, nghĩa là cách nhau chỉ có một lần ván luộc vạc dầu, mà trên là một thế giới, dưới là một thế giới, cái thiện và cái ác cùng ở luôn dưới một mái nhà và đèn điện ống tuýp và hương phấn lại trùm lên tội ác ngự nhà lầu. Tôi đã xuống cái tầng nhà giam để thử nghe những tiếng động của nhà nhảy đầm trên đầu những người tù. Cái lỗ thông hơi từng buồng như cái lỗ mũi con rùa đất, cái lỗ thông hơi ngang tầm với cái sân gạch hoa ở ngay ngoài sàn múa. Một người vừa nhảy

múa xong, ra sân hóng mát, có thể thúc cái gót giày đẫm mồ hôi mình vào giữa cái cửa sổ duy nhất của người tù để cho người tù khó thở thêm trước khi bị thủ tiêu.

Hiện nay trên sàn gỗ này là những đóng cút ngựa không rõ của ngựa ai, nhưng chính ở cái nhà sàn nhảy múa quỷ sứ này, trước đây đã có những bàn bạc giá cả về súng ống đạn dược, đã có những cuộc chia tiền chuyến phiện máy bay thông lung, đã có những âm mưu chính trị, đã có tiếng nói của cố vấn Mỹ bàn về mở rộng con đường rừng để đánh sang Lào Cai và nhiều thứ chuyện bẩn thỉu độc địa khác. Tôi đứng trên sàn gỗ ghép mà đầu óc cứ miên man nghĩ về những tâm trạng cán bộ nằm ở ngay cái tầng dưới kia ngày ngày đợi nó vứt xác mình xuống Sông Đà và đêm nào cũng nghe nó cười hát ở ngay trên đầu mình. Ở đây đã có những đêm nhảy múa cuồng dâm ô ạt, và cũng ngay ở đó, cũng đã có những đêm giết người vắng vẻ âm thầm. Những tảng đá đen đầu cổng nhà Đèo Văn Long đã có những lúc lênh láng máu người. Nước sông Nậm Na thúc ra Sông Đà, ngã ba sông cuồn cuộn rέo và xô vào đá giữa sông. Giữa sông có một gọc đá, mà nhà họ Đèo gọi là Hòn Ngọc. Hòn Ngọc ấy cũng tím bầm những máu cũ. Không thể nhớ hết được những vụ mổ bụng người lấy gan người trên tảng đá này. Mỗi lần họ nhà Đèo Văn Long cúng lě

lai lấy tù đưa ra đây mổ bụng moi gan ăn sống. Đèo Văn Long thường chỉ lấy những tù người Xá người Kinh. Trên Hòn Ngọc áy, đã có những án giết người vào những dịp Đèo Văn Long tế cờ để xuất quân cho những đơn vị áo đen quần đen đội ngũ nó.

Tôi đứng ở bến nhà Đèo Văn Long, cố nhớ lại *cái khuôn mặt tên chúa đất Việt gian khát máu* người. Một cái mặt lợn rừng phì phè mà tôi đã trông thấy trên một tấm tranh xém lửa nhặt được trong một nhà hội hè năm 1949 ta tiêu diệt những đồn Đại Bục Đại Phác phía trong Sông Thao. Trở lên cái sàn gỗ khiêu vũ, tôi muốn tìm một cái chổi để quét sạch những đống phân ngựa rêu xanh kia đi. Không, cái lâu đài này giờ vẫn còn dùng được. Giờ là của chung của nhân dân. Cần phải bảo quản. Có thể dùng làm nhà bảo tồn bảo tàng Cách mạng của Lai Châu Quỳnh Nhai. Hoặc sửa sang làm một nơi an dưỡng. Và có thể dùng làm bài trí cho một cuốn phim truyện, nếu một lúc nào đó, điện ảnh ta cần dựng một thứ phim truyện có địa chủ miền núi Việt Nam.

PHỐ NÚI

Anh bạn tôi rất thích vẽ tranh phong cảnh có sông có núi, có cỏ, có cây, có mây; người, trong tranh, có loáng thoảng cũng được, nhưng không có bóng nào thì cũng không hề gì, và theo ý anh, có khi như thế lại còn gọn cho bức họa thiên nhiên. Anh nghe nói Tây Bắc đẹp - đẹp, hiểu theo nghĩa sông núi nhiều màu sắc nhiều khôi hình. Chuyến đó bạn bè đi lên Điện Biên vẽ cũng đông, anh cũng theo luôn vào Điện Biên, định ninh chuyến này ở Điện Biên về thì sẽ có một số tranh quy mô về thiên nhiên Điện Biên. Chuyến đi Điện Biên ấy về xuôi, xem ra anh không được toại nguyện lắm. Cuộc trưng bày tranh tại cái gác nhỏ của anh, tịnh không có một bức nào vẽ phong cảnh, chỉ toàn là hình người thế người, những mảng người đông đảo hoặc những bức chân dung từng người một. Chân dung anh bộ đội sản xuất tập thể; chân dung chị Thái Đen cải tiến nghề nồng; chân dung cô thanh nữ Hà Nội lên Điện Biên góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền núi. Như là muốn rút ra một kinh

nghiệm bản thân sau chuyến đi về ở Điện Biên, anh bảo: "Tôi ở Điện Biên không vẽ được phong cảnh, thì tôi vẽ con người. Núi ở giữa Mường Thanh không cao lắm, sông ở Mường Thanh không to lắm, nước ở Điện Biên không có cánh buồm, cây ở quanh Điện Biên không có nhiều thứ nhiều dáng nhiều thế. Cái quý cái đẹp của Điện Biên chính là con người, là cái vốn người. Phong cảnh thiên nhiên Điện Biên, bản thân nó không có gì đặc biệt lắm. Điện Biên trở nên đẹp, chính vì nhờ có công lao của con người đã quyết tâm chiến thắng xâm lược và ngày nay dũng cảm mở mang xây dựng trên chiến trường cũ, biến nó thành một khu vực nhiều hoa nhiều quả nhiều hạt nhiều cây, dựng lên nhiều công trình gạch đá và điểm tô thêm cho sông núi ở đây. Nói một cách khác, chính bàn tay con người đã tô điểm cho tạo vật ở đây, càng ngày càng cải tạo thiên nhiên quanh mình cho nó đẹp hơn. Cái điều này, các anh đều biết cả rồi, nhưng tôi cứ nhắc lại, vì thấy nó cũng cần phải nói rõ khả năng riêng biệt chẳng hạn giữa hội họa và văn chương. Tôi nghĩ rằng biểu hiện những thực tế trên, văn sĩ và cách nói của văn chương có nhiều thuận lợi hơn là cách diễn tả của hội họa. Cách nói tạo hình của hội họa có những đòi hỏi nó cũng khác hẳn với văn học với văn chương... Trở lại cái vấn đề tôi thích vẽ phong cảnh. Thế nào tôi cũng phải vẽ phong cảnh Tây Bắc.

Tây Bắc rộng lầm, bên cạnh Điện Biên, còn rất nhiều những trọng điểm khác. Ở những trọng điểm khác, nếu sinh hoạt mọi mặt của con người mà có chỗ này chỗ kia còn chưa bằng chưa vượt con người ở Điện Biên, thì lại được về cái mặt phong cảnh thiên nhiên rất là gợi cảm. Về phong cảnh mà truyền cảm cho người xem về vẻ đẹp của đất nước Tổ quốc gấm hoa muôn màu nghìn sắc, cân lầm chứ anh! Những bức phong cảnh trong phòng triển lãm sẽ là cái nền làm tôn quý thêm lên những bức chân dung của anh hùng chiến sĩ và lãnh tụ phải không anh?"

... Tôi đi Lai Châu. Nước và núi Lai Châu thật đúng là "sơn thuỷ hữu tình", chỗ nào cũng đều như là cảm được giá vē xuống mà vē ngay tại trận. Đứng trước một cái bến Sông Đà, một khuỷu đèo dốc nhìn xuống bán Tháy dưới lũng hoặc nhìn lên một xóm Mèo trên đỉnh đá, tôi cứ thấy nhớ nhớ anh bạn họa sĩ thèm vē phong cảnh Tây Bắc mà chưa được toại nguyện.

Xe chúng tôi cứ tiến sâu vào cái đẹp của núi rừng sông suối cây cỏ Lai Châu. Bên kia cái đèo rất dài này là đến tinh ly Lai Châu. Đèo Cờ-la-vô. Đèo thì đẹp, nhưng nghe cái tên đèo, thấy nó bừng bức như đang lắng nghe một giai điệu ca thanh mà bị những tạp âm ở đâu đâu rót töm vào.

“Cờ-la-vô” không phải là tiếng Mèo, không phải là tiếng Thái, mà cũng không phải là tiếng Kinh. Nó là đích danh một tên tướng tá thời đế quốc chia tinh Lai Châu ra thành một đạo quân binh Bắc Kỳ. Ngày nay ta đã chấm dứt chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam, càng cần hoàn chỉnh nốt việc đó trong mọi tên gọi có liên quan đến sông núi và địa dư Tổ quốc. Những thành những phố những tỉnh, những dốc đèo bến sông chòm núi, những đảo những vịnh ngoài biển, cần phải khôi phục lại tên gọi.

Với cái đèo “Cờ-la-vô” nghe gọi nó thật là ngộ nghê này, chính ra nhân dân địa phương vẫn có tên gọi sẵn. Theo chỗ tôi hỏi, thì cái đèo dài rất đẹp này, người Mèo gọi là Khau Ma Hồng (nghĩa là cái núi giống hình cái bờm con rồng), và người Thái Trắng gọi là Ngam Hai (nghĩa là đôi hãi nó giao mũi giày lại). Tôi không rõ có hẳn là như thế không, nhưng trong nhân dân ở đây, đã có sẵn những tên để gọi. Ấy cũng là một công việc cần kíp trong mọi công tác văn hóa ngày nay, mà mong những bộ phận vẽ và in bản đồ đất nước lưu tâm sớm phục hồi tính danh cho non sông.

... Cái xe của tôi lên đèo, bên tay phải vẫn một cái xóm Mèo đó lơ lửng như gần như xa. Cái xóm Mèo như những phiến đá trắng chênh vênh trên trời xanh. Đường uốn khúc, một tiếng đồng hồ com-măng-ca rồi

mà vẫn thấy nguyên cái làng Mèo cao tit ấy. Xuống đèo một quãng: bên tay phải này là Mèo Pú Nhung đây. Hồi chưa giải phóng, chỗ này vô khôi là Lê Dương Áu Phi dòng dài hạn để chặn phong trào Lai Châu. Buổi sớm hôm đó sương tan đã lâu, mặt trời ở bên núi phía tay phải tôi. Tôi đang xuống đèo, xe cứ xô đá mà lao xuống. Trước mắt bừng hiện một cảnh trí thật là đột ngột: một thung lũng vàng rực màu lúa chín. Giữa lũng là một con sông con, bờ sông chỉ chít bản Thái nhà sàn. Quan Pháp va lính nó từ xưa đặt tên cho dải đất ấy là “cái thung lũng của tình ái”. Hình như ở thung lũng trước mắt kia đã hội tụ lại tất cả màu vàng rộm của mùa thu Tây Bắc vừa qua. Nó như hai súc lụa mộc ngàn ngàn sải đem rải phơi song song hai bờ sông Nậm Lay đổ ra từ trong Mường Tùng. Mây xốp từng cụm nhỏ đang bốc dần lên. Trên thàn đèo nhìn xuống lũng chót vang, mày trắng giống như những cánh hoa thêu nỗi trên tấm lụa mộc của lúa chín. Tình Lai Châu đây. Ruộng của Lai Châu đây. Xong vụ mùa rồi nhưng vẫn còn một số già đình gặt chậm. Bên các gốc rạ vàng đậm, sương đêm chưa khô trên những tẩm nệm gấm nệm hoa màu tươi đủ các sắc của những chù ruộng ngày đêm ăn ngủ trường kỳ ngay trên mặt ruộng. Những lúc này, càng thấy nhơ thay tiếc sao lúc này lại thiếu mất anh bạn họa

sĩ vẽ phong cảnh Tây Bắc theo họa pháp của phái ấn tượng.

*
* *

Lai Châu đóng tinh ngay trên Sông Đà, ngay chỗ hợp lưu mấy ngả sông. Gọi là ngã ba sông cũng được, gọi là ngã tư đường thuỷ cũng được. Sông Nậm Na cũng đổ về đây, sông Nậm Lay cũng đổ ra đây, sông Nậm Tè cũng miết qua đây rồi xuôi về Quỳnh Nhai, Chợ Bờ, Hưng Hóa, Hà Nội. Lai Châu có bến đò, có phố, có đồn. Cái đồn dòm xuống cái phố, cái phố trông ra bờ sông. Tỉnh chưa có máy truyền thanh chưa có loa phóng thanh, và chưa có điện. Đêm, nhìn lên những chấm lửa Mèo ở lưng cái đèo đỉnh núi cao đổ xuống lòng chảo tinh, cũng dễ lầm những chấm lửa ấy với những ngôi sao trời. Có chiếc ô tô hỏa tốc nào từ phía khu hoặc ở Tuần Giáo về ban đêm, đèn pha dọi từ đỉnh đèo xuống, khác gì nan quạt hào quang gat sang phải gat sang trái tất cả những bóng tối đặc của rừng núi và canh khuya trung cổ. Trong một tương lai gần nhất nào đó, Lai Châu sẽ có thuỷ điện, những tủy bày giờ hàng phố ở đây đã nghe thấy cái tiếng nước réo xô vào cỗ đá chõ cửa Sông Đà. Tiếng thác réo trên sông đã có từ bao giờ, đã có từ ngay chưa lập tinh ở

châu Mường Lay này. Thác nước réo suốt ngày suốt đêm, réo bốn mùa, quanh năm mùa khô cũng như mùa lũ, mở mắt ra là nghe thấy nước réo rồi. Tiếng thác nước trở nên nhảm đi, người ta quen với nó quá đi, nên có lẽ có người không nhớ thấy nó nữa.

Tỉnh ly Lai Châu là một thành phố cũ kỹ đây. Phố xá nhà cửa còn nguyên vẹn cả. Trong Kháng chiến, số phận không giống mọi số phận các thành phố khác các tỉnh thành thị trấn ngôi gạch khác. Chưa ai kịp tiêu thổ nó thì nó đã là một nơi Pháp chộp đóng lại ngay trước khi toàn quốc kháng chiến. Nó nguyên vẹn là dãy phố một tinh xép, một cái tinh lè chồ đồng rừng.

Ở thị xã Lai Châu, lại có dịp lần ra lịch sử của một số cuộc đời đồng bằng “phiêu dạt tha phương cầu thực lưu lạc” lên đồng rừng đây.

Ông cụ già 65 tuổi ở phố Dân Chủ ấy nguyên là bị tù từ hồi mới xong Đại chiến lần thứ nhất, Tây tài từ Hòa Lò Hà Nội cho đi biệt xứ lên Lai Châu. Cách đây bốn mươi lăm, làm gì đã có đường số 6 như bây giờ. Phải đi bằng xe lửa từ ga Hàng Cò Hà Nội lên Lào Cai. Rồi từ Lào Cai đi bộ xuyên rừng xuống Lai Châu, đi mất chín ngày đường qua Bát Sát, Trạm Trồ, Phòng Tô, Sáu Nèng, Xuân Hồ, Chiềng Nưa. Mười sáu linh khố xanh một cai một đội áp giải đoàn tù biệt xứ này. Từ ở lại lâu dài với đất Lai Châu nhưng những

người lính khổ xanh cũng phải ở lại hai năm. Thời Tây, công chức chính ngạch phải ba năm thương du thì người lính khổ xanh cũng hai năm thương du, cũng ăn lương phụ cấp nước độc, rồi sau đó về làng nguyên quán, có anh đi binh về binh, có anh đi binh lại về hộ. Lên Lai Châu được 6 đồng lương tháng, ăn cơm pott mát đồng ruồi còn thì đánh bạc tú, rồi là vợ theo con thêm. Anh Xáng Keng đổi vào đồn trong nhượng lại chị Xáng Keng cho anh Đích Duych, áy đại khái là thế, chứ lên Lai Châu ngày xưa, đâu có phải là chồng cha vợ mẹ như ở làng mà hầu hết đều là chồng theo vợ đuổi. Bảy trăm nhà pha. Bốn trăm khổ xanh. Hai trăm khổ đỏ. Ố là là! Ông cụ vừa kể vừa xin lỗi vì phải vắng tục bằng tiếng Tây để chửi bời cái đời sống cũ.

Một bà cụ khác sụt sùi kể lại cho nghe rằng “khổ lăm ông ạ, bò lên chỉ có bộ áo mặc trên người, ăn mày đường mà lên, rồi ăn nước lá han mà chết rùng chết suối. Lên là chân ướt chân ráo đã phải vào làm đầy tờ không công cho Bang Lợi, không có thì, mặc kệ ba mươi Tết, chiểu ba mươi Tết, nó cũng cho linh giải qua đèo đuổi về. Phải rồi, trên này, ngày xưa là có cả Bang Khách có cả Bang ta thay mặt cho người kinh làm ăn ở phố. Phần nhiều kéo nhau lên đây là hạng tú bát từ cả đây. Trốn chúa lộn chồng. Năm tao bảy

tiết, ba chìm năm nồi chín lènh đênh. Võ nợ tam tứ tùng. Chao ơi, nghĩ cái nóng nồi ngày xưa...”.

Tối tối la cà bên cạnh cái bếp lửa lom dom đun bánh ngọt sủi rên của mấy bà Hoa kiều mà nghe những chuyện ngày xưa chưa có Cách mạng lén. Buổi sớm ở phố Lai Châu, nhất định là vui hơn buổi tối. Chợ ở đây không có phiền, nhưng sớm nào cũng họp ở đầu phố nhiều nhà gạch cổ hai tầng. Phở chua, phở canh, bánh rán đủ cả hàng quà. Cá anh vũ, cá dầm xanh. Tiếng búa lò rèn rèn dao cuốc, rèn bẫy hổ mươi răng hai mươi răng. Tiếng bánh xe trâu tài hàng mậu dịch. Tiếng móng ngựa thồ vấp đá mặt phố. Ngoài bến đò Sông Đà chỗ đầu phố đậm ra, khói xanh nhà đò nhà bè thổi cơm, khói lẩn với sương mai. Những người Xá Mảng U ngồi co ro bên những đống đồ vật tre và mây đan lát. Chiếu dệt bằng sợi mây, bồ bem đựng quần áo, ghế một, calmö khẩu. Có những anh Xá chỉ Xá mặt và tay đều xăm trán và trổ hoa, ngồi chờ người Thái ra đổi quần áo cũ lấy những đồ vật thủ công rất khéo tay này mà cho tới nay vẫn còn nhiêu người làm cho đó là của người Thái làm ra. Sương núi sương sông vẫn phủ lên cái bến cái chợ. Trong cái man mát lạnh buổi mai huyền ảo, đi lại những cái bóng cô Thái dòng dòng áo chêt hông, xiêm chấm gót và mép xiêm sóng lên một đường viền đủ màu sắc cầu vòng. Bốc lên một mùi ngát đượm nước hoa Liên Xô vừa mua ở

cửa hàng mâu dịch. Hàng cây buôn ngủ vẫn còn ngái ngủ, lá vẫn cup lại, mặc dâu chợ và phố đã tấp nập. Người ta nhắc lại những cái ôn ào vỡ chợ của hồi chưa giải phóng.

Ở phố Lai Châu này, hồi ấy thịt bò, mia cũng tái tàu bay từ Hà Nội lên, chứ chả có ai ở đây làm gi cá. Nước đá cũng tàu bay đưa lên hàng cột đá nặng góc tư tạ Tây. Ba hảng tau bay tranh khách ở phố Lai Châu, bán chịu cả vé cho hành khách, đến nay còn có người vẫn còn nợ tiền vé máy bay nó cút xối từ hồi cuối 1953 ta đánh tinh. Năm bảy nhà lái buôn Kinh chung nhau thuê cá một chuyến tàu bay về cát hàng ở Hà Nội. Lúc bấy giờ Lai Châu này cũng là một thành phố không sản xuất. Hà Nội cũng là một thành phố không sản xuất, thế mà lái buôn thành một cái cầu hàng không vụn vụn hai nơi. Phố có 5 sòng bạc to cố định, và có 70 sòng lưu động ở hè phố và ăn cả ra bến sông. Kỳ pây, kỳ phát tiền, người thua tự tư và được thì đánh nhau, say rượu. Trong sòng, một người hung hăng đặt cá số tiền linh thường trên đòn vừa trao tay vì đã chặt được một đầu cán bộ, bó vào sọt đan, buộc vào sau yên ngựa, cấp tốc phi ngựa, chạy ngựa leo dốc tinh Lai Châu đem nộp quan đồn, quan đồn vừa trả bằng muối băng hào trắng. Liên xuống luôn phố nhám rượu với hờ, bí bơ với me Tây me Thái, còn đồng nào đắt cát vào tai siu xóc đia.

Tôi đi đi lại lại mấy góc phố toen hoen, tôi đi lên đi xuống cái dốc đồn đang dòm hau hau xuống cái phố cái bến Sông Đà tinh ly Lai Châu. Hàng cây buồn ngủ lá tinh dậy rất trưa, và buổi chiều, lá cây buồn ngủ đã cúp lại trước khi mặt trời Tây Bắc lặn hẳn. Bóng nắng cuối cùng còn soi theo một cái bóng ngựa đèo theo một cái sot đựng đâu người trong tường tượng của tôi. Buổi chiều xám ập xuống Sông Đà, chụp lấy dây phố, chụp lấy dốc đồn, chụp lấy cái nhà tù xòe mái tôn Mỹ ở ngã ba sông trước mặt, buổi chiều xám Lai Châu ập xuống tảng đá Hon Ngọc Đèo Văn Long đã mổ bụng người để té thân té cờ và moi gan ăn tươi ngay trên mặt Sông Đà.

Những chuyện của phố cửa bến chưa nhiều bằng những chuyện góp về cái sân bay kia ngày địch hậu cũ. Tôi đứng trên sân bay ù rũ những hàng cây buồn ngủ mà mường tượng ra cái phút cuối cùng của địch rút Lai Châu, cái cảnh cuối cùng 700 lính Lai châu được làm vô kỷ luật trong 24 tiếng đồng hồ liền. Lính dù nó liền đi cắt tóc, một người ở phố cắt tóc chúng liền trong ba ngày rà cá cảnh tay ra mà quyt không trả một đồng nào. Nó lại đưa máy kèn hát cho một ông cụ, ông cụ chưa mãi chỉ được có thể thôi, nó liền chửi luôn. Những người Kinh còn lại, sơ không dám ở lè, phải quay quần lại mà ở. Chuyến tàu bay cuối cùng nó vừa cắt cảnh thằng quan hai rút súng lục ra

vẩy mốt phát vào những thùng xăng xếp đóng ở góc sân bay. Những phuy ét xăng cháy vù vù, cháy thi với nhà thằng quan hai Bordier con rể Đèo Văn Long vừa nổ mìn và cháy to. Dám cháy sân bay cháy luôn vào một phần ba phố. Và ngày hôm sau, thì nó cho tàu bay lên bắn tỉnh và bom xuống tỉnh. Cầu Bàn Xá, tới tấp những người đi chạy nạn.

Ở cái sân bay này, năm 1950, cũng vù vù cháy cái đóng quần áo tập trung lại do nó tưới ét xăng đốt. Nguyên là ta trả nó tù binh, cho mặc quần áo nâu mà thả. Quân Pháp rút chạy từ Lao Cai về Lai Châu, bẽ mặt liền bắt hết tù binh ra thay quần áo ở sân bay, nó đốt hết quần áo nâu, phát luôn quân phục của nó, cho tất cả lên tàu bay mà đi thẳng về Hà Nội, không một ai được bén qua phố một phút nào.

Ở sân bay hồi chiếm đóng và rút chạy đã tập trung 180 cô xèo và me tát miền núi và cao bồi chính trị miền núi để đưa vào Điện Biên bằng tàu bay. Không phải ai cũng rút bằng tàu bay. Ở sân bay này đã có hàng trăm nhân dân lương thiện ở phố bị nó đánh lừa ra đây mà đi tàu bay rồi nó vứt lại mà vùi đi với nhau. Và đi qua nơi sân bay này, đã có những người bị nó lừa gạt và nó bắt đi bộ theo nó vào Điện Biên theo hướng con đường Mường Tùng Mường Muôn Mường Pòn.

Ba cụ ngừng câu chuyện đang kể mà trách cái lão Bang trưởng người Kinh sao hồi áy không phân tích cho rõ, nếu lão áy nói cho vỡ nhẽ, thì ba cụ cũng ở lại Lai Châu chờ bộ đội vào, chứ chả chạy đường Mường Tùng làm gì, mẹ con lạc nhau và xuýt nữa thì chết oan cả. Chuyến áy cá máy khâu cà súc vài cho thồ lên ngựa, thế là máttoi cá. Ba giờ chiều, nó tập trung lên đồn. Linh nó đi trước, rồi đến đoàn người Kinh nó bức phải tản cư, đám đi sau có một quan mệt và bốn lính ốp ngay bên cạnh. Ai đang đi mà quay đầu nhìn lại phía sau là nó bắn luôn. Đêm đầu, đến bản Na Nát nó bảo ngủ lại. Quá nửa đêm, chẳng hiểu vì sao nó lại ra lệnh là đi luôn, đóng ngựa thồ vào rồi mắt nhắm mắt ngủ đi tiếp. Cứ ráp rình nấy đêm ngày nghỉ rồi không nghỉ, đi lên một thì lùi lại hai, mỗi lần hàng trên truyền lại: "Có Việt Minh, có Việt Minh" thì trên và dưới đều nhốn nháo cả suối rừng. Sau, ngủ ở những chặng nào cũng chả nhớ nữa. Chỉ nhớ là ngủ lại ở đâu, cứ thấy đêm nào cũng ô ô suối chảy. Dăm ngày gì đó thì đến Mường Muôn, nó đóng quân lại. Rồi tàu bay nó đến. Nó thả dù gạo thịt đồ hộp xuống cho quan quân nó. Còn thì nó thả bom na pan vào phía ta, phía bộ đội đã đóng trấn ngay trước mặt quân nó. Ấy cái hôm vừa mới chạy đến Mường Muôn, "tôi đã đoán ngay là có bộ đội ta. Sau những cây rơm và đồng rạ, tôi đã thấy tháp thoảng nhiều bóng người mặc áo nâu. Hôm áy, no nghi một thanh niên Thai địa

phương liên lạc với bộ đội ta, nó liền đem ra bắn ở cạnh suối”.

Chuyện chạy đó, có một đoàn vợ cai đội ngụy cũng sống dở chết dở, nghe khôn nghe đại nó mà chạy bộ vào Điện Biên. Nhiều cô vắt vẻo như đầm ngồi ngang ngang thả hai chân sang một phía yên. Cứ vài cô ngồi ngựa thì lại chen vào vài anh lính ngụy đeo súng dài. Đoàn vợ cai vợ đội ngụy quân này đều quần áo tơ lụa trắng, sa tanh cầm cuốn sá sỉ, phán đầm nước hoa bay sắc cả rừng mùa đông. Trên yên ngựa ta ngựa Tây, la và lừa, dù các thứ chăn nệm sắc sỡ, că va li nữa. Cá xe đạp đầm lính ngụy dắt theo ngựa bà ách bà đội. Họ cứ nghêu nghện tiến vào phía bộ đội ta mai phục. Rồi họ lọt hẳn vào trận địa ta. Chính trị viên và đại đội trưởng hỏi nhau là nên đánh cách nào đây. Cuối cùng là trung tiểu liên và súng cối đều bắn lên giờ hết. Chỉ còn lại là những người lính bần nông, còn đám thương sĩ và quan lon bạc lon vàng thì đã có những anh trốn chạy ngay sang phía Lào. Cái này cũng là thấy rõ. Bắt chợt gặp ta, những người ở lại quyết tâm ở lại, vẫn là anh em nghèo chí em nghèo. Vợ cai đội còn có người tỏ ý chạy hoặc đã chạy, nhưng vợ lính thì đều ở lại hết mà nằm rạp xuống rìa đường chỗ cửa rừng, ngay chỗ cửa rừng ta bố trí để triển khai hỏa lực. Anh trung đoàn trưởng to tiếng phê bình đại đội trưởng sao lại cứ để cho tập trung ở đó. Một chí Thái gục khóc, một chí Hoa kiều cũng khóc vì chạy

toạc quần, xin một cái quần nhưng cuối cùng thay mặc luôn cái váy Thái. Bộ đội lại cấp giấy cho về hết.

Ở phố Lai Châu, ở giữa sân bay Lai Châu, tôi đã làm quen với một anh du kích cũ vùng tề Vĩnh Phúc lên đây từ 1949, 1950. Chuyến ấy nó càn Vĩnh Phúc, bắt được anh đang chạy hầm, nó đưa đi làm tù binh PMT hàng ngày đi nhặt dù xếp dù nó thả quanh Bản Lầu Lào Cai. Ta đánh thắng Cao Lạng, nó rút chạy Lào Cai, đem theo cả anh về Tuần Giáo. Vẫn đi nhặt dù cắt cổ ngựa. Tiểu đoàn Bắc Phi ấy về Lai Châu, nó lại vẫn đem theo anh đi. Ở Lai Châu, anh chuyển sang làm bếp nấu cho một quán da đen rồi xin thôi, ra phố Lai Châu ở riêng. Nhà anh liền thành cái quán rượu péc nô và rôm riếc. Rồi Táy trực xuất anh về Hà Nội và 1953, gặp lại một chủ hiệu ở Lai Châu cũ. Lão này chuyên buôn thuốc phiện lâu, chạy Lai Châu bằng tàu bay về Hà Nội vì vỡ tinh đường ngược. Tay này buôn thuốc phiện là chính, nhưng buôn cả huyết linh cao hổ mật gấu, thứ giả lại hay đảm bảo là thứ thật. Rút về Hà Nội, lão ta bảo anh là vẫn còn Điện Biên, định lên lại Điện Biên làm nghề cũ. Điện Biên đánh tan, lão ta vẫn lên giọng kiểu thời thế, lại bảo anh là còn Hà Nội. Hà Nội tiếp quản, lão bảo còn Sài Gòn, chả sợ, trong ấy vẫn còn nhiều người nghiên cứu thuốc phiện. Và rủ anh đi. Anh không đi, mặc dầu lão ta xin cho cái tit thông hành rồi. Anh cũng không muốn về làng cũ. Anh như một người hồi chiém đóng

đã ăn phải bá rừng. Và anh trở lại Lai Châu. Nay chờ hàng cho mâu dịch, ngày ngày đánh cái xe trâu từ bến Sông Đà lên dốc đồn cũ. Chờ thóc thuế cho nhân dân, chờ chảo gang cho kho mậu dịch. Đợt dân công đi công trường, anh muốn lên đó đánh vôi đánh vừa như Hoa kiều đi dân công đợt trước. Trước khi đi dân công, anh gửi con trâu béo lại cho một chị Thái muốn mượn trâu anh để tập cày và đồng thời cho nó ăn hộ trong một tháng. Anh hỏi tôi có nên lập gia đình với phụ nữ "trên này" không. Chị ấy trước đã bị cai đội Pháp ép làm vợ vài lần. Tôi thấy không biết nên trả lời anh du kích tù binh PMT đó như thế nào cho phải đây.

Muốn gì thì gì, nhưng hiện nay tôi cảm thấy phô Lai Châu vẫn còn nhiều dư âm của núi rừng. Thấy thèm khát một vài cái loa phát thanh cho cuộc sống hôm nay đây ở phố đây rộm ráo hơn nữa những nét sống mới, để cuộc sống mới át hẳn đi cái khí núi cái hơi rừng. Nhưng dù sao, bóng ma cũng đã tan đi rồi. Cái bến Sông Đà hôm nay rất ám những hơi người của những người đang xuống đò ngang đi công trường Phiêng Thín đắp mương nước tới hơn trăm mẫu ruộng liền khoảnh. Ở Lai Châu tôi đã thấy người ta cấy gặt hai mùa. Ở Lai Châu ỉ ạch nhất về phong trào phụ nữ bình quyền bình đẳng với đàn ông về mặt lao động sáng tạo, rất nhiều chị Thái Trắng đã đánh đá gánh đá, cuốc đá để dựng những công trình thuỷ nông lấy

nước suối tươi ruộng bằng. Và đây là một cái điệu rất mới. Cái mới ấy có tính chất cách mạng, một cuộc cách mạng của phụ nữ Thái Lai Châu. Còn nhớ ngày nào khu Tự trị Thái Mèo ta đề cao những chị Thái Đen dám nghĩ dám làm và tổ chức nhau học cày và bừa, không sợ những lời chế nhạo của đám đàn ông Thái lạc hậu, các chị Thái Đen đã cày bừa, và ngày nay các chị Thái Trắng Lai Châu lại còn tay mình dựng nên mương phai để tưới cho một cánh đồng mới làm được cả hai mùa. Càng ngày càng hết dần đi cái loại chồng lo cho vợ đi công trường phải “kha đón kha đâm” nghĩa là “thương” vợ lao động “đùi trắng hóa đùi đen”. Chiến sĩ sói một của công trường Phiêng Thin là một cô thanh nữ Thái Trắng mười sáu tuổi, người Chiềng Nưa, nhà nghèo nhưng rất giàu có về nhiệt tình lao động. Thường các chị em khác ở công trường chỉ mới tập xúc bằng xèng và khiêng ki, nhưng cô Doọng đã cầm hòn xè beng lách sát vào vỉa đá mà bấy đá mi-ca-sít. Chị chở đò công trường trên Nậm Na mà bạn thì cô Doọng chiến sĩ ấy lại chở đò luôn. Đò ngang, đò dọc, cô Doọng đều chở nặng chở nhanh, mà giỏi hơn nữa, cô lại cầm chèo mà lái ở phía đuôi én nơi sau thuyền. Bên cạnh cô chiến sĩ thanh nữ trong trắng Doọng là rất nhiều phụ nữ Thái khác, cả những chị Thái Trắng trước đây bị ép làm me Tây vợ lính cũng đang lên tất cả mặt rừng, mặt đường, mặt nương và phần khởi lấy lao động “cứu quốc” ra làm cái cơ sở

đê mà hoàn lương. Có nhiều chị đã bị đế quốc đưa tàu bay đi xòe ở Sài Gòn rồi Điện Biên, và đã được ta giải phóng cho sau cái xuân khói lửa Điện Biên Phủ ngày nọ. Nhiều chị dân công xúc khoe, cuộc khoe, khìeng khoe. Chỗ công trường này cũng là một cái đồn nó đóng, cũng là cái nơi nó tập trung các bán lại và cũng là một vùng mới giải phóng sau này.

Tới đèn công trường Phiêng Thin của Lai Châu vào lúc gần tan buổi làm chiều, núi đã bắt đầu nhả nhanh cái hơi sương lạnh của Tây Bắc lặn mặt giờ. Chao ôi, núi và sông Lai Châu đẹp lắm, các bà các chị Thái Trāng Mường Lay đẹp lắm hiền lắm, nhưng bóng tối vua quan Thái và tội ác Pháp ở đây cùng trùng trùng điệp điệp như núi rừng quanh đây. Tiếng thác nước dòng sông dưới kia, vẫn réo ào ào. Bồng nỗi lên những nhịp trống da trâu, cái trống mặt da sống nhiều mảng còn nguyên cá lông trâu. Và cái tang gõ coi đã nhăn bóng. Cái trống đưa tư bản Chiềng Nưa lên dùng làm hiệu lệnh của công trường bấy giờ, nhưng hồi chưa giải phóng cách đây dám năm, biết đâu những hồi trống thu không của bán tập trung bèn bờ sông này lại chẳng cũng dồn vang lên từ chính lòng cái trống này? Nhưng mà tiếng trống đêm nay nó khác, nó là cái nhịp trống xòe chân chính của những người lao động xây mương phai đắp đập Phiêng Thin cả ngày hai buổi và tối tối lại xoè. Cái sân đất lổn nhổn đá vẩy đá dám chì to bằng cái góc vạt nương Mèo chênh

vènh trên mặt ghềnh sông, lom dom ánh lửa công trường, nhưng đã có đông người quay vòng và theo nhịp sống nam nữ cầm tay nhau mà xòe đoàn kết, người nào cũng say sưa mà xòe như là vừa bước ở một cuộc rượu men ớt men giêng ra. Tôi vào vòng xòe, cầm vào tay chị Thái bên phải, cầm vào tay chị Thái bên trái, lòng tay các chị hình như cũng đã có tí chai kỷ niệm những ngày lao động xã hội chủ nghĩa gấp đôi người xuống đá núi công trường.

Vừa xòe vừa chuyện, lại được biết thêm rằng mấy tháng trước công trường không xòe mà tối tối chỉ tổ chức hát đúm hat ví giữa dân công chia ra thành mấy đội giải trí và hát đối đáp nhau. Một đêm, đội hát thua nài đội hát được cuộc cho mình hát lại, đội được cuộc không cho, viện cái lê rằng: "Chiến thắng là chiến thắng. Thế thắng Pháp nó bị ta chiến thắng nó ở Điện Biên Phủ, nó xin đánh lại thì có cho đánh lại không?" Cách ví dụ đã làm nhiều người thua không bằng lòng, và đã có một số anh chị em dân công thua hát phàn nán rằng: "Thế này thì ra coi chúng tôi cũng như địch à?". Từ lần ấy, liền chuyển ra xòe đoàn kết để dễ đoàn kết với nhau hơn. Có nhiều chi ban ngày lao động gương mẫu, và tối xòe cũng rất nhiệt tình. Có chị đã bảo tôi: "Cũng có nhớ nhà nhớ bàn đáy. Nhưng xòe thì đỡ nhớ thì hết nhớ!". Trên mặt ghềnh, nắng núi tan sương tòa xuống những chấn hoa ném gầm cao chị đem theo lên công trường. Nhưng, chính

giữa công trường này, cánh tay bàn tay các chị cũng đang dệt thêm những đường tơ mới, cho những tấm thổ cẩm mới. Cuộc sống của Lai Châu trung cổ, ngày nay đã chính thức có chị nữ đảng viên Thái Tráng. Khắp nơi, người nông dân Thái các tổ cày cấy đều xin được lên hợp tác xã. Cuộc sống đồng rừng ấy không ăn rau rừng một cách tự nhiên chủ nghĩa nữa, mà đã bắt đầu với thói quen giống lấy rau xanh cho tươi lành hơn nữa lên đời sống gia đình.

Càng thấy cái quán triệt lớn lao của chính sách Đảng đối với các dân tộc ở Tây Bắc. Các dân tộc nhiều người ít người cầm tay nhau cho chật mà giữ gìn đất nước chung, và giúp đỡ nhau làm cho giàu đẹp thêm mãi lên cái của hương hòa chung ấy. Theo chỗ tôi được biết, thì cái khôi người Thái ở Việt Nam, ở Trung Quốc, ở Lào, ở Xiêm, ở Miến Điện, lên tới 50 triệu và riêng ở Tây Bắc nước ta thì anh chị em đồng bào Thái Tráng Thái Đen được gần 20 vạn. Nếu trong cuộc sống của Tây Bắc nói chung mà cuộc sống riêng của đồng bào Thái Tráng Thái Đen được sáng rạng mãi lên, thì nó sẽ dội hướng nhất định vào cá cái khôi 50 triệu to lớn ấy. Gian lao thay! Mà cũng vinh quang vậy thay!

XÒE

Cô bạn Ba Lan giúp việc ở Ủy ban Quốc tế, đã ở cả ở Sài Gòn, ở giới tuyến, ở Hà Nội, một hôm cảm tưởng về Việt Nam bảo tôi rằng “Việt Nam là một cái vườn đẹp trên đó nở rất nhiều hoa ra rất nhiều trái. Quả trái đều lành ngọt và hoa thì dù cả sắc lại đủ cả hương. Từ một ngày Tết đầu năm cho đến một đêm giao thừa rê-vay-ông hết một năm mát giang, trong hoa viên Việt Nam, quả hoa luân phiên nhau mà thường trực theo một sự phân công mâu nhiệm của Tạo vật. Trong phe khôi xã hội chủ nghĩa chung ta, về hoa và quả, nước Việt Nam có thể viện trợ cho nhiều nước bạn. Hoa thơm quả ngọt của anh chính là một số máy móc trao đổi về để dùng vào những kiến thiết cơ bản đó”.

Hình ảnh chan chứa cảm tình ấy lại trở về với tôi mỗi lần tôi nghĩ tới Tây Bắc và Khu Tự trị Thái Mèo. Tây Bắc cũng là một cái vườn hoa trong ấy mỗi dân tộc của mấy mươi dân tộc ít người là một giống hoa

đượm nhiều màu sắc. Và ché độ cộng hòa dân chủ chúng ta giống như một người làm vườn khôn lồ vô cùng nhân ái đang ra công vun sỏi cho khu vườn Tây Bắc nở thêm nhiều hoa và hoa Tây Bắc phải kết nhiều quả trái. Cái vườn đẹp Tây Bắc, diện tích rộng tới một phần sáu đất đai toàn bộ nước nông nghiệp Việt Nam. Ở gân cây to bóng cá, núi vót ngọn xanh, núi dẵng dặc lam, suối đào đàn và rêu biec lòng suối óng à như tóc tuôn của một người đàn bà biết phát biểu bằng thơ.

Những mà trước đây, trong vườn Tây Bắc vắng hoang, có cây một màu khổ náo. Đau khổ ngày xưa, một trong trăm ngàn câu hát Mèo còn vắng về:

*"Em nấm ba nấm com tiền anh
Ví có thương em thì ăn com em nấm
Bằng không thương em
Thi lội ba cái suối để com lại
Múc ba bát nước đổ xuống
Xóa hết đi những vết chân người".*

Trong các dân tộc anh em Tây Bắc, người Mèo ở cao nhất, nhà chèn vênh đình cao như những tổ phượng hoàng núi. Bầu trời xóm Mèo trong lành hơn đâu hết, và người Mèo yêu chính nghĩa yêu tình chung thủy cũng là những người chào mặt giờ mọc chao mặt giờ lặn trước hết và sau hết mọi dân tộc

khác ở Tây Bắc. Nhưng hãy nghe đây câu chuyện tình đau khổ của một đôi tình nhân Mèo.

Ngày xưa có anh Nùng Phai, yêu thương chị Gau Dự. Hổ rừng tới phá hạnh phúc hai người, bắt nàng Gau Dự đem về hang làm vợ. Nùng Phai mài kiếm đi cứu người vợ yêu. Người yêu bị cướp đi vẫn thương nhớ người đi tìm. Nhưng ăn nằm lâu ngày với hổ, nàng đã hóa ra hổ và định vô cù người tình cũ khi chàng múa kiếm giết chết con hổ chồng. Săn thanh kiếm trong tay, Nùng Phai liền chém đứt hàn cái đuôi hổ của nàng Gau Dự. Nàng hiện trở lại làm người mà khóc than: "Em nhiễm tính hổ tính beo rồi. Anh hãy lấy lá han trái ra làm nệm. Em sẽ nằm lên lá ngừa rừng mà lột xác. Chặt cành tre cầm lên mộ em và đặt lên một nồi nước. Hè thấy cành tre tươi lá trở lại, hè thấy nồi nước bốc khói sôi lên, thì anh mở cửa nhà mò đón em trở về làm người". Bên cái mả giữa hang hùm, Nùng Phai cứ nhìn cành tre héo cứ nhìn nồi nước lạnh mà thổi khèn. Núi rừng Tây Bắc vang lên cái tiếng khèn cái tạo tái sinh cho người yêu.

Kể lại chuyện cổ tích vùng cao, bà cụ Mèo một trâm tuổi lẻ kia đã nhắc lại chuyện quân đội viễn chinh để quốc Pháp đóng thường trực ở ngọn đèo Khau Ma Hồng này để phá cơ sở du kích Mèo. Bà Mèo thương họ còn bảo: "Thằng Pháp như con hổ dữ. Nó ở đâu thì khô rừng lá, cạn suối đến đá. Cán bộ thì

núi như người thổi khèn, đến đâu thì cây tươi lại và suối lại chảy”.

Nói sao cho hết những đau thương của Tây Bắc trước khi lửa Cách mạng tháng Tám cháy bùng lên núi cỏ gianh đánh lùi những bóng tối của đêm dài Tây Bắc. Trong lâu đài thơ ca văn học Thái, có một tập thơ “Tiễn đưa dặn dò người yêu”. Quý cái vốn cổ dân tộc của mình, người Thái chưa có máy in, đã viết vào bụng và người này truyền miệng cho người khác. Người nào chữ tốt chép ra, thì trả công cho người chép thơ một con trâu to béo. Cha mẹ chết đi để của cho con, không quên để vào chỗ hương hỏa ấy một cuốn sách thơ “Tiễn đưa dặn dò người yêu”. Trong kháng chiến, nhiều gia đình Thái chạy giặc Pháp, khi nặng gánh quá, phải vứt bỏ lại nệm chàn, ninh, nồi, mà cuốn thơ trữ tình thì vẫn chạy theo người, rồi cất giấu vào hang. Người miền xuôi yêu thơ “Kiều” dài ba nghìn hai trăm năm mươi tư câu lục bát như thế nào thì người Thái Trảng Thái đen đều yêu quý một ngàn sáu trăm câu thơ “Sông chụ son sao” ấy cũng như thế. Nhưng qua một tập thơ dài kia, qua cuộc đời Thái trước đây, giáng man ra biết bao nhiêu là áng mây sầu. Lầu thơ trữ tình nọ, cũng là cánh khép cánh mở thế thới.

Thơ ca Thái hồn hậu nhiều hình ảnh nhiều thiên nhiên. Thơ Thai đã hay, mà múa càng đẹp mà xòe

Thái càng đẹp. Nhưng mà bóng tối trước đây của đế quốc và phong kiến đã trùm lén đêm hoa đăng giả tạo, bóng tối buộc lấy cổ tay ngón tay cổ chân những bước xòe Thái. Những đội xòe Thái trước đây chỉ là những toán khô sai đàn bà chung thân bị chúa đất Tây Bắc cầm tù.

Ở đây tôi ghi lại một số xúc cảm của tôi về xòe. Một số xúc cảm nặng về mặt xã hội hơn là về kỹ thuật vũ đạo và vũ thuật.

Tôi nghĩ rằng trước khi Tây Bắc được giải phóng thì xòe chưa hẳn là và không thể nào là một niềm hoan lạc chân tuý trong xã hội Thái. Nhân dân lao động vừa xòe vừa nơm nớp sợ một cái oan khiên tai vạ gì có thể áp đến. Gia đình nào có con gái được chúa đất hoặc đám phia tạo tuyển vào đội xòe, thì cái người lo buồn trước hết mọi người lại chính là bà mẹ Thái. Chao ôi, có ai thích xòe, đã nghe thấy cái tiếng thở dài ấy của bà mẹ Thái nó buồn hơn cả cái tiếng vật mình của cối nước giã gạo đêm. Có con gái được chấm vào đội xòe thì gia đình được bọn thống trị cho ruộng làm mía sào, bố và anh được miền phu phen tạp dịch, nhưng bà mẹ Thái nhìn con gái lên đường làm nghệ thuật mà thở dài: “Thế là đưa con gái tôi không được nên thân người nữa rồi”. Mẹ già thương người con gái “bất hiếu” từ nay cướp công sinh thành của mình để đi múa hát nhà người.

Đã là chúa đất, là đại địa chủ miền núi, là chạo phen đìn, là chạo phen cảm, thì đều có đội xòe riêng, làm vua làm quan to thì nhiều đội, làm quan nhỏ thì một đội. Để gợi ý, tôi xin trích ra đây một cái biểu để tinh các tiêu chuẩn quyền lợi và tiêu chuẩn xòe trong hối Pháp thuộc:

"Tri phủ: lương tháng công với 300 tạ lúa dân cấp hang năm"⁽¹⁾, hoặc mươi mẫu ruộng do dân cấy mang hoa lợi đến tận nhà. Lại được ba mươi người lao động phục dịch mọi việc trong nhà gọi là nhục (nhóe). Đứng đầu đám người nhục gọi là tạo nhục, dưới quyền điều động của quản cuồng. Quản cuồng tự có sáng kiến và có trách nhiệm mọi việc quản gia. Dịp lễ tết và tiếp tân, tri phủ tuyển một đội 36 cô gái trẻ xinh nhất để xòe.

"Tri Châu: hưởng 250 ta thóc; hay tám mẫu ruộng. Được 24 người nhục, 24 cô xòe.

Bang tá: 150 tạ thóc, sáu mẫu ruộng, 12 người nhục, 12 cô xòe.

Chánh tổng: Mỗi tháng tám đồng lương, 300 tạ thóc tám mẫu ruộng, tám người nhục, không có xòe.

Ký mục: bốn mẫu ruộng, bốn người nhục

Tạo bản: hai mẫu ruộng, hai người nhục.

(1) Thời ấy, một tạ gạo giá hai đồng rưỡi bạc Đông Dương.

Gái xòe: một mâu ruộng. Nếu bố hoặc anh chét, được một người nhục".

Ruộng cấp cho xòe, nếu cô xòe vì ốm yếu hay lấy chồng, sẽ đòi lại. Như là dưới xuôi thời cũ đòi lại công điền từ tay những binh lính khổ xanh khổ đỏ không tái đăng khóa sau.

Xòe, cứ theo cái ý nghĩa như biểu tiêu chuẩn trên đây, không còn là vui múa của nông dân lao động Thái nữa, mà rõ ràng là một thứ *tô nghệ thuật* dân cày miền núi phải đóng hàng năm cho địa chủ quan lại.

Trong cái đêm dài của Tày Bắc chưa có lửa sáng
Cách mạng, xòe, chẳng qua cũng chỉ là một hình thức
báu "phu phen tạp dịch". Ví dụ như trường hợp Đèo
Vân Long.

Đèo Vân Long thì không biết bao nhiêu là đời xòe, muôn bao nhiêu đội cũng được, nó là ngoại lệ, cái biểu trên kia không áp dụng vào vua Đèo. Cứ mỗi lần Đèo Vân Vua đi hành hạt hoặc thăm ấp thăm vườn cam, vườn vịt gà, vườn dè vườn mía ván vân, mỗi khi qua mường qua chiêng qua bản nào là ngủ lại nhà chức dịch địa phương. Trước khi ngủ là sở tai phải có xòe. Xòe xong tiệc rượu, Đèo Vân Long ngủ luôn với xòe. Rồi hôm sau, sở tại áp giải xòe lên tình để Đèo Vân Long chấm vào đội xòe riêng của y. Y như cu vọ, qua

đâu là hau háu tim phụ nữ để phát triển các sự xòe. Y chọn những cô nào tốt vóc đẹp mā, trắng, có duyên có dáng, giọng tốt, điệu mềm, da sáng. Y nắm lấy danh sách rồi vê dinh, cho lệnh đi tróc nā xòe. Lên, học nghề trong sáu tháng, xòe đã đủ thành thục, cho về nhà bò mẹ đẻ, khi nào có tiệc tùng thường hoặc đón tiếp Tày Tau Mỳ thì đã có trát gọi lên.

Còn giỗ té̄t thì phải nhớ lấy ngày mà lên hau xòe, nếu bạn giúp đỡ việc nhà cha mẹ mà quên lên hau xòe thì đơn thi hình phạt thi bố mẹ càng nhục lụy. Ngày Té̄t đầu năm là càng phải bỏ Té̄t nhà mình mà lên hau Té̄t nhà quan nhà người.

Làm thân người con gái đội xòe, coi như mất hán Té̄t nhất với gia đình; có con đi xòe đội, người mẹ cầm bằng cái Té̄t là té̄t của thiên hạ con cái phải đi làm té̄t cho người khác. Cái Té̄t của cô xòe ở nhà chúa đất Tày Bắc sao mà nó dai quá. Nhiều khi hết cả mua xuân. Chúa đất cang bạn bè nhiêu tiệc tùng nhiêu thi cảng kéo dài ngày té̄t tháng té̄t. Tiệc rượu phái hau đứng, chỉ được uống không được ăn, máu dồn xuông chân, buồn thương mà phải cười, nước mắt cay nồng mũi men, chân múa tay múa mà lòng cô xòe đội xòe để ở những đâu đâu. Nhịp chân không do lòng mình khiên mà là do cái sơ mà là do thói quen của sơ hãi. Ngoài cái nha xoe này, mùa xuân gái trai đang tung bừng chồ đầu suối tràn ruộng bến sông. Bao ban

trai gái mình đều được vui chơi thật sự như thế, cung chỉ vì họ không phải tuyển vào đội xèo. Họ ngồi thuyền đuôi én đi tráy măng trúc măng mai về làm quà cho bố mẹ. Mùa ban pún nở rộ, họ thành đội ngũ đua chơi búng mắc lè trong sân nhà trên trán ruộng phẳng đây đó xa xa còn vàng gốc rạ mùa qua. Họ hái hoa ban tặng lẫn nhau và đem về nấu cho bố mẹ một bát canh thơm. Họ đua nhau hái rêu ở lòng sông. Rêu mùa xuân óng muốt như tóc người đẹp có tự do. Ngày xuân ấm, những cô bạn gái gọi đầu bờ suối, hong tóc, tiếng quay tóc hòa tiếng bánh xe cộn nước, ngày xuân cứ trôi đi, như suối cháy, tóc cô xèo đâu xanh mài như núi rưng, pi noong ơi! Uôi noong ơi! Đêm đầu năm sương lạnh, càng nhớ lại đêm hoa lau mà bố mẹ nhà nghèo nào cũng có, duy chỉ không có được ở nhà giàu chúa đất mặc dù chúa đất một năm thu không biết bao nhiêu là tô bông gạo, thứ bông gạo bỏ nhieu hàng năm mỗi đầu người phải nộp hai lạng.

Ở nhà xèo Đèo Văn Long, cô gái xèo đêm lạnh chỉ quấn một cái chăn, đúng cái chăn để quốc ngày xưa vẫn phát cho tù, nhưng đã có nhiều đêm có tiệc rượu tiệc nhảy, cô xèo đội xèo Đèo Văn Long đã bị cưỡng bức biến thành một cái đệm sống để cho quan khách nhà họ Đèo nằm lên.

Sau khi cả bố cả con nhà nó đã tranh nhau mà đe lên, thì nghệ thuật xèo đã trở thành một cái ném lót

từ tay Đèo Văn Long đưa đến cho các quan tướng bù nhìn dưới xuôi lên, và nhát là đưa đến cho các cố vấn chính trị Pháp cố vấn quân sự Mỹ. Bọn này có khi con đòi mỗi đứa phải hai đệm. Lúc chưa tan canh rượu, lúc cái đệm ấy còn giơ tay lên múa và chuốc rượu, thì có sự mặc cả gán ghép và nếu cần thì dùng đe dọa. "Riêng cái thân chúng mày, nếu không được hầu hạ ở nhà này, thì đừng có hòng mà hầu màn các quan Mỹ quan Pháp. Đây là phúc cho cả nhà mày đấy. Nếu đêm nay không hầu cho đủ, thì mai đuổi về lập tức. Rồi liệu mà thu xếp trả ngay những sào ruộng đã cấp cho. Anh mày bố mày đem ruộng lên già rồi đi phu luồn đợt này". Những câu vô liêm sỉ ấy đã được buột ra từ cái miệng hoa một cô nàng con gái cả Đèo Văn Long, chính tên là Đèo Thị Tội, cái con Đèo Thị Tội rất hay bày mưu ton hot với bố trong nhiều vụ thủ tiêu tù chính trị vứt xác xuống Sông Đà. Trong những đêm nghệ thuật bị hà hiếp cường dâm như thế, thì cái anh dàn tính cầm trịch cho bước múa, cũng khó mà không trở thành một anh ma cô ma cậu tươi thèm lời vào đồng tội cháy. Trên cái sàn múa, một cái tủ rượu đứng mạ kén bốn chân tủ đều có bánh xe lăn từ quan này đến cố vấn nợ. Cái sàn này làm bằng gỗ. Đèo Văn Long bắc vạc dầu lên bên cổng lớn để luộc sỏi gò sàn nhảy. Chân cô xòe đà bòng cháy trên sàn này để tim cô càng giá buốt đi.

Ngoài sân múa xòe kia, tiếng thác Sóng Đà vẫn xô đá ào ào. Và trong đêm tiệc, máu đồng trinh cứ rò theo bước đi của đôi chân khiêu vũ, cô gái xòe cứ giàm lên máu minh mà múa, rồi máu tươi ấy khô dần một đồng trên một cuộc đời đã biến thành một cái đệm, lớp máu đêm sau đóng vẩy lên lớp máu máu đêm đầu, và cứ thế cứ thế.

Vậy mà chưa có một cô xòe nào dám trốn khỏi cái lâu đài ma quỷ Đèo Văn Long, bởi vì quanh đây là vịnh viễn núi rừng xanh rì một màu Đèo Văn Long. Muốn thoát khỏi cái nhà này, chỉ còn có một con đường. Con đường “tiền dám hậu thú” với người tình, hoặc chưa có người tình gắn bó thì quăng mình vào lòng một người đàn ông nao nao bắt gặp trên lối rừng quanh cái nhà ghê gớm đó. Cốt sao cho sau đó, Đèo Văn Long phải thấy rằng mình đã trở nên một cô xòe có chứa để cốt cho nó thảm mình ra khỏi cửa nhà nó. Dĩ nhiên là khi đã dám liều mình như vậy, thì còn phải có gan chịu cho bõ nó con giai nó con gái nó cả nhà nhà nó nhục hình nhiều trận, có khi hoại cả cái thai cần thiết cho sự giải phóng mình.

Đã là cô gái đội xòe, nhất là xòe Đèo Văn Long, không mấy ai dám hỏi làm vợ. Nhưng có anh trai Thái nào cứ thương yêu mà hỏi, thì bao giờ cả nhà nó cũng đều bảo xa bảo gần cho mà biết rằng cô xòe chưa hết hạn ở với nhà quan nhà vua. Thời hạn này thât

là vô cùng tận thật là eo giān. Còn đòn dáng, còn hông hào không ốm đau, thì hạn còn dài. Nếu sắc đẹp cô gái đội xòe mà thắng được cả sự tàn phá của thời gian thì cái *đặng xinh* Đèo Văn Long sẽ là cái nhà mồ của cô xòe.

Làm cô xòe nhà Đèo Văn Long, mới tới, nó phát cho một đôi giày cao su trắng, một áo trắng phin, một bộ cúc mắc pém bằng bạc, một váy linh, một thắt lưng màu. Bộ cánh hạn dùng trong một năm và chỉ lúc nào có hẫu tiệc hẫu xòe mới được quấn vào người. Rồi xung vào tung đội. Không đếm được hết xem Đèo Văn Long có bao nhiêu đội xòe. Mỗi đội xòe của Đèo Văn Long có từ tám đến mười hai cô gái và hai anh đàn tính.

Xòe có đến ba mươi chín điệu nhưng phải học làm vốn lấy tám điệu cơ bản. Bắt đầu tập hai tay nâng khăn lụa, nâng ngang mày ngang vú. Rồi tập chuyển bước. Học xòe khăn. Rồi học xòe quạt. Rồi học xòe nón. Học đến xoc nhạc, khiến được cánh tay cuì tay cổ tay, đã có thể gọi là học giỏi. Thành thực đôi tay đôi chân, rồi nhún, rồi đánh gối, đánh mòng, đánh cánh đánh cổ đánh cuì. Mỗi người một phong cách mà phát triển tài nghệ, nhưng càng có phong cách càng nâng sổ đoạn trường tại nhà Đèo Văn Long. Học xong sáu tháng dưới quyền chỉ huy nghệ nhân của nó, nó cho về nhà bố mẹ. Về nhà mình, cô xòe hẫu hạ giúp

đỡ bõ mẹ đưọc tí nào thì hay tí ấy, còn thì cô gái cứ giật mình thon thót, sợ quên mất lịch giõ tết của chúa đất, lén mà châm thì chết.

Nói là đưọc học nghề ở nhà Đèo Văn Long, nhưng chính ra làm người lao công không công thì nhiều hơn. Mỗi ngày đưọc hai giờ học nghề vào lúc chạng vạng sương chiều. Còn thì là phải quay sa kéo sợi, giã gạo nấu bèo cám, cán bông, giặt quần áo trong ngoài của tất cả bấy nhiêu vua Đèo Văn Long, hoàng tử, công chúa, phò mā vân vân... Cô xòe áy cũng chỉ là một con sen con đòi. Mỗi ngày lũ con đòi ở các đội xòe (!) lén lén xuống xuống cái bến đá bên tả ngạn Sông Đà không biết bao nhiêu lần, với cơ man là chậu thau đồng chậu gỗ đựng đủ tất cả đồng quần áo dơ bẩn của cả cái đám quyền quý hồi thời ấy trút ra.

*

* * *

Tôi ghé đò độc mộc vào đúng cai bến đá của những cô-xòe-con-đòi nay. Tôi không nhớ rõ là dốc đá có bao nhiêu cấp đá cạp xi măng tư mòn bến lên đến cái cổng chính có ngôi men ngũ sắc. Nhưng thấy cũng nhiều đáy, mỗi lượt leo lên, mỗi lượt leo xuống. Nhất là leo lên, với những vải lụa hút nước đáy ập cái chậu đồng gó vào bèn hông. Chao ôi, tôi muôn nghĩ đến cái cảnh ngộ một cô xòe thêm khát tư do đang mang nặng

trong mình một hòn máu “tiên dâm hậu thú”, đang lợm giọng them chua và choáng váng mày mặt lúc leo hết hàng trâm cấp đá như leo cầu vồng nhân gian Tây Bắc này hồi áy. Tôi muốn tiếng thác Sông Đà trả lại cho tôi cái bài đồng ca lặng ngắt của cả cái đoàn thơ giặt đau khổ này.

Làm xong bấy nhiêu thứ lao công cho nhà họ Đèo, rồi tôi đến còn phải “lao động nghệ thuật” cho Tây, cho Mỹ, cho vua Bảo Đại và Nguyễn Văn Tâm xem xoe nữa. Dưới sàn xoe, là cái hầm nhốt tù, những người bị Đèo Văn Long nghi là hoạt động địch hậu hoặc liên lạc với những nơi cửa ngõ vùng tự do. Có lẽ đây là những người đêm đêm thức giấc hoặc trăng đêm mà thông cảm sâu sắc hơn ai hết với những cô tội nhân nghệ thuật đang xoe ngay trên đầu mình. Tôi dám tin rằng giữa cô xoe bị mất tự do và phẩm cách kia và người cán bộ địch hậu bị hâm ở nhà hầm - giữa hai thứ người khác nhau về ý thức đời sống về cách nhìn đời sống nhưng đều đang cùng lận đận một lứa bèn Sông Đà - đã có những cái nhìn ngập ngung mà đầy tin cậy. Tôi muốn tiếng thác Sông Đà nay ngừng réo ngừng xò đá ngà ba sông, trong một tích tắc, cho tôi được nghe lại một lời nói thầm rất nhanh giữa những cặp nam nữ nạn nhân này của vua Đèo.

*

* * *

Tôi đã gặp một số cô xèo đội xèo cũ Đèo Văn Long. Một hai cô đã kể lại những cảnh mắt thấy tai nghe ở giữa vòng Điện Biên Mường Theng tên lửa bời bời. Tôi ghi lại lời kể đó, có những đoạn ghép thêm với một số lời kể khác:

Ngày 12 tháng 12 năm 53, bộ đội vào giải phóng tỉnh Lai Châu. Trước ngày đó một tuần hai tuần, theo lệnh quan Pháp, Đèo Văn Long cho dọn tinh vào trong Điện Biên “vì trong Điện Biên yên ổn hơn, dọn tinh vào đây rồi vài tháng lại dọn trở về đây lại”. Đèo Văn Long lên tàu bay ngày 5-12-53, để con Đèo Văn Tài ở lại trông nom một số việc cho xong rồi cả gia đình nhà nó cũng rút hết về Hà Nội. Tàu bay cho phụ nữ Thái bản cư từ Lai Châu sang Điện Biên gồm một số bà mẹ già mẹ vợ sĩ quan Pháp, một số trẻ con Tây lai, một số mẹ Tây vợ Tây, và một số cô xèo.

Đối với một số cô xèo Đèo Văn Long, chuyến đi tàu bay nay không phải là chuyến thư nhất, vì trước đó, cũng đã được Đèo Văn Long đem đi múa khắp Hà Nội, hội chợ Sài Gòn, và xuống Hải Phòng múa cho Thương thư Thuộc địa Pháp Letoureau và Bảo Đại, toàn là đi tàu bay cả. Cho nên đi tàu bay vào Điện Biên nó cũng quen thôi, nó còn dễ hơn là thuyền đi thác trên sông Nậm Tè.

Nhưng vẫn lo gấp “tàu bay Việt Minh”; Đèo Văn Long và quan Pháp vẫn bảo bộ đội kháng chiến không có tàu bay, nhưng họ hay nói điều lầm, chẳng biết ra làm sao, nên cứ phải lo. Bay từ Lai Châu đến Điện Biên mệt nửa giờ, tàu đã xuống sân bay lát liếp sát Mỳ không thấy có súng gì bắn cả. Có ca-mi-ông GMC ra đón, cà xe díp nữa, và đưa thẳng về một cái hầm gần đầu cầu sắt Mường Theng. Cái hầm này ở gần những hầm có mui sắt tò vò của Bộ Tổng chỉ huy Pháp, gần cái cây si chồ quan sáu Đờ Cát Tơ Ri đóng. Hầm phụ nữ mới làm, mui bằng tre. Giường bằng nứa phên, lúc chạy sang muôn đem nệm theo nhưng tàu bay chật quá. Không có màn nhuộm như ở nhà, chị nào có chồng săn thì có những góc hầm riêng. Quan Pháp có đèn hầm vào những ngày giờ đã ghi rõ. Lúc ấy lấy chăn thay cho màn. Ông cố đạo Tày cho thuốc vệ sinh. Bảo có đồ hộp nhưng chỉ phát cho quan to, thỉnh thoảng cũng có quan Pháp giấu vào trong chăn bông cho một ít đường, sô cô la, thuốc lá. Trên giờ, dù Mỹ thả xuống hoành phi câu đối người Kinh lấy ở những trận can quét đồng bằng chờ tau bay lên để cung cống công sự Điện Biên. Có những tấm gỗ to bằng bàn an, sơn đỏ có chữ Tau mạ vang rọi nhầm vào chỗ phụ nữ. Khi nào họ giết trâu mò lợn thì cũng được mua, còn thì là ăn cá mắm khô, và có uống rượu Tây.

Lấy những vỏ đồ hộp làm nồi nấu, nhiều vỏ hộp sắt, nên cũng không ai tranh cãi với ai.

Có người đưa cho xem cái truyền đơn quan sáu Pháp thách Đại tướng Võ Nguyên Giáp dám vào ăn Tết ở phố Mường Thanh. Ngày Tết thấy nhớ nhà, người nào cũng có khóc một lần dài hoặc khóc làm nhiều lần ngắn. Những xác Tây chết trận, thấy Pháp tập trung lại, tưới ét xang đốt ra gio rồi vui lại... Bộ đội ta vây đánh Điện Biên bắn đến năm sáu chục phát ca nòng rơi gần chỗ phụ nữ tản cư. "Cũng không biết ai sẽ thắng, cũng không biết mình nên nghỉ thế nào cho phái, nhưng mong cho chúng thua chúng được đi, rồi mình được trở về quê Mường Lay với bố mẹ, và thấy lại Lai Cang Lai Nưa và con suối Nậm Lay của mình".

Càng ngày súng to càng nổ gần mãi hầm, nóng nhiều. Im tiếng súng thì đi tắm. Có chị được tin chồng chết ở Him Lam, chết ở sân bay. Có chị được tin nhân tình gãy chân đưa về nhà thương Đồn Thủy Hà Nội. Dần dần hầm phụ nữ thua người đến. Trong sòng Nậm Rõm bé hơn sòng Nậm Na Mường Tùng và lại nhiều người tắm hơn. Linh Pháp đều tắm giống như phong tục người Thái. Vừa tắm vừa sơ súng bán, tắm nhanh cho xong, họ làm gì nói gì mặc họ. Một lần đứng tắm lâu lảm mà không thấy súng ca nòng nổ, khác hẳn moi ngay đèm. Về nhà hầm, khắp các cửa

hầm cứ thay quan Pháp linh Pháp chui lén, xếp hàng nối nhau chui lén, người nào cũng cầm mùi xoa vài dù trắng thì biết là xong rồi, có bên được rồi. Rồi có bộ đội cầm bản danh sách gọi tên nhiều người ở Lai Châu tan cư sang. Có người thì bộ đội giữ lại để cho đi học ngay chính sách Chính phủ. Ít thôi, còn nhiều người được tha ngay. Từ đây, ai muốn về quê Lai Châu bằng đường Tuần Giáo cũng được, ai muốn đi đằng Mường Pôn Mường Tùng cũng cho tuỳ ý. Lại cho mỗi người mấy ngày vừa cơm chín vừa cơm sống. Ngày đầu có cơm săn, ngày sau nấu lấy gạo mà ăn, vừa đi vừa nghỉ, phụ nữ đi mất năm ngày. Ngày đầu ngủ ở Mường Pôn, mệt quá, nhưng chưa hết sợ. Về đến Lai Cang, mẹ mừng quá, mẹ bảo là: "Mày tản cư đi Điện Biên được mấy hôm, là ở nhà giải phóng. Có hai anh cán bộ cả Kinh cả Thái ta trong đội công tác an dân, đến bảo mẹ là đừng có sợ, con bà ém đi Điện Biên ít lâu, rồi Điện Biên lại giải phóng như Lai Châu thì con bà ém lại về đấy thôi. Thế mà may và các chị xòe tàn cư khỏi Lai Cang Lai Nưa Hồ Luông đều cũng về cả rồi. Cô Chiêm bên Lai Tơ lại được Chính phủ cù Hồ cho đi xòe đấy. Đi xòe liên hoan mừng công bộ đội dân công từ mấy tháng nay ở quanh thị xã".

*

* * *

Cô Chợ tucus Lò Thị Chợ bị bắt vào đội xèo Đèo Văn Long, đúng vào lúc cuộc sống ở phố Lai Châu và quanh mây bến Sông Đà ở Mường Lay đang lộn đảo lên vì những chửi bới dọa dăm hung dữ của bọn tàn quân Pháp nhốn nháo chạy từ Lào Cai về, theo kế hoạch rút quân của quan năm Tilibi. Sau trận đại bại mùa đông biên giới quân đội viễn chinh Pháp bị tiêu diệt ở Cao Lạng cuối 1950, Pháp sơ ta tiêu diệt nốt ở giữa Lào Cai, nên rút theo đường Cốc Lếu, Sa Pa, Phòng Tò. "Trung đoàn địch hậu Tây Bắc", trung đoàn 148 liên truy kích chúng đến tận sát bờ sông Nậm Na, đến tận Chiềng Chân Chiềng Nưa, đến đúng cái địa điểm mà Đèo Văn Long cho người đón Pháp năm 1946 để mặc cả bán Tây Bắc lần thứ hai đó cho đế quốc. Dám quan và lính hút chết chạy từ Lao Cai về đến Lai Châu, còn đồng Đông Dương nào, còn đồng vàng nào đều tung ra hết. Nhiều người buôn bán, nhiều mại bản, nhiều ông bà chạy hàng xách vó bầm. Vô khôi người đánh xuyên sǎm kiêng, rượu Tây uống lu bù, nước hoa bôi lu bù. Dưới bến đò Sông Đà, trong long đờ, pin đèn liền tù tì cháy một lèo cho đèn tan sương. Nhiều người lại đi lấy chồng, nhiều người lại phải bỏ chồng. Nhiều người sống bằng những thứ nghè tự do xưa nay chưa thấy tự do đến thế bao giờ.

Bên kia sông, bên kia phố, là Bản Trợ. Bản Trợ ở sát nach "Thái Hà Ấp miền núi" của Đèo Văn Long.

Cũng như số phận Bản Trang cạnh đó, Bản Trợ là một cái làng phải luôn luôn cung cấp đầy từ con hâu không công cho cả nhà họ Đèo. Cô Lò Thị Chờ chính là một thanh nữ mười bảy tuổi quê ở Bản Trợ. Cô Chờ người dong dáng cao, mắt mèo mí, tóc xanh mượt như một làn rêu giữa làn suối trong, và tính nết cũng dịu lành như rêu suối mùa xuân. Không cần được bấy nhiêu nét bấy nhiêu nét, Đèo Văn Long và tay chân nó cũng đã bắt rồi, cũng như nó đã từng bắt bao nhiêu chị Thái Trắng trung bình khác ở Bản Trang Bản Trợ. Vậy là cô Chờ bị bắt vào làm con múa của đội xòe, và làm tất cả những việc lao công không công ở nhà họ Đèo như tất cả những con-múa-tôi-đòi khác bị tập trung ở cái lâu đài ma quỷ nơi ngã ba sông. Cũng như số phận nhiều cung tần thị tỳ “vạn năng” chị em xấu số khác, cái thế giới của cô Chờ cũng khung từ một cái sân xòe gỗ luộc vạc đầu đến một cái bến đá có sóng thác Sông Đà.

Về cung cách nó tổ chức, như đã biết đó, các đội xòe Đèo Văn Long không dứt khoát là làm nghệ thuật vị nghệ thuật, hay là lao công không công tập đoàn, hay là phải làm thô thi đĩ để lấy tiếng lấy danh vị cho hoa vương Đèo Văn Long, mà nó là nhập nhằng bê bết cả mấy thứ việc. Những đội xòe Đèo Văn Long vốn dĩ đã lùng cùng, hồi này lại càng bát nháo hơn. Vì con gai út Đèo Văn Long là Đeo Văn Ún nay về ở hòn

bên Lai Châu và nó hay thậm thụt nhất với các cô xòe, nhiều khi chạm trán cả với bố nó.

Từ khi ta giải phóng Điện Biên lần thứ nhất năm 1952, tri châu Đèo Văn Ún chạy thoát về Lai Châu, phải bỏ lại cả mấy chục hòm nhựa thuốc phiện mà chạy thoát lấy người. Về Lai Châu, nó chuyển từ quan văn sang quan võ, đeo súng lục đeo lon quan một quan hai, đúng với cái quy luật giai cấp đại địa chủ phong kiến phản động cấu kết với đế quốc thực dân mà võ trang chống lại Cách mạng và di sát quân đội Pháp ở chiến trường Điện Biên 53-54. Lần giải phóng Điện Biên thứ nhất 1952, tri châu Đèo Văn Ún trốn thoát, nhưng giải phóng Điện Biên lần thứ hai 1954, quan hai Đèo Văn Ún vẫn nổ súng chống lại quân đội nhân dân khi bị bắt, tòa án binh thiết lập ngay ở mặt trận liền tuyên bố Đèo Văn Ún tử hình, án thi hành ngay tại Cò Mì.

Trở lại câu chuyện tình sử cô Chờ. Trước khi bị bắt làm con múa trong đội xòe chúa đất, cô Chờ đã gắn bó với anh Lò Văn Mờ. Anh Lò Văn Mờ cũng bị Đèo Văn Long bắt về làm một thứ lính lệ hầu đám hầu trà, từ trước khi người tình của anh bị bắt vào hầu múa ở cửa nhà họ Đèo. Những lúc ra ngoài, anh Mờ hay sang bên Bản Trợ và từ đó mỗi ngày một thân với cô Chờ. Rồi cô Chờ bị bắt vào đội xòe. Những đêm có tiệc hoa đăng, Chờ phải hầu múa, Mờ phải hầu cốc

hầu điếu, đôi bên mặt nhìn mặt nhưng lời nghẹn lời. Quan hai Đèo Văn Ún lúc này đang ở thời kỳ cường bức cô Chờ. Nó biết việc cũ giữa hai người. Sẵn có chiến trường Điện Biên đang khói lửa ngất trời, Đèo Văn Ún liền hạ độc chuyền luôn anh lính hầu trà hầu đòn thành lính chiến đấu, và điểu luôn anh Mờ vào biên chế tiểu đoàn “Đơ-dem Ba-tay-ông Thái” đeo luôn phù hiệu tráng men một con đường tráng dai vành lầy một dài núi biếc mà đi sang bên Điện Biên. Không rõ anh Lò Văn Mờ đã biết bắn súng chưa, nhưng cái đó quan hai Đèo Văn Ún không cần biết, y chỉ cần cho người “tình địch” của y đi chết trận. Sau đó, Ún cũng cầm quân sang tiếp sức cho Pháp. Nhưng quả thật đạn cách mạng của nhân dân vũ trang chiến đấu cũng có linh thiêng và sáng suốt thật. Đạn mìn trận sau này không bắn anh Lò Văn Mờ mà lại bắn chết tươi Đèo Văn Ún. Lúc Ún đặt chân lên tàu bay rút chạy, cũng là lúc bộ đội ta đã tiến vào đèn khu Mèo Pú Nhung trên đèo Cờ-la-vô vào tỉnh Lai Châu. Trước khi lên tàu bay, Đèo Văn Ún nhất định bắt cô Chờ đi theo. Nhân lúc nó đang hồn quân hồn quan, cô Chờ lần trốn thoát. Mùa lạnh năm ấy, ban pún núi Pú Li nở rộ, cô Chờ vẫn tin Lò Văn Mờ rồi có ngày trở về. Trong hoa ban nở, càng thương người tình, càng nhớ người tình. Lai Châu giải phóng rồi, cô Chờ được giải phóng rồi, xòe múa được giải phóng rồi, minh đang

xoe cho nhán dân bản phố cho dân công tài gạo trên sông trong núi, sao người tinh chưa sớm về mà cùng dự những đêm mừng công này! Mùa xuân đó, hoa ban quanh Điện Biên cũng vẫn nở nhưng không một màu trắng tinh. Anh lính Lò Văn Mờ cũng có những phút nhớ cô Mờ, nhìn lên hoa ban, nhưng hoa ban chõ anh đóng quân đã vàng nẫu vì bụi cơ giới Pháp xoáy theo gió Lào và cháy rụi cả gốc vì bom na-pan Pháp thả nhầm. Súng càng nổ, anh Mờ càng thấy nhớ nhà. Cái truyền đơn đầu tiên anh nhận được ở mặt trận, viết bằng chữ Thái: “Quê hương các anh ở Lai Châu giải phóng rồi”. Cái truyền đơn thứ hai nhặt được: “Thái và Kinh đều là anh em. Trong bộ đội giải phóng, có cả người Thái người Mèo”. Và những truyền đơn khác: “Gặp bộ đội, vứt súng đi mà chạy vào rừng” - “hãy tìm cách trốn khỏi trại giặc, về gia đình làm ăn. Chính phủ sẽ khoan hồng” - “Nộp súng cho bộ đội, rồi đi thẳng về bản mường nhà mình”. Bộ đội Cụ Hồ gọi loa, bắn truyền đơn, lại dùng cả phén liếp mỗi tấm liếp kè to tướng từng chữ một, xếp liên thanh một hàng dài đủ cả chữ Pháp chữ Thái chữ Kinh, cắm sừng sững ở các đầu mũi hào chiến hào giao thông. Pháp tức quá, tập trung liên thanh và trọng pháo bắn vào những tấm liếp khẩu hiệu như là nó tập bắn bia, nhưng bắn mãi mới thủng liếp, thủng hàng liếp ấy lại có những hàng liếp khác mang những khẩu hiệu mới hơn. Pháp

lại bắn, có hôm đến sáu trám phát ca nòng từ Hồng Cúm cốt át đi tiếng loa kêu gọi những người lính Thái bị cường bức ma đi lầm đường. Nó bắn ca nòng điếc cả tai, nhưng anh Lò Văn Mờ vẫn nghe rõ tiếng loa gọi anh về Lai Châu với cô Chờ mà làm ăn với bản mường mình. Nhìn ra phía sau nhìn ra phía trước, anh Lò Văn Mờ tiến ra phía Khu Đông, đưa sung cho bộ đội Cụ Hồ. Rồi anh được học và được vác đạn đi lại giữa những hào giao thông có những bộ đội hay cười với anh. Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ cũng là ngày anh Lò Văn Mờ được trả lại tự do và trở về Lai Châu. Về đến Lai Châu rồi, nhưng anh Lò Văn Mờ vẫn chưa dám tìm đến Bản Trợ gấp ngay cô Chờ. Người tình được giải phóng trước mình, được giác ngộ trước mình, được phục vụ trước mình, nay nghỉ về mình như thế nào đây? Sau những ngày dò la và bắn tỉn, được biết rằng người tình vẫn chung thủy chờ mình, bấy giờ anh Lò Văn Mờ mới tìm đèn bán mường quê vợ nay đã dựng lại mới hết, ở cách xa hẳn khu vực Đèo Ván Long đến mấy cây số ngược lên dòng trên phia sông Nậm Na. Cũng từ hôm đó, anh chính thức ở gửi rề nhà bố mẹ người tình như tất cả những thanh niên Thai tôn trong tập tục cũ của dân tộc mình. Va gần đây hai vợ chồng xin ra ở riêng, với hai con nhỏ mới sinh sau đây. Chị Chờ cũng chồng về quê chồng cùng ở dọc Sông Đa, nhưng phải đi ngược lên

bốn ngày đường và leo một cái dốc cao mỏi cả đến đầu gối con ngựa thồ. Bố mẹ nhà nghèo, chả có gì cho con gái và con rể. Ninh, nỗi đồng, con dao, con trâu, con ngựa, chăn, nệm đều chả có mà cho. Nhưng trong lòng những con người của tất cả gia đình này, trong lòng họ thanh bạch đang thấy súc tích mãi lên một niềm biết ơn đối với Cách mạng. Bậc làm cha mẹ chưa cho họ gì để dọn nhà riêng, nhưng Cách mạng đã cho họ nhiều, nhiều lắm. Cách mạng giải phóng đất nước Tây Bắc, Cách mạng giải phóng cho tình yêu, cho nghệ thuật múa xòe. Cách mạng trừ khử đi những kẻ thù của hạnh phúc nhân dân lao động đồng rừng. Và Cách mạng đã trả lại luyến ái cho trai gái bản mường Thái được hạnh phúc cá nhân ở ngay cuộc đời mình bên dòng Sông Đà. Xòe và cò xòe, đến bây giờ mới thật là yên tâm cho ba mẹ Thái có con gái học xòe. Xòe và cò xòe, bây giờ không là cũ nữa, xòe được nâng lên thành những bước mới rồi.

ĐÀO CỘNG SẢN

Tôi đi Tây Bắc vào giữa mùa mưa 1958. Sơn La mưa, vào Điện Biên cũng mưa. Cái hình ảnh của sự sống như chỉ còn có suối, những con suối lũ của rừng sướt mướt; đứng trên đầu dốc mỡ lầy mà nhìn xuống cái xe ca-mi-ông sang ngang không khác gì một cái đò ngang hồn hển mà khâm qua cái bến bên này.

Nhưng mưa Tây Bắc dữ đến mấy rồi cũng phải tạnh. Tạnh mưa rào, cây và núi sáng đẹp hơn, cũng như sau mỗi lần bão tố, tanh hôi tà khí cuốn tan đi bầu trời bao giờ cũng trong lành hơn. Và đúng như phương ngôn nói, hết mưa thì tiếp đến buổi tốt giờ. Mùa khô ở Tây Bắc, ánh sáng lọc vô ngần, cái thứ ánh sáng nó khác hẳn dưới đồng bằng, nó thiệt là cái ánh sáng của vùng cao, cái ánh sáng làm mê tai những người vẽ tranh những người quay phim màu. Cái ánh sáng tươi giòn đậm đà một năm chỉ có một kỳ kia đang chiếu lên miền Tày Tố quốc bao la núi sông, dội vang lên cái tiếng nói ấm áp của biết bao

con người mới bắt tay vào bao việc mới, của vô số là bộ đội và nhân dân đủ các dân tộc đang mở đường, mở rừng, mở sông, mở phố, mở chợ, chỗ này công trường chỗ kia nông trường. Phong cảnh Tây Bắc càng làm tôn lên những con người mới đang tạo thêm phong cảnh mới cho Tây Bắc. Và đúng vào một buổi chiều tất niên năm mở đầu cho kế hoạch ba năm của miền Bắc, tôi là người có cái may mắn được đứng dưới bóng một gốc đào nở hết hoa để đón một cái năm 1959 sẽ còn này nở không biết bao nhiêu là những người dũng cảm; và từ lòng quần chúng nhân dân rồi còn xuất hiện rất nhiều những con người lanh man dám nghĩ dám làm. Cây đào tất niên 1958 của tôi đang nở bung hết hoa nhưng cành nào cũng còn vô khôi là nụ.

Từ Lai Châu về tới Sơn La tôi hăm hở trèo ngay một cái dốc giữa tinh cốt để thăm một gốc đào, gốc đào lịch sử mà kỳ trước qua đây giữa mùa mưa tôi chưa thăm được. Hết dốc là một cái nhà tù đế quốc, mà nay ta giữ lại làm di tích lịch sử. Không kịp đợi người hướng dẫn, tôi lách qua cửa sắt nhà ngục. Sắt cửa ngục xoay trên cối gì, kêu một tiếng gắt và rè rè, nó đúng là cái âm dội lại từ dì vắng đen tối của tình Sơn La, cái tình của những người đi đày xưa kia và của những người phu lục lộ chét đường dưới thời công sứ Sanh Pu Llop. Tôi đẩy hết cửa sắt này đến cửa sắt khác. Một cái ngục hoang vắng. Vào một cái sân con.

qua các ngóc ngách, vào xà lim tầng trên rồi xuống xà lim buồng tối dưới hầm chìm đá táng bê tông. Cửa khu này ghi 1932, cửa khu kia ghi 1931. Phải, sau những cuộc nổi dậy dữ dội của phong trào Cách mạng 1930 khắp nước, thì để quốc dụng Hội đồng Đề hình chém bắn không ngừng tay cùng là mở rộng cung cố thêm nhiều đè lao ngục tối. Tôi dạo hết sân ngoài sân trong, nhìn tường đá nhìn xi măng cốt sắt, nhìn cây. Có những cây hao hao cây xoan, và mấy gốc muỗm. Thế thôi. Tôi biết ở đây còn có cây đào, cây đào ông Tô Hiệu, nhưng mà đào mọc ở đâu? Hay là... Tôi vừa đi tìm vừa tháp thòm sợ có ai nhỡ tay chặt mất rồi chăng? Tôi lại vòng ra ngoài. Đây rồi. Mà lại những ba gốc kia. To lăm, trông thân đào thì tuổi đào cũng phải từ khoảng mười năm hai mươi năm. Một gốc nép ở ngoài cái tường đá táng vòng ngoài nhà ngục. Hai gốc ở trong đường hành lang lộ thiên men theo khu tù kinh tế mà sau này nó đổi ra giam cái đám than Nhật. Cái tường đá ngoại vi nhà ngục đã bặt băng ở góc này, nên hai gốc đào trong và gốc đào ngoài hình thành một cụm gần gũi thân mật như đang dờ dang một câu chuyện tay ba gì đó. Nay, có ai dại dột đã chặt phạm vào một gốc, vết dao con mới vết thương chưa khô cục nhựa đào. Gốc ngoài tường đào nở bung, cành nào hoa cũng mẫn khai, trông mà có cảm tưởng như đó là một người đứng ở ngoài nghén cao lên mà

quan sát hộ hai người bạn bên trong, và đang hờn hở báo những tin vui cho bạn cách tường. Cái vui của cây đào ra hoa lúc này cũng là cái vui của tôi, của một người tuy đọc nhật báo lạc hậu về tin tức cứ hàng nửa tháng một, nhưng lòng vẫn kịp thời rộn ràng với những cái vươn mình mới của đất nước. Tôi liền muốn tâm giao giây lát với cày đào đang tỏa hoa trên gạch đá tan hoang của một nhà ngục đã quạnh bóng người tù. Tôi cảm động như một người đã trót nhỡ ăn Tết sớm quá và đón tuổi xuân của mình nhanh tay hơn bao nhiêu người bạn khác ở đồng bằng, - đồng bằng lúc này chắc chắn là chưa nở hoa đào.

Nghĩ mà thấy yêu ông Tô Hiệu quá đấy, yêu ông như mọi con người ta vẫn kính yêu một nhà thơ hay và lớn. Đế quốc từ đây ông ở hải đảo Côn Lôn. Từ một nhà ngục biển khơi sóng vỗ, đế quốc lại điều ông lên một nhà ngục trên rừng bao la xanh cái màu xanh có thể là của hy vọng và cũng có thể là tuyệt vọng. Ông thì khuất núi rồi, nhưng người đi vẫn còn để lại một gốc đào. Trên hoang tàn gạch đá và sét lạnh của ngục, còn như vầng thấy ông trước khi khuất đi còn quay lại mà lấy cái câu Kiều đào đông cười gió, với cái ung dung tự tại của một người thật là lạc quan cách mạng, với cái tiên tri bình tĩnh của một người biết thấu đến cái vận hội tươi vui trong hai mươi năm sau này tình Sơn La đây và Tây Bắc tiên lên chủ nghĩa

xã hội. Hắn là đồng chí ta lính cảm cái điều to lớn và tươi sáng kết quả ra hoa ức ức triệu triệu áy, cho nên giữa một vùng dày đặc tối tăm và cùm xích đè con người xuống, mới bình tĩnh mà cảm xuống tác đất dày máu và nước mắt kia một nhánh đào. Và đào trổ hoa. Ngay cả cái thời Sơn La kháng chiến bị chiếm đóng lại, gốc đào vẫn thả tin hoa xuống phố tình xuống chợ tình dưới chân đồi, cái chợ tình bị đóng khung sau dây cáp báng súng to lá to vóc và buồn thiu như một loạt lính Tây chôn đứng.

Tôi lại vòng vào nhà ngực một lần nữa, nhìn vào hết các gian xà lim đá chìm dưới mặt đất núi, cố hình dung những cảnh tuyệt thực chống áp bức của chế độ ngực Sơn La và ngoài xà lim thì công sứ Cút Xô kiêm quản đê lao cho đóng thêm quan tài và định lấy tiếng búa đóng áo quan đê làm áp lực thêm cho sự khủng bố của chúng. Trong khi ấy, đào Tò Hiệu vẫn hút hoi đất máu mà kết dần nụ hoa. Có một điều đáng tiếc là tôi không biết đích xà lim nào là xà lim của chủ nhân gốc đào tiền khởi nghĩa. Nếu biết rõ, thì tôi đã dám phạm vào điều lệnh của quy chế bảo tồn bảo tàng mà bẻ một nhánh đào đầy hoa nhất mà đặt hoa ngay lên cái bệ xi măng lạnh. Tôi liền xuống khu rừng ổi dưới chân núi, chỗ an nghỉ của đồng chí giông đào. Cả hai khu rừng ổi đều là nghĩa địa của tù đày quốc, một nghĩa địa riêng cho thường phạm, một cho chính

trị phạm, đồng bào Thái trước vẫn hay gọi là *pá ôi keo* tu nghĩa là “rừng ôi của người tù Kinh”. Mỗi cây ôi ở đây là một cái bia gỗ tươi, trên mỗi thân bia, đẽ quốc mắc vao một cái lấp lắc khắc số hiệu người tù qua đời. Cũng như mọi người ra ở giữa nghĩa địa nay, người giồng cây đào đáng kính yêu của chúng ta cũng nhận lấy một gốc ôi rừng. Bấy giờ là vào cuối một mùa xuân báo hiệu cho mùa thu Cách mạng.

Đứng trước mộ đồng chí Tô Hiệu nơi rừng ôi, tôi bảo tôi: “Nơi nghĩa trang tiên liệt này, cần có đào. Nếu không nhiều, thì cũng nên có một gốc. Mà nếu quanh đây không bồi đâu ra đào nữa, thì cứ chiết ngay một cành ở chính cái gốc nơi ngực cũ trên kia xuống. Thực ra đất Sơn La không hiếm đào mà chỉ là ta còn nghèo về tinh lăng mạn đó thôi. Đôi với một bắc lăng mạn cách mạng, lấy hoa đào để hiện thực lên cái vui hoa quả xã hội chủ nghĩa của Sơn La thủ phủ Tây Bắc ngày nay, thấy cần có bông hoa ấy trên chữ vang bia đá”.

Ngày hôm sau, tại một công trường đóng gạch ngồi hàng mấy triệu viên một đợt của một đơn vị trước đây sống chết bám đất lăn lộn với địch hậu Sơn La, ngày hôm nay là ngày Tết dương lịch năm 1959 bán lè kê hoạch ba năm, tôi mừng tuổi một cô văn công Tổng cục, cô cũng mừng tuổi lại cho tôi: “Em cũng mừng tuổi cho anh một cành hoa đào ở cây đào Ông Tô hôm

qua". Thị ra đi thăm di tích lịch sử ngục Sơn La qua, cái gì còn đọng lại nhất trong cô diễn viên ca múa vẫn là mấy cánh hoa đào. Có lẽ phải đây. Cái gì còn đọng lại và có lẽ còn đọng lại và bật sáng nhiều ngày sau này nữa, vẫn là cái ảnh hoa đào. Trong ngục để quốc kia còn ngắn ngang rất là nhiều cùm xích, đóng sắt, con tiện sắt khung cửa sắt, dày đến ba phân, thanh nào bé nhất cũng phải hai phân và đen kít một màu sơn hắc ám. Nhưng trong cái thế giới tạo hình mà trí nhớ cô vẫn công ghi lại thì không phải là những nét trùi trùi của con song cửa đen gì mà lại chính là những cánh đào mỏng manh gió thổi bay được. Cái cánh đào trên nhà ngục có đọng tươi sáng trong nhỡn quan tôi vào một ngày năm mới đang nghìn lục muôn hồng trên con đường quốc lộ số 6.

ĐẤT CŨ SƠN LA

Nước con suối loanh quanh ở tinh ly Sơn La chảy qua cầu Bản Giang, chảy qua Bản Cọ, chảy qua Mường La, đến chỗ chân đèo Khau Phạ thì rút vào bí mật, nó chui vào lòng đá núi rồi lại xuất hiện ra ở phía bên kia thân đèo liên tiếp năm cái dốc ngoặt chữ chi gấp góc, và rồi nước suối Nậm Bú cứ thế mà đổ ra bến Ta Bú trên Sông Đà.

Tôi đi theo con suối quanh co và tôi đứng trên hành lang nhà mậu dịch ở mỏm Sông Đà mà nhìn xuống cửa suối Nậm Bú rót ra Sông Đà. Đoàn Trung ương khảo sát tổng hợp về Sông Đà cũng đang nghiên cứu bến Tà Bú. Đoàn gồm nhiều thanh niên, những người chuyên môn hóa về khoáng học về địa chất, về thủy văn, thủy lợi, thủy điện, về giao thông vận tải đường sông; trường đoàn là một đồng chí bộ đội chuyển ngành trước đây đã từng chỉ huy một số cỗ pháo nặng đánh Điện Biên Phủ. Buổi chiều mùa đông Tây Bắc kéo rét bong trên ghềnh Sông Đà bao la hưu

hắt trôi dòng. Đoàn khảo sát đang đem thêm nắng ấm vào cái bến đò rừng trên sông đồng. Tôi nhìn cả đoàn người, trên nét mặt lạc quan xã hội chủ nghĩa của họ và từ thân thái tư thế hăng say công việc của họ ở thực địa, tôi muốn tìm đọc và hình dung ra sự biến đổi sau này của cái bến này hôm nay đây còn là một bến rất ngóng trông con người tìm đến cho đông hơn nữa. Cái đồng đúc hôm nay không thấm gì với khung cảnh mênh mông rậm rịt ở chỗ khuynh sông, trên cái mòm sông cheo leo này. Ở đây, giờ có cửa hàng mậu dịch, có trạm nòng lâm, có trạm thủy văn. Và bên kia cửa suối có nhà tập đoàn của anh em tập kết lên đây làm gõ rừng khoán cho mậu dịch được gần năm nay, có người quê ở Cần Thơ Nam Bộ, có người quê ở bờ Nam giới tuyến Vĩnh Linh, có người đã lập gia đình với chị Thái vùng đây. Tất cả bao nhiêu con người ở đây đã làm cho cái bến này không hoang vắng nữa. Nhất là mậu dịch. Càng lên cao, càng đi sâu vào Tây Bắc càng rời những con đường trực mà đi vào những ngóc ngách sông suối rừng đèo, càng thấy quý mến mậu dịch, nó đúng là cái dấu hiệu cụ thể của chế độ ta. Nó đúng là người mới việc mới đem cây giồng lên đồng rừng, nó đúng là một cái nét gì của sự sống có tổ chức đặt ngay vào giữa những chốn tưởng như là vẫn còn hoang sơ tự nhiên. Có lẽ còn lâu nữa nó mới thật là hoàn hảo, nhưng ở Tây Bắc mà đặt chân vào

cửa hàng mậu dịch, nó vẫn thấy là ám áp. Ở những chỗ chán đèo bờ sông vắng mênh mông gió rừng lá rừng, ở những nơi không có mái lều chợ hoặc phiên chợ, thì cửa hàng mậu dịch tạo cho mình cái không khí chợ người đồng người mà cuộc sống con người có những tiếng động lý thú của mua bán đổi đếm. Cửa hàng mậu dịch Tà Bú vui như một cái chợ chiều họp vội trên mặt ghềnh Sông Đà. Nhưng mà tôi cứ thấy thiên nhiên ở đây vẫn còn tỳ quá. Nhất là cái quả núi bên kia sông nó án ngữ lấy cửa suối. Nếu tôi ví cửa suối bên Bà Tú như một cái cổ chai loe ợc nước dốc ra nhanh hơn nữa, thì quả núi bên kia bờ có khác gì một cái nút bằng đá đóng lại cả cái chai nước khổng lồ đang tắc cổ, ú lại giữa với sông. Chính quả núi phia Ngọc Chiến Hiếu Chai bên ấy tạo thêm cho người bên bến này những cảm xúc ngọt ngạt thiếu chânanoi. Rồi muôn hay không muôn, cứ thấy trí nhớ và trí tưởng tượng đang moi ra vô khôi là hình ảnh cũ của Tà Bú. Ngay cái chỗ mậu dịch cửa chớp sơn màu này, trước đây là nền nhà kho của thực dân chứa những hàng tài từ xuôi lên. Hồi ấy, công sứ Sơn La đặt ở đây một ông ký kho. Người Việt Nam đặt chữ cũng rất nhanh, nên trong một cái xã hội nhố nhăng những tay sai hạng nhất, hạng nhì, hạng bét và hầu như phần nào đa số con người ta vô vê ti chữ đều có thể biến hết thành ra một loạt ký kiếc gì đó của nó.

Thì cái ông ký kho hàng chuyển vận lên kia, người ta liền gọi luôn là ký tài. Cũng như xã hội cũ vẫn thường gọi ký bến ô tô, ký Bôđa, ký rượu, ký thịt bò, ký lục lộ, ký máy đèn, ký cẩm, ký ga v.v... Ký tài nhận đủ các thứ hàng đưa lên do đường thủy. Hồi ấy, người viên chức An Nam đổi lên làm việc thương du, ít nhất một hạn ba năm “haute région” đều được nhận một tháng 30 ký lô hàng họ không mất tiền cước. Hàng đến kho Tà Bú, ông ký tài chuyển cho tù trong tỉnh nhận về cho những ông ký khác. Những gì của sứ của quan to thì mới chờ bằng ô tô lê dương. Còn thì là xe ngựa tù đầy. Ban nay qua dốc Khau Pha thấy có những xe đạp thồ gạo buộc cả một cây cổ thụ để xe khỏi lao xuống dốc, tôi cứ chập chờn nghĩ đến những người tù thời Pháp thuộc đang cho lăn bánh xe ngựa trệu trệu chuyển những món hàng ký tài này mỗi đầu người là ba mươi cân không phải tiền cước.

Bến Tà Bú thời Pháp thuộc hình như lúc nào cũng lố nhố bóng người tù khổ sai chung thân hoặc có hạn. Và từ bến này cùng đã có nhiều chuyến bè, chuyến đò thả xuôi về đòn Chợ Bờ đồn Hòa Bình Hưng Hóa, lính tập áp tải những đoàn người đã mãn han tù lưu xứ Sơn La rồi, nhưng lại con phái đưa về đồng xuôi để chịu thêm cái án quản thúc. Cho đến lúc Tây đã hết thời rồi mà ở bến Tà Bú vẫn còn bóng người tù của các trại giam Pháp. Đế quốc Pháp đã quỳ xuống hang

Nhật một cách nhục nhã, nhưng chúng vẫn còn âm mưu hiềm độc cố giữ lấy những người tù chính trị. Sau ngày đảo chính Nhật mùng 9 tháng ba 1945, Tà Bú đồng nghẹt những anh em chính trị phạm Pháp đưa từ trong tình lý ra đây xuống đò ngang Sông Đà để chuyển sang phía cảng Nghĩa Lộ và nhà tù Yên Bai.

Ở bến Tà Bú đã có bóng đế quốc Pháp đế quốc Nhật và trong kháng chiến, một số cố vấn Mỹ cũng đã làng vàng ở bến này. Những chuyên viên quân sự Mỹ này định nghiên cứu Sông Đà để phỏng xuống máy hạm đội VII từ vịnh Hạ Long lên chặng? Với những tên du côn chính trị vô trang một cách tàn bạo và lố lăng này, không nên đánh giá thấp sự liều lĩnh chí tử của nó.

Giữa sân mậu dịch Tà Bú xinh xắn như cái sân một nhà Mèo, trên lườn sườn dốc, tôi đứng mà nghĩ chuyện cũ, rồi lại nhìn trộm sang những khuôn mặt khôi ngô qua cảm phơi phới tương lai của một số nhân viên kỹ thuật và kỹ sư trẻ trong đoàn khảo sát Trung ương đang đo đạc ở bến Tà Bú. Cùng trong một buổi chiều, cái cũ cái mới đang quấn lấy nhau. Tôi nhìn những anh ban trẻ đoàn viên đoàn khảo sát thấy họ thật là hạnh phúc, không bị vương vấn gì với những cái hình bóng lịch kịch mắt vui của xa xưa, nhất là cái thời cũ ấy lại là của Sơn La tù dày. Tình tuổi một

vài doan viên trong đoàn khảo sát thì những anh em đó vừa chập chững bước mấy bước đầu của đời mình, vừa khóc xong vừa cười xong tuổi hoa niên thì bất gặp ngay Cách mạng như một đai hoa thơm xoe cánh đón lấy tin sớm buổi mai. Thê rồi được gửi đi học, thé rồi về đây kiến thiết Tổ quốc vừa ngậm lại những vết thương chiến tranh. Cho nên tôi thấy rằng không có khách sáo vẫn chương ti gì cả, khi tôi nói rằng trong cái buổi chiều lạnh sòng đông này, đoàn khảo sát ấy đã đem thêm nắng ấm vào Sông Đà.

Họ đã đi từ chỗ Sông Đà chia tay với biên giới Trung Quốc ma nhập cảnh vào nội địa Tây Bắc ta, đi từ trên Mường Tè về. Họ đi khắp thương nguồn hạ nguồn Sông Đà, quý này ở hữu ngạn, quý khác làm tả ngạn, quý khác thì húc vào những khoanh rừng của các nhánh suối chính suối phụ chi lưu. Với đoàn người lảng mạn xã hội chủ nghĩa trẻ tuổi đó, hình ảnh thời gian là cái hình ảnh nước trôi suốt năm trên hệ thống Sông Đà. Đồ đặc ho, tinh ý mà nhìn, thi không còn nghi ngờ gì nữa mà có thể kết luận ngay là một đoàn khảo sát non sông Tổ quốc. Cọc đo, cuộn thương, phao bơi, búa thảm dò đá núi, đèn bão, thước mia, máy kinh vĩ, ống dùm, léu bạt, dầm bảy khâu súng, và rất nhiều rất nhiều ban đồ. Và những cái túi con lủng cùng các thứ đá thư đát khoáng chất lọc ra từ lòng suối ngách sông. Họ nhìn màu sắc nui non không

hoàn toan giống như hoa sỉ diễn ý bằng màu sắc ghép lại trên tranh, mà họ nhìn theo sự phân tích phán đoán của hóa học nhìn màu để phân loại hóa chất các loài kim loại đá. Họ nhìn cục đất mà thấy nó là thời vàng, họ nhìn nước chảy mà thấy lửa sắp cháy. Ở đó rồi đào mỏ, ở kia rồi xây đập thủy điện, dòng nước tự do chủ nghĩa khi tập trung khép vào kỷ luật sự sống thì nước sẽ thay than hồng quay bánh xe nhà máy của Tây Bắc tiến lên. Trong lòng mắt họ, tôi đã thấy ánh lèn nước thác vui; nơi tròng mắt họ, tôi đã thấy bừng lèn những thứ nước lửa đó. Cái đoàn này thật là một đoàn người triệu phú của nhân dân, vì trong lòng họ trong công việc họ, chúng ta thấy tất cả sự giàu có của Tổ quốc ta súc tích tài nguyên. Những cái họ đo được ghi được, những cái họ thâu nhặt được, họ đều trân trọng quý mến, bởi vì việc họ làm đều là phát nguồn từ lòng yêu quý đất nước Tổ quốc. Tổ quốc đối với họ không là một khái niệm trừu tượng, tình cảm non sông của họ thật là những cảm xúc cụ thể. Những con người phiêu lưu có phương hướng đó qua non sông Tây Bắc cùng chính là những con người chủ nhân ông của đất nước ta đang cuốn cuộn những lớp người chủ nhân ông đất nước cẩn cù đi hiệu đính lại bàn kè khai hương hòa già tài và đang soạn thêm những trang sử mới cho dân tộc.

... Một đêm lạnh tiêu hàn, quanh một cái bếp lửa nhà sàn Thái Mường La, tôi định kể lại chuyện Sơn La cũ trước đây cho mấy anh đoàn viên trẻ của đoàn khảo sát nghe. Để cho nó bớt đi cái tiếng gió núi lồng dưới sàn nứa khô. Tôi cứ dứt đè, sợ rằng tuổi trẻ vốn xem thường dĩ vãng, sợ rằng những người bộ hành trẻ tuổi ấy không có thói quen ngoảnh đầu lại trên chặng đường đi tới. Những chuyện đau thương cũ của Sơn La có ích gì cho những anh bạn trẻ địa chất ngồi đây? Tôi tin có, có phần nào. Có lẽ biết đến, thì những hòn đất hòn đá làm mẫu địa chất đang cầm trong lòng tay cũng có thể phần nào đậm đà ý nghĩa hơn. Bởi vì cuộc sống con người ta không phải là chỉ có đất vàng đá bạc mà còn là tình người. Bởi vì dòng nước còn là sự biệt ly hoặc nỗi nhớ mong của con người nữa.

*

* * *

Tôi không rõ mỗi lần các anh qua Sơn La thì các anh nghĩ những gì, riêng tôi thì mỗi lần qua đây, một mặt tôi đào dạt những cảm xúc mới qua những công trình xây dựng của Sơn La đang phát triển, nhưng trong tôi cứ thấy dâng dặc một nỗi vân vương với những người tù bị phát văng lén đây hồi trước Cách mạng 1945. Cái ý niệm địa dư của tôi về Sơn La

không bao giờ tách rời với cái hình tượng chính trị ở người tù biệt xứ lên Sơn La. Từ tình ly ra đến bên Tà Bú Sóng Đà, trong sương núi buổi sớm buổi chiều, tôi vẫn thấy nó chưa tan đi hết cái bóng cái dáng những đoàn tù thời Pháp thuộc.

Tỉnh ly Sơn La hai mươi năm trước đây có thể gọi là cái tỉnh của công nông và trí thức cách mạng, của những người tù chính trị bị đế quốc phát văng lên cho chết mòn trên đường rừng. Bờ suối Bản Giang là cái bến tắm của người tù, cứ tuần lè hai lần quẩn ngục Sơn La cho tù ra tắm ở cầu Bản Giang. “Anh cá” hồi ấy làm anh-phia-mê để lao, luôn luôn có mặt ở bờ suối Bản Giang để tắm thì ít mà chính là để thực hiện một số công tác của chi bộ nhà tù. Có nhiều khi vừa tắm gội vừa té nước cho nhau vừa là cuộc hội ý chớp nhoáng tổ Đảng của chi bộ nhà tù. Nếu trong lịch sử thành lập các Đảng mác-xít lê-nin-nít trên thế giới, Đảng chúng ta đã thắc sinh giữa một sân cỏ hải đảo Trung Quốc bị gán nợ cho đế quốc Anh Cát Lợi, nếu có một lúc lịch sử nào đó mà Đảng chúng ta đã chính thức cất tiếng chào vô sản quốc tế trên một bãi bóng đá ngay giữa cái bối cảnh thể thao rồi mắt đế quốc đá gãy xương ống nhau, thì ở chỗ nước suối chân cầu Sơn La này, đã có những người tù cộng sản Việt Nam đi tắm để mà bàn tính những chuyện ngoài việc tắm giặt thông thường. Từ báo tay bí mật “Suối Reo” đã có

những bài được cầu từ ở quặng suối tắm này. Và “Anh Cá” thì ra đào ở chân cầu bờ suối tìm những cái hộp sắt trong đó bao giờ cũng có những tờ báo tin mới nhất gửi từ Hà Nội lên. Đã ba năm liền, “Anh Cá” đã theo dõi tin tức phong trào khắp nơi qua cái hòm thư cách mạng đặt ở bờ suối. Và đúng như thế “người ta không tắm hai lần ở cùng một dòng sông”, người tù chính trị Sơn La luôn luôn tin tưởng phong trào lúc này có thể xuống để rồi lại dội lên mạnh hơn, sự đói đói có phải mãi mãi chỉ là một cái ngục Sơn La, và thời gian và nước suối Sơn La bao giờ cũng ủng hộ những hoài bão của những người cộng sản đi tù mạn ngược. Chính mõm công sứ Sơn La Cút-xô chính mõm tên thực dân cầu nho ấy có lúc đã ba dọi mà trắng trợn nói với một người tù chính trị đang cầm bay trát xi-moong xây tường đá hộc nhà tù: “Mày cứ làm cho thật tốt cái nhà này, có khi rồi tao ở cũng chưa biết chừng!”. Dòng nước suối Nậm Bú chảy qua cái hòm thư bí mật của “Anh Cá” đặt trong lòng chân cầu Bán Giang giữa tinh ly Sơn La. Dòng suối chảy qua Bản Co, qua làng quê hương anh Lò Văn Giá, người thanh niên kôm-xô-môn Thái Đen đầu tiên của phong trào cứu quốc Tây Bắc. Dòng suối ấy vẫn quanh co chảy men theo những gốc ổi rừng quanh ngôi mộ anh Lò Văn Giá bị đế quốc xử tử năm 1943 vì đã đưa đường cho những người cộng sản vượt ngục Sơn La về hoạt

động lại ở dưới đồng bäng. Dòng suối ấy chảy qua Mường La, quê hương của hai em Yêu và em Quý được làm con nuôi của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trong những năm Kháng chiến.

Quê hai em Yêu và em Quý nguyên là một trong khu căn cứ cũ của tỉnh Sơn La, sau địch càn quét khủng bố, hai em cùng mẹ dắt nhau chạy giặc. Nhiều gia đình Thái không chịu ra hàng giặc cùng chạy cả ra phía Sông Đà. Nhưng gia đình Yêu và Quý lạc trong rừng, mẹ chết đói giữa rừng, và căn cứ Phiêng Búc bồng thành khu trảng. Bộ đội hoạt động bí mật trong khu trảng đã gặp hai chú, một chú tay vẫn cầm cái thuồng đào cù mài lười đã mòn hết và nó là cái của gia bào duy nhất còn lại. Bộ đội nuôi, rồi tình ứy bí mật nuôi. Các chú làm liên lạc rồi được Bác cho đi học nước ngoài. Chỗ Mường Chùm quê hai “em bé Mường La” cách tỉnh lỵ một ngày đường, cũng trên con đường ra Sông Đà, rẽ ngang trên lối ta đi ra bến Tà Bú ấy.

Trong kháng chiến, sau khi được giải phóng rồi, Sơn La vẫn còn nhiều đau thương. Đau thương do địch gây ra thì rất nhiều, tính đếm ra không xuể. Nhưng đau thương do chính ta gây ra, không phải là không có. Xin lấy ra một chuyện dân công trong thời gian làm con đường Yên Bái-Tà Khoa chuẩn bị đánh Điện Biên Phủ.

Sau 1952, Nghĩa Lộ giải phóng rồi bên hữu ngạn này cùng giải phóng nhiều vùng, Sơn La cũng giải phóng nhiều vùng, mặc dầu địch vẫn còn đóng ở Nà Sản và các núi bao quanh đó. Ta khôi phục đường 13 để chuẩn bị đánh thật to trong Điện Biên Phủ. Đường 13 năm đầu Kháng chiến ta đào cát chữ chi hoa mai, nay đắp lại nắn lại và mở thêm nối thêm một số cung đường từ ngã ba Phố Tạo, nối cánh đồng Tác ra đến bến Sông Đà, rồi bắt sang ngã ba Cò Nòi. Anh chị em Thái Đen tỉnh Sơn La sâu sắc mang trong lòng cái thù đế quốc nên rất nhạy bén về ý nghĩa chính trị của công tác làm đường 13, và hưởng ứng rất đông. Anh chị em Thái Đen xung phong vượt Sông Đà sang Mường Phù Yên đắp đường ngay từ những đợt đầu hồi tháng tư 1953. Anh chị em đều gọi là đi làm đường cứu quốc để bộ đội ta giải phóng nốt tất cả bán mường Tây Bắc. Anh chị em xung phong quá cà cái mức 1.000 người trên định lấy sang. Anh chị em đều ở những dãy núi và thung lũng rất khác nhau, nhưng từ địa điểm tập trung rồi vượt Sông Đà, sang tới phân đường của mình, bình thường đi mất bảy ngày, có chặng khó còn phải lấy đêm làm ngày. Hành trình của ngàn anh chị em Thái Sơn La sau dội ra thanh mười ngày mới tới công trường 13, vì bị địch gây khó khăn. Nó bị thương nặng rồi, nhưng nó vẫn còn hung ác như hổ báo rình trong núi đá rừng gianh, no không

cắn được bộ đòn đồng và khỏe, nó lén cắn vào dân công, nó xông ra cướp mất muối gạo của anh chị em. Nó làm 1.000 người phải vừa đi vừa chạy vừa đào cù mài ăn đương. Chạy địch nhưng vẫn giữ được cái thuồng, người Thái Sơn La đã quen chạy địch, gọi cái thuồng là “cót thóc”, có cái thuồng là có sống, có cù mài, có cái thuồng là không phải ra hàng nó. Đến địa điểm đú 1.000 người. Công trường liền hỏi anh chị em nguyện vọng là gì, dân công Sơn La đồng thanh có một nguyện vọng: xin công trường cấp cho 25 kilô gạo để bù vào chỗ gạo phải lấy ra ăn thêm ở dọc đường gấp địch. Thấy dân công Sơn La tốt và giàn dị, một số cán bộ công trường 13 coi thường dân công địch hậu Sơn La vừa giải phóng. Họ cho anh chị em đóng ở những quãng xa vắng khó liên lạc, gạo muối tiếp tế đến thường bị thiếu và lâu lâu mới lại có. Thuốc men cũng hay bị quên. Sự buồn nản trong những dây lán dân công Sơn La gậm nhám dần cái tâm hào hứng. Dây lán dần công Sơn La cứ veo xiêu dần, và số người ốm tāng dần. Một anh cán bộ một hôm mưa to bên suối lù đăt tai dân công Sơn La. Lần khác, anh cán bộ không trực tiếp đánh, nhưng sai một dân công khác đánh tát một vài người nữa, rồi anh chỉ chửi mắng thôi: “Đánh cho chết những đứa ngu bướng đi”. Sợ quá, lo quá, nán quá. Sau đó nửa tháng thì là hết gạo, người khỏe chà còn bao nhiêu. Cán bộ cho

anh em Sơn La đi lấy gạo, lại điều lên những chỗ kho xa nhất, cách lán mìn ở hàng trăm cây số, mà chả giải thích thêm gì cả. Đến nước này thì chỉ có đi trốn thôi. Cả một nghìn người đồng lòng như một đơn vị. Trước khi xin về dù chưa có sự đồng ý nào của trên, anh chị em không có tơ hào tí gì của công, xếp nguyên vào kho tất cả những hạt muối hạt gạo vương vãi. Tất cả xèng cuốc dao cũng gửi lại đủ hết. Mưa to quá. Đêm, suối lũ, nhưng cứ dù nhau mà về cho được bên đất Sơn La, cả nghìn người cứ dù nhau đi cho đến gần sáng. Ba trăm người yếu chật bị suối cản lại, và cán bộ công trường đuổi theo kịp, đưa về làm đường như cũ. Ba trăm người dân công không “vù” được này, đắp đường không thấy giống như cái hồi còn cả 1.000 người cùng thích làm. Họ vừa làm vừa sợ hãi và chờ đợi những cái không hay.

Sau biến cố ấy, xuyên qua tỉnh ủy và đoàn thể va chính quyền Sơn La lúc ấy đóng ở gần Suối Sập, công trường đã liên lạc với số anh chị em dân công tự động bỏ về. Bảy trăm người ở tản mạn, vậy mà tập trung lại đủ hết, trừ một số ít ôm đau quá.

Trước mắt cả nghìn dân công Sơn La, cán bộ khuyết điểm của công trường đã dũng cảm đứng ra nhận lỗi với dân công Sơn La. Anh chị em cũng rất có độ lượng với những đoạn kiểm thảo của cán bộ. Nam nữ dân công cũng nhận lỗi. Trong hội nghị sơ kết của

công trường 13 hồi tháng sáu 1953, nghe báo cáo những việc xay ra quanh lán dân công Sơn La, nhiều người rơi nước mắt, trong khi một số anh chị em dân công Sơn La vẫn nói tiếp: "Cái Chính phủ Cụ Hồ tốt, chỉ cán bộ đánh dân công nó không tốt, nó làm sai. Cán bộ nó bảo rõ bảo đủ thì tao không bỏ về đâu".

Sau này, lúc làm xong đường, ai cũng phải nhận rằng cái phần đường chia cho dân công Sơn La đắp là cái phần đường tốt nhất, là cái mặt đường đẹp nhất của toàn công trường 13. Hồi cuối 1953, nào ai đã biết cụ thể thế nào là tiêu chuẩn cấp phối độ cong độ dốc ra sao. Cho nên nhiều anh là cứ phải làm lại tất. Anh chị em dân công Sơn La làm xong rồi về cẩn bản đoạn đường, nhưng vẫn thấp thỏm không biết mình rái có đúng tiêu chuẩn không, hay là phải làm lại, công đầm sau này lại nhiều hơn công đắp? Lớp đá hộc ném như thế đã dù lót chát lòng đường chưa nhỉ? Đợi mãi mà không thấy đồng chí chuyên môn đến. Đợi ngày rồi lại đợi cả đêm. Đợi trong lán, đợi cả vệ đường. Đợi ở ngoài ven đường, thế mà đỡ sot ruột hơn, vì được xem cơ giới ta, ô tô ta, đèn pha nó quét loé ra một cái là góc rừng gốc suối như xòe múa cả lên. À, mà cho ô tô sáu bánh mười bánh chờ đợi bắc nặng nó khám nghiệm nó sơ bộ thử đường cho mình là tốt hơn hết. Vết bánh đoàn xe cơ giới nặng chờ pháo qua Sông Đà vào đánh trong Điện Biên, vết bánh nặng in hàn

xuống lén xuống mặt đường mới đắp chỗ lún xuống chỗ lồi vọt lên. Dân công Sơn La đêm đêm cứ ra mặt đường ngồi xóm bên những gốc cây hốc đá mà nghiêm nghe xem đường của tiểu đội nào lồi lên, của trung đội nào lõm đi, bánh cơ giở lán đèn đâu là họ reo hò lên đến đây. Cũng có những đêm giăng súng tàu bay nô áp đến thả bom phá đường, một vài anh chị em bị thương vong. Không cần chờ có cán bộ chính trị đến củng cố tinh thần, những người làm đường cứu quốc quê ở Sơn La đã tự giải quyết tư tưởng cho nhau: "Ta làm đường cũng là giết giặc, ta ra làm đường là tuyên bố đánh nhau với Pháp đây. Đánh giặc là có thương vong, dân công ta cũng góp phần xương máu. Bộ đội đem súng ca nòng sang sòng vào tận Mường Theng còn đổ nhiều xương máu hơn dân công. Anh chị em dân công Sơn La chúng ta càng nên tích cực để ủng hộ chính phủ ta quang đường này thật tốt". Đêm đêm đoàn xe cứ đi qua, lún chỗ nào, lồi chỗ nào, anh chị em tự động mà điều chỉnh lại nền mặt đường. Cho đến lúc có cuộc kiểm nghiệm chính thức của bộ phận chuyên môn, thi phần đường của 1.000 dân công Sơn La ưu điểm và được thu nhận ngay. Trong giai đoạn sau này, đồng chí cán bộ trước đây quan liêu hách dịch đánh đá mang mồ anh chị em Sơn La thì nay cùng quyết tâm sửa chữa lâm lỗi, đi sát dân công Sơn

La và được công trường tuyên dương là cán bộ tích cực của đương 13.



Không kể những con đường mòn trên các triền núi từ phía đồi vào tinh như là nước đổ về chỗ trũng, chỉ tính đến những cái to có rải đá, thì đường cái lớn tiến vào trung tâm tinh ly Sơn La có ba đường. Một đường từ phía Lai Châu xuống, qua Tuần Giáo Thuận Châu. Một đường từ dưới xuôi tiến lên, qua Suối Rút Mộc Châu, ngã ba Cò Nòi, Nà Sản, Bản Giang. Và con đường thứ ba là từ phia Sông Đà tạt vào qua Mường Bú qua đèo Núi Vách qua Bản Cà, Mường La, Bản Lâu. Khác với những lần cũ qua lại Sơn La bằng con đường quốc lộ số 6, lần nay tôi đi dọc theo đoàn khảo sát ma vào tinh bằng con đường từ Sông Đà vào, cứ đi ngược con suối Nậm Bú mà vào.

Đồi đường đi, nó vẫn cho mình thấy thêm khía cạnh cuộc sống Sơn La, dù khía cạnh ấy vẫn là những nét cũ của cuộc sống cũ. Dùng con đường Tà Bú mà vào tinh, hình như tôi có thêm một dịp để thấy rõ hơn nữa cái tâm địa bản chất để quốc thực dân Pháp. Con đường núi từ Tà Bú vào, dài ba chục cây số, cách tinh hai cây qua tràn ruộng đồng đúc Mường La, rồi con

đường chiếu thẳng vào một cái công trình kiên trúc dựng lù lu, trên một quả đồi khống chế ca tinh. Đây là một khu vực lâu đài xây bằng gạch bêng đá, có đủ cả tòa sứ, trại lính khổ xanh khổ đỏ, và khóm đê lao có đủ tường trong vách ngoài, tất cả đều sáng lồm lòp một màu với vàng hành chính của dinh thự thuộc địa ngày nay đã hoàn toàn xuống hết màu sắc. Nhất là khóm đê lao ngực tối còn lêu nghêu những cái vọng gác cứ mười lăm phút lại liên tiếp gõ những tiếng keng canh tù trong những đêm ngày chưa có Cách mạng mua thu. Bản Lâu đây là nơi tù hay đi làm rừng. Sau thời kỳ thẳng tay đàn áp phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương do Đảng Cộng Sản Đông Dương lãnh đạo, đế quốc thực dân đây những người cộng sản Kinh lên Sơn La, phát triển và củng cố thêm ngực Sơn La. Và một mặt khác, mở rộng phản tuyên truyền và đẩy mạnh sự xuyên tạc chủ nghĩa cộng sản, bôi nhọ chân dung những người cộng sản Kinh. Thực dân phổ biến cho lớp phia tạo bản lớp Thái trên, rồi bọn này đi nói với khắp nhân dân Thái: "Cộng sản là phản thày phản bạn phản bản mường. Cộng sản là như thế nên nó bị làm nha pha, nó như hồ như trán nên nhốt nó ở nha ngực trên đồi cao". Một hai ông giáo hồ lơ vùng xuôi lên gõ đầu trẻ "ba nam thương du nước độc" cũng bị nó cho ăn nhảm và lắp lại thè ở trường tỉnh Sơn La. Hồi ấy đang "phong thủ thu

động” giữa chiến tranh thế giới lần thứ hai, đế quốc cho một số tù chính trị đến đào hầm trú ẩn bom Mỹ, bom Nhật giữa sân trường phổ thông Sơn La. Những người tù đang viên và cảm tình Đảng đã tranh thủ dịp tốt, tổ chức những cuộc nói chuyện với thanh niên học sinh Thái, nói rõ về phẩm chất người cộng sản, về chương trình đuổi giặc Pháp và dựng nước mờ nước Việt Nam của người cộng sản. Và đậm lại những luận điệu vu khống của đế quốc thực dân cùng phà tạo phong kiến. Cuộc nói chuyện đã kích thích tám lòng yêu nước ghét xâm lược vốn sẵn có của tuổi trẻ Thái. Nhiều học sinh Thái Đen đã xúm quanh những người tù đang nói chuyện ở giữa sân pờ-rê-ô, chữ Kinh chen lấn chữ Thái. Những buổi nói chuyện hấp dẫn lôi cuốn cả đám tuổi trẻ nhà trường. Một vài ông giáo Kinh cũng muốn bảo học sinh làng xa đi kèo trở lại làm lụy đến thầy, nhưng xem ra cái ông giáo ấy cũng không dám cấm đoán học sinh ra mắt. Cho nên thầy giáo ấy vừa quay gót, thì học sinh lại vẫn tiếp tục nghe.

Đế quốc một mát mờ mang cõi nhà tù, một mạt phản tuyên truyền. Tôi nghĩ rằng khi đế quốc chọn cái ngọn đồi cao giữa tỉnh Sơn La mà đặt nhà tù trại cấm cõi hàn là phải có một dụng ý tinh vi. Tôi cho rằng nó định làm như thế để đạt tới một kết quả tâm lý nào lợi cho nó. Hình như thực dân đã báo khu nhà ngục trên đồi rằng: “May không phải nói gì thêm. Tao

năn ra mày, tao dựng mày lên, tao đặt mày ở đây. Mày cứ vĩnh cửu mà đứng đây như kiềng đế quốc Pháp ba chân. Để cho người Thái làm ăn dưới phố Chiềng Lè kia, để cho tất cả người Thái khắp các nơi thượng du đi qua đi lại con đường Sơn La được trông thấy mày cho rõ. Ban đêm, người bộ hành cũng phải thấy mày, mày là uy thế của nhà nước Bảo Hộ đặt trên núi rừng này. Tao đã công phu chọn chỗ cho mày. Mặt giờ mọc, nhô lên một cái là đã phải chiếu rõ vào cổng chính mày. Mặt giờ lặn rồi nhưng mày vẫn còn đủ tia nắng chiếu, nắng chiếu vẫn rọi ngang cái hông bên trái mày nó là cái chỗ có hầm chìm giam bọn cộng sản trọng án. Tao sẽ cho mày một số súng một số lính. Mọi người ở đây hoặc qua đây, sẽ ngày ngày được trông thấy dong nhan mày, sẽ cúi đầu xuống mà kính sợ mày. Sự có mặt của mày sẽ luôn luôn nhắc họ rằng chờ có đi theo những bọn phiến loạn đang nằm chờ chết ở lao này. Theo cái đám cướp giặc ấy rồi nghĩ và làm bậy như chúng nó, thì mày cứ mở cửa mày ra mà lôi tuột chúng vào. Sự im lặng của mày rất được sự kiêng nể của tỉnh này. Mày im lặng nhưng mày hùng hồn lắm, mày đã có công tuyên truyền đắc lực cho công cuộc trị an bằng đàn áp của nhà nước thực dân Pháp đó, mày à”.

Tôi đi từ phía Tà Bú vào tỉnh, thấy nhà ngục trên đồi đã ló ra từ đằng xa như là một cái phù chuẩn hiện

ra từ một chân giời chính trị cũ. Nó ác vô cùng. Cái quan niệm kiến trúc đó ác không kém gì cái cách bày ra những Hội đồng Đề hình từ 1930 trở đi. Nhưng thực dân đế quốc đã tinh sai bét cả. Những hình thức để đàn áp cũng như những nội dung khủng bố đều không có tác dụng đối với người cộng sản bị cầm cố trong nhà ngục Sơn La. Chi bộ nhà tù Sơn La vẫn hoạt động mạnh, sự lãnh đạo của chi bộ nhà tù vươn ra cả đến cuộc sống ngoài giới hạn nhà tù. Đã có những người thanh niên Thái cảm tình với Đảng, và chính những quân chúng này lại là những người không ngày nào không trông thấy công đê lao mở rộng luôn luôn trên đồi tỉnh Sơn La. Tờ báo tay “Suối Reo” của tù chính trị vẫn chuyển từ xà lim tới tay những học sinh những thanh niên các bản mường ngoại ô tỉnh ly. Cho đến sau này nữa, tờ báo in li-tô “Cờ giải phóng” đưa từ đồng bằng lên, vẫn đều đến tay thanh niên Thái. “Suối Reo” nhiều thơ ca. Hình ảnh trung tâm của thơ ca “Suối Reo” là những người bị tù dày vì chính nghĩa, những cô thanh nữ và những bà mẹ Thái cảm tình với chiến sĩ cách mạng: “Suối Reo” cho mây bay cho hoa nở cho cây rừng Sơn La ra chồi lộc mới. “Suối Reo” còn phản ánh lên những gương yêu nước bất khuất như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, ông Đội Cấn, ông Đội Quyên. Học sinh

Thái học thuộc lòng rồi lại dịch ra chữ Thái tiếng Thái mà phổ biến đi.

Hồi ấy chi bộ nhà tù thành lập chính thức năm 1940, và đến năm 1942 thì đã xuất hiện tổ “*Tày nòm chát mường*” tức là tổ “Thanh niên cứu quốc Thái” nó cũng tương tự tổ chức Thanh niên Lao động các dân tộc Tây Bắc bây giờ. Bí thư chi bộ nhà tù lúc ấy là đồng chí Tô Hiệu. Công tác của chi bộ nhà tù nêu rõ các mặt binh vận, công tác dân vận, và công tác bem. Đồng chí bí thư có viết ra thành ba cuốn sách đúc lai những kinh nghiệm đó. Về binh vận, chủ yếu là gây cảm tình từ lính đến cai đội chánh phó quản trong hang ngũ lính khổ xanh, gồm cả binh Kinh và binh Thái. Từ khổ xanh lại bắt mối đến khổ đò. Và công tác binh vận còn phát triển ra phía Bản Giang, chõ lò gạch ngày nay của công trường 62 đóng ra hàng triệu hàng triệu viên làm thành những tường nhà gác của Sơn La đang dựng tinh mới thủ phủ mới. Hồi Pháp thuộc Bản Giang đóng một cơ linh Lê Dương của Trung đoàn REI thứ 5.

Về dân vận, đối tượng thuộc nhiều thành phần xã hội. Có những công nhân máy đèn, ký tá nhà thương, phán thông tòa sứ lục lộ, học sinh trường tỉnh, bác tài anh ét ô tô hàng, ô tô con, thợ may, hàng xén, hiệu phở. Nhất là những người dọn hàng quanh chợ quanh phố Chiềng Lè. Kể cả một số Hoa kiều ở khu đồi sát

chợ vẫn buôn thuốc phiện lâu theo đường dây ra Đông Hưng Mông Cái. Chỗ nào xã hội Sơn La bao quanh lấy nhà ngục, người tù cộng sản đều cố gắng với tay tới. Dọc đường phố tình và ở nhiều bàn, người tù chính trị biệt xứ đều dần dần được thêm mài cảm tình. Ngày ngày, tù chính trị đi làm cỏ vê nhà sứ nhà cầm tây, làm bồi, làm bếp, làm vườn rau, cắt cỏ ngựa, làm gạch, đồ thùng rác quét chợ quét phố. Những việc hình dịch nhà pha ấy, người tù chính trị lại còn xin lấy mà làm để càng thêm điều kiện gần gũi nhân dân bên ngoài để tiến lên gày cơ sở. Bà con nghèo ở phố ở bản rất thương người tù chính trị. Từ chỗ thương yêu kính trọng rồi đến chỗ nhớ mong. Có những ngày không thấy những cái xe nước và đoàn tù đầy xe nước lên ghi xe nước xuống, là nhiều người ở phố đã ngong ngóng lên phía dốc núi thẳng lén nhà ngục. Có những tốp tù năm ba người đi cắt cỏ ngựa đi ra phía Bản Lầu Bản Cọ Bản Cá. Do binh vận khá, những thày quyền mặc cho tù muốn cắt ở đâu thì cắt, thày quyền ghé vào nhà sàn đánh chén và ba hoa với các cô Thái. Trong khi đó, người tù cộng sản phản tán đến các nhà nói chuyện với nhân dân. Người không có trách nhiệm đi tuyên truyền thì nhanh tay cắt cỏ cho nhiều, xong cái gánh cỏ của bản thân mình, còn phải có cỏ cho những đồng chí khác đang giác ngộ quần chúng quanh đó. Muốn cho lính yên tâm, anh em còn để lai

một người tù con tin ở luôn luôn cạnh thầy quyền, và lúc ra về thì người tù con tin của thầy quyền cũng có riêng một gánh cỏ bó sẵn. Đến đúng ngọ, cùng gọi nhau về đê lao. Những gánh cỏ long tong qua phố Chiềng Lè. Ngày ngày tháng tháng cỏ cứ đưa về nhà lao và ánh hưởng cách mạng cứ lan rộng mãi ra ngoài tỉnh. Đến năm 1942 thì Đảng xây dựng được tổ Thanh niên Cứu quốc Thái. Và người kôm-xô-môn Thái Đen đầu tiên được giác ngộ cách mạng là đồng chí Lò Văn Giá.

Lò Văn Giá là một thanh niên thích cách mạng ghét Tây áp bức từ trước khi được làm người “thanh niên cánh tay phải của Đảng”. Để có thêm phương tiện ăn học, anh làm người thư ký giấy tờ cho một tên lý trưởng miền núi mù chữ. Anh Giá vui tính nhưng điềm đạm, linh lợi mà kín đáo. Lần ấy Đảng giao cho anh Giá trách nhiệm chuẩn bị lương khô, một số thè cũ thuê thân, ô mũ nón, áo quần cải trang và nghiên cứu đường đi cho bốn đồng chí Đảng sắp vượt ngục Sơn La, theo nghị quyết của chi bộ nhà tù nhận định phong trào Việt Minh ở ngoài và ở xuôi đang phát triển mạnh và đang cần có cán bộ. Anh Giá chuẩn bị hàng tháng mà không lộ ra ngoại một tí gì. Hẹn gặp nhau ở một ngôi mà Thái cách nhà ngục không xa lắm. Hướng vượt ngục là đi ra phía Sông Đà, đường ra Ta Bú. Hướng của Đảng bộ nhà tù vạch ra cho

những đồng chí lên đường là phải vượt Sông Đà, vượt ở quang Tà Bú hoặc Tà Chan mà qua vùng Mèo Lao Hú Ván, qua Nghĩa Lộ, vượt Sông Hồng, Sông Lô, Sông Công và liên lạc với bên cơ sở Thái Nguyên. Tôi 1-8-1943, quản ngục Gabory thấy tù chính trị họp nhau kỷ niệm ngày “Chống chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc” cũng cho đó là những cái sinh hoạt nhố nhăng thường lệ của bọn chính trị phạm, không có gì lạ cả. Sau đó hai đêm, thì bốn người cộng sản quan trọng đã tự động ra khỏi nhà ngục không cần có ý kiến gì của bắt cứ quản ngục đế quốc nào. Và đúng như đã định trước, đồng chí Lò Văn Giá đã chờ sẵn bốn đồng chí Trần Đăng Ninh, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Văn Trân, Lưu Hiểu ở cái mà Thái giữa rừng đó. Trời mưa cái thứ mưa quen thuộc của Tây Bắc trăng núi trăng rừng. Xuyên qua thứ mưa ấy, một đoàn năm người Thái cả thật lẫn giả chia làm hai tốp mà tiến nhanh ra phía bến Tà Bú. Sông Đà chỗ này lũ đổ về to lắm, không sang được. Rẽ xuống phía dưới Tà Chan cũng vẫn không sang được. Lại cứ phải rẽ ngang xuống nữa, chuyển hướng đi đường 41 vậy. Sau khi rẽ qua khu người Xá Pu Ten bắt ra dốc Chiềng Đông, loạng quạng mưa rừng, đụng cà vào tay chân của giặc ở Châu Yên Châu Mộc. Cái đáng quý nhất là sự tinh táo đầy quả cảm và biến báo của những người cộng sản lúc lâm nguy. Anh thanh niên

Thái Lò Văn Giá dẫn đường cũng phát huy cái tác phong bình tĩnh đó. Nhưng đến Suối Rút, tức là 113 cây số cách Hà Nội có ngục Hòa Lò, thì tất cả đều không bình tĩnh nữa. Suối Rút là đoạn đường chia tay nhau, người vượt ngục đi về đồng bằng, và anh bạn chiến đấu trẻ tuổi Lò Văn Giá quần chúng cảm tình nồng nhiệt của Đảng Cộng sản Đông Dương thì lại một mình trở lại đồng rừng. Cái đêm Suối Rút đó cũng là một đêm phải gọi là dài. Chợp được mắt ti nào, cũng cứ thấy xiết chặt tay nhau cả trong giấc mơ. Anh kôm-xô-môn Lò Văn Giá nhầm trong đêm dài tất cả những công việc và kinh nghiệm đối phó với đế quốc vừa được truyền lại cho từ hồi nãy. Trở về tới Bản Cọ, anh Lò Văn Giá bị địch phục sẵn ở nhà bắt đi ngay. Ngày 3 tháng tám 1943, sau khi ran lên cái tin bốn cộng sản đã trốn thoát, đế quốc phong kiến đánh dây thép bồ vây, sục sạo các vùng và về điểm danh ngay ở Bản Cọ. Một tạo bàn báo là thấy Lò Văn Giá đi ra phía Tà Bú với mấy người lạ lắm. Đồng chí Giá liền nâng cái gông cả một cây tre đực dài hàng sải để khỏi nghẹt cổ và trả lời chúng: "Tôi thỉnh thoảng có buôn thuốc phiện lậu và quan hệ với Hoa kiều. Mấy người Hoa kiều đó trả tôi tiền và tôi có đưa họ đi đường tắt qua rừng. Tôi đã đưa họ qua đường tắt sang phia Nghĩa Lộ". Đế quốc liền bàn kín với phong kiến Sơn La là bit kỹ việc Cộng sản liên lạc

chặt chẽ với thanh niên Thái, thanh niên Thái đi theo Cách mạng, phải bịt ván đề chính trị mà xoay nó sang thành ra một vụ án thường, vu cho đồng chí Lò Văn Giá ăn trộm trâu bị bắt giam. Và ám mưu thù tiêu, giao cho cai đồng Quàng Văn Bánh thi hành. Một buổi nó đưa anh Giá ra cái mả Tây ở Mường La làm cỏ về sửa sang nghĩa địa Tây sắp có lẽ viếng mồ. Cai Bánh chỉ cái bụi rậm có những cây ổi chín quả, bảo anh Giá trèo mà bứt ổi. Hôm đi hái ổi đó, anh Giá hai mươi ba tuổi. Quả ổi rừng đã buột khỏi bàn tay anh Giá. Một phát đạn của Cai Bánh xuyên qua ngực anh Giá, vết đạn từ phía đằng sau dưới thắt lưng xuyên lên và phá vỡ chỗ ngực gần cổ. Vậy mà để quốc giải thích là bắn tú chạy trốn mà nó nghe được đấy? Thêm nữa, gông dài hàng sải nặng vướng, bảo là chạy thoát, sao mà thông được? Thằng Tây ác, hèn, nhưng lại còn ngu và tưởng nói gì ai cũng nghe ra thế cả.

Tôi qua Sơn La mấy lần đã được nghe về anh kôm-xô-môn người Thái đầu tên là đồng chí Lò Văn Giá. Vừa rồi mới có dịp thăm mộ. Cái nghĩa địa quan hai Tây có những gốc ổi tang chứng của vụ hành thích hèn nhát đối với đồng chí Lò Văn Giá, bây giờ đã đổi khác đi rồi. Chỗ ấy giờ thành một cái lò gạch đúc gạch dựng tinh Sơn La mới. Và chính mộ anh Lò Văn Giá cũng chuyển về phía Bản Cọ làng quê anh gần đây. Ngôi mộ cái táng đặt vào giữa một vùng hợp tác xã.

Phụ nữ dệt vải ở đây có đến trăm gia đình, vừa dệt vừa hát những câu hát mới, và không thấy nữa những câu hát cũ như câu than thở về ổi rừng, “quả ổi biến thành quả lựu, người yêu của mình thành ra người của bán xa”. Nay, hình như quả ổi rừng gốc ổi rừng Sơn La có một cái gì có thể là phong phú lắm đây nhưng tôi chưa tìm ra được hé tý, và mong rằng nó sẽ như những cánh giòi rừng sẽ hiện ra từ những hình ảnh thơ ca cũ dân tộc Thái Mường La có ai đây khai thác và phát hiện hộ cho.

Từ sau kỳ vượt ngục đánh dấu sự đoàn kết chiến đấu Kinh và Thái đó, chi bộ nhà tù không những không bị vỡ lở, mà còn đẩy mạnh thêm các mặt công tác Đảng. Đồng chí Tô Hiệu vẫn đau nặng, đã viết dẫn chúc thư để lại cho chi bộ và nghị hàn công tác vào ngày 7-3-1944. Một năm sau ở một khu rừng ổi sau quả đồi. Những gốc ổi *pá ổi keu tu* (rừng ổi tù Kinh) này cũng như gốc ổi quanh mộ cũ anh Lò Văn Giá, không tìm thấy nữa. Nhưng trong ngục Sơn La vẫn còn lại những gốc đào Tô Hiệu vừa rồi đây được lên một tấm biển “di tích lịch sử”. Kỳ niêm “Ba mươi năm thành lập Đảng”, một buổi chiều mùa đông, cán bộ và nhân dân Sơn La đã lên thăm nhà ngục lịch sử, thăm mộ đào chí, thăm gốc cây lịch sử nở những nụ hoa đào, và nghe kể lại một số chuyện hoạt động của Đảng bộ nhà tù từ 1940 đến 1945. Chiều hôm ấy có

giǎng sớm đã lấp ló đầu non Sơn La. Thoáng cái bóng giǎng ấy, lại nhớ đến một đêm giǎng thề cũ ở giữa ngục Sơn La. Tôi nghĩ rằng nếu tôi được cái hân hạnh làm một anh chị nhân viên hướng dẫn các đoàn tham quan di tích lịch sử của Cục Du lịch, thì tôi sẽ dựa trên một sự việc có thật mà phát triển “thuyết minh” cái ánh giǎng ngàn đó, đại khái như thế này: “Ở giữa nơi tôi tăm tù ngục này, chúng ta càng thấy cái phẩm chất toàn diện và thấy thêm cả cái khía cao nhã của người cộng sản. Để quốc phong kiến càng đả kích càng biếm họa xuyên tạc chủ nghĩa và con người cộng sản quốc tế cùng là con người cộng sản Việt Nam, thì thời gian càng dựng lại cái chân dung chân chính của người cộng sản: uy vũ không khuất, đói khó không chuyển lòng, thành đạt không kiêu sa; không chủ trương chiến tranh nhưng lúc cần phê bình võ trang để sáng tỏ chân lý khoa học thì không mặc cá giọt máu mình. Cuộc sống ngày nay đã phải nói đến đạo đức cộng sản chủ nghĩa nhân văn cộng sản và công nhận đó là những thực tế khách quan. Nhưng chúng ta còn ít nói đến cái nhỡn lực mỹ quan của người cộng sản. Người cộng sản không phải chỉ mong có cơm có mì có bánh không thôi, mà còn với lên những chỉ tiêu về mỹ học nữa. Trong con người chiến sĩ cộng sản bất cứ của dân tộc nào, đều có những xúc cảm mỹ học. Không nói đâu xa, mà lấy ngay ví dụ ở quanh chúng

ta đây. Giữa ngục tù này, người cộng sản đã giồng hoa đào giữa một chỗ toàn có sự dày đọa giết mòn kiếp người. Người tù cộng sản ở ngục Sơn La không những giồng hoa mà còn biết thường trăng nữa. Năm 1941, ở ngục dày người cộng sản đã đoàn kết được mọi người tù Sơn La đấu tranh với quản ngục và công sứ để Tết Trung thu năm đó tất cả tù phạm không phải nhốt ngay vào buồng tối mà được ở ngoài sân trại giam ngắm trăng. Tên lửa của người cộng sản xô viết ngày nay đã thực hiện cái bước một của những thi nhân cổ kim đông tây mơ ước lên cung trăng. Từ chuyện tổ chức đấu tranh với đế quốc để ăn rằm tháng tám ngắm trăng ngàn Sơn La đến chuyện tên lửa Liên Xô lên mặt giang, có một mối dây thanh khiết là thơ mộng thật là một bài thơ lớn một cái mộng lớn trùm cả lên thời gian không gian. Ôn lại chuyện đào nhà pha giang xà lim Sơn La, cũng là để chứng tỏ thêm phần nào cái phẩm cách toàn năng của con người cộng sản nhiều trí tuệ chính trị nhưng cũng rất đa tình đa cảm đối với đồng loại đối với cõi tự nhiên”.

*

* * *

Sơn La hôm nay vui thật đây. Ở tó thuyền gạch tiêu tí, quang gánh thuyền ngồi tới tấp cuống cá chán

cảng. Khu đã chuyển một số bộ phận chính về đây, nhà gạch mái ngói, gác kính hai tầng. Nhiều giàn róng đang cơi thêm tảng cho vò khói nhà gạch mới. Chá bao lâu nữa thù phủ khu tự trị lại cũng về nốt đây. Tỉnh lỵ Sơn La sớm chiều rừng rực thứ bụi đỏ, phần gạch bay lên như sương hông. Lòng tôi lúc này cũng là một viên gạch mới, một hòn ngói giòn già góp vào tỉnh mới. Hôm nọ đi tàu bay qua, trông xuống Sơn La, thấy đã đẹp mắt lắm rồi. Hôm nay đi dưới đất được nhìn gần càng thấy đời hồng hơn nữa. Ngói gạch mới nhiều như cây rừng ra lộc mới nó còn ngai ngái cái màu san hô. Công trường 62 và các đơn vị bộ đội đúc gạch nhộn nhịp, như mùa xuân của ngàn ngàn bong ong đang ra mèt đang làm sáp hường. Cái màu mái ngói mới thấy nó cần quá đây, nhất là ở đây cũng dễ có thể bôi thực vì cái khói lượng xanh không bền của rừng già. Máy dumper đất san đường nghe rào rào ì ì. Lại tiếng xe bình bịch, trông dễ lầm với cái mô tô vẫn ra sân bay Nà Sản ma linh thư và báo về cho Thuận Châu phân phối cấp tốc cho tất cả khu tự trị.

TÌNH CAO SU

Hà Nội vào thấu giới tuyến Vĩnh Linh, mất tất cả chín phà sang ngang. Mỗi lần xe qua phà, tôi như tôi “thế nào cũng phải tới thăm vườn ươm cây cao su giới tuyến”. Ở chỗ giới tuyến thật là rất nhiều việc nhiều vấn đề nhiều loại xúc cảm, nói ra không thể hết được, nghiên cứu bao nhiêu cũng không nắm hết được. Mà thời giờ ở lại với đất tuyến thì cũng không có bao nhiêu. Vậy thời đi rộng vào những cái gì, và đi sâu vào những cái gì đây? “Muốn gì thì gì, thế nào tôi cũng phải ghé vào chỗ giống cao su ở Vĩnh Linh. Dù chỉ là lảng qua một buổi thôi”. Cái vườn cao su giới tuyến đối với tôi đã trở thành một ám ảnh. Cái ám ảnh cây cao su giới tuyến đến với tôi từ mùa mưa năm ngoái, trên một con đường đất đỏ Tây Bắc ở quặng ngà ba Tuần Giáo vào trong Điện Biên. Hồi ấy Tây Bắc đang mùa mưa hàng năm. Mưa mù mịt, mưa trắng bệch cả núi rừng nhìn ra toàn một màu hơi nước. Mưa thui có thui đất, mưa nhúc cá xương như bà con Huế mình thương noi. Thêm nữa mưa Điện

Biển lại còn tệ hơn mưa Huế vì đây là đồng rừng núi cao suối sâu, nước lũ về âm âm như thủy điện chưa phai láng lờ như dòng Sông Hương ra bể.

Từ Tuân Giao vào Điện Biên nhiều suối sâu, cho xe xuống cứ như la thà do sang ngang, khám mẩy cũng cứ trói veo đi. Ca-mi-ông Molotova cao lêu đêu như thế mà nước suối cứ chấm đèn pha. Thường bị tắc đường, bị nghẽn đường luôn. Người đi công tác ủn lại nằm lại ở Tuân Giáo. Hồi xưa tôi ở Lào đã thấy cái mưa Lào. Tôi còn nhớ cái hình ảnh ánh mưa Lào đọng trong một câu nói của một ông ký lục lô tinh Tà Khẹt: “Ở đây, nửa năm lam án cho cật lực còn sáu tháng ngồi lì ra đó mà gõ bùn bét vào kẽ guốc”. Thực ra mưa Lao theo tôi nghĩ cũng không hơn gì mưa Tây Bắc, mưa trên đường vò Điện Biên. Tôi nằm ở ngã ba Tuân Giáo chờ nước suối rút dần. Tôi không nói hét ra đây tất cả những bồn chồn è ám của người hành khách đường trường Tây Bắc bị tắc đường vì mưa lũ suối lũ, nhưng tôi thành tâm cầu nguyện cho những việc đó đừng bao giờ xảy đến cho anh chị, cho tất cả bất cứ ai có dịp đi tham quan hoặc công tác nhất thời trên đất Tây Bắc.

Những dãy núi của đèo Pha Dìn những quả đồi những rừng xanh chau Tuân Giáo, bị mưa quét trắng hết đường viền chung quanh thành ra những tranh Nhật tranh Tau mình không muốn xem mà cứ phải

trông thấy mài. Một đóng chi làm việc đã lâu tại châu ly Tuân Giáo to ra rất ung dung trước cái thiên nhiên Tây Bắc tuân mưa cứ gió nó dì nhiên là như vậy, đã có thiện ý chữa bệnh sốt ruột cho tôi một cách hóm hỉnh: “Tôi cũng là người xuôi đây. Trước cách mạng cũng có lên Tuân Giáo Lai Châu làm ăn và nay lại công tác tại Tuân Giáo; tôi thấy cái đất Tuân Giáo này ít người biết đến. Chỉ người đi qua thì nhiều, ít người ở lại đỗ lại. Đây nó là một cái ngã ba lớn mà đầu mối của nó là Lai Châu, là Điện Biên, là Thuận Châu Sơn La. Một đoàn ngựa một đoàn xe ô tô, bất cứ ở phía nào đến, cứ mỗi lần tới đây là ai nấy đều tiu tint với vã tranh thủ lúc ngừng lại để tìm xem có cái gì ăn không, tìm xem có chỗ ngủ đỗ không, rồi là mau mau lên đường tiếp... Chả mấy ai chú ý đến Tuân Giáo xem ở đây có những biến chuyển mới, những mờ mang mới nó ra sao. Nếu không có những kỳ mưa lũ giữ chân khách lại như thế này thì là cứ đi thẳng đi tuột hết thôi. Mưa lũ này cũng là một cái gì để lưu khách lại ít ngày và làm cho mọi người thông cảm thêm với cuộc sống ở cái chau đặc biệt này...”. Có một cái ca-mi-ông cấp tốc chờ những bì cá khô và thức ăn vào trong Điện Biên đang nô máy, tôi leo vội lên không kịp chào người đang luận về mưa lưu khách. Chiếc ca-mi-ông cá mắm vẫn đội mưa mà đi vào phía đất cũ chiến trường Điện Biên. Ở nhiều

khúc suối lũ, máy xe sắc rói nghẹn, nhưng cái xe vẫn cứ chạy. Quãng đường này là một con đường hiềm nghèo ác có tiếng. Nhiều chỗ dốc hoặc ngoặt hoặc lượn trên vực, vao cầu ra cầu lại không đủ tiêu chuẩn đường, dễ mất xe mất của mất mạng người. Đường sụt đường cạp, thùng xe bánh xe bị rê đi, díp xe cắm vào ổ gà rộng như miệng giếng, cái xe vận tải Liên Xô khỏe lâm, nó cứ đi nó cứ chạy. Anh bộ đội lái chuyến xe cá mầm nguyên là một đồng chí đã lái xe chở súng đại bác vào Điện Biên trước đây. Anh rất yêu đời yêu nghề, yêu cái xe mình lái, yêu cái bánh tay lái mình đang cầm. Nhìn anh lái xe chỉ đạo này mà tôi quên cà bun va mưa và bót đi bao cái sơ cổ truyền đổi với rưng mưa suối lũ. Đêm ấy ngủ ở một cái bàn được quắp nửa đường. Sớm sau, cơm nước nóng sốt đường hoàng rồi mới lại tiếp tục mở máy vào Điện biền. Chính cái buổi sớm mưa đó là một buổi sớm tội tình cờ gặp máy cây cao su trên vai máy anh bộ đội đang gánh cao su vào Điện Biên, cái bâu đất dưới gốc quân và buộc rất là kỹ càng. Một đoạn đổi thoại ngắn giữa tôi và người lính gánh cao su.

- Đưa cao su vào trong Điện Biên làm gì nhỉ?

- Thế đồng chí không biết rằng nông trường Điện Biên giống cà lúa tẻ nhưng còn giống cây công nghệ nữa, cho nên đem giống cao su nơi khác về. Xưa nay có bao giờ Điện Biên giống cao su.

- Nghe nói Trung Quốc rồi cũng giúp ta giống cao su đào Hải Nam. Hồi sang thăm vùng Đông bắc Trung Quốc tôi có trông thấy cây cao su Hải Nam trông lam cành ở một vài cơ quan ở Thẩm Dương. Hôm nay là lần thứ hai mắt tôi được thấy cây cao su.

- À, cao su tôi gánh đây là của ta đây nhé. Ở Điện Biên chưa có giống cao su Hải Nam. Nay mới đưa ít cây cao su này lấy giống từ giới tuyến Vinh Linh ra đây.

- Đưa từ giới tuyến lên đây?

- Phải, đưa lên tiếp sức cho nông trường ta ở Điện Biên đây. Từ giới tuyến, nó về bộ Nông lâm Hà Nội rồi lên đây, gặp mưa lũ không có xe phải gánh vào đây. Cao su này là của đại đội ướm cây của nông trường. Đồng chí về công tác ở nông trường Điện Biên phòng? À thế thì rồi còn gặp nhau.

Tôi ở Điện Biên mấy tháng ròng và bắt đầu ngay bāng sự làm quen dần dần với một thứ mưa rừng. Hình như bầu trời trên đầu tôi là một cái túi nước không lồ cứ rỉ rả mà xối xuống hết đêm ấy qua ngày khác. Trên trời là một túi mưa, dưới đất là một nỗi cháo lạnh quấy bằng đất thô. Dưới cái mưa và trên cái bùn cháo đó là những đoàn nông dân mặc áo quân đội đang đem hết nhiệt tình của mình ra đê biến một vung chiến trường cũ thành một khu vực kinh tế mới.

Một hôm tanh mưa, giữa cái sân chính doanh trại, ngay trước phòng họp của chính ủy đơn vị người ta xúm lại quanh một đồi gốc cây vừa hạ thổ. Người ta săn sóc cho đồi cây, rào lại quanh gốc, phủ rơm quanh thân quanh gốc và yết thị lên đầu cọc rào: “Không được nghịch cây không bứt lá”. Cuộc sống kiêng thiêng ở Điện Biên lúc này còn thưa thớt về mặt tạo hình, hai cái cây mới hạ thổ càng có giá trị hơn. Tôi nhìn vào đồi cây “cảnh”, nhận ra ngay mây cây cao su của lũ cây cao su giới tuyến bữa mưa nọ vào trong Điện Biên này cùng một chuyến với bọn tôi.

Mùa mưa ngọt dần, rồi tanh, rồi chấm dứt hẳn. Rồi nông trường nhộn nhịp đợi ngày gặt vụ lúa té đầu tiên thắng lợi của nông trường. Những ngày chủ nhật nắng ráo sau một mùa mưa, ra đường gặp nhau, chào nhau suông một câu cũng cứ thấy thích. Vào những hôm nghỉ có nắng hanh vàng, bộ đội lũ lì ra đường, xem chợ xem phố xem bóng rổ bóng đá, hoặc sang sông về dân vận ở các bản xa bản gần, hoặc rủ nhau đùm cơm vào rừng làm thêm vài gánh củi về cải thiện thêm cho sinh hoạt. Và ở chỗ công trại lớn tổng doanh nhìn sang đồi Yên Ngựa, xúm xít đông người. Họ đang yêu cầu người gác cổng cho họ được vào chỗ cái sân trước nhà đồng chí chính ủy. À, nghe nói có mây cây cao su đưa tư giới tuyến đưa từ khu phi quân sự ra đây ma. Anh em từ bé chưa biết mặt mùi cây cao su,

nay muôn nhìn một tí, xem chóng thôi, rồi lại xin về ngay. Nhiều bong đội viền khom khom bên cái cay non, ngọn cây mới chỉ chấm vào thắt lưng chinh quy của anh em. Tất cả đều thấy cao su là cung hao hao giông lá cây muồm. Thôi, cho anh cao su này đánh bạn với anh muồm anh quéo nó là cái thứ cây me thiêng lùng ở khắp Tây Bắc và Điện Biên nay được đây!

Chủ nhật nắng hanh áy qua, để lại tiếp đến ngày chủ nhật nắng hanh khác. Bên cạnh gốc cao su mới được sáu bảy tháng, vẫn một số anh bộ đội hôm nọ cộng thêm một số anh mới đi xem cao su lần đầu. Họ thản trong chỉ chờ đêm tung cái lá, cái cành non, đầu mỗi cành là ba cái lá. Họ xì xào: "hôm gánh ở Nà Tấu vao, mới chỉ có ba cái tán và mười lăm lá. Thế mà hôm nay đã thành ra tám tán rồi. Có vẻ sống được đấy. Anh em ta sống được, thì cao su cũng phải sống được chứ gì! Thôi, ta đi ra phố đi. Tôi nay, họp tổ sản xuất, tờ sẽ kê chuyện cao su giờ tuyển cho cả tổ nghe. Coi đó là buổi sinh hoạt văn nghệ chứ gì!".

Cũng từ hôm đó, cùng từ những ngày mưa ngày nắng ở Điện Biên sống với bộ đội trong mùa sản xuất đầu tiên đó, cũng từ những hình ảnh anh đo, cây cao su bắt đầu vào trong thế giới quan của tôi. Và trên con đường vào Vĩnh Linh này, hai gốc cây cao su giữa doanh trại Điện Biên vẫn ăn hiền đều trong cam

nghĩ của tôi. Đến giới tuyến, tôi thăm anh cán bộ xây dựng khu tuyến đầu tranh hàng ngày trực tiếp cho thống nhất, tôi thăm những bà con vượt tuyến sang ta, tôi thăm cái cầu Hiền Lương, tôi thăm cửa biển, tôi thăm cái con sông đau thương chia cách, nhưng tôi vẫn không quên đi thăm cây cao su của nông trường Hồ Xá Vĩnh Linh đã tiếp sức cao su Điện Biên năm ngoái.

Tôi hướng bước chân vào vườn cao su Hồ Xá đây, với cái hăm hở của một người muốn thấy cho được nhiều muôn hiểu cho được nhiều về cây cao su. Để rồi sau này có dịp trở lại nông trường Điện Biên, lại kể lại cho anh em đang giòng giọt sản xuất trên đó. Cũng giống như anh chiến sĩ kia đếm lá cao su một hôm chủ nhật nắng hanh Điện Biên năm ngoái, đứng bên gốc cao su non vừa đếm lá cây vừa nói với bạn đồng ngũ là tôi đó sẽ kể lại cho tổ sản xuất mình nghe.

*

* *

Vườn ươm cao su Hồ Xá ở cách trường nhà Hồ khoảng năm cây số và trên cái hướng đi về phía khu đệm giới tuyến. Đứng trên một đồi cao nao của thị trấn Vĩnh Linh, vẫn thấy rõ cây “cao su vè tinh” của vườn cao su Hồ Xá. Cây cao su vè tinh Hồ Xá cũng là

một "nhân vật" đặc biệt của vùng giới tuyến. Ai vào giới tuyến nhất là những bạn bè xã hội chủ nghĩa ở các nước bạn đi thăm tuyến, là đều có tới thăm gốc cao su vè tinh Hồ Xá.

Hồ Xá nay có độ bốn trăm gốc đang sản xuất cao su nhựa tươi. Và triển vọng của nông trường đây là giống được mươi hai vạn gốc trên một diện tích ba trăm mẫu dồn đất đỏ. Ngoài cao su, cái đặc biệt của tỉnh Quảng Trị là truyền thống hổ tiêu sọ, cho nên nông trường cao su Hồ Xá cũng giống cả hạt tiêu.

Bài thực vật đầu tiên tôi học về cây cao su được mở đầu dưới bóng hàng cây cao su trên khoanh dồn đất đỏ. Anh phụ trách vườn ươm vừa giảng vừa đưa chúng tôi bước theo những hàng cây nhựa trắng mủ cao su đang rồng rồng cháy. Nhựa cháy đều vao những cái bát buộc ngang thân cây, như cái kiếu bộ đội ta đeo bị đóng ngang hông.

Giữa vườn cao su Hồ Xá, đã có nhiều lúc tôi không theo sát những lời giảng về thực vật của anh phụ trách vườn thí nghiệm đang giảng tì mỉ cho các ban tôi nghe. Tôi đang là một anh học trò đăng tri, tàn mạn ý nghĩ ra ngoài bài thực vật. Tôi đang nhớ lại cái quá khứ cao su trên đất nước Việt Nam, trên những dôn điên cao su Nam Kỳ rái rác khắp 150.000 mẫu đất đỏ những tỉnh Nam Kỳ chạy lên biên giới Cao

Miễn. Tôi cô nhớ lại lịch sử phong trào công nhân Việt Nam trước khi Đảng của giai cấp công nhân ra đời. Hình như từ năm 1927 đã nhóm lên những cuộc đấu tranh ở đồn điền cao su Phú Riềng tỉnh Biên Hòa. Hồi ấy vân nghệ cũng tham gia đấu tranh dưới hình thái những bài ca hành vân truyền khẩu và truyền đơn. Tôi nhớ lại những cảnh mộ phu di Tân Thế Giới, di phu cao su đất đỏ Nam Kỳ; những cái sờ mồ phu khắp các tinh trường lén một ngọn cờ màu vàng (đúng cái màu vàng của cờ Diệm bấy giờ), rồi bịp bợm dụ dỗ hăm hại biết bao gia đình nông dân miền Bắc chụp ảnh xuống tàu đi Nam Kỳ. Cố ta cha Tây hồi ấy đều là có ăn tiền các hãng cao su ngoại quốc để lừa dối và ép buộc dân cày Bắc Kỳ đi làm rừng cao su, biến biệt lìa quê hương bàn quán và mất xác nơi rừng xanh đất đỏ. Hồi ấy tôi còn là một đứa trẻ. Nhưng nhỡn quan của đứa trẻ ấy vẫn còn ghi lại được hình thù của mấy cái sờ mồ phu tinh lè có cầm một ngọn cờ vàng. Tôi nhớ lại những câu hát than oán kinh khủng về cái thảm kịch cao su hồi trước:

"Cao su đi dê kho vế

Khi đi trai tráng, khi về bung beo

Cao su đi dê khó vế

Khi đi mát vợ khi về mát con

.....

Cây cao su quý hơn người

Mỗi khi cây bệnh cây thời nghỉ ngay

Lang ta cho chí lang Tây

Đêm đêm lo lắng ngày ngày chăm nom

Còn ta đau yếu gầy còm

Dau không được nghỉ, chết, hờm cung không

Lỡ lầm vào đất cao su

Chẳng tù thì cũng như tù chung thân

Cao su xanh tốt lạ đời

Mỗi cây bón một xác người công nhân"

Thế rồi Đảng lãnh đạo đấu tranh cao su. Thế rồi công nhân cao su góp phần tham gia Tổng khởi nghĩa, rồi công nhân cao su kháng chiến với những cái Tết đốt rừng cao su khói cháy hàng tuần, mùi mủ khét lẹt như mùi cháy đòn Pháp mỗi lần ta mờ chiến dịch. Lửa cháy lá rừng cao su, ngọn cao hàng thước tây; lửa nỗi gió vù vù kéo dài ngọn và khói trong hàng tuần lě. Mỗi lần Tết âm lịch gần đến, là đã có cán bộ và công nhân nặm rứng săn, nhất định đốt đòn điền Pháp lấy đó làm quà mừng Xuân của Tổ quốc vô trang chiến đấu. Cây cao su bị đốt không chết hẳn, nhưng chột đi, sức sản xuất mất một phần sáu, sáu cây bị lửa Tết như vậy la coi như chém chết một cây tiền của địch, làm giảm đi khả năng chiến đấu của giặc... Nhưng mà

bây giờ những khu đồn điền cao su Nam Bộ, phong trào ra sao nhỉ? Tình hình tội ác Mỹ Diệm ở đây ra sao nhỉ? Mâu thuẫn quyền lợi Pháp và Mỹ trên lãnh vực cao su Nam Bộ ra sao nhỉ? Thật là một vấn đề thời sự nó kích thích sự tò mò của mọi người tha thiết với tài nguyên của Tổ quốc Bắc Nam là một nhà, tha thiết với Nam Bộ, tha thiết với Thông Nhất. Trong một bản tài liệu, thấy nói rằng Nam Bộ sản xuất cao su năm 1959 trội hơn 1958. Đầu 1959, sản xuất được 18.486 tấn. Số cao su miền Nam Tổ quốc đo, Diệm lấy đổi cho Mỹ, hay bán cho Anh hay thường cho chủ Pháp cũ? Theo chỗ tôi được biết thì thực dân kinh doanh cao su trên thế giới, nhiều nhất là đế quốc Anh, Hà Lan, Pháp đi cắm đất mờ đồn điền cao su bóc lột công nhân. Và cái đế quốc tiêu thụ cao su mạnh nhất là đế quốc Mỹ cần cao su làm các thư bánh xe cho các đạo quân cơ giới hóa. Từ ba chục năm cách đây, Mỹ đã bò ra hàng trăm vạn đồng đô la cho viện Nông lâm đi nghiên cứu đất đai để trồng cao su trên đất Mỹ. Chất đất Mỹ không ưa cao su. Mỹ lại chạy sang thuộc địa nghiên cứu chất đất Phi Luật Tân. Cũng không giống được, Mỹ đi vơ vét cao su, trước đây ba chục năm, đã mở cà một khu vực liên xướng cách Nữu Ước nửa ngày đường để nấu sái cao su, lấy tất cả những sǎm llop ô tô cũ trên thế giới để chế biến lại... Ngày nay, khòi nao Diệm không có một

vai trò trong mọi việc cung cấp cao su chiến tranh cho một quan thầy khát bán hàng đánh nhau và cắn gài đánh nhau để bán tống bán tang đi các thủ sát đồng cao su vô khí, dưới cái nhân hiệu viện trợ Mỹ...

Tôi nhìn những hàng cây cao su Hồ Xá mù trăng đang rì xuống bát hưng nhựa. Vỏ cây cao su thường bị rạch một đường chéch chéch mà tiếng nhà nghè gọi là một cái miệng. Có những cái miệng rò nhựa, có những cái miệng đã thành vết seо. Liên tưởng đến những thảm kịch ngày nay đang diễn ra ở các đồn điền cao su Nam Bộ dưới mây tàng áp bức khủng bố của Mỹ của Diệm của Pháp cũ, có những phút tôi nhìn hàng cây cao su mà thấy nó thức dậy cái rừng cao su ám u Nam Bộ, mà thấy đó như hình người ăn mày xếp hàng ra để mà chết đứng, miệng méo xèch đi. Và thấy như cả đồng lá cao su khô lá cao su mục và cả lá cao su tươi nữa, tất cả đều nổi lửa lên vụ vụ như gió Lào về, cháy vụ vụ lên như mọi ngày Tết trước đây Nam Bộ nổi lửa kháng chiến giữa lòng đồn điền cao su Pháp... Nhưng mà tôi đãng trí lâu quá rồi, tôi đã bỏ xa anh phụ trách vườn ươm cao su giời tuyến đang hướng dẫn mọi người xem lán bước về phía vườn có cây cao su vẹt tinh. Cây cao su vẹt tinh to thiệt đó. Gốc cao su cao thiệt đó. Nó cao đến hai chục mét. Gốc nó to đến một ôm rưỡi. Tuổi nó ngoại ba chục năm. Nó đã oai như vậy, nay quanh nó trên

tán lá nô, người ta còn dựng một cái chòi lợp gianh, trông nó càng dị dạng. Lời anh hướng dẫn đang cắt nghĩa về cái chòi lợp trên cây vệ tinh: "Ngày mưa ngày nắng rất có quan hệ với việc lấy nhựa cao su. Đang cạo mù nó, mù nó đang cháy vào bat, mà mưa mà nước mưa xối xuống bát mù, thế là bát nhựa pha nước mưa ấy coi như bỏ đi. Khi tượng thủy ván có quan hệ đến việc lấy nhựa. Ngày mưa, phải đợi mưa tạnh, đợi cho nước giọt cành giọt lá hết hấn đã, rồi mới cạo mù. Cho nên ở cây vệ tinh đây phải lợp cái chòi lên để mình chủ động mưa nắng đều cạo mù được cả, cây không phải nghỉ buổi nào..."

Tôi đếm những cái miệng trên vỏ trên thân cây vệ tinh. Có những sáu cái bát, tức là những sáu cái miệng. Thường ở mỗi cây lấy nhựa, người ta chỉ mở một miệng thôi. Anh hướng dẫn nói tiếp: "Cây cao su trung bình, mở một miệng, lấy được 350 gam mù. Cây vệ tinh sáu miệng ra nhựa mỗi ngày lấy được 1.400 gam mù. Dự kiến là cây cao su vệ tinh giới tuyển của ta mỗi năm sẽ cung cấp 120 kilô nhựa". Tôi lui ra xa ngắm lại cái cây cao su cổ thụ. Anh em công nhân ở đây gọi nó là cây cao su tướng, cũng là đúng. Nó xứng đáng với cái danh hiệu đó. Và cây tướng đó cũng là cái tự bao chung của công nhân và của cái vườn cây sám lợp tươi này. Cái cây già này năng suất nhiều và sửa trang lại có chất, cho nên nó được săn sóc nhiều

hơn. Thật là một sự chi công khi tập thể làm vườn ở đây không san bằng sự bồi dưỡng đôi với cây tường đó. Người ta cắt nhà riêng cho cây tường. Người ta còn dành nhiều thức ăn cho nó. Không biết bao nhiêu là phân thực vật phân động vật ú trong lòng đất, đánh đai lấy gốc cây tường. Hố phân vây lấy hệ thống rễ con rễ cái cây tường. Lúc đào hố phân mà không phạm vào rễ cây tường, người ta đo bóng lá chom cây, cứ cành lá ăn ra tới đâu, thì từ đầu cành ấy thả qua dọi xuống, chiếu thẳng xuống mà đào. Dưới bóng cây vệ tinh, đất mồi cũ lồn nhổn như một góc mặt tròn vừa lắp lại hào giao thông, đây đó lăn ra ít xác đen nhện hùm bọ cạp và nhiều nhất là những quả cao su vỡ vỏ tung toé những hột cao su. Như là ở đây vừa ôn ao xong một đám đánh bi của trẻ em bung hột cao su.

Tôi nhặt lấy mấy hột bi cao su, tôi nhặt một trái cao su ba múi, lẳng lặng cho vào túi. Mấy cái này đem về, hôm nao trở lên Tây Bắc đưa cho anh chị em ướm cao su ở nòng trường Điện Biên, chắc là họ sẽ thú vị: cao su Điện Biên còn lâu mới có hoa có quả có sữa trắng.

Tôi ngâm cày cao su vệ tinh sáu miếng vú đang rót sữa đều đều giọt mà không khóc buồn cười nghĩ đến mày ông nông học giáo điều người Mỹ của viện Nông học Mỹ dam khẳng định rằng: "Tinh từ đương xích

đạo xuống Nam 10 độ và lên bắc 10 độ, chỉ trong cái bâng máy chục vĩ tuyến đó thôi là cao su mới đủ nhựa”⁽¹⁾. Nghĩa là giới hạn cao su là chỉ đến vĩ tuyến thứ 10. Vậy thì cây cao su vẹt tinh Vinh Linh này vẫn ra sữa đều mỗi ngày gắn một kỵ ruồi dày, cày đó ở vĩ tuyến 10 hay là ở vĩ tuyến 17? Ở cái vĩ tuyến 17 này mà lái Mỹ đã xúi khôn xúi đại Diêm tuyễn bố bừa đi rằng đó cũng là chồ kèo tối của biên giới Hoa Kỳ? Tự nhiên tôi thấy cây cao su tướng của nông trường Hồ Xá thành ra một cái cây đặc biệt. Nó không phải chỉ hoàn toàn là một cây công nghiệp làm ra cao su tươi. Thấy nó còn như là một loại cây chính trị. Hay nói cho đúng hơn, thì nó là một cái cây kinh tế có rất nhiều ý nghĩa chính trị.

Bây giờ tôi mới nhớ lại cái cảm tưởng về toàn cảnh khu và thị trấn Vinh Linh. Đứng ở chồ truông nhà Hồ nhìn thấy toàn cảnh đó. Ở chồ cao truông nhà Hồ nhìn xuống thị trấn, tôi chú ý đến mấy đỉnh cao quanh đó. Có ngọn tháp biệt om liệt sī. Có đài cờ. Có một cây đa cổ thụ tòa bóng xuống trường học phổ thông Vinh Linh. Cây đa to lắm, cao lắm, có một cành đa cụt chỉ về phía Nam. Nó như một cánh tay bị thương đang vầy vầy qua vùng khu đậm mà gọi gọi với sang bờ Nam sông tuyến trong kia. Gần cây đa ấy

(1) Theo G.Lefevre trong cuốn “Cao su anh hùng ca”.

là một dải xanh ve vườn cao su. Trên cái đám xanh ve già đó, trôi lên một cây cao su cao to mà sau này vào thăm vườn tôi mới biết đó là cây cao su tướng. Cũng như cây đa trường học Hồ Xá, cây cao su tướng cũng đang như nghén nghén lên mà hướng vào phía Nam, muốn giơ cánh tay lá lèn ra hiệu như cái kiếu một người muốn nhăn nhẹ gì ai ở xa trong đó.

*

* *

Tôi trở lại Điện Biên, trong túi lủng củng mây hột cao su tươi và một quả cao su ba múi của nông trường cao su giới tuyến. Tôi xin phép ông chủ tịch nông trường Điện Biên đưa hai anh bạn đồng nghiệp Ba Lan vào thăm ruộng và thăm vườn. Chuyên vừa rồi, Mương Thanh bị nước lũ to, nhưng xem ra lúa nông trường vụ này lại thu hoạch nhiều hơn vụ năm ngoái. Vườn cây nông trường đã thấy vui hơn năm ngoái nhiều. Trên giàn, nho leo đang ra lá. Cam, lê, táo, đủ cả. Va hàng vạn thước vuông của khu trồng sà và long não. Nhưng cái tha thiết của tôi vẫn là khoảnh vườn cây cao su. Hai anh thi sĩ Ba Lan của tôi cũng thích xem vườn cao su Điện Biên. Bên Tổ quốc các anh, không có cao su tươi mà chỉ có cao su nhân tạo cao su hóa học thôi. Một tờ họa báo Ba Lan gần đây hành

diễn báo tin rằng ngay nay Ba Lan đã có cao su “không có nhiệt đới, không có độn điện, vây mà có cao su Ba Lan... Cho tới nay hàng năm Ba Lan nhập cảng 20.000 tấn cao su nhân tạo mỗi tấn giá 600 đồng đô la... Liên xưởng Ốt-xờ-uych nay bắt đầu sản xuất được 1.500 tấn... Đến 1962, Ba Lan không những tự túc về cao su nhân tạo mà còn xuất cảng được ít nhiều ra ngoài nữa”.

Vươn ướm cao su Điện Biên trông thật là vui mắt, thân cao su cao quá tầm với, lá đã xanh um. Cò đến 13.000 gốc, chì ít lâu nữa là đánh ra trông về phía đồi núi khu Đông, cái phía khu Đông mặt trận chính của chiến trường trước đây. Qua một năm thử thách, có những lúc mưa nắng không bình thường, đã tường cây cao su không chịu được thủy thổ Điện Biên, qua một năm thí điểm, ngày nay có thể kết luận rằng cao su khô tinh cũng thích nghi được với khí hậu và đất nước khu chiến trường lịch sử, và cứ thế mà phát triển. Cao su lấy giống ở đảo Hải Nam Trung Quốc về đây giống ra tán và thêm mai lá. Cao su lấy giống ở Vĩnh Linh giới tuyến về đây cũng đang thêm tán thêm lá. Đảo Hải Nam nằm trên vĩ tuyến 19 và 20. Vĩnh Linh là vĩ tuyến 17. Điện Biên đây tức là vĩ tuyến 21. May mắn vĩ tuyến 17, vĩ tuyến 19 và 20 của đảo Trung Quốc, cao su đều sống và đều có sữa tốt cả. Và những giống ở mây nơi đó, đem trồng lên chỗ núi cao vì

tuyến 21 ở Điện Biên đây cũng đều sông cà. Vươn cao su Điện Biên không ngừng ra lá già lá non, tất cả những cái lá cao su giữa vườn này đang múa trong nắng thu, đang nhí nhảnh trong gió núi Điện Biên. Tất cả những cái cười lá, tất cả những lá tươi cao su vươn Điện Biên như là một trận cười ảm vang lên mà chế nhạo cái nhân thực giáo điều của kỹ sư nông học Mỹ dám khẳng định bối láo rằng cao su chỉ tươi tốt từ vĩ tuyến 10 trở về thôi.

Tách ra khỏi vườn ướm 13.000 gốc cao su ngang vai, lèn nghênh mấy chục gốc cao su Vĩnh Linh đứng ra khỏi hàng như là những sì quan làm khung cho một sư đoàn nguy trang xanh đang tập trung ở bài rộng. Có những gốc cao su Vĩnh Linh nay đêm đã được trên dưới một ngàn cái lá. Chà bú với ngay nay nấm ngoài, tuổi nó mới được sáu tháng và đi từ giới tuyến lén đây, chỉ có vài cái tán lá non để đội cả một trời mưa Tây Bắc. Rồi sửa sang chỗ án chỗ nằm cho cao su, phải lấy cả quân số làm ruộng chuyển ra làm vườn ướm cây, phải đào đất, lọc ra cho hết rễ mục, sắt, đồng và các thứ đạn của chiến tranh gửi lại. Phải lọc đất cho rễ cao su khói vấp khói oǎn, giữ cho sự thăng thắn sau này của cây non. Thế rồi nắng, rồi gió, phải đánh gianh phủ lèn quay lại. Những cánh tay rất cứng cáp trong các trận đánh trên đất chiến trường này chấm dứt chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam, thì lại

cũng những bàn tay áy đã chăm sóc cây cao su một cách thật la nhẹ nhàng thật là tinh tế. Trận mưa đá ở Điện Biên hồi tháng tư vừa rồi, có cục mưa to bằng một hai cái cù đêu, cứ thế mà ném xuống bắn xuống vươn cây non. Những vỏ thân cây phia Tây vẫn còn mang những vết sẹo mưa đá.

Anh cán bộ sản xuất người Kinh và anh cán bộ người Thái bảo tôi rằng ở Điện Biên đây bây giờ mới có cao su mới thấy cao su là một. Tôi tưởng rằng trước đây, ở Mường Thanh cũng đã có rất nhiều cao su. Cứ nhớ kỹ lại xem. Những cái lốp cơ giới Pháp mang nhãn hiệu Mỹ, những cái vành bánh sâu róm xe tăng 18 tấn Mỹ thà dù xuống Mường Thanh đây, những cái vải bạt những cái miếng cờ rеп dân công thỉnh thoảng đốt được lên quanh Nà Táu áy, đó không là cao su thì là gì? Nay thỉnh thoảng ta đào lên, vẫn còn khai quật được những cái thứ cao su đó. Tôi đồng ý với các anh rằng đó cũng là cao su, nhưng là cao su chết. Còn cao su bây giờ là cao su tươi cao su sống, cao su của sự sống hòa bình kiên thiết, cao su của đất nước dùng vào kiến thiết đất nước Tổ quốc. Cây cao su đó sống ở Nam Bộ, sông ở Vịnh Linh và nay đưa lên Điện Biên cũng sống, vì trong đó và trên này, đâu đâu cũng là một đất nước của một Tổ quốc ta cả. Nay mai đây ta đánh cao su vươn ướm ra trồng khắp dãy đồi núi khu Đông - cái khu Đông khói lửa ngát trời năm xưa

- ta sẽ thấy cái bóng cây cao su hòa bình càng ngày càng trùm lên những xác mục cao su chiến tranh vẫn còn rải rác trong phía núi đó. Đây rồi các anh xem, chả bao lâu nữa đâu, quanh Điện Biên đây, các anh sẽ đi xe đạp ta mà lăn vòng bánh xe, sắm lốp do ta rèt tạo ngay bằng thử cao su ta đang giống hôm nay đây.

Thăm xong vườn ươm cao su của đại đội Mười Bay, hai anh bạn Ba Lan và tôi trở về nhà giao tế nông trường. Ông phó chủ tịch nông trường Điện Biên mời chúng tôi nghe một bài hát mới về cây cao su. Bài hát cao su của tập thể anh chị em vườn ươm làm ra. Cát tiếng hát cao su vang lên, là một chị thanh nữ Hà Nội thuộc cái lớp mây trâm gái trai thủ đô năm ngoái lên Điện Biên tăng thêm sức lao động xã hội chủ nghĩa cho nông trường này.

Tôi mân mê cái quả và máy hột cao su đem từ giới tuyến Vĩnh Linh lên đây. Ủ, bốn năm nữa, năm năm nữa, cao su Điện Biên sẽ có sữa. Ở núi rừng này, sẽ hé ra cao su. Có những trẻ em Mèo trẻ em Thái rồi sẽ chơi đùa với những hòn cao su sống ném xuống đất một cái là nó bổng tít lên đến ngon cây xoan rừng và không khéo thì nó nhún tòm xuống làn suối. Có những anh những chị miền núi sẽ trở nên công nhân trái nhựa cao su đóng bánh cao su, gửi cao su sống về nhà máy khu tư trị về nhà may miền xuôi. Sẽ hoàn

toàn tiêu tan đi cái sợ cao su để lại do những hình thù cao su Mỹ trong chiến tranh Điện Biên Phủ cũ. Sẽ không có ai ở đây bỡ ngỡ với cao su. Bỡ ngỡ chẳng là những chị ơng chúa những đàn ơng quân mồi lần xuân về trên châu Điện Biên lại thấy có thêm một thứ mèo hoa mới. Bên cái thứ mèo hoa ban quen thuộc, nay lại được hút thêm nhuy hoa ở rừng cây cao su công nghiệp khu Đông chân núi Pú Hồng.

*

* * *

Tôi ít dùng đến cái tẩy cao su, viết mà hỏng mà tôi mà chưa đúng với cái điều mình định phô diễn, thì chỉ có thay từ khác, hoặc gạt đi, cả mảng chữ bò đi vẫn còn mang cái gác cái vết xóa, chứ không tẩy bao giờ. Trái lại, anh bạn kiến trúc của tôi kia thì luôn tay cái tẩy cao su bên cái bút chì nhọn. Nét tẩy của anh đang xóa đi một cái gì để mà ngay trên cái chò vừa xóa đi ấy xây luôn lại ngay một cái gì. Hồi này anh tẩy rất nhiều bản vẽ mang những vệt tẩy vui tay. Anh đang vẽ những đồ án về thủ đô Hà Nội cái tạo và mở rộng. Nhìn hòn tẩy của anh, tôi thấy nó đúng là hình tượng linh hoạt của thứ cao su hòa bình kiến thiết. Và có lẽ cũng chả bao lâu nữa, tay anh sẽ cầm vào những hòn tẩy sẵn xuất do nhà may công nghiệp

nghé của ta sắp hoàn thành ở ngoại ô thủ đô. Anh về khu Hà Nội cũ và khu Hà Nội mới đang ôm lên phía Hồ Tây. Những cái móng nền công thự mới mà bắt đầu lèn xi măng với cát, thì chắc là tay anh cũng sẽ cầm vào những miếng tẩy của chính cái thứ cao su Việt Nam chế ra từ nhựa sống cây cao su của đất nước Tổ quốc, để mà làm đẹp thêm cho Tổ quốc đang rạng rỡ mày mặt và thể hình. Ở đây tôi hãy tạm gác ra những gì là khó khăn của trưởng thành, mà hãy xúc cảm ngay với những cái vui tươi bao hiệu lên, dù chỉ là một nét chì kẽ một động tác nhỏ. Đã có lúc tôi muốn được trở lại làm một cái bàn tay nho nhỏ cầm bút chì ngũ sắc được tha hồ bôi xanh đỏ lên giấy trắng, bôi nó lên theo cái khoái cảm thơ ngộ của mình. Bôi xong không thích thì ngoeo đầu ngoeo cổ mà tẩy đi, tẩy cho đến rách giấy. Cái tuổi ấy, trong túi lúc nào cũng có một cái tẩy. Một tay cầm tẩy và một tay cầm những quả bóng cao su xanh đỏ lung linh hơn cả bóng bóng xà phòng. Những quả bóng sản xuất bằng nhựa tươi đất nước Việt Nam, trẻ em thả bóng lên trời những ngày Quốc khánh dân chủ cộng hòa và tất cả những ngày hội ngày vui đông đủ trẻ già gái trai.

BÀI CA TRÊN MẶT PHẦN ĐƯỜNG

Trên đường đi Lai Châu, tôi tạt vào một bản Mèo. Gọi là tạt vào, nhưng không nhẹ nhõm chóng vánh gì như ở xuôi ta, người bộ hành đi trên đường huyện đường xã tạt vào một cái lang nào ở ven đường. Tạt vào hay tạt lén một cái bản Mèo cạnh đường quốc lộ Tây Bắc, cứ bò nhô ít ra là một ngày đường leo miết các dốc núi. Tôi lùi lùi đi một ngày đường trên đường cái mà lúc nào, nhìn bên tay phải mình cũng thấy thấp thoáng cái bản Mèo ấy. Đêm đó ngủ lại bên đường quốc lộ, cạnh cái quả núi Lê dương và khố đờ đóng bốt hói chưa giải phóng miền Bắc Lai Châu. Sớm sau, bò dương trực vào đường tiểu mạch của kiểm lâm xưa, đi một ngay dốc nữa, mới tới đúng cái bản Mèo đã trông thấy từ sớm ngày hôm qua. Cùng la một cái kiểu “gắn nhà xa ngõ” dưới xuôi ta vẫn nói, nhưng cái ngõ trên Tây Bắc là cả một triền núi, cả một hai ngày đi núi vượt ngõ núi, gập ghềnh loanh quanh mãi mới tới được cái nhà Mèo chênh vênh trong nêu mây như những cái tổ phượng hoàng đà.

Lần đầu tiên tôi đặt chân tới đây. Nhưng tôi đã tìm đúng vào nhà cái đồng chi du kích Mèo vẫn làm liên lạc tư hôi bản Mèo này còn là cơ sở bí mật kháng chiến. Lần trước anh Phương đã nói chuyện cho nghe về cơ sở Mèo nay, hồi anh còn là cán bộ địch hậu hoạt động vùng cao. Anh Phương đã kể cho nghe một số kinh nghiệm xương máu của người cán bộ bám đất bám dân rèo cao. Anh luận về đức tính người Mèo, về những cái đẹp của người đàn ông Mèo và người đàn bà Mèo. Cuối cùng như là để kết thúc câu chuyện, anh đã bảo tôi: "Có dịp đi đi về về với Tây Bắc, nên ghé nơi đó. Nhiều hoa quả. Chợ búa nhiều màu sắc dân tộc. Nhiều ngựa. Nhiều lợn ăn giải về kỹ thuật chăn nuôi. Rượu Meo nấu bằng ngô bắp ở đó cũng có tiếng. Đất này hồi gây cơ sở, không cơ động được bằng cái cơ sở cũ ở Quỳnh Nhai như núi Khau Pùm không bao giờ Tây lên càn quét nổi, bởi vì Khau Pùm rộng lâm, địch có muốn vit minh thì cũng phải đưa máy tiêu đoan lén nhưng vẫn có kẽ hở để minh lọt vòng vây. Ở Khau Pum, có thể qua lan mây bạc mà nhìn tàu bay địch cát cánh hạ cánh ở cả Lai Châu ở cả Than Uyên để mà phân đoán tình hình địch... Cái bản Mèo tôi muốn anh tới thăm đó, nó không được cao như Khau Pùm, nhưng cũng có cái đặc biệt của nó. Là ở đó, vừa trọng được xuống đường quốc lộ, nghe cái tiếng máy nổ máy chạy của cơ giới Pháp hồi xưa. Ma

ngay phía sau thì là dòng Sông Đà. Anh định đi tìm những cao điểm để quay phim tài liệu Tây Bắc và để lấy những toàn cảnh sông núi Tây Bắc, nên ghé nơi đó..." Tôi đã ghé nơi đó, và đúng như lời anh Phương nói, ở trên cái báu Mẹo ấy nhìn xuống, thấy được cả hai cái mạch dương và mạch âm của trái tim Tây Bắc. Trước mặt là con đường trực lượn khúc trăng phau giữa cái bể xanh quan lục của rừng Lai Châu. Đằng sau dãy núi trọc của triền núi hồng đào này là sườn dốc cẩm thang xuống vực Sông Đà đang ánh ánh tia nắng.

Cách đó một thời gian, tôi gặp lại anh Phương. Ở một công trường làm đường. Hình như anh đọc thấy cái bờ ngỡ của tôi và vào đầu câu chuyện, anh giải quyết luôn: "Ở Tây Bắc, anh không nên ngạc nhiên với bất cứ cái gì, nhất là từ nay trở đi, trên cái đất quê hương thứ hai này sẽ còn nhiều cái chuyển biến. Nếu một lần nào sau này anh có dịp cứ leo dốc leo núi mà ví dụ có gặp tôi phụ trách một cửa hàng mậu dịch nào thu mua xương khỉ gấu hổ, thu mua những con sóc bay con trăn hoa gám, mặt ong cánh kiến huyết linh, một mặt khác, bán ra muối vài nồi đồng thìa nhôm v.v..., thì cũng không nên ngạc nhiên. Mậu dịch rẻo cao cũng là cái bộ mặt của chế độ ta trên vùng núi đây anh ạ. Ấy là nói ví dụ mà nghe thế, chứ việc cầu đường Tây Bắc giờ đang đòi hỏi nhiều cán bộ lắm,

đã đi bán bách hóa vùng cao thế nào được... Nay anh a, tôi cứ nghĩ mà thấy nó hay đáo để. Cán bộ Đảng ta, nhất là ở Tây Bắc, nhất là với một số đồng chí gây cơ sở địch hậu cũ, cán bộ Đảng ta nó cứ như là con dao pha áy. Vứt vào đâu cũng được, cái gì rồi cũng làm. Loay hoay ngày đầu, nhưng có ý thức trách nhiệm, rồi cũng tìm ra, vừa làm vừa học. Khốn nan, trước khi về đây, tôi có biết tí gì là bat núi vút suối khoan chân cầu bít lỗ phut. Cũng như một số anh em kỹ thuật ở công trường này. Ở trường giao thông công chính là chuyên học về đường sắt, nay về công trường này, thi toàn là có đường đất đường đá chứ đường sắt nào, thế rồi cũng cứ làm được... Ủ, anh về tìm hiểu những người đi mở đường Tây Bắc cũng không sợ khô khan về tài liệu đâu. Nếu ở lâu với người làm đường xã hội chủ nghĩa, thì cũng lại sẽ thấy họ có những cái khía tự hào của họ đây... Con đường ta đang làm đây, ngày trước cai Tây Lục lộ Simonet đã đưa cu li lên làm cấp tốc để chúng nó lấy đường chạy Nhật đuổi mà rút sang Lào... Bây giờ tôi vội đi ngay, tôi mai mới về. Đì đón anh chị em công nhân Hà Đông Hưng Yên lên tiếp sức thêm cho bộ đội sản xuất trên quãng đường này...”.

Tôi hôm áy, tập tài liệu của công trường tôi vẫn chưa đọc được một dòng một chữ nào. Tôi chỉ miên man về một cái tài liệu sống của công trường đây:

đồng chí Phương, người cán bộ khai phá địch hậu cũ, nay lại vẫn trên đất cũ mà làm luôn cán bộ xây dựng. Trong nhỡn quan tôi, lại hiện lên hình thù cái bàn Mèo cơ sở cũ của anh Phương mà tôi có dịp lén "tham quan" bùa nọ. Lại hiện lên vô số là những cái lối mòn của người Mèo trên cái bàn Mèo cơ sở cũ ấy. Có một thời kỳ khá dài, anh Phương đã sống với những cái lối mòn của sườn núi cỏ gianh áy, sống với những con đường du kích và bí mật có khi phải xóa vết đi nếu thấy cần che mắt địch. Nay anh Phương lại chuyển xuống thấp, sống với một con đường cái quốc lộ, bám lấy nó một đôi năm và đang làm cho con đường chính quy ấy to hơn nữa, rộng hơn nữa, đẹp hơn nữa, thẳng hơn nữa. Có lần anh đã nói lại cho nghe về những cảm nghĩ của anh mấy năm ròng chỉ biết có những con đường mòn của đồng bào Mèo: "nó cứ như là những cái vệt cháy lưu cữu kinh niên của mưa nguồn khắc vào núi trọc. Nhìn xuống chân núi trong tháp thoáng cái dai đường quốc lộ mà thèm vô cung. Nhìn về phía trước thì là đường bộ, nhìn ra phía sau núi thì là đường thủy Sông Đà. Mà mình thi bước chân ở đây. Cứ nghĩ rằng cơ sở lớn lên, rồi ta giải phóng Tây Bắc, rồi xách cái túi tài liệu mà xuống hàn đường cái to mà đi. Muốn đi bộ thì xuống mặt trước, muốn đi thủy thì xuống mặt sau, đó xuống cái bến Sông Đà ngay chỗ định cắm lanh đường dây dự bị còn bí

mặt áy. Dương hoáng mà đi họp, mà sinh hoạt". Tôi lại còn nhớ rằng sau ngày giải phóng toàn bộ Tây Bắc, anh Phương cũng là một trong số người của đoàn cán bộ Tây Bắc nằm trong khoang đò đoàn thuyền một trám chiếc mỗi chiếc năm mươi chèo cắm một trám ngôi sao vàng quốc kỳ lên mũi thuyền lên thuyền đuôi én ma xuôi Sông Đà, rời Lai Châu về thẳng quảng trường Ba Đình Hà Nội dự cuộc mít tinh đầu tháng giêng 1955 hai mươi vạn người đón mừng Chính phủ kháng chiến ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về thủ đô.

Mặt đường 42 đêm hôm nay vắng bóng người. Chỉ có bóng mây cái tàu lăn đèn sì, bánh gang nặng kềch sù. Sương đêm rừng tráng đèn loáng lên những quả hồ lô máy súng sững im lìm. Máy quâ hồ lô máy đều mang tên đế quốc cá, và mỗi máy đều có một tiểu sử riêng. Cái thì thu hồi ở Lục lộ Hải Phòng, ở Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình gì đó, và nay điều cả lên cho Điện Biên. Nhưng vui nhất là cái anh tàu lăn bé nhất kia kia. Chả thu hồi thu hiếc ở đâu cả mà nó cũng là một tay kháng chiến cũ đây. Cách mạng tháng Tám nổi lên thì nó bắt đầu lăn kềnh ra trên đất Thái Nguyên, rồi người ta phà đường hoa mai chữ chi, nó lu lù ở cửa rưng như một cái má sồng, mặc cho dây rưng quấn lai. Cho mãi đến 52, 53 nó mới được đưa sang phía gần bến Bình Ca Tuyên Quang phục hồi

đường cho chiến dịch Tàu Bắc, Hòa Bình, không rõ nó tham gia đại tu ở những đâu, rồi thấy đưa lên đây. Không hiểu vì lý do máy móc chuyên môn hay vì cảm tình kháng chiến cũ mà có mấy anh công nhân ở đây thích đốt cùi cho nó và lái nó trên những đoạn đường mới rải cấp phối.

Cái đêm tôi không ngủ ấy, cũng là cái đêm ở đơn vị này đơn vị khác có những người, có nhiều người làm đường cùng thao thức hết canh này sang canh khác. Có những đơn vị, không những không ngủ mà còn rủ nhau ra ngoại núi, ra ngoài đường mà làm việc, mà đào mà cuốc mà xúc mà đổ, đất và đá âm ầm hắt xuống vực tối. Một đêm như thế, nhiều đêm đã như thế. Với cái nhiệt tình thi đua lao động “hết mặt giờ đã có mặt giăng, hết mặt giăng thì đốt đuốc mà làm”, nhất là chặng còn bao lâu nữa đã tới mùa mưa rồi, cái mùa mưa thương du rất bất tiện cho sự đi lại cho mọi công việc kiến thiết cầu đường; mùa mưa, thu hép khôi lượng công tác xây dựng lại ma tập trung vào học tập chỉnh huấn trong nhà thôi.

*

* * *

Trăng ngắn lảng thủy ngàn lên những mái nứa mới khu doanh trại các tiểu đoàn làm đường. Dưới

một mái nứa, cá một tiểu đội đã bỏ màn cá rồi mà chưa ai chịu ngủ, vẫn còn xì xào về cái bài thơ của một người làm đường bên đơn vị bạn vừa dán lên báo liếp:

*"Sáng đi trước mặt trời
Chim rừng theo anh dậy
Bình minh chưa kịp thay
Đã thấy anh trên đồi".*

Vài anh thích thú bài thơ làm đường chôm ra khỏi màn sang xin thuốc lào ở một cái màn bên cạnh. Thế là diêm lửa lại lấp lòe, cà tiểu đội lại nhồm cà dậy. Có anh say thuốc lào đang ôn chuyện Điện Biên: "Các cậu còn nhớ hồi đào hào cắt sân bay Điện Biên Phủ, điều thuốc lào ở hỏa tuyến trị giá bao nhiêu không? Cậu gì nay là thủ trưởng đơn vị tờ đã phải đổi mất cái đồng hồ lấy được có bốn điều thôi". Một nhóm khác, lại đọc thơ tiếp, cũng thơ báo liếp của những người dân công làm đường 13 trong chiến dịch Tây Bắc xưa, lấy vần thơ mà đúc lại những kinh nghiệm làm đất phá đá, tiết kiệm mìn:

*"Có một sáng kiến thật ghê
Lấy cuội mà đốt bón bê liền hơi
Tức thi đá nóng như vôi
Cứ nước ma dội đá thời khắc tan*

*Dá xanh dá trắng đá vàng
 Ta mà quyết phá đá tan rã rời
 Thớ vàng thớ trắng ngon xoi
 Thớ đen thớ xám thì hơi khó nhằn
 Dá nào không thớ không gân...*

*

* * *

Ở một khu rừng khác, nước suối nhẹ nhại bọt trắng suông. Tiếng cưa miết miết vào đêm dài, tiếng đục chí chát nện vào tiếng chim thù thì thù thì. Đây là một cái xương nhỏ nhô của những linh khồng làm thó mà chuyển sang làm mộc. Nơi sản xuất này, anh em gọi đua là “Cục cút kit” đóng xe vận tải gửi về Bộ! Lúc đầu một người một buổi làm được một cái bánh tròn rồi sau tiến lên một ngày sản xuất được sáu cái bánh tròn, tức là sáu bộ máy cái của xe cút kit. Gỗ trám đen dai dẻo thớ, bánh không bị vỡ va lâu mòn, anh linh thợ mộc đóng xe quý nhất. Làm ăn bảy giờ đã có quy mô. Có xưởng ché tạo xe để giải phóng đôi vai và tiêu diệt quang gánh sọt, lại càng nhớ đến những tuần đầu húc vào rưng mà mở đường, gánh lấy được, gánh chết thôi, hai không biết bao nhiêu là áo nha nước, giật bao nhiêu gấu và lén bao nhiêu vai mà áo cứ rách tan vì đòn gánh. Gửi đâu cho hết những

cái đêm trường ở cái đai đội gì của đồng chí Nguyễn Công Nuôi thức đêm đóng lấy xe cút kít. Giờ hành chính ban ngày là ra làm đường, đêm về thức quá canh ba làm xe. Những người mờ đầu phong trào đóng xe cũng bị kê úm báng bối. Cái xe cút kít đầu tiên ra đời trong một không khí thiếu sự ủng hộ của số đông, lúc đưa lên mặt đường tay càng tay lái còn loạng choạng, bị vấp ngã, vỡ ngay cái tai xe. Nhưng cái xe tự túc số hai vẫn ra đời, tiếng cút kít cút kít vẫn không dễ được lén những trận cười hoài nghi trên phần đường. Nhưng đồng chí tham mưu trưởng trung đoàn đã đứng bên cái xe cút kít đầu tiên của đơn vị mà rút đồng hồ ra để đánh giờ. Thầy không phải là cầu chuyên đua nữa, mà tài năng của xe cút kít đã là một cái gì được thử thách cụ thể rồi. Cái xe cút kít chuyên đất bằng sức gánh của bốn người và cứ như thế mà tăng mãi nắng suốt lên. Và trong đại đội đồng chí Nguyễn Công Nuôi ngay nay là chiến sĩ thi đua làm đường toan “ep”, từ cái xe mờ đầu phong trào, đã dần dần tăng lên đến năm mươi chiếc từ đóng lấy vào lúc đêm hôm, giữa tiếng ngày mệt nhọc gánh nặng suốt ngày của biết bao nhiêu người.

*

* * *

Một tiểu đội kia, đêm trăng ấy cũng thao thức không kém ai. Chả là có hai chiến sĩ định ngày mai phá cái kỷ lục 85 thước khói ý ra mấy tuần nay như đánh đổ tất cả những tay mờ dương hắc nhất của toàn trung đoàn.

Thế là cả tiểu đội, cả trung đội này cứ tút tát nập lên để chuẩn bị cho người vào phá kỷ lục. Từ ngày nhập ngũ, chưa khi nào cái tiểu đội này vui nhộn đến mức ấy. Chẳng bù với cái hồi mới hành quân lên đây cuốc nhát cuốc đầu tiên lên mặt đường, không ai muốn trở thành người “lính lục lộ”, cho là kém thớ, sáu bảy giờ sáng đủ các thứ còi rời mà vẫn cứ hàng chục bộ màn trăng buông sum sụp xuống như nhà bệnh cách ly.

Người ta giục hai anh phá kỷ lục phải đi ngủ sớm đi để mai lấy sức mà ra trận đánh nhau to với đất với đá với tất cả thiên nhiên. Vừa báo đi ngủ ngay đi, lại vừa không để yên cho mà ngủ. Nào là người biếu đường cảng tin để mai uống cho tinh, nào là dặn dò uống nước cho thêm muối cho khỏe. Người thì thổi phù phù cái củ mài to tướng vừa lui ở trong bếp ra, dứa vào cuối màn. Người thì đứng ở đầu giường nói qua lá màn: “Cứ bình tĩnh giữ vững can xà beng. Nó phồng tay mặc nó. À mình tìm được cho cậu mấy đôi tất rách làm găng tay đó. Đủ cả cuốc lưỡi to cuốc lưỡi nhỏ. Đủ cả xà beng ngắn, xà beng dài đó”. Anh nuôi

cùng chạy sang, giọng chất phác: "Thế nào ngày mai
cùng cái thiện nỗi cháo chin giờ và nỗi cháo chiểu ba
giờ. Tôi đã bố trí gà rồi. Tôi mai, hai đồng chí không
phá xong kỷ lục, tôi cũng cứ đun nước nóng cho hai
đồng chí tắm đây". Đã quá giờ rồi mà còn thấy anh y
tá sang tiêm cho hai người ngày mai xuất trận. Anh
y tá bảo là hai anh lén cơn sốt phải tiêm chặn, nhưng
nhiều người cho là y tá tiêm thuốc bắc, ủng hộ một
cách kín đáo đây. Anh y tá giắt mép màn, một lần
nữa, trịnh trọng tuyên bố không ai được nói chuyện
nữa, phải ngủ đi giữ sức mai làm nhiệm vụ sớm.
Trong màn, các anh sắp đi phá kỷ lục đang lo ngày
mai đào phải đá sít non thì là phèo. Thú đá sít non
cứ bòm bộp như gỗ mục, phỏng xà beng vào cứ bật lên
như bắc, mà đánh mìn thì chỉ bay đi độ bằng cái mū
thôi.

Phía ngoài bái bằng cách suối bờ xa bên kia, vẫn
đều đều tiếng sàng đá dăm của chị công nhân đội đúc
công bàn công tròn.

*

* * *

Giăng canh tư gân lận. Ở khúc suối nọ, đá mẹ đá
con lao xuống uồm uồm rào rào. Từng tố ba người
không ai bảo ai, tranh thủ đêm giăng đi phá cái thành

vách đá sit. Anh em đều gọi cái vách đá ấy là lò cốt cõi thủ cuối cùng trên phần đường này. Nó như khiêu khích những tay cựu binh đã từng đánh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ 1954. Đứng trước các kíp, anh trung đội trưởng: “Chúng ta phát huy cao độ truyền thống tiêu diệt lò cốt, và phải mau chóng nãm được lá cờ *Khá nhát đại đội* lên vách đá này!”. Hai mươi nhăm tiếng đáp lại gọn như tiếng một người khổng lồ vọng qua đêm giăng, và nãm chục cánh tay bỗ đánh hụ xuống cái vách đá. Đá nóng lên dần, đá ửng hồng lên dần. Mắt giờ đã lên từ lúc nào không ai hay. Đá mè đá con hòn nọ hòn kia xéo lên nhau mà chạy như Tây vở trận, ào ào ma lao xuống con suối. Khúc suối đục ngầu lên. Có anh khuynh khuynh cánh tay, đầy xe cút kit đít cong lên như đít bọ ngựa, cà xe cà người nhảy càng cảng trên mặt đương vung vãi đá đất, đạp mạnh chân vào vành mè xe để vượt chõ váp, chiêng cà xe, lán quay cu lơ ra. Anh hót đá tung vãi lại, đổ xuống suối và mắng yêu con suối: “Mày đục ngầu lên hù! Mặc kệ mày. Bây giờ không phải như cái thời làm đương kèo pháo ông phai giữ bí mật, giữ cho suối trong đê bung mắt địch. Nay cho đục ngầu lên nữa nay!”. Mè đá uồm uồm ào ào và liên tiếp những cái đầu xe cút kit cắm xuống mép vực và hất mạnh các thứ đá xuống vực suối! Quai nón những người rú ga

xe cút kít, đọng lại những giọt mồ hôi mặt, mồ hôi cầm, như nước mưa nơi đầu giọt gianh.

*

* * *

Phản đường dằng kia là của một đơn vị lần đầu tiên từ vùng đồng xuôi khu ba lên đồng rừng, cũng mới chỉ biết Điện Biên Phủ qua xì nê và họa báo và các thứ tài liệu thôi. Một vài anh đang cầm xèng, gọt nhẵn thành ta luy cho đúng với quy cách của ban kỹ thuật công trường đề ra. Những sợi dây mây dây song buộc một đầu vào gốc to trên đầu ta luy và một đầu khác quấn lấy bụng họ để đề phòng tai nạn lao động. Họ mon men trên cái vách đá dựng đứng, đỏ rực màu đất mới gọt. Nắng lê dần trên vách cái bóng người cố nhoài ra khỏi thành vách. Có anh em còn cố lấy chổi con nhúng vôi kẻ một dòng lưu niệm vào vách núi: “lần đầu tiên, đưa con đồng bằng lên xây dựng quê Tây Bắc”.

Dưới chân ta luy đã hoàn thành, là hai ông cắt tóc phục vụ cho cả tiểu đoàn, cứ mỗi người một ngày là hai mươi nhăm cái đầu. Mọi khi là ba người, nhưng nay rút đi một, để tăng quân số làm đường lên. Đã nắng tọn rồi đấy. Cái lưng ta luy đỏ gay như nỗi hết rôm sảy lên rồi. Người chờ cắt tóc cứ hết người này

đến người khác ngồi bênh đầu giữa nắng mà tranh thủ để được cắt. Đống tóc vụn cứ ùn mài lên bên một quang đất đỏ chưa hoàn thổ. Tia nắng mười giờ nhấp nhánh trên đồng tóc đen vụn. Một chiếc Mô-lô-tô-va của công trường đã đi chậm lăm răm mà cũng cứ bụi mù lên như đất cát gió Lào. Những lúc này dễ vặt nhau lăm răm đây, nếu thiếu một cái nhìn chung của toàn bộ công việc. Những tiếng nhao nhao không tách thành cho xe ô tô đi qua giờ này, mặc dù là công tác gì đi nữa. Ở phía dốc lùi lùi tiến lên một chiến sĩ, không biết nói một mình hay nói với hiệu cắt tóc giữa đường: “Mình vẫn ốm. Nhưng nghe đổ đất đổ đá ủm ủm, nầm nghe mà sốt rột. Định ra làm luôn hôm nay đây. Nhờ ông nào húi trọc cho một cái rồi là đi nhận xe cút kít đây”.

Anh nuôi gánh nồi cháo cù mài ra mặt đường. Anh nuôi khe khẽ hỏi xem kiện tướng đào đất đào đá hôm nay tụ quang nào trên mặt đường. Một người đứa: “Hình như đầu kháng chiến, anh nuôi còn tin ở địa lý gì đó. Vậy thì cứ xem chỗ nào trong khu rừng này có nhiều vương khí nhất thì chỗ đó là đất phát của người anh hùng, của kiện tướng phá kỷ lục đó”. Anh nuôi cũng hôm hình trả lời: “Nhiều vương khí lắm! Chỗ nào cũng ngùn ngụt bốc hơi. Ta luy bốc hơi, mặt suối bốc

hở, mặt đường bốc hơi. Mắt người nào cũng ngùn ngụt cả. Chết chết, kém bình tĩnh là giờ này dễ phạm đoàn kết lầm đấy!”. Anh nuối nheo nheo mắt nhìn rộng ra con đường chói chang: “Chết chết, mặt đường chỗ này như là cái mâm đồng đánh gio trầu bóng loáng. Nắng này đá cũng vỡ mồ hôi”. Anh nuối chặc lưỡi nhìn giờ, muôn giờ cao cho bay qua một cái bóng mây để chút nữa anh em có tí bóng mát mà húp cháo. Anh vội phát huy sáng kiến, quơ con dao rừng, chém ngang mây cây to, cắm ngay xuống đất ẩm, chèn đá vào. Trông thành ra mây cái lọng, tán xanh, rộng vừa đủ che cho một tiểu đội quay vừa nồi cháo. Mới thế mà lá cây tươi đã có chiếc héo dần. Lục đục một vài bóng người bỏ mặt ta luy nhảy phóc xuống. Cháo húp vào, mồ hôi ra. Bây giờ mới nhìn vào đôi bàn chân, có anh réo to: “Cô đứa nào đổi giầy không?”. Đôi chân anh là một đôi giầy sơn cộm lên những bụi những đất. Đất bỏ bàn chân anh thành một đôi giầy da nứt ra vì nắng. Nắng cả buổi làm đá xé toạc da giầy thành từng đường mót. Đất rạn nẻ trên mu bàn chân anh. Bát chao ra mồ hôi. Bàn chân long từng mảng giầy đất, những mảng đất luyện mồ hôi muối cứng chắc lại, nay gặp mồ hôi nước cháo lại vỡ ra rung xuống. Ba người húp cháo, năm người húp cháo

dưới cái lọng xanh. Anh nuôi thỉnh thoảng quạt cho anh này một cái, phẩy cho anh kia một cái. Anh nuôi liền nói: “Thấy cẩn máy húc mây dùi của Liên Xô lám rồi đây. Chả biết lúc nào Bộ mới gửi lên cho ta nhỉ?”. Một anh khác bắt tay vào ngay: “Máy móc phe ta thiếu gì! Mười hai nước bạn thiếu gì. Xin là có ngay, nhưng phải có đường đã rồi nó mới đi vào đây được. Cho nên căn bản là giải quyết xây dựng cơ bản cầu đường này đã. Cho nên trước khi đưa máy húc lên, thì ta hãy húc đi đã. Đôi tay ta là cơ giới, tự lực cánh sinh đó...”. Một anh khác nguýt dài cái anh đang định lên lớp tiếp tục nữa, vừa nguýt vừa nói sǎng: “Thôi, xin mời anh húp chóng lên và mượn anh cái bát tí”.

*
* * *

Trên đỉnh ta luy, hàng trăm hàng nghìn cánh tay phóng xuống rút lên phóng xuống. Không một động tác thừa. Tay đánh xà beng, chân gạt đất, mắt đà nhìn sang chỗ khác lưa trước địa hình địa vật để chuyển mùi xà beng sang. Những cái thế đứng xoạc chân, những cái dáng quai cuoc quai búa. Dưới chân ta luy là những đoàn xe cút kit. Đống đá đất từ mặt trên đổ xuống, un lên, rồi vội ngay đi. Xe cút kit nối

đuôi nhau lồng lên như những anh say rượu miên núi khát nước chạy nhào ra mép suối bọt reo tráng phau.

Thế rồi một buổi chiều, người ta reo hò đón những kiện tướng và anh hùng làm đường mới. Cả quân chúng lao động, cả những vị kiện tướng giữ kỷ lục cũ cũng mừng reo mà đón những kiện tướng phá kỷ lục mình giữ có khi hàng tháng. Chính tay kiện tướng cũ lại cầm cờ đỏ đi trước mở đường liên hoan cho anh em kiện tướng mới. Theo sau là những kiện tướng vừa xuất hiện. Chiến sĩ đều công kênh lên, đặt lợt thỏm vào vành mè xe cút kit, rồi xe cút kit chạy băng băng. Xe chùng chiềng xe nhảy căng lên, kiện tướng phải vừa cười vừa hai tay bám chặt lấy vành mè. Trên phân đường chưa điều chỉnh xong mặt đường, cái đám rước ấy thu hết cả quân số tản phát hai ven đường, chuyển thành một cuộc biểu tình liên hoan kéo vào sâu trong doanh trại.

*

* * *

Tôi nghĩ đến một diệu vũ. Lấy ngay mặt đường và người mở đường ra làm đề tài và chủ luận cảm xúc. Mở màn lên, sân khấu chia làm ba tầng. Tầng trên cùng là những người cuốc và đánh xà beng phá đất

phá đá, mặt đèn chân tay đèn cháy. Cây rừng xanh, lườn ta luy đỏ. Tảng dưới cùng là những hàng xe cút kit nối thành một dòng lượn rồng rắn ra bờ suối. Tảng giữa là những anh cắt tóc, cấp dưỡng, y tá v.v... Loáng thoảng điểm vào vài hình ảnh cô Thái hái rêu bè măng. Tôi tưởng rằng có thể cấu tạo bố trí thành được một khung múa để biểu dương thật là thích đáng những con người lao động mở đường xã hội chủ nghĩa trên Tây Bắc.

Tôi nghĩ đến một bài ca.

Bài ca của người làm đường mà dưới đây mới chỉ là những cái tứ thơ đầu tiên đang lẩn tìm cái hơi cái nhịp tạo hình của nó:

*Rủ nhau ta đi mở đường
Mở đường xã hội chủ nghĩa
Chúng ta với con đường là một
Lều lán ta ở đâu
Con đường theo tối đó
Bạn mình xưa cùng đánh thắng Điện Biên
Giờ đang trong kia Mường Thanh
Thức cánh đồng lịch sử trỗi dậy
Cùng người làm ruộng trồng áy
Lũ chúng ta thi đua làm đường
Cho ngăn lại đêm núi đường trường*

*Cho rộng dài thêm quê hương
Cho thủ đô gần lại biên cương
Chúng ta là đất nước vươn lên
Tuần hoàn mạch âm mạch dương
Tổ quốc ta đập con tim
Rừng xanh quan lục nỗi phô phường
Hôm nay hoa Tây Bắc trên ta luy
Rung xuống phần đường Xuân Tre
Xuân đi dài hoa lớn quả
Những lớp quả mùa quá độ
Đang với trong nơi cửa rừng
Mong đường ta sớm khai thông
Chóng đưa nhiều hoa Thái quả Mèo
Về góp mặt hàng
Chợ kinh mậu dịch đồng bằng.*

Xuân 1959

GIÓ THAN UYÊN

*Tặng một anh bạn làm phim
Việt Nam đang túng dầu đê*

Tôi cầm tay anh bạn trẻ đi họp thanh niên ở Khu
về nay trở lại đoàn thể bên Than Uyên.

- Tôi chưa biết Than Uyên bao giờ. Chỉ nghe đồn
“ruồi vàng, bọ chó, gió Than Uyên”, chỉ nghe nói hậu
địch Than Uyên xây dựng cơ sở gian khổ và nay gian
khổ kiến thiết cũng rất nhiều. Nghe nói đường xá vào
đất Than Uyên khó khăn mà tôi cũng muốn có dịp vào
thăm Than Uyên...

- Nếu đồng chí có thể đi ngay dịp này, thì xin mời
đồng chí lên ngựa tôi đang cưỡi đây rồi hai bác
cháu ta cùng về Than Uyên

- Có lẽ mùa xuân qua năm nào tôi cũng vào
Than Uyên.

- Tùy đồng chí thôi. Than Uyên ở vặt nèo, cũng ít
có khách phương xa đến.

Một cuộc chia tay ở bến tả ngạn Sông Đà, tôi trông theo bóng ngựa anh cán bộ Than Uyên rẽ khuất vào cái bản người Xá chờ đò. Tôi về Quỳnh Nhai mở bản đồ ra nhìn kỹ lại địa dư châu Than Uyên, cái châu làng xóm láng giềng của Quỳnh Nhai. Hai cái châu nghèo Quỳnh Nhai-Than Uyên đã gắn bó với nhau từ thời địch hậu; hai cái châu chỉ em sinh tử dùm bọc lấy nhau, cũng là cảnh nhà khó, từ bé đến giờ đều chưa bao giờ được nghe thấy còi và trông thấy cái bóng xe hơi. Những buổi tối Quỳnh Nhai, anh cán bộ quê Quỳnh Nhai ôn lại cho tôi nghe về con đường dây dầu mỏ bị mật từ bờ Sông Hồng tự do xuyên Than Uyên qua Quỳnh Nhai và bắt sang Tuần Giáo Điện Biên, và Than Uyên Quỳnh Nhai đều là con đường ra vào của những đợt “nhảy dù” cán bộ đột phá và cũng cố địch hậu suốt mấy năm ác liệt 49,50,51, đầu 52 của Tây Bắc. Lúc Tây Bắc giải phóng cuối 1952, tất cả những anh chị em Thái Trắng Quỳnh Nhai tản cư kháng chiến bắn mãi lên bến Quý Quân khỏi ngã ba Sông Lô Sông Gâm Tuyên Quang, đều đã tui tui mừng mừng ôm mành chăn nệm mà hồi cư bằng con đường Than Uyên. Và những ngày Quỳnh Nhai đói muối khát muối nhất thì muối kháng chiến lại cũng từ Than Uyên mà chuyển về Quỳnh Nhai.

Mùa xuân năm ngoái, trong những đêm thao thức ở bến Quỳnh Nhai, tôi thấy Sông Đà như nổi lên những trận gió trách móc của Than Uyên gọi vọng ra từ trong nội địa. Một năm Tây Bắc qua đi cũng nhanh. Đoàn 600 thầy giáo có giáo đồng bằng xung phong mùa thu đi lên rừng dạy học chưa bước vào tổng kết học kỳ I thì hoa ban hoa gạo đã lại bắt đầu sang một mùa xuân mới nữa rồi. Tôi nhìn ban nở rõ trên con đường gập ghềnh bì bõm đi vào Than Uyên, lòng bảo lòng: "Mình đi lên Tây Bắc tìm hiểu những vấn đề của công trường làm đường và những tâm trạng con người mới đang mở đường Tuần Giáo-Điện Biên. Nay lại lái sang Than Uyên là một cái chảo không có đường và cũng chưa làm đường cái. Vậy thì ý nghĩa của chuyến đi Than Uyên này là ở chỗ nào đây? Thôi cứ đi, có đến cái chỗ sơn cát lộ tận không có đường cái quan này, thì mới nhìn rõ hơn nữa những cái vui sướng của những chau bạn khác đang được cái may mắn khuếch trương đường tảng thêm lưu lượng xe máy trên hệ thống đường cái chính sứ chạy qua chau mình. Âu cũng là một cách đi tìm cái mặt tích cực của vấn đề ở ngay cái khía tiêu cực của vấn đề. Muốn thấy cái lạc quan xã hội chủ nghĩa của Tuần Giáo Điện Biên được phát triển quốc lộ, thì phải

đi trên những lối mòn tiêu mạch của Than Uyên đang mong mỏi thoát nhanh khỏi thời áu trĩ lạc hậu của mình về giao thông vận tải..."

*
* *

Tôi đã gặp cán bộ Than Uyên giữa đất Than Uyên. Một đồng chí, máy đồng chí đã cho tôi hiểu tình hình mọi mặt của Than Uyên hôm qua, ngày nay, và hôm nay cùng là triển vọng ngày mai của Than Uyên. Ở đây chưa có phiên chợ chưa có cả chợ, chưa có nhà giao tế như một số chàu ly khác đóng sát ven đường trực, chưa có loa phóng thanh, chớp bóng hàng năm độ một đôi lần. Khoảnh đất làm nền cho chàu ly đây là một cách rừng gỗ táo đang đều đều rit lên tiếng lười cưa bị vit vào mạch gỗ từ thiết. Nền nhà tôi ngồi đây nguyên là một bãi tha ma xã Mường Cang xưa đây, hồi cơ sở còn trong bóng tối, vẫn là nơi cán bộ về nắm rừng bí mật năm lấy dân. Khỏi nói, mà không nghĩ đến cái thân đau khổ và dùng cảm bén bì của cơ quan đây bao nhiêu năm tháng mất đất toàn lưu vong đi ở nhờ huyền bạn chàu bạn; và hòa bình đã lâu rồi, mà vẫn giữ lận đận nổi nênh mãi cho đến năm 1955 mới ám chỗ ở đây. Mà vẫn còn là ở tạm thôi. Cuối 1960 này, lại chuyển lên Mường Than, nhà

cửa rồi ra mới thật là tươm tất. Nghe xong và ghi xong những tội ác địch và những chuyện nóng dân Than Uyên bị trùm phi cương bức vứt bỏ cày cuốc bị di súng vào tay dây lên để vô tình bị lửa đế quốc ám mưu chia rẽ dân tộc. Một buổi trưa nắng lòa, tôi rào bước lên cánh đồng Mường Than trú danh của Than Uyên, một trong bốn cánh đồng nổi tiếng của Tây Bắc “Nhất Thanh, nhì Lò, tam Tác, tứ Than”. Cánh đồng Than Uyên to rộng không bằng Mường Thanh Điện Biên dài 20 cây số, nhưng gọn hơn đẹp hơn.

Dấu vết chiến tranh trên đồng này có khi còn nhói hơn cả bên Điện Biên. Ở đây không thành một bãi mìn gài lại như Mường Thanh, nhưng đất ruộng phần nhiều chưa hoàn thổ, nhiều khoảnh bỏ hoang nứt nẻ, vì chúng bọn phi nổ lên ép dọa nông dân bỏ ruộng, cánh đồng ngày nay chưa ám cho hết lại cái hơi người. Đất chưa phục hồi hết mầu mỡ. Cho đến 1955 đánh tan phi rồi, phi đã tập trung đầu hàng ở Nậm Sở rồi, mà nhân dân Mường Than Mường Cang vẫn còn phải ăn cám, vẫn còn có người thiệt mạng vì ăn hột quả vải dại thay cơm. Thật là cán bộ Than Uyên tận tình quý thương nhân dân và cố gắng hướng dẫn sản xuất mà 1959 đã được mùa, ruộng một mùa đã biến thành hai mùa, nông dân vui tươi dần lên, 6 tạ miến mậu dịch và dăm sáu chục cái ninh đồng bán veo đi trong hai ngày Tết âm lịch vừa rồi. Đồng chí bí thư đã tươi

giọng lên mà bảo tôi rằng: “năm nay Than Uyên có khả năng chấm dứt nạn đói lưu niên, và nông trường bộ đội ở phía Thanh Thuộc sẽ là gương mẫu cho phong trào sản xuất nông nghiệp của Than Uyên”.

Tôi nhìn cánh đồng Mường Than ăn sát vào từ phía chân núi. Cái sân bay cũ của giặc cũng là xén vào ruộng cánh đồng thành một bãi cỏ dài. Phân trường bộ đội giống dứa, chăn nuôi hàng ngàn bò, và giống cà phê, thứ cà phê nòi, loại cà arabica chính tông danh tiếng. Khói lò gạch, khói lò vôi bộ đội tuôn trên cánh đồng mông mênh lúa người và cỏ bò. Thoáng nhớ lại bọn trùm phỉ lấy cỏ Than Uyên làm hình ảnh gieo nghi ngờ và phản tuyên truyền. Máy đưa thảm thì đưa hơi với người này người khác ở Nậm Sở:

“Ở núi thì hay cháy rừng gianh cỏ gianh, ở nước thì suối lũ mùa mưa hay trôi dạt đi hàng mảng cỏ loại cỏ chạy. Mùa mưa trôi cỏ chạy, anh cỏ gianh nhìn xuống chân núi mà cười cái thân loài cỏ chạy. Nhưng lúc cháy rừng, anh cỏ gianh đứng mà chết cháy, thì anh cỏ chạy ở lòng suối lại nhìn lên giờ mà cười rất lâu”. Chúng còn nói thêm “Mưa Tây Bắc cũng nhiều, nắng Tây Bắc cũng nhiều, lúc nào nó nắng thì biết đây là nắng, lúc nào nó mưa thì biết đây là mưa. Biết thế nào là nắng bao giờ và biết lúc nào lại mưa!”. Vừa nói dở kiếu tháo khẩu, vừa làm thế nào cho

chung quanh hiểu ngầm rằng mình là mưa đây. Như cái kiểu trước đây có những anh đồ giàn vùng xuôi ngắt ngưỡng bét nhè giọng phản động đá đá cái hơi sấm Trạng Trình:

*Giời làm một trận lăng nhăng
Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông
Giời làm một trận lung tung
Thằng lại là thằng, ông vẫn hoàn ông".*

Thôi, xin lỗi! Hãy cho đi về cái mồm mấy đứa! Bay giờ không có cái quy luật lặp đi rồi lại lặp lại, không có cái nước bánh tròn lăn nghịch chiều, con người Than Uyên đã khổ đau mãi vì đế quốc và phi tay sai nó rồi, không ai lọt tai những lời khó nghe ấy nữa đâu. Và trên đồng cỏ Than Uyên ngày nay, chỉ có sự đoàn kết các dân tộc để xây dựng cho Than Uyên chấn nuối nhiều hơn lên giống giọt nhiều hơn lên, và chuyên vận giao thông mỗi ngày mỗi tiến lên. Nhìn lại một số vấn đề lịch sử, càng thâm cài truyền thống của Than Uyên dẻo dai chịu đựng gian khổ và biết chờ đợi một cách dung cảm.

Chinh quyền cách mạng toàn quốc thành lập tuyên bố giải phóng và độc lập khắp nơi rồi mà hết năm 1945, Than Uyên vẫn lù lù lá cờ tam tài Pháp trên nóc đồn giữa cánh đồng Mường Than. Rồi đến đám Quốc dân Đảng Việt Nam. Rồi đến dần dần xây dựng

lực lượng vũ trang đánh đồn Than Uyên lần thứ nhất năm 1948, thành lập ngay căn cứ du kích giữa địch hậu đang bị nó bao vây bốn mặt Tây Bắc. Địch biết ta muốn lấy Than Uyên làm bàn đạp tỏa vào Sơn La Lai Châu nên nó quyết liệt giành lại, tiến quân ba mặt. Văn Bàn đánh vào; Nghĩa Lộ đánh sang; Phòng Tô đánh về. Ta bèn gầy mui Phòng Tô nhưng rồi vẫn bị vỡ cơ sở. Địch liền đi càn rừng càn núi càn suối. Du kích chiến tranh vẫn tiếp tục và sau này mở Hội nghị Du kích miền Núi song song với Hội nghị Du kích đồng bằng ở ngoài vùng tự do Tây Bắc và Việt Bắc, Than Uyên có cử người ra dự để báo cáo kinh nghiệm xương máu của Than Uyên. Liên tiếp bốn năm năm cuộc đời hoạt động bóng tối của cán bộ địch hậu Than Uyên là cuộc sống của con người nguyên thủy, không dùng ít dùng đến tiếng nói con người mà chuyên dùng tai nhiều nghe nhiều động tĩnh của địch. Nghe tiếng động gần, tiếng động xa, nghe xem súng gì là dân bắn nai bắn thú rừng, súng gì là giặc sục sạo lùng rừng. Rồi tập nhảy trên đá như khỉ, tập giấu đi vết chân mình, tránh đi lên mảng cát mảng bùn mép suối mà chỉ nhảy từ hòn đá này sang hòn đá nọ. Bởi vì trên làn đá tung tích minh bao giờ cũng ít bị lộ hơn là trên bùn trên cát. Người Thái người Xá bước chân thường nhấn nặng vào vai ngón chân cái, còn cán bộ người kinh hay ăn nặng gót chân, địch phân biệt dấu bàn

chân rất tinh, nhiều khi anh cán bộ Kinh sơ ý quên xóa đi dấu vết mình ban đêm đi vội, ban ngày nhân dân đi rừng trông thấy, lại bảo vệ cho cán bộ bịt mắt địch lại bằng cách mỗi người vài người cứ đi đúng vào vết chân anh cán bộ đêm qua, vừa giẫm lên mà vừa là xóa đi. Địch lùng rừng, xuýt chó béc-giê. Nó đánh chóng khắp các nương ngô. Nó gài mìn vào cối nước giã gạo. Bắt đầu từ lâu rồi cái tập quán ăn nhạt không muối, ăn vã rau tàu bay. Ngô mà có thì cũng cứ hãy để dành cho nhân dân hoặc ai ốm đau mới đem ra nấu cháo. Trong túi tài liệu vẫn có cái ống tre con đựng độ trăm rươi hai trăm hạt muối, nhưng quý nó bằng mây mươi lần cái nhẫn vàng lương khô của anh cán bộ đồng bằng tự do. Bao giờ ốm bại liệt mới nhảm ít hạt. Muối không còn là gia vị mà trở nên vị thuốc cứu mệnh người. Đồng bào Thái Mường Kim, nó bắt dồn dân tập trung bản, đã bí mật ra khóc với cán bộ, dủi thóc cho cán bộ: "Các ông các anh không nhận thi địch nó cũng cướp thôi, nhân dân chả có được ăn đâu". Và giữa đêm rừng, người cho khóc, người nhận thóc cũng khóc. Có lúc thì là những ống lam sống, đồng bào cho thóc vào đốt tre nút kỹ lại mà thả trôi dòng ở những chỗ cửa rừng miệng suối đoán phỏng là đêm đêm cán bộ hay qua lại. Thóc chuyển về rừng bem, đem phân tán thành nhiều sọt nhỏ từng yến một giấu vào hang đá cạn vào hầm đá chìm có gai có phủ

kin. Lúc ăn cối không chày không, lại lấy đá mà giã lên đá, hòn đá nhọn làm chày cái cối đá trũng làm cối, sàng sảy bằng cái mo nang cây hương cây hộp. Có khi nhân dân biết “người rừng” lâu nay nhớ thịt, đồng bào ta đánh lén ba tiếng mõ ám hiệu, gài lén cành cây hộp thư áy một sợi dây buộc cày buộc bừa, cái sợi dây da trâu sống, sợi dây thiếu. Đem về nướng dây thiếu khét khét mùi bì nhục, ăn cho có mùi gây gây vị thịt. Thế rồi hổ vồ hổ ăn thịt mất đồng chí đội võ trang dọc sông Nậm Mu. Thế rồi thằng quan tư đồn Than Uyên cắt tai cán bộ, định tiêu chuẩn tiền thưởng cho từng loại tai cắt trình đồn, thế rồi chính tay nó cắt đầu cán bộ, đem sơn đỏ vẽ sao vàng vào đỉnh trán, đến tối bày đầu lâu ở bàn giấy chặn lên bản đồ quân lực nó, ngày đem bày đầu lâu ở cổng đồn cho nhân dân qua lại từ Mường Cang Thân Thuộc Bình Lư trông đó mà mắt tinh thần. Nhưng ba giờ sáng một đêm cuối châu giăng mùa thu năm 1951, người đảng viên cộng sản Thái lớp đầu tiên của khu Mường Kim đã nắm tay đội võ trang đi qua nhà mình, chỉ giăng mà nói rằng: “Tôi tin Đảng như luôn luôn tin vào mặt giăng chiếu xuống vật ruộng nương lúa. Than Uyên Mường Kim nhất định có ngày giăng sáng hơn giăng đêm nay”. Dịch bắt đi bắt lại đồng chí Thái tin mặt giăng Đảng đó và do có người khai ra, nó đã bắn mất. Nhưng mà mặc dù nó đông, càng đông càng ác, người Mèo hết sức bảo vệ

cán bộ. Chỉ tám khẩu hỏa mai, Mèo Long Quang đã dũng cảm chống Pháp suốt một năm tròn không cho đế quốc ở Than Uyên phạm được vào thân thể và tài liệu của anh cán bộ nằm núi cỏ gianh. Cho đến hôm nay đây, Than Uyên quang cả đế quốc quang cả thổ phỉ từ lâu rồi mà cụ Mèo lò rèn 70 tuổi vùng Nậm Cha ấy vẫn còn gửi về cho “các con” cán bộ địch hậu cũ một con dao ngắn chuôi ngắn lưỡi kèm một vài bắp ngô với ty thịt ướp không có muối.

Tôi đã tạm gấp cuốn sổ tay lại mà xin phép ngắt anh cán bộ Than Uyên: “Khắp miền Bắc chưa nhiều thì ít đâu đâu cũng một cái sinh khí mở ruộng mở mò mở đường mở sông bến. Nhưng riêng với Than Uyên, trong chủ quan tôi vẫn cảm thấy hôm nay đây Than Uyên vẫn còn là địch hậu. Các đồng chí cho tôi được nói thật một điều này: tôi vào Than Uyên, tôi thấy Than Uyên vẫn còn chưa phai hết cái ấn tượng một vùng địch hậu. Nghĩa là đế quốc ta đánh bắt đến thằng lính đánh thuê cuối cùng rồi. Mặc dù thế, ở đây vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây. Bao vây bốn mặt. Không phải là Âu Phi nguy phi vây ta, nhưng quanh ta là cái vòng vây của đá núi lá rừng trùng trùng điệp điệp. Không phải là vành đai trắng cơ sở trắng băng mà nó là một cái vành đai xanh. Châu ly Than Uyên chưa có phố, nhưng nếu phố có mở to đi nữa, tôi vẫn thấy đây là một cái sa mạc xanh

mà mỗi hạt cát vàng lại được thay thế bằng một cái lá úa rừng. Tôi cứ nghĩ rằng chỗ cánh đồng ta đang ngồi nói chuyện đây là một cái lòng chảo khổng lồ, cái chảo gang thối corm khổng lồ đó có bốn cái tai vểnh lên, có bốn cái quai chảo. Mỗi lần ta đi họp Khu hoặc tòả ra các châu bạn, tôi cứ nghĩ như ta là một con kiến rừng bò từ lòng chảo bám lên cái quai chảo. Bốn cái tai chảo ấy là bốn cái đèo ở bốn con đường ra vào Than Uyên. Đi ra bờ Sông Hồng ga Bảo Hà, ta qua đèo Khau Co. Sang Nghĩa Lộ, ta phải leo miết qua Khau Phạ, một cái sừng giờ. Sang Sơn La lại vượt Khau Bồng. Về Khu, chọc ra Sông Đà phải vượt dốc Sam Pạo, con ngựa vừa leo vừa vãi rắm đánh rắm nhiêu lần. Than Uyên nằm lọt thỏm giữa hai cái gọng kìm nước của Sông Hồng và Sông Đà. Đi ra phía sông trên hoặc sông dưới đều là phải ba ngày đi vã. Mở bán đồ ra, nhìn vào Than Uyên đường đi vê lên giấy, không thấy nét đậm nét đôi, mà chỉ là những cái chấm trứng rận, nhiều khi trứng rận lại chìm vào con suối như là mắt đường. Tôi cho rằng chỗ các anh đang làm việc hôm nay đây cũng vẫn là một vùng địch hậu. Bằng cách mở đường thông xe vào cho băng được, phải giải phóng một lần thứ hai nữa cho địch hậu Than Uyên. Địch đây không là ai cả, mà vẫn là cái thứ thiên nhiên hiểm trở của Tây Bắc mà tất cả những người công nhân làm đường Tây Bắc ngày nay

đang coi là đối tượng tấn công. Núi đất núi đá, suối, đèo đều cũng là đối tượng cách mạng xã hội chủ nghĩa của họ cả. May mắn nay tôi lên Tây Bắc tìm hiểu về các mặt mỏ đường bộ, đường thủy, đường bay ở châu này châu nọ..."

Tôi chuyển câu chuyện sang khả năng kinh tế của Than Uyên, hỏi cho cụ thể thêm về mỏ chìm và mỏ lô thiêng. Thì Than Uyên thật là nhiều mỏ, ấy là ở đây cũng chưa phát triển thăm dù khảo sát nhiều như ở các châu khác.

Than Uyên có nhiều thứ mỏ. Mỏ xi măng thiên tạo ở chân dãy núi Hoàng Liên Sơn ngắt giới một đình Phan Tây Păng cao nhất Tổ quốc chúng ta. Mỏ đá thạch anh để làm thủy tinh ngũ sắc và làm đồ sứ. Mỏ diêm sinh trắng ở rất nhiều hang dưới khổng lồ sâu thăm. Mỏ diêm sinh vàng, suối ngùn ngút sôi khói. Mỏ than mỡ ở những quầng núi sát ở Pu Khi. Mỏ chì Mường Khoa. Mỏ lân tinh ở chỗ cánh đồng Cáp Na, vớt lên cạn là cháy xanh lè lè lại phải dìm xuống suối. Mỏ đồng ở Pha Mu đã xác định rồi. Dọc con sông Nậm Mu đổ ra Sông Đà là cứ thấy có vàng, người Xá người Hoa kiều Sạ Phang trước đây vẫn dùng thủy ngân tổ chức đai vàng, có người một ngày được một đồng cân, có người một ngày đà vở được hàng lạng; một người vùng Mường Kim, thỉnh thoảng mổ vịt, mề vịt bầu có vàng bằng hạt ngô giống.

Ấy là chưa kể trữ lượng đồng cỏ của Than Uyên chăn nuôi. Ấy là chưa kể lâm thổ sản của núi rừng Than Uyên toàn gỗ quý, toàn tứ thiết. Đúng đến tài nguyên giàu có của chau mình, đồng chí Than Uyên đã buột miệng mà kết thúc vấn đề mò rằng “nhưng mà khó khăn về vận tải cũng hạn chế sự phát triển kinh tế của Than Uyên”.

Anh cán bộ Than Uyên nói sang chuyện khác với một giọng thật vui đùi: “lắm lúc về Khu họp mùa mưa, đường qua Quỳnh Nhai bị suối lũ suối tắc phải chờ hoặc quay lại đi lối Bảo Hà, cung gay. Nhưng ngày nay có đi vòng thúng hơn thế nữa cũng chà sao, vì đã thăm gì với hồi địch hậu, mắt nhìn thấy đúng qua núi cơ sở mình gây rồi mà còn cứ phải loanh quanh thấp thỏm mà đi có lúc mất hàng mấy tháng”.

Cánh đồng Mường Than hôm ấy nổi gió Than Uyên. Gió nổi lên từ đình Khau Co thổi thốc từ Đông sang Tây, chiếu thẳng Năm Sắt Năm Vai và gió đuổi theo người bộ hành đang rảo bước trên con đường về nông trường Thanh Thuộc. Không khí cuộn thành đợt sóng luồng, gió phút phút một tia trường hơi. Người đứng xa luồng gần luồng tia trường hơi, người đứng ở trong phạm vi và ngoài phạm vi luồng gió, người ở bờ luồng gió và trong dòng gió, trông mà thấy ngay, cách nhau một tia nhìn vài tia nhìn, đã thấy là hai thế giới. Người ở ngoài con đường xuyên của gió đèo thì

mặc áo cánh cụt, người ở trung đường tim luồng gió lao như đường đạn thì áo trán thủ, ngực thì buốt mà mặt thì hầm hập. Cột nhà chôn một thước ta, gió nhỏ cà đi; thường năm, không mấy khi là không có vụ gió xô sập nhà. Gió mạnh như sóng bão cấp năm cấp sáu, cấp bảy, mùi gió nhạt nhạt, vị gió ngái ngái. Gió đổ nhà đổ cửa, gió chém vào móng ngựa thồ, cuốn rổi đuôi và bờm tóc ngựa. Gió giúi gục đầu ngựa. Ngựa bạt hơi. Người ngồi ngựa hộc máu cam trên cương ngựa. Gió quẩn mă hồi lùng nỗi lên, đá to bằng quả trứng gà cùng bay vù. Ủ ù dật dật, quanh cái bếp lửa, cụm đầu vào nhau mà to tiếng cũng chỉ nghe thấy có lời hờn của gió nó dây lên từ giữa hai cái vú đá trên đỉnh đèo Khau Co mà sà xuống. Lúa đang trổ, gió tháng chín tháng mười bắt đầu quay lên là coi như bỏ đi vụ áy. Lúa phơi màu, gió quạt lép hạt; lúa gần chín, gió quạt như liên thanh không thay băng đạn và một chap là hạt rụng hết.

Bông giống, gió chặt lấy cổ, cây không tài gì nở hoa kết quả được. Sắn không sống, gốc động như thế, đậu sao thành củ. Chuối cũng không sống được, gió đánh gốc như voi lay cuộn, tau lá nào cũng tước xơ.

Lịch gió Than Uyên là cuối đông sang đầu xuân, lồng lên từ trưa cho đến chiều, càng nắng càng động cồn. Nhưng gió Than Uyên là một thứ gió tự do bừa bãi, nó muốn nổi lúc nào thì nó nổi, làm sao mà bảo

được, làm sao mà biết được. Có khi nó còn a dua cả với gió Lào Cà Tèy mà đốt cháy nhà, cách nhau vài tiếng mà hai thứ gió, gió Than Uyên đốt dây nhà hướng đông gió Lào tiếp tục quạt ngược lại mà đốt nốt dây nhà hướng Tây cho cháy rụi.

Tôi nghe gió, tôi nghĩ về gió Than Uyên mà cảm thấy hình như cuộc sống ở đây có một thứ khoản nợ lưu lại gì từ vạn đại tiền kiếp nào cần phải trang trải đi với nhau. Trong hơi gió, có tiếng nửa hòn giận và nửa như tiếc một cái gì ghê gớm lắm. Than Uyên từ thuở tạo thiên lập địa chưa bao giờ có bóng một cánh buồn, chưa bao giờ có bóng một cái bánh xe lăn tròn theo guồng sống. Ở những cảnh trí sơn thủy hữu tình của Than Uyên, người và cảnh còn hàm dưỡng sức sống đây, thật ra là đã thiếu hẳn cái hình ảnh vành xe tròn có nan hoa một cái bánh lốp cao su ô tô. Và ngay cả đến một cái bánh gỗ vành sắt xe trâu xe bò cũng chưa từng thấy có. Mà hình như cũng chỉ vì có bấy nhiêu, mà thành ra cái gió Than Uyên nó luôn luôn bất mãn với trạng thái sự sống trung cổ đang vây lấy nó, và nó đòi thoát ra. Hay là từ thời Hồng Hoang nào, giữa Than Uyên đây vẫn có sông nước có con đò có cánh buồm? Một cuộc dâu bể thương hải tang điền nào đó đã biến con sông tiền sử ấy thành ra cánh đồng Than ngày nay? Và gió Than Uyên nhớ sông nhớ đò thiên cổ mà bay nổi lên như tiếng thát

thanh của cả một cái chàu vạn rưỡi con người bảy dân tộc này đồng thanh hò la mà gọi đò mà cùng một lúc ó lên đồi sang đò ngang. Tôi cứ lẩn theo gió Than Uyên mà gợi lên một cái già thuyết địa chất có những biến thiên tạo sơn như vậy để cố giải thích cho mình về gió Than Uyên, cái thứ gió Than Uyên nó đang rồng lên đồi cuộc sống phải kiềm đò kiềm xe cho nó.

Tôi rời chàu Than Uyên trở ra chàu Quỳnh Nhai, chân mình lại giẫm lên những vết chân người đã qua đây trước mình trên con đường tiểu mạch lẩn vào suối vắt lên đèo cao này. Đặt lên vết chân đồng chí chúng ta xưa cũng có, đặt lên vết bạn cũng có, giẫm lên cái bước đi bại tẩu của quân thù cũng có. Và sau tôi đây, ngày mai ngày kia đây, anh trạm chạy tiếp sức đường thư của chàu Than Uyên chuyển công văn về Khu lại giẫm lên bước chân nhè nhẹ này của tôi. Nhưng tôi muốn trong một tương lai rất gần nào đó, hãy hiện lên ở chặng đường rừng này những cái vết xe trâu bánh sắt nan hoa, những cái vết lốp cao su công nghiệp Việt Nam in hình chân rết hiện đại, và dầu vành bánh tròn hãy đè lên tất cả những vết chân của bất cứ ai đã đi bộ qua đây! Rừng mùa xuân rụng lá hoa ban xuống đường tiểu mạch, lá ban bỗn đôi ra ướm mình vào những móng ngựa thô đóng dấu xuống bùn rừng. Tôi trở ra bờ Sông Đà khoan khoái nhìn những đuôi én thuyền than cốc luyện kim của mỏ Quỳnh Nhai

đang rời bến Bản Mùn mà xuôi về cảng Hải Phòng. Tôi khàm sang ngang, qua bên kia bờ sông Đà, lên dốc Pu Áng Lệnh. Lá ban khô nở lách tách như chân mình đang giẫm lên vỏ hạt dẻ vải, trên nền một gia đình lăm trém. Đường càng vắng, thấy rừng ban nở rộ trên đường đi Nậm Gin gọi lên một thế giới mènh mong của Tây Bắc còn có nhiều tài nguyên mình chưa lường được hết. Trên những vật nương phù dung a phiến Mèo, hoa xanh, hồng phấn, tím, vàng, đỏ cánh sen đỏ lửa lưu đang gợi ơng mùa xuân đến lấy nhuỵ cao nguyên về luyện mật tổ. Gió Lào Cà Tày thổi sang nóng hầm hập, rừng gianh tung cao lên tàn lửa đốt nương Mèo. Hoa ban nở rộ kéo dài, rừng xanh đổi ra xuân trắng như có ông khổng lồ nào bật bông giữa bầu trời. Dặm ban chen vào hàng gốc gạo hoa và hoa pháo bó píp đỏ hồng đơn. Đêm xuân Tây Bắc, đồi núi đỏ rực lửa khói đốt nương, núi rừng bật sáng lên như hỏa diệm sơn già bồng vụt nhớ lại cái tuổi lửa đương thi.

“Qua miền Tây Bắc, núi vút ngàn trùng xa”, xác quân thù chất quăng này cũng đã nhiều. Mà chân tôi đi tìm người làm đường Tây Bắc lại đang giẫm lên dấu xưa của những đồng chí đã luồn vào địch hậu cỏ gianh lúc âm tối ghê rợn những tiếng phá cơ sở rồi lại cứ gây được cơ sở giữa cỏ gianh.

Ngã ba Tuần Giáo. Xe ầm ầm, cái đi Lai Châu, cái về Thuận Châu. Hôm nay là ngày mở đường xe vào Điện Biên. Xe ở trong Điện Biên ra, hàng đoàn hàng đoàn, đèn pha quét gạt lia lịa bóng tối ra hai bên đường cấp phối. Trong một số cán bộ Tuần Giáo, lên xe sang đèo Pha Đin về họp Khu mà lại nghĩ đến cái nóng nỗi anh cán bộ Than Uyên cũng về Khu họp, nhưng hay bị đén chậm, vì có những khi phải vòng thúng ra đường Bảo Hà, lên xe lửa về Yên Bai rồi lại lên xe ca (nếu có) vượt hai lân cả Sông Hồng lẫn Sông Đà và đi hết cả con đường 13. Lại càng nghĩ đến sự phát triển kinh tế không bình quân và không đều nhau một cách dĩ nhiên và tất yếu của mười tám châu trên quê hương Tây Bắc. Hình như nhiều đồng chí Than Uyên đã thấy điều đó rõ hơn tôi nên những lúc trao đổi về mở đường làm đường, tôi vẫn kém bình tĩnh hơn.

Tuần Giáo, giờ đã bớt đi rất nhiều những bộ mặt hành khách quá giang lo chạy bừa. Cũng là nhờ có quán ăn của Trung đoàn. Lại có đèn điện có thủy điện, nay mai lại lên mái ngôi nhà gác nữa. Quả có vậy đó, cuộc sống Tây Bắc là một sự tổ chức đòi hỏi công lao tổ chức thường trực của tất cả mọi người. Những đoạn đường cấp phối Tuần Giáo - Điện Biên còn nhiều gian khổ phải vượt nữa, con đường còn dài, vẫn còn dài. Nhưng dù có gian khổ mấy đi nữa, Tuần

Giáo và Điện Biên vẫn có cái vinh quang của những vùng được mở đường được đi bước trước trên con đường xã hội chủ nghĩa rộng mở ra sáu thước tám thước. Tôi mang theo đến ngã ba Tuần Giáo cái tâm sự anh cán bộ Than Uyên đang mong đến lượt mình được mở đường cho xe vào, đang mong sớm sớm mình cũng được có những “gian khổ” như ở ngã ba đây và công trường làm đường trong kia. Ở Tuần Giáo có ô tô khắp ba chiều đường quốc lộ, nó như là thế kỷ mươi chín; Điện Biên có tau bay dân dụng, nó như là kịp với đà thế kỷ hai mươi; mà Than Uyên thì còn là thời trung cổ thời Phục Hưng, cuộc đời ở đó còn thiếu những hình tròn những vành tròn nan hoa lăn lăn trên đường mở rộng ra.

1960

THAN QUỲNH NHAI

*"Một gánh càn khôn quay xuống ngàn
Hồi rằng chi đó? Gùi rằng than..."*

Châu Quỳnh Nhai, một trong mươi tám châu thành viên của Khu Tự trị Tây Bắc, cũng là một cái châu trong loại châu ít người biết đến. Nó ở xa đường quốc lộ, từ đường trục số 6 rẽ ra bờ Sông Đà rồi ngược lên Quỳnh Nhai, đường đi cứ tính hàng ngày đường, một ngày hai ngày, ba ngày, tùy theo cái nước bước của người bộ hành cất công về thăm đất Quỳnh Nhai. Phụ nữ Quỳnh Nhai làm ruộng, vở nương đắp đường, chờ đo gạo, gánh muối, làm cỏ bò phân đều đã khẳng định cái quyền bình đẳng lao động của giới mình sánh với đàn ông, từ ngày giải phóng quê nhà. Các bà các chị ở Quỳnh Nhai xinh với một phong cách êm lướt riêng biệt của Quỳnh Nhai, và phát âm tiếng Thái thì đều có một giọng noi thật là dịu ngọt mà say ám, nó

đóng góp thêm vào thanh điệu tư điệu tiếng Thái Trắng. Người thì như thế, mà cảnh thì lại đẹp. Núi Quỳnh Nhai có năm xã dọc sông và một xã rừng sâu Mường Giơn, nhưng núi của toàn châu đều là núi đẹp cả. Sông đẹp núi đẹp, cả con đò cả mày mắt vóc dáng cô đò đều rất tạo hình, lịch sử chính trị và xây dựng cơ sở phong trào cũng đẹp, vốn dân tộc cũng nhiều mặt, nhưng Quỳnh Nhai muốn gì thì gì, vẫn là một cái châu nghèo ít người màng tới. Ấy là ở Quỳnh Nhai đây, nhờ giời nhờ đất, còn có được một khúc sông của Sông Đà chảy qua cho quả núi đá xanh đỡ lè bóng, cho có gái chèo thuyền hái rêu đá đỡ phải mua gương con, và cho cuộc đời Quỳnh Nhai thêm được bến trên bến dưới. Quỳnh Nhai đã nghèo mà nếu lại không có Sông Đà chảy qua, thì nó sẽ ra sao? Có lẽ sẽ uất như Than Uyên quẩn gió trong kia. Bên cái bếp lửa nấu nồi cao hố cốt, mắt ông cụ chủ tịch bật lên sự giật mình, khi tôi ví du rặng giá thử vì một cuộc dâu bể địa chât tạo sơn tạo địa nào đó mà Quỳnh Nhai trôi tuột đi và mất tích hân con Sông Đà, tất cả thuyền bè và người đang tắm cứ tênh hênh tó hó trong lòng đá con sông bồng ráo hoành! Có lẽ trong thế giới quan cu chủ tịch, lần đầu tiên có người gợi đèn cái hình ảnh khùng khiếp cháu Quỳnh Nhai mình cạn mất con

sông thơ mộng nó đi dưỡng tinh tình và đời sống làm án. Ông cụ nghiêng nghe mé cao: “Sông cạn. Mát đường ra, cạn mát đường về. Thì còn bi hơn Than Uyên nữa đây!”. Bên nỗi cao hổ, câu chuyện đêm xuân có gió Sông Đà thổi dưới liếp sàn lại xoay quanh sự giàu nghèo của đất nước Quỳnh Nhai. Cả châu có 7800 nhân khẩu (đây là con số trước khi Chính phủ tiến hành kê khai dân số đầu tháng ba 1960 vừa rồi) và cây rừng vẫn đông hơn người. Xã Nậm Cà Nàng giáp chân Sìn Hồ có 6750 cây gỗ từ thiết định lim sến tầu. Bên kia sông, riêng Mường Chiên có 1390 cây gỗ li, tiếng Thái là mày li. Mày li quý lắm. Mày li vẫn được người sơn tràng âu yếm gọi nó là đàn em của đá đây, dao chặt vào là mẻ lưỡi, làm cột nhà, chôn xuống, bốn đời người chưa thấy mọt. Từ cây gỗ rừng gỗ, sang đến cái thuyền. Hiện nay thuyền vận tải của cái huyện nước miền rừng này, thuyền loại trọng tải một tấn hai có 54 chiếc và sẽ đóng thêm mươi mươi hai chiếc nữa. Cụ chủ tịch và tôi toàn nói chuyện về dân sinh và kinh tế, thỉnh thoảng lại so sánh khả năng của “Quỳnh Nhai mình” với châu bạn Than Uyên trong kia.

- Than Uyên còn hơn Quỳnh Nhai, dân số đông gấp hai và số xã nhiều gấp bốn lần số xã ở Quỳnh

Nhai, nếu không phải cắt đất cắt người chia cho xã Mèo Mù Cảng Chải. Mô cũng nhiều, xã cũng vẫn nhiều hơn.

- Nhưng kém châu Quỳnh Nhai mình về mặt giao thông vận tải.

- Thị cả hai anh Quỳnh Nhai Than Uyên đều là từ xưa từ xưa đến giờ, chưa anh nào được tránh ô tô bóp còi giữa châu mình cả.

- Nhưng mà mình ở Quỳnh Nhai đây vẫn có Sông Đà vận tải đường thủy. Quỳnh Nhai là một cái bến chính trên con Sông Đà, không có ô tô thì mình đã có thuyền, còn có thuyền. Ấy khác Than Uyên là ở chỗ đó.

- Than Uyên còn nhiều mỏ hơn Quỳnh Nhai ấy chứ lại. Có lẽ vì thuận tiện có sông nước mà Quỳnh Nhai ta được khai mỏ trước Than Uyên đây nhỉ?

Ông cụ uống thêm một chén rượu vét chồ dính nồi mè cao hổ, ý chứng để biểu thị mối cảm tình càng đậm đà hơn với con Sông Đà chảy qua quê nhà mình, chảy men qua khu mỏ than mờ Quỳnh Nhai nằm sát bờ Sông Đà cách chau ly Quỳnh Nhai đây không tới chục cây số.

*

*

*

Mấy bữa nay, tôi là một người khách của mỏ than, tôi là một người bạn của tất cả anh chị em người Kinh người Thái đang khai mỏ than Quỳnh Nhai. Mùa xuân năm nay, tôi trở lại Quỳnh Nhai, thiệt tình mà nói, tôi thấy vui hơn mùa xuân năm ngoái, một phần chính cũng là vì được thấy mỏ than mỡ ở đây đã khai ra và cuối năm vừa qua, đã có hàng trăm chuyến thuyền than Quỳnh Nhai xuôi sông về nhà máy đồng bằng và áp cá bên nhà máy của ta ngoài cửa biển.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa miền Bắc nước ta than mỡ có một vai trò quan trọng trong mọi việc luyện kim luyện thép đúc gang. Từ than mỡ, luyện ra than cốc, rồi từ than cốc mà tiến lên luyện những hợp kim loại gang thép của khu công nghiệp. Hòn than Quỳnh Nhai thành ra giá trị như thỏi vàng chín, cái thỏi vàng Quỳnh Nhai (mà từ xưa, trong cái gia đình Tổ quốc ta đồng con đồng dân tộc anh em, người ta vẫn thành kiến liệt vào hàng một cô em nhà nghèo) từ nay liên tiếp góp vào gia tài hương hỏa chung của Tổ quốc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mỏ than mỡ Quỳnh Nhai, từ nay khảo sát nữa thì chưa rõ sẽ còn có những triển vọng gì nữa, nhưng bây giờ hãy biết là nó chạy dài theo dọc sông, trữ lượng kha nhiều, cứ rộng rã mà khai lộ thiên ra thì cũng thật là nhiều công nhiều của. Cái khối lượng tài

nguyên áy thật là đáng kể, tính phác ra cũng là hàng triệu hàng triệu tân. Sau này, đào sâu xuống, phải đào lò giếng lên tầng moong tầng, hoặc đào lò ngang xuyên vào lòng đất, xuyên lò ngang sang Sông Đà hay là thế nào, thì vẫn còn là tiếp tục nghiên cứu thăm dò. Nay hãy cứ cái diện lộ thiên này mà moi cho hết than mờ ra, cùng cơ man là năm là tháng lao động, là tiền là của rồi. Riêng chỗ Bản Mùn này, riêng cái via than mờ hình con thoi bụng chứa hai đầu thon lại này cũng là dài hàng chục hàng chục cây số dọc theo bờ sông. Biết đâu nó lại chẳng ăn dài hết chiều dọc địa phận toàn châu Quỳnh Nhai, cứ theo mép Sông Đà mà ăn cả sang các châu bạn? mà như thế này thì cũng không xa lăm đâu, Quỳnh Nhai sẽ thắp điện ở dọc sông bản mường châu mình, sẽ cất thêm nhà lầu ngói mới gạch mới, từ trong núi mò ra sông sẽ có đường goòng, và sẽ có ca nô máy hơi áp bến. Nơi đây sẽ còn là một thị trấn thiết bị hiện đại, sẽ là một thành phố công nghiệp, và trong lòng con sông vạn cổ, sẽ đùn lên mây khói lò than soi bóng xuống từ bờ cao! Từ trong phía núi than ra ngoài suối ngoài sông, phụ nữ Thái gánh đất gánh than nối nhau thành những dòng dài. Tôi tơ tưởng đến những ngày thịnh vượng giàu có sẽ tới ở khu mỏ Quỳnh Nhai này, xí nghiệp

than mờ đây sẽ có những đội văn công gồm những chị thợ mỏ Thái Trắng, ngày khai mỏ than đạt chỉ tiêu sản xuất và tôi tôi phát triển truyền thống xòe Quỳnh Nhai. Rồi nữ công nhân mỏ Quỳnh Nhai sẽ có dịp ra tận mỏ than ngoài bể Hòn Gai Cẩm Phả xòe múa với những chị thợ mỏ than gầy vùng xuôi. Trước mắt tôi, hình như gió sông vẫn còn đánh phân phật cái tờ thông tri đánh máy trên giấy mỏng. Tờ thông tri của đoàn thể phụ nữ châu Quỳnh Nhai gửi về cho ban chấp hành phụ nữ xã về vấn đề tuyên truyền vận động tuyển lựa công nhân cho mỏ than, “làm cho chị em các xã thấy rõ nhiệm vụ và vinh dự của mình trong việc động viên chồng con đi làm mỏ, và chính mình mà có điều kiện, thì cũng xung phong đi làm mỏ”.

Một anh thanh niên trong tổ địa chất tay vung ve cái búa khảo sát loài khoáng, thân mật hỏi tôi một cách đột ngột: “Này sao trong nghành địa chất lại không có phụ nữ theo học, bác nhỉ?”. Hình như bừa nọ, anh cũng đã buột miệng hỏi tôi như thế. Anh người trẻ, khỏe, bình dị, vui tính một cách đều đặn. Tôi nhớ một mẩu chuyện vui của anh chung quanh danh từ *tìm hiểu*: “Với những anh em ở nghành địa chất, sự tìm hiểu cũng rất cụ thể và gọn ghẽ. Thấy một khối đá một tảng đá, mình muốn tìm hiểu, là săn

búa ở tay, gõ vào đá vào khoáng cho vỡ ra, đem về phân tích sau khi ghi số hiệu đầy đủ. Tìm hiểu con người nhất định phải là bằng cách khác, và có lẽ vì thế mà khó hơn mà lâu hơn". Anh kể cho nghe về dị đoan mê tín của một số cụ già Quỳnh Nhai đối với than mỏ đang khai thác: "Các cụ bảo ở quanh suối quanh sông đây, vẫn có thần thuồng luồng, thuồng luồng vẫn ịa ở suối đây từ mấy đời rồi, nhưng không ai dám đụng vào những đồng phân của ma thuồng luồng. Hễ động vào là thần thuồng luồng dâng nước lú lên. Năm ngoái ta đến suối đây, lấy một số tảng than mỏ ở lòng suối về phân chất trước khi đào mỏ, các cụ cho là khiêu khích ma suối ma ngàn nên năm ngoái lú to. Mà lú năm ngoái ở khắp Tây Bắc to thật". Vẫn anh bạn trẻ cho biết thêm về cách cảm nghĩ của một số cụ già địa phương đối với câu chuyện mỏ ta đang khai:

"Ta đánh dấu tảng than ở gần suối, chờ đồng chí chuyên gia địa chất đến. Lúc đưa được đồng chí chuyên gia đến thì suối lú đã trôi lăn những tảng than đó đi đâu mất rồi. Đồng chí chuyên gia địa chất nghiên cứu vị trí cũ tảng than mất đi, nghiên cứu thêm con suối, và bảo cứ đào vào phía trong bao nhiêu thước thì sẽ thấy vỉa than, mỗi hào đào cách nhau là bao nhiêu thước thì phát hiện được cả vỉa trục cả vỉa vách cả vỉa mùn. Đào lên đúng như thế. Vì đồng chí

chuyên gia địa chất đã nắm được quy luật của sóng than trong lịch sử địa chất vùng này. Các cụ rất khâm phục, và gọi luôn là cái ma khoa học nó tài quá. Minh ở đây mấy đời người rồi, chỉ thấy núi lớn núi bé, chỉ thấy rừng cây rừng gianh núi đất núi đá, đời ấy sang đời khác, cũng vẫn chỉ thấy có bấy nhiêu thứ. Đến cái ma khoa học thì mắt nó nhìn qua được rừng cây núi đá, nó người thấy than nó nhìn thấy than, nhìn thấu suốt cả đất kín. Cái ma khoa học hay cứu người, nó nhìn cục đất cục đá mà thành kho bạc túi tiền. Và bây giờ thì các cụ tin là nhà nào chầu nào mà có ma khoa học thì cái gì việc gì cũng làm được hết”.

Trong số công nhân mỏ, có một thanh niên, tuổi vừa đúng cái tuổi được chính thức cầm lá phiếu đi bầu cho người nào mình yêu thích nhất. Quê nhà anh ở mấp mé via than đang khai ra kia. Anh thích hát thích nói ngọt nói sảng với với con ngựa có chứng của Ủy ban trong những quặng rừng vắng trên lối về khu. Tôi đã có dịp đi theo máy lăn “chú” giao thông hỏa tốc đó qua mấy chặng rừng Tây Bắc. Nay “chú” đã làm than, và anh công nhân áo xanh vui trẻ đó khoe với tôi là bây giờ nấu than cốc giỏi rồi, anh đã hiểu được hòn than vào lửa ra lửa, cũng như trước đây anh đã nắm được ưu điểm chính và khuyết điểm chính của con ngựa công văn. “Hòn than cốc càng nhẹ càng trắng thì càng ưu điểm. Cứ ba cân than mờ nguyên

khai đốt lên, thi luyện được một cùn than cốc. Đốt để cho nó cháy hết đi những chất tạp như dầu, tro và diêm sinh. Một mè than mất ba mươi sáu tiếng. Đốt hai ngày hai đêm và ú một ngày. Trước vẫn đốt bằng củi. Có lẽ sắp dùng than, lấy nó đốt nó. Nay, chủ nhật này không lao động xã hội chủ nghĩa, đi vào bản tôi chơi đi”.

Bỗng nổi lên một mùi khét béo béo như mùi thịt loài thú rừng bị lửa vây lại trong trận đốt nương cỏ gianh mùa xuân. Đó chỉ là bắt đầu một mè than cốc, lửa máy lò trên đồi Pom Pai cứ cháy ròng rã như thế mấy ngày đêm. Cái mùi khét của than có dầu béo gợi nhớ đến những phần đường mờ rộng lát đá có quai lu máy, gợi nhớ đến những cái ga xếp giữa lũng núi, đầu tàu đang xèo xèo ăn nước ăn than ngoài đầu ghi. Bao giờ Quỳnh Nhai có đường cái cấp phôi cho ô tô vận tải vào tận đây nhỉ! Bao giờ Tây Bắc có đường xe lửa chạy qua nhỉ!

Có người vừa giúi vào tay tôi một hòn than cốc, cầm nhẹ bong, xốp rời ra, nở phồng lên như bóng ngô rang hoa và có tiếng nhiều công nhân cùng nói: “Nhe thế trắng thế là ưu điểm đấy. Hết xám là khuyết điểm. Dao nẹt anh em mới tập nấu, mất đến chín mươi nồi rồi mới có kinh nghiệm. Hôm thành công lần đầu, gõ cục than, nó kêu như chuông khánh đất nung, thích quá, liền rù nhau thịt chung một con cầy, gộp nhau

mua rượu ăn mừng". Chung quanh tôi đang cười nói lô bô nhiều anh em công nhân mỏ than vẫn còn nguyên vẹn cái tính tình con người nông dân, những người nông dân Thái ở quanh bản quanh chung Quỳnh Nhai đây. Tôi theo vào trong phía via than chính đào lên từ lâu. Nó như một cái thùng đáu khổng lồ, có tầng trên tầng dưới, thành thùng đáu vân lên những đường sóng than đen đen uốn khúc song song với những sóng nâu của đất núi. Đất đánh đi cũng phải tốn nhiều công và có kế hoạch, và rồi đây, con suối cạnh via than mỏ than sẽ đổi lòng chuyển sang dòng khác. Nhiều thợ mỏ than lộ thiên Quỳnh Nhai đang cuốc vào via than và xúc than vào giàn tre. Có người vẫn đùa gọi anh em là công nhân nông nhàn cũng không oan đâu. Rõ ràng là nhiều anh em chỉ quen cuốc xén xúc vào đất cát đất thịt bờ ruộng và đây là lần đầu cuốc vào than mỏ. Khỏi người chưa biết cuốc theo cái thứ xếp của via than đã rõ nét làn sóng than, mà cứ cuốc trái thớ, thành ra tốn công mà than vụn nát hết. Có những anh em xúc xèng, chưa quen cái động tác dùng đầu gối làm động lực. Có người còn bảo số đông công nhân nông nhàn đang làm việc kia vẫn nặng về ruộng nương, và tư tưởng để vào mỏ chỉ độ mười phần trăm, "ayah, những lúc rồi việc nhà nông thì đi làm thợ mỏ công nhật và đến những dịp cây gặt vỡ nương tra hạt là xin về rất nhiều". Tôi nghĩ cái này

cũng là đúng thôi. Ở ta, ngay ở xuôi, cái số công nhân luỹ thế, trong gia tộc mấy đời cùng làm thợ có truyền thống, cũng không phải là chuyện có nhiều. Huống chi đây là một vùng núi mới khai mỏ. Và tiền thân người công nhân nói chung vẫn là ở thành phần nông dân. Và mặc dầu là thế nào, ở Quỳnh Nhai đây, tôi cảm kích mà nhận thấy rằng đang hình thành những con người Thái làm thợ mỏ đầu tiên, đang hiện hình những công nhân Thái trong hàng ngũ giai cấp công nhân Việt Nam nói chung. Ở Quỳnh Nhai đây và nói rộng ra cả Tây Bắc nữa, thời gian xuyên qua các kế hoạch năm năm càng ngày càng làm động đảo thêm hàng ngũ công nhân Mèo, Thái, Tày, Mán, Xá, v.v... Cuộc sống ở ta là một sự lớn lên, có chậm rãi, nhưng là một sự lớn lên không ngừng. Quân đội nhân dân nay là bao nhiêu sư bao nhiêu lữ, khó mà kể hết, nhưng cách đây không xa lắm đâu, tiền thân nó chỉ là một trung đội vũ trang mà người và tám lòng cách mạng lại nhiều hơn là đạn và súng, kể cả súng hỏa mai; có những anh lính tình nguyện còn mù chữ khi gặp Cách mạng tháng Tám, lúc đánh Điện Biên Phủ đã biết làm phương trình đại số mà hạ tàu bay Mỹ Pháp. Ở binh nô là như vậy, ở nông, ở công nông, nó cũng có những cái mà mình không thể không nhìn theo quy luật phát triển lên của nó.

Ở mỏ than, tôi gặp một số bộ đội chuyển ngành. Có những anh em đã từng ở những đơn vị làm đường mỏ đường ở mỏ công trường làm đường rất quen thuộc với tôi. Gặp nhau, lại nói chuyện tư tưởng, khó khăn tư tưởng. Lại vẫn chuyện cái máy, chuyện chờ cơ giới, chuyện cái tay cái chân thẳng người cầm trịch cho cuộc sống xé đá phá rừng trong khi ông máy bá mỏ chưa lên được. Rồi lại cứ sáng kiến như kiểu “phong trào xe cút kít giải phóng đôi vai” anh chuyển than ra sông thi đua với anh cuốc than trong vỉa núi. Nói chuyện với người lính chiến đấu nay chuyển ra sản xuất, bao giờ cũng có một cái gì cụ thể để mà học hiểu. Anh công nhân nguyên là bộ đội ấy rất thắc mắc về lối làm ăn còn thủ công nghiệp nhưng khai mỏ cuốc vỉa vẫn hăng ra trò. Kinh nghiệm làm đường, cuốc đá sít xíc đá sít, nay lại áp dụng vào làm than. Mô hôi người dũng cảm mỏ đường nay lại đổi lấy thứ mô hôi lao động quên mình của anh kiện tướng đào mỏ than mỏ. Chính anh đó đã bảo khẽ tôi, như là truyền cho mình một bí quyết gì mà không muốn có người thứ ba nào biết thêm: “Bây giờ mà nói về mỏ mang Tây Bắc, cái anh nào tả toàn tươi sáng cả, tôi không thể tin anh ta là người tôn trọng sự thật khách quan, còn cái anh nào tả toàn gian khổ, tôi cũng liệt anh ta vào đám người nói điêu; duy chỉ có anh nào phản ánh cả hai mặt có tối có sáng, có gian khổ nhưng cũng có tươi

đời nó cài răng lược vào, cái anh ấy là tôi tin được. Thích nhất là vừa nói sáng tối, vừa phân tích theo kiểu văn nghệ mệt tí”.

Tôi biết rằng mỏ than Quỳnh Nhai sẽ có máy lên, có những cái máy ở xuôi đang đòi lên, máy điện, nồi hơi, máy bơm đang đòi lên, nhưng chưa có đường lên, nhưng chưa có đường vào. Có người sốt ruột quá đâm ra ba lơ rằng thả dù xuống hoặc cho trực thăng hạ xuống. Có người bình tĩnh mà trình bày cái quan điểm kinh tế của mình đối với Quỳnh Nhai đang tiến lên: “Có thể này mới thấy rõ sự liên quan chặt chẽ giữa của cải lâm sản khoáng sản và phương tiện giao thông vận tải. Anh phát hiện rừng gỗ tú thiết, húc vào chặt ầm ầm, nhưng chặt xong mới thấy không có đường ra, cho trâu vào kéo, chết cả trâu, đành bỏ đó rồi đợi Bộ Nông Lâm phê bình bằng tiền phạt. Làm mỏ cũng thế. Vàng đấy mà không có lối thoát ra thì cũng phảng teo. Mỏ Quỳnh Nhai có Sông Đà vẫn là hay. Than mỏ khai ra luyện than cốc, bán cho khu gang thép Thái nguyên, tiền ấy trích ra mà thêm vào quỹ khu, mà đầu tư vào mở đường thâu tới Quỳnh Nhai. Nhất định là có đường nhanh sớm hơn. Cái mỏ khai sinh cho cái đường ô tô vào tận châu. Con đường lại nuôi cái mỏ, những nhát cuốc công nhân mỏ chúng ta đang có sức hút và gọi thức lên những nhát cuốc của người mở đường bò vào Quỳnh Nhai đấy”. Máy chưa lên, đường

và xe chưa vào, bến Quỳnh Nhai vẫn chờ ca nô máy, nhưng vui nhất là trên khúc Sông Đà non xanh nước biếc này, trong những tuần nhất định, vẫn có những chuyến thuyền than mỏ và than cốc rời cái bến xanh um mà vỗ chèo về xuôi, dòng sông trôi theo một niềm lạc quan của những người thợ mỏ ven Sông Đà.

Một hôm, ông “chủ mỏ” tiếp một sĩ quan đến đặt hàng, nài mỏ than ký hợp đồng bán than mỏ dài hạn, cứ giao than ở bến Mường Sại, ô tô sẽ ra tới bến nhận than, đường ô tô đánh đến gần bến Tà Hè rồi. Khách hàng đi khỏi, tôi đưa: “Ông chủ mỏ độ này phát tài tợn. Cần có đồ án dựng nhà lầu khu công nhân mỏ ở bờ sông đi thì vừa”. Đồng chí quản đốc mỏ đây, người điềm đạm vui buồn ít lộ, và tôi không lấy thế làm lạ, vì tôi vẫn nhớ rằng đồng chí ấy đã từng hoạt động bí mật suốt vùng Than Ủyên Quỳnh Nhai đây từ thời kỳ địch hậu. Ông “chủ mỏ” đúng đinh: “Bên Sơn La giờ làm ra không kịp cho thợ ngõa xây dựng thủ phủ mới. Mà cùi đốt lò gạch nay thấy không lợi bằng than. Một lò gạch ngồi mà đốt bằng cùi, khói lượng hàng xếp trong lò bị hạn chế rất nhiều. Thêm nữa, tăng cùi đốt phải tăng số người đi cùi. Mà phải mở đường cho cùi, dỡ cùi xong rồi bò đó, thành ra lãng phí. Và chẳng còn phải bảo vệ rừng. Nên bên ấy có kế hoạch đốt lò gạch bằng than. Họ chỉ lấy than mỏ đốt lò, không ảnh hưởng gì đến việc ta sản xuất than cốc. Nhưng mức sản xuất của mình còn ít, số lượng công nhân khai

than cũng chỉ mới có bấy nhiêu, như đồng chí thấy đó... Thành ra..."

Tôi sốt nầm ở mò dồi thêm ra mấy ngày. Tôi tôi, tôi gẫu chuyện với người này người khác. Một buổi tối, sang nghe anh địa chất đang có giờ chuyền môn với thơ mò: "... Tuổi loài than gấp một nghìn lần tuổi loài người. Loài người có tiếng nói để thoát khỏi giai đoạn khỉ vượn, cũng khoảng bốn vạn năm nay. Và tính tuổi trên trái đất ta, thì loài than nói chung đã được 40 triệu tuổi..." Lúc ấy, là thời Hồng Hoang, đây mới chỉ có cây cỏ, nước và đất, chim muông cũng chưa có, nó phảng phất như cái hơi vẩn của kinh Cự Uớc. Rừng sáng thế mọc lên, ngã xuống, lại mọc lên, mỗi lần ngoi lên ngã xuống, là đất lại phủ lên; rồi do sức nén xuống, do lửa của tim đất cứ cháy chìm như vậy mà thành ra than. Than Mỏ, đúng là xác rừng xanh ngàn xưa biến thành mầm gỗ tươi ủ men đen trong đất trường sinh. Tôi nầm đây là nầm trên những biển thiền biển xanh nương dâu, trên những xác rừng cổ đại nay khui ra đốt sáng miền Bắc luyện kim xã hội chủ nghĩa, luyện gang luyện thép cả miền Bắc kiến thiết Tổ quốc, trong đó mò châu Quỳnh Nhai có cái vinh quang được góp phần than lửa của mình. Đất Quỳnh Nhai đây, theo sách *Dư địa chí Nguyễn Trãi* và *Phương đình địa chí*, thời Lê thời Trần thời Nguyễn còn liệt vào những khu vực lấy tên là Tây

Đạo, Lâm Tây, phủ Yên Tây, và lúc ấy châu Sìn Hồ lại gọi là Chiêu Tán và châu Điện Biên lại mang tên là Ninh Viễn, Ninh Biên... Phía dòng trên chỗ tôi nằm đây có hai con bờn cát Đon Lả Đon Lân, Bãi Chí Bãi Em có cõi giā gạo xếp hàng và mùa xuân vắng lên tiếng náo nùng bài hát *Hải rêu đá* ngày trước. Phía dưới dòng ở Pa Ma, có bãi cát cuối năm cá dâm xanh và anh vũ về đẻ; người Thái ra đánh cá ăn Tết. Người quê Quỳnh Nhai, mỗi lần đi xa nhớ nhà nhớ sông, viết thư về thăm họ hàng bạn bè, thường hay hỏi đến mấy bãi cát thàn yêu đó. Tôi nghĩ rằng trong cuộc sống ngày nay Quỳnh Nhai đã chuyển mình, con người chuyển, quả núi chuyển, cục đất cựa, thì những bức thư nhà sẽ còn có những hình ảnh và câu hỏi thăm mới. “Bến Quỳnh Nhai đã xuôi than mờ than cốc đến thuyền thuyền tải than thứ mấy trăm mấy nghìn rồi? Bản nào xã nào có thành tích rõ rệt nhất về mặt thuyền người làm nương săn ra hắn người làm mò than? Chí xòe nồng tang nay sang nữ công nhân mỏ, đã cùng với tập thể phát triển vốn xòe Quỳnh Nhai thành ra những tiết mục gì thêm cho câu lạc bộ mò?”.

Tôi quý mến những con người đang tạm thời lấy tay lấy chân mình ra mà moi mà cuốc những vỉa than mờ đang chờ cơ giới kéo lên. Than quý thật. Máy đưa lên làm than, quý thật. Nhưng tôi nghĩ rằng cái quí

hơn hết, trước mắt tôi kia, trên những via đất via than kia, vẫn là những con người đi mở mang khai phá, vẫn là con người. Sau này ở đây, sẽ bừng lên một thành phố lấp lánh mái và tường xuống lòng sông. Trong con mắt này lửa lao động cật lực của người thợ mỏ thủ công nghiệp hôm nay, tôi đã đọc thấy cái tư hào kín đáo của những công nhân lành nghề mai sau vừa khiến máy vừa kể chuyện cổ tích: "Hồi ấy, Quỳnh Nhai chưa có đường vào chưa có còi xe, mới chỉ có cán xèng cán cuốc và bơi chèo. . .".

"Ông chủ mỏ" đang ngồi tự học thêm về địa chất kia, mười năm trước đây, cũng sống ở đất này. Quê ông ở gần mạn bể. Cùng với nhiều đồng chí khác, đồng chí chủ mỏ hồi ấy mai danh ẩn tích mà hoạt động nơi suối rừng quanh đây và trên núi cỏ gianh Mèo xa tí để giữ lấy dân giữ lấy đất trong giữa lòng địch chiếm đóng Quỳnh Nhai. Cùng với các đồng chí khác, cùng giữ lấy ngọn lửa Cách mạng cho khôi phục, có những lúc tưởng là nó thối tắt, lấy tinh mệnh mình ra mà che lấy ngọn lửa, chuyển lửa hết đỉnh núi này sang núi khác. Thân thoại cổ La Mã nói đến những cõi đồng trinh được phong thần giữ lửa trọn đời; nghe nó cũng xa xôi quá. Mà trước mắt tôi kia, tôi biết đích danh cái người đang tự học bên đèn con kia chính là

một trong những người đã từng giữ lửa trong những đêm tối tăm nhất của địch hậu Quỳnh Nhai. Và ngày nay cũng vẫn tay con người ấy lại được nỗi lửa Quỳnh Nhai lèn mà luyện than cốc cho xuống đoàn thuyền than rời bến Sông Đà. Từ ngọn lửa lom dom mười năm xưa địch hậu Quỳnh Nhai gian khổ, cho tới ngọn lửa những thùng phuy luyện cốc trong hoàn cảnh hôm nay có vui hơn nhưng vẫn chưa hết gian khổ, tôi cảm thấy có một cái mạch nối thiêng liêng làm ám sáng lên tâm lòng của tất cả những con người đang cảm xúc theo với nhịp khai thác mỏ than bên Sông Đà.

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

"Đẹp vây thay, tiếng hát trên dòng sông"

Wladyslaw Broniewski

"Chúng thủy giai Đông tầu - Đà giang độc Bắc lưu"

Núi Tây Bắc cao một ngàn thước, hai ngàn thước, và ngọn núi ba ngàn một trăm bốn mươi hai thước, đỉnh đá Phẳng Tây Păng cao nhất của Tổ quốc ta là mọc ở Tây Bắc. Nằm lọt giữa cái thảm đá cái giường đá vì đại Tây Bắc là con Sông Đà. Thuyền đuôi én xuôi dòng Sông Đà, đúng là trôi từ cấp đá các triền núi Tây Bắc dốc xuống.

Châu này lên Tây Bắc, tôi hay la cà ở những chỗ nào là men men ra Sông Đà hoặc bắt ra Sông Đà. Sông Đà có một sức hút mạnh bước chân người. Có người làm mình là một nhân viên nào đó trong những tổ đi khảo sát Tây Bắc phát hiện via quặng mỏ kim. Nhiều người bảo nhỏ tôi rằng dọc Sông Đà, cứ bờ sông

từ Mường Tè kéo về đến Vạn Yên, chỗ nào cũng có vàng cõm, nhỏ thì bằng gạo tấm, to thì bằng hạt ngô; có con vịt bâu mổ ra là lấy được trong mề vịt hàng mấy đồng cân vàng. Có người còn mách cho tôi biết ở chỗ nào Sông Đà thì có quặng, có đồng, có đá bông, than mờ, và via than ăn từ bến nào đến bến nào. Tôi không cài chính, vì tôi cũng tự thấy mình là một người đang tìm vàng ở quanh Sông Đà, đi tìm cái thứ vàng của màu sắc sông núi Tây Bắc, và nhất là cái thứ vàng mười mang sẵn trong tâm trí tất cả những con người ngày nay đang nhiệt tình gắn bó với công cuộc xây dựng cho Tây Bắc thêm sáng sủa tươi vui và vững bền. Trong lòng rừng núi Tây Bắc tôi đang từng bước đường băng qua, trong lòng lưỡi cát bờ Sông Đà tôi đang sang ngang đây, có nhiều kim nhiều quặng nhiều vàng. Dưới mặt đất Tây Bắc, cũng như trên mặt đất Tây Bắc và ngay trong dòng nước Sông Đà trôi xuôi kia, không còn nghỉ ngơi gì nữa, tôi thừa biết có vô khối là tài nguyên. Nhưng tôi thấy rằng con người, cái vốn người đưa lên Tây Bắc ngày nay còn quý hơn tất cả những của chìm của nổi ở Tây Bắc. Có thể nói rằng cái vốn người bản địa đưa từ đồng băng lên tăng cường quân số lao động cho các nông trường công trường Tây Bắc, đó là những đồng tiền vàng đem đầu tư vào đời sống Tây Bắc ngày nay. Có rất nhiều cán bộ vùng xuôi lên nằm sẵn ở Tây Bắc từ những

ngày Tây Bắc còn đen tối và trước kia, sát cánh cùng các dân tộc trên này mà vượt gian khổ gây cơ sở chính trị trong lòng địch như thế nào thì ngày nay, vẫn một bầu nhiệt huyết ấy, họ lại vẫn đoàn kết keo sơn với các dân tộc Tây Bắc mà vượt mọi hoàn cảnh lạc hậu để xây dựng kinh tế cho Tây Bắc. Gặp lại những đồng chí Tây Bắc cũ lúc này đang làm kế hoạch, đang làm đường, làm ruộng, làm nương xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc, tôi đi sâu vào một số tiểu sử cuộc đời hoạt động ở Tây Bắc mà tôi cứ nghĩ rằng đây là những thời vàng của một khối vàng xã hội chủ nghĩa Đảng ta đem đầu tư vào Tây Bắc. Một thứ vàng đã được thử lửa, được tôi luyện qua lửa lò đúc hậu miền Tây, nó là cái thứ lửa mà không một thoi vàng giả một cục vàng pha nào chịu nổi. Đúng như dự kiến của những đoàn đi tìm vàng tìm quặng Tây Bắc, cuộc sống Tây Bắc kiến thiết chủ nghĩa xã hội rải rác vàng tám vàng thoi khắp nơi. Đúng như lời nhân dân địa phương nói, hai ven Sông Đà và các chi lưu Sông Đà, không chỗ nào là không có vàng. Vàng trong cát bờ sông trong quặng núi, vàng trong tâm người.

Tôi tới Quỳnh Nhai, lòng rộn ràng như tám lòng anh bạn trẻ Cục Khoáng chất vừa tìm được cái luồng đi liên tục của mỏ quặng mỏ kim qua các triền núi ven sông. Thuyền xuôi thuyền ngược, không ai qua Quỳnh Nhai mà không dừng chèo. Tôi đã gặp người

lái đò sông Quỳnh Nhai. Trông người anh, không hiểu tại sao tôi lại nhìn anh thành ngay ra một người tình nhân muôn thuở, một anh Trương Chi nào của một dòng sông nhiều trữ tình này. Anh người Thái Trắng quê Mường Lay lấy vợ ở quê Mường Chiên đây, đã nhiều lần chở đò ngược lên Lai Châu và nhiều lần xuôi thuyền về Chợ Bờ, về cả bến Phà Đen thủ đô. Anh đội nón cúp bừa, chít khăn mòn. Nghe anh kể, mà thấy ngay cái cuộc đời lên thác xuống ghênh của một con Sông Đà qua cả thời gian qua cả không gian Tây Bắc. Tôi cảm thấy anh như là một hồn linh muôn thuở của sông nước này. Nếu sau đây, có ai xây dựng phim truyện về Sông Đà, về một đoạn tình sử bên Sông Đà, tôi xin giới thiệu anh giúp vào phim. Trên bến Quỳnh Nhai, tiếng trống trên châu vừa thu không, các thuyền độc mộc di làm nương bắp xa từ sáng sớm đã trở về bến gần hết, và người lái đò Quỳnh Nhai kể chuyện Sông Đà, một con sông mà trước đây có rất nhiều người kéo đò hát hò lên âm u ghê rợn không kém gì đoàn hò đò sông Vonga thời Nga hoàng.

Nghe kể chuyện người lái đò Quỳnh Nhai, lại nhớ đến một người lái đò Lai Châu trước đây chuyên nghề chở chè mạn Trung Quốc đưa từ núi Sạ San sang ta bằng đường nước Sông Đà. Chuyện kể có những điều khác nhau, nhưng hai người có cách kể thật là giống

nhau, nó đúng là cái phong cách chung của những người lái đò Sông Đà. Hình như con sông đã tạo riêng cho họ một cách cảm một cách nói vừa rắn rỏi vừa uyển chuyển âm trầm. Người bạn lái đò Quỳnh Nhai giọng kể dịu âm hơn; giọng kể người lái đò Lai Châu mạnh gắt hơn, nhưng từ câu chuyện kể của người này hay người kia, đều dội lên dư âm của thác đá Sông Đà. Ở người lái đò Quỳnh Nhai này ở người lái đò chở chè kia, hơi câu chuyện đều gân guốc như bắp tay bắp chân họ cuốn sóng thửng lên những lúc lao động cường độ để đánh nhau với thác nước Sông Đà. Rồi hơi chuyện kể lại êm ru đi như dòng sông lặng tờ, sau những khúc ào ào ghênh thác vọt nước qua mạn đò.

Ông đò Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc suốt Sông Đà đã mười năm liền, và thôi làm đò cũng đã dôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trườn mặt ghềnh sông, nhỡn giời ông voi voi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tinh. Thời Tây Tàu áy, ông chở đò dọc tả chè mạn chè còi, tài từ Mường Lay về cho đến hết cửa rừng Hòa Bình, đổ chè lên chợ Phượng Lâm. Ông đã chở quá về Bến Nứa Hà Nội. Nhưng cũng như người Mèo kêu mỏi chân khi giẫm lên đồng bằng thiều đốc thiều đèo, ông

bảo rằng : “Chạy thuyền trên khúc sông không có thác, nó dễ dại tay dại chân và buồn ngủ”, cho nên thường ông chỉ muốn cầm thuyền ở Chợ Bờ, - Chợ Bờ, cái chò biền giới thùy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà. Đôi với ông, từ Chợ Bờ xuôi dòng hết ghèn hết thác, Sông Đà hình như hết cả đầm đà với nhà đò.

Trên dòng Sông Đà, ông xuôi ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay giữ lái độ sáu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sáu chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tì mi như đóng đinh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đôi với ông lái đò ấy, như một trường thiêng anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng. Chuyến đầu tiên ông đi, là thuyền thiên hạ. Trước Cách mạng, công chèo chờ cứ ba đồng một tạ chè xuôi. Dành dum lại, sau ông đóng lấy thuyền, thuyền ông chờ được bốn mươi sot chè, hai sot chè là một tạ hàng. Như thế đã là loại thuyền to. Thường thường là chờ chè cối, và thỉnh thoảng cũng có những chuyến chờ cánh kiến trắng, cánh kiến đòn, sợi móc, da trâu sông, xương và sừng nai hươu, xương gáu xương hổ. Lam cái nghề vận tải đường nước này thật là vất vả, người cứ dựng đứng lên mà luôn tay luôn chân luôn mắt luôn gân và luôn

tim nữa. Người ta còn bảo nghè này tốn thọ, nhưng ông đò Lai Châu bạn tôi không cần lên tiếng mà đã hùng hồn lặng lẽ cải chính cái điều áy bằng cái đầu bạc gần bảy mươi tuổi. Cái đầu quắc thước áy đặt trên một thân hình cao to và gọn quanh như chất sừng chất mun. Khuôn mặt ông hé một nửa miệng cười: "Tôi bỏ nghè lâu rồi. Nhưng nay cho lên thác xuống ghềnh, tôi dám thi đua với bạn đò ở khắp mấy châu có địa giới loang ra bờ Sông Đà. Cũng còn đủ cái linh lợi để chờ mừng một phái đoàn Trung ương vừa lên vừa xuống thăm dò khảo sát toàn bộ Sông Đà cho đến biên giới Trung Quốc". Ông giơ đôi tay lên, đôi cánh tay trẻ tráng quá, bịt cái đầu bạc đang nói đi, không ai không lầm mà tưởng mình đang đứng trước một chàng trai đang ngồi ngoài bến chính bờ sông.

Tôi liền chen vào một vài câu để câu chuyện đỡ đi cái tính chất độc thoại. Cũng lõm bõm về một vài đoạn trên Sông Đà, tôi rụt rè nhấn vào cái nét hung ác của con thác này con thác kia. Nhanh như một tay lái rê ngang sông miết theo luồng thác bắt chéo, ông ngắt tôi: "Thác áy thường thôi. Tôi đã mấy lần phải xuôi đêm ở quãng áy, có một lần vừa xuôi vừa dám ngủ gật nữa kia. Ông bảo thác Sông Đà ác hơn nhiều đèo dốc đường số 6. Tôi thấy phải nói cho cụ thể hơn. Tôi hay chơi với anh em lái xe Tây Bắc từ ngày thôi chờ đò, cũng hay đì lại luôn băng ô tô vận tải của anh

em. Thì tôi thấy nó như thế này. Đường bộ ô tô xuống đèo, đường thủy thuyền xuống thác nó khác nhau ở cái điểm ô tô có máy phanh hầm lại mà thuyền thì không. Một cái đèo ngùng ngoằn chữ chi gấp góc vừa thuận vừa nghịch có liên hồi đến chín mươi đợt cáp sát mép vực, có bị mùa mưa rẽ đít hoặc bánh quay không, cũng không khó bằng xuống thác. Lao xe xuống dốc dùng phanh chân phanh tay, những góc ác, thì tiến lên lùi lại, một đòn không lọt thì hai đòn, xe mà mười bánh thì ba đòn. Còn như cái thuyền mà lao xuống thác thì chả có cái phanh nào cả, chỉ có lao đi chứ không lùi lại, không lao trúng tim luồng nước thì là thuyền quay ngang mà úp chử khong có lùi gì cả chờ gì cả, hầm chậm gì cả". Tôi chịu ông lái về cách so sánh, càng thích cái con người lao động dã từng trải về sông nước đò ngang và lại còn hiểu biết rộng về đường bộ dốc đèo. Ông đò Lai Châu nói tiếp liên hồi như trôi lù trên dòng Đà :

"Những chị Mường Phù Yên gần bờ Sông Đà thường phàn nàn về người lái đò Lai Châu hay cởi truồng. Người lái đò Sông Đà hay mặc áo mà không mặc quần. Có khi muốn đóng khố nhưng cũng không đóng được. Cát Sông Đà rất hay ăn da người chờ đò. Hễ mặc quần hoặc đóng khố là cát chui ngay vào bẹn rồi loét da. Cứ nhìn đôi bàn chân nhau thì nhận ra ngay người lái đò Sông Đà. Cát đục thủng gan bàn

chân lõi rõ như những vệt hà đục đáy và mạn dưới các thuyền gỗ. Lái đò thường là yếu đuôi chân, họ chạy rất kém. Họ khỏe nhất hai cánh tay. Người thường ăn hai lạng rưỡi gạo, họ phải ăn đến bảy tám lạng. Chở đò trên Sông Đà, có mấy điều như thế này. Chỗ băng thì chèo; chỗ dựng vách đá thì chống; ngược thác mà bờ băng thì kéo. Ngược, tốn lực và lâu thì giờ hơn xuôi, xuôi thì nhanh veo veo, nhưng ngược thì đỡ nguy hiểm hơn xuôi. Sông Đà nước đục khó đi hơn là lúc nước trong.

Nói về ngược Sông Đà, thì người đứng mũi phai lái băng sào, lái đầu thuyền ra hướng sông, trong khi tất cả những người khác gò người lồng dây song vào nách mà kéo miết thuyền dọc vào theo bờ. Thác nhỏ, đứng trên mũi thuyền mà lái băng sào, thác to phải bỏ thuyền, nhảy xuống sông mà chống sào mà lái băng sào, sóng thác đánh qua mặt qua vú. Kéo thuyền ngược thác, chở có kéo dài lắt nhất ra thành nhiều hơi nghỉ. Gì mà run vai mà mỏi, cứ nghỉ lấy sức cho đủ, thấy đủ sức rồi thì hô hô ta nhất tề mà kéo miết một hơi qua thác. Chỗ khó, càng vượt nhanh những quãng nó xối nước xuống nó níu đuôi thuyền lại. Cứ đèn dang vừa kéo vừa nghỉ hơi là nước nó xô xuống nó thúc xuống là vỡtoi, là băng cái thuyền. Ngực vú, bả vai người lái đò chống sào ngược thác hay bầm lên một khuanh cù náu nó là vết nghề nghiệp của đầu con

sào gởi lại đời đời cho người lái đò Sông Đà". (Tôi nghĩ rằng cái đồng tiền tụ máu ấy cũng là cái hình ảnh quý giá của một thứ huân chương lao động siêu hạng tặng cho người lái đò Sông Đà).

"Bây giờ nói đến xuôi Sông Đà, xuống thác Sông Đà. Xuống thác, người lái đò Sông Đà linh hoạt và luôn luôn cơ động mà phối hợp đôi mắt đôi tay đôi chân, thần chết chỉ tìm đến những tay lái đò kém cài tính phối hợp và tính ứng phó linh hoạt đó. Ở quãng xuôi sông một cách bình thường người chèo mũi tốn sức nhất, người chèo bạn trông người chèo mũi mà phối hợp mái chèo mình. Ở những quãng vào thác lao dòng, là lúc thử thách đến tay chèo lái ngồi sau. Lúc này nước Sông Đà reo như đun sôi lên một trăm độ muồn hắt tung đi một cái thuyền đang phải đóng vai một cái nắp ấm một ấm nước sôi khổng lồ. Ngán mạn thuyền thấp hơn ngán nước từ vi bên ngoài, cạp mui thuyền cầm ngập dưới ngán nước đang sôi trắng lên. Mặt sông cũng có ổ gà như mặt đường cạn, đi vào ổ gà sông là thuyền bị giật xuống bị dội lên. Đã gọi là thác, tức là chỗ khúc sông phức tạp đó nhiều luồng nước. Có luồng nước đi lầm vào thì chết ngay, có luồng nước đi vào đúng luồng rồi nhưng mà không trúng tim luồng thì cũng vẫn có thể là thập tử nhất sinh như thường. Vào thác ra thác mà trêch hay không trêch đường tim luồng nước sinh sống, muốn

kiểm tra, cũng có cách. Một tổ ba thuyền ba hiệp chèo lái chờ sot hàng bọc lá khô, muốn đua với nhau xem thuyền ai trôi thật là đúng giữa đường luồng, thì cứ mỗi lần lao xong một đợt thác là họ xem lại những sot hàng của mỗi người trong lòng thuyền. Hễ thấy hàng ai ướt nhiều ướt ít hoặc khô ráo là biết được tài thuật chèo lái của người đó ngay. Khi mà hàng bị nước té vào, dù chỉ là một ít có thể phài đi ngay không thẩm vào ruột sot hàng, khi mà đã có ít nhiều bọt sóng thác tạt vào hông vào kẽ mui khum hoặc tạt dọc vào cửa thuyền, tức là thuyền vào thác không thăng dòng, tay lái kém nhạy bén nên trêch mắt đường tim dòng nước cấp bức. Tức là sự lượng ước của đôi mắt đã kém tốc độ chính xác rồi đấy, và phải coi chừng! Nay, lại đến cái thác dưới rồi đấy! nước nó rỗng lên rồi đấy! Vững tay lái vào! Nhanh tay lái hơn nữa ! Lần này tay lái chớ nhụt, phải vào cho nhanh, cho thật chắc và lúc ra thác, cũng cứ thế! Bắt đầu thác sau rồi đấy. Trong tất cả bấy nhiêu cái luồng giận dữ của một con thác, bao giờ cũng có một luồng êm, cứ đi đúng vào chính giữa cái luồng tương đối đầm dịu ấy, thì thuyền ta cứ muôn đời mà êm. Qua thác Sông Đà, cũng chỉ là một ván đê bình tĩnh. Hễ tinh táo thì tay lái mình ra hoa, thì thác càng dồn dập réo sôi, mình qua càng nhanh, và lên thác xuống ghềnh càng nhiều lần càng thấy chủ động với con sông hơn, với cái thuyền hơn. Không

phải người lái đò Sông Đà không biết là cái thuyền bụng chứa thì chứa được nhiều hàng. Đóng kiểu ấy, cũng không khó gì; và chẳng rừng Tây Bắc thiếu gì gỗ. Nhưng bụng thuyền mà to thì không lách qua được luồng nước hẹp thắt chặt lại giữa cửa đá; cho nên cái thuyền then đuôi én mới dài mình, mới thắt bụng lại như một cô thiếu nữ thịt chặt cạp xiêm chưa muôn vội làm người mẹ. Càng thon càng lách mau qua thác. Thuyền Sông Đà không có buồm không chạy buồm như thuyền ở sông băng. Khi nào cần, nhưng cũng là ít khi, thì cạn hai cây sào lai thành cột buồm và cảng thẳng cái mui luyện ra làm buồm mà treo lên. Chân giới Tây Bắc và Sông Đà thường là vương núi, cái buồm di động trên lườn núi, vốn không phải là hình ảnh quen mắt của người hai bờ sông Tây Bắc”.

Dưới đây là tên và tính nét của một số thác trong số bảy mươi ba cái thác có tên trên Sông Đà, kể theo dòng nước trôi, tính từ biên giới bạn mà tính xuôi về. Tên những con thác tai tiếng này, tất cả những lái đò Sông Đà, vào bậc chân chính đều thuộc lòng như người chài biển thuộc kỳ con nước sinh con nước rút thùy triều.

Cách biên giới Trung Quốc phía Vân Nam khoảng mươi cây số là thác Kêng Mò Trên. Rồi đến thác La Sa, thác Hát Vá, thác Mǎn Hi, thác Mǎn Lay. Rồi Hát Nhật, Mǎn Thảm, Hát No Héo, Kêng Mò Dưới. Rồi

đến Hát Lai, ở phía trên Lai Châu độ chín cây số. Thuộc địa phận thủy phận Sơn La là những thác Hát Pi, Hát Soong Pút, Hát Soong Mon, Hát Pố, Hát Kính, Hát Tran, Hát Moong, Hát Tiếu, Qua Hát Tiếu (tiếng Thái chữ *hát* nghĩa là thác) người lái đò Sông Đà hay có câu: "Qua thác Tiếu, giải chiếu mà năm" với cái ý rằng thuyền đường trường xuôi khỏi đáy là đã có thể nhận định rằng khó khăn ghênh thác đã cắn bản hết rồi, người lái đò vẫn còn phải chèo chống, nhưng người hành khách đáp đò có thể yên tâm trải chiếu ra mà nằm chờ mà đổ lên bến dưới. Và từ Vạn Yên về đến Chợ Bờ, Hòa Bình, dòng sông lại lở nhở một số thác khác nó vẫn dọa người trên thuyền, nhưng tính chất đã bớt hung ác hơn cái đám thác Sơn La Lai Châu. Hãy nghe đây cái âm thanh chào mời đò đưa và cũng rất nhiều hình tượng trong cách nói cách hô tên non sông đất nước của nhân dân lao động Việt Nam gọi những cái thác những cái ga nước trên Sông Đà từ Vạn Yên về xuôi:

Thác Én, - Thác Giăng, - Bai Chuối, - Mó Sách, - Bai Lõi, - Bai Lành, - Mó Tôm, - Mó Nàng, - Nánh Kẹp, - Quai Chuòng, - Tà Phù, - Bai Nai, - Ba Hòn Gươm, - Phố Khúa, - Ghềnh Đồng, - Suối Bạc, - Ổ Gà, - Bai Nhập, - Cánh Cuốn, - Mèo Quen, - Hang Miếng, - Quản Cốc, - Suối Trông, - Bai Ban, - Diêm, - Thác

Rút, - thác Mẹ, - Bãi Thằng Rồ, - Mó Tuần, - Suối Hoa, - Hót Gió, - Thác Bờ...

Giờ, ta đi vào một số nét riêng của một vài nơi thác ghềnh. Vào loại độc dữ nham hiểm nhất là các thác Mǎn Hi Mǎn Thǎm, Hát Nhật Hát Lai, Soong Pút Soong Mon, Hát Moong Hát Tiếu. Có những cái thác phải kéo thuyền cả mùa nước cả mùa khô, thuyền nghỉ bến thì thôi, chứ đã đi sông thì quanh năm lúc nào cũng phải đổ bộ kéo thuyền qua quãng này. Có quãng khiêng thuyền lên bờ, lật nghiêng thuyền ra mà kéo đến gần cây số. Có chỗ vừa kéo cạn vừa lên dốc bờ đá dốc ngược. Thuyền kéo cạn như kéo gỗ. Gỗ cắt khúc tròn lót xuống thành một con đường lăn, trên đó trườn đi cái lườn thuyền cạn. Thuyền trườn qua gỗ lăn từng khúc một. Như thà đà kéo gỗ cây rừng ấy. Ví dụ qua thác Hát Nhật và Mǎn Thǎm thì cảnh kéo đò thật là như kéo pháo; trong lòng đò, dỡ hết hàng, tuyệt đối không còn để sót một sợi chỉ một cái kim trong khoang thuyền. (Tôi chưa được thấy cảnh kéo thuyền can này trên Sông Đà, tôi chưa qua mấy cái thác ác này, nhưng nghe kể mà thấy tràn ngập những cảm xúc quay phim phản ảnh lên màn bạc; tôi nghĩ rằng về mặt tạo hình, cảnh này còn có một cái khía cạnh khác nó phong phú hơn cả người hò đò sông Vonga. Con Sông Đà thật dữ thật lớn và lớn hơn nữa là những người lao động chờ đò kéo đò thăng

cái thiên nhiên không bình thường của một con sông Tây Bắc hiểm trở).

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông dựng vách thành, mặt sông chồ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt giờ. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lân vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phút đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gun ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đây. Quãng này mà khinh suất tay lái, thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn la. Trên sông bồng có những cái hút nước, có những hút nước giống như cái giếng bêtông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa công cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lùi lùi những cánh qua đan. Không

thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cùng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tờ sang số án ga cho nhanh để vút qua một quãng đương mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rùng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền giồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuynh sông dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muôn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà, - từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thùy tinh khôi đúc dày, khôi pha lê xanh như sáp vỡ tan up vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoay tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim ký sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như

ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vứt vào một cái cốc pha lê nước không lô vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hàng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trong nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không “thơ đời Đường” nhàn hạ, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quang thùy chiến ở mặt trận Sông Đà.

... Còn xa lăm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gần mà chê nhạo. Thế rồi nó rồng lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bợt đã trắng xóa cả một chân giời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quang âm âm mà quanh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mắt

hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chõ này. Mặt sông rung típ lên như tuyếc-bin thủy điện nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xóa càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luồng mới đánh khuỷp quật vu hồi lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong ke chim và pháo đài đá nỗi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác. Thạch trần dàn bày vừa xong thì cái thuyền vọt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viễn cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lâm liệt. Một hòn áy trông nghiêm thì y như là đang hát hầm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái

thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo vỡ khi trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đọi cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đồ vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la nạo bạt. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn độc hiểm nhất, cái cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò, hột sinh dục vụt muôn thot lên cổ. Mặt sông trong tích tắc lòe sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nép vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bêch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng, đánh đòn tia, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hồn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy gọn ngắn tinh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm

cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùm beo đang hồng hộc té mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá áy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liên xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đe sán lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng từ đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vắng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thăng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tịu ngòi cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trán lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cǎ. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa

xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vẫn minh vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong tri nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá đậm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá, rồi cá túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đú tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghỉ thế, lúc ngừng chèo.

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lý về đồ bằn đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim ký sự (tôi không muốn dùng mấy chữ phim tài liệu) màu về Sông Đà, nếu muốn phản ánh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà, của thác Sông Đà, cùng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà di máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiện ngang một người lái đò Sông Đà có tư do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “*núi cao sông hấy còn dài - năm năm báo oán đời đời đánh ghen*”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiêu cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tāi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bύa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bức bối

gì mõi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chū.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cỗ nhân. Chuyển áy ở rừng đì núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “*yên hoa tam nguyệt hạ Dương Châu*”. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng ròn tan sau kỳ mưa dầm, vui như nỗi lại chiêm bao đứt quăng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó dầm dầm âm ấm như gấp lại cỗ nhân, mặc dầu người cỗ nhân áy mình biết là lầm bệnh lầm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bần tính và gắt gòn thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cánh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lý đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nòn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón

búp cỏ gianh đầm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thay thèm được giật mình vì một tiếng còi xúplê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bai - Lai Châu. Con hươu thơ ngô ngẩng đầu nhung khôi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lù lù trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi mình bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hời ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?” Đàm cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoι. Tiếng cá đậm nước sông đuổi mắt đàm hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “dải Sông Đà bợt nước lênh bênh - bao nhiêu cảnh bây nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thương nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vài nóc khác hẳn những con đò đuôi én thát mìnhdây cổ điển trên dòng trên.

*

* * *

Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Ly Tiên (theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì tên Trung Quốc của Sông Đà lại là Bá Biên Giang) mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hòa vào Sông Hồng. Từ biên giới Trung Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân Sông Đà thì chiều dài là 883 nghìn thước mét chảy qua hai nước Việt Nam Trung Quốc xóm giềng.

Thời cũ, tên con Sông Đà lại được dùng làm tên đao tên lộ. Trong số 15 lộ hành chính đời Trần, có Đà Giang lộ gồm những đất đai từ tỉnh Hưng Hóa ngược lên. Và người xưa cũng đã tha thiết với Sông Đà. Chánh sứ sơn phòng đồn Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích, một nhà thơ ái quốc thời đó, chống Pháp và mất ở Tây Bắc (lúc ấy từ Hưng Hóa ngược lên đều gọi là Tây Bắc) đã đem Sông Đà vào một bài thơ họa lại thơ Tôn Thất Thuyết:

“...Lòng trung không nỡ bỏ Tây Châu,

“Giữ lấy Thao, Đà dài thương lưu”.

...Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sải. Áng tóc trên mảng đầu Tây Bắc trong suốt thời chiếm đóng đã nhiều lần vỡ vương thứ máu cán bộ và trung kiên pha loãng từ các miệng nhánh

sông và cửa suối đổ ra. Sông Đà như một con cá bị chúa đất từng vùng đem cắt ngang ra thành khúc nhò. Người dân Thái ở khắp ven suối ven sông Tây Bắc là những người lành. Nhưng con Sông Đà thì nhiều vực xoáy, nhiều luồng chết, nhiều đá ghênh, nhiều sóng thác. Những năm lụt to, cảng châu Quỳnh Nhai vẫn còn cái ngăn nước. Lụt Sông Đà, xác hươu xác nai cùng với gỗ trồ vẩy gỗ trồ hoa ầm ầm lao trên dòng trôi. Con sông đã ác như người dì ghẻ, chúa đất chia bến ngăn sông càng làm cho Sông Đà ác thêm. Đế quốc đóng đòn bốt ven sông, tính dữ ác con sông lại tăng lên mấy tầng.

Nhưng con Sông Đà dù có hung ác hơn thế nữa, người dân Thái vẫn ăn ở đời với nó. Trong Kháng chiến có những bản mường dứt tình với con sông mà kéo nhau cả bản mường tản cư sang sông khác, nhà cửa chăn nệm cho hết xuống đò mà xuôi về Tu Vũ, Hưng Hóa mà lên ăn bến Quý Quân, nhưng vừa giải phóng được Sông Đà mới dăm ba cái bến chính thôi, là đã lục tục cả bản kéo nhau về đông đủ.

Giọng êm êm người lái đò Quỳnh Nhai kể tiếp:

"Thời Tây, thời Nhật, tôi là một người chở thuyền gạo thuyền muối. Có những đoàn thuyền hàng trăm chiếc về tận Hà Nội đưa thóc dưới xuôi lên chợ Phương Lâm tỉnh Hòa Bình. Mỗi thuyền năm mái

chèo. Tôi nhớ mãi cái lần về Hòa Bình tải thóc kho, cách đây gần mươi lăm năm. Năm trăm cu li Thái chúng tôi đi chuyển thóc lên, có ba mươi linh tấp áp tải, dưới quyền một quản Tây và một quản khố xanh người Kinh. Thuyền buông trôi trên Sông Đà. Thuyền ôn ào những lời chửi mắng, đe dọa bỏ tù làm tội. Chúng tôi đều cởi truồng đứng ở đầu mũi ở cuống lái mà chèo mà lái. Mưa trên nguồn đội xuống đầu người làm đò, kẻ ra không thấm gì với những lời chửi mắng của bọn quan và lính. Một buổi chiều, Sông Đà nổi sóng, cá Sông Đà quấy mạnh. Những người thanh niên chờ thuyền gạo chúng tôi cùng một loạt rút cọc chèo và rút bơi chèo lên mà đánh bọn quan lính. Mái chèo gỗ mẩy xin, mình dày như mình cá trăm đã trở thành vũ khí giải quyết nhanh cái trung đội quan lính nó đi tải tù. Ủ, hồi áy chúng tôi là những người tù trên Sông Đà. Bọn lính, đứa nào bị thương nhẹ thì lội vào bờ chạy về Sơn La. Thằng Tây quỳ xuống xin tha chết. Qua bến Vạn Yên, liền vứt nó lên phế bến, và đi tiếp về Hòa Bình lấy thóc. Sau này có người bảo ở dưới xuôi chỗ này chỗ khác nhân dân được Đảng lãnh đạo đi phá những kho thóc Nhật như thế và đem về chia cho người nghèo. Thằng Pháp ở kho Hòa Bình hỏi giấy tờ đâu rồi, quan lính mọi khi vẫn đi áp tải đâu rồi, thì trả lời là họ bỏ lên đi bộ cả rồi. Đoàn

thuyền một trăm chiếc chúng tôi lai ngược Sông Đà, thuyền chờ một tấn, thuyền chờ hai tấn thóc.

“Lúc này Nhật vừa hạ Pháp. Nhật đánh từ Suối Rút lên, đánh thẳng lên Lai Châu, rồi lại xuôi thuyền từ Lai Châu qua bến Quỳnh Nhai, về bến Vạn Yên, lên bộ bắt Tây đồn và đem về Suối Rút giết giám binh Boocdié thông gia với phó vương bán nước Đèo Văn Long đang trốn ở Lào bây giờ.

“Đoàn thuyền thóc cướp kho Hòa Bình về đến bến Tà Bú thì lại gặp thằng Tây quản tàu bay ra xét giấy và lấy lại mất hết. Nó còn thu hết bơi chèo của chúng tôi, nó chỉ cho giữ sào thôi, và bảo chờ ở đây để chờ gia đình các quan qua sông. Hôm sau nó lại giả bơi chèo để chờ anh em tù chính trị sang ngang. Từ chính trị gần hai trăm người chuyển từ ngục Sơn La qua sông sang Ít Ong, Tú Lê, đi Nghĩa Lộ về Yên Bai. Từ chính trị đều thay áo số trước khi sang sông. Tôi còn nhớ một đồng chí người Kinh khi xuống đò quay lại nói với tất cả mọi người trên bến Tà Bú: “Đồng bào cứ bình tĩnh. Chúng tôi đi rồi sẽ có ngày trở lại”. Đoàn tù chuyển ngục để chạy Nhật qua sông xong cả rồi, thì Pháp vẫn cho chúng tôi giữ bơi chèo, không thu lại như trước, bảo cứ chờ đây để chờ bọn vợ con quan lính họ tiếp tục chạy Nhật. Đêm ấy mưa to gió lớn trên bến sông, chẳng đứa nào ra được bến. Năm trăm người chúng tôi săn chèo, bèn quyết tâm đi trốn và

đem theo cả một trăm thuyền đi. Chúng tôi quay đầu sào định lên, chống bằng ngọn sào ngược, cho khởi động vào đá sông, cứ êm như thế thoát xa bến. Chèo cả đêm. Sáng rõ mặt người, nhìn nhau mà cười. Nghỉ trên bãi cát Sông Đà. Thổi cơm ăn, đóng kịch vui bắt chước giọng thằng quản Tây hách dịch thu bơi chèo rồi lại giả bơi chèo. Và thấy mình tự do từ đó. Và giúp đỡ lẫn nhau, cả năm trăm người chia tay về quê nhà. Người về Lai Châu, người về Mường Chiên, người về Tà Khoa Mường Sại. Bây giờ, thỉnh thoảng đi chờ hàng mậu dịch cho Chính phủ, vẫn gặp lại một số anh em cũ của cái đêm mưa bão đi trốn khỏi bến Tà Bú áy. ... Mười lăm năm đã qua đi trên Sông Đà. Con Sông Đà quê hương ngày nay thay đã khác trước rồi...".

Nói chuyện với người lái đò, như càng lai láng thêm cái lòng muốn đê thơ vào sông nước. Một buổi chiều Quỳnh Nhai khác, tôi lại tìm đến một cô đò đã từng chờ đò dọc đưa gạo kháng chiến từ Quỳnh Nhai về thác Tà Hè đổ lên kho quân lương. Cô lái đò chau Quỳnh Nhai giảng cho tôi hiểu biết thêm về ý nghĩa kiến trúc của cái thuyền then vút đuôi én trên Sông Đà: "Các eng bảo thuyền giống con cá, bảo cái thuyền như một con cá nó quảy mạnh đuôi trên mặt sông thì cũng được thôi. Chúng em chỉ biết cái đuôi thuyền nó vẩy lên cao như thế để có cái chõ mà treo cái bu gà.

Gà sống này, con nào đẹp lông và gáy hay, thì phải mua đến mười đồng bạc mới. Con gà sống là cái đồng hồ của người lái đò Sông Đà đây. Đi đường xa qua bờ này bến khác, có tiếng gà gáy đem theo, nó đỡ nhớ nương ruộng bần mường mình. Hai bên bờ Sông Đà, ai ai cũng biết hát cà đẩy. Đang phát nương, nhìn xuống dòng Sông Đà mà thấy thuyền các eng đi qua, là người phụ nữ Thái chúng em đều hát gửi xuống một hai câu và có khi hát cả một bài. Hồi Pháp chiếm đóng, tiếng hát của phụ nữ đều lánh xa bờ xa bến. Nhiều tiếng hát chạy xa lên tận đỉnh núi. Nay hòa bình, hết địch rồi, tiếng hát mới lại xuống dần đến mặt bến...".

Châu Quỳnh Nhai được giải phóng trước tiên ở Tây Bắc, Quỳnh Nhai vốn là cơ sở bàn đạp ở Tây Bắc, và Sông Đà quãng này cũng là con đường dây ta xuyên vào lòng địch. Phong trào địch hậu Quỳnh Nhai có những lúc nó khủng bố rất dữ, đi kiểm soát các bản hai ven sông, nhà nào vắng ai, nó gọi về, và bắn ngay trên bến. Có những lúc một số cơ sở nhân dân ngần ngại không dám chờ đò cho cán bộ. Dêm đêm, có những chiếc đò bỏ vắng ven sông. Người dân có đò đã nói lóng riêng với anh cán bộ bí mật kín tiếng nằm suối nằm rừng kia: "Các đồng chí cũng thông cảm cho. Nó kiểm soát gắt quá nhân dân không dám chờ nhưng vẫn cho các đồng chí mướn đò đây. Cứ xuống đò mang

sang ngang đi. Không cho địch biết mình ghé bến nào bên kia bờ, thì sang xong cứ việc thả cho thuyền nó trôi xuống bến dưới. Bán dưới bắt được thuyền thì lại trả lại cho bán trên này, chúng tôi không sợ mất đò đâu. Chỉ cần cho các đồng chí đêm hôm sang ngang sao cho đường dây không đứt là nhân dân yên lòng". Hồi ấy Sông Đà khúc này, ban ngày mà cũng tối sầm như ban đêm. Đứt liên lạc cứ hàng tháng, tình úy đóng vòi voi trên núi Mèo.

Nhưng mà buổi chiều hôm nay, thấy Sông Đà ở bến này có một cái gì khang khác, chưa từng thấy trên sông này một lần nào cả. Cái vui ấy nó không ồn ào đến cái mức bến sông tóe bọt trào nước lên, nhưng là một cái vui thấy nó cứ thầm dần vào lòng mình cũng như vào lòng mọi người Thái đang tắm ở bến đây. Thì ra cái đoàn thuyền cắm quốc kỳ đang ghé bến kia là đoàn thuyền của chuyên gia ta và chuyên gia bạn đi nghiên cứu Sông Đà, để rồi trị con sông dữ tợn này, bắt nó phải phục vụ cuộc sống Tây Bắc, bắt nó phải dần dần đi vào con đường xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc.

Lúc này tôi nổi hứng muốn làm một anh cán bộ thông tin của khu Tây Bắc để ghé khắp các bến lớn bến nhỏ ở bờ bên phải ở bờ bên trái Sông Đà mà truyền đi cái tin mới ngôn ngôn sức sống mới này. Tất cả những anh chị em chờ đò trên Sông Đà, hối hả cá

những lái đò Sông Đà chuyên nghiệp và nửa chuyên nghiệp, hãy dừng tay chèo mà vui đi với tin chuẩn bị cài tạo Sông Đà!

Con người ở hai ven sông này và nói chung ở khắp Tây Bắc, đều mừng rỡ đón cái tin Đảng và Nhà nước ta sắp lãnh đạo con Sông Đà, đã thành lập “Ủy ban quy hoạch Sông Hồng”. Nhiều người sốt sắng muốn được biết trước xem đến năm nào của kế hoạch năm năm lần thứ nhất, kế hoạch năm năm lần thứ hai, thì bắt đầu xây đập thủy điện trên Sông Đà. Tôi lạc quan mà nghĩ rằng chuyện này là chuyện làm ăn về lâu về dài, không phải là chuyện làm theo cái hướng sốt ruột nóng lòng. Cài tạo một con Sông Đà hung tợn độc ác khét tiếng với 73 cái thác hiểm nghèo, không phải là một việc chóng vánh như xã châu làm trung thủy nồng được. Có khi phải hai ba bốn năm kế hoạch năm năm mới thiết bị hoàn toàn xong hết cả tuyến đập. Nhưng dù là còn lâu, tôi thấy cài tạo thiên nhiên cài tạo con sông vẫn cứ là gọn gàng, dễ hơn, chóng hơn sự cài tạo con người ; con người chuyển vẫn iạch dây dưa hơn sự vật bên ngoài tự nhiên. Cho nên dù công việc trị thủy Sông Đà mới còn là ở bước nghiên cứu, lòng tôi đã rung rung một niềm tin yêu đối với tương lai Tây Bắc. Đúng thế đây, cơ thể Tây Bắc đang chuyển dần, mạch máu cái Tây Bắc đang hóa sinh thêm lên vỏ vàn lờ hồng huyết cầu. Mạch dương là con đường số 6, con đường 42, con đường bên Phu

Yên, Vạn Yên. Mạch âm là con Sông Đà đang thăm dò để rồi trong một năm nào gân dây, lấy ngay sông nước của nó mà thắp cháy đèn điện lên khắp thị trấn, công trường, hợp tác xã ven sông và khắp cả núi đồi Tây Bắc mở rộng thêm nhiều nữa những diện khai hoang. Trong khói nước âm âm mênh mông của Sông Hồng, Sông Đà rót vào gân một nửa, để sê cháy xanh lên cái lửa sắp tới của thủy điện tinh hàng triệu kỉ lô oát giờ.

Ở bản Tràng Lang gần bến Vạn Yên, có một cụ già người Mường hay ghi lại những tội ác của một con thác trên Sông Đà. Thác Tếu Ông Tếu Bà, một cái thác dữ, cách xa vài cây số đã nghe nó rống lên. Tay lái lượng quặng là nó hút thuyền vào. Thuyền qua đây vẫn còn có tục hóa vàng, mổ gà mổ vịt cúng thần đá thác. Chính mắt cụ già đã đếm được và cộng lại những thuyền đắm thuyền vỡ ở thác Tếu Ông Tếu Bà lên tới một ngàn chiếc rồi. Tôi muốn có dịp được gặp cụ già Mường để nói chuyện về cách cải tạo Sông Đà sau này. Lòng tôi tin tưởng cụ già Mường còn thọ cho đến ngày được thấy con Sông Đà cải tạo, biến hồ nhân tạo xâp đập chứa nước mênh mông xanh một màu quan lục. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Sông Đà dì ghè rồi sẽ trở nên mẹ hiền lành, trở thành người mẹ nhân từ của tất cả người Thái người Mường người Kinh ở hai ven Sông Đà.

Tôi đứng lặng trên một bến đò Sông Đà, tiến đoàn thuyền nghiên cứu trị thủy Sông Đà xuôi về Tà Bú, Tà Khoa, Vạn Yên, Chợ Bờ, tiếp tục hành trình khảo sát những đoạn sông dưới. Trong theo đoàn thuyền khảo sát cờ sao đỏ vàng xa dần trên sông nước, tôi càng ván vương với Sông Đà, với tất cả những triết vọng của Sông Đà, với tất cả những người lái đò năm xưa và năm sau đây của Sông Đà. Hồi những người bạn đò người Thái trôi mắt thuyền trong thời hậu địch, hồi anh lái đò Xá rộng lượng còn mang vết sẹo cũ của một chuyến chở vội sang ngang năm xưa, từ nay Sông Đà càng ngày càng xanh ve mài lên một niềm hoài vọng. Ở đâu có sông có nước lớn, thường trôi lên những dấu hiệu của cuộc sống văn hóa, trôi lên những hình ảnh của văn minh. Ngày ta thăng bên phia núi Điện Biên cũng là ngày ta giải phóng bờ Sông Đà ở phia này. Từ đây nguồn thương lưu Sông Đà ở Tây Bắc lưu thông một dòng về tháu trung du và đồng bằng, địa phương và trung ương nối liền một đường nước. Mai đây xây đập xâ hội chủ nghĩa Sông Đà thì thàn đê phô bờ sông Hà Nội rồi hạ mặt đê xuống dần để rồi tiến tới bạt hòn bờ đê Hà Nội. Phố thủ đô nhích ra sát ven Sông Hồng cho lan can sắt uốn hoa và tượng đá gáy Hà Nội soi mình hòn xuống lòng Sông Hồng có nước Sông Đà pha mai vào.

SÔNG ĐÀ ĐỘ

(Thay cho LỜI BAT của
“Sông Đà” lần in thứ hai)

Trị con Sông Đà. Chặt nó lại, buộc nó phải vọt tóe ra thành lửa cao thế, thành lò cù làm ra của cải cho sự sống con người, điều mơ lớn bao nhiêu, nay đang là hiện thực. Xe chúng tôi lao về phía công trường lớn thứ nhất đập của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam (có thể nói như thế được lâm chứ). Còn dãm chục cây số quốc lộ 6 nữa mới tới hiên trường của đập Sông Đà mà đã thấy bên đường hiên lèn cụ thể những dấu hiệu của trị thủy Sông Đà. Phải mở rộng lòng đường này rộng thành mươi hai mét cho các luồng các làn xe đại xa đưa các thứ khối lớn máy và nguyên liệu vào hiện trường thi công. Nhiều hàng cây to gốc ôm được, tán bóng che đủ quán nước bên đường, cùng cứ ngả xuống.

Xe tới, làm việc liên tục, ghi ghi chép chép, vừa nghe vừa hỏi các đồng chí đoàn trưởng đoàn phó đoàn khảo

sát địa chất Sông Đà. Trụ sở đoàn, té ra đóng ngay ở đúng cái chỗ mà nhà thơ Tân Đà minh đã tả trong thơ xưa về chợ Phương Lâm:

*"Non Tuợng giờ cho bao tuổi lè
Sông Đà ai vẫn một dòng quanh".*

Những điều khái quát cần thiết về trị thủy Sông Đà và xây dựng công trình đập thủy điện Hòa Bình, lần trước tại “Ban Sông Đà” ở Khương Thượng, anh Tranh, Thường đã cho nghe, thì nay tại mép chợ Phương Lâm gần gần cái chân đập thủy điện nay mai, các anh Ánh, Vinh và Quang lại cho hiểu thêm thật là tý mỷ. Hiểu về lòng sông hốc hiểm, hiểu rõ những bát trắc của sông dữ để ăn chắc và đánh thắng. Cứ nghe phác phác ra thế cũng đã thấy quy mô lớn của công trình. Đợt đầu, đập dựng ở ngay thị xã Hòa Bình. Đợt sau đập dựng ở quãng Tà Bú, cách đây chừng hai trăm cây số đường rừng. Đến lúc mà thủy điện của cả hai đập Hòa Bình và Tà Bú ma chạy đều, thì công trình thủy điện Sông Đà là lớn nhất Đông Nam Á đó. Và điện của nó sẽ chạy thấu vào đàng trong, chạy các nhà máy Biên Hòa, Lục Tỉnh, và thắp sáng đèn đường Sài Gòn giữa thành phố Hồ Chí Minh. Chao ôi, nhớ trước đây mươi năm gì đó, đất nước còn chưa thống nhất, một nghệ sĩ yêu nước ở ta đã viết những câu văn thông thiết mong sớm được “...

Bắc Nam hai miền ngoài xe lửa xuyên Việt chung một thứ vé, và đèn Hà Nội thấp chung một thứ điện cùng Sài Gòn...". Lại nhớ một câu định nghĩa về hạnh phúc như thế này: "hạnh phúc là cái gì ước mơ lúc nhỏ tuổi lúc tráng niên mà được hiện thực vào lúc mình đứng tuổi". Lại nhớ lần ấy mười một năm trước đây, ở Xibéri, thăm đập Boratxcơ trên sông Anggara chít ngang rồi, nhìn mười mấy cỗ tuyếc bin đó quay điện cho sáng cả Tây Bá Lợi Á, tôi cũng đã mơ đến cái mộng tri thùy Sông Đà. Vậy mà, buổi trưa nay trên dòng Sông Đà, thấy mơ xưa đang hóa thành hiện nay. Mắt kính tôi nhòe nhiều lần, cứ phải áy mùi xoa lau hoài. Nhìn hai bờ Sông Đà, cây cỏ núi non xanh tùng lum in như thời Lưu và Nguyễn nào tìm thấy một Thiên thai. Bạn đồng hành thuyền máy liền kéo tôi trở về thực tế và nhắc luôn một câu trong tư liệu địa chất: "Trong thung lũng Sông Đà có đá biến tính thuộc nguyên đại vô sinh (1800 triệu năm) hồi Thái Cổ Tiệm Cổ gi đó..."; lại nhắc luôn nữa : "Từ Suối Rút xuôi về tới chợ Phương Lâm, đá khảo sát tới mươi một tuyển. Tuyển vào cũng có hẻm nơi lòng sông. Rồi đá gốc, đá lăn. Rất chi là quan thiết hữu cơ và cơ bản cho việc đặt đập và dựng đập đó". Chao ôi, kích thích thay cái việc tìm cho được nền móng xưa của mảnh đất Tổ quốc mình lúc ấy chưa có quốc hiệu nào.

Ghé thuyền vào thăm phố Chợ Bờ, thăm phố huyện Đà Bắc, tham cai bia vua Lê ghi công chiến thắng Đèo Cát Hải, bia dựng ngay chỗ chân Thác Bờ. Tất cả phố, cả huyện, cả trên Suối Rút, cả nhiều đoạn đường của Sơn La và ngược lên nữa, tất cả bến dọc bến ngang, tất cả ngựa xe đều xưa rồi là ngâm sâu vào lòng nước dâng để rồi sông dữ hoa kiếp thành hồ lành, và để nhường cho cho những nao nhiệt mới trên mặt hồ cũ những con tàu thuyền một hai ngàn tấn mờ máy từ biển ngoài đưa khách đưa hàng vào tháp thương du. Lại ngan vang lên một “Bài thơ biển cả” mới nữa, với những đặc điểm của Việt Nam xã hội chủ nghĩa thành công.

Huyện Đà Bắc tung bừng cờ đỏ khắp phố. Huyện đang mờ nằm ngay đai hội để chào mừng Đại hội Đảng lần thứ IV. Suốt từ các cửa nguồn bắt ra bờ trái bờ phải Sông Đà, tinh từ Lai Châu kéo xuống dòng xuôi, chỗ nào có đảng viên là rừng xanh đều bừng bừng bóng cờ hồng. Sông Đà từ nguồn trên về, thành ra một dòng sông hồng, các anh ấy cờ mạn trên vừa về bào thể. Hết địch hậu rừng xanh cờ lúc cơ sở trắng báng, nay thì ven sông mình nổi cờ lén hết rồi.

Thuyền may đi trên sông mà lại cứ tưởng là đã đi trên con hò mai kia rồi, nhìn ra từ phía thay các chỏm các đỉnh sơn hệ đều đã trở thành mép hồ bờ cạp đá xanh của một con hồ nhân tạo mà cả thiên tạo nữa

không phải vít bit kẽ khe nào để giữ nước dâng, như là vùng Đại hồ Thác Bà bên kia phải hàn những mây chục nách núi. Ngang tuyến khảo sát cũ bên Chương (mười một tuyến khảo sát trên bốn chục cây số đường sông) nhìn vọng lên chóp núi cao mà lại càng nhớ đến chiến khu Tu Lý và con đường dây từ Trung ương về khu Bốn cũ trước khi giải phóng thị xã Hòa Bình 1952, có lúc đã phải nâng đường dây lên tận Bay, Búa, Diêm. Từ đây, hai bờ Sông Đà lỗ chỗ thấp thoáng những vệt đó nhở, từ lòng thuyền nhìn ngược lên rừng thẳm xanh mù, cứ như là phát hiện được thêm vô số là chiến hào của một trận địa mới nào. Đây chỉ là con đường của địa chất vừa mở để đưa máy khoan lên dần các tầng núi, ấy nó lại gợi gọi cái kiểu kéo ông pháo qua đèo áy. Các tháp khoan lênh khênh trông như những đơn vị ban nào của đám khai thác dầu lửa. Tháp khoan lại còn nhấp nhô cả trên mặt sông, chân tháp tì vào một cặp sà lan ghép lại.

Một buổi ấy, đoàn thơ văn chúng tôi tới chào mừng Đại hội Đảng bộ Đoàn khảo sát địa chất Sông Đà. Không khí chào mừng họp chuẩn bị cho Đại hội Đảng ta lần thứ tư, thật là khá sôi nổi trên khắp lưu vực Sông Đà. Đảng bộ đoàn địa chất như thế là một đồng chí công hơn mươi cảm tình, như thế là người cao niên về tuổi Đảng đã là hai mươi chín tuổi và như thế là thành phần nữ gần gũi được một phần mươi. Ngoài ở

đại hội của những anh chị em khảo sát địa chất trực tiếp tham gia làm ra điện lực năm tôi, càng thấy thấm cái câu thú vị dữ dội của cụ Lênin “chủ nghĩa cộng sản là chính quyền (Xô viết) cộng với điện khí hoá”.

Lại không thể không liên tưởng tới chuyện treo cờ đỏ búa liềm ở Bến Ngọc năm 1944 đúng vào ngày 1 tháng 5 tết lao động. Cờ buộc vào ống chỉ làm con ròng rọc, cho nó chạy lướt trên dây thép đường dây điện báo vắt qua Bến Ngọc. Cờ búa liềm vượt ra tới giữa sông và hiên ngang tung bay giữa trời nước Sông Đà, đúng ngay trên cái quăng mà ngày nay công trình Sông Đà sẽ cấm làm chân đập. Đồng chí ta treo cờ đỏ mừng ngày Quốc tế lao động có ngời đâu minh như là người đã cấm trước cờ tiêu cho tuyển kiển thiết tri thùy xã hội hội chủ nghĩa ba mươi hai năm sau này.

Nguyễn Tử gạt sang góc bàn cuốn Sông Đà sờn cả góc mây trâm trang in ra từ những năm nào năm nào, và hỏi tôi bao giờ thì tôi bắt đầu cho “thi công” tập thứ hai. Bỗng Nguyễn Tử đột hỏi luôn “tại sao ta thường hay nói đất nước ông bà?”. Trời, điều này có gì mà phải hỏi, người Việt Nam chân chính nào có lòng và có học mà lại chả hiểu! Nguyễn Tử gật gù, nghe tôi nhưng vẫn lộ ra cái vẻ chưa lấy gì làm thỏa thuê cho lắm.

"Đúng thế. Nguyễn Tử nói, đúng là có đất nước rồi mới có ông bà tổ tiên. Tôi ngờ rằng trong ngôn ngữ các dân tộc trên thế giới, không có mấy dân tộc dùng hai chữ đất và nước đồng nghĩa với từ quê hương, từ Tổ quốc. Sử sách truyền thuyết thường nói là nước ta có khoảng bốn ngàn năm nay. Nhưng từ khi chưa có một mông người Việt, chưa có con người Việt Nam thì cái tuổi của đất nước ta là bao nhiêu ngàn năm? Phải tính thành từng chặng nguyên đại, từng kỷ, tức là từng triệu năm một. Không phải khoa địa chất là hay xài lớn về niên kỷ và thời giờ, nhưng đó là những con số cần có của khoa học. Thời gian lịch sử thành lập của mảnh đất Việt Nam, như vậy là có tới ba nghìn triệu năm đó à. Cái thưở ban đầu mông lung ấy cả đất nước mình sơ khai thì đất có trước hay biển có trước? Đây là một câu hỏi mà các nhà địa chất đồng bào và dị bào chưa trả lời dứt khoát được. Chỉ biết rằng mảnh đất Việt Nam chào mừng vũ trụ và sự sống hoang dại cùng lúc với quả đất ra đời, chỉ có trân trui đất và biển, và mãi đến năm thứ bảy mươi triệu năm mới nhu lén màu xanh của cây, thứ cây thực vật không hoa, một thứ cây dương xỉ tiền tiền sử. Khoi thủy sơ sinh của quê Việt Nam là nước biển hay là đất đá của hòn đảo lún lên thành địa lục? Chỉ biết rằng đó là một quá trình tranh chấp giữa đất lấn biển và biển cả xâm nhập đất liền, lúc đất này lúc lại

hóa ra nước thế nọ. Lịch sử cội nguồn mảnh đất quê ta thật là một sự dâu bể tràng kỳ tỉ tỉ năm. Đào ở Lai Châu, còn tìm được loại đá bùn đá cát (thuộc thời Cam Kỷ của nguyên đại cổ sinh) tuổi đá chừng năm trăm năm mươi triệu năm, và nó là những thứ đá có nguồn gốc từ biển cả. Bao nhiêu là tang thương. Biết bao biến thiên dâu bể và, để chấm hết thế kỷ XX, là trên quê Việt vạn cổ mìn, ta lại một phen oanh liệt nữa, đẩy lũ quỉ dữ (Hoa Kỳ) xuống biển Đông cùng là tiếp tục đấu tranh bền bỉ với thiên nhiên...”.

Biết tôi sắp khăn gói lại ngược Sông Đà một chuyến - một hay là nhiều chuyến nữa - Nguyễn Tử nói chuyện vỡ lòng cho tôi về địa chất về lai lịch mảnh đất mình đang sống trên đó và nhất định làm chủ cho bằng được, bằng mọi cách tối hảo của suy tư và ăn ở. Đêm, thức giấc bên chợ Phương Lâm, nhìn trăng lấp loáng trời Sông Đà xuống vùng non Tân, lòng lại khắc khoải mà ôn những lời địa lịch của Nguyễn Tử về nền móng sâu xưa của đất nước ông bà, về chuyện dân gian Sơn Tinh Thủy Tinh.

...” Cái câu dao *Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen* mà anh Nguyễn đã dùng làm tiêu ngữ cho truyện *Trên đỉnh non Tân* của anh, có biết nó xuất xứ từ đâu không? Báo oán và đánh ghen đời đời là con Sông Đà đó chứ thứ sông thứ nước nào khác nữa. Rồi thần nước (tiêu biểu bằng

Sông Đà) thua thân Đất. Con người Việt sơ đẳng sơ sinh trên đất đã hoan hò thân Đất, và hát lên mấy câu đó. Trong vốn cũ văn học dân gian, cũng chả hiểu câu này là từ triều đại nào niên lịch nào, nhưng về lai lịch và niên kỷ địa chất mà nhìn theo kiểu nhà địa chung tôi, thì câu này có mầm móng từ ba bảy triệu năm địa chất nay - tức là từ thời Thán Kỷ đến thời Nhị Điện (thuật ngữ địa học). Thời này, trong lịch đại địa học của mảnh đất quê ta, trong cuộc dâu bể tì tì năm đất nước lúc chưa có bóng ông bà tổ tiên, thời khai thiên lập địa này là lúc nước (mặn cũng như lợ như ngọt) mới chịu thua hẳn đất (và đá) và đất càng ngoi lên mà át mà lấn biển rất rõ nét cõi bờ lục địa...".

Vậy là con Sông Đà điển hình cho thế nước đã phải lùi thua thế núi thế đất một lần rồi trong lịch sử địa chất Việt Nam. Ngày nay, người mình lại quyết tâm trị con Sông Đà này mà trị cho bằng được - vì hạnh phúc của toàn dân, vì cái lẽ sống của người mình lúc này Bắc cũng như Nam không thể nào không như thế. Đứng trên tầng lâu khách sạn tinh đường ngược mà nhìn Sông Đà đang trôi bóng giăng ra ngã ba sông Hồng dưới Tu Vũ Núi Chẹ kia, tôi gạt nhẹ cái cốc ra một bên gờ cửa sổ. Và như muốn nói chuyện tay đôi với con sông vốn làm chúa sơn lâm Tây Bắc này từ lúc chưa có vua Đinh vua Lý vua Trần vua Lê và các

vua khác: “Này thím sông mà ơi, phải biết rằng cái thời làm dữ của Sông Đà coi như xóa rồi đó nghe. Ngày nay có sự làm chủ tập thể của hơn năm chục triệu người yêu nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngày nay có trí tuệ dân chủ và có sự giúp đỡ khoa học kỹ thuật của bạn bè các nước, Sông Đà mà hãy nghe ta mà lui đi thì vừa. Chúng ta sẽ cải tạo nhà ngươi. Cái thuyền đuôi én bốn chèo sáu chèo tám chèo vẫn còn là bạn cố tri của Sông Đà nhưng mà sẽ chèo vui trên một con sông dữ nay mai sẽ trở nên con hổ thuần hóa. Thôi, hàng đi, mà càng hàng sớm càng hay. Cái đập thủy điện cao một trăm hai mươi thước để trị mà sẽ đặt chắc một khôi bê tông ngang lòng mà chậm lầm là tám năm nữa thôi. Biết điều thì từ nay tới đó, đừng xà lú quấy phá vô ích nữa. Nanh vuốt giao long đang bị khoa học kỹ thuật con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa bẻ lắn lắn. Tương quan giữa con người và con sông là đứng về nguyên tắc, con người bao giờ vẫn là phải cưỡi lên con sông, dù sông đó là Sông Đà (cũng như ngựa tài ngựa dữ) có là bất kham đến mấy. Thôi, nói cho Sông Đà hay, nên chịu đi. Từ khi khai thiên lập địa ở quê Việt này, thím quấy phá bừa bãi như vầy bấy nhiêu kỷ nhiêu niên, tưởng cũng đủ chuyện giang hồ bụi đời rồi. Nay phải khuôn vào kỷ luật. Chịt

thím lại, chặt thím Sông Đà lại. Thả lỏng thì thím chỉ là ma cà bông túa ra biển Đông nhập vô mọi thứ giông tố mùa bão lụt phá phách hàng năm. Khuôn vào tổ chức, thì Sông Đà sẽ thành ra tử tế. Thôi, vinh quang thay cho dòng sông trăng sáng biết điều!".

Trời sáng mài ra, cả bọn tôi leo lên chuyến xe qua phà Thia sang tả ngạn sông thăm cái thành phố tương lai trước mắt của thủy điện Sông Đà.

Thị trấn năm vạn người đang hình thành này ở tả ngạn sông sẽ là một thành phố công nghiệp gồm khoảng hai chục xí nghiệp, chế tạo chế biến nhiều thứ lầm, bằng sức điện của đập. Dĩ nhiên.

Đây là đất làng Thịnh Lang, Pháp trước đóng tỉnh tại đây gọi tỉnh Bờ, sau khi thua Văn Thân ta phải rút từ Chợ Bờ về đây. Năm 1952, ta đánh bại danh tướng Pháp Đờ Tát Xi Nhi tại đây và giải phóng thị xã Hòa Bình này. Chóp núi Ba Vành kia hồi ấy khói lửa của hai bên giáp trận đèn đặc làm nhòa hết cả chân cả thân cả đình. Lại nhớ quãng phố Dũng sát dịa sông này, hồi chuẩn bị tư tưởng đánh lâu dài, mình thồ xe đạp cùng vợ con kéo nhau lên Việt Bắc, và phải ngủ tạm một đêm hồi hộp ở phố Dũng này. Hòa bình thanh bình đã trở về từ lâu với tỉnh Hòa Bình, nhưng hôm nay trên đất Thịnh Lang thị xã cũ,

lại nghe âm âm i i xích sắt chuyển động và tiếng mìn tiếng nổ, thì ra cuộc chiến đấu của con người cứ tiếp tục. Đánh xong giặc Pháp giặc Mỹ, nay lại chuyển sang hỏi tội và lèn án giặc nước dữ giặc sông ác. Làng Thịnh Lang đang diễn ra cái quang cảnh của một chiến trường - không, của một hiện trường xây dựng. Vẫn cái phong cảnh nhà sàn, tre pheo cỏ hữu, lẫn với nét phong cảnh mới. Bánh xích sắt xe ủi khổng lồ đang đua nhau san bằng các chỏm đồi. Nhiều dãy nhà lầu mái mới của khu công nhân vừa dựng xong. Nhà máy đổ bê tông lắp ráp đang xinh xịch làm ra nguyên liệu kiến thiết nhà cửa. Tất cả đang khói mù xăng nhớt để chuẩn bị mặt bằng thi công cho thành phố công nghiệp. Thành phố dài hàng mấy chục cây số, cứ bám sát mép bờ trái Sông Đà mà kéo dài xuống. Chưa biết hôm nào của năm tháng thì dân số của thị trấn chưa có tên mới này mới đủ trên năm vạn.

Nắng hanh vang trên đất đỏ cày lên, uì đi, gọt sạch, những diện tích đó đều màu lại hoen ố đây đó những mảng bùn đen của mưa hôm trước con ú đọng. Có những đồi những gò bị gọt bằng xong xuôi, nhưng còn được chừa lại một cột đất hình ông lênh khênh nó ghi lại cái chiều cao cũ của chỏm đồi. Trông hao hao cái dáng tháp Cham đằng trong hon hòn một màu

gạch non. A, cái quả đồi mới chặt cây chưa san bằng
ngọn chờ giap bờ sông kia lú đê xây nha cho các
chuyên gia Liên Xô cuối năm nay sẽ tề tựu đông ở
quanh đây. Nghe nói nhiều đồng chí là quê vùng Bacu
dáu lửa. Nghe nói nhiều chuyên gia đã từng trị thủy
sông dữ Ai Cập và xây đập Atxuāng kia đây.

Tháp thoảng trong vườn nha sán Thịnh Lang đã
thấy đào lý trổ bông. Đào đã chùm chím phen phớt,
mận đã xoe canh trắng phau. Mình năm nay được bói
hoa thật sớm, mới có thượng tuần tháng chín ta.
Người ta thương hay nói đến hoa bao hì. Chư sao, tin
mừng bèn dòng Đà trên Sông Đà cản loạn và cản báo
đi lăm chữ.

Cuối 1976

ĐÒ TUYẾN

"Thuyết không đỡ bên mặc ai"

(Tỳ Bà Hành)

*"Lâm Chuy đường bộ tháng chay
Mà đường hải đạo sang ngay tức thi"*

(kiểu, hai câu 1613 và 1614)

Gió Lào lại nổi lên như trưa hôm qua. Sóng tuyển Vinh Linh sóng ngoi lên hàng đợt, hàng đợt dài. Đồng chí Rạng phụ trách chiếc ca nô của Tổ quốc tế vân tuần tra trên sông đậm, liền bò dờ ván cờ tướng tôi sắp bị chiếu xe lệch, và đi mau ra phía đầu cầu. Tôi cũng theo ra bờ sông, nhìn Rạng đang nèo thêm thửng dây và gò thêm ca nô vào trong bờ. Mặt sông, tất cả các chỏm sóng đã tung bụi nước lên. Dũng với cái bảng giải thích của nha Khi tượng miền Bắc về 11 cấp gió, thì như thế này là gió Lào hôm nay lên tới cấp 6

đây. Trên đầu tôi, nghe như tiếng lửa cháy, chốc chốc lại điểm vào những tiếng phùng phùng xé vải in hèt tiếng lá buồm ghe bầu trời gió trướng. Cờ đỏ sao vàng đang bị gió giật mạnh. Nó bung lên, rống cuốn lên, và nhìn kỹ thì thấy mép cờ đã bị tước rách hai ba đường. Nó gợi đến một cây cờ tướng giữa một trận địa phải vượt nhanh giải quyết nhanh. Một chiến sĩ đòn đầu cầu ngược lên nhìn tấm cờ phùng phùng reo lửa và kêu rắng “hai ba búa nữa lại phải thay vài cờ”. Tôi bỗng nhớ đến ngọn cờ của ta ở một đồn biên phòng Tây Bắc, khỏi Điện Biên một ngày đường. Đồn Tây Trang đó cũng gió Lào làm tổn tiên vài cờ, không kém gì gió và cờ ở bờ sông đây.

Gió Lào càng đứng bóng nắng càng hung hăn. Xuôi theo chiều gió, tôi ráo bước về phía đồn Chòi. Gió tuốt lá, lá tre bay búa dọc sông như chuồn chuồn báo bão mưa. Chỗ đồn Phước Lý, bọt sóng giữa mặt sông đêm đã bay rải theo chiều gió, trắng xóa một màn hơi nước động. Gió Lào đã mấy lần định cướp không của tôi chiếc nón vừa mượn của chị Ban ở chợ Huyện. Tôi phải dùng cả hai tay mà úp cái nón lá xuống đầu. Nghe những tiếng hồn hến bờ sông bên kia vọng sang. Một cái loa Mỹ trong lùm cây Nam đang thao thao chò sang ta mà nói nhảm. Giọng văn học du con và hơi phát thanh Ngô Đình Diệm, tiếng được tiếng mất, thoi thóp, và cuối cùng là bị gió Lào át đi hết, cuộn đi

hết ra bể. Trước mắt tôi là một chiếc đò phơi nắng. Trên lươi cát tí hon, một chiếc đò mắc cạn, kéo lên cạn. Tôi nhìn số đò. Đúng rồi, đây là chiếc đò của mấy thanh niên bên nớ trốn quân địch và vượt sang ta bùa trước đây. Số đò cũ của bờ Nam, vết cao chưa sạch hết. Và số đò đó mới đăng ký ở bờ Bắc, nét con số đậm đà. Gió Lào vứt vào lòng đò trống vài nấm cát và ít cái lá quắn mép. Trong lòng đò, bất thình linh hiện lên một cái bóng đầu người đen dăm. Tôi choàng đứng thẳng dậy, khó chịu. Cái đầu người đó bỗng cười ngay: “Bùa ni bác mới trở về Cửa Tùng à? lâu ni không thấy bác đi qua Tân Trại?”. Tôi chào chị xã viên và hỏi thăm luôn về số phân chiếc đò cái tao đang nằm trên cát sông đó.

- Đây là đò của một gia đình bên bờ Nam vượt tuyến sang ta.

- Tôi biết rồi. Chủ đò cũ tôi biết rồi. Giờ chị kể cho nghe một chút về chủ đò mới.

- Đò ni chừ là của hợp tác xã xóm ni. Bùa nọ có đại biểu chính quyền trên khu vực về đây để chứng kiến bán đấu giá đò vượt tuyến. Hợp tác xã xóm tui mua được. Tiền đò đà nộp uỷ ban.

- Rồi Ủy ban sẽ chuyển cho chính quyền miền Nam để trao lại cho chủ đò hiện đang ở bên nớ, và là người đã cho mấy anh thanh niên vượt tuyến mượn đò!

- Mô có. Không phải là chủ đò bờ Nam đưa đò cho thanh niên đó vượt tuyến. Chủ đò chỉ cho họ thuê đò đi chật cùi trên rú. Ở rú về, họ chuyển cùi lên bờ, họ đem luôn gia đình xuống đò rồi chèo thẳng sang bờ ta. Chủ đò mô mà biết được chuyện vượt tuyến nó!

- Rửa rồi gửi tiền đò ra răng đây!

- Khó chi. Tiền mua đò đó, gửi vô Ngân hàng Vinh Linh. Bữa mô quan hệ bình thường, mấy anh thanh niên đó cho người cầm cái biên lai qua cho chủ đò bờ Nam đi mà lánh chứ chí! Thì cũng phải tính cách rửa chứ mần răng chừ! Nếu không thì cứ quăng cái đò ở bãi cát đó cho hắn hỏng đi à? Đò lên cạn, đã nứt ra rồi đó. Gió Nam Ô ni làm hư đò. Hợp tác xã sấp phải trảm lại đó. Rồi cho lên bến Nhà dòng Phước Sơn mà chờ phân trâu gửi trên đó về cho kịp vụ... Mời eng vô nhà uống miéng nước với bọ tai.

Tôi kiều nỏi vội đi, để mai mốt trở về, sẽ vô nhà. Gió Nam Ô vẫn thổi, và đều đều vấp vào mạn cái đò vượt tuyến nay đã sang tay chủ mới tập thể.

Đêm đó tôi ngủ ở Cửa Tùng. Ngủ ở một nhà nghèo nát, nhưng rất tiện cho tôi: ngồi hoặc nằm trong nhà nhìn ra, lúc nào cũng thấy thuyền ghe kéo qua kéo lại. Máy bữa ni, hình ảnh thuyền đò đã trở thành một nhu cầu của nhõn quan tôi, đã trở nên một ám ảnh da diết trong cảm nghĩ của tôi. Đã quá khuya rồi mà

tôi vẫn chưa buồn ngủ. Anh bạn trẻ ở đài khí tượng đã thổi ác-mô-ni-ca đi ra đo biển rồi. Đo độ âm, độ mặn, độ cao thuỷ triều. Tiếng giày ủng cao su anh khí tượng ộp oạp trên cát sương nghe đã xa dần xa dần. Quá khuya lâu rồi. Ngoài khỏi phía Hòn Cỏ và trong bờ, giờ này đã hết cá thuyền cá rồi, nhưng tôi biết rằng vẫn còn một chiếc ghe nhỏ đang miết miết mái chèo. Những mái chèo của một chiếc ghe vượt tuyến ra bờ Bắc. Một chiếc thuyền nhỏ rời bãi cát huyện Triệu Phong và đưa ba chị thanh nữ địch hậu vượt biển Tê trở ra vùng tự do Cửa Tùng. Nếu trong đáy một chiếc chén ngọc cổ tích đã hiện lên cái bóng một người lái đò Trương Chi, thì đêm nay, trong nhỡn quan tôi, cũng vun vút một chiếc thuyền ba cô chạy giặc miền Nam. Ba o Triệu Phong (*O* cùng một nghĩa với *cô*, nhưng tôi thấy đại danh từ *o* của bà con Trung bộ, nghe nó vẫn êm đềm hơn), ba o Triệu Phong đó tới bờ Bắc đã mấy tuần nay rồi, nhưng giữa đêm không buồn ngủ này, trong đầu tôi, vẫn nghe miết mạnh tiếng bơi chèo vượt biển Tê của ba o bán cá huyện Triệu Phong. Đêm vượt tuyến của ba o là một đêm không có trăng. Bóng đêm dày đặc trên biển đen đã che chở cho chiếc thuyền thanh nữ trở về vùng tự do. Nhưng nay ôn lại chuyến vượt bể tuyến của ba o, tôi cứ thấy như đêm ấy là một đêm sáng lám, sóng nước bần bật lên những chất sáng nó soi rõ từng thớ

gỗ của cả chiếc đò, của từng chiếc bơi chèo. Và sự xúc động ở tôi khi hình dung lại đoạn vượt biển của ba o, nó cũng hao hao như cái chất lân tinh nước biển đêm đêm sáng xanh lên đầu ngọn sóng, mỗi khi bơi chèo và mũi thuyền cắt ngang vào, xoáy mạnh vào.

Một cách thiệt là sơ lược thôi, tôi thuật lại câu chuyện vượt biển của ba o. Dĩ nhiên là tôi không viết ra cái tên thật của làng xóm và cái bến rời đò nơi ven biển Mỹ Diệm - người bạn đọc tò mò và khó tính cũng nên thể tình cho. Tên làng tôi không cần nói thật, còn tên thật những người đi lánh nạn Mỹ Diệm, tôi cũng mạn phép mà đổi đi. Tất cả những cái phiền phức bắt đắc dĩ này, không cần nhiều lời, mà ai cũng đã hiểu rằng chẳng qua cũng là do mấy cái đồ chó chết khổn nạn Mỹ Diệm đó mà thôi.

*
* *

Chuyến đò vượt tuyến ra Bắc đêm đó gồm ba nữ là o Xim, o Hà và o Hoài. Nam thì có bốn anh ở trong danh sách “Thanh niên Cộng hòa”, là các anh Thu anh Nục anh Trích anh Chuồn. Nục, hồi kháng chiến là du kích xã. Làng Nam Sa đó là một làng có thành tích thù hận đế quốc và nhất là có thành tích dân công tài gạo muối cho cả chiến khu Ba Lòng trong nơ,

cho cả chiến khu Thuỷ Ba ngoài ni. Bốn chàng trai vùng bể đó đều là chưa vợ. Anh Thu chỉ mới là người đã được bố mẹ đón bên đồng ý cho đính hôn với O Hoài. Còn hai o Xim và Hà thì chồng đính hôn đang học ở trường sư phạm Vĩnh Linh. Tất cả đều quê ở Làng Nam Sa, một cái làng mà đông tây từ chi đều có đồn bốt, cả kiểu đồn chìm cả kiểu đồn hương dũng xây từ hồi nó chiếm đóng trước Gióneo. Làng Nam Sa cũng thường thường như nhiều làng dọc bờ biển, kinh tế chàng qua cũng chỉ trồng khoai và làm cá biển. Nhưng cả phủ Triệu Phong tỉnh Quảng Trị, ai cũng biết là phụ nữ Nam Sa lao động giỏi mà thân hình thì cân đối, đâu thì nhô, mặt thì đẹp, giọng nói dễ nghe. Tôi quên không hỏi xem ở Nam Sa có nhà thơ họ thiên chúa giáo không, vì các o vùng Nam Sa có một cặp mắt phẳng phát cái vẻ nhìn hồn ngây của Đức bà Đồng trinh. Phụ nữ Nam Sa lại còn nổi tiếng là đi nhanh nữa. May o đó đứng ở quán o chợ mà hút thuốc uống chè xanh, trông cũng như mọi người bình thường khác, nhưng khi đã đặt cái đòn gánh lên vai một cái, là trông các o khác hẳn đi. Chà, sao họ giỏi vậy, tài vậy. Đi lanh lăm. Nhiều anh thanh niên chân chạy công văn hỏa tốc mà cũng phải chịu thua. May o Nam Sa mà ruồi cá lên chợ, thì vượt, vượt hết mọi bộ hành trên đường và không cho ai đuổi kịp mình. Họ vút vút vượt qua mình, để lại phía sau những tiếng phân phát

của tà áo đánh vào quần, của những ống quần đánh vào gót. Con gái Nam Sa ruồi cá lên chợ Triệu Phong thì chỉ có phông xe đẹp may ra mới đuổi kịp. Các cô ấy đi như gió. Gió cấp 2, e có khi tới cấp 3 nữa đó. Mới thấy các o đó ở Nam Sa cười cười nói nói với mạ với em, loáng một cái đã thấy các o đó ở quận Triệu Phong (phải, Triệu Phong nay hẵn đóng quân). Rồi vụt một cái, lại thấy các o đó ở thị xã Quảng Trị. Thoáng một chập nữa, lại thấy tiếng họ đã trở về Nam Sa bỗn mit chia cho người này người nọ ăn, gọi là cùng vui với mấy o vừa bán được nhiều cá buổi chợ quận chợ tinh.

O Hà o Xim o Hoài đều là người ruồi cá chạy cá rất lành. Cá của Hà Xim Hoài là thứ cá tươi, đưa lên tới chợ lâu rồi mà vẫn không chịu ươn. Ai cũng tìm tới mà chọn cá. Ba o ba cái áo dài pô-pơ-lin hàng Nhật hàng Mỹ, đội ba cái nón Huế khum khum, vừa bán cá vừa thở khói thuốc Cao Lãnh khói thuốc Cẩm Lê. Ba o áo dài, một o áo dài trắng, một o áo dài đen, một o áo dài phản hồng. À, bây giờ trong Quảng Trị, nó bắt buộc mặc áo dài hết, phụ nữ nào không mua sắm được áo dài, chỉ có áo cánh ra đường, nó buộc tội là “cảm tình Việt cộng” là lòng dạ vẫn hướng về miền Bắc quê hương của áo ngắn lao động. Thành ra đàn bà đi mua cũng phải ao dài, lên quan lên quận lên xã, áo dài. Đi chợ đi ruộng đi rú cũng áo dài. Bên cai khẩu hiệu

xanh đỏ óng điện “TRI ƠN NGÔ TỔNG THỐNG”, lại còn kèm cái khẩu hiệu cũng không kém lố không kém buồn cười: “MẶC THEO CHẾ ĐỘ, ĂN THEO KHẢ NĂNG”.

Bữa đó, không rõ hắn mần cái chí mà cả tỉnh Quảng Trị đều quay phim chiếu bóng. Đêm đó, làng Nam Sa cũng chiếu phim, chả biết phim tên là gì, nhưng thấy toàn là mũ to vành cưỡi ngựa hàng đôi hàng ba đi đốt nhà người Da Đỏ, và lại hàng đôi hàng ba cầm súng ngắn đi cướp đàn bà, chùm chăn len vứt lên mình ngựa. Hắn chiếu phim, phải chọn đêm không có trăng. Ba o Hà Xim Hoài cũng lấy luôn cái đêm chiếu bóng nhốn nháo không trăng và không ai chú ý đến người khác đó, để mà rủ nhau xuống đò. Vứt lại trên đất Tề Mỹ ba cái quần phin trăng và ba tấm áo pô-pơ-lin “mặc theo chế độ”, ba o lè té rời bái phim, đi miết ra phía bờ cát. Đêm nay, họ nhất định coi là cái đêm cuối cùng của vùng địch hâu. Mấy anh đó đã chờ sẵn ở bờ biển rồi. Anh Nục, quen nghề đánh cá biển, sớm nay coi trời, đã biểu là rắng rắng đêm nì cũng nổi gió nồm nam. Thực ra, họ bàn kin với nhau đã từ lâu rồi. Rời bái chiếu bóng phim, Mỹ dày, cũng là lúc điều kiện chín mùi để vượt biển căng buồm.

Từ hôm trước họ đã đi từ biệt săn, họ đã đi chào bà cô bà thím ông chú ông bác, và một số người quen thân. Nói là đi chào, nhưng là một cuộc chia tay lảng

lặng. Nó kín đáo, bí mật, rất tế nhị, ai tinh thì mới đánh hơi mà cảm thấy một cách ngờ ngợ. Ai không tinh thì phải chờ tới lúc biết việc xảy ra xong xuôi đâu đó rồi thì mới biết rõ mà thôi, và để mà thốt lên rằng : “Chà, mấy con nứa giỏi hè! Ra bữa mày đưa tới cho con nít kẹo giấy bóng là để hắn chào ra đi đó. Con gái đời ni gan hè! Mắt mày đưa mô cưng tung từng như không rửa thôi!” Hôm qua đi phát kẹo cho mấy đứa cháu nhỏ, o Hoài sợ quá, chỉ một thí nữa là có thể lộ mất. Thằng cu con đó mà cất giấu nón của o lâu hơn tí nữa, bà dì o Hoài mà hỏi con tôm con cá thêm ít lời buồn buồn nữa, thì có lẽ o Hoài phải nói buột ra mất. Mắt đã ướn ướt, đã thấy mày miệng, phải cắn môi ngập cả đầu răng mới bụm nổi miệng. Rồi o Hoài tuông luôn ra sân, kéo theo trong tay một tàu lá chuối toạc rách. Tiếng bà dì còn vang theo: “Chú mi làm cái chi mà chạy như giặc lùng rúa, con té!”.

Ngay túi bữa đó, cả hai tổ nữ và nam họp trên bãi cát vắng để kiểm điểm lại tình hình chuẩn bị mọi mặt. O Hoài có phản ảnh lại việc trên. Không ai nói thêm và không ai nhận xét gì cả. Chỉ có o Xim có ý kiến là “lần sau có đi đâu cần giữ bí mật, thì chờ có đi chia kẹo cho mấy đứa nhỏ”. Cả ba o đều có nói thiệt với mẹ, như cả tổ đã quyết định. Ba bà mẹ đều là mẹ chiến sĩ hồi Kháng chiến, không có chi là khó khăn cả, nhưng thấy tội quá. Ba mẹ o Hà con bàn thêm ít

lời vô công việc kín của máy đưa: “Thôi, máy đưa bay cứ đi đi cho được việc. Thuyền đò lấy của người ta mà chèo ra ngoài cù Hồ, máy đưa cứ để đó cho mạ. Mạ sẽ tới mà nói cực với chủ đò vậy. Không có mấy thằng Mỹ ăn cướp nô, thì ai lấy đò của chủ đò mà làm chi. Mà máy đưa bay cũng là đi công tác chứ chi!”.

Chiếc đò đó đang nằm trên bãi cát làng Nam Sa, bọn dân vệ hương vê có tua ra bãi biển lúc ni mà nhìn đò, thì cũng thấy nó nằm đó như mọi cái thuyền cá khác của làng Nam Sa. Nhưng nếu bọn chúng đi qua lên đầu truông cát, thì sẽ thấy sau cồn cát sa sâm đó, có mấy bóng đang ngồi thù lù và đang thầm thì. Nục, Chuồn, Thu, Trích, mấy anh đang bàn nhau là dân vệ có hỏi, thì nói là phim Mỹ đó họ đều coi cả rồi, và ra đây làm nhiệm vụ canh gác của những người “Thanh niên Cộng hoà”. Cách cồn cát họ là một cồn sa sâm nữa, cũng đang lố nhố mấy bóng đàn bà quần đen áo cộc đen. O Xim o Hà o Hoài đang ngồi ôm bảy năm cơm vắt và một cái bình nước ngọt. Hà nói với Xim, giọng thiêu bình tĩnh: “Răng chủ đò lại cất cột buồm và buồm về nhá? Cứ để ở đò, có mõ mà ai lấy làm chi!”. O Xim nói khẽ hơn: “Hay là chủ đò biết máy đưa mình trộm đò túi ni mà đem cất buồm đi?”. O Hoài đập vào cổ tay o Xim, rồi nói; “Không có buồm, cũng đi. Sáu cái bơi chèo vẫn còn nguyên trong đó. Mà anh Nục nói răng răng bữa ni cũng gió nồm nam, vượt tốt

hung. Có buồm thì đi lanh hơn. Không buồm, gắng chèo miết một đêm cũng cứ tối. Mạ con Xim chờ đã đi ngủ chưa hê?"

Phía Tây, trên đám đèn tre làng cát trông xa xa, vẫn nổi lên cái vàng sáng của đám xinéma Mỹ. Trên chòm cồn cát sa sâm, bỗng thấy đu đưa những ngọn cỏ nhọn hoắt. Nục đi từ cồn bên nớ qua cồn bên ni, nói nhỏ: "Có gió rồi đó. Máy o chuẩn bị xuống thôi. Đi lê ra".

Sóng vỗ vào con đò đã hạ thuỷ từ nấy. O Xim bận lòng nhớ nhà nhớ làng Nam Sa một lần cuối cùng, cứ thế mà nhả bờ cát, dầm chân xuống biển, quên mất cả vén hai ống quần. Họ đẩy dần đò ra, cái sóng đêm đã nâng bổng đò lên. Nục giữ chèo lái. Trích, Chuồn, Thu đều giữ chèo mạn, đều kiềm lại cọc chèo quai chèo. Họ hỏi ba o còn quên chi không, và bảo ba o ngồi xếp xuống lòng đò cho cân. Cái vàng sáng bãi cát chiếu phim mờ tắt dần, rồi mất hẳn. Phía sau lưng, phía bên trái bảy người chạy Mỹ, chỉ còn thấy đèn thui. Phía trước đèn, phía tay mặt cũng đèn. Mô đò trong té, tiếng máy con gà canh hai. Từ lúc này là bắt đầu càng xa bờ. Đêm không trăng chỉ nghe có gió. Và đầu ngọn chèo, loáng loáng lân tinh. Nục vẫn hiên ngang giữ chèo lái. Ai cũng rầm rắp nghe theo lời Nục. Ba tay chèo cũng vậy, ba o cũng thế. Cùng thức đêm với nhau trên sông, ba o thấy đêm mình dài hơn

đêm bốn anh. Nam luôn tay chèo, chèo miết. Ô Hà buôn nhất là bỏ quên trên bãi cát cái bình nước. Anh Nục bảo: “Thôi, ai khát thì nhai cơm vắt đì. Chưa đòi cũng cứ ăn, nước bọt ra nhiều, đỡ khát”. Chỉ có nam còn ăn, chứ nữ thì chả ai muốn ăn. Nam ít nói. Chỉ có ba o nói chuyện nhiều, và nhiều câu bị sóng lớn đánh bay mất.

O Hoài mệt quá. Sắc đen của biển nhạt dần đi. Mờ mờ thấy sóng gần, mờ mờ thấy sóng xa. Và ở xa lại sáng nhiều hơn chỗ gần thuyền. Nục vẫn giữ chèo lái mà nói: “Sáng rồi đó. Tất cả chú ý coi đó có thuyền máy của hán không?” Xim và Hà lắc lắc Hoài. Hoài vuơ vai như chào hải phận miền Bắc. Sự thực đây chưa phải là bể Bắc, đây vẫn còn là bể đệm và trên sông nước phì quân sự. Mà như thế là ca nô tàu máy nó vẫn có thể ập tới bắt mình. Cây đèn biển Cửa Tùng đỏ đỏ nháy nháy như là một người mất ngủ cay mắt, cả đêm qua phải thao thức vì chuyến đò ba o vượt tuyến. O Hoài hỏi chồng chưa cưới là anh Thu: “Đèn biển miền Bắc đó eng?” Thu gật gật. Cây đèn biển lia trên bể một rè quạt cuối cùng, rồi tắt. Trước khi tắt vì đêm đã hoàn toàn chấm hết từ ban nãy, hải đăng còn nháy nháy mấy cái như bào cho cặp nhân tình vượt biển đó yên tâm thêm: “Đây là tối bờ hạnh phúc và tự do rồi. Vì các bạn, mà cả đêm qua tôi không phút nao nháy mắt đó”. Thu và Nục đánh diêm thấp

thuốc. Cả bốn anh đều hút thuốc. Đây là điếu thuốc lá đầu tiên trên biển tự do. Cả túi qua trên cát, cả đêm qua trên đò, các anh đó sợ nó thay đổi lửa, phải nhịn thuốc, tội quá. Bắt đầu có tiếng cười đùa. Có người hỏi đêm qua nhỡ nó tóm được thì sao? Có người trả lời là sợ nó tóm thì đã không xuống thuyền v.v...

Có chiếc thuyền buồm nau chèo về phía họ. Nục và Thu bảo mọi người đừng sợ: "Buồm nau là thuyền bờ Bắc. Không việc chi mà sợ". Cái thuyền buồm nau bờ Bắc liền hỏi sang cái thuyền miền Nam không buồm: "Anh chị em vì răng mà đang chèo ra đó?" Cả nam và nữ chiếc thuyền Nam không buồm cùng trả lời: "Trong nơ cực quá thì chạy ra ngoài ni". Thuyền Bắc liền chuyên nước ngọt cho thuyền Nam. O Hoài là người kêu khát nhiều nhất mà bây giờ lại chưa chịu uống. Nơi mép Hoài lại cũng có nước rò xuống. Nó vừa chảy mới đó, chảy từ kẽ mắt xuống, hơi mặn mặn.

Như vậy là chuyến vượt tuyến đó mất tất cả 13 tiếng đồng hồ, mất ba phần đêm và một phần ngày, để bờ một cái thôn cát phủ Triệu Phong bờ Nam mà đặt chân lên một cái thôn cát khác ở phủ Vĩnh Linh bờ Bắc. Cát dọc biển toàn quốc ta thi đều trắng xốp như nhau, nhưng o Hoài lại bảo tôi rằng "cát bờ Bắc đi nhẹ chân hơn, bước nó không tut dép mẩy".

Tôi đã có dịp ngó thấy chiếc đò vượt biển của bao. Cũng như tôi đã được nhìn cẩn kẽ chiếc đò máy anh trốn quân địch Mỹ Diệm bơi từ bờ Nam *khảm* chèo qua bờ Bắc sông tuyến. Trên cát, một con đò vượt tuyến đường bể; một con đò khác vượt tuyến băng đường sông. Và còn bao nhiêu con đò vượt tuyến khác nữa, tôi biết sao cho hết được, tôi thấy sao cho hết được ! Có chăng là đích thân cái sông đệm ấy, cái biển đệm ấy, mới thấy hết được thôi, mới nhớ hết được thôi.

Một buổi chiều nắng, tôi chào biển Cửa Tùng, tôi chào chiếc đò của bao đang được tràm lại trên bãi cát xanh bóng dương xanh. Tôi theo con đường 75 mà trở lên Hồ Xá có *Phòng đón tiếp miền Nam*. Đường 75 chạy qua trường La tinh Tiểu chủng viện An Ninh nay đã chuyển thành trường phổ thông cấp 3. Đường 75 còn chạy qua một khu trường Sư phạm ta mới dựng. Tôi dừng lại lâu trước cổng trường, nhìn vào sân trường đông đúc sinh viên đang giờ ra chơi, tốp năm tốp bảy, tốp tám tốp tám. Trong bao vượt tuyến Triệu Phong bỏ lại thuyền nơi bãi dương gần Mũi Si dưới đó, tôi biết là có hai bao đã đính hôn với hai anh bạn trẻ đang ở trong sân trường ni. Vào trường, tìm gặp hai nhà giáo thanh niên vừa có tin mừng đó, mà mừng họ mấy lời sót dẻo, nhất định là vui thôi. Nhưng biết là ai đây? Quên mât lai không hỏi tên. Cứ

trông anh nào tắp trung suy nghĩ mà lại cắp kè tay đói trên sân cát, mà hỏi thì may ra trúng đó! Nhưng hình như ai ai trên sân cũng tốp ba tốp đói cá, và người sinh viên nào cũng đang bận tâm theo dõi một ý nghĩ gì.

Tôi đi thẳng. Tôi gặp lại ba o tại *Phòng đón tiếp miền Nam*. Các cô khoe rằng bốn anh cùng vượt tuyến thì nay đã chuyển ra Nghệ An. “Các anh đó, giờ là xã viên của Hợp tác xã đánh cá ở Cửa Hội”. O Hoài liền khoe luôn là “anh Thu em đã có thư gửi về đây bữa qua”. Tất cả ba o đều tranh nhau cho tôi biết cái tin “Ủy ban khu vực đã chứng thực việc hợp tác ngư nghiệp dưới đó mua chiếc đò vượt tuyến của bọn tôi. Tiền đã gửi ngân hàng Vĩnh Linh. O Hoài được giữ cái biên lai đó. Để khi mô Thống nhất thi trả vô Triệu Phong, trao cho chủ đò đi lãnh tiền đò của mình. Chắc sau ni gặp lại nhau, chủ đò cũng hết giận tụi tôi rồi”.

Một lần khác, tôi lóc cóc mang sổ tay xuống *phòng đón tiếp miền Nam* xin thêm ít tài liệu của phòng về cái hồi phòng còn đóng ở chợ Huyện. Hồi thăm đến ba o, thì ba o đã chuyển ra Vinh rồi. Chị cắp dùng vừa đi chợ về, đặt máy túm mắm ruốc xuống, dang một cánh tay ra, chỉ ra phía ngoài đường cái: “Máy o vừa lên xe ca đó. Xe đông hung. Có giấy giới thiệu đặc biệt mới đi ngay được, không thì còn phải ghi tên tôi mai

một mới đi được. Xe chưa chạy mõ. Tui vừa thấy máy o đi ăn bún ở tổ hợp tác bến xe đó”.

Tôi đi vội ra bến ô tô. Xe vừa mở máy nhưng vòng bánh chưa chuyển. Ba o ngồi lọt thòm giữa lòng xe đông. Tôi nói, nhưng xe đông và dưới đất nhiều người đi tiên cũng đang nói với lên cùng nhiều hành khách khác, chắc máy o cũng chẳng nghe ra câu gì. Ba o cũng đang nói với xuống, tôi cũng chẳng nghe ra câu gì. Chỉ thấy trong lòng xe tôi tối, đang rõ sáng lên ba cái cười thanh nữ mà mỗi hòn răng trắng đều là một chuỗi hoa nở đều cánh. Tôi tin chắc rằng hồi còn đi bán ruốc, đổi mit, chạy ruồi cá và đi chợ quận Triệu phong, chưa lần nào máy o được cười hết cỡ như lúc ngồi xe đò. Thôi, đi nhé! Ra làm công nhân nhà máy đường Sông Lam, tôi chúc cho ba o gộp phần đường mia cho nhiều vào, cho đời thêm nhiều thèm ngọt mai ra, để cho nó bô với những cái cay đắng đã qua đó. Đêm ni, chật lát là ba o cũng qua sông Gianh, qua đèo Ngang rồi. Hôm nọ o Hoài có nói rằng từ hôm ra bờ Bắc thấy được nhiều thứ và dần dần hiểu thêm được nhiều cái. Và muốn bữa mô học tập xong, được đi Hiền Lương ngó cái cầu một chút. Té ra o Hoài người Quảng Trị, ở trong nớ rồi vượt ra ngoài nớ, mà chưa biết cái cầu kỳ cục đó à? Ủ nhỉ, mình đi đằng phía bể, thấy răng được cái cầu nớ?

Tôi nhìn theo cái xe hàng chạy đã xa, mang theo ra Bắc máy o vượt tuyến chỉ mới thấy có bể giới tuyến mà chưa thấy sông giới tuyến, mà chưa thấy cái cầu cát trên sông giới tuyến.

*
* *

Theo báo *Cứu nước* bí mật in và phát hành ngay trong địch hậu Quảng Trị, thì “lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân tỉnh Quảng Trị đã nhiều lần làm chủ một số thôn thuộc các huyện Hải Lăng và Ba Lòng trong nhiều giờ. Tại những thôn nói trên, các chiến sĩ yêu nước đã phá hàng rào trước hàng rào, một số bãi chông, và nhiều chòi thông tin của Mỹ Diệm”.

Tôi rời Vĩnh Linh đã mấy tháng nay rồi, nhưng mỗi lần đọc báo, báo đăng tí gì về Vĩnh Linh là tôi đều có đọc. Cái tin của báo *Cứu nước* đó càng làm tôi xốn xang trong lòng.

Rồi mới gần đây, Việt Nam thông tấn xã ngày 16.4.1962 đăng rằng “Theo báo *Cứu nước*, cơ quan của Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Trị, gần đây đồng bào các thành phần Kinh, Thượng, lương, giáo, và đồng bào bị cưỡng ép di cư ở các huyện Triệu Phong, Hải Lăng v.v... đã tổ chức nhiều cuộc mít tinh phản đối đế quốc Mỹ vũ trang xâm lược miền Nam

Việt Nam. Có cuộc mít tinh được tổ chức ngay trên đường từ quận Hải Lăng đi thị xã Quảng Trị, hoặc ở sát thị trấn Hải Lăng. Đồng bào các vùng lân cận đã dự mít tinh đã sử dụng cả xe hơi để đến địa điểm tập hợp. Tại một số nơi dọc đường cái lớn, trong những ngày mít tinh, đồng bào ta đã làm chủ từng quãng đường suốt cả ngày. Trong dịp Tết, đồng bào một vùng ở Triệu Phong đã rải 2.000 tờ truyền đơn quanh vùng Cầu Ga, và thả trên 40 bè trên sông Thạch Hãn mang cờ của Mặt trận và khẩu hiệu lên án đế quốc Mỹ vùn trang xâm lược miền Nam. Đồng bào đi chợ Tết đã được thấy những bè trên cảng đầy cờ và khẩu hiệu trôi trên sông qua thị xã Quảng Trị xuôi về phía chợ Sài”.

Này, o Hà, o Xim, o Hoài, tin trong mình đây nè!
 Tin Triệu Phong, tình hình Triệu Phong đây này!
 Không phải là tình hình phong trào cao trào miền
 Nam ở tận Nam Ngãi, Bình Phú, Ninh Thuận, ở Tây
 Nguyên, ở Lục Tỉnh Sài Gòn đâu xa, mà là nó ở sát
 ngay cầu Hiền Lương đây này! Nó ở sát ngay đầu cầu
 cái cầu giới tuyến mà hồi còn nằm ở Vĩnh Linh các cô
 muốn được nhìn tận mắt cho tò tường đó! Nghĩa là ở
 cách chỗ đầu cầu phía Nam cầu Hiền Lương khoảng
 ba mươi lăm ba mươi sáu cây số chứ gì! Gần quá, mấy
 o à!

Tin này, tôi chắc công đoàn nhà máy cũng đọc
 chung cho mọi anh chị em nghe rồi. Nhưng tôi cứ chép
 ra đó cho mấy o. Tình hình này, tôi cũng chưa biết
 cho thiệt là đây đủ, để mà tiên đoán ít điều cùng mấy

o. Tôi nghĩ rằng dây chuyền và mọi bánh xe mọi nhà máy sản xuất của ta giờ nó chạy lanh lấm. Và tình hình trong ta, giờ nó phát triển cũng lanh lấm cũng mạnh lấm. Máy o có thấy làm việc giờ nó vui, nó hồi hộp, nó như mình thêm tay thêm chân ra đó không?

Nay mai đây, tương lai đây, có thể là quan hệ bình thường rồi mà chưa phải là hoàn toàn Thống nhất, nhưng đòi được nó cho có sự quan hệ bình thường, tôi cũng đã thấy như trời nỗi gà gáy khắp nước rồi. Ngày đó, tôi sẽ ngồi ngay ở đầu cầu Hiền Lương đó mà làm việc, bám lấy sông láy cầu mà làm việc. Máy o có được nghỉ phép hàng năm theo chế độ công nhân miền Bắc mà về thăm nhà, có qua cầu Hiền Lương, thì nhớ tìm tôi ở đó nghe! Nếu công việc cho phép, thì tôi sẽ theo luôn máy o về thăm cái thôn cát của máy o. Và thèm nhất là được về đó mà cầm vô bàn tay mà chào bà mẹ o Hà. À, tôi nhắc máy o là giữ kỹ cái tấm biển lai đó, đừng để lạc giấy biên lai gửi Ngân hàng tiền bán đò nghe! Khi mô qua cầu về thăm mẹ thăm nhà, đừng có quên đem theo giấy trả tiền đò cho chủ đò năm trước đó nghe!

Rút từ *Đò tuyển*
 Tập văn về miền Nam
 - NXB Thanh niên 1962

BỐN NHĂM TUỔI XUÂN ĐẠI ĐỒNG

Chủ nghĩa cộng sản là mùa xuân của nhàn loại

Cả bọn đều đã có dịp thăm Liên Xô hoặc ở Liên Xô nhiều ngày nhiều lần. Có người đã thân mật gọi họ là nhóm “Thiện cảm Liên Xô”. Trong nhóm, cô Liêu là người qua lại Mạc Tư Khoa nhiều lần. Cô Sâm lâm nghiệp là người ở Liên Xô ngắn nhất, nhờ có anh bạn nhà báo Sa Thạch mà tôi trở nên người bạn thân của nhóm. Tôi không viết tí gì vào nhật ký chung của nhóm đó. Nhưng nhật ký của nhóm, họ vẫn đưa tôi xem. Tình tình chúng tôi không ai giống ai, nhưng chúng tôi giống nhau ở chỗ yêu quý những kinh nghiệm Xô viết và bằng khả năng có được của mình, chúng tôi “bảo vệ” sự thật Xô viết. Cuối năm ngoái và đầu năm nay, có mấy câu chuyện đó nói bậy về chân lý Xô viết và khen bậy về những gì ở đâu đâu, bọn này ngờ đó là mấy chú khêu khích nhảm, thế là cả bọn này bèn “kính nhi viễn chí” luôn. Nhật ký của nhóm,

thỉnh thoảng tôi đọc ít trang. Đọc làm nhiều lần ngút quãng. Xin lọc mấy đoạn:

“Cách mạng tháng Mười Nga tại Mạc Tư Khoa cách đây gần được bốn chục năm, có một quang cảnh thật là đặc biệt, trên quả đất chưa nơi đâu có những hoạt cảnh lâm ly hùng tráng và lớn dữ như vậy. Cái bi tráng vĩ đại ấy diễn ra đúng chỗ Hồng Trường chúng ta vừa đặt hai vòng hoa hồi chiêu đó”. (Hồi đó, chúng tôi thăm Liên Xô vào năm 1955, tức là trước Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô độ gần một năm; lúc đó lăng cẩm thạch ở Hồng Trường, cạnh mộ chính Lenin, vẫn ghép mồ Sittalin - sau đây mới quyết định chuyển ra nơi khác”.

“Tất cả giáo đường Mạc Tư Khoa đều kín mít cửa và vắng tanh trầm nến, và giáo chủ địa phận Mạc Tư Khoa sắp rút phép thông công những người Nga theo cách mạng đang rùng rùng các mặt đường thủ đô. Toa tàu điện các phố lật ra làm chiến lũy, và ụ súng. Những trẻ em bán báo tụ nhau lại, cuộc nhau vượt mặt phố, từ lề đường này qua hè phố trước mặt, mỗi lúc súng liên thanh tạm ngừng thay băng đạn. Một số trẻ rao báo *Sự thật* đã bị tử thương và vật ra mặt đường. Trong cảnh khói lửa, quán cơm chay vẫn mở cửa và chưng hình nhà văn kiêng thịt Tônxtôi.

“Đêm khuya, chập chờn ánh sáng đỏ đục đục hắt lên thân tượng thánh điện Kremlin. Nhiều tiếng cuồng tiếng xèng đào xúc. Hàng trăm linh và thợ đang đào hai huyệt đấu lớn rộng như những ao đầm vuông. Ngày hôm sau sẽ táng chung tại đó năm trăm thi hài vô sản vừa hy sinh cho Cách mạng. Một sinh viên cánh tay bị thương, nói với các nhà báo: “Địa điểm linh thiêng nhất này của nước Nga, trước đây chỉ có vua Sa Nga băng hà là được nằm vô đó, thì nay chúng ta mai táng vua Sa của chúng ta, tức là Nhân dân ta”. Vượt qua Quảng trường Đỏ lại những kíp thợ thuyền khác đến tiếp sức đào nốt huyệt. Trên thành phố mênh mông, không một linh hồn nào qua lại. Chỉ thấy lao xao những động tĩnh xa xa gần gần, chờn vờn như lúc gió sắp dây cơn. Và trăm trăm ở một cơ quan Xô viết gần đó là những tiếng xè xè cáp bức của những máy khâu đang liên tiếp may băng may cờ... Chà, gọi lại chi tiết này lại càng nhớ tới tiếng máy khâu nội thành ngoại thành Hà Nội ta rộn ràng may cờ đỏ sao vàng vào những đêm mùa thu trước và sau ngày Tống khời nghĩa Tháng Tám.

“Hôm cát đám, Hồng trường biến thành một lưu vực của một sông người đang trôi dòng, dòng lớn nhấp nhô hàng ngàn hàng ngàn chấm đèn đầu người. Từ khắp các ngọn phố đổ vào Hồng Trường, người như con nước đổ vào chỗ trũng, và mãi mãi dồn về những

khuôn mặt của đói khát và xót thương. Trên cái bể khổ ấy, bài ca Quốc tế cứ dần dần xô từ miệng khổ này đến gáy nghèo nợ, lăn tăn như sóng triều lên, rồi vang vang như gió triều cuốn, nghe mà thấy hết sự trang nghiêm và uy nghi của cuộc hành tang lớn. Những khóm thơ từng nhà máy, với những áo quần công nhân đó bầm của họ. Những đơn vị Hồng quân với quan tài bạn đồng chí đồng ngũ của họ vừa bị hy sinh ở các trận đánh trong phố Mạc Tư Khoa. Những cái áo quan gỗ mộc vẫn không kịp bào nhẵn, chỉ quét một nước thuốc đỏ. Có những chiếc áo quan bỏng ngắt, và sau đó vài hàng người, mới thấy tấm ván thiêん. Có những cỗ khác lại phủ nỉ thêu chì vàng chì bạc. Có những tấm ván thiêん trên đó đóng đinh lên một cái mù cát két cũ. Theo sau quan, là những bà mẹ và những người vợ vóc to và dáng thấp, tức là cái dáng quen thuộc của những người phụ nữ của quảng đại quần chúng. Họ rống lên như những con thú bị thương nặng. Linh cữu tới đâu, dòng người tách ra vừa khít sau đó lại đóng khép lại ngay, như dòng đặc nước đỡ lấy chiếc đò đang rẽ nước mà lén.

“Năm trăm cỗ quan đã lần lượt đặt xuống hai huyệt lớn ở sát chân tường thành Kremlin. Cây mùa đông trui lá dưới thành, người ta khoác những vòng hoa tang vào khuynh cảnh cây trại. Cây thành ra những cây trổ hoa sặc sỡ một cách kỳ. Hai trăm

chiếc xèng bắt đầu phủ đất lên áo quan mộc, tiếng gỗ bồm bộp, tiếng đất gieo xuống bịch bịch. Tiếng khóc cuối cùng của những bà mẹ những bà vợ với dần đi. Những người phụ nữ tang tóc ấy ngoắt quay lại, với một cái nhìn kịch liệt một cách dễ sợ. Thế rồi, an táng xong, và sóng bể người vô sản tan đi. Quảng trường Đỏ lại hiện ra đầy đủ và quang vắng, như nước thuỷ triều vừa rút khỏi.

“...A, tất cả những hình ảnh Mạc Tư Khoa 1917 đó là đều có trong cuốn *Mười ngày chấn động thế giới* của Giôn Rit. Tôi nhớ được bao nhiêu thì kể lại bấy nhiêu theo cái kiểu của tôi. Tôi đọc nó từ hồi Cách mạng tháng Tám, nay vẫn cứ thấy thèm đọc lại. Văn bút ký văn học của thế giới viết về Tháng Mười Nga do người nước ngoài “cảm đê” mà sôi nổi nhiệt tình cách mạng, thì đến thiên “Mạc Tư Khoa” đó là tuyệt đỉnh. Cuối thiên đó, Rit nói cũng rất đậm tình: “Tôi vụt hiểu rằng dân chúng Nga mộ đạo nay không cần đến đám thày tu mở cửa thiền đường cho mình nữa. Họ đang xây dựng trên mặt đất một vương quốc tráng lệ hơn cả thiền đường, và có vì thế mà hy sinh thì đấy cũng là một niềm tự hào của họ”.

Giôn Rit là một sinh viên Đại học người Mỹ, học ở Mỹ, sau làm báo, làm phóng viên mặt trận trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

Giôn Rít rời Liên Xô vào năm 1918, trở về Núi Ước viết (nghĩa là trực tiếp đánh máy bản thảo) cuốn *Mười ngày chấn động thế giới* để cho in ngay. Mất ở Liên Xô, Rit được an táng ngay ở chân tường Kremlin chỗ Hồng Trường, gần với mộ Goocki và quanh chỗ lăng Lê nin. Mộ Rit, mang tám bia bằng đá hoa cương, trên đó khắc: "Giôn Rít, đại biểu tại Đệ tam Quốc tế cộng sản, 1920".

Trong cuốn nhật ký chung của nhóm bảy người Việt Nam "Thiện cảm Liên Xô" đó, Liêu là người hay ghi hay viết nhất. Ngay ở đoạn hồi ký về Mạc Tư Khoa 1917 trên đó, thấy Liêu đính thêm vào đó một tờ nữa :

"Ngay chỗ Quảng trường Đỏ an nghỉ năm trăm chiến sĩ đầu tiên của Mạc Tư Khoa tháng Mười 1917, giữa Hồng trường đó, chiều 18-8-62 đã vang lên những tiếng sóng của bể người Xô viết chào mừng Nicôlaép và Pôpôvich, cặp anh hùng vũ trụ Liên Xô bay sóng đôi vào vũ trụ, chuẩn bị bước đầu cho việc lắp ghép ga vũ trụ của tàu trần gian đi lên cung trăng. Lần chào mừng Gagarin, cũng làm ở Quảng trường Đỏ. Lần chào mừng Titôp, cũng ở đây. Nay lại vẫn tại đó, Quảng trường Đỏ, đúng với ý nghĩa tươi mừng của ngữ ngôn nga đối với chữ đỏ nay đã thành một quảng trường có truyền thống đón mừng những tin vui vì đại, đón mừng những tin vui bay từ vũ trụ

về trái đất. Lênin, “người đã táo bạo tiến hành một cuộc bay vào tương lai” (Khorutsôp) những lúc lên tiếng giữa Quảng trường Đỏ này, thì hàng không Xô viết mới chỉ có ít chiếc tàu bay kiểu cũ cánh cào cào. Nay, Liên Xô đã có những tàu bay phản lực TU, to nhất, hiện đại nhất, đã có phi đoàn siêu âm lạnh nhất, đã có những tên lửa kỳ diệu nhất. Vinh quang thay cho mọi người cộng sản khoa học khắp các dân tộc khi nghe Khorutsôp ám áp chào cắp anh hùng sóng đôi vũ trụ Nicôlaép và Pôpôvich: “...Hôm nay thật là một niềm sung sướng lớn cho tôi, khi tôi được, từ lăng của V.I. Lênin, cất lên lời chào mừng những người anh hùng của chúng ta”...

Kế đến những trang nhật ký của chị Sâm, cô bạn yêu Liên Xô và nay làm việc ở Tổng cục Lâm nghiệp:

“Đại hội anh hùng chiến sĩ toàn quốc năm 1962 tuyên dương những con người mới ưu tú nhất của chế độ. Cái vui đó của chế độ làm lớn thêm niềm vui của ngày Quốc khánh. Hấp dẫn nhất có tiết mục đốt cây bông. Cũng như mọi năm, ta đốt pháo hoa ở mây địa điểm; nhìn vào lòng hồ Gươm, hồ Trúc Bạch, hồ Tây, hồ Thuyền Quang, thấy đêm thủ đô hoàn toàn khác hẳn mọi đêm bình thường. Bốn lòng hồ như bốn gương thuỷ ngân chiếu hắt lên lửa hoa pháo nham sắc bay sà xuống từ bầu trời Hà Nội hòa bình. Hình như cây bông pháo hoa rộn ràng đã được đốt ngay từ lúc

còn là ban ngày. Tôi muôn nói đến cuộc vui nhảy dù thể thao quốc phòng, xem cũng thấy nó đẹp như xem pháo hoa ngũ sắc nở trên trời. Lần đầu tiên, ta thao diễn thả dù hoa. Lúc dù mới lao xuống, dù chưa mở, còn như cái nụ hoa. Những nụ nhỏ vãi liền vào nhau như một chuỗi hạt cườm. Hạt nụ xoặt xé vỏ, xòe hết không điếc hỏng nụ nào. Trắng, đỏ, xanh, phấn hồng, hàng chùm hoa tươi, nở bung giữa vòm trời trên đỉnh đầu mình. Trong ngừa lên, có ảo tưởng như là đang ở ban công thật cao mà nhìn xuống một biển màu lơ nhẹ, trên đó đang chuyển khẽ một cuộc đua thuyền buồm chờ gió nổi lên nhiều hơn nữa. Những lá buồm hoa trắng và những cánh dù hoa màu, và trời cao lại làm với bể rộng. Thanh bình, bình an, và hòa bình. Chiến tranh và hòa bình. Những cánh dù hoa là là xuống cỏ bên sông Hồng kia, là dù của hòa bình. Nhưng trên quê hương tôi cũng đã ập xuống nhiều chiếc dù chiến tranh. Tôi là một cô gái Việt Nam đã có lần theo cha mẹ chạy Tây nhảy dù, tôi quên sao được cái sợ nó nhảy dù trong Kháng chiến.

“Năm 1947 nó nhảy dù Việt Bắc, nó nhảy dù Bắc Cạn, tôi mười bảy tuổi và cùng gia đình lẩn trốn vào rừng, và sau nửa tháng chạy bộ mới về được thị xã Tuyên Quang. (Trong những đơn vị có mô hình diễu qua lề đài Quốc khánh sớm hôm nay, tôi cảm động nhìn một đơn vị thanh niên tay mỗi người ngoắc vào

một tua dài lụa quốc huy. Loa của ban tổ chức giới thiệu đó là đơn vị Mười Bảy, gồm những gái trai 17 tuổi, cùng một tuổi với tuổi nước, cùng một niên xỉ với Nhà nước Cộng hòa dân chủ, cũng khai sinh một năm với chế độ tươi trẻ mà ta đang mít tinh mừng tuổi đó. Tôi vẫn đang ở tuổi thanh niên, nhưng giá được làm cái tuổi trẻ măng nụ đang diễu hành kia thì vẫn thích hơn. Không rõ những năm đầu Kháng chiến, những ban tre của đơn vị Mười Bảy kia theo cha mẹ tản cư ở những vùng nào nhỉ?". Nói chuyện nhảy dù Kháng chiến, tôi cũng không quên những chuyện ta tổ chức đánh quân dù nó. Đầu năm 1947, còn nhớ thị xã Phú Thọ vót chông nhọn cắm trên bãi sân bay của tỉnh. Tre vặt nhọn cắm cả cây xuống bãi bay, quanh mấy cái xóm phố gia đình tôi tản cư đến, trước khi chuyển đi thị xã Bắc Cạn. Nghĩ cũng hồn nhiên thật đây. Làm như là tui lính dù nó phải chọn đúng nơi mũi nhọn đó mà nhảy xuống! Và ta bắt nó nhảy vào đâu thì tàu bay địch sẽ phải thả chúng xuống đúng chỗ đó! Từ chỗ hồn nhiên đó, nay ta đã lớn lên thật sự. Những năm đánh nhau đó, ta dần dần mà chủ động được trên mặt đất. Chỉ trên mặt đất thôi, chứ còn trên trời thì ta bị động gần như là tuyệt đối, và trú ẩn cho giờ thì đó là thành tích rồi. Mặt đất lúc bấy giờ vẫn là ta, nhưng mãi cho đến Điện Biên cao xạ ta mới bắn rơi tàu bay nó, bầu trời ta vẫn là hoàn toàn của nó.

Cho đến bây giờ bầu trời đã hoàn toàn của ta. Bây giờ bầu trời mình âm vang tiếng máy bay dàn dựng phi công trẻ của mình lái lấy hàng ngày. Hôm nay, lại nhảy dù, thả dù. Dù mình! Anh bạn lực sĩ dù hoa vui sướng mỗi khi lao vào không trung được nghe cái tiếng dù mình mở đánh soạt một tiếng. Nhìn lên trời mình tâm tôi cũng mở bung ra như tua dù buột khóa. Từ bé đến giờ, cứ thấy dù cứ nghe nói đến dù là sơ. Nay mới thấy dù là một niềm vui. Co lẽ, có lẽ tôi cũng muốn xin tham gia tập môn thể thao quốc phòng này, nếu bác sĩ đàm bảo rằng có thể tôi vẫn trẻ tráng. Sâm hiện nay đang công tác ở Lâm nghiệp, những lúc cháy rừng ở đâu, biết nhảy dù mà nhảy xuống cứu rừng cháy, cũng là một việc cần lầm chứ!

Sâm kể một việc riêng này nhá; Sâm có một cái vỏ chǎn bằng vải dù. Cứ định khi nào mua được vài bọc chǎn thì vứt nó đi. Tối đấy vải dù, hay nghĩ đến thằng lính Tây nhảy dù hiếp người, hoặc anh chiến sĩ mình phải lấy dù địch làm vái liệm tại mặt trận. Bữa nay xem biểu diễn dù, hòa bình của mình trên trời mình, Sâm nghĩ thấy cũng chả cần thay cái vỏ chǎn vải dù cũ làm gì nữa.

Về chuyện ta lần đầu nhảy dù này, đối với người thanh niên Liên Xô, nó là một chuyện thể thao bình thường như chuyện đá bóng, bơi sông bơi biển, đua xe máy, đua ngựa, nhảy sào. Có người lại so sánh thêm:

Liên Xô bắt đầu bay sóng đôi vào vũ trụ thì ta cũng mới vừa bắt đầu cảm vào bánh lái tàu bay mặt đất. Cũng là đúng thôi. Cái bình thường hoặc trung bình ở Liên Xô hôm qua đây, vẫn là những cố gắng lớn hôm nay của mình. Nhưng nó còn thêm cái nghĩa này nữa: Cái hôm nay của Liên Xô cũng sẽ là cái một ngày nào tương lai đây của mình. Nghĩ mà cứ thấy thích mến cái tuổi của đơn vị thanh niên đồng tuế với chế độ sớm nay diễu qua lẽ đài quốc khánh! Sâm kỵ”.

*

* * *

Nghĩ tới Cách mạng tháng Mười Nga bốn nhăm tuổi thế giới, và nói đến con người cộng sản Xô viết, không thể không nói tới những người cộng sản phi công vũ trụ Gagarin, Titôp, Nicôlaép và Pôpôvich. Đích thị là như vậy đó; thế kỷ thứ XX, càng về những năm cuối, đúng là thế kỷ của chủ nghĩa cộng sản đã đi vào giai đoạn hoàn chỉnh giữa xã hội loài người, cộng với sự du hành thật sự lên các vì tinh tú trong vũ trụ. Tôi liên báo chí Sâm:

- Chị không còn cái tuổi mười bảy ở đơn vị các cô đồng niên đồng tuế với chế độ hôm Quốc Khánh diễu qua đài lê, nhưng chị vẫn là người của lớp trẻ. Chị sẽ thấy được nồng thon ta điện khi hóa từ Bắc thâu vô

Nam. Chị sẽ thấy vô tuyến truyền hình của Việt Nam. Chị sẽ được trông thấy khoa học tìm ra cách kịp thời phá hết mọi cơn bão trên Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, và mọi cơn bão lái vào Việt Nam cũng là Trung Quốc. Tuổi già của chị là cái tuổi đã chấm dứt mọi trận vỡ đê, mọi hạn hán, mọi giông tố.

- Chả riêng gì chúng tôi, chả phải độc quyền riêng gì của lớp tuổi chúng tôi, cô Sâm nói. Lớp tuổi các anh cũng thấy được những hạnh phúc vật chất và tinh thần đó Iấm chứ!

- Nói rộng ra thì càng được như thế cũng hay. Nhưng muôn nói gì thì nói, tôi vẫn là thuộc vào cái lớp người Việt Nam của những thứ hoa tự nhiên ở cây ở cỏ. Và chị là vào lớp tuổi của hoa đá, hoa đồng, hoa sắt và các thứ hoa hợp kim của một nền luyện kim Việt Nam hiện đại, nó giải quyết không những nhu cầu cần thiết trong nước, mà lại còn xuất cảng máy móc Việt Nam ra một số nước ngoài. Tuổi già của chị sẽ hồi xuân lại bằng sự chứng kiến những thán thoại mà khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cho thể hiện ngay trên sự sống Việt Nam...

Anh Liêu liền chen vào, lái câu chuyện vào cuộc bay sóng đôi của hai phi công vũ trụ Xô viết. Mọi người trong cả bọn “Thiện cảm Liên Xô” và tôi cùng

nói về Nicôlaép và Pôpôvich. Cả về Gagarin, về Titôp nữa.

Chuyến bay sóng đôi này để lấy kinh nghiệm lấp ráp bước đầu cho ga vũ trụ đầu cầu tiến vào cung Trăng, nó có cái rất lý thú là Nicôlaép và Pôpôvich hàng ngày nói chuyện điện thoại với nhau. Đây là lần đầu tiên có hai con người của nhân loại nói với nhau và nghe lẫn tiếng nhau giữa vũ trụ mênh mông, và nói những lời bình thường, những lời vẫn an rất cảm động của con người. “Thế nào, anh bình an chứ? - Chào anh! Cơ thể tôi vẫn khá lắm”. Thế rồi lại có tiếng từ dưới đất “nói lên”, tiếng của đồng chí quyền bí thư chi bộ phi công vũ trụ là Gagarin nói với đồng chí bí thư Pôpôvich đang công tác trong vũ trụ. Cuộc đối thoại tay đôi giữa vũ trụ trở thành câu chuyện tay ba giữa mặt đất và vũ trụ. Chao ôi, Goócki hãy trả dậy mà nghe lại cái câu lịch sử của chính miệng Goócki đã thốt ra; “Con người, cái danh hiệu đó ngàn nga lên xiết bao tự hào!” Tiếng Pôpôvich lại nhấn sang phía quy đạo Nilôlaép: “Tôi nom thấy trái đất ở phía cửa sổ kính tròn. Người tôi cũng dễ chịu như thường”.

Cũng như lúc còn ở mặt đất, họ hay hát bài đồng ca của tất cả phi công vũ trụ Xô viết *Trên bờ sông Mátxcova*. Trong vũ trụ, cặp phi công bay kép đó cũng thường hay song ca bài hát “*Trên nèo đường cát bụi*

của những ngôi sao". Lúc bay và nhìn về Trái đất quê hương, họ thấy: "Các đại lục lần lượt hiện ra trước mắt chúng tôi, và trên đó, thấy rất nhiều thành phố nhất là ban đêm có đèn điện bật sáng. Chúng tôi còn trông thấy cả núi, sông, rừng và biển".

Anh Liêu thấy tả về Trái đất, liền xin phép chen vào một câu của Titôp, tại Đại hội Thể giới đòi tổng giải trừ quân bị và bảo vệ hòa bình vừa rồi: "Trong khi con tàu *Phương Đông II* bay vòng quanh hành tinh chúng ta, tôi đã nghĩ rằng quả đất của chúng ta quá nhỏ bé, sự nhỏ bé ấy không cho phép các dân cư của trái đất lục đục nổ ra mọi xung đột nội bộ. tôi đã bay trên các đại dương và các lục địa liền nhau sát, đến nỗi tôi không thể phân biệt ra ranh giới các nước; hình như các ranh giới đó nói chung không còn tồn tại".

Titôp qua Mỹ vừa rồi dự hội nghị các nhà khoa học về vũ trụ, có anh nhà báo Mỹ ba gai hỏi:

- Người đầu tiên đổ bộ lên Mặt Trăng, ngài cho là một người Mỹ hay ngài cho là một người Nga?

- Cũng còn để xem xem. Titôp trả lời. Cũng là một điều hay đáy, nếu người Mỹ và người Nga đổ bộ cùng một lúc lên Mặt Trăng.

Có người hỏi xem Titôp có xúc động tí gì về Hoa Kỳ, thì Titôp trả lời là không thích Nữ Uớc, vì đó là “thành phố trại lui cây cỏ, thiên nhiên đã bắt cả đi”.

Có anh nhà báo Mỹ du côn khác, có vẻ đi đạo còn hỏi xỏ Titôp xem có lung lay gì về khái niệm Triết học duy vật - sau một chuyến bay vũ trụ đó. Titôp là tay đáo để, chơi lại ngay:

- Luôn luôn tôi không tin vào Chúa Giời. Người ta dù có bảo tôi rằng Thương đế là ở trên trời: thực ra ở trên đó, tôi không có gấp mông nào, ngay cả đến bọn thiên thần. Vậy cho nên tôi tiếp tục tin vào con người, tin vào sức lực con người, vào những khả năng của con người, vào lẽ trí tuệ của con người”.

Tôi cũng góp vào nhóm “Thiện cảm Liên Xô” một ít cảm nghĩ của tôi đối với hai con người triệu phú không gian Nicôlaép và Pôpôvich:

- Cái chuyến vui vừa rồi nó lớn quá. Chả bao giờ lịch sử nhân loại có một niềm vui vĩ đại như vậy. Cái lớn của niềm phấn khởi lúc họ bay lên chỉ có nỗi áu lo khi họ hạ thổ là mới tương xứng được thôi. Trong cái vui lớn, lẫn cái hồi hộp lớn. Khi đôi anh em vũ trụ sinh đôi ấy cùng trở về mặt đất Liên Xô rồi, thi hình như trong tiếng reo hò của thế giới, cũng thấy có tiếng thở đánh phào của tất cả những bạn xa gần. Có thể nói một cách không cường điệu một tí nào rằng bản

thân tôi cũng tự coi mình như một hạt nguyên tử lạc quan của nỗi hân hoan quốc tế đó. Cái vui quốc tế ấy cũng là nỗi yên tâm hơn nữa của mặt trận hòa bình. Tôi nhớ rằng ngày 15-8 trở về trái đất đó của đôi anh em vũ trụ Nicôlaép và Pôpôvich, trăng tỏ như ban ngày trên mây con hồ Hà Nội. Tôi đạp xe đạp nhiều vòng, chào nhiều người, nắm vào tay nhiều người không quen biết, và thật thà cầm cả vào tay một số người đã từng bất công đối với mình. Mầu nhiệm thay là những niềm vui lớn.

- Và cái gì mình thiệt vui thì kẻ thù cũng thiệt là buồn. Tôi tin rằng đài phát thanh Giải phóng miền Nam cũng đã kịp thời loan tin này. Mà cũng nói toạc ra là chuyện bay trên vũ trụ thăm thẳm này lại có tác động đến công việc cụ thể ở miền Nam của mình. Đối với những người An Nam khù khờ vẫn lê sống Hoa Kỳ, thì chuyến này họ thấy Kennoddi và khoa học siêu việt Mỹ như ngày kém thớ đi, cái bà Thần tự do của Nuru Ước cứ hết thiêng mãi đi, và chồng mãi chôn lại phía lầu Năm góc. Linh Mỹ quan Mỹ ngơ ngác về khoa học Kennoddi, sẽ cũng té nhào hàng lũ xuống hầm chông hổ định. Nhà Ngân hàng Máu ở Sài Gòn sẽ bót đi thưa đi những kè tiệp máu cho cố vấn Mỹ. Số lính Diệm, số hạ sĩ Mỹ - Diệm chạy sang quân ta hoặc vứt súng trở về nhà, từ hôm nay, ai dám khẳng định với tôi là quân số không tăng lên? Cái gì làm cho

Mỹ - Diệm cũng thêm nỗi buồn, thì càng cổ vũ cho phía ta. Chị dân công Tây Nguyên gánh thêm ít đồ vật cho gánh hàng, gánh thêm nhiều chuyến hàng qua núi qua đèo. Không ai trèo lên rung vào thân mình, mà cây dùa vui vẫn bập bôp rơi nhiều trái xuống dòng kênh rạch, nghe xa nó rền như những tràng vỗ tay vô tận.

Chúng tôi lại cũng bàn sang phẩm chất nhiều mặt của phi công vũ trụ, một thứ con người mới thật là môđéc nhất.

“Các anh hùng vũ trụ là những người đã biểu hiện được những đức tính cao quý của con người thuộc xã hội cộng sản chủ nghĩa, những con người có một nền văn hóa cao, một sự trong sáng về tinh thần và hoàn hảo về thể chất” (Khorútsốp).

Sa Thạch viết báo, nhưng lại hay dùng hình tượng như một nhà thơ chính cống. Sa Thạch bảo rằng “những phi công vũ trụ đúng là con đẻ của chủ nghĩa cộng sản; nhưng cũng nên thấy họ cụ thể đã làm cho khoa học cộng sản đẹp lớn trông thấy ngay. Có Gagarin và Titốp năm 1961, chủ nghĩa cộng sản bật lên hai cánh mới và cất cánh vào vũ trụ. Năm nay có thêm cặp Nicôlaép và Pôpôvich, chủ nghĩa cộng sản bay vào vũ trụ với hai đôi cánh, với bốn chiếc cánh chim hòa bình”.

Hôm nay đây, ở Liên Xô cộng sản chủ nghĩa cát bay hai cánh bốn cánh áy đang có những diễn biến báo hiệu bảo là chuyển biến chưa hề có trong nhân loại.

Ở Liên Xô, xe điện, không thấy có người bán vé soát vé. Ai đi xe, tự mình khắc bò tiền vào cái hộp tiền trong xe một cách tự giác. Ở một số nhà máy đã thử áp dụng cách trả tiền lương cho công nhân mà không cần người kế toán và người phát tiền. Tới kỳ lương người thợ nào làm bao nhiêu ngày, tự làm lấy con toán kỳ lương, rồi trực tiếp đếm lấy phần tiền mình ở cái két để săn đó. Trong một tương lai gần đây, cuộc sống hàng ngày ở xã hội Xô viết rồi sẽ bớt đi bao giấy tờ. Sẽ không có biên lai nhà ở thuế hàng tháng nữa. Rồi sẽ không có công tơ điện hàng tháng nữa. Cuộc đời Xô viết rồi bớt đi bao nhiêu cuống biên lai, bao nhiêu thứ phiếu mất phí nhiều thời giờ của nhân loại. Cái xã hội nhân ái và tự trọng áy rồi sẽ đi dần tới thực hiện “làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu của mình”. Chao ôi, ở đây rồi sẽ không thấy mặt đồng tiền. Đồng tiền giấy, đồng tiền đồng, đồng tiền bạc, đồng tiền vàng. Không có tiền. Không cần đến tiền. Đồng tiền, cái thảm kịch truyền kiếp của nhân loại! Đồng tiền chả bao lâu nữa sẽ trở nên một cái trò hiện vật đời tiền sử. Xã hội Xô viết đã giải phóng con người khỏi ách gai cấp và đang đi tới giải phóng con

người khôi đồng tiền, trong khi vừa mới giải phóng con người khôi sức hút của mặt đất. Thế kỷ XX, nhất là tại Liên Xô giai đoạn này, đúng là thế kỷ của chủ nghĩa cộng sản và của mọi sự chinh phục vũ trụ. Và chủ nghĩa cộng sản tại xã hội Xô viết không phải là sự hy sinh mãi mãi, là sự khổ hạnh của thứ cộng sản tôn giáo như cách nói của những người xuyên tạc nó. Chủ nghĩa cộng sản ở xã hội Xô viết ngày càng hiện lên cụ thể bằng cá thịt đầy đủ trên bàn ăn tập thể, bằng trình độ học vấn luôn luôn tăng của toàn dân, bằng thuỷ điện nhiệt điện rực sáng khắp núi rừng thôn trại và thị thành. Con người Xô viết chỉ còn có tự giác lao động và hưởng lạc.

Ở Liên Xô đang bừng bừng một ý thức mới về lao động. Lao động đang m恁 dần và sắp hết hẳn những cách biệt giữa chân tay và trí óc. Lao động nay là nghĩa vụ tinh thần để ngày mai đây lao động chỉ còn là một thú của vui sống. Những triển vọng hường thụ ở xã hội Xô viết của mai mốt đây đang đòi hỏi sự khẩn trương nỗ lực lao động hôm nay của mỗi người và mọi người. Lao động là một công ước tinh thần. Lao động là một đạo lý rất con người. Và trong cái đạo lý cộng sản đó ngày càng sáng mãi lên cái đạo lý thầm mị của con người Xô viết. Và cũng chỉ có xã hội cộng sản chủ nghĩa ấy mới xây dựng nổi những con người

Xô viết phát triển toàn diện về cả ba mặt chàn, thiện, mỹ và trí dục, đức dục, thể dục.

Nên khoa học Xô viết tạo ra những Gagarin, Titôp, Nicôlaép, Pôpôvich, và sẽ còn xuất hiện nhiều anh hùng vũ trụ. Qua người anh hùng vũ trụ, khoa học Xô viết đã tăng thêm tuổi thọ cho mỗi người trong nhân loại. Titôp, trong một ngày đêm thấy 17 lần mọc mặt trời và lặn mặt trời, đã tăng thêm mười bảy lần tuổi cho tất cả chúng ta. Khoa học Xô viết tăng thọ cho con người, và mặt khác đẩy lùi đi thần chết. Nhờ vào những kỳ diệu khoa học hòa bình của Liên Xô mà ngày nay những người Xô viết khẳng định được rằng chiến tranh không còn là một định mệnh nữa đối với nhân loại. Có chủ nghĩa cộng sản, có khoa học Xô viết phục vụ hòa bình trấn gian này càng tốt đẹp hơn bất cứ thiên đường nào.

Năm ở Hà Nội, nghe vọng về những thanh âm mới của Mạc-tư-khoa càng thấy thèm trở lại đất nước Xô viết để mà gần thêm những con người mới đó. Chao ôi, những con người đó, ông Thánh Đôxtôtiépxky, ông hiền Tônxtôi, ông bác sĩ Sékhôp và Goocki cũng đã từng nghĩ đến rồi với tất cả tình thương của mỗi người, với tất cả cái cách tìm chân lý của mỗi người. Nhưng cũng phải chờ đến Lênin kết hợp với Mác vào thực tiễn Nga rồi mới hình thành dân lên những con người Xô viết hôm nay.

Sa Thạch, nhà báo Việt Nam từng đi khắp các nước trong khối xã hội chủ nghĩa ta, ít nói nhất trong các buổi họp mặt của nhóm “Thiện cảm Liên Xô”, tọp mạnh một hơi cả ly rượu đầy, như muốn bảo mọi người rằng cho tôi xin được nói ngay, để tôi cần phải đi ngay bây giờ đây:

- Năm nay Cách mạng tháng Mười Nga 45 tuổi. Sang năm sẽ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga lần thứ 46. Tôi đang lọc lại một số những bài đã đăng về các nước bạn. Cuốn sách cũng khá dày. Tiền sách, không tiêu sǎm gì, đem gửi ngân hàng. Sang năm, may một bộ rét, xin một cái hộ chiếu và đi thăm lại Quảng trường Đỏ. Lấy vé sang thăm Anh Cả bằng tiền túi mình, thích lắm chứ! Mà từ nay trở đi, Mạc Tư Khoa càng ngày càng nhiều tinh hấp dẫn. Nếu có tay nào muốn đi thăm Mạc Tư Khoa 1963 với tôi, tờ bao suất vé hai lượt cà đi lắn về bằng tàu hỏa. Rả rich thì ở lâu mà đi bát phố Mạc Tư Khoa. Ít két thì xong ngày 7-11 ở Quảng trường Đỏ, lại ra tàu chầu ngay về luôn Hà Nội, cùng cứ hả!

Tạp chí Văn nghệ số 66 (11-1962)

TRANG HOA

Tôi đã rinh cây quỳnh ở một chậu cảnh nhà một bà góa và tôi đã thấy hoa quỳnh giữa lúc nó đói nở. Tôi xem và tôi chờ hoa quỳnh nở cho hết. Đời hoa quỳnh chỉ nở đó và tàn ngay đó. Dưới chao đèn điện, dưới cái đồng hồ quả lắc, thời giờ tôi bỏ ra cho một kiếp hoa quỳnh mãn kiếp, kể ra cũng không có bao nhiêu. Bằng số thời khắc tàu bay dân dụng ta rời sân bay Gia Lâm bên kia sông Hà Nội để đỗ xuống sân Mường Thanh Điện Biên. Bà chủ nhà ngồi chờ quỳnh, đọc truyện dịch Phôn Gôn Rinh. Tôi không đọc gì, tôi đọc hoa. Tôi nhìn rõ từng cái gân cánh hoa như người xem tướng tay theo dõi lòng bàn tay một người tự cho mình là xấu số!

Hoa quỳnh nở bung ra xong, là cái lúc ta nên tránh đi, không nên xem. Phút long trọng nhất của hoa quỳnh là lúc nó đang nhu bà mẹ rặn đè, nó cố phá màng hoa mà buột được cánh ra. Cánh nó lấy bấy như những tiếng thơ còn ngập ngừng trên bản thảo,

phân vân chưa biết mình hiện hình ra như thế thì đã
vừa lòng nhà thơ chưa. Hoa quỳnh nở thật là mệt
nhọc, tưởng đến long hết rẽ trong chậu cây. Quỳnh
run run loạng choạng trong đêm điện. Hình như cho
như thế là đủ rồi, hoa quỳnh rút lui vào trong thân
cây, và trên xác hoa chỉ còn những cánh lá dần nâu
dần. Quỳnh xuống rất chóng.

Bà chủ nhà gấp tập Phôn Gôn Rinh lại, hỏi tôi
thấy hoa quỳnh của bà thế nào. Tôi không muốn nói
dối, tôi bảo tôi không thích hoa quỳnh lắm. Vì nó
không nở ở đầu cành, mà lại đậm ra từ nách một cái
lá loằng ngoằng. Thêm nữa mùi thơm của nó không
thuần hương. Mùi nó hắc như một thứ hương dại
ngàn xa. Và vào độ chót của hoa nở, thấy phảng phất
cái mùi chết của loài hữu cơ biến chất.

Nách cây quỳnh của bà thích truyện trinh thám,
cho đến nay, vẫn thỉnh thoảng ra một hai hoa. Nhưng
bà chủ chậu hoa không lần nào nhắn tôi đến thường
hoa nữa. Tôi cũng không trách chủ hoa. Chỉ trách
mình là chưa biết nịnh một thứ hoa.

*
* *

Hoa nở ở một nhánh cỏ hèn, hoa nở ở đầu một
cành cây tươi. Trên mặt đất, cây cỏ ra hoa, và lòng

con người cũng nở hoa. Trừ những tên khạc ra lửa, mồm nồng bụt lên mùi diêm sinh trắng diêm sinh vàng của chiến tranh lạnh chiến tranh nóng, còn thì con người nói chung, miệng ai cũng đều nhiều ít nở hoa. Miệng người nghèo cực nhất thời cũ cũng có lúc vẫn ra hoa: có khi suốt đời chỉ nở hoa có một lần trọn vẹn, hoặc chưa nở đến nơi đến chốn mà đã héo úa lại ngay. Mặt trái đất còn nguy cơ chiến tranh cục bộ, chiến tranh thế giới, nhưng cỏ cây vẫn thi đua với con người xã hội chủ nghĩa mà ra hoa. Không phải chỉ riêng trên mặt đất mới có hoa, mà trong lòng sông, dưới đáy biển Đông, trong ruột núi Bắc núi Tây, vẫn đều đều có hoa nở. Cái hoa của đoàn địa chất, của nhà vật lý. Tôi ước gì cặp mắt trần thịt của tôi có được cái tinh tế của ống kính hiển vi, có được cái sáng cái suốt của quang tuyến ích xì mà soi vào những khóm hoa nguyên tử điện tử năm trong bất cứ loài đá loài kim nào. Hoa đá hoa kim không thấy mùi thơm như hoa cây hoa cỏ hoa người, nhưng đây là một thế giới của màu sắc ảo huyền diển biến tột độ những màu chinh bảy sắc cầu vồng.

Khoa học tự nhiên hiện đại mà tôi sùng bái hơn cả sự hong báu của mọi tay kỷ lục về sùng báu cá nhân, khoa học ấy bảo tôi rằng trong một phân thước mét, có một trăm triệu hạt nguyên tử. (Với con số một trăm triệu ấy, nếu ta thay hạt nguyên tử đi mà đưa người

vào, đưa một trăm triệu con người sát cánh női nhau thành hàng một, thì cái vòng một trăm triệu linh hồn người áy đú thành một vành đai sống đánh đai cho đất, đúng vào cái vệt của đường xích đạo). Trong lõi vật chất, nguyên tử như hoa, tĩnh và động một cách tế vi theo những quy luật kỳ hà học. Những hoa của thế giới kim thạch áy, vị trí xếp thành mảng thành lưới. Lưới hoa đá như từng nhánh, có dài có cao có rộng có sâu có động. Như là biểu diễn thể thao mềm, và người lại chồng lên nhau...

Chắc anh bạn đã thấy muối lên hoa muối ra sao rồi chứ gì? Những tảng hoa trắng tinh lấp lánh nắng. Nó đẹp như một sự trinh tiết của xúc cảm, như một sự thuần khiết của tâm hồn, như một sự trắng lành của màu vị. Tôi đã tàn ngần nhiều buổi chiều nắng đầu thu mà ngắm hoa muối nở ở bên sông tuyến Vĩnh Linh. Những ô vuông ruộng muối bóng loáng nước biển lọc. Đứng trên đèo làng Di Loan mà nhìn ô muối trong khu đêm, thấy mặt nước muối hắt nắng và chói lên như là một hệ thống kính phòng không đang rọi theo tàu bay siêu âm nào của bờ Nam vi phạm sang bờ Bắc. Gió Lào vẫn đúng đúng nỗi lên từ phía đèo Lao Bảo, vẫn đúng đúng từ dãy Trường Sơn lao ra Cửa Tùng, sức nhanh có hôm tối cấp 6 cấp 7. Tôi có cảm tưởng như gió đang phải chạy một chuyến công văn hỏa tốc bí hiểm nào của thần núi Trường Sơn cần

giao cho tận tay đám sóng bạc đầu đang chôn chân
chỗ cửa khẩu con sông Vĩnh Linh lênh láng thuỷ
triều. Gió Lào rất cần cho nghề làm muối. Xã viên hợp
tác xã muối Di Loan cho hay rằng nghề muối cần
nắng nhưng nắng không chưa đủ, còn phải có gió nữa.
Trong một ngày mà buổi sớm buổi trưa nổi gió Lào,
quá trưa sang chiều nổi gió nồm thì hạt muối sẽ rất
đẹp. Nắng bốc hơi muối gió Lào thổi hoa muối xốp lên
cho đanh mặt hạt muối, và thêm cái hơi gió nồm,
muối càng nặng hạt. Những buổi hoàng hôn có trăng
sớm ló lên chiều tạt ngang bãi cây sú chàm đê nước
mặn, nhìn vào ruộng muối sao mà nó đẹp, đẹp một
cách thiết thân như thế!

Giữa từng cái ô vuông còn ám ám chất nắng giới
tuyến đánh đồng lên những cái tháp muối trăng phau.
Dưới bóng trăng, tiếng những cái cào muối đang gãi
mạnh vào mặt ruộng muối. Chị xã viên ruộng muối
quê làng Tùng Luật phía dưới vun cao tháp muối.
Trong nụ cười chiều hôm của chị, thấy cái giòn nở của
nắng ban ngày và thấy cả cái đậm đà của hoa muối
mày hạt. Tôi nhấm một hạt muối, với tất cả sự nắng
niu trùi mến của một người Văn Kiều trong Trường
Sơn cao tí kia lúc nào cũng khát muối. Một cô muối
Di Loan người thiên chúa giáo đột ngột hỏi tôi một
câu mà tôi chưa tiện trả lời ngay lúc đó: "Muối bờ Bắc

đặm hơn muối bờ Nam Cát Sơn Xuân Mỹ phải không, bác Hà Nội?"

Tôi cứ phân vân mãi về hai chữ hoa muối. Lúc đầu, tôi cho đó là một tiếng một ảnh do một người tri thức nghệ sĩ nào góp vào từ vị của Tổ quốc. Nhưng truy cứu ra, đó là cái tiếng thông thường của những con người lao động vùng bể. Tôi càng tin rằng những người lao động chân chính phải là những người biết yêu hoa. Cái yêu ấy đã làm cho người quần chúng đó đem thêm được hình ảnh vào tiếng nói chung của nhân dân.



Tôi có một người bạn gái vừa sinh nở một con. Đây là một em bé của chị ấy, tôi tịnh không có biết gì vào việc ra hoa ấy, nhưng một lúc đó còn trong tuần cữ, chị bạn cảm động bảo tôi: "Rau quấn đủ ba vòng cổ. Cổ treo tràng hoa. Chị hộ sinh không ngọt lời khen cả hai mẹ con tôi, anh ạ". Tôi không còn mê tín nữa, nhưng vẫn cứ phảng phất nhớ đến cái nỗi lo của các cụ ngày xưa lo cho con gái mình sau này hay cưới. Các cụ cho rằng đè con gái cổ đeo tràng hoa khó nuôi, hoặc có được sống làm người thì cũng khó thành người ngay. Nay anh nghĩ cho nó một cái tên đi. Tên một chữ cũng được, nhưng tên hai chữ thì kêu hơn. Anh

hay đặt tên cho bài báo cho tờ báo cho người tiểu thuyết, anh nghĩ ngay đi. Cho tôi kịp ngày đăng ký số bệnh viện".

Có thể đây, ngày trước, tôi hay đặt tên và đổi tên cho một số phụ nữ. Những chị phúc tạp ấy giống nhau ở cái điểm là ai ai cũng đều muốn mang một cái tên của hoa cả, mà họ thì ít nhiều sa vào vực ác cả, người vô tình người hữu ý. Nay nghĩ lại, tôi vẫn chưa hết giật mình. Thú thật bây giờ tôi không còn cái thú đặt tên cho người khác, trừ những dịp thỉnh thoảng không đừng được. Như là đôi khi đặt cho nhân vật đàn bà trong ký trong chuyện mình tạo ra. Để cho khỏi lộn lẩn. Để bạn đọc có cái mà gọi.

Phòng hộ sinh trắng nuột cái màu hiền dịu của sự sống trong sáng, trên đó hồng lên một người mẹ đang tìm tên cho con. Hồng lên nữa giữa nôi trắng, là một em nhỏ hé hé cái cười mụ dại. Cái cười sơ khai của em bé chưa là một đóa hoa một cánh hoa, nó đang còn là một cái thai đầy tháng của hoa. Đúng là một nụ sữa. Tôi vốn tự liệt mình vào hàng ngũ những người chuyên nghiệp viết truyện ký tha hồ sáng tác tên người, nhưng trước đóa hoa sữa ngậm nụ trắng hương nơi vườn hộ sinh hôm đó, tôi thấy tôi còn nghèo lám.

*

* * *

Một cách thật là chung thuỷ chí công, thấy cần phải biết ơn người trước. Tôi chịu ơn những người Việt Nam thuần tuý nào trước đây bao thế kỷ đã nghĩ ra cái nước vôi trắng quét lên bệ miếu, hồi nhà gạch, tường hoa, gác tam quan, cổng chùa, thân đình. Ở một quê hương Việt Nam vô tận rì rì màu xanh quan lục đồng bằng đồng rừng, quý vây thay những cái miếng trắng xa xa thấp thoáng nhánh nồng ở một lối rẽ cửa rừng, ở một lòng ngõ làng um tùm lũy tre xanh, ở một cái rốn phố cũ nặng trĩu bóng đa bóng đê bóng sáu bóng bàng. Cái trắng của vôi người loãng dịu đi màu lục gắt của quê hương nhiệt đới xanh đặc. Tôi không rõ những kinh nghiệm của những dân tộc khác họ điều hòa màu vôi gì với cỏ cây xứ họ. Nhưng ở ta, tôi ngờ rằng ông cha mình đã ổn định cái công thức vôi nhà của người của thánh thần với cây rừng cây làng cây phố của thiên nhiên Việt Nam. Và mỗi năm mỗi khi quê hương tổ quốc mình đi hết một chu kỳ quanh mặt trời sinh ra muôn loài ở Việt Nam, thì cha ông mình lại nhúng một cái chổi cây vào suds vôi trắng quét lên những thân tường gạch một lần. Sau đó, mặc cho gió, réu, mưa suốt năm đem lại cho tường gạch cái màu uyển chuyển của thời gian. Cái tường trắng mùa đông nâng cao lên nữa cái bầu trời thấp nồng của mây xám. Cái tường trắng ngày Tết như những trang giấy đầu năm làm tôn hơn lên mọi nhánh xuân

đang ra chồi lộc. Trên cái hồn nhiên trăng nõn của mảnh tường tất niên, ông bà tổ tiên mình viết lên đáy những nguyện vọng ghi bằng câu đối đó. Chao ôi, những chữ câu đối nôm câu đối chữ viết lên giấy từ điều nhánh nhánh đóm ngân nhũ, và bay múa lên những nhị hoa cánh hoa tua hoa những nét đôn hậu sương kính các kiểu chữ chân, thảo, triện, lệ. Cho đến hôm nay cuộc đời đã đổi đi theo một nghĩa tốt, cho tới hôm nay, trong lớp người cùng một thế hệ với tôi, tôi vẫn thấy còn bay lên cái hương xưa của hoa chữ Tết cũ.

Cuộc sống ngày xưa không có gì là hoàn mỹ, nhưng đã có những lá cây thật là xanh và những mảnh tường thật là trắng. Cho đến đế quốc Pháp đổ bộ vào thiên nhiên ta. Và đặt vào thiên nhiên Việt Nam ta một cái trật tự mới. Cái trật tự nẫu vàng. Màu vàng kaki của lê dương, lính tập, khổ đỏ. Tất cả đều quét vôi vàng. Cái màu vàng thơ lại của thông ký lý lệ của quan cai trị. Cái màu vàng của trại giám binh, của tòa Đại lý, của đồn thương du, của sở Hữu bồng, của dinh ông Bảy, của Hòa Lò, của sở mật thám Bắc Kỳ, của vọng gác của Kiểm Lâm, của thầu khoán, của Nhà Đoan. Cho đến trường học, cho đến Nhà thương cũng vôi vàng nốt!

Tôi thù cái màu vàng ngày xưa đó. Và cho đến hôm nay đây vẫn còn sơ cái thứ vôi vàng đó. Chữ Tết

nào hoa Tết nào lại tươi lên được trên cái tường vôi vàng đó.

Hôm nay đây nhiều mảng tường nhà đã trát lại nước vôi dân tộc. Tường vôi ăn Tết hồn nhiên trát như một trang giấy báo rulô chưa chịu mực in. Tôi muốn coi mảng tường vôi tất niên kia như là một trang khai bút tôi xin phép đề lên một ý thơ của đồng chí Bạch vừa ứng khẩu: “Tôi thích làm một loại hoa nở lâm mùa. Nở vào giữa lúc ít ai đợi chờ nó nhất, sau khi thân nó đã chịu nhiều thử thách của mọi thứ gió mùa. Đối với tôi, cái lúc nở quan trọng thật nhưng chưa quan trọng bằng cái chất hương đem tới để thật sự gop vào”.

Thái Nguyên, 13-1-1962
Tạp chí *Văn nghệ* số 57 (2-1962)

ĐỐ AI QUÉT SẠCH LÁ RỪNG

(...) **C**húng ta có bận quá, bận đến cái mức chỉ biết có người mà không hiểu đến cây, không cần biết đến cây không? Có phải vì hiểu lệch thực tế là chỉ có độc con người, nói đến cây bị coi như tách rời thực tế, mà trong một số sách gần đây, thấy ít hẳn đi cái chất xanh của cõi tự nhiên? Văn chương của chúng ta gần đây một số toàn hùng hực lên những khẩu hiệu, mà không có một bóng cây nào trên con đường đi của lũ nhân vật. Cái phong cảnh tiểu thuyết ấy có nên đưa ra làm mẫu mực không? Tôi nhớ trong tiểu thuyết xã hội chủ nghĩa của Liên Xô đã có những nhân vật thị dân yêu cây cỏ say sưa, và trong nhạc Liên Xô cũng có những đoạn hợp xướng lấy cây xanh bóng cỏ láy rừng làm chủ luận (...)

Cây Hà Nội - 1975

Dứng ở đầu làng Mỹ Lộc, thưa anh, trông thấy nóc đồn Phước Lý mái ngói, trông thấy khúc sông Tuyến Bến Hải lấp lánh.

Từ đầu làng Mỹ Lộc trông thấy cả núi xanh ngoài Quảng Bình, trông thấy cả núi xanh mây huyền thượng du phía Nam tỉnh Quảng Trị. Chỗng cái rèm tre lèn là ai ở Mỹ Lộc cũng thấy ngay núi và núi. Núi, rừng, cày rú. Cả dài Trường Sơn xanh chói lèn kia là cái chân trời phía Đoài của người làng Mỹ Lộc nằm lọt trong khu phi quân sự. Tôi về Mỹ Lộc, theo một anh thanh niên đi đặt mua dây hồ tiêu cho vườn tạp thể sản xuất hạt tiêu của anh. Từ sớm đi khắp làng Tân Trại Thượng, cứ trông nhà nào lêu nghêu những cây mác xanh um là hồ tiêu leo dây là vào mà đòi lấy giống. Có nhà bán, có nhà không bán. “Tây chặt hết hồi chiếm đóng, còn mò nhiều mà bán”. Trên đường đi lấy giống hồ tiêu, chúng tôi qua làng Mỹ Lộc. Anh thanh niên buột miệng: “Đây là chính làng o Châu Loan”. Tôi hỏi theo luôn: “Châu Loan vẫn đêm đêm ở dài Trung ương ta áy à? Châu Loan chỉ của cô Châu Phụng hát hỏng cho Diệm ở Huế áy à? Vào xem cái làng quê của hai con chim con Bắc con Nam áy đi!”.

Buổi trưa hè Mỹ Lộc không có con chim gì cả. Chỉ có giò Lào ó la quạt lửa vào những đồi sắn vỡ hoang, và cái giọng lạc quan dễ dãi của một cụ già đang ngồi kể chuyện ngày xưa, những chuyện lạ về rừng Trường Sơn trong kia. Tên ông cụ tôi trót quên mất, xin tạm gọi là cụ Trầm.

Cụ Trầm cách đây hai mươi năm là một người thợ rừng, một người sống bằng nghề đi rừng. Nghề làm rừng cũng nhiều mặt: có người sơn tràng làm lim gụ cho lái gỗ; có người làm cùi, có người đốt than hoa than tàu; có người đi săn nai, săn gấu, săn cọp giao cho lái cao đặt mua xương; có người leo lên cây quế giữa nơi ma thiêng nước độc mà bóc vỏ. Cụ Trầm làm nghề đi núi tìm trầm.

Sao, anh bạn đọc trẻ tuổi thân mến của tôi kia đang nhíu lông mày cố tìm hiểu xem danh từ trầm dùng để gọi vật gì để chỉ vật gì. Thì ra anh cũng có nghe nói đến và hiểu rằng nó là một cái gì bằng gỗ cũ hẽ đốt lên là có khói. Cái người nào giáng cho anh như thế kẻ ra thì cũng đúng đây, vì trầm lấy từ trên nguồn, trên ngàn đem về là cốt để đốt đi, chứ trầm không phải để dùng đóng bàn đóng tủ hoặc làm kèo cột khung cửa kính cánh cửa chớp. Cách giáng như thế có thể về căn bản là không sai, nhưng dễ thành thiếu hụt và lệch lạc vì đã bị khuyết điểm những khía cụ thể cần thiết. Cái gì đốt lên mà chả có khói, chim muông cây cỏ hoặc sống hoặc chết, cứ đốt lên là đều có khói tắt. Đời sống có nhiều thứ khói. Lại còn thế này nữa: Anh có thể đốt than đá để chạy máy cũng như đốt than cùi để thổi cơm, nhưng anh đốt trầm là không có chạy có thổi cái gì cả. Thực ra đốt trầm có thể không có lợi ích trực tiếp gì cho đại thể sự sống,

nhưng trong một số việc nhất định, nhiều khi có nó mà dùng thì phải nhẽ hơn, thì yêu thích hơn cái việc mình đang làm. Ví dụ trong cái đình cái lư bàn thờ Tổ quốc mà không lạnh lẽo một cách tượng trưng, mà lại có lửa ấm lại có phe phẩy làn khói hương trầm, thì mình càng cảm thấy Tổ quốc mình thơm ấm hơn sống động hơn. Sống cần ăn cơm và phải tiến tới ai cũng tha hồ mà ăn cơm; nhưng không phải chỉ rặt có ăn và cơm. Nồi cơm, nhưng cạnh nồi cơm còn có lọ hoa nữa. Hoa không bỏ vào mồm như ta hằng nhai một hoa thịt phiếu, nhưng trong không khí một cuộc chiêu đãi trọng thể, khá nên đừng tiết kiệm đi một cành hoa. Nhưng thôi, ta hãy trở về câu chuyện làm nghề đi rừng của cụ Trầm ở khu phi quân sự.

Nhà cụ Trầm ở trên lưng đồi. Cụ Trầm khoát cánh tay vung rộng ra: “Rú đó, núi đó, biết bao nhiêu trong tè ngoài nớ, mà tui đi cả rồi. Biết mấy là cây tươi cây chết khô, nhưng tìm thấy cây trầm thì có mô ma nhiêu”. Mắt tôi theo tay cụ mà hướng vào rú núi một dải Trường Sơn. Thấy Trường Sơn xanh xanh hấp dẫn như một tiếng gọi đi đi.

Trước đây đôi ba chục năm, người ta đi rừng làm trầm như thế nào, và người làng Mỹ Lộc đây đã sống như thế nào? Cụ Trầm bảo cả làng đây làm bún, là chờ đò dọc vò Huế, săn khô chờ vò, nồi đất buôn chờ ra. Và đi làm trầm. Ở rừng về xứng xèng tiền bán

trầm là đánh bạc. Hết tiền lại đi rừng tìm trầm. Một năm người đi làm trầm chỉ ở nhà với vợ con trong mấy tháng mưa. Tháng giêng ăn tết xong là lên rừng mà ở rừng. Ở liền cho đến tháng sáu về, hết mùa mưa, tháng mười lại lên và gần tết lại về. Người đất cát đất đỏ vùng gần bể, mà lại đi núi ở rừng, lấy rừng làm làng ngủ cư, làm cái lều cái lán mà ở. Tìm thấy cây trầm ở đâu là chuyển cảnh cây đến đó mà dựng lều. Cụ Trầm tả cảnh rừng, tôi nghĩ đến một cuộc sống du mục trong giữa lòng rừng. (Nó không phải hẳn là du canh, nhưng gọi là du nhai có lẽ phải hơn).

Trầm lấy ở thân những cây rừng đã chết. Có những xác cây thật to cao mà không có chi cǎ, có những cây xương xương nho nhỏ mà lại có trầm. Những cây lui ngay trên đất thịt, ít khi có trầm. Thường tìm thấy trầm ở trên những cây chết đi trong kẽ trong đá hốc núi. Có những ruột cây lui đi, trong lòng gỗ chết, tiết ra hàng yến trầm. Mỗi chuyến đi rừng, phát hiện được trầm mà làm được khoảng dăm ba cân cũng đã là khá rồi. Loại trầm tốt nhất giá một cân được mươi đồng Đông Dương ngày xưa (lúc đó một đồng bạc ăn được ba bốn bát phở bò). Trầm tốt loại một, dờ vào thấy có chất dầu nhờn dinh tay. Cục trầm thượng hạng đó có khi ruột nó sắc đen hoặc sắc trắng hoặc vàng. Phơi ra nắng, nó cháy dầu. Không ai đi làm trầm một mình mà đi thành tố thành đoàn. Cùng

là người làng người xóm với nhau, cùng rời làng mà tiến lên rừng Lào, rừng Cam Lộ, rừng Quảng Bình. Đến khu rừng nào đó, đóng lại dựng lều, rồi mỗi người chọn lấy một cái hướng nào mà tỏa đi, mà đi tìm trầm. Có khi hết mỗi ngày lại trở về căn cứ chung của tổ. Có khi đùm corm nấm mang theo mà đi ba bốn ngày mới về, một tay vác rìu, một tay mang chàng đục. Cứ thui thuid mà đi, vạch gai, vạch rú, mở lối đường mà đi, chứ không phải là cảnh “lối mòn cỏ nhợt màu sương” nó còn là có hơi người. Có người đi rồi về, người về sớm người về chậm, nhưng cũng có những người đi rừng mất tích in nhu những người đi biển. Mỗi khi đục ruột cây khô thấy trong ruột thân cây chết đứng kia là có trầm, thì chặt ngay một cành tươi mà cắm vào lỗ đục, đánh dấu lại đó. Rồi về báo lại cho anh em cùng tổ làm rừng với mình. Cũng trong một đoàn tổ cùng một thôn xóm với nhau, ít khi xảy ra những chuyện người nọ nhận chàng cây trầm của người kia. Cũng có những vụ tranh chấp giữa người khác bạn khác đoàn khác làng. Những vụ này, anh thợ trầm chủ nhân chân chính gốc trầm phát hiện ra đó liền đưa những chứng cứ của mình ra. Người làm nghề rừng trầm hình như thương nhau hơn là cướp đoạt của nhau. Người làm giỏi còn giúp đỡ người làm kém. Tài giỏi mà tìm được ra không phải chỉ một gốc mà lại là năm bảy cây kia - nhiều khi cái giỏi ấy lại

còn là cái may mắn nữa - thì mình cũng không hưởng hết lộc trời lộc núi, mà lại còn phải nghĩ đến những bạn đi rừng khác không may tay như mình. Đục gốc trầm ra, chỉ moi sơ sơ lấy chừng nào đó, còn thì anh em cùng làng đến mà moi nốt. Bạn nhà nông nghèo, có những người đi mót lúa trên mặt đồng thì trong lòng rừng, cũng có những người theo đoàn theo tổ mà đi mót trầm.

Làm cái nghề kiếm trầm trên rú, đau khổ nhất và kinh hãi nhất là mỗi khi có người lạc rừng. Cùng đi với nhau trên rừng, bạn lứa thì tìm ra được gốc trầm này gốc trầm khác, mình thì càng tìm càng không thấy một gốc nào. Cây xanh nhiều hơn cây khô, và cũng đã đục ra nhiều gốc lụi héo mà lòng cây không có chi. Gạo cá muối ruốc của lái trầm ứng trước ra cho mình đó ăn mãi đã gần voi hết đi, mà thuyền lái trầm tiếp tế gạo mắm lên nữa thì còn lâu lăm mới tới kỳ sau. Anh em người ta ai cũng một vài gốc một vài cân trầm rồi. Mà mình thì càng tìm càng chẳng thấy. Nhiều khi anh em tìm được những gốc trầm to, phải mất đến ba bốn ngày mới hạ được cây xuống, cũng cầm rìu đẵn giúp vào ít nhát cây cho cây trầm của bạn mình chóng đổ xuống. Cây đổ, rừng vọng lên âm ầm. Nhưng trong lòng riêng anh thợ trầm chưa có trầm cũng vọng lên những mối lo mùa mưa sắp tới rồi, hoặc năm cùng sắp Tết rồi, vợ con chờ mong ở một

cái làng giáp biển, chao ôi! Sao cho tìm ra ngay một cây trầm bảy giờ! Người thợ rừng làm rừng trầm cứ nghĩ thế mà càng lao sâu vào rừng, mờ gai mờ bụi ra mà gọi là mờ lấy đường mà đi. Lách người qua chưa hết hai bàn chân là lối rừng đã khép lại. Nhiều khi không dám quay lại. Cứ đi thôi. Đi cho tới khi nào thấy một gốc cây lui khô trong kẽ đá vôi mà đục lỗ thăm dò. Đục không có gì lại đi tiếp. Lòng rừng thăm thẳm, ban ngày cũng xanh thăm den thui như ban đêm. Chẳng biết mấy ngày mấy đêm. Chẳng biết là đi đúng hay đi sai, nhưng là đang đi tìm. Có lúc chán nản muốn đầu hàng sơn lâm muốn quay về chồ lán lều. Nhưng đi thì dễ chứ tìm đường trở về thì khó. Hỏi thăm lạ mặt toàn là cây rừng. Người đi biển muốn nhận định phương hướng còn có mặt trời ban ngày và ánh sao ban đêm. Ở rừng bưng bit như lọt trong một cái hũ xanh ve, nhiều khi chỉ dựa vào đám rêu trên vỏ cây to mà định hướng. Thế rồi mình trở thành một người lạc đường rừng lúc nào không biết nữa. Ở những cái làng giáp biển, có những người ra bãi cát ngóng về phía biển đông khi có bão giông nổi lên và tắt đi. Ở cái làng làm trầm cũng có những người ra đứng ngóng về phía Trường Sơn xanh xanh mỗi khi mùa mưa sắp tới hoặc tết sắp đến. Cùng với bể, rừng vẫn còn những cái bát trắc mà ai không gặp may thì gặp phải.

Người Mỹ Lộc làm nghề trâm què ở Quảng Trị, nhưng ông tổ nghề đó lại là người Quảng Nam truyền nghề cho ứng tiền cho. Tiền và nghề là của Quảng Nam, sức lao động của người Quảng Trị, nhưng rừng có nhiều trầm lại thuộc về đất Quảng Bình. Trên con sông Gianh Linh Gianh, vẫn xuôi về những con đò trầm. Trên Sông Gianh đò trầm vẫn đưa lái trầm thợ trầm ngược dòng. Và từ bờ Sông Gianh đi sâu vào một hai ngày đường rừng, thỉnh thoảng vẫn có những vụ lạc rừng, tiếng hú tìm nhau của đoàn thợ trầm nhiều khi vang vang quá bờ một dọc sông lô nhố thập ác nhà thờ đạo.

Ông cụ Trầm làng Mỹ Lộc đã kể cho nghe về chuyện những người đi làm trầm bị lạc đường suýt hóa thành người rừng. Lạc trong rừng lâu ngày, đói, ăn nhầm phải lá rú nấm dại. Rồi mất trí nhớ. Rồi thấy bóng người là lần tránh, lủi vào bụi sâu. Những khi có người lạc, đi tìm, hú lên mà thoáng thấy bóng họ tránh mình lần vào rừng quang nào, thì bè cày đánh dấu lại. Về lần đùm cơm nấm trở lại chỗ đó, hú to lên, rồi để nấm cơm vắt lên trên tảng đá bên dòng suối. Rồi tránh ra chỗ xa chỗ kín. Người lạc rừng nấp kín sau cây lá hốc hang mắt vẫn theo dõi ra phía ngoài, cho ta đi khuất đi, rồi lâu lâu mới mò ra, nhìn ngang ngừa nhìn trước sau, ngờ sợ mà cầm vào nắm cơm lạnh. Nhìn rõ người bạn đi làm rừng của mình

mà mình phải nín tiếng, thấy tội quá. Vì mình động mạnh và hiện ra thì họ vọt biến mất, và có khi đi một khoảnh rừng nào khác. Như thế, càng nguy hiểm, càng khó tìm thêm, và có khi tìm chẳng thấy bao giờ nữa. Cứ ngày ngày đem cơm nắm đặt bên khe lạnh và tránh đi. Có người phải hàng tháng như thế rồi trí nhớ mới trở lại. Có cái hơi ngủ cốc vào, trí nhớ người lạc rừng dần dần trở lại, và cũng dần dần mới nhớ lại tiếng nói và họ tên người cùng đi làm rừng với mình. Rồi dùi dần người bạn không may đó ra bờ sông. Hai người khỏe dùi một người ôm, mỗi người xốc một bên nách, đưa ra đến bờ sông mà xuôi thuyền về quê. Bờ sông lúc này mỗi người một cảnh. Ai chăm nom người bạn lạc rừng chưa lại hôn thì cứ chăm nom. Ai sửa soạn về làng ăn tết thì cứ sửa soạn về. Ai cần trâm tinh tiên thì cứ bắc cân lên mà cân. Người lái trầm mang mò cân đi thuyền ngược lên dòng sông đỗ ở cửa rừng, chỉ ghé đò ở cửa rừng trầm nên ít khi gặp sơn lam chướng khí, và chẳng khi nào gặp những chuyện không may của rừng thiêng. Chá khi nào họ khen cái công người thợ rừng lấy một câu cho đúng. Lái trầm không khen công không khen của, mà thường là còn chê bai đánh giá hòn trầm của mình. Người lái trầm thường ăn chặn của anh em đến 80% chõ tiền rừng mình làm ra đó. Có ai xâu số lạc rừng mà tìm hú không ra rồi mất tích, họ còn rầy la người bảo lịnh

rằng thế là mất đứt chỗ tiền gạo ruốc đã ứng trước bảy lâu nay.

*

* * *

Vâng, câu chuyện người làm rừng trong rừng tràm chỉ có bấy nhiêu thôi. Vâng, thưa anh, đúng là rừng tràm tỉnh Quảng Bình do một cụ già người Quảng Trị kể cho tôi nghe một buổi chiều mùa thu, ở ngay chỗ giới tuyến tạm thời cắt lung nước Việt Nam. Cảnh rừng đây, tôi nghe thế nào thì tôi thuật lại như thế, chứ tôi tịnh chưa dựng lại một tí nào. Vâng, cụ Trầm vẫn còn sống.

A, về rừng tràm nay ta có khai thác không áy à? Tôi không rõ lắm, nhưng tôi chắc là có, là phải có. Bởi vì tràm cũng là một thứ trữ ngân của Ngân hàng Quốc gia, có đủ tràm xuất cảng ra rồi đổi máy móc hàng họ về, càng tốt chư sao! Theo lời cụ Trầm nói hôm đó, thi nghè làm tràm của cụ chấm dứt từ khi ta bóc đường xe lửa Thuận Lý Động Hải và kháng chiến. Cụ Trầm cũng nghe nói là ta sắp phục hồi lại nghè làm tràm đi rừng. Và cụ tràm vui vẻ cho biết rằng nếu chính phủ ta nếu mâu dịch ta mà triệu cụ lên rừng tràm, thì cụ vẫn còn đủ sức lao động để vào rừng. Rồi cụ sẽ hướng dẫn cho thanh niên đi rừng

những kinh nghiệm đi tìm gốc trầm. Cụ Trầm cũng nói luôn rằng bây giờ không còn anh lái trầm, anh tư sản mại bản nữa. Và làm ăn tập thể có tổ chức giỏi, thì không thể có người làm trầm lạc rừng mất tích như ngày xưa nữa.

Anh thích nghe kể chuyện rừng, bảo tôi kể, tôi chiều ý anh, tôi đã kể về rừng trầm. Nhưng xem ra anh cũng không được ưng ý lắm thì phải. Tôi chủ quan cứ tưởng rằng anh thích khói trầm khói hương như tôi. Đúng thế đấy anh ạ, tôi thích đốt trầm đốt hương. Tôi là một người có tự do tín ngưỡng, tôi là một người mà hiến pháp đã bảo đảm cho tôi cái quyền không phải mê tín đạo giáo nào cả, tôi là một người của phái vô thần, nhưng tôi rất thích thấp hương. Trừ những ngày hè nóng, còn thì quanh năm lúc nào tôi cũng có thể đốt hương trầm, nhất là khi trời trở lạnh. Không phải ai thấp nén hương đều cung thành người mê tín cả. Bố tôi ngày xưa uống trà Tầu, đánh đàn guyệt, đánh đàn thập lục. Tôi đứng cạnh bố tôi là một thằng hẫu lừa, hương tắt trầm hết khói thì tôi lại thấp tiếp lên. Để cho bớt đi cái độ ẩm, để cho dây đàn thật tiếng hơn, để cho không khí âm vang hơn. Mà thật như vậy đó, trời mùa đông, nhà không có lò sưởi như người Âu, đốt lên máy nén nhang, thấy nó có đỡ lạnh đi thật. Có những lúc nhất định nào đó, làn khói

thơm lại có cái giá trị vật chất của tấm áo khoác thêm lên mình lúc ngồi trong phòng sách.

Nhưng thôi, tôi kể bù một chuyện rừng khác cho anh nghe tiếp. Cái rừng thứ hai này thì không có gốc trầm nào. Nó là rừng Tây Bắc tôi qua nhiều lần.

Truyện rừng thứ nhất, không hấp dẫn lắm, tôi cho không phải lồi tại nó là rừng trầm. Lồi, có lẽ vì tôi chưa tìm đúng cách kể đó thôi, chứ cái chất liệu trầm rừng ấy quí lắm đây. Tôi sẽ cố gắng làm cho anh được toại ý trong chuyện rừng thứ hai này. Anh đập chết đi con muỗi nó đậu vành tai anh kia, anh giết xong nó là tôi bắt đầu sang ngay cái rừng thứ hai đây.

*

* * *

Kể cả lần gặp vội vàng năm vừa rồi thì tôi gặp trung tá Lâm Thanh tất cả ba lần. Lần thứ nhất trong kháng chiến, thời kỳ đánh trượt Thát Khê đường số 4 trước giai đoạn giải phóng hoàn toàn Cao Lạng. Lần thứ hai và lần thứ ba là sau Điện Biên Phủ - Gio Neo. Ba lần gặp đều ở khung cảnh rừng và núi, không ở rừng Việt Bắc thì cũng là giữa núi Tây Bắc. Mỗi lần gặp anh Lâm Thanh, câu chuyện dù ngắn dù dài đều có để lại một dư vị gì đó của hơi núi nhựa rừng.

Ngày nay cứ mỗi lần có ai mời nhấp một ly anít, hoặc mỗi lần đến hiệu thuốc bắc kinh tiêu trong thấy vị hoa hồi tám cánh trong đơn thuốc bốc, là tôi lại nhớ đến những cánh rừng Lạng Sơn. Những cánh rừng Lạng Sơn đọng lại trong tôi từ sau cái chuyến theo đơn vị đóng quân ở Vân Mịch và chuyển quân dọc theo cá con sông Kỳ Cùng. Những cánh rừng những chuyến rừng Cao Lạng do trung tá Lâm Thanh kể lại, tôi vẫn để nguyên đó. Trong tôi, mỗi lần trời đổi gió, cái rừng Lâm Thanh ấy vẫn reo lên, vẫn rung đều đều lá già và vẫn rung rung lên những chiếc lá lộc. Có lúc tôi nghĩ rằng tôi là một tám gỗ thị và trung tá Lâm Thanh đã trổ xuống đây những nét khắc gỗ khó mà nhụt mờ đi được, những nét khắc gỗ chịu được bất cứ sự mài mòn nào của thời gian. Ừ, một lúc nào đó chuyện in sách ta đã hướng nhiều về mỹ học, tôi sẽ lấy nước mắt sung sướng của một người bạn nào đó mà chùi đi lớp bụi động trên bản khắc gỗ kia, mà đem nó ra minh họa cho một số trang thơ quà cảm yêu thương Tổ quốc dân chủ thống nhất, rừng miền Bắc rừng miền Nam đều chung một hiệp thơ sơn tràng.

Lâm Thanh gặp tôi lần thứ hai trên sàn tre một mái nhà Thái trắng Quỳnh Nhai. Cạnh bếp lửa, còn có một người thứ ba nữa: một cô xòe nạ dòng tóc mượt như rêu suối xuân đổ ra sông Đà, và môi ngậm lại như một dài phong lan. Cô Thái chù nhà nói nghe

được tiếng phổ thông, nhưng cô đang toàn tâm vào con sợi và ống xa quay. Trung tá Lâm Thanh kể chuyện rừng Tây Nguyên, và giữa rừng đó Lâm Thanh đang sống những giờ phút hồi hộp của một người tù chính trị xổng ngục để quốc. Giọng Lâm Thanh kể, sao giống cái tiếng đọc lại bản thảo lần thứ nhất của một nhà thơ chưa quen làm văn xuôi. Tôi tin rằng không nơi nào trên toàn cõi Việt Nam lại có một vùng rừng cỏ gianh bi, hùng, tráng như rừng gianh của Lâm Thanh đang sải bước. Thấy cả người tôi nhộn nhạo lên vì cỏ gianh rừng Tây Nguyên, thấy tâm tư tôi bị kích động nhiều, Lâm Thanh cười cười: 'Tôi kể đó, chính cũng là muôn anh sẽ lúc nào viết lại'.

Tôi không cười, tôi nghiêm chỉnh mà trả lời Lâm Thanh: "Tại sao lại cứ phải là tôi mà không là anh? Cái đoạn bao rừng của anh đẹp lắm. Anh bảo lúc ấy vừa nhìn đói vừa sợ quằn ngục cho người đuổi kịp lại vừa lo cây đổ. Phải, anh bảo rằng cây rừng cũng như nguyên tử, nó cũng tác động và phản ứng lối dây chuyền. Nghe một cây đổ cách xa mình hàng chục cây số, phải tìm núi trọc mà nấp sẵn đi thì vừa. Chờ khi nào cái vệt cái luồng cây đổ ầm ầm kéo ngang qua đi chỗ mình nấp để tiếp tục xô theo những cây phía dưới, thì mình lại lên đường tiếp. Anh bảo tránh nạn đổ cây rừng cũng như thuyền khơi chạy trốn cơn bão. Tôi chưa từng tượng ra được những cuộc đấu tranh giữa

người tù vượt ngục và rừng nhiệt đới Tây Nguyên. Anh đã có một cơ sở thực tế ấy để mà đẩy mạnh tưởng tượng hơn nữa. Câu chuyện anh vừa kể đó, chính anh viết ra tốt hơn là tôi viết. Cái cách anh vừa kể đó, anh cứ coi nó như là bản nháp thứ mấy gì đó của một chuyện viết sẽ kể ra bằng văn tự giấy trắng mực đen. Rừng và mẫu chuyện rừng thì bao giờ cũng bừa bộn nhưng người viết về nó, phải tạo ra được một cái trật tự cho rừng, bàn tay nghệ thuật sẽ nở hoa ra lá cho rừng theo một trật tự của con người chịu đựng rừng để tổ chức lại rừng phải không hà trung tá?"

Buổi chuyện trên một nhà sàn Tây Bắc ôn lại việc cũ Tây Nguyên hôm đó thật là lý thú. Bởi vì sau đó, biến ra thành một cuộc đối thoại về rừng, về núi rừng Việt Nam. Suốt cuộc đối thoại, có khi Lâm Thanh hỏi và tôi đáp, hoặc là đảo lại. Cùng có lúc không phải là vấn đáp, mà chỉ là những ý nghĩ buột ra của mỗi người đang nhận thức về sinh tồn của rừng, về sinh mệnh cây này cây khác. Có câu như là triết luận như là thi thoại:

- Nay, rừng là gì nhỉ?
- Anh hỏi rừng hay hỏi tôi đây?
- Hỏi ai thì cũng thế. Anh tạm thay cho rừng mà trả lời cũng được.

- Tôi tự coi như một loại cây rừng, như một cái cây mà nói chuyện nhá?

- Định làm thơ ngũ ngôn chăng?

- Không cần phải ngũ ngôn. Cây và rừng là một thực thể khách quan, là một hiện thực. Nó chưa có tiếng nói. Cho nên những thi nhân nào đó phải nói hộ nó. Nói cái gì? Nói cái vui cái buồn của nó. Gốc cây nao thấy lá mình úa đi mà chẳng vô vàng trong ruột. Gốc cây nào đâm lộc mà chả thấy mình đang vào mùa xuân của nhân loại. Cũng như kiếp người, một gốc cây rừng cũng có tuổi dậy thì và lão đại của nó. Nó cũng có thương có nhớ, cho nên mùa thu trên rừng, không cần có gió lớn gió bé mà luôn luôn thấy lá chã xuống vai chàm cò Tày cò Thái hết giọt lá này đến giọt lá khác. Và con số đâu mà đếm cho xuể chõ nước mắt xanh thấm sưng bóng người đi rừng.

- Nói đến sự sống tức là nói đến vận động. Rừng cũng là sự sống, cây cũng là một sự sống, sao không thấy chúng nó vận động gì.

- Ủ, nếu bây giờ lại thấy cây nào ở rừng cũng nổi giò lên cùng một lúc, và cành cây nọ quàng vào thân cây kia như những cánh tay khỏe đang lay lay gốc mình nhô rề, rồi tất cả rừng non rừng già cứ thế mà hạ sơn chuyển về đồng bằng! Đoàn cây xuống núi ấy vừa đi vừa rụng lá trên đường khác chỉ ngày nào

những đơn vị rót lại lá ngụy trang sau mình. Sự ngạc nhiên quá đỗi sẽ càng to hơn nữa những đôi mắt thao láo, và sẽ chôn chân lũ người sững lại trước sự xâm lấn của rừng. Cái trật tự của sự sống hữu cơ không thể có sự biến áy. Hoặc là hãy chờ cho tất cả mọi người hóa đá rồi cây hãy ra đi. Nhưng mà xét cho cùng thì ở loài cây cũng vẫn có chuyển vận. Con chim, cái ong, cái bướm và trận gió cửa rừng đã tự nguyện làm những thứ bánh xe thiên tạo mà đưa gốc cây tinh tại đưa cánh rừng cổ thụ đi qua không gian và thời gian đây. Rẽ cây không chuyển bước rầm rập trên đường nhựa thị thành nhưng mà lúc ta đang nói về cây đây, thì biết đâu nó lại chẳng bay trên thị trấn này thị trấn khác, vượt qua đầu lú ta mà đi. Nhờ ong bướm nhờ cánh chim cánh gió mà phân nhì mà hạt trái đã mở lấy cho cây những con đường trên khinh không vậy. Cho nên anh cũng không cần phải lo cho cây rằng sao nó chẳng chịu đi đâu cả. Ấy nó đi cái kiểu đáp vào gió vào chim như thế đó. Ấy, kệ nó, nó có cách đi của nó, nó có quy luật phát triển của nó. Trên đầu ta, vẫn có những lối đi giữa trời.

- Nhưng mà nói tóm lại rừng là gì nhỉ?
- Rừng là một cái tinh nhân thái đại khổng lồ về các loại cây loại cỏ chứ là cái gì nữa !
- Ủ, nhưng rừng còn là gì nữa nhỉ?

- Rừng là một cái gì lúc đứng im thì cứ lỳ ra như vậy mà bóc ngùn ngút màu trắng lên, cứ chôn chân đó mà sống. Và nó chết thì cũng chết đứng tại chỗ, chứ không nhường đất mình cho ai. Rừng là thế đó khi nó chịu ở yên tại chỗ. Nhưng khi rừng đã đòi đi thì nó đi thật là xa. Trên biển cả, chỗ nào là bể vô cùng tận, chỗ nào là hết bến bờ của sự sống, chỗ nào là tột chân giới của mắt con người, thì rừng đều có đi tới nơi cà.

- Cái gì mà nghe như hơi văn siêu hình vậy?
 - Không, vẫn tán bàn cụ thể về rừng về cây của chúng ta đó chứ. Trước khi có Cách Mạng cho anh phụng sự, tôi biết rằng anh đã là một người từng đi biển. Cái tàu cái ghe anh ngồi lên đó là đóng bằng những thứ gỗ chì ở nơi rừng đại ngàn mới có. Cái tàu cái thuyền của anh trước khi vỗ sóng ra khơi thì đã là một cây gỗ tươi lia rùng lia gốc mẹ mà trôi đi một chặng dài từ đỉnh núi xuống cửa sông cửa bến. Nói rừng trôi trên bể, vừa đó tôi nói rằng rừng đi trên sóng để nói hai bờ đại dương cát mặn, cũng là cách nói hữu cơ chứ không có gì hư tượng phi hình.

- Nhưng mà chính ra rừng là cái gì mới được chứ? Thực tế nó là cái gì?

- Tưởng muốn bàn rộng ra mà tìm tòi thì hơi khó, chứ nay rút rừng vào một định nghĩa về mặt thực tế

thì cũng làm được thôi. Rừng là một cái gì rất thân với người nghèo...

- Xin đi ngay vào cái khía thực tế của rừng...
- Ấy đang đi vào đây. Người nghèo rất thân thiết với rừng. Chỉ có những anh giàu và lười mới sợ rừng. Người nghèo có lán lều ở gần gũi, dĩ nhiên là quen thân với rừng. Ngay cả người nghèo làng xóm gốc gác ở giữa đồng bằng đồng đúc cũng đi rừng và ngày càng thân cận với rừng. Rừng là một kho thực phẩm. Rừng là người mẹ hiền giữ cái kho thức ăn nhiều món đó. Đối với dân con nghèo, người mẹ rừng chí công đó rất rộng lượng với bất cứ con nào chịu khó làm lụng tìm kiếm. Măng đó, không thích bán tươi ăn tươi thì phơi khô đi, muốn làm cách nào thì làm. Năm đó mộc nhĩ đó. Cù mài đó. Ý dĩ đó. Rừng là một kho đồ hộp còn tươi sống chưa bò lợ sát hàn thiếc. Cái kho thực phẩm thiên tạo ấy có đủ thịt loài chim loài thú loài dưới nước, cua núi, cá suối, tôm hang. Thịt đồng rừng còn thơm ngon hơn thịt đồng ruộng đồng bể nữa kia. Có súng có nỏ thì làm người đi săn, thiếu súng thiếu nỏ thì đánh bẫy. Ăn tươi không hết thì nướng lên. Rừng đó, thiếu chi cùi. Cùi đó, đốt lên mà làm than hoa than tàu, thiếu chi nguồn lợi. Với một số kinh nghiệm tối thiểu của người đi săn rừng, người nghèo mỗi lần vào khuất cái bóng của rừng là đủ tự khơi lấy luồng thực phẩm rồi. Cho nên rừng là một cái gì rất sống

để nuôi sống con người. Rừng còn là kho thuốc trời cho để cứu người bệnh, nó có nhiều vị, nhiều cây thuốc không cần bào chế mà cứ hái lấy đem về uống tươi ngay là bệnh khỏi rồi.

- Tóm lại rừng là kho lương thực, là kho thuốc Đông y. Về giá trị sơn lâm, còn mặt gì nữa không?

- Người ta hay nói đến vàng đỏ, vàng trắng, vàng đen. Tôi muốn nói đến vàng xanh. Cây là một thứ vàng trứ kim của nhà băng quốc gia. Không phải là một điều bí mật gì mà đó là một việc ai ai cũng đều biết. Rằng gỗ quý của rừng Việt Nam đều xuất khẩu đổi lấy máy móc các nước bạn. Gỗ từ thiết đúng là gỗ kiến thiết. Hoặc xuất cảng đi, hoặc dùng trong nước, gỗ rừng Việt Nam thật là quan hệ mật thiết đến nền công nghiệp nặng nhẹ và các mặt xây dựng cơ bản khác. Rừng là gạo cơm cá thịt, rừng còn là tiền mặt tiền túi của ta nữa. Ca ngợi rừng như thế đã cũ thế chưa, đã đú chưa?

Cũng không nên quên vai trò của rừng đối với việc điều hòa lượng nước sông ngòi nạn lụt hạn hán trong nghề nông của ta. Cây rừng có nghĩa là thuỷ lợi, cho nên mới chống đốt rừng. Và thỉnh thoảng cũng cần phải nhắc các nhà chụp ảnh mỹ thuật các nhà quay phim cảnh ngoài trời phải biết ơn đối với loài cây và rừng cây. Rừng ngậm lấy hơi nước, có cây ày rồi mới

có mây ấy. Nhìn một cái thủ lợn cao lồng nhẵn thín có lẽ còn đỡ khó chịu hơn xem một miếng ảnh mà nền trời trắng héu không tí mây dùn. Trên cái miếng phim ảnh ngoài trời không xóp mây, trên cái nền trời quên mất mây đó, cô diễn viên cười khô cả răng, rách cả môi, nhợt cả lợi mà cũng vẫn chẳng diêm huyền được bao. Trong một cái cười thành công giữa trời, vẫn ít nhiều ùn lên bóng mây của rừng xa. Hôm nay có một thân đê sụt xuống, một huyệt ngập đì, một xã cuốn mất, bởi vì hôm nào đó, trên vùng ba Thượng ngàn đầu nguồn sông, có người đã vô tội vạ nổ lửa phạm vào rừng cấm. Nạn vỡ đường dưới xuôi là gì, nếu không là một sự báo thù ghê gớm của những khu rừng chết oan trên rêu cao.

Cuộc đối thoại về rừng, càng về khuya càng cháy thêm củi nơi bếp lửa nhà sàn. Giồng xa quay ở góc cô Thái vẫn đều đều như gió lọt dưới gầm sàn nữa. Phía ngoài suối, cũng đều đều tiếng cối nước giã gạo và tiếng cộn nước xiết nghiến con trục quay. Vừa lúc nỗi lên tiếng đàn hươu về trên đồi xuân ăn búp cỏ gianh, thì qua kê sàn hở, bật loáng loáng những vệt sáng như đèn pin. Sàn rung lên những bước chân vội. Một người nói từ ngoài vào: "A hè, hai đồng chí vẫn còn sưởi lửa khuya thế? Ngày mai thong thả hãy đi nhé! Mai tôi cũng về Mường Sại đây. Cơm nước với tôi xong rồi hãy đi. Đêm nay thế nào cũng bắt được hươu

đấy. Mỗi đồng chí đem theo đi một cân nai nướng mà bồi dưỡng thêm. Của trên rừng, tôi cho không đấy. Tôi không lấy tiền đâu... Kìa, cô May đã dân công về rồi đấy à? Mai có về khu xòe liên hoan thì cùng ăn cơm sườn thịt hươu bên tôi rồi đi. Đò còn rộng chỗ lăm đấy..."

Tôi gặp trung tá Lâm Thanh lần thứ hai, đêm ấy nói nhiều thứ chuyện, nhưng tôi nhớ nhất vẫn là những đoạn nói về rừng và cây.

Lần thứ ba gặp lại thì người sĩ quan đã chuyên ngành, về tăng cường lãnh đạo cho một chau uỷ cách bờ Sông Đà cung đến một ngày đường. Lâm Thanh ân cần: "Chịu khó đi nhỉ. Phương tiện của chau nghèo này không có bao nhiêu, nhưng cần gì thì cứ cho biết, địa phương sẽ cố gắng". Tôi nói là đang ốm, cần giúp cho một con ngựa và một người đưa đường biết nói tiếng kinh. Lâm Thanh đứa tôi: "Hồi này hoạt động nhiều ở vùng Sông Đà trên này, có lẽ các đồng chí bên rừng Việt Bắc cũ thắc mắc cho là quên mất đất gốc Cao Lạng Thái Nguyên rồi đó. Hay là có bà hai núi nào ở trên này!" Tôi cũng không chịu kém Lâm Thanh mà không đứa lại: "Về chuyện tôi bí mật lập thêm gia đình trên miền núi này, yêu cầu anh giữ bem cho. Và anh nên thương tôi, cung cấp đều cao khi cao hổ cho tôi đù gân đi đi về vè".

Buổi chia tay, Lâm Thanh còn cho tôi một bản đồ cũ 25 phần 1000 tước được của quan ba Pháp hồi giải phóng hữu ngạn Sông Đà. Vịn vai tôi, Lâm Thanh dặn dò: "Cũng không có gì ngại, nhưng cứ nên cẩn thận. Tôi mượn bên châu đội cho anh một khẩu súng trường, chú liên lạc đem theo đi đó. Lại thêm cho anh một chai rượu nước bạn nữa. Thằng con tôi vừa đi học nước ngoài về nó làm quà cho tôi, nhưng rượu này hợp với khẩu vị anh hơn. Dọc đường, nên gắng đi cho đúng chặng nghỉ thì vẫn hơn. Nhưng nếu có bị sốt, không đúng độ nghỉ mà cần nằm lại, anh không lo, đã có chú liên lạc Khùm đó. Chú Khùm họ Lò. Tròng chậm thế, nhưng bắn rất nhanh. Đã bắn hổ bắn gấu và có thành tích diệt phi Thân Thuộc, Hồ Thầu đó".

Tôi đi chuyến rừng đó vào cái năm Liên Xô đã phóng quốc huy Liêm Búa lên cung trăng, nhưng giữa lòng rừng hôm ấy lòng tôi sao toàn là những cảm xúc của một người bộ hành thời trung cổ đặt chân vào giữa một vùng cổ đại. Đầu toàn nhớ lại những âm từ thơ Đường. Cảnh nơi dọc đường cũng Tùy Tùy Đường Đường cũng Lý Lý Trần Trần như thế thôi. Nhịp sống nét sống cũng phong phong trần trần mộng mộng đào đào nguyên nguyên vậy, nếu buổi sớm đó không gấp mấy anh đoàn địa chất đi tìm luồng quặng đồng quặng thép. Ngay buổi tối, vừa tháo xong yên cho ngựa, vừa chạy xong thóc cho ngựa, là tôi đã khui

luôn chai rượu của Lâm Thanh vừa dứt cho sớm nay. Lò Văn Khùm và tôi tì tì làm gần hết. Nhớ người hiệp sĩ Lâm Thanh, tôi nhớ luôn một câu thơ Đường “Khuyến quân cảnh tận nhất bối tửu - Tây xuất dương quan vô cổ nhân” và nhìn ra đêm rừng mịt mù. Từ nhiên lại thấy yêu đến một anh chàng Tây Ban Nha Đông Ky Sốt bao giờ cũng tuột gươm ra mà bảo vệ một giai nhân lý tưởng nào. Ông cụ chủ nhà cho biết là trước cách mạng cũng có về chơi Hà Nội một lần, ở Hà Nội buồn vì không đốt củi to giữa nhà. Đúng như tục lệ đáng yêu quý của những gia đình Thái mỗi khi có khách ghé nhà, ông cụ khẽ nè ôm ra cho tôi một cái nệm bông gạo phủ phá tơ bảy sắc màu cầu vồng. Ông cụ nói một mình với những mẩu gộc củi cháy bùng bùng: “Bán này là đường đi đường về của hổ đây. Sao chưa thấy anh mậu dịch về nhà ta đặt mua xương hổ nhỉ?”.

Đêm hôm đó sương nhiều, buốt, Lò Văn Khùm và tôi đau chung chǎn lại, nằm khít hẳn vào nhau như một cặp vợ chồng người Mèo nằm giường hẹp để suốt đời không được hờn giận nhau. Khùm gõi lên khẩu súng trường, cái báng súng lạnh thúc cả sang tai sang gáy tôi. Chốc lại cưa mình, nhìn ra đống lửa, gọc giữa nhà vẫn đỏ ngọn. Và trong quầng sáng lửa hoa cai, thấy một đôi bàn tay đưa đi đưa lại như đôi bàn tay thay mo phù phép gì một mình. Mắt tôi đưa theo đôi

bàn tay chuyển qua chuyển lại trên than lửa. Không phải đôi bàn tay nhăn nheo da mõi ban nãy cho mượn đậm bông, mà là một đôi bàn tay trắng mềm, mọng như sáp màu hồng lợt, ngón tay như đốt măng trúc mùa xuân. Tôi nhìn kỹ vào quầng lửa bếp khách giữa nhà, nhìn kỹ một lúc nữa rồi mới thấy thêm một khuôn mặt con gái. Tôi không nghiện thuốc lào, nhưng lúc này dậy cầm thanh đóm sáng, ngồi rít một mõi thuốc bên bếp mà chả hay lầm sao! Nhưng cả ngày hôm nay, anh Khùm vất và vì con ngựa không quen thồ, phải chằng buộc đồ đạc nhiều lần. Con ngựa lại rất thính hơi. Minh không trông thấy ngựa cái đâu mà nó đã giật thừng mà té sang cánh rừng bên cạnh, lao phi cả vào nương vào ruộng nhân dân mà đi tìm con cái. Cá ngày đường, Khùm nhiều lần phải đuổi bắt ngựa. Anh đang ngủ ngon giấc. Tôi mà nhổm dậy tung chǎn ra, nhất định anh Khùm phải động giấc. Dậy hút thuốc lào và xem đôi bàn tay búp măng của nữ thần giữ lửa kia cũng hay, nhưng nhìn anh Khùm ngủ ngon mình cũng thích. Tôi cũng ngủ đi lúc nào không biết. Giấc ngủ nguyên vẹn không có mộng mị bàn tay bàn chân gì cả. Chỉ thấy có gân sáng, mơ mơ nghe thấy một tiếng súng lé bên rừng.

Sớm dậy, sửa soạn đầy đủ cà, rồi chỉ cần chào và cảm ơn cụ chủ nhà là đi thôi. Cả nhà vắng vẻ, không một tiếng động. Nếu không có đồng lửa đang cháy đỏ

giữa nhà, thì dễ nghĩ vẫn vơ đến không khi truyện Liêu Trai đọc ngày bé. Chờ mãi vẫn chẳng thấy bóng ai. Cả nhà đi rừng từ sớm lắm. Thôi, bây giờ phải đi thôi, để lượt về sẽ ghé vào xin lỗi và cảm ơn vậy. Dưới sàn con ngựa đóng xong thồ từ lâu, cứ lộp cộp gõ mãi móng phì phì như người ngạt mũi. Nó cũng vội đi đây. Anh Khùm một tay cầm thừng ngựa, một tay đốc ngược báng súng trường lên vai. Tôi xách cái đèn bão đi sau. Hôm qua buộc đèn lên lưng ngựa, nó lồng lên tìm con cái, tí nữa vỡ mất bóng.

Ngày đi rừng thứ hai cũng bình thường như mọi ngày đi rừng Tây Bắc không gặp núi lờ cây đổ đất sụt, không gặp trán gió hổ xám báo gầm, hoặc biệt kích thồ phỉ bị quân dân sục sạo. Ngày thứ hai của chặng đi rừng nhiều suối hơn ngày thứ nhất. Và cũng như hôm qua, có nhiều thứ cây to cây bé mình không biết được hết tên gọi. Hỏi anh liên lạc Khùm, anh cũng không biết tên nhiều thứ cây bên lối mòn. Tên cây bằng tiếng Kinh không biết, tên bằng tiếng Thái cũng không biết. Hỏi gắng, Lò Văn Khùm trả lời rằng đó là "cây rừng" và lảng sang việc khác. Thôi, cũng đành lòng mà gọi bằng cái tên chung chung là cây rừng, cũng như người ta vẫn nói đến chim trời hoặc cá biển, nghĩa là có nhiều thứ lầm, tiếng nói của con người chưa sáng tạo kịp danh từ riêng cho từng loại. Ô, một người Tày như anh Khùm mà cũng chịu bất lực khôn

hó được tên được họ cho những thứ cây lá và đẹp và phức tạp dị kỳ như thế kia, thì cũng thật là một điều đáng tiếc vậy.

Tôi vẫn nhớ rằng Lò Văn Khùm là một người nắm nhiều bí mật của rừng Tây Bắc, là một người thuộc lâu nhiều quy luật cuộc sống rừng núi trên khu vực rộng lớn đây kẹt giữa hai con sông vợ chồng là Sông Đà và Sông Hồng này. Trước hôm chia tay Lâm Thanh có nói qua cho tôi biết về cái tài của anh Khùm: "Lần đi công tác đó, phải đi cả ngày và cả đêm. Nửa đêm đến chỗ rẽ. Rẽ lâu rồi thấy ngợ ngợ như là đi trật đường. Tôi khẽ nhắc Khùm. Khùm bảo tôi cứ đứng im đó, để Khùm lén lại một quãng xem xem có phải đường không. Đêm tối như bưng lấy mắt, người nọ xòe bàn tay dí sát mặt người kia cũng không thấy gì. Một lúc Khùm quay lại chỗ tôi rồi lại vượt lên phía trước. Tôi cứ bình tâm đứng chờ, tay vẫn áp vào bao súng. Khùm đã quay trở lại, vui cười bảo là đi đúng đường chứ không lạc đâu. Khùm cam đoan là Khùm đã rờ vào đủ những gốc cây quãng dưới quãng trên rồi, đúng đường đây. Nếu đi đêm mà lạc quãng nào, Khùm rờ vào các gốc ở rẽ lối đi là Khùm biết ngay. Böyle giờ phân tích ra thì cũng khó nói nhưng tôi vẫn tin ở cái bản năng đi rừng đêm không bao giờ sai lầm của Khùm. Cái khoa này giá mà truyền cho nhiều người khác cũng hay. Không biết có được không, hay

là lại như cái mòn thơ áy, anh có học làm thơ mãi cho đến tắt thở buông tay mà cũng chỉ là một anh thơ vân chuyền ăn bớt dấu chấm câu. Tôi bố trí để Khùm đi với anh, cũng có nghĩ đến việc anh tìm hiểu rừng và hỏi chuyện Khùm. Đi đường rừng có hai người mà lại không chịu chuyện nhau thì cũng chóng mệt". Đấy, anh Khùm giỏi như thế mà cũng đến chịu không thể gọi tên cây đây, nhìn nhiều gốc cây ngọn cây, anh đều lắc đầu cười gượng.

Khùm không biết hết tên cây, nhưng biết diễn tả tết nhị về phong tục tính tình người miền núi. Hình ảnh Khùm dùng để nói đã sắc nét mà lại hồn nhiên như lấy ra từ một thế giới kim đồng. Vừa đi vừa chuyện, lúc tôi tụt lại sau, lúc tôi vượt lên trước. Đến một quãng rừng thoáng ánh sáng, cỏ tươi xanh kéo dài như một tấm thảm rộng hàng mẫu. Khùm tháo thô cho ngựa vừa đỡ mỏi lưng vừa gặm cỏ đồi. Khùm lấy dao rừng khoét ống giang làm cái điếu. Anh gõ gõ sống dao vào cái điếu mới, nhìn tôi một cách dí dỏm: "Nè, noọng Kim hát đã hay múa lai khéo lắm". Tôi hỏi noọng Kim nào thì Khùm cười hề hề: "Con gái ông cụ chủ nhà đêm qua mình ngủ lại đấy. Nhưng có người xin đến ở gửi rể năm năm rồi". Tôi cũng vớ cái điếu mới hút một điếu ở bên cửa rừng. Ủ, đêm qua già tôi dẫn lên tí nữa thi cũng đã hút xong một điếu thuốc láo rất say rát đượm ở ngay cái bếp nhà cò Kim. Thời

để hôm về, thế nào chả gấp và ghi chép được ít câu hát. Khùm đã đứng dậy, đi vòng một gốc cây to bảy giờ tôi mới chú ý đến. Khùm chém chém con dao rừng vào vỏ, tước ít vỏ, tìm được một cái hốc ở cạnh khóm rễ nổi lên mặt đất. Khùm bảo: “Cây này lúc cần, có thể dùng làm trạm liên lạc đây. Dùng làm liên lạc bí mật được dây”. Tôi ngắm cái cây bưu điện giờ sinh đó và hỏi lại Khùm: “Và lúe hòa bình, dùng cái cây này làm hòm thư riêng của người con gái và người con trai hẹn tìm nhau cũng được chứ?”. Khùm cười đắc ý, lấy ra từ lòng gốc cây một cánh hoa rừng và một nấm lá, rồi dōng dạc: “Đây, thư họ gửi nhau đây. Chắc của anh chị nào ở cái bản ban này ta đi qua định vào mua bưởi. Dùng là của anh chị nào nhẫn nhau gì đây. Họ lấy hoa lấy lá ra mà nói lóng với nhau, chả có đoán được đâu”.

Buổi tối hôm thứ hai không có gì xảy ra bên bếp lửa cháy suông cả đêm. Ngày hôm sau, vẫn đủ sức để đi tiếp nhưng tôi bảo Khùm là nghỉ lại bên con suối đó một ngày. Để tôi tìm một người. Một người biết đến hai ba bài hát *Hái rêu mùa xuân*. Địa chỉ này là do chị phụ nữ châu cho tôi biết và dặn tôi luôn tiện ghi chép thêm cho chị ấy với. Riêng một ngày nghỉ lại bản, sổ tay tôi bót đi hàng chục trang tập tráng. Tôi ngồi bên suối trong, ghi sổ tay như người làm nhạc ngồi ký âm hơi nhịp nước suối thả lá vàng. Nắng

hanh ròn ám soi rõ từng hòn cuội nuột đi vì vết chân người lội dòng. Suối nắng. Nó gợi đến cách đặt tên cho một bài từ mà mỗi viên cuội lấp lánh dây nước là một thanh thơ vừa trăng lại vừa tròn.

Ngày cuối cùng là chặng đường đi tới địa điểm. Chặng này nhiều hoa rừng dại. Mắt không trông thấy hoa nhưng mũi thì luôn luôn bắt được luồng hoa, nhất là quang quá trưa. Rồi băng đi hàng chục cây số rừng không đánh hơi thấy gì. Minh tưởng như chúa rừng vừa ra lệnh buộc tất thảy hương phấn quang này phải rút vào bí mật, để rồi một lúc nào đó sẽ đột kích lại vào người bộ hành. Chiều xế xế, Khùm và con ngựa đi trước, rút nhanh bước đều đều. Tôi sải bước dài hơn cái bóng tôi hắt về phía trước. Đi rừng, đến hay nghĩ đến cái này cái nọ, chuyện này chuyện khác!

Chân càng dồn nhanh đầu càng bời bời ánh cũ, tôi nghỉ đến một cây đa chúa Lèo giữa rừng căn cứ Hoàng Hoa Thám, tôi nghỉ đến một cây đa Tân Trào một mái đình Hồng Thái giữa rừng kháng chiến Việt Bắc. Nghỉ đến những gốc cây di tích lịch sử, những cây lịch sử phái xếp loại như những lâu đài bảo tồn bảo tàng. Thường người ta hay dùng hai chữ sứ xanh, dân tích ở ngày xưa chép sứ vào cát tre tươi. Nhưng "Sứ xanh" giáng là những chặng lịch sử ghi bằng cây cổ thụ xanh um lá, cũng có thể lọn nghĩa lâm chứ sao.

Sử sách nước ta in tên vĩ nhân anh hùng vào biển phô
xanh thành thị, vào địa bạ làng xã, in cả lên sông
nước núi rừng. Động Cụ Hồ, rừng Cả Trọng, rừng
Hàm Nghi, rừng Phan Đình Phùng, rừng Đề Thám...

Thế rồi lại có những địa danh khác mỗi lần tường
đến là một lần nhớ lại cung đàn nguyệt của hơi hát
chau văn. Thác Ông Thác Bà, chợ Ngà chợ Ngọc. Xa
xôi, ngan ngát, lẵn tẵn lá reo gió thảm. Áy chinh lúc
đó là chân tôi vấp vào một cái cọc nhọn. Một gốc cây
con gầy mục ở giữa lối mòn. Bàn chân dại điếng hấn
đì, tôi tập tành mắt một quãng. Cùng một lúc đó, mùi
tôi đánh hơi bắt ngay vào một mùi thơm. Hương thơm
sắc lèn như đánh bõp một cái, đâu đây một dược sĩ
nào vừa đánh rơi chai nước hoa cốt mới chế ra. Nó sắc
ngát một cách thật là loáng nhanh. Dị hương, lặn đi
mau le như tiếng động siêu âm. Nó là một luồng hoa
bay, vụt tắt ngang lối rừng giông giồng cái ánh chớp
trên nguồn. Tôi cố bắt theo tàn dư luồng thơm để lại
trong khinh khôn một buổi chiều đang nhạt nắng.
Như có người bồi nước hoa đắt giá thoát rẽ mát vào
rừng sâu. Như có người trêu mình, mà nhìn quanh ra
thì không có vết chân nào, chỉ toàn là rêu rừng và ánh
hoàng hôn. Tôi có cái tật đi rừng chở thay mùi thơm
chỗ quăng vắng là hay tròn trọn. Tròn trọn như là

vẫn còn chưa mất hết những cái sợ truyền kiếp của tổ tông rót lại. Tôi rảo bước cho kịp anh Khùm đang sang vai cho khẩu súng.

Rừng chiều mù tung lênh những bụi vàng khè. Con ngựa quét móng qua một khoảng rộng ùn lên những đồng mạt cưa. Vẫn đều đều cái tiếng xè xè hiệp thơ xè đưa từ vùng xuôi Sơn Tây lên, mỗi người mang theo một gánh: chàng, đực, quả dơi, dây mực, giũa, cưa. Họ đang cheo chân trên những súc gỗ còn hăng mùi nhựa cây vừa mới bóc bìa. Anh Khùm reo lên: "Châu uỷ và uỷ ban xây cơ quan mới rồi!". Đêm châu uỷ đó, tôi ngủ cạnh những người bạn mới quen. May anh chị thanh niên đoàn địa chất. Một sĩ quan chuyển ngành lên đây nghiên cứu lại tuyến đường mòn đường nối ra phía hữu ngạn sông Hồng. Và một anh cán bộ tiền trạm đứng tuổi của đoàn khảo sát Trung ương về đây chuẩn bị cho đoàn lên nghiên cứu mọi mặt trữ lượng kinh tế của địa phương. Đêm qua châu uỷ không đốt lửa như nhà sàn, nhưng sao ám quá. Chả bù với quang rừng chiều ngát nước hoa lành lạnh ban này. Nhà ám hơi người mà lại hóa ra khó ngủ. Cà đêm thao thức. Nên nhập và đoàn địa chất? Nên nhập vào đoàn khảo sát Trung ương hay là nên bám sát anh bộ đội mở đường rừng? Hình như sớm ngày kia

là họ đều rời hết khỏi nơi đây và đi xa hơn nữa, có người đi sâu vào nữa, hàng mấy ngày ngựa. Lò Văn Khùm trả giác hỏi tôi: "Anh chưa ngủ tí nào à? Ngày kia ta quay về được chứ?".

*

* * *

Tôi tạm kể hết mẩu chuyện rừng thứ hai. Cá hai chuyện kể tôi chưa lường được khả năng gợi cảm của nó đối với anh. Anh tạm coi nó như hai chiếc lá rừng xa tôi nhặt về góp vào rừng vẫn đang cần nhiều bộ lá. Hai cái lá nhặt ở hai cánh rừng khác nhau, anh cho nó vào cuốn sách mà ép lại. Như kiểu ngày nhỏ còn đi học, gấp ngày chù nhặt được về chơi vùng quê, hay ép lá lưu niệm bỏ kín vào vở vào sách ấy. Nay, có nhiều người đầu đã trắng trắng rồi, mà nay sách nhỏ mỗi lần mở lại vẫn giữ vẹn cái lá học trò xanh xanh tơ thuở mới hái!

1964

ĐIỆN CAO THẾ NGUYỄN VĂN TRỐI CHÁY SÁNG MỘT VÒNG TRÁI ĐẤT

(Gửi nhà văn Anh Đức Cà Mau)

Cùng trong một ngày, báo *Nhân dân* và báo *Tiền phong* ngoài này tái đăng cùng một tấm ảnh anh Trỗi đứng giữa pháp trường của Mỹ - Khánh tại lao Chí Hòa Sài Gòn. Đây cũng là tấm ảnh thật là hân hữu trong các loạt ảnh ghi chụp về những nét của người chết. Liền sau cái tiếng bấm tách khô gọn của ống ảnh phóng viên ấy, chỉ sau tiếng tách đó một vài phút là tiếp đến mười tiếng đồng đồng súng trường đao phủ Mỹ - Khánh, nhưng lạ quá anh Anh Đức à! Hình như anh Trỗi của chúng ta không hề mảy may bận tâm về sự việc thế tất sắp xảy ra. Đứng giữa tấm ảnh, anh Trỗi không thèm biết đến ống ảnh bấm tách vào mình, không thèm biết đến các mũi súng kè thù chỉ trong giây lát sê nổ chui tất cả vào ngực mình. Mà tất cả sinh khí ở người anh chỉ dồn vào những câu nói,

chỉ tiếp tục một câu nói cuối cùng mà đạn thù, trong khoảnh khắc, sẽ cắt ngang vào. Sự điềm tĩnh trước cái chết, đến ngay cả phóng viên báo tư sản Tây phương đứng đây cũng không giấu nổi những lời khâm phục (AFP nói trong bản tin rằng “Nguyễn Văn Trỗi chết rất anh hùng”). Trong cái tâm ảnh không bình thường có máu sấp chày đến nơi tại góc pháp trường, anh Trỗi thật là tự nhiên, cái tự nhiên của một người thật là thần nhiên đối với cái chết. Thần chết, kẻ tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ cùng là bọn quân phiệt Khánh và công ty nó. Thần chết mà nhìn vào tấm ảnh anh Trỗi, nhất định sẽ không dám tiếp nhận lấy tính mạng người trong ảnh. Anh Anh Đức ơi, anh cứ xem kỹ lại tấm ảnh mà xem. Tôi cứ tưởng đâu như anh Trỗi đã chủ động triệu tập một đám nhà báo cả Tây lẫn ta đến tại vườn rau đê lao Chí Hòa để nghe anh tuyên bố vẫn tắt về bọn giết người Hoa Kỳ. Anh Trỗi không thèm nhớ đến cả cái việc nó sắp bắn chết mình đang bị nó trói giật cánh khuỷu vào cột tử hình. Kẻ thù đinh ninh lấy cái chết này để nạt dọa những người có lòng với cách mạng miền Nam, nhưng chính chúng nó mới là những kẻ bị chết vì diêng vì sự điềm tĩnh của chiến sĩ bất khuất Nguyễn Văn Trỗi. Chúng nó đã giây chết trước tình hình miền Nam ngày càng bừng bừng khi thế võ trang của cách mạng tiến tới,

giờ nó còn lại chết mòn thêm bởi sự khinh bỉ của chính cái người mà chúng định nhục hình.

Tư thế anh Trỗi trong ảnh, là cái tư thế của một tấm thân đang đứng lên trên cả một thứ bắn giết sắp lao vào mình từ phía pháp trường kẻ thù. Anh Trỗi hai tay muốn vung cao lên nữa, và lồng ngực anh đang đẩy lùi đi các thứ bóng tối vây quanh mình. Bàn tay anh, cánh tay anh, cổ anh, miệng anh, trán anh, mắt anh, cả khuôn mặt răn rỗi sáng đẹp của anh, tất cả thân thể anh như là minh họa cho danh từ dynamisme mà tôi mới tạm dịch là hùng lực. Chao ôi, tôi mà biết tạc tượng, thì lần này tôi phải chép lấy cái tư thế này để làm mẫu cho cái khí thế chiến đấu tới phút cuối cùng sẽ truyền cho bằng được vào gỗ vào đá vào đồng của một pho tượng anh hùng. Chao ôi, tôi mà biết hội họa biết đồ họa, anh Anh Đức ạ, thì tôi sẽ xin phép mà cách điệu hóa cho bằng được cái Cảnh anh Trỗi rất tao hình rất truyền cảm cho đời đời sau này. Và phía sau anh, tôi xin phép cho quăng đi, không vẽ vào cái cọc tử hình, mà xin thay vào đây một nét cột điện bê tông cốt sắt rất khỏe rất vuơn chồi lên. Tôi cho là chính bóng tối phản động Mỹ - Khánh đã bắn vào những trụ cột của ánh sáng khoa học cách mạng đó, anh Anh Đức ạ.

Anh Trỗi nói xong, hò xong, sau khi gạt đi các thứ nhà sú, và cõi đạo không cần thiết, thì cũng gạt luôn

cả tấm băng đen phủ mặt: "Không cần! Hãy để cho tôi nhìn lần cuối cùng mảnh đất thân yêu của tôi". Dao phủ cứ băng mắt anh lại, thì anh đã bứt luôn, giật luôn cái băng phủ mặt. Thật là một động tác rất đúng với phẩm chất một con người thợ điện chì quen với ánh sáng chứ không thể chịu được sự áp bức của bóng tối đè chặt lấy hai con mắt mình. Anh Trỗi giật phắt đi tấm băng đen công thức của dao phủ, và trong mắt anh đã đứng lại, bỗng thấy đảo ngược một chục mũi súng gian tà đang chình lại đường ngầm. Mắt anh Trỗi chì chịu nhăm lại sau tiếng nổ của bản án phát xít Mỹ - Khánh. Mắt anh Trỗi nhăm dần mi, và dưới đôi mi anh, là cái ánh sáng một buổi mai loé lửa. Dưới đôi mi anh Trỗi, khói nào mà chả có cả cái hình ảnh tưởng tượng về những người du kích Caracát tận nửa bên kia trái đất Vénézuêla suốt gần một tuần, đã khăng khít với anh trong mối thù chống Mỹ.

* * *

Vénézuêla hùng vĩ, và giàu đẹp thật đó, anh Anh Đức ạ. Tôi không nói được tiếng Tây Ban Nha là thứ tiếng thông dụng tại Vénézuêla, nhưng khi nào thời cục nhiều triển vọng của ta cho phép chúng ta có dịp gặp nhau thì, trong một dịp nhậu nào đó, tôi có thể

kể rất nhiều với anh về vùng châu thổ nước Vénézuêla, về dòng sông Orênoç chảy dài trên đất anh du kích Vénézuêla. Nhất là về bài hát về điệu ru hò của những người nông dân Vénézuêla sống trên sinh lầy sông Orênoç, những giọng hát câu hát phong phú về lăng mạn xưa, và bây giờ thì càng đượm nhiều lăng mạn cách mạng. Sông Cửu Long chúng ta dài 4200 ngàn thước tỏa ra chín cánh tay thì sông Orênoç xứ bạn cũng dài 2400 cây số và tỏa ra sáu cánh tay mà ôm giữ lại bột đất Tổ quốc Vénézuêla. Cùng chảy ra biển Đông đại dương, Cửu Long và Orênoç đều hướng ra phía mặt trời mọc. Ngày nay người du kích của rừng lầy Orênoç và người lính Giải phóng vùng châu thổ Cửu Long đều cùng tắm trong ánh sáng bất diệt của mặt trời cách mạng, và cùng chung hát bài ca của chiến thắng vì những ngày mai nhiều nắng. Xứ bạn cách xứ ta đúng một nửa quả đất. Mặt trời mọc lên ở bờ biển ta, và khi mà ta không thấy nó nữa, khi mà đèn đường Hà Nội và Sài Gòn bật điện lên, thì mặt trời lại mọc lên ở trên sáu cánh tay sông Orênoç và trên các nóc nhà chọc trời của thủ đô Caracát. Người ta thường nói rằng mặt trời không bao giờ chịu tắt trên những mảnh đất có cách mạng. Từ bán cầu Việt Nam bên này đến bán cầu Vénézuêla bên kia, vũng dương đều nhòm thẳng vào miệng cửa sông mà hồng lên, và mặt trời từ đây sang đó không bao giờ lặn, va

trong cuộc chạy đua giải phóng của các dân tộc, mặt trời nháp nhô như là một đuốc sáng luân lưu hàng ngày trên các đỉnh sóng trên các triền núi khắp Á - Phi - La. Đã chung với nhau một thứ mặt trời ấy, Vénézuêla còn chung với chúng ta một mảnh “trăng thê” nữa. Chắc anh và anh em văn nghệ giải phóng trong vùng ta vẫn còn nhớ bài *Trăng du kích* của nhà thơ cộng sản Vénézuêla là Eduácdôgan Légoût sang thăm Hà Nội hôm quốc khánh 2-9 vừa rồi: “Và hễ khi nào trăng tròn tới phía bên kia trái đất, thì trăng hãy tìm đến những người đang ở Việt Nam cầm súng phá xiêng(...). Và trăng hãy đem lại cho người bạn này và bên kia trái đất cái mối tơ lòng của trăng tròn (...). Anh Anh Đức ạ, màu xanh của ruộng của vườn của rừng Vénézuêla cũng cứ như là cây cỏ nhiệt đới chúng ta mà rờn rờn lên một cái màu bất tận chân mây như thế. Cũng tàu cọ, gốc kê như ta. Cũng xoài, muỗm, chuối, dừa như ta. Và nước cốt dừa Vénézuêla cũng là cái gia vị căn bản cho nhiều món ăn ngọt mặn, nhất là những thứ bánh lát ngay xác dừa mà ngào với bột.

Nhưng nói đến sự giàu có ngon tươi của bạn Vénézuêla, không phải chỉ nói đến thứ của nỗi mà chính là phải nói đến mọi thứ của chìm, nó đang nằm trong lòng rốn của đất nước Vénézuêla. Như là mỏ than. Như là mỏ kim cương, mỏ vàng. Các via uya-ra-ni-um làm nguyên tử Sắt, trữ lượng có tới 700

triệu tấn. Và nhất là dầu hỏa. Vénézuéla là nước thứ ba về mặt dầu hỏa, sau Liên Xô và Hoa Kỳ. Một nửa số dầu hỏa Mỹ Hoa Kỳ chính là bòn rút từ ruột đất nước Vénézuéla đó. Cái thảm kịch của Vénézuéla là có sắt mà không có quyền lọc lấy thép cho mình, có mỏ dầu mà không có quyền lọc lấy chất cháy chất sáng cho mình. Quyền ấy thuộc về tư bản đế quốc như Mỹ, Anh, Hà Lan. Mỹ đặt ở Vénézuéla hằng dầu Standard Oil, và Anh, Hà Lan thì đặt hằng dầu Shell. Ngoại thương, bảo hiểm và vận tải giao thông Vénézuéla đều do tư bản Mỹ, Anh kiểm soát xuyên qua tổ chức nhà băng ngân hàng. Ở châu Mỹ La Tinh, chưa có nước nào mà có vân quân sự Mỹ lại đông đến như ở Vénézuéla. Bọn có vân Huê Kỳ này trực tiếp chỉ huy quân đội chính phủ bù nhìn Vénézuéla và trực tiếp huấn luyện bọn này những kinh nghiệm phá chiến tranh du kích của cách mạng. Nó cũng đại để như ở miền Nam ta áy. Cố vân Mỹ, nhân danh cái quyền cường ép viện trợ vũ khí mà nắm luôn lấy không quân Vénézuéla, huấn luyện cho sĩ quan của chính phủ bù nhìn Lêoni đi ném bom các tiền đồn quân giải phóng, và các căn cứ du kích Vénézuéla đóng khắp núi rừng và làng ruộng có tới bảy khu mở rộng. Cái thằng trung tá phó trưởng đoàn viện trợ Mỹ Xít-mô-len mà du kích Vénézuéla bắt cóc để cảnh cáo Mỹ Lêoni khi Mỹ - Khánh sáp bắn anh Nguyễn Văn Trỗi đó, chính

tên Xịt-mô-len đó là một tên sĩ quan không quân đeo lon từ đại chiến thế giới lần thứ hai và là một tên đáng kể trong cái đám giòi nhặng cổ văn huân luyên Mỹ áy đang bám vào xương tuy Vénézuêla.

Tại thủ đô Caracát, nhà thi cung ngặt nghẽu chọc trời, nhưng những người công nhân Vénézuêla thì cũng ngặt ngưỡng mà thất nghiệp và nghẽu nghện đầy các khu phố. Họ kéo thành dòng thành mảng, kết tụ với những dòng những mảng sinh viên các trường đại học, và đọng lại trên những via hè phố Caracát càng ngày càng xén hẹp đi cho lưu lượng tunbin Mỹ phóng nhanh phóng nhiều hơn. Và ở các khu phố, ngách phố, quán này tiệm nợ thì cớm cộc cớm trùng và mạt thám đông như rươi. Người Vénézuêla chân chính dù thất nghiệp ở nông thôn kéo ra thành thị hoặc vốn sinh trưởng ở thành thị mà bị thất nghiệp lưu niêm, không ai chịu đi làm cái nghề hại đến âm đức và gia thanh áy (ra đâu cũng vậy, anh Anh Đức à) cho nên cuối cùng lại cũng chỉ có bọn lưu manh côn đồ là được tuyển vào cái hệ thống điệp của chính phủ bù nhìn Lêoni càng ngày càng ra mặt chống Cộng để tảng công với đế quốc Hoa Kỳ. Đường phố thủ đô Caracát không mấy khi là không có tiếng nổ của tiểu liên và súng lục. Ác ôn điệp điệp ngồi từ trong quầy hàng rượu mà bắn thẳng ra lòng phố. Đôi lúc bắn trúng vào chiến sĩ của ta, hoặc là một du kích hoạt

động địch hậu khu phố, hoặc là một anh sinh viên liên lạc của ta bị lộ. Nhưng thường là người bọn ác lại nhè bắn đúng vào bọn ác, vì chính bọn này cũng tranh nhau buôn lậu, tống tiền và đoạt gái điếm lẫn của nhau. Luôn luôn nổ ra những phát đạn giữa bọn cảnh sát tư pháp, phòng nồi sen đâm, đội xếp quân đội, quốc vẹt, mā tà thị chính, và lính kín của Tổng giám mục an ninh. Dưới danh nghĩa là “săn lùng cộng sản”, chúng đì đòm và hoành hành khắp đường phố Caracát. Rồi bắt cóc tra tấn làm tiền. Lại đe thêm ra một thứ mật vụ nữa của tư sản. Mỗi tên tư sản mại bản Vénézuéla lại tổ chức riêng một số bảo vệ để chống lại bọn mật thám chính thống kia. Thậm chí trong bọn bù nhìn, đã có kẻ thấy nó nhưng nhiều nát bét quá cho cái thể diện tay sai, đã bàn với Lêoni là thủ tiêu cái mục “săn lùng cộng sản” thì sẽ tắt được những tiếng súng quá đe tiện trảng tráo quá đỗi kia.

Caracát, dân số thủ đô mỗi năm tăng lên 10 vạn đầu người. Nhưng nhà tù Vénézuéla mỗi năm cũng tăng thêm tù chính trị, dưới sự thôi thúc của đế quốc Hoa Kỳ buộc bù nhìn Lêoni ra tay đàn áp. Con số những nhà ái quốc Vénézuéla bị giết gần đây lên tới 5000 có lẻ. Đi tù và đi cang, con số lên tới 10 ngàn. Bình đoàn tù chính trị này gồm một số những nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Vénézuéla, gồm những nhà lãnh đạo của “Tá đục cách mạng”, những chiến sĩ

nghiệp đoàn, những trăm ngàn công nhân nông dân đang chịu nhục hình tra tấn khắp các đê lao. Những giáo sư đại học, những sinh viên các học viện bị tù cũng nhanh hanh. (Cũng nên biết rằng phong trào đấu tranh của giới sinh viên lên rất mạnh, khu học xá được coi như là một trong nhiều pháo đài của cuộc chiến đấu vì dân chủ). Tại trường Đại học Trung ương Caracát, sinh viên đã căng khẩu hiệu viết chữ to “Đây là khu tự do trên đất Mỹ”. Trong nhà tù, còn có 15 nghị sĩ không chịu làm nghị gật, và còn có vô khôi là đại úy thuỷ quân và đại tá lục quân. Nhà ngực Tacarida liên tiếp những vụ tuyệt thực chính trị.

Bù nhìn của Hoa Kỳ càng ra tay cầm ngòn luận của báo chí cầm họp hành của nghiệp đoàn, thì nhịp độ bão công và biểu tình càng tăng. Caracát cũng là một thủ đô Mỹ La tinh chiếm kỷ lục về thiết quân luật và giới nghiêm. Rồi tàu bay Hoa Kỳ viện trợ, thì bù nhìn luôn luôn cho bay đến các vùng núi vùng bãi sông để triệt hạ các làng mà chúng nghi có phong trào, tàn bạo tráng trọn gấp trăm nghìn lần tội ác của Thông sứ Bắc Kỳ Rô Banh triệt hạ làng Cổ Am năm 1930. Thời gian càng qua trên tiền tiêu sơn hệ Angđơ và trên đồng Orêñoc, càng ủng hộ Mặt trận giải phóng Vénézuêla ngày càng thu hút những người yêu nước và chống Mỹ. Và Mặt trận giải phóng Vénézuêla đã vạch tội chính phủ Leoni tay sai Hoa Kỳ : “Trước sự

phẫn nộ của nhân dân tạo nên do bần cùng hóa do nạn đói nạn thất nghiệp, chính phủ bù nhìn chỉ có mỗi một cách trả lời bằng tù đầy, bằng các cuộc ném bom và triệt hạ dã man, bằng đàn áp qui mô và hành thích tàn bạo khiến cho nhân quần thấy đều kinh tợm. Suốt trong lịch sử dồn dập của nhân dân ta, chưa bao giờ lại diễn ra một cục diện như vậy. Sự đau hàng đế quốc Mỹ đã biến chính phủ này thành ra kẻ thù chính của tất cả những gì mang danh là văn hóa, là tiến bộ, là dân chủ, tự do". Cuộc đấu tranh của nhân dân Vénézuêla đi từ kinh tế đến chính trị. Rồi đấu tranh chính trị lại song song với đấu tranh vũ trang. Du kích thành những đơn vị, và có đơn vị mang tên vị anh hùng dân tộc Bôliva. Chiến tranh du kích mở đầu bằng cuộc tiến công vào thị trấn Humocarôantô và cuộc tấn công đầu tiên ấy đã hoàn toàn thắng lợi. Rừng núi và xóm làng Vénézuêla nay đều có người cầm súng nói chung, và du kích đã mở rộng được 7 khu vực căn cứ địa. Khí thế cách mạng ở nông thôn lên rất cao, và cách mạng Vénézuêla ngày càng đẩy mạnh hoạt động vũ trang tại các đô thị kể cả thủ đô Caracát. Việc bắt và giam thằng trung tá phi công phó đoàn viện trợ Hoa Kỳ ngày 9-10 vừa qua đó, cũng là một mặt hoạt động vũ trang của anh em du kích địch hậu thủ đô Vénézuêla. Chiến tranh du kích tại thành phố của cách mạng Vénézuêla có

những kinh nghiệm thật là phong phú và, anh Anh Đức à, bóng dáng và chân dung họ có một cái gì nó gợi gợi lại cái hiên ngang hào hór của người hiệp sĩ một thời mà thương anh hùng. Phong cảnh Vénézuéla đẹp lắm, đậm đà lắm, anh à! Màu xanh Vénézuéla như có một cấu tạo diệp lục nó kích thích sự yêu sống hơn bất cứ nơi nào của vành đai nhiệt đới. Ở đây hay còn xanh cái màu xanh nguyên thuỷ của những ký nguyên vừa sáng thế. Trên cái xanh rắn chắc ấy, hoa đãi đòi thì đỏ chói như những giọt huyết tươi. Nay, bên đó, rất nhiều bông điệp rất nhiều phượng đỏ như bên ta ấy, anh Anh Đức à! Có mấy chi tiết này tưởng cũng nên nói ra để anh thấy rằng trong sự sống trên hành tinh quả đất nò có những cái gấp nhau rất là ngẫu nhiên và có những ngẫu hứng nó cũng gọi cảm cho ta rất nhiều. Minh với Vénézuéla thành ra là cùng một chữ V cùng một họ mẫu tự. Caracát và Sài Gòn lại cũng nằm trên một vĩ tuyến, bên già 10 rưỡi, bên non 11 giờ đó.

Tôi chưa tới Caracát, tôi không biết gì về Caracát, nhưng hình như từ nay trở đi, không bao giờ tôi quên được cái ngày chủ nhật mùa thu nhiệt đới ở giữa thủ đô Vénézuéla ấy. Việc xảy ra cách bức với tôi hàng nửa trái đất về mặt không gian, nhưng tôi đã “sống” cái ngày chủ nhật Vénézuéla đó như chính mình đã có mặt tại đây đúng giữa lúc ấy: Caracát, ngày chủ

nhật 11 tháng 10 vừa qua. Nó là một ngày đáng ghi nhớ của du kích thế giới, của du kích Caracát, của du kích địch hậu Sài Gòn, của du kích liên đoàn chiến tranh từ bán cầu Đông cho thâu bán cầu Tây. Nó là một ngày điên đầu nổ ruột của trùm đế quốc và của bù nhìn Mỹ Lêôni cũng như bù nhìn Mỹ - Khánh. Có lẽ trong lịch sử chiến tranh du kích, chưa có lần nào có sự phối hợp nào nhạy bén và lý thú như vậy, chưa có lần nào mà niềm vui du kích lại tỏa rộng và đi xa đến như vậy. Tòa án Sài Gòn bù nhìn vừa tuyên bố Nguyễn Văn Trỗi từ hình thì lập tức du kích Caracát cộp luôn thằng quan năm Mỹ vào sớm ngày thứ sáu (9-10) và bắn tin cho bọn Mỹ quan thầy tổng thống bù nhìn Lêôni là nếu phía bên kia trái đất, bọn Mỹ ra lệnh cho thằng Khánh bắn anh Trỗi thì ở bên đó, họ cũng sẽ bắn cái thằng phi công phó đoàn Xít-mô-len bị cầm tù đó. Mỹ nhào đầu, điện lia lịa cho Sài Gòn, điện đi từ Hoa Thịnh Đốn, điện phát đi từ Caracát. Thằng quan năm phó đoàn Mỹ vốn có nhà tại khu Đông Caracát, ở với vợ và 4 con. Đế quốc Mỹ nhồn nháo, nhưng vẫn không quên dịp khai thác mụ vợ Xít-mô-len và chúng đã xui Marian (vợ Xít-mô-len) ờn èn lên tiếng qua đài báo chí Mỹ: "Tôi mong chồng tôi không bị hại, vì bị bắt vào lúc không mang vũ khí". Và Mỹ ở Sài Gòn, qua hãng UPI Sài Gòn đã tung sướng mà loan tin vào đúng ngày chủ nhật đó: "Nhà đương cục Nam Việt nam đã hoãn lại vô thời hạn việc

hành hình Nguyễn Văn Trỗi để bảo vệ tính mệnh cho sĩ quan không quân Mỹ bị bắt làm con tin ở Nam Mỹ". Hằng Anh, Roito cũng tin đi rằng "đây là vấn đề cứu lấy tính mạng một sĩ quan Mỹ". Bộ trưởng ngoại giao bù nhìn Phan Huy Quát còn phát triển: "Việc cứu Xít-mô-len là một vấn đề nhân đạo"! Ngày chủ nhật 11-10 ấy, Caracát rùng rùng rộ rộ như là có cuộc động đất. Hằng UPI ngày 11-10 đưa tin: "Tổng thống Lêoni giữa hôm chủ nhật cũng đích thân đi giám sát cuộc truy lùng những du kích đã bắt Xít-mô-len". Cuộc tổng lùng này sử dụng tới 1 vạn cảnh sát và đủ các loại mật thám cả kín lẫn hở. Trên các đường phố, như có nội chiến. Chính quyền bù nhìn dựng lên đủ các thứ chướng ngại vật, chia khu phố thủ đô ra thành từng ô con mà càn sục. Sân bay, bến tàu biển đều giăng thêm lưới vây. Các mối đường từ lòng thủ đô tỏa đi các vùng núi tiền tiêu dây Angđơ đều bị vit lại. Ảnh quan năm Xít-mô-len in ra hàng vạn, và tán phát đi khắp nơi, nhất là tung vào các đồn quân cảnh binh nội địa và biên giới. Ngày chủ nhật Mỹ La tinh ấy, anh du kích Vénézuêla vẫn chủ động giữa địch hậu Caracát và tình táo mà nhìn một vạn con chó săn của Mỹ Lêoni ảng ảng đánh hơi quanh mình. Chủ nhật của du kích Vénézuêla quay rối Mỹ ấy, là tuần trăng thượng huyền mùng 6 tháng 9 của lịch mặt trăng. Buổi chiều một chủ nhật đại náo Caracát ấy, trăng non ngoại thành uốn hai sừng bạc nhọn hoắt trên đầu

ruồi súng du kích của bảy căn cứ vũ trang khắp nước Vénézuêla.

*

* * *

Chỉ có cái bọn Mỹ - Khánh và bè lũ tay sai thì mới yên trí là Nguyễn Văn Trỗi đã chết, yên trí rằng chúng đã giết đến đâu thì phải chết tới đó, không thể nào có được cách khác.

Từ sau hôm “phản đối người Mỹ can thiệp ở Việt Nam” và cuối cùng hô “Hồ Chí Minh muôn năm” tới ba lần, anh Trỗi nay đang sống giữa những lực lượng sản xuất của toàn miền Bắc. Anh đang hóa thân vào tất cả mọi người Việt Nam chân chính. Khắp nơi trên miền Bắc, nhà máy, xí nghiệp, nhà trường, hợp tác xã, đơn vị quân đội, đâu đâu cũng sôi nổi đón anh như anh chiến sĩ về phổ biến kinh nghiệm đấu tranh. Nhanh tay hơn hết, là anh em công nhân Nhà máy điện Hà Nội đã tổ chức ngay buổi lễ long trọng kết nạp anh là người công nhân danh dự của cả một nhà máy chế tạo ra nhiệt điện cho Hà Nội thắp sáng đèn và chạy máy hằng ngày. Tên anh trở thành một khẩu hiệu tập hợp tất cả mọi người Việt Nam yêu nước thù Mỹ đẩy mạnh sản xuất để trả thù để diệt thù. Họ làm thêm những giờ Nguyễn Văn Trỗi” Anh Trỗi bỗng trở nên một thứ tiêu chuẩn đo tinh của sản xuất, anh trở

nên một thứ thời gian của cách mạng. Từ hôm 15 tháng mười 1964 anh được chính thức kết nạp làm đảng viên Đảng Nhân dân Cách mạng ở Nam Việt Nam. Anh Nguyễn Văn Trỗi 24 tuổi đời, một tuổi Đảng, nhưng tinh thần anh là của muôn năm, là của mãi mãi về sau này. Tôi thấy khó mà không xúc động trước về những viễn cảnh nông thôn ta lúc đã điện khí hóa, từ Bắc chí Nam sẽ thống nhất một dòng điện và một thứ tiền. Trong cái điện sáng “sáng đêm” toàn quốc đang từ tương lai bừng dần lại bừng dần lại phía ta đó, tôi cảm thấy một cách sâu sắc rằng trong ấy có thấp thoáng hiện lên cái khuôn mặt khô sáng và cái dáng hình quyết liệt của anh thợ điện Nguyễn Văn Trỗi vẫn đói hỏi ánh sáng ngay cả vào giữa những giây phút đen tối nhất của đời anh trước đây bị kẻ thù bưng lấy mắt, bịt lấy mặt, và anh phải đem mạng mình ra mà đòi xé đi cái màn tối đó.

Nguyễn Văn Trỗi đúng là cái lửa của một dòng điện cao thế đem ra thấu toàn cầu cả một sự cảm thông dây truyền. Nhiệt điện ấy gần đây tua đi một vòng trái đất, đem ánh sáng của cách mạng ta góp vào ánh sáng của phong trào toàn thế giới, đem cái ánh sáng ấy chiếu thêm vào cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc. Điện Nguyễn Văn Trỗi đủ sức mạnh thấp sáng lên cả một vòng trái đất. Những buổi truyền điện toàn cầu ấy, tôi cảm thấy Mạc Tư Khoa cũng là các thủ đô và thành thị bạn bè trên các cõi

lục địa bỗng chốc trở nên những trạm biển thế điện. Những trạm biển thế điện đang nhận lấy dòng điện của ta và tiếp sức thêm vào mà tiếp phát đi. Anh Anh Đức ơi, trong khi mọi lực lượng sản xuất trên miền Bắc hào hứng đón tiếp Nguyễn Văn Trỗi làm người công nhân danh dự của đơn vị mình, thì cạnh ngay Sài Gòn trong đó, Quân Giải phóng đánh trường bay Mỹ, đốt ba chục máy bay phản lực Mỹ, đánh và đốt dữ dội đến cái mức thăng thương nghị sĩ Mỹ quản lý các máy bay phản lực B57 tại sân bay đã phải kêu rống lên rằng “đây là một cuộc liên hoan dưới địa ngục. Chẳng có một chỗ nào để tránh đạn súng cối”. Và dưới trời mưa, viên đại sứ Mỹ Taylo đã phải cất lên tiếng than: “Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc chưa hề có. Tôi không thích những chuyện như thế này”. Mỹ Taylo không thích nhưng mà Quán Giải phóng miền Nam thích, anh Nguyễn Văn Trỗi thích, du kích Vénézuêla thích, đồng bào miền Nam và tất cả bà con ta ở miền Bắc đều thích, toàn phe ta đều thích, tất cả những người yêu nước ghét đế quốc Mỹ trên toàn thế giới đều thích. Và nếu đế quốc Mỹ “không thích những chuyện như thế” thì chỉ có việc cút khỏi miền Nam là gọn hơn hết. Nếu đế quốc Mỹ cứ còn sỉ diện không khôn hồn mà cút sớm đi, thì “những chuyện không thích như thế” sẽ còn phải xảy ra luôn luôn và nhiều nhiều: Khi thế cách mạng ta trong đó cho phép tôi được nghĩ như vậy, anh Anh

Đức à. Đế quốc Mỹ là tàn ác, cái này thì ta biết rõ quá rồi. Nhưng cái ta cần thấy hơn nữa là đế quốc Mỹ đã ác lại còn thêm cái sự ngu nữa. Hoặc già đó là một kiểu u-mua của tư sản Mỹ định trước khi ra trò mới thi pha trò bằng một câu dở người chẳng? Cái thật là đáng vui trong cuộc phóng hỏa trường bay phản lực Biên Hòa trong đêm 31 rạng ngày mùng một tháng 11 lại đúng vào cái dịp “giỗ đầu” thằng Diệm của Mỹ. Vui hơn nữa là lửa bên này trái đất lại gọi đến lửa của bên kia trái đất: cách đó không lâu, du kích Vénézuêla cũng nổ lèn quanh Caracát mà đốt bùng bùng các giếng dầu hỏa hảng Standard Oil làm Mỹ cháy không biết bao nhiêu là triệu lit dầu lửa. Hắn là đế quốc Mỹ càng “không thích” những cuộc phôi hợp hỏa công như vậy giữa Quân giải phóng ta và du kích Mỹ La tinh.

Anh Anh Đức à, trong những cuộc nổ lửa lớn đó, tôi cảm thấy như vẫn nóng cháy lên cái súc điện Nguyễn Văn Trỗi báo hiệu những cơn bão lửa khác nó sẽ đẩy đế quốc Mỹ tới cái chỗ cao điểm nhất của cái sự “không thích” của chúng. Cái ngày đế quốc Mỹ phải thật sự cút khòi miền Nam cũng là một điều mà bao giờ chúng nó lại có thể thích được. Có lẽ đế quốc Mỹ nên hỏi kỹ lại đế quốc Pháp xem hồi trước đây, đế quốc Pháp có thích rời khỏi đất Điện Biên Phủ không?

TÒ HOA

Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.

Tôi nhìn ra cái tầu lăn nghiến đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mờ đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tôi mới. Ông bay trên trang sổ tay tôi. Ông tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng, chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và người thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liên xông tới đốt. Rồi ong cũng lăn ra chết, linh hồn xuất theo luồn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tinh lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lây bốn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy

sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, cần lao, về tích lũy, về chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa, tinh ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là mặc dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đối hoa xuân láng ong mật mà thêm ngâm tới đàn bướm tốt mã chấp chơi bay, lộng lẫy những sắc phán của sáo ngũ ồn ào. Bước phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cắp cánh hào hoang chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.

Người ta hay nhắc đến mang nặng đẻ đau. Có những quá trình không phải là hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc đèo bòng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biển xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quen nời rốn bể lén vào

cửa trai. Trai xót long. Máu trai liền tiết ra một thứ nước rải bọc lấy cái hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy rải mình ra mà bao phủ lấy hạt đau hắt xót. tới một thời gian nào đó, hạt cát *khỏi tình con*, công với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trĩnh ánh ngời.

Buổi ban đầu vào nghề viết cách đây vài chục năm, khi nhìn chuỗi ngọc trai trên cổ người “con hát” một thời Thăng Long tôi mới chỉ liên hệ nhân cát ngọc với mảng bụi cát kiếp người nơi thập điệu Kinh Thánh. Cho tới gần đây tôi mới biết nhìn rõ thân thể của ngọc trai. Biết nhìn nó không phải chỉ ở *chặng thành tựu* chót cùng nơi cổ nơi ngón con người ta, mà là nhìn thấy được nó ở một quá trình dài, đầu kia quá trình là một vết thương lòng và đầu này quá trình là một niềm vui. Đầu kia quá trình là một cơn giận dữ tự vệ, đầu này quá trình là một giọt tài nguyên Tổ quốc ta bao la cát bãi.

Tôi đã lấy cách nhìn hạt ngọc mà nhìn vào sự biểu dương một công tác, một công trạng, một công trình. Cũng bằng cái cách đó mà tìm hiểu bước sinh trưởng của một đóa hoa thơm, trước khi nó được làm cái nụ đầu thai vào vườn người. Nhìn ngọn hoa sáng chói

công khai giữa bầu giờ mà không khỏi bận lòng vì lú
rẽ cái rẽ con trong bóng tối lòng đất kín; rẽ trong kia
chỉ liên lạc được với hoa ngoài đây bằng con đường
nhựa đắng duy nhất của ruột mình. Nhìn bông hoa nở
tập kết trên đất Bắc (1963) càng thấy bồi hồi vì cái rẽ
máu mình đang thọc sâu rừng Tây Nguyên, rừng U
Minh, thọc sâu và đội lên cả gạch đá phố Sài Gòn.

Phát xít Đức làm cỏ tất cả trai gái trẻ già một
vùng Liđixê nước Tiệp. Khu ấy nay khoanh lại thành
khu cấm thù chiến tranh. Quanh chốn lịch sử này,
trồng toàn hồng. Và lừng thơm lên những bài thơ hoa
hồng trong đó có một cảnh của Randall Swingler:

*Noi miếng đất cày nát bởi thù hàn
Tình yêu đã gieo mầm
Đúng cái chõ mà gót giày lú giết người
Giảm phọt mắt các em kim đồng
Ngón tay người làm vườn
Cho nở lên những bông hồng*

Lại nhớ đến tấm tranh hoa hồng thiếu nhi của một
cô mẫu giáo Nga tại một vườn trẻ lập lên ngay sau
Cách mạng tháng Mười. Cô giáo bảo vẽ một cái hoa
hồng. Một em nhòe liền vẽ lên giấy một cái hình vuông
biếc màu da trời. Thấy cái hình vuông lạ mắt, cô mẫu
giáo liền tìm đến hẳn gia đình họa sĩ “lập thể” tí hon
này. Ra ở đây chẳng có cây có hoa gì cả. Nhà kín bưng

chỉ có một khúc cửa sổ nhìn héch lên trời. Em nhớ
sóng nhiều ngày tha thẩn với cái màu xanh sau cửa
sổ, cho đó là đẹp lầm và đối với em, cái xa xanh kia
đích thị đây là hoa hồng. Một thứ hoa hồng xanh biếc,
vuông vắn. Chuyện hoa hồng xanh đến tai Lênin.
Lênin khóc và Lênin của chúng ta đã ra lệnh cho Xô
Viết khu phố đó phải tìm căn nhà khác tươi tốt hơn
cho gia đình "họa sĩ" ti hon của đóa hồng siêu thực
kia.

Về sự lòng sự đời, một triết gia đã phát biểu gần
như thế này: "Thường người ta nói hoa hồng nào cũng
đều có gai. Nhưng cũng không nên quên rằng vô khôi
loại gai mà không có hoa gì".

Tôi nhìn trân trân đồng hồ ở cổ tay chị Hoài Nam
đang phiên dịch lời tôi nói ra tiếng Anh cho một người
Mỹ nghe về việc tôi đánh giá Hoa Kỳ sa lầy: "... Quân
Hoa Kỳ càng tới đông bộ máy chúng càng nặng, chúng
càng thụt chìm sâu hơn nữa...". Cái đồng hồ mỏng
tang bé xiu ở cổ tay xinh xắn chị Hoài Nam thật là
hiện đại văn minh, làm cho tôi đăng trí một lúc mà
nghĩ giật lui về những thứ đồng hồ thô lậu cổ lò cồng
kềnh của nhân loại ở những thời cổ đại... Do lường
thời gian, người xưa đào đi đào lại một cái bình cát,
hoặc nhìn lửa bắc vạc dàn thân cây nên đã săn nắc
giờ khác, hoặc theo dõi cái đồng hồ bằng đồng thành
thot những giọt rồng đều đắn. Những đêm lạnh,

thuỷ tinh đeo én cắp bến thương nguồn sông Đà tôi còn biết được cái bu già sống treo ở sau cuống lái kia chính là cái đồng hồ của ông Thái trắng đây. Và những bộ hương vòng tỏa khói xoáy ốc treo thông ở đình chùa miếu, cũng chỉ là một kiểu đồng hồ cổ, nó là một thứ đồng hồ lửa, ra đời sau thứ đồng hồ nước. Bộ hương vòng đường kính có thể một thước (thước ta) hai thước ba thước. Có thứ hương vòng thấp một tuần, có thứ cháy dòng hàng tháng mới tắt hết. Hương vòng ngự dụng của vua nhà Lý xưa đọc kinh Phật có hạt ngọc đính vào từng vòng hương, lửa hương cháy đến cữ ấy thì hạt ngọc lại đứt rơi xuống; và nghe ngọc gieo mình lanh lánh vào một cái bình hồ kim ngân người đọc kinh biết là đêm đã vơi đi một canh nữa. Vòng hương đính ngọc kia nói bằng hiện tượng ngày nay thì là một cái đồng hồ báo thức mà chuông báo thức lại được “lên giây” bằng lửa thấp vào vòng đượm một mùi trầm.

Cách đây khoảng nửa thế kỷ, tôi còn được thấy các cụ ta đo thời giờ bằng hoa. Hồi ấy, thời gian quá là có mùi. Cú thủy tiên ấy gọt vào hôm nào tháng chạp, hâm nắng phơi sương, áp đèn như thế nào thì nó sẽ mẫn khai đúng lúc giao thừa. Như kim giờ, kim phút báo đúng năm hết, nụ và hoa nở rộ cả bấy nhiêu rồ để chào năm mới đang hé hé chờ cửa đình. Đình Bạch Mã năm nào cũng tất niên bằng cuộc thi thủy tiên, hoa của ai nở đúng giao thừa thì linh thường mười

vuông vóc hồng năm cối pháo, một tháp chè bao thiêc. Đồng hồ hoa của cụ Lang đổi chướng và cụ Huyền thường là nở đúng vào cái phút không giờ của hai năm cũ mới. Có lần cha tôi dẫn tôi từ Hàng Bạc ra đình Bạch Mã Hàng Buồm xem hội thi hoa đêm cuối năm. Sau này có lúc tôi nghĩ rằng đồng hồ quá quýt minh cần lấy lại giờ, cứ đến hội hoa giao thừa, nhìn cụ hoa trúng giải mà vẫn lại kim đồng hồ năm mới thì không còn chêch với thời gian nữa. Và thời gian của đồng hồ thủy tiên đêm Tết xa như không ngọt thánh thót hương hương. Nhịp thời gian hôm nay đã hoàn toàn khác hẳn cái nhịp sống của những thời kỳ đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ gà, đồng hồ hương đồng hồ nến, đồng hồ hoa. Nay là đồng hồ dây cót, rãng cưa, bánh xe.

... Và bánh xe thời gian không bao giờ quay ngược trở lại để... ủng hộ đế quốc Mỹ. Đế quốc Hoa Kỳ rao nhiêu âm mưu đối với không gian toàn cầu và đối với không gian Việt Nam, nhưng thời gian thì lại đứng hàn về phía chúng ta. Tôi cảm thấy hình như nhiều chiếc đồng hồ thương hào hạng trên thế giới đang vận lại theo giờ Hà Nội. Và máy móc Hoa Kỳ mặc dù là tinh xảo, cái đồng hồ Hoa Kỳ kia đứng rồi, Giôn Xơ hàng ngày đang cố lèn dây cót cho cái đồng hồ rối chân tóc và kim giờ kim phút toàn quay ngược với cái chiều của lịch sử.

Chị phiên dịch Hoài Nam xem giờ một cách kín đáo. Tôi kết thúc đêm nói chuyện tết miên với một người Mỹ đi đạo Tin Lành vừa được ta tổ chức cho ăn lễ Nôen một cách ngon lành. Người phi công Mỹ đó ra về, buồn như một người vừa thấy được “thiên cổ”. Và hiểu là thời gian không bao giờ ủng hộ quân dữ Mỹ. Tôi về nhà nhìn một canh mai trắng: bạn thân tôi chúc Tết nhưng không gặp thì để hoa lại. Chào 1966 nụ mai xoè cho hé bấy nhiêu cái tầng cánh trắng. Tàn một nén hương vòng nữa rồi mà tôi vẫn còn thức. Lắng nghe cái bước tới của năm mới 1966 mà càng thêm nhận rõ là thời gian ra chỉ có ủng hộ mình.

Báo Văn nghệ số 143
Tết Bình Ngọ, 1966

TRUYỆN MỘT NGHÌN LẺ MỘT MÁY BAY MỸ

Chào mừng chiến thắng của chúng ta trên toàn miền Bắc hạ máy bay ăn cướp Hoa Kỳ đúng chiếc thứ một nghìn (1000), tôi viết bài này. Ký tên vào dưới bài rồi, nhưng con số máy bay Mỹ rụng xuống và tiêu lên ở bảng thông tin khu phố cũng là ở cột báo cũng mới chỉ là 998. Và khi người đọc quen thuộc của tôi đọc đến tôi, thì con số tròn 1000 Mỹ đó có thể trở nên một ngàn lẻ mấy chiếc rồi. Một nghìn lẻ một cái hoặc một nghìn lẻ chục, hoặc, biết đâu đây, lai vui tiến tới một ngàn lẻ mấy trăm gì đó nữa kia.

Như thế là chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ càng ngày càng leo thang, sau một giai đoạn ngừng bắn 37 ngày (và tàu bay Mỹ rụng cánh trên đất Bắc ngưng lại ở con số 850 chiếc). Cuộc ngừng bắn kia là Giòn Xon bị động với ta, từ đêm Nôen 24 tháng Chạp 1965 kéo dài tới tối 31 tháng giêng 1966 (mặc dù có

xen kẽ một vụ máy bay Mỹ không người lái bị ta hạ ở Bạch Long Vĩ ngày 22-1-1966).

Cuộc ngừng bắn 37 ngày mờ đầu bằng lệnh của Mặt trận Giải phóng miền Nam ngưng nổ súng ở khắp miền Nam để cho quân đội nguy ở miền Nam tới khắp các nhà thờ mà ăn lê Chúa Giêsu ra đời hàng năm. Nhơ có lệnh này của Mặt trận mà Nôen 1965 Sài Gòn mới vui được như vậy. Chợ hoa ở đường Nguyễn Huệ (tức là đường Sạc Ne cũ) thôi thì xe lam đi lại tấp nập mà chờ cây chờ đồ, đủ các thứ. Dưới cái nóng 37 độ nhiệt đới, Sài Gòn chuẩn bị Nôen không kém bất cứ thành phố miền Bắc xứ lạnh nào. Những cây thông xanh ròn, ở đâu mà đưa ra ủn ủn như vậy? Đó là thông đưa từ Tây Nguyên về, đưa từ Da Lạt cách Sài Gòn 300 cây sò. Quân Giải phóng và du kích miền Nam đã nhận được lệnh là để cho những cam nonong đó chờ thông xanh về cho Sài Gòn đón Chúa ra đời hàng năm. Người ta có đạo và không đi đạo đều biết ơn Mặt trận biết mấy. Phố xá lũ lượt cành thông xanh và nhấp nhánh những ngôi sao Bết Lem khổng lồ làm bằng nhựa ni lông nhập vào từ Mỹ. Trụ sở nhà binh nào, Mỹ hoặc nguy, cũng ròn ròn một cành thông.

Ở một vài trại giam phi công Mỹ trên miền Bắc, đêm Nôen có các cha và mục sư tới làm lễ. Phi công Mỹ ăn rêvaydông lai được quay cà thịt gà Tây chính

công. Chúng sướng lộ cả ra lời nói và tự hỏi sao Giôn Xơ không ngừng bắn vĩnh viễn hàn đi... Giữa đêm Nôen tù Mỹ ở miền Bắc cầu nguyện ăn uống, thì Hồng y giáo chủ Mỹ Xịt-pen-man làm lễ ở sân bay Tân Sơn Nhất. Rồi tối An Khê hành lễ để cúng cố tinh thần bon Mỹ của Sư đoàn 1 kỵ binh không vận. Rồi sau đó Xịt-pen-man đáp máy bay đi Đà Nẵng, mãn lễ thì Hồng y giáo chủ Mỹ tuyên bố: "Mong được thấy nước Việt Nam cùng được sống tự do như Hoa Kỳ..." À men! Chúng hãy tha cho các lũ con chiên cái lối sống "tự do Hoa Kỳ" đó nọi!"

Hôm sau lễ Nôen, tôi gặp quan tư Dim Mi. Y vui miệng, kể về Hồng y giáo chủ Xịt-pen-man:

- Ngài là Tổng tuyên úy, dưới quyền Ngài có 5370 cha tuyên úy trong quân lực Mỹ. Ngài hay pha trò vui, xưa làm nghề bán báo rong. Có viết cả kịch phim ngụ ngôn *Người linh vùng dậy* trong kịch có cảnh mồ lăng chúa Giu Se phồng nhóm lén một làn chớp nguyên tử... Ngài Tổng tuyên uy Xịt-pen-man có bằng lái may bay. Ngài là phi công đã bay được 150 giờ... À, tôi vui miệng kể chuyện, ông có viết báo xin đừng nói là tôi kể.

Nhà ngươi yên tri. Những tài liệu ngươi vừa kê đó, ta đã co đọc ở một cuốn sách Pháp "những thia khóa để hiểu Hoa Kỳ".

Về Hồng y giáo chủ Hoa Kỳ Xịt-pen-man, phải nói thêm rằng viên Tổng tuyên úy này ăn lương chính của Quân lực Hoa Kỳ, không Nôen năm nào là không xông xáo tới các đơn vị Viễn chinh Hoa Kỳ làm cho binh sĩ giữ vững lòng tin vào Chúa (trong điều lệnh quân lực Hoa Kỳ, Chúa với Chính phủ Mỹ là một, đã tin thứ nay thì mặc nhiên là phải tin mê cả thứ kia). Tổng tuyên úy Xịt-pen-man lại còn là cha đỡ đầu cho quý sứ Ngô Đình Diệm từ trước khi có hiệp định Giơneo 1954. Hồi còn mồ ma quỷ Diệm, Hồng y giáo chủ Hoa Kỳ Xịt-pen-man vẫn hàng năm thì thực hành lễ ở máng cỏ Sài Gòn. Đi đôi với Tổng tuyên úy, còn có các con hát và hề ba lợn từ Nữu Uớc sang giúp vui cho cuộc lễ ở các doanh trại binh sĩ Mỹ ngày nay (và có vẫn Hoa Kỳ mấy năm trước đây).

Sau đây sáu bảy tuần, tôi có trở lại gặp bạn tù Mỹ, kể cả quan tư Dim Mi đó. Lại biết thêm một nét nữa về thiếu tá Dim Mi: thằng này lúc chịu lê đêm Nôen, nhìn đức cha người ta, nó có vẻ nghĩ ngợi gì đó, nó muốn xem xem có thật là cha không, nó giả vờ quên mất bài kinh thứ 23 ở Thiên thi. Cha đã nhắc lại cho nó cả đoạn dài, đúng như là nhắc nhở một con chiên thật sự quên lần kinh bốn. Thực ra, bạn tù Mỹ đứa nào cũng thích chịu lê và cũng thèm đi nhà thờ. Cơ thằng đã ngạc nhiên một cách cảm động là miền Bắc vẫn có nhà thờ đóng chuông đều đặn, và trẻ con vẫn

chơi đùa. Tất cả từ Mỹ hôm ấy đều buồn thiu vì chuyện Giôn Xon trở lại bắn phá miền Bắc. Không nói ra miệng, nhưng tất cả bọn Mỹ xấu áy (phi công xấu thật, cả phi công xấu vừa vừa, cả cái số đỡ xấu dần đi) đều chửi thầm Giôn Xon. Có mấy thằng bị tóm sau đợt ngừng bắn 37 ngày, cũng uể oải mà nói rằng : "Hồi còn ở căn cứ Thái Lan nghe tin ngừng bắn miền Bắc, chúng tôi thấy đó là dấu hiệu tốt..."

Leo thang trở lại trên miền Bắc sau 37 ngày ngừng bắn, tên quan ba Mỹ Giắc Ky lái phản lực (tôi quên mất không nhớ là Thần Sấm hay là Con Ma) bị tóm cùng một ngày với hai thằng Mỹ ở chiếc trực thăng bay đến cứu hắn. Chiếc trực thăng chưa kịp hạ thấp dây xuống chỗ Giắc Ky vừa bật dù xuống thì dân quân đồng rồng áy đá bắn rụng cả trực thăng. Nhận được tin cấp cứu của điện đài Giắc Ky, trực thăng cấp tốc bay tới với tốc độ 240 cây số giờ, nhưng buồn quá, hai thằng đi cứu thằng dù Giắc Ky lai cũng hoá thành hai thằng dù nữa; chúng phải vọt nhảy chí mạng ra cho nhanh để thoát khỏi lửa đã vây quanh lấy ghế lái. Đứng cạnh đống dù trăng y vừa trút ra mà không thèm gấp lại, quan ba Giắc Ky hai tay run bần bật ôm cái cây rừng, cặp mắt không chớp nhìn ngược lên đôi dù trực thăng đang bị gió rừng Tây Bắc đẩy xiên và kéo tụt gần lại chỗ Giắc Ky. Rừng vang lên những tiếng Ănglè dóng một và đồng thanh bằng nhiều giọng

Thái Kinh Tày Mèo: "Henxơáp!" Giơ tay lên (hen-xơ-áp), tiếng hô áy đã vây quanh lấy những khóm cây nhiều gai quanh chồ Giác Ky. Quan ba Giác Ky giơ tay lên khỏi cái đầu mình đang lớn vỡn một câu hỏi: "Ở chồ rừng cổ đại hoang vắng không tí dấu vết kỹ thuật này, người ta học nói và nói tiếng Anh từ bao giờ? Và bằng cách nào? Giáo, mác, dao nǎm, dao bảy, súng dài, súng ngắn ốp quanh Giác Ky, và con đường mòn như lối đi riêng của thú rừng đã bắt ra đường cái to đang có một tốp người loay hoay kìm búa bên một quả bom nổ chậm. Giác Ky ngờ rằng đó là cái quả do chính tay mình cắt ban nãy, trước khi phải nhảy dù xuống đây. Đoàn người giải Giác Ky qua một thị trấn tan hoang, có cả một dãy nhà mà mái sập vẫn chưa hết cái chữ thập đỏ. Giác Ky tự nói thầm: "Tuần trước mình báo cáo là bắn trúng bệnh viện, cứ báo cáo thế nhưng cũng chưa dám tin là kết quả hôm áy lại chính xác đến như thế này". Quan ba Giác Ky được đưa đến một trạm giải phẫu trong một rừng cây cao. Phải băng bó tạm cho thằng phi công bị thương. Bác sĩ ta phụ trách trạm mổ này cũng đứng tuổi rồi, dùng tiếng Anh hỏi chuyện thằng quan ba Giác Ky. Không hiểu thằng quan ba Mỹ tội phạm chiến tranh này nó ngu thật, nó già dại, nó quá là rõ rồi sao, mà nó dám mở miệng nó với bác sĩ của ta: "Cho tôi sang bệnh viện Mỹ ở đảo Okinaoa. Thường

những sĩ quan hải quân Mỹ ở hạm đội 7 đều nằm chữa tại Ôkinaoa. Vết thương của tôi lành tôi xin thề bằng cái danh dự không lực Hoa Kỳ là sẽ tư nguyện trở lại đây cho các ngài bắt giam sau. Còn tiền phi tốn đi Ôkinaoa cả chuyến đi lẫn chuyến về, thì tôi xin cam đoan là vợ tôi sẽ trả đủ cho các ngài. Tiền bay của tôi mấy năm nay, tôi đều lấy tên vợ tôi để gửi quỹ ngân hàng". Tất cả dao sắc kéo sắc nơi khay giải phẫu đã tẩy trùng kia đều có quyền tự động nhảy bắn lên mà phang cho toạc mặt toạc mồm cái thằng Mỹ Giắc Ky hồn láo kia! Chết đến cổ rồi, mà chứng nào vẫn tật ây, mày vẫn lấy tiền mà nói mà bàn à! Và mày làm như chính mày đã làm chủ ở đây rồi áy. Nhưng chao ôi, tự trọng vậy thay là bác sĩ của ta lặng thinh nhìn thằng quan ba Mỹ khốn nạn ây bằng cặp mắt nghiêm nghị, rồi quay sang bảo đồng chí bộ đội: "Nên chuẩn bị ngay xe đưa người này về xuôi thì đủ điều kiện làm hơn. Đây là mới giải quyết tạm thời".

Quan ba Mỹ Giắc Ky đúng là một thằng tướng giắc, minh to, thân dài, khó có cái bàn mổ nào ở bệnh viện miền xuôi mà lại khớp được với kích thước nó. Nỗi xương cho một người thương chi vài cái đinh. Còn xương thằng này hôm ây nỗi cứ phải bằng chục hàng chục đinh. Bằng Venpô bằng cho nó cứ phải ít nhất cũng bốn cuộn. Một chi bác sĩ ta đùa một câu với chi hô lý để cho nó đỡ mệt: "To thế, nhưng lúc thua thi

vẫn cứ thua đây". Một lần sau nữa, quan ba Mỹ Giác Ky lại được đưa tới viện để xem ảnh chụp vết thương bị đạn. Miếng phim to bằng cả tờ hoạ báo. Xem xong ảnh chụp vết đạn phòng không ta nằm ở tim ở phổi nó, thằng quan ba đánh thuê đánh chuyến (bay) hỏi khẽ khoa trưởng bệnh viện: "Như thế này là tôi không đủ điều kiện để sau này bay nữa phải không ngài?". Bác sĩ khoa trưởng: "Có lẽ tôi cũng nghĩ như thế đấy". Từ hôm bị hạ dù đầu hàng ta, đại úy Giác Ky lúc nào cũng kiêu căng hơm hỉnh như ta đây vốn dòng không lực Hoa Kỳ; thậm chí tên Mỹ ấy mỗi khi phải xung danh trước mặt chiến sĩ cảnh vệ trại giam còn luôn luôn xưng chức: "tôi, Giác Ky... đại úy..." có cái vẻ lảng cho chúng ta quên mất cái thứ cấp bậc ấy của hắn đi. Nhưng hôm nay xem ảnh cơ thể mình bị tật nguyên rõ ràng, Giác Ky xiù mặt bước lên xe về trại. Nó buồn thiu đúng như một người làm nghề du côn trên mây biết mình từ nay không được nhận vào cái đám đánh thuê đi bò bom chuyến ở Việt Nam nữa. Giác Ky vốn là một sĩ quan ngoan đạo, cũng như bất cứ một phi công Mỹ nào bị tù ở trại giam miền Bắc. Mọi lần, cao hứng Giác Ky thường nói là "khi bay, thấy mình gần đức Chúa Trời hơn". Từ hôm nay quan ba Giác Ky vẫn làm dấu trước bữa ăn, vẫn đọc kinh trước khi đi ngủ, nhưng trong lòng tin thấy như có xà dân đức Chúa Trời; bởi vì không có điều kiện bay lên

đây nữa. Trong một bức thư nhờ ta chuyển về Bắc Mỹ cho Sác Lốt vợ hắn, Giắc Ky có hồi hận rằng : “Anh bị bắt, có lẽ vì trước đây ở nhà, có nhiều chủ nhật quên không đi lễ nhà thờ”.

Này, chứ cái thứ quan Mỹ của nợ Giắc Ky áy, chứ cái thằng tù mê tín này rồi dùng làm gì đây hả? Anh hỏi tôi một câu mà chính tôi cũng đang đặt cho tôi đó. Dùng nó làm gì áy à? Thiếu gì cách. Nhưng có lẽ cái cách tốt nhất vẫn là chỉ là làm cho đúng với đường lối chính sách sẵn có đó của mình. Và cũng không lâu gì lắm đâu, rồi thế nào chả có lúc dùng đến. Đây rồi mà xem. Ở đời này, có cái thứ gì mà lại không dùng được vào việc gì bao giờ.

*

* * *

Anh Nguyễn Văn Sáu, quay phim tư liệu lắc đầu hoài mà nhìn tôi: “Tiếc quá tiếc quá ạnh ba à!”. Sáu lại dồn dập một tràng: “Càng chống Mỹ, quân đội ta, nhân dân ta càng ngày càng già dặn càng lớn lên manh lên. Nó đi dưới đất thì đánh nó dưới đất. Nó bay trên trời thi ta đánh nó cũng ở ngay giữa trời. Nó ở mặt biển thi đánh nó ngay trên biển. Trên trời, trên biển, trên đất liền, cứ gấp là đánh, đánh chết thôi. Nhân dân ta giờ tiến bộ quá anh ơi. Nông dân mà biết

săn trực thăng, biết hướng trực thăng bằng cách tìm hướng gió và do đó, truy lùng được cả phi công nhảy dù, lại hạ luôn được cả bọn trực thăng đi cứu phản lực. Lúc trực thăng treo đứng để thả thang hoặc trườn đi, bà con dân quân tự vệ bắn mạnh lăm, và gọi là bắn bia. .”.

Sáu liền kể cho nghe một trận thuỷ lục không chiến vừa rồi ở một làng biển khu bờn cũ. Nó áp đảo mình từ trên trời, nhưng ta vẫn làm chủ trên mặt đất, trên mặt biển. Và cuối cùng trời phải thua đất. Minh đánh nó từ trong đất liền, nó bị thương, chạy chí từ ra biển, kéo dài một cục lửa như con tinh lạc nỗi khói, rồi bật dù trăng ra. Quân dân ta ở các làng gần trận địa cứ rùng rùng gọi nhau mà lao theo ra biển. Vương biển, thì lấy hết thuyền nghề mà phóng ra. Hai cai dù trăng cứ lù lù mà hạ thấp xuống, cách bờ ta chừng ba cây số. Phía ngoài biển đông hạm đội 7, chúng cho tàu bay vào cứu, đông như chuồn chuồn kỳ bão. Ta cứ chèo tới, dù của hắn cứ gần mãi xuống. Lúc ta đến thì hai thằng đã ngồi trong phao bơi mang theo. Tàu bay nó cứ ào ào sát mặt sóng cốt để áp đảo ta. Thằng trực thăng đã thò thò cái mũi thang xuống. Nó bắn ta, ta bắn nó. Ở các thuyền các mũi giáp công, ai phận sự chèo thì chèo miết, ai phận sự bắn thi tập trung mà bắn, ai phải xé lưới mà nút lỗ thuyền bị thương thi cứ thế mà làm. Nó lai bò bom hỏa mù, biển đen ngom

như gặp đàn cá mực tự vệ. Trong khói mù, các đường đạn của ta cứ đỏ lùm mà phóng lên, chui vào chiếc trực thăng, cứ làm đúng theo lệnh truyền “phải cách ly nó với hai cái phao bơi của hai thằng phi công nhảy dù”. Ta vây lấy hai thằng phi công, thuyền nào cũng hô: “Giơ tay lên! Henxôáp! Giơ tay lên!”. Có thằng đầu hàng mà chỉ còn giơ được mỗi một cánh tay; cánh tay thứ hai của nó vừa bị đạn của bom trực thăng bắn xuống. Quản nó tàn ác lắm, nó thấy nó không cứu được thì nó định thủ tiêu luôn người của nó đi, có khac gì địa chủ gian ác định đánh phi tang đi những thằng tay sai quản lý trong thời kỳ cài cách ruộng đất. Súng của bộ đội trong bờ từ nay vẫn bắn yểm hộ cho đoàn thuyền đang quyết liệt hoàn thành nhiệm vụ ở cách xa bờ. Bọn tàu bay Mỹ đến giải vây không kết quả, đã phải cút khỏi trận địa đang hồn sóng. Đoàn thuyền về, vứt hai thằng sỉ quan phi công Mỹ lên bãi như là quăng lên cạn hai con cá mập, - máy thằng này đều to béo cả. Trên bãi cát buổi chiều, ta hỏi cung bước đâu. Một thằng khai ngay là vừa rồi, nó sợ súng Mỹ hơn là súng ta; nó nói rằng chính súng của ta trong đất liền đã cứu cho nó, chứ không mà đám tàu bay Mỹ kia cứ còn có điều kiện bắn xuống, thì thế nào nó cũng bị bọn nó diệt nó rồi (cánh tay nó vẫn còn mang mảnh viền đạn Mỹ đó). Thằng thứ hai khai rằng nó sợ nhất là cái giọng nói Ănglê của bấy nhiêu

người đánh cá cùng nói một lúc trên mặt bể “Henxơáp!”. Nó hồn hển nói, và một cách rất máy móc, hai tay nó vẫn giơ lên trời, như tai vẫn còn văng vẳng tiếng quát “giơ tay lên”.

Anh Sáu vẫn lắc đầu: “Rủi cho tôi quá anh ba ơi. Máy quay của tôi hôm đó vừa hết phim. Ngay buổi chiều đó, mặt biển trở lại thanh bình như là không khi nào có chuyện dữ dội như đã xảy ra vừa mới đó. Chiều bờ biển đó, được tham dự trận đánh Mỹ diễn biến phức tạp, tôi rất vui vì chiến thắng đặc biệt của quân dân ta, nhưng đứng về công việc riêng thì trong lòng cũng có chút rầu rầu. Có đâu lúc nào cũng quay tại trận được cảnh này phải không anh? Mà sau này, dẽ mà bố trí lại được sao? Tốn kém lắm chờ anh?”

Tôi đã gặp một trong hai cái thắng Mỹ ta vừa tóm được trong trận hỗn chiến trên biển khu tư vừa kể ở trên đây. Tôi tạm gọi tên nó là quan hai Cờlác. Mắt thắng Cờlác này ác, nó đúng là cái mặt nạ của thắng đì giết người thuê để kiểm tiền, và quyền lợi thì ngả về phía bọn chủ đã trả nhiều tiền cho thì việc bất lương nào cũng làm tất. Nó nói, giọng như cắt vào chữ, như là vừa nhai cao su vừa phát âm. Mắt thắng này sáng như hai cái đèn pin. À, hôm qua trước khi gặp thắng Cờlác, anh Sáu đã bảo tôi chú ý đến cặp mắt đó. “Hôm quay phim chụp ảnh nó ở trại giam, nó không hề chớp mắt một giây. Cứ xanh lè hai cục mắt

Mỹ như vậy mà trù lại tia đèn pha điện ánh 500 oát. Mắt thằng này là thứ mắt chuyên môn đi bắn phá xe đò cầu đường ta ban đêm đó". Đặc tính của quan hai Cờlác cũng là nét chung của tất cả những thằng ta tóm được thôi. Nghĩa là hỏi nó thì nó trả lời, nhưng câu trả lời của nó ít có tính chất trực tiếp và cụ thể. Có thằng đã trả lời rõ ràng, vì sự rõ ràng này sẽ dẫn tới việc Giôn Xon sẽ cắt tiền phụ cấp vợ con nó bên Hoa Kỳ. Thêm nữa sau này được về Mỹ thì cũng khó mà kiểm được việc làm ăn.

Tôi hỏi đến đâu thì quan hai Cờlác trả lời đến đó, trước mỗi lần trả lời, bao giờ hắn cũng quen tay đưa lên vành tai: "Xin cho tôi được nghe lại, tôi nghe chưa được rõ lắm". Thực ra thì tai mấy thằng này có nói thầm với người thứ ba nào, nó cũng nghe được không sót tiếng mẹ tiếng con nào. Nó giả đò thế để thêm thời giờ gọt rữa câu trả lời âm ớ đó thôi. Trước khi trả lời, Cờlác lại còn nhắm một mắt lại, như là người đi săn ngắm nòng và chỉnh súng. Trong tất cả bấy nhiêu câu của thằng tù Cờlác, tôi cho nó chỉ nói thật có mỗi một câu. Là nó hưởng ứng câu "Mỹ cút đi" bởi vì Mỹ sớm cút đi, tức là cái thân nó cũng được cút sớm khỏi nhà giam này. Nó không dám nói "Mỹ cút đi" như chúng ta vẫn hô gọi lên, nhưng nó ể à một cách Mỹ hơn: "Tôi nghĩ rằng người Việt Nam không khi nào kéo

quân sang tận Hoa Kỳ để chiến thắng Mỹ. Mà Mỹ thì cũng không thắng được Việt Nam trên đất Việt Nam”.

Xem như quan hai Cờlác còn định ga gắm bộ đội cảnh vệ dạy nó học tiếng ta. Nếu thật Cờlác muốn học tiếng Việt Nam thì là một chuyện cũng dễ hiểu thôi. Kè gian cũng nhiều đứa thông thạo ngoại ngữ. Và ở cục tình báo CIA của Mỹ, khởi đứa nói sõi tiếng ta. Tôi kết thúc buổi nói chuyện nhức đầu, bằng cách nhắc quan hai Cờlác về cái cờ Mỹ nilông có một câu ăn xin viết thành 14 thứ tiếng kể cả tiếng Việt Nam:

- Nói ví dụ vì lẽ gì đó mà nhà người được trở về Hoa Kỳ, thì lần sau mà bay trở lại Việt Nam đây một lần nữa, hẳn nhà người không cần thủ theo trong người cái thứ cờ Mỹ mù soa hộ thân đó nữa. Phải nhảy dù xuống, không cần cờ nilông thông ngôn nữa. Nhà người nói tiếng Việt Nam có tội bồi đến đâu, ai nghe cũng phải hiểu ngay rằng đây là một thắng ăn cướp Mỹ đang nói giọng ăn mày.

TÌNH RỪNG

Ta, nước bé nhưng bạc tiền thì khá nhiều. Tiền rừng, bạc biển. Rừng tiền, bể bạc nhiều lắm đem cả đời mình ra mà đếm cũng không đếm xuể. Đếm sao cho hết được cây trên rừng, cá trên sông, lá trên ngàn.

Rừng Việt Nam là cửa cải cá nước. Cái kho tàng khổng lồ lộ thiên ấy phơi tơi ra trên quá hai phần ba bề mặt Tổ quốc. Mỗi gốc cây là một mầm hạt vàng. Kho vàng trữ kim của Ngân hàng Việt Nam ta không vàng choé vàng rộm, mà khói vàng đó lại mènh mông xanh ngắt xanh. Cả khói vàng ấy ngày nay trôi trên sông biển lớn, tới các bến cảng quốc tế mà đổi lấy máy về. Gỗ quý để xuất, không đánh đồng, không quy thước khối mà lại cân lên. Nói theo một cách nào đó thì, trên cân tiểu ly... một lang gỗ trắc, đúng là một lạng vàng, vàng xanh. Gỗ trắc khi bắc đồng cân lên, cũng nặng đồng cân như trọng lượng của một cỗ máy cày nông trường, một cỗ máy kéo trạm khai thác gỗ rừng.

Rừng Cúc Phương vườn quốc gia. Và huyện Đà Bắc suốt hai bờ sông Đà. Tôi tạm chép ra đây tên những thứ gỗ khác nhau mọc ra ở những rừng miền Bắc, nhất là hai khu rừng đó:

Hoàng anh, Giẻ gai, Sấu, Cà lồ, Nhội, Sâng, Thớ Vàng tâm, Sâng lè, Trai đất, Trai lý, Chò xanh, Chò nước, Chò chỉ, Chò nâu, Gội màu, Nghiến.

Muồng đen, Mun sừng, Mun sọc, Gụ mật, Kháo, Lát hoa, Lát de đồng, Lát chun. Lim xanh, Đinh gan gà, Đinh hương, Đinh thối, Đinh mật, Đinh khét, Đinh vàng, Thiết đinh, Kiêng, Sến mật, Sến đáng, Vải thiều, Táu mật, Táu mủ, Táu xanh, Kẹp già, Chò nhai.

Chua khét, Dâu vàng, Cây lách, Gội nếp, Gội tẽ, Thành ngạnh; Ngời thọ, Châm tía, Sâng tía, Nhè dầu, Đái, Cheo tia, Mả nhầm, Gụ hương, Phay sừng, Mát rừng, Thông ta, Trương mật, Khao dầu, Dẻ đỏ, Dẻ cau, Dẻ đè si, Vàng kiêng, Châm sừng, Sỏi đá, Nhè lụa.

Re xanh, Riêng đỏ, Dum, Rừng ràng đá, Ràng ràng mít, Chám hồng, Sỏi bột, Sỏi vàng, Thiều biêu, Vặng, Bồng bạc, Bai soi, Lai chua, Bô đê, Chân chim, Chám, O é, Cây quản, Mả nang, Chò ruốc, Cheo trắng, Sâng lau, Sếu đá, Bo sui, Sóng xanh, Lành hanh.

Từ ngay làm “khách” lâm tuyển, từ ngày biết đi rừng, từ ngày được làm chủ nhân ông núi rừng sông ruộng đất nước Việt Nam, tôi tập dần cái cách nhìn của người quản lý non sông để cùng mọi bậc quản lý khác sao bảo quản tốt được chỗ kho vàng xanh của mình nguy trang khắp vùng Tây Bắc đó.

Tôi biết rằng khoa học và kỹ thuật ngày nay chế biến được nhiều nguyên liệu của thời đại nilông để thêm tiện nghi cho sự sống hàng ngày. Nào là chất dẻo chất cứng chất tổng hợp. Và các thứ chất của họ hàng y ông y lồng sê thành bàn tù, ghế giường, trần nhà, khung cửa, tóm lại gỗ sê bị xem là lỗi thời. Xin lỗi! Khi mà tốc lực phản lực không có nghĩa là tiêu diệt con ngựa giống ngựa; khi mà cuộc sống có khoa học phát triển càng cần đến bông cây tươi thật sự của diệp lục, thì gỗ tươi khô vẫn còn là những thứ của muôn năm! Và tôi cũng biết rằng nhiều khi xây một nhà máy sản xuất công nghiệp nặng nhẹ lại còn chóng hơn trồng một gốc cây một rừng cây công nghiệp. Tôi biết rằng nếu có phải tận thế, thì ngày đó rừng cây vẫn xanh bất tuyệt như từ lúc sáng thế.

Tôi con biết rằng tờ giấy tôi đang viết đây, và cuốn sách in mang tên họ tôi đây, là làm ra bằng bột nửa bột gỗ của rừng trên kia ấy. Ngồi trong lòng đò đuôi én ngược thác Sông Đà, tôi nhìn lên nhiều đám cháy trên đỉnh đầu, tàn cháy nương mùa xuân bay đầy trời

như những đàn bướm đen nhúng cánh vào mặt ghênh trăng bợt. Trên rừng cháy, chỉ thấy khói, không thấy người. Nghĩ mà thấy giận người đốt rừng. Chính người đốt rừng ấy đang đốt bản thảo mình, đang đốt cơ man là sách in, trong ấy có cả sách của chính mình.

Tôi biết rừng là một kho thuốc, cả thuốc Bắc lẫn thuốc Nam. Người phỏng hóa rừng một cách tràn lan kia, đúng là đang đốt trụi cả kho thuốc Đông y của mình và xúc phạm tới nghề nghiệp của tất cả dược sư và danh y của mình. Tôi thấy như lửa của người đốt rừng đang xúc phạm vào thân thể cơ thể tôi đang được chữa chạy và bồi dưỡng bằng nhiều thang thuốc Bắc thuốc Nam.

Tôi còn biết rằng, rừng và cây rừng điều tiết được và cấm trich cho mục nước sông Hồng, sông Đà. Núi hói đến đâu và rừng trọc đến đâu thì dưới đồng bằng không có rừng, đê điêu càng dâng cao và mọc dài vong quai, thành ra đã đê ngoài lại còn đê trong nữa. Gốc cây già gốc cây trẻ rừng đại ngàn, nay thấy đúng là những công trình thuỷ lợi giờ xây sẵn cho mình từ trên thượng nguồn. Mỗi năm lũ to kéo về sông Hồng như một dòng nước mát đá lùn của những cánh rừng của những cây ngàn bị giết oan trong những trận hỏa táng cũ mới không cần thiết. Đại đột có tính chất đốt nat gây ra đốt sách, đốt kho thuốc, và dâng mài hóng

thuỷ lén gần sát mặt đê. Chao ôi, căm thù cao độ Mỹ phá hoại miền Bắc kiến thiết xã hội chủ nghĩa và quên đi sao được tội ác Mỹ ném bom đê đập. Nhưng những người chủ nhân ông tập thể chân chính của đất nước ngày nay càng thêm canh cánh những nỗi niềm giữ nước giữ rừng. Ănghen và Mác căn cứ vào trình độ giữ cây quản lý rừng mà đánh giá cái phẩm chất văn minh của những người chủ nhân ông chúng ta. Mà nhà soạn kịch lớn Đức dân chủ Bectôn Borét thì nói rằng: "Vật ấy thuộc về sở hữu của ai đó làm cho nó tốt hơn hẳn lên".

Lại nhớ đến đại văn hào cổ điển Nga Sêkhôp cũng nói về cây, về cùi, về rừng và về người giết rừng. Cách đây hơn bảy chục năm, qua miệng nhân vật lương y Axtorôp của kịch "Ông cậu Vanhia", Sêkhôp tha thiết với rừng người :

"...Tôi đồng ý là có thể đốn gỗ vì cần dùng, nhưng tại sao lại phá rừng đi? Những cánh rừng nước Nga rên siết dưới riu búa, hàng triệu cây bị chết, hang thú, tổ chim, trống rỗng chẳng còn gì, sông ngòi bị cát bồi và khô cạn dần, những phong cảnh tuyệt đẹp mãi mãi mất hẳn đi. Thành ra nông nổi ấy, chẳng qua chỉ vì con người ta biếng lười và thiếu cái ý thức thông thường để cùi xuống mà nhất lấy than cùi (...). Phải là hạng người man rợ mới điên cuồng đem cho tuốt vào lò sưởi tất cả cái đẹp đê đó, mới phá tan những

cái mà chúng ta không thể nào tạo ra được. Con người được bẩm sinh có lý trí và sức sáng tạo để tăng thêm gấp bội những thứ đã sẵn có, nhưng cho tới nay thì con người chưa sáng tạo mà chỉ phá hoại.

“Rừng càng ngày càng thưa thớt đi, sông nước ngày càng khô cạn, thú muông biến hết, thời tiết khắc nghiệt hơn, và đất đai nghèo cỗi và ngày càng xấu cắn đi (...). Mỗi khi tôi men qua khu rừng tôi đã cứu sống lại, hay khi tôi nghe lao xao một cánh rừng non do chính tay mình trồng được, tôi trở nên có ý thức mà thấy rằng khí hậu ra có phần nào lệ thuộc vào bàn tay mình, thấy như nếu người đời một ngàn năm sau đây mà được sống thỏa thuê hơn, thì ấy cũng là do mình có chút định gây ra vậy (...).”

Trong cái đồng cái lú giặc Mỹ quân dân ta bắt sống, có khá nhiều thằng phi công Hoa Kỳ bị tóm cổ tại giữa các cánh rừng miền Bắc. Một tên quan ba giặc bay chạm dù xuống đất vừa đánh điện dài, vừa ngơ ngác nhìn những bạnh gốc cây to quanh nó. Vừa chờ cứu viện, nó vừa cảm tưởng một mình về rừng của ta. Biết tôi thích sưu tầm những chi tiết về giặc bay Hoa Kỳ, anh kỹ sư lâm nghiệp đứng tuổi của cái lâm trường bắt sống giặc bay Mỹ ấy, sau này liền kể:

“Thằng đại úy đó bay trên miền Bắc ta tới hàng trăm chuyến rồi. Nó là người của hạm đội VII, nên

những lúc tàu bay nó bị trúng các thứ đạn kiểu cổ tân thời của ta, là nó lao chí chết mà ra cho được vùng biển. Trực thăng chúng nó đã hai lần cứu nó ở vịnh Bắc Bộ. Lần này, thì nó bị bắt giữa rừng. Hỏi nó xem nó đại khái biết về đất nước ta như thế nào, nó cười bằng môi (mà mắt thì vẫn chưa tan cơn hãi hùng) mà lắc đầu:

- Việt Nam đối với tôi là một khu vực thuộc về một tờ bản đồ nhỏ trong cụm bản đồ to của Đông Nam Á. Việt Nam là một hình vẽ trừu tượng có ba màu lam, nâu và xanh. Tôi thích màu lam ngoài biển hơn là màu xanh trên rừng.

- Sao lại ghét màu xanh của rừng Việt Nam ?
- Thưa ông, tôi không ghét. Tôi vừa nói là không thích màu xanh rừng.
- Tại sao lại không thích?
- Màu lam phía ngoài biển sạch hơn. Còn ở rừng xanh trong này thì không được sạch, có nhiều chi tiết cả tươi lẫn khô nó làm cho tôi càng thấy mình rơi vào một môi trường lạ và khó chịu. Rừng xanh của các ông, như tôi vừa có dịp được nhìn tận mắt, nó có đến hai tầng gác ba bốn tầng gác cây cao, to, rõ nét. Nhưng tầng dưới cùng thì rẽ lá cây leo cò gai, nhiều thứ khô tươi phức tạp quá.

- Rừng Mỹ chỗ cái bang gì què anh thì nó thế nào?

- Thưa ông, tôi cũng chưa biết nên so sánh như thế nào. Nhưng có thể nói ngay rằng tầng dưới cùng của nó sạch hơn chỗ rừng tôi nhảy dù này. Rừng quê tôi không ẩm, không có gai.

- Anh đi bay thuê cho bọn nhà giàu đúc đạn đúc bom, anh làm một cái nghề bẩn thỉu, mà lại cứ thích cái gì sạch. Anh là một người Mỹ khó hiểu.

- Ở bên Mỹ chúng tôi, bị bắt vào lính chúng tôi thích vao không quân, hải quân hơn là lục quân. Cho rằng đi đánh nhau mà đánh ở sát mặt đất, thì không tránh được lem nhem bùn bụi của mặt đất. Tốt hơn hết là được bay mà đánh nhau. Đánh ai, đánh để làm gì, có cần nhìn rõ tận mặt đối phương không, những cái đó cũng không thành ra những câu hỏi chúng tôi cần tự hỏi. Cùng là đi đánh Việt Nam, nhưng tâm lý người của không quân Hoa Kỳ là coi khinh những người lục quân viễn chinh Hoa Kỳ bị lem nhem khỏi bụi hàng ngày. Binhsĩ không quân thường khinh rẻ người lục quân, gọi họ là đám côn trùng bò sát - dù họ là sỹ quan Mỹ.

- Nay giờ đây, anh cũng đang là một con vật bò sát giữa rừng Việt Nam. (Nó liền nhún vai, với cái ý là có lẽ kẻ quan ba không lực Hoa Kỳ bị bắt sống này không thể nghĩ khác được và nói khác đi được, về cái

sự hiển nhiên đó. Nó lại phát biểu tiếp tục về rừng miền Bắc).

- Tôi bay trên miền Bắc Việt Nam, tôi bay qua phía trên rừng cây các ông hàng trăm lần. Sự ẩm ướt lôi thôi của rừng các ông bốc lên thành những mảng khói xanh lè. Và đường viền khu rừng thì loáng ngoáng lèo ngoéo gây sự khó chịu cho người bay ở phía trên nó vốn là những người quen sống với những cái gì đã vuông thì thật vuông, đã tròn thì thật tròn. Mỗi lần bay ở tầng cao mà nhìn xuống rừng xanh các ông ngọn đang ngừa lên trời, tôi cầu Chúa cho tôi đừng phải bắt buộc sống với cái nơi phía dưới rừng đó nó đúng là một nơi không thể có tí nào tiện nghi hàng ngày.

- Thế bây giờ anh được nhìn tận mắt cái phía dưới của rừng anh phá nhiều lần từ phía trên bom bắn xuống, anh thấy nó ra sao?

- Tôi là một người xú òn đới, nay vì chiến tranh mà biết nhiệt đới mà biết rừng các ông. Mới có lúc sờm tinh mơ đến buổi chiều, buổi chiều thì các ông các bà đèn bắt tôi, lúc ấy mặt trời chưa lặn hẳn. Cái ý rừng mọi khi của tôi chỉ là một khái niệm thì nay đúng là một sự hữu hình có nhiều chi tiết cụ thể. Mà cây to cây bé nào, mà chi tiết nao trong cũng không vui cả, nhìn gốc nao cành nào lá nao cũng có vẻ từ

chói tôi, giận dữ và muốn xông vào mình. Và khi tôi ôm điện đài muốn chạy khỏi chỗ đó, thì gai cành níu tay, níu chân lại, dây leo buộc chặt lấy chân lấy cổ giày. Màu xanh ở rừng các ông, đối riêng với các ông có thể là một màu gì của hy vọng, nhưng trong ngày thất vọng cứu viện đó, giữa cái xanh nhiệt đới á nhiệt đới tuyệt vọng đó, tôi đã rút súng lục ra. Không phải để tự tử, không phải để bắn ai khi mình tự vệ, nhưng tôi đã bắn chỉ thiên. Tôi sợ cái vắng vẻ cô đơn. Khi tôi ở gia đình hoặc ở căn cứ, hoặc ở câu lạc bộ hạm đội, thấy vắng vẻ là tôi quay đĩa hát nhạc Giado. Tôi bắn phát súng để chống lại sự cô quạnh, dù rằng tiếng nổ ấy chỉ làm cho người quanh đây tìm đến bắt mình nhanh chóng hơn. Ôkê! Thà có người đến trói mình, còn hơn là sống thèm một đêm thiêu hàn tiên nghi và chỉ có toàn là cây dữ tợn và đêm tối.

- Rừng ở cái bang quê anh có dữ tợn thế không?

- Không khi nào. Nó sạch, nó vui, nó khô sáng. Nhưng kỳ nghỉ lễ, rùi các bạn gái ở các khoa đại học trường mình cùng đi rừng để hái nấm thì tuyệt ông ạ. Chao ôi, ông lai hỏi tôi có mong được chấm dứt chiến tranh, tất cả người Mỹ đều được trở về với rừng, với biển, với thành phố nhiều tầng của mình, với mọi sự tiên nghi của mình và riêng tôi chỉ lại trở về với cái rừng ôn đới quen thuộc của mình để ngày chủ nhật đi hái nấm. Chao ôi! Các ông thật là những

người khác hẳn với những cái họ nói bậy về Việt Nam và các ông.

- Rừng Việt Nam cũng không đến nỗi đáng ghê sợ đến thế đâu. Người phi công Hoa Kỳ bị bắt sống giữa rừng Việt Nam, sợ rừng Việt Nam thì đúng thôi. Đó là cái sợ của một kẻ gian tà, của một người bất chính, của trộm cướp khi lạc rừng. Đó là cái sợ của một kẻ tự thấy mình là một người thừa tại một địa điểm của chiến tranh toàn dân mà không ai bảo ai mời mình tới cả... Nhưng mà rừng Việt Nam cũng có nấm, nấm hương rất thơm. Mùa xuân nghe tràng sám đầu năm nổ rền, ấy là rừng nấm thức giấc, và nấm hương đều dần dần ngồi dậy, người Mán người Mèo liên đới trái hội nấm. Và giữa lúc hái nấm ấy nếu có phi công Mỹ tới thì họ để nấm đó mà bắn tàu bay, và nếu phi công rơi thì họ đến bắt coi như là phát hiện thêm ra được một thứ nấm độc cần phải cất riêng ra một chỗ...

Trong lao động ngày xưa, thày nói đến *ngư* (nghề chài lưới), *tiêu* (nghề làm rừng), *canh* (giồng giọt), *mục* (chăn nuôi). Theo cách sắp xếp cũ, để ông chài và ông tiêu lên đầu bảng, thày các cụ ta ông cha ta xưa phải có một cái nhỡn quan về thực tế, có một cái nhận thức thực tiễn như thế nào thì mới nêu ra cái trật tự “*ngư tiêu canh mục*” đó. Nước ta vốn là một thực thể địa lý trên đồi rì rào, cuồn cuộn cả một hệ sông ngòi

chí chít và bạt ngàn xanh ngắt xanh cả một thế giới rừng (giờ ta nói rừng Việt Nam chiếm qua hai phần ba toàn cõi đất đai; chứ ngày xưa chưa懂事 rừng để vỡ đất cày cấy, thì chân rừng còn ăn tảo xa nứa khắp nơi). Sông ngòi suối ao đầm nhiều như thế, rú rừng núi non đóng như thế thì nhất định phải nổi lên cái hình ảnh “giang hồ mãn địa nhất ngư ông” (sông hồ chật đất một ông chài) và “quẩy gánh càn khôn tráy xuống ngàn”. Vào cái thời xa xôi trước cả sử chép thành văn tự ấy, cách sinh sống thông thường của một người Việt Nam bình thường và cổ điển bấy giờ là con cá đi trước, bò cùi theo sau. Và nghề làm rừng được coi là một nghề chính thống xếp vào bậc hai. *làm nghề đốn cùi đốt thân*“ người cha của Thạch Sanh là Thạch Nghĩa ”đêm ngày giữ tẩm long son - cỏ cây là bạn núi non là nhà“.

Văn học dân gian đã ghi lại cụ thể cái cảnh đời của ông tiêu đứng thứ hai trong bốn nghề lao động chính ngày xưa:

*Gia tài có một búa rìu đốn cây
 Đốt than kiếm cùi thang ngày lân la
 Rừng xanh núi đỏ vào ra.
 Chim kêu vượn hót áy là thú riêng*

(Thach Sanh)

Giang sơn một gánh cùi cành trên vai

May ra gặp buổi tốt trời

Cơm lam cũng được đủ hai bữa liên

Chẳng may gặp buổi trời phiền

Gió mưa lại được nghỉ liền nhịn suông

Rau: rêu mọc, nước: suối tuôn

Đỡ lòng ngồi ngắm càn khôn chuyển vần

(Thạch Sanh)

Và người lính các triều vua xưa, đồn trú nơi biên
viễn, cũng một tay đá đá sang nghề làm rừng mà hát:

Ngày thời ngả gỗ, sớm tối đồn việc quan

Ngả gỗ (ở) trên ngàn

Hữu thân hữu khổ biệt phàn nàn cùng ai

Anh chỉ phàn nàn cùng trúc với mai

Những dang cùng nứa biết lấy ai bạn cùng

Xót xa như muỗi đốt trong lòng...

(Trấn thủ lưu đồn)

Chao ôi, cái rừng nước ta trước đây sao nó lạnh,
nó buồn đến dường ấy. Buồn và sợ. Sợ nên người buồn
cửa rừng, người chạy hàng xách thượng nguồn mới
thành ra một nét phong dao:

Tháng chín thì quýt đỏ chín

Tháng ba ngái mọc, lái non tìm về

Trong cái rừng quá khứ đầy ma thiêng nước độc và oán than, thỉnh thoảng vẫn có cái tiếng rìu búa làm ăn của một số người vừa lao động vừa ghét nghề và coi rẻ nghề mình. Những tiếng búa rìu chém gỗ khô đãn gốc tươi cung chí chát huỳnh huých một cách lè tè thê thòi và tiếng xèng gỗ cũng rời rạc đúng như có một cái gì chát xít đang vít lại mạch cưa. Rừng xưa buồn lạnh, người lái rừng thấp thỏm, và người thợ rừng cô quạnh biết là chừng nào. Cho tới bây giờ...

Bây giờ thì đâu đâu cũng có trạm máy của lâm nghiệp, đâu đâu cũng có trạm khai thác gỗ rừng và các lâm sản khác. Người làm rừng này chính là những người làm chủ tập thể và những cánh rừng của cải của mình. Người tiêu phu người sơn tràng Việt Nam 1967 không phải là những cái bóng rìu lè, bóng búa lè, bóng cưa lè như xưa. Nay họ mở lối đường cho máy vào, nay họ đánh lấp đường chõ gỗ ra. Mở đường trong lòng rừng, và trên trời qua các ngọn rừng, họ căng dây cáp để lao hàng. Có đường vào, có đường ra, khí hậu rừng chuyển dần. Đông người vào rừng, đi rừng, tổ chức rừng, hơi người làm ấm hẳn rừng lên. Giữa rừng hoang xưa, bóng người tiêu phu cô lè, tiếng động của rìu búa cứ lọt thỏm đi giữa sa mạc xanh rì một màu mõi ẩm mà nếu có tiếng dội vang lại thì đây cũng chỉ là cái tiếng đồng vọng của một cõi tự nhiên vô chủ mùa nào cũng bắt nạt kiếp người. Từ hôm

rừng già được đặt vào trong những thiết chế xã hội chủ nghĩa, rừng có một nếp sống mới của những tiêu phu những sơn tràng mới, của những hợp quần công nhân lâm nghiệp. Bên cạnh những rừng cũ nguyên sinh, mọc dần lên những mảnh mới xanh non của rừng tái sinh. Bên cạnh những rừng cây công nghiệp ngắn ngày, bùng bùng lên cành lá những khu vực rừng cây của tư tưởng lam ăn lâu dài, đời cha trồng rồi đời con đời cháu mới hạ gỗ đốn cây tăng thêm trữ ngân cho Ngân hàng xanh Nhà nước ta. Người làm rừng nay là những công nhân, những nhân viên kỹ thuật, những trí thức trẻ sống thành đội thành đơn vị cung chung một nỗi lo, một niềm vui của một cuộc sống khai thác có quy mô nền nếp. Cửa rừng nay thành ra thị trấn của những Thạch Sanh tàn thời. Chỗ này chỗ kia lòng rừng, có điện sáng và máy chạy âm âm nỗi những cơn lốc bão mới giữa rừng nay. Trâu kéo nửa gỗ hàng đan hàng trại. Voi bốc gỗ băng voi băng gối băng sức vai. Lại có cả trâu máy, voi máy giúp thêm sức kéo sức chuyển cho trạm khai thác gỗ. Nay người làm rừng lại có riêng bài hát của họ. Những bài thơ của người làm rừng tự gieo lấy vẫn, những câu chuyện của người làm rừng tự tìm lấy kết cấu cho truyện viết, thấy có một cái gì của sự lạc quan yêu nghề. Rừng ta hôm nay thiệt là đông người. Rừng hôm nay mới thật là vui. Rừng, giờ vẫn chưa hết lo

(lo bị động với thiên nhiên, với những đột xuất; lo cho cái mức phải đạt phải vượt). Nhưng có thể nói là rừng bây giờ đã hết rồi cái nỗi sợ... cái nỗi sợ rừng dưới cái luật rú râm hoang bạo ngày xưa. Đúng thế, bây giờ mỗi khi thấy rừng miền Bắc mà vẫn không hết run sợ, cũng lại chỉ có mấy lũ bắt lương, mấy bọn biệt kích phi công Mỹ thồ phi mà thôi.

Trước đây khoảng một góc tư thế kỷ, ai không định làm chủ hiệu, làm nhà thầu, làm ký, làm quan, làm vua, làm giặc thì nhảy ra làm báo, làm thơ, làm truyện. Hồi ấy ít có cây bút nào nghĩ tới chuyện phải trồng cây gài rừng trong thế giới văn và nghệ. Hồi viết lách hoàn toàn cá lẻ áy, mạnh ai nấy làm, cái cây nào không mọc được thì rồi cứ lụn úa đi mà chết còn cây bút nào sống được thì cứ thế mà bệnh gốc và lao lên phía trên một cái rừng văn “giời sinh” áy. Ngày nay lớp người viết văn xem như sướng hơn lớp trước. Nếu lớp trước tự mò lẩy mà làm nghề, thì nay đã có hẳn sự giúp đỡ, nâng niu, hướng dẫn bồi dưỡng, người có thực chất có chân tài không còn phải lo cái nỗi không bắt được rẽ, không này được chối, không ngâm được quá. Trong những khu rừng chính tay con người trồng lấy cây ngắn ngày, dài ngày, càng ngong ngóng những cây to cây cao vươn ngọn lên nữa trong rừng văn nước ta. Ư, mà tại sao ta nhiều rừng mà lại ít thấy điều đó được ánh vào văn thơ. (Nó cũng như ta

rất nhiều bể, nhiều bờ bể, mà bể ít thấy ở tranh vẽ). Không, cũng đã có những trang những chương viết về rừng. Nhưng ở đây, mới chỉ nói đến cái giàu của rừng. Chưa thấy nói đến cái đẹp của rừng. Rừng Việt Nam đã GIÀU lại ĐẸP nữa. Cần có một thứ cảm xúc mỹ học của rừng, về rừng.

(Nhân một buổi họp bàn về truyện ký
dự giải của Tổng cục Lâm nghiệp, cuối 1967)

MỘT NGÀY ĐẦU NĂM TRÊN BỂ THAN HỒNG QUẢNG

(tuỳ bút)

Dêm qua, tại một phòng tro khách sạn bờ biển Hồng Gai tôi xin anh bạn cùng buồng cứ cho phép tôi bật đèn suốt đêm, - điện Hồng Quảng quả là có sang hơn nhiệt điện nhiều nơi khác. Đêm qua giao thừa 1968 - 1969, khó ngủ vì sóng vịnh Hạ Long vịnh Bắc Bộ hay là vì sóng trong chính lòng người?... Nó, nó chính thức (mà không dám công khai tuyên chiến) phá hoại miền Bắc mình là ngày 7 tháng hai 1965. Nhưng thực ra nó đã làm cái việc khôn nặn đẽ từ nửa năm trước. Ngày 5 tháng tám 1964 ấy, nó từ ngoài khơi áp vào đánh trộm khu mỏ, và thằng tù Mỹ giặc bay đầu tiên miền Bắc ta, quân dân Quảng Ninh ta bắt sống tại trận là thằng quan hai Hòa Ky Anvarét. Thiếu úy hải phi Anvarét bị tóm ngay trên sóng vịnh Hạ Long này đây, và ông chai Hồng Gai đã bắt sống nó như bắt một con cá mập lạc chân sóng. Rồi cũng từ đó

Quảng Ninh lam tới 163 chiếc Mỹ mà tiếp lênh hàng thứ sáu trong danh sách các tỉnh dũng sĩ diệt Mỹ trên miền Bắc. Và hôm nay tại Paris, bị chiến thắng quân sự cùng là ngoại giao ta dồn vào một góc phòng để quốc Mỹ lai đang bầy trò kê ghế kê bàn nào mèo nào tròn cố ý kéo dài cuộc họp. Năm mới 1969 rồi ra sẽ mở cho chúng ta những thắng lợi mới, những chấn giờ mới. Chiếc thuyền máy sớm đầu năm tết dương lịch đưa tất cả gái trai trẻ già của "Hội nghị viết về công nhân" đi thăm vịnh Hạ Long một vòng rộng. Gần bên, gốc đào ta đã bói máy nụ cho nở mấy cánh nhẹ sáng đầu mùa. Bồ câu biển là là cánh trắng nhắc đến những lá thiệp chúc Tết của bạn ta đang kịp thời đáp vào bờ mình. Sáng mồng một Tết, ngồi thuyền trên một cái vịnh hòa bình Hạ Long mà du khách các nước ngoài đều liệt hạng là kỳ quan thứ tám trên thế giới đúng là một cái Tết không thể coi là bình thường. Tôi nghe biển sớm nay như có khác với tiếng sóng mọi năm. Sóng có vẻ thách thức nhiều nhưng hứa hẹn cũng nhiều. Trong hơi sóng nước đâu năm thấy đậm đà cái tiếng của ngày mai. Và nếu biển là hình ảnh của một cái gì không bao giờ mệt mỏi thì sớm Tết 1969 sóng vịnh càng hồn hở càng như khắc vào nhogn quan minh ràng chỉ núi có chịu già chứ biển và sóng biển thì trẻ tráng đời đời. Chặt, chặt, bao giờ thanh toán xong chuyên ba thằng Hoa Kỳ, thi dọc bờ biển

đây, tính từ bấy giờ Trà Cổ, cần phục hồi và xây thêm nhiều khu an dưỡng nữa để tất cả mọi người lao động chân chính bồi thêm sức mà bắt thêm tay vào nhiều việc mới của vận hội mới. Cửa biển Hải Ninh là một vườn hoa nước mặn trên đó bừng nở biết bao quả trái đặc sản đem thêm vò vèn thơm thảo vào cuộc sống hàng ngày càng lớn lên: tôm he, mực ống, trân châu trai sò, rau câu, sứa nôm, váy bóng, cua trứng, hải sâm, bào ngư cửu khổng, cùng là v.v... và hôm nào muôn chiếc thuyền con chèo theo ông chài râu tóc phơ phơ đi hết luồng lạch hai vịnh Hạ Long. Khoái từ long mà phục hồi lại tất cả tên cõi nôm na thân mật của tất thảy hòn cù lao mẹ, hòn cù lao con của Quảng Ninh đồng bể đã bị đế quốc Pháp trợ tơ gọi hầu hết thành tên Tây mà tối nay bàn đô mình chưa xoá xong, - mặc dù tên thực dân chính cuối cùng ta đã tống khỏi vịnh Bắc Bộ từ hè 1955.

Trận gió bắc đầu năm đang tiên vào biển Hạ Long, tiến tới đâu thì núi đảo trong vịnh chuyển sắc tới đó. Phía dưới, gió mùa chưa dồn tới thì ánh sáng năm mới vẫn đang hòa vào một đoàn tàu xếp hàng vào cửa Nam Triệu và tiến dần vào bến Hải Phòng. Tôi rời vịnh đẹp nổi gió, tôi bỏ biển mà đi vào núi. Núi đen Cẩm Phả càng lồng gió. Trong mù lạnh sương buốt, những cỗ máy xúc mỗi ngày xúc bằng sáu ngàn cánh tay người đang nổi còi gọi đàn xe bò tót, xe gấu nhanh nhanh tới mà lấy than. Coi một tiếng là đất, hai tiếng

là than tốt, ba tiếng là than lân đất: đàn bò, đàn gấu núi cứ nghe còi mà tìm vào, lùi vào nhích ra đều là tuân theo ngôn ngữ phong phú và chính xác của tiếng coi xe rúc. Lườn tầng than như một cái gáy đen rậm tóc và cầu xúc như một cái tông đơ tổ bố cứ đều đều mà đưa ngược lên gáy than, mỗi nhát tông đơ như thế là đủ ba bốn thước khói đen ánh. Thấy máy là quý và càng quý yêu cái nghệ thuật đưa ngược “tông đơ” Liên Xô vào gáy than rất ngọt rất gọn của anh thợ mỏ Đèo Nai. Đứng xa mà nhìn năm tầng than trên lườn đèo, thấy máy chục cần máy khoan lỗ mìn như một hàng cột buồm của đoàn thuyền nào bị sóng ngoài kia đẩy vào tháu đất liền này. Khắp lưng đèo đen tầng đen, bật ánh lên những giấy bia đỏ, trắng vàng, bọc mìn mang nhãn hiệu đủ các bạn. Trên đèo sương mù ròn rã còi gọi gáu nhận than, và dưới xa ấy cũng ngân vang còi xin than của tàu nước ngoài đang tháp thoảng trong vịnh Khoái Tử Long, nó là cái vịnh chị em đẻ sinh đôi với Hạ Long. Những via vàng đen óng ánh mãi len màu giàu có. Các xe than kìn kìn tuổi than vào cái yết hầu lọc than của hệ thống đường băng sàng than chạy mãi ra tới cửa (Đức) Ông. Đứng tựa vào lan can bao lớn đen ánh này, nhìn ra toàn cảnh vịnh Khoái Tử Long thấy cái vịnh em này còn như xinh tươi duyên dáng hơn cái vịnh chị ở phía Hạ Long. Hình như có ai từ Đèo Nai dày vô ý cho lăn xuống vịnh không biết bao nhiêu là khói than to mà không cho nó chạy qua cái cửa lọc của hệ băng sàng này. Tất cả những đảo biếc ngoi trên vịnh xanh dưới

kia đúng là những tảng than cõ-rip-lê đại cõ lồ một hôm nào trong tương lai cũng cần lọc lại.

*

* * *

Năm mới bao giờ cũng bắt gặp anh ở một chặng một điểm nào đó trên đất nước bao la yêu thương. Ngày mở 1969 đã gặp tôi trên biển đẹp Hồng Gai. Trên núi giàu Cẩm Phả, tỉnh lớn Quảng Ninh đúng là một tỉnh mờ đầu dọc biển quê hương, đã giàu của giàu người, mà lại còn đẹp cảnh đẹp lòng. Tôi không thích mê tín cù kỵ, nhưng cũng có một chút kinh nghiệm là thường mà gặp cái Lớn, Cái Giàu, cái Đẹp vào giữa lúc xuất hành đầu năm, thì hình như cả năm ấy, mình thấy mình sẵn sàng nổi gió, và nhất định là truyền cảm được những khát vọng cao quý ấy rộng hơn nữa, xa hơn nữa.

... Từ Móng Cái tột Bắc thấu Hà Tiên cực Nam, ven biển cát ta dài được 3.260 cây số. Cách Móng Cái, cách Trà Cổ ít thôi đường bãi, là bãi cát Sa Vỹ. Sa Vỹ là cái chấm đầu của chữ et sì (S) hình thế đất ta. Viết ra mà càng thêm nhớ chỗ cuối trời cuối cát biển thùy đã mấy xuân thu chưa tối lại.

HÀ NỘI TA ĐÁNH MỸ GIỎI*

(Tùy bút)

- Hội Văn nghệ Hà Nội - 1972
Nhà xuất bản Văn học Giải Phóng - 1976
Nhà Xuất bản Hà Nội - 1983

Ở MẶT TRẬN HÀ NỘI

Giòn Xon mỗi lần gửi thêm phi công Hoa Kỳ sang thử lửa của Việt Nam thường áp úng không nói rõ cho phi công nó biết đích danh địa điểm. Chỉ nói là đi Đông Nam Á. Sang đến Đông Nam Á rồi, đóng ở căn cứ Thái Lan rồi, đóng trên hạm đội VII rồi mà mỗi lần sắp đi đánh Việt Nam, thằng chỉ huy phô biến mục tiêu cho thằng bay cùng giữ kín. Thằng bay chỉ được biết rõ hướng bay và mục tiêu Hà Nội, nhiều khi nó gọi tránh đi, không gọi tên mà lại gọi theo vị trí địa lý, gọi theo tọa độ “21 độ vĩ tuyến Bắc, 105 độ kinh tuyến Đông”. Tâm lý chung của phi công Mỹ là không thích bay vào Bắc Việt Nam. Nói lóng với nhau, chúng đã gọi Hà Nội là “tọa độ lửa” vì nhiều tên đà hút chết bởi lưỡi phòng không của Hà Nội.

Tôi tới thăm trận địa phòng không của tuyến lửa Hà Nội, nhìn súng cao xạ, bưng thử những viên đạn to bằng bắp vế, mà lại cứ nhớ cái hình tượng “tọa độ lửa” do phi công Mỹ “kinh tặng” cho Hà Nội. Những

chiến sĩ cao xạ thành Hà Nội rất nhiều người trẻ, tre quá. Có anh lại xinh như một cô gái quê đen giòn cái nước da bánh mật, một thứ đen giòn của gió nắng trận địa ngoài trời một trời lửa Hà Nội. Tôi kể cho anh nghe rằng phi công Mỹ nó gọi Ha Nội ta là "toa độ lửa", anh cười ngay: trên khuôn mặt đen chắc, hàm răng trắng lóe nhanh như một làn chớp lành. Tôi lại bảo "đơn vị cao xạ ta mà làm kịch để dân vận địa phương, anh đóng vai nữ được đây", thì anh lại vẫn cười. Đâm thèm cái cười lành của anh pháo thủ trẻ. Có lẽ sau một ngày luyện pháo cật lực, lúc ngủ say, mặt anh cũng tươi giống đóa hoa như lúc tỉnh mà cười này. Và lúc anh không cười, ấy là những lúc giặc Mỹ lái máy bay luồn lách vào trời thủ đô, anh tập trung nhồn lực vào đầu đại bác đang bắt lấy mục tiêu phản lực Mỹ.

Ở đơn vị cao xạ đây, người Hà Nội có, người Huế có, người Sài Gòn Lục tỉnh có đủ. Ngồi ở trận địa phòng không bờ sông Hồng mà nghe các anh kể chuyện sòng Hương phong trào Huế, sông Bến Nghé phong trào Sài Gòn mà thày nóng lòng sốt ruột quá chừng. Chà, con người "thành đồng tổ quốc" đáng cho ta lạc quan lắm, nhưng cuộc sống Sài Gòn nay bị Mỹ nó phá quá chừng. Nam bộ làm ra thóc gạo, mà nay Sài Gòn phải ăn gạo Hoa Kỳ nó chờ qua. Phố Tự Do Sài Gòn bây giờ đã mặc quần nilông hiên ra cá giữa

ban ngày. Sự sống Sài Gòn nay nhất đĩ nhì Mỹ, Mỹ và đĩ là cùng một vần. Bằng giá trị xã hội Sài Gòn nay là “nhất Mỹ, nhì đĩ, tam sư, tứ tướng”. Hôm nào thanh toán xong bọn Mỹ mà cùng lên đường vào Huế Sài Gòn cùng một chuyến xe tàu! Còn đường sắt Xuyên Việt lúc ấy rồi nối lại cũng chóng thôi. Thêm nữa đường bê, đường mây rồi tha hồ phát triển. Tàu bể mất bốn ngày, tàu bay ba bốn tiếng đồng hồ. Tình hình Sài Gòn nay khá lầm. Mà tình hình Huế thì càng khá hung. Hôm 29 tháng 6 vừa rồi, Hà Nội bắt sống quan ba tàu bay Mỹ thì, cũng ngày đó, Huế diệt gọn một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ. Mùa xuân quân giải phóng Thừa Thiên diệt đòn A Xầu, tin chiến thắng ấy còn là xa xa đòn vong về (A Xầu cách Huế dăm ngày đi bộ đường trường độc đạo) chứ bay giờ thì, đêm đêm Huế vẫn nghe súng Giải phóng từ ngoại ô vong vào. Rồi nào là phá sập cầu Phò Trạch, cầu Mỹ Chánh, đánh An Cựu, An Hòa. Hè Huế năm ni con sông Hương xưa lặng trôi như rứa mà đã cồn sóng lầm rồi. Chao ôi, tại bến Thương Bạc xinh bé của Huế cổ kính nay có những cuộc mít tinh chống Mỹ hút đến nấm vạn con người, một góc tư dân số kinh thành. Trước tinh thần vung dây của quân dân Huế, nay luôn luôn có tiếng Mỹ kêu rên nỗi lén từ cái đài tiếp âm Hoa Kỳ đặt tại Gia Lé cách chợ Đông Ba có nửa giờ đạp xe. Sân bay Phú Bài chừ nhanh hàng sứ

lính thủy Mỹ đóng giữ. Thông núi Ngự Bình vướng đường đạn. Hoa Kỳ chật trại. Rồi xe tăng nghiến lèn các bàn thờ Phật đặt trên hè phố. Rồi thăng quan năm Hoa Kỳ phụ trách sân bay Huế tên là Uyliam lai âm mưu biến Huế thành sở mập phu đàn bà cho các hăng chớp bóng Mỹ. Khách sạn Huế, Mỹ còn bày ra cái trò phòng tắm phải có đàn bà địa phương kỳ lùng gai lưng cho chúng. Một o bán chè bị ép vào làm công cho khách sạn, sau một buổi kỳ lùng Mỹ, đã bỏ về bỏ cả tiền lương tháng. Và sau đó một thời gian, bà con Huế thấy o xuất hiện giữa rạp xinê Gia Hội, miệng thì nói loa xôn xona tay thi rải biết bao chiếc nón bài thơ rất cổ truyền của Huế cổ điển, đã thấy in hẳn lên những dòng khẩu hiệu “American go hom - Mỹ cút đi”. Tà áo dài cô nữ sinh nào cũng buộc đá vào chéo lụa mà trở thành cây thiết lịnh quật vỡ tất cả cửa kính thư viện Hoa Kỳ. Những trò nữ liền cùng trò nam nỗi lửa lên mà đốt cháy rụi đồng sách yêu nguy của giặc Mỹ. Thấy càng bôi hồi nghĩ lại cái buổi sơ đầu Huế nhen lửa phong trào, có chị En cắt món tóc mây để in truyền đơn cứu quốc. In xong, cặp vợ chồng En đi rải truyền đơn chống Mỹ, chồng đẹp xích lô, vợ ngồi trên xe mà rải...

Câu chuyện Huế liền được tiếp theo bằng nhiều mẫu chuyện chiến đấu của Sài Gòn bất khuất. Và anh cán bộ Nam Bộ bèn chen vào luôn: “Anh Nguyễn Văn

Trời có những ngày đã làm nghề xích lô tại Sài Gòn". Liên có nhiêu tiếng pháo thủ trẻ quê ở Hà Nội cùng nói một lúc: "Bộ tư lệnh Hà Nội vừa biếu dương thành tích của một bác xích lô thủ đô Hà Nội tái đạn từ kho đến trận địa suốt hai ngày mà không chịu nhận tiền thù lao".

Trời nắng quá. Ngoài kia tường đất của trận địa pháo là cánh đồng bao la. Nóng. Quanh trận địa có những em bé đang mò cua bắt ốc. Cua lồm ngồm bò cả lên chân tường trận địa. Một pháo thủ chỉ các em bắt cua: "Những hôm nắng to mà lại bắn liên tay, liên hồi, chỉ mong cái bát canh cua đồng mát ruột". Thực ra ở đơn vị này không thiếu thịt gà, mỡ lợn. Con lợn to tướng đang khệ nệ đi lại chỗ phía rada kia, các anh ấy bảo cân đúng hai tạ thịt đấy. "Nhưng mà không muốn thịt. Vì nó ở lâu với đơn vị, chuyển đi đâu nó đi tới đó. Lại quen cả súng nữa. Mỗi lần đánh Mỹ nổ xe trời như vậy, mà nó không sợ chạy, nó vẫn quẩn quanh trận địa mà ngoe nguẩy cái đuôi trông cũng hay ra phết".

Qua cầu Long Biên, mình cứ bận tâm đến mấy đơn vị pháo đặt trên nóc cầu, ngày đêm thường trực trên đó mà canh giữ mặt sông cùng là góc trời. Trên tít cù lèo nóc cầu sắt, gió nhiều mà nắng cũng quá nhiều. Thế mà đơn vị lại còn trồng được cả hoa mười giờ nữa kia đây. Cơm nước đều kéo dây cho con ròng rọc rút

lên, bát canh cua đồng cũng ròng rọc. Nước tưới cái khóm hoa tí ngọ đỏ chói áy, hẵn lại cũng kéo lên bằng ròng rọc.

Trước mặt, cách cái bàn độc đáo một thước, trên một cái ghế đầu của trại giam, quan ba Nin Giôn đang xèo bàn tay, giơ cánh tay ra kéo cánh tay vào diễn lại cho tôi xem một động tác thông thường trong buồng lái, nào là tránh né, luồn lách ra sao, nào là ẩn đạn và cắt bom như thế nào. Nay coi Nin Giôn như chỉ còn lành lặn một tay phải - hôm nhảy dù chí từ xuống để mà đầu hàng - Nin Giôn cũng chỉ giơ lên trời Hà Nội được có mỗi một cánh tay phải đó mà thôi. Cánh tay trái bị gãy không rõ là vì bị đạn phỏng không bắn lên, hay là vì bị đập vào thành máy bay lúc vọt ra, tôi không hỏi. Trên và dưới khuỷu tay trái đều bó bột, cánh tay đeo lên cổ băng những vòng vải băng trắng. Tôi lúc đó giống như một ống máy quay phim đang tìm mọi cách quay đặc tả phóng đại về cánh tay và bàn tay Nin Giôn đối diện, để thấy cho kỹ hơn nữa về cái chiến lợi phẩm sống này của Hà Nội chống Mỹ. Tôi nhìn hẵn, hẵn nhìn xuống bàn tay hẵn, và trong đầu tôi phục hiện lại trận Hà Nội đánh thắng không quân Hoa Kỳ ngày 29-6-1966. Hôm ấy mới thật biết súng và đạn thù đù ta nhiêu thật. Lứa căm thù bốc cao, súng không ngọt rền. Gió vẫn thổi, nhưng bầu trời ngoại ô Hà Nội, cứ đặc đèn rất lâu

những nồng khói mờ hóng của cao xạ, trong hoa khói ánh ánh những nhân lửa nhí lửa lấp lánh cá giữa ban ngày. Buổi trưa hôm ấy nắng lầm. Nắng to và nước sông Hồng cũng đang lên to. Đánh cá giặc nước, đánh cá giặc trời, người Hà Nội sẵn sàng chống thiên tai phòng hô đê lũ, và đã sẵn sàng chống Mỹ thật là cụ thể. Mỹ hôm ấy đã thấy thế nào là lửa của người thủ đô, thế nào là đòn súng của quân dân thủ đô canh giữ một góc thành Hà Nội. Chớm vào vòng ngoài thủ đô, Mỹ hôm ấy rụng luôn bốn chiếc phản lực. Thiệt máy bay, mất người lái. Giòn Xon sau hôm đó còn bị nghe chửi cùi tối cả mặt mũi lại. Cả thế giới chửi. Thấy ta họp báo chí trong nước và ngoài nước tại Hà Nội để đưa ra giữa hội nghị một thằng quan ba phi công Mỹ vừa tóm được giữa trận đánh, hôm ấy thằng Giòn Xon cũng họp báo ngay tại Hoa Kỳ. Cùng là họp báo nhưng Hà Nội họp báo để vạch tội ác Mỹ (và minh họa ngay bằng thằng tù phi công lù lù đứng cúi đầu giữa hội nghị kia kia) còn Hoa Thịnh Đốn thì họp báo để nghe Giòn Xon tự gỡ tội, thanh minh một cách áp úng, lúng túng. Quân dân Hà Nội đã từng chiến thắng để quốc Pháp với truyền thống hào hùng của Trung đoàn Thủ đô của mình, hôm ấy thật là hả dạ khi đánh gục bốn con ma thần sấm phản lực Hoa Kỳ. Càng hả dạ hơn nữa khi bắt sống ngay người lái của nó. Lại càng hả hê hơn nữa khi thấy giải thắng quan

ba Mỹ khốn kiếp đó qua phố Hà Nội. Cùng trong một ngày, buổi trưa bắn Mỹ, buổi chiều lùng bắt Mỹ, và vừa mới bật đèn đường, đã cho áp giải ngay thằng giặc Mỹ qua phố nhà mình, người Hà Nội quả là có một phong cách làm việc thật rất chi linh hoạt và kịp thời. Bên kia ngoại thành đang còn phải dập tắt đống lửa tội do phi đội Hoa Kỳ vừa gây nên, thì bên này nội thành đã hội nghị thông tin, và giữa cái phòng họp sáng trưng đang ngùn ngụt ý kiến về chiến tranh (cụ thể tại Việt Nam) và hòa bình (giá vờ của Hoa Kỳ) thì đã thấy giải vào một thằng tù Mỹ mặt như tràm đổ. Vâng, đúng nó, nó là quan ba phi công Nin Giòn, phải, đúng cái thằng bay trộm vào bên kia sông giữa trưa hôm nay đây. Nó bắn ta, ta bắn nó, vậy nó suốt cả buổi trưa hôm nay đây. Nó đã cúi gục xuống, nhưng người nó vẫn còn cao lêu nghêu với một cái đầu hói cua lõi bàn chải. Mỗi nó rẽ hẳn ra, không phải vì dè bỉu gì ai ở đây (bố nó cũng chả dám nữa) nhưng vì là cái mặt nó sinh ra với cái tật mồi như thế. Nó mặc một bộ quần áo ka ki Mỹ chính cống, cà quần cà áo không có tí khuy khuyết nào, mà mép quần, mép áo, mép túi toan là đóng mở bằng răng cưa tia-rét mạ kẽm. Trong bộ áo đánh nhau ấy, mồ hôi nó vã ra, như một con bệnh thoát dương.

Không nói hẳn như thế, nhưng người dẫn nó vào phòng họp có vẻ như nói với hội nghị đông đủ báo chí

nước ta và nước ngoài rằng “xin được trình với quý vị thấy rõ cái mặt thằng ăn cướp Mỹ này”. Cái tiết mục Hoa Kỳ đó thật là “háp dẫn”, cả người thằng cướp còn nồng khét mùi cháy nhà, và nóng hổi cái mùi thời sự trong ngày. Nhưng mà lôi nó ở đâu ra, tóm nó ở đâu về? Ấy, cho giải về từ phía Đông Anh ngoại thành đây. Cho nó lên xe tải giong qua gần đủ ba mươi sáu phố phường. Trên thùng xe tải bỏ mui trần, nó như thằng bị chôn đứng, bốn góc xe là bộ đội mình lười lè tuột trần. Theo sau xe tải tù, là một xe khác chở đèn pha, lừa chói đèn xe sau hắt té vào mặt và nửa thân thằng tù Hoa Kỳ. Gái trai trẻ già, khu xa ngoại vi kéo về khu gần nội vi đổ ra, cá dân, cá quân, cả người có tham gia trận đánh Mỹ trưa nay, cả người chưa nổ phát súng nào trưa nay, tất cả, tất cả Hà Nội đều đổ ra mép đường mà xem mặt giặc. Cái khí thế quân chúng căm thù Mỹ mỗi phút một bừng bừng, nổi dây chuyền mãi từ một ngã tư phố này đến nhiều ngã tư phố khác. Và tối đó, quan ba Mộc Phi Nin Giôn đã tận mắt được thấy rõ sự phản ứng của Hà Nội đối với một thằng ăn cướp như mình. Không biết tiếng Việt Nam nhưng Nin Giôn cũng biết rằng những lời nói to, ngắn, rền, mạnh kia không thể nào là những lời hoan hô mình. Mà rõ quá rồi, còn phải phỏng đoán gì nữa. Bánh xe tù lăn chậm chậm, chậm hơn bước chuyển của xe đòn đám ma, bánh lân tới đâu là những ngón

tay đều chỉ theo và tập trung ngón trỏ thẳng vào mặt Nin Giôn. Có nhiều quả đấm cánh tay rung lên và phóng thẳng vào xe tải. Từ Mỹ càng thấy rõ ràng nếu không có bốn chiến sĩ quân đội giữ gìn bốn phía chung quanh nó, thì nó có thể bị ôm đòn vì cơn phẫn nộ của một thủ đô kiên quyết chống Mỹ. Từ Mỹ được đi “xem Hà Nội” mấy vòng rồi mới dẫn thân tội vào phòng họp báo.

Nó đứng thomencl ra ở một góc phòng họp. Không ai thèm nói gì với nó. Trên sự lặng thinh ấy, chỉ nghe lách tách lè xè tiếng bấm ảnh và quay phim. Bỗng cắt lên cái tiếng của thằng quan ba Nin Giôn tội phạm. Đây là những lời thú tội sơ bộ của nó đã ghi gọn vào cuốn băng thu thanh đang nhà vòng. Xong cuộc trình diện, từ Mỹ lại được di phố một vong nữa rồi mới vào hàn trại giam thay áo. Và thay số, dĩ nhiên. Con số cũ Hoa Kỳ của nó là ER 69.506.

Ngoài cái số thuốc lá thừa hút trong một buổi gấp riêng đã bày bóc sẵn ở bàn cùng với kẹo và bia, tôi đã cho phi công Nin Giôn riêng một gói “Điện biên”: “Tôi cho anh đấy, bỏ túi mà mang về phòng giam”.

- Tôi cho anh gói thuốc, nhưng tôi không bắt tay anh, anh thấy sao?

- Tôi hiểu rằng ông không muốn bắt tay một người mà bàn tay đã cắt bom trên thành phố của ông.

- Anh đoán xem tôi gặp anh để làm gì?

- Ở dưới trại giam có cho tôi biết tôi nay tôi sẽ gặp một nhà văn. Tôi chắc là ông muốn biết xem tôi đã tham gia chiến tranh như thế nào? Và tôi đã sợ hãi như thế nào từ khi nhảy dù xuống. Thưa tôi chỉ là một quân nhân nhận một mệnh lệnh và thừa hành nó.

- Anh nên nhớ rằng, tòa án Nua Răm Bơ không phải chỉ xử Hit Lơ vắng mặt (vì chết) mà còn xử rất nhiều tên chỉ là thừa hành của phát xít Đức. Nhiều tên tội phạm chiến tranh ấy cũng đóng lon sỉ quan như anh. Hình như khi bị bắt, tên phát xít nào cũng cho là tội mình không đáng chết... một tuần lễ sau khi anh bị bắt tại mặt trận quanh Hà Nội có một cuộc gióng tù Mỹ lần thứ hai cùng giữa Hà Nội, chiều tối ngày 6.7.1966. Lần thứ nhất chỉ cho gióng qua phố có một mình anh. Lần thứ hai kia, giải đông hơn, đi bộ chứ không đi ô tô qua phố như anh. Anh có những ý kiến gì về cuộc giải cá một đoàn phi công tu Mỹ qua phố Hà Nội - Hà Nội mà Giôn Xon dọa là phải san bằng đi?

- Hôm giải rất đông phi công tôi không có mặt. Tôi chỉ nghe người bạn đồng phòng của tôi kể lại. Nếu tôi mà lại được gióng qua phố Hà Nội một lần thứ hai nữa với đoàn đó, thì cảm tượng của tôi sẽ không khác

gì mây với những cảm giác của tôi trước đây, trong chuyến bị giải phó ngay sau trận đánh Hà Nội. Tức là rất lo sợ rằng đồng đảo quân chúng trên phố họ giận dữ một cách chính đáng thói - sẽ cướp chúng tôi khỏi tay quân đội đang bảo vệ trật tự và che giữ cho sinh mạng chúng tôi. Cái cảm tưởng ấy của riêng tôi cũng là cảm tưởng chung của những người bạn xấu số của tôi bị giong qua phố Hà Nội chuyến thứ hai đó. Cũng như tôi, sau chuyến được công khai ra mắt với nhân dân Hà Nội sau khi qua những phố phẫn nộ của Hà Nội, tất cả bọn tôi đều mừng rỡ khi được về trại giam của mình.

- Anh thấy thủ đô Hà Nội như thế nào?

- Trước đây, đọc tài liệu mỏng, biết Hà Nội có người Pháp đóng quân rồi sau Điện Biên Phủ thì không còn người Pháp nữa. Cho đến hôm đánh nhau với Hà Nội và Hà Nội nhiều kiểu bắn lên thì mới thấy Hà Nội, thấy nó theo đường bay của mình. Hôm bị giải đi mới thấy tận mắt rõ hơn. Hà Nội có phố bé, có phố to - mà nhỏ to thì phố nào cũng nhiều cây xanh như trong rừng. Nhưng đèn tối.

Nin Giòn có nhiều lúc cười mép cười môi và cười mắt, đôi khi đưa tay cắn yết hầu như tìm cho gọn một câu nói khít với ý mình. Tôi đã định bảo hắn : "Anh thấy ánh sáng Hà Nội phòng thủ chiến tranh tôi quá,

cần thấp sáng trưng lên để ban đêm không quân Hoa Kỳ dễ bắt mục tiêu hay chăng?". Nhưng tôi lại thôi. Tôi chỉ nói một mình: "Đèn Hà Nội chống Mỹ tôi".

Nin Giôn vội vàng chữa:

- Nhưng Hà Nội có nhiều tòa nhà xứng đáng với một thành phố lớn.

- Hãy kể một số nói về đời anh.

- Tôi 28 tuổi, sĩ quan thường trực, quan hai năm 1961, quan ba năm 1964. Thuộc đại đội 333 đóng ở Tắc Ly Thái Lan. Tôi có 6 mè đay; 1 vợ và 2 con. Đã đóng đã bay ở Nhật Bản, Triều Tiên, Phi Luật Tân, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Tây Ban Nha (nó im hẳn đi cái vụ bay nhiều giờ nhiều ngày trên biển Caraip để dọa Cu Ba cách đây vài năm)... Tôi là sinh viên đại học Tu Tên đầu tiên định học về y, sau chuyển sang khoa xã hội và khoa địa chất.

- Rồi chuyển sang khoa hàng không xâm lược?

- Vàng, tôi vào không quân, vì không có đủ tiền ăn học. Nếu trở về quê hương, tôi sẽ đi học lại về khoa y.

- Có phải vì đang bị thương ở tay trái mà anh nghỉ đến khoa y?

- Cũng có phần vì bị thương ở cả chân ở cả tay mà muốn được học thuốc. Thêm nữa, tôi được học cái môn

học mà ngày đầu tiên vào đại học tôi đã muốn theo. Làm thay thuốc thi bất cứ ai cũng phải cần mình.

- Nếu được trở về quê hương Luisiana mà vẫn không khỏi và không cách nào chữa cho hoàn toàn bình phục cái tay trái thì anh sẽ làm gì?

- Thì tôi sẽ nhân danh một phế binh Mỹ mà xin chính phủ Hoa Kỳ cho tôi đi dạy học. Hoặc cho tôi làm người gác cổng sân vận động.

Đội bóng là môn thể thao sở trường và hứng thú nhất của Nin Giôn. Sau khi Nin Giôn bị hạ xuống quanh Hà Nội, báo Hoa Kỳ ở Hoa Thịnh Đốn và Nin Do đều có đăng ảnh Nin Giôn, ảnh lúc làm cầu thủ đội bóng trường Đại học Tu Tèn trong điển giao, song song đó là ảnh cắn cước ngồi tù Việt Nam trong nó tiu nghỉu quá. Ngắm kỹ quan ba phi công Mỹ Nin Giôn đang treo tay trái bó bột lên cổ, tôi không khỏi nghĩ đến cái thứ cuộc đời Hoa Kỳ của Nin Giôn này và của tất cả Nin Giôn khác bị cầm tù ở Việt Nam bay vung cả thiên hạ lên, đem sự chết chóc theo với đường bay va, bay đến đâu thì cuộc sống khắp nơi chóng lai đến đây, rồi cuối cùng sụp cánh trên đất thiêng Việt Nam. Vết thương ở cánh tay bọn làm nghề bay thuê, bom thuê lấy tiền như Nin Giôn này và đồng bọn bị tù, sẽ lành được hay sẽ thành tật nguyên và buộc chúng phải đổi nghề? Những cánh tay

tội ác này đã giải quyết được vấn đề. Tay nó, nhưng còn cái đầu nó, và cái đầu não hiếu chiến của đế quốc Hoa kỳ thì sao? Hừ, thằng quan ba Nin Giôn kia, nếu từ nay trở đi, mặc dù chăm sóc và chữa chạy đã hết thấy hết thuốc mà mày cứ là thằng què thì mày chờ trông mong gì vào sự thương tiếc của tao đâu nhé, tao nói thẳng cho mà biết thế. Cuộc sống quanh mày, quanh chúng mày đã có bao nhiêu người cụt người què người thiệt mạng mày có chịu nghĩ tới không? Mày giết người quá mức như thế, chỉ có ở tay bị thương lại được buộc thuốc, nhưng đầu mày vẫn còn nguyên, thè là phúc bảy mươi đời nhà mày rồi.

- Nay Nin Giôn, sau hôm Hà Nội giải tù Mỹ, dư luận của giới tư bản nhất là ở Hoa Kỳ xem ra ồm töi lám. Về chế độ tù binh qui định do điều 13 của công ước Gio Neo ký ngày 12 tháng 8 năm 1949 anh có ý kiến gì không?

- Giá có một bản tuyên bố đánh nhau chính thức với Bắc Việt Nam thì chúng tôi sẽ được hưởng chế độ tù binh, tôi nghĩ thế.

Nin Giôn đã trả lời sau một lúc lâu liếm cái môi rè, tay luôn luôn rờ vào cổ lô hầu, mắt hằn cái lối cười cười ban nãy, nó dễ che đậm cái chất ác của nó đang hiện lên qua khuôn mặt tái cười.

- Anh lâm rồi. Cái chế độ áp dụng đối với anh sẽ tuỳ thuộc vào thái độ của anh. Anh mới đúng là con người chính để góp vào cái chế độ ăn ở của anh. Giòn Xon đánh ngầm đánh trộm Bắc Việt Nam hoặc có tuyên chiến qua giấy tờ, thì vẫn đề chế độ đối xử từ Mỹ vẫn là do Việt Nam chúng tôi. Vậy anh cần Giòn Xon công khai tuyên chiến?

- Về chính sách đối ngoại của chính phủ Hoa Kỳ, tôi là một quân nhân, tôi không dám có ý kiến gì.

- Anh tấn công vào Hà Nội từ căn cứ Tắc Ly bên Thái Lan? Anh ở Tắc Ly lâu? Quen nhiêu người?

- Tôi ở căn cứ Tắc Ly mới có năm ngày, từ căn cứ Yôcôta Nhật Bản chuyển tới. Trong năm ngày tôi đã làm quen và nói chuyện với hai mươi nhăm người cùng làm nghề lái phản lực. Và biết rằng trong số này, đã có nhiều người bay sang Bắc Việt Nam. Biết là có một số đã bị cháy cùng máy bay, một số chết vì nhảy dù không mở. Lại một số khác tàu bay có bị thương, người lái cũng có bị thương nhưng vẫn cố lái được về căn cứ Tắc Ly. - Nin Giòn cười cười mà nói tiếp - Người ta ở Tắc Ly thường thường cho những phi công bị đạn mà vẫn chưa chết, vẫn lao được về căn cứ Thái Lan là những tay cũng khá trong nghề. Nhiều người bay đi mà không bay về, những hôm như thế không ai muốn hỏi ai. Bay đi Bắc Việt Nam ngắn

ngại hơn là bay đi Nam Việt Nam. Ở Bắc, ở Nam cũng đều là đánh phá xuống như nhau, nhưng ở Bắc khó hơn, mỗi ngày mỗi khó hơn. Bay đi, không ai muốn chết, nhưng đều mong bị thương. Bị thương không nên nặng lắm, nhưng đủ để vào bệnh viện và như thế sẽ được sớm trở về Mỹ của mình hơn. Tâm lý của mọi người ở căn cứ Tắc Ly là chóng hoàn thành con số một trăm vụ bay, rồi về nước. Tôi nhập ngũ tháng sáu 1960. Tôi sẽ mãn hạn vào cuối tháng chạp năm 1966 này.

- Tức là khóa linh của anh sẽ mãn vào dịp Nôen năm nay. Nôen năm ngoái các trại giam miền Bắc có tổ chức đêm Thiên chúa giáng sinh, có canh thông, có gà tây rán, mục sư và các cha Việt Nam có làm lễ cho nhiều phi công bị bắt trước anh. Lễ Nôen sắp tới của anh chắc chắn là vẫn quanh quanh Hà Nội này thôi. Đồng bồn của anh có người đã chịu hai lẽ Nôen tại Hà Nội rồi đấy.

Mặt Nin Giôn bỗng buồn buồn rồi thoảng một cái, lại tươi hẳn lên. Nếu tôi phán tích mà không sai, thì Nin Giôn buồn vì thấy rằng Nôen tới đây mình vẫn là cái số phận một thằng tù, tình hình chưa có gì thay đổi cho đời mình. Nôen 1966 tới vẫn thế này, và Nôen sang năm 1967, rồi ra sẽ là Nôen hòa bình cho thế gian hay vẫn là Nôen của Giôn Xon tiếp tục đầy mạnh chiến tranh ở Việt Nam này. Nhưng Nin Giôn lại tươi

vui lại được ngay, vì dù Nôen có thể nào đi nữa mình vẫn còn là được sống, chứ không phải ra tòa chịu án nặng, như là bạn bè thường bàn tán và dọa dẫm hấn từ sau cái hôm Hà Nội giải tù qua phố. Nin Giôn nheo nheo một mắt, lại nhéch mép cười cười bàn về Nôen:

- Tôi theo đạo Tin Lành. Nôen đối với chúng tôi có một ý nghĩa quan trọng. Nôen ở Mỹ, tôi nhận được nhiều quà, gặp gỡ nhiều bạn bè, ăn nhiều món ăn đặc biệt của ngày đó. Nôen cuối năm nay, tất cả chúng tôi trong các trại giam Bắc Việt Nam đều mong chịu lè của mục sư Hà Nội, và xin cầu nguyện để chấm dứt chiến tranh, xin cầu nguyện để cho hòa bình được trở lại.

- Xem ra người Mỹ các anh chúa là hay đùa hõng với hai chữ “hòa bình”. Ví dụ ở khắp các căn cứ không quân Hoa Kỳ, đều có treo một tiêu ngữ của “chi huy chiến lược không lực”. Tiêu ngữ ấy cẩm ở ngay các cổng sân bay toàn máy móc chuyên di giết người và phá tan mọi công trình xây dựng của con người. Trên tâm biển SAC to tướng các anh trình trọng đề “Hòa bình là cái nghề làm ăn của bọn ta”. Anh có ý kiến gì về sự khôi hài thảm hại đó không?

Nin Giôn nin lặng, như cái vẻ muôn đưa ra cái cầu lâu cá cố hữu của tù Mỹ bị hỏi dồn phải gỡ bí: “Tôi là

một quân nhân Hoa Kỳ không được phép trả lời về những câu hỏi như thế”.

Gặp phi công Mỹ ở trại giam rồi ra về, lần nào cũng thế, thường là mất hẳn đêm đó, coi như không ngủ nữa. Thêm nữa ếch nhái, ếch ương quanh nhà kêu to quá. Rất nhiều cái giống này trong các hầm hố đào đắp từ ngày chống Mỹ. Giữa lòng nội thành, nghe ếch càng canh cánh về ngoại ô ngoại thành mở rộng. Dêm Hà Nội của tôi kéo dài trên cái bản lý lịch của đại úy Murphy Neal Jones, của thắng Nin Giôn, cái chiến lợi phẩm sống của Hà Nội chiến thắng Mỹ.

*

* * *

Hồ Tây và Hồ Gươm là hai lá phổi rất cần cho nhịp thở hàng ngày hàng đời của Hà Nội. Thật sớm hoặc thật chiều, cho xe đạp tua một vòng hồ, ấy là thói quen của khá nhiều người thủ đô mở ra và khép lại một ngày lao động xã hội chủ nghĩa của mình. Từ khi Hà Nội chống Mỹ, “Thăng Long phi chiến địa”, (phi chiến hiểu theo nghĩa đánh tàu bay) (đánh bằng tàu bay) và rồng bay trên Thăng Long (nhân dân hay gọi tên lửa là rồng lửa bay) người ta vẫn không ngọt đạo hồ. Có những ngày, đường quanh hồ đông như chợ hội, mặc dù là còi báo động nồi lên tắt đi, lại nồi lại

tắt hàng ba bốn lần. Quanh hồ, chỗ nào mà chả có hầm. Mùn nùn rơm thời thượng chống mảnh đạn nhanh nhản đi trên đường. Cứ này chả gặt xong lúa ba giang, săn rơm mới, ngoại thành vẫn mù rơm chống Mỹ gánh qua các cửa ô đêm vào tiếp tế cho nội thành: năm hào một chiếc (rẻ hơn một con chim ngồi) cái kiểu mù bụi nhùi mỗi ngày một chuyến phoốc và cái dáng nó nhẹ nhõm mãi không ngừng, cho nó hợp với cái kỹ tính kén lựa của người Hà Nội. Nhưng cái hầm trú ẩn giữa tim thành phố quanh hồ, đào tốt xây chắc rồi nhưng lại còn phải đẹp mắt nữa, phải phủ cỏ lên cho nó thật là xanh mượt lên một niềm hy vọng. Thủ đô mây đợt sơ tán đã ra trò, vậy mà vẫn cứ đông. Báo động thì vào hầm, tàu nó láng vào trời mình thì tất cả cùng bắn, người nào việc này, việc xong thì uống bia quanh hồ, ăn bánh tôm cùng quanh hồ.

Cạnh Hồ Gươm, chỗ phố Trần Nguyên Hãn đâm thẳng vào hồ, có một cây lộc vừng, tán tròn, um tùm thấp dáng như cái thế một gốc vài cổ thụ. Và cạnh nó, cả một khóm hàng chục gốc lộc vừng nữa ngã lung xuồng mặt hồ. Lộc vừng là thứ hoa nhị độ, mùa xuân ra hoa rồi sang kỳ thu phân lại trổ hoa một lứa nữa. Lúc nó ra hoa thì trông mà thấy yêu đời tin sòng vô cùng. Có lúc tôi nghĩ lần đầu rằng nếu trong xã hội lành mạnh chúng ta mà còn có người nao dọa chết thì không ai nỡ lòng treo cổ mình vào cây lộc vừng này.

để gieo và cho một gốc cây đẹp nó đang đầm thắm độ ra hoa. Hoa tía như kết chì tơ điêu, dính vào những dây tua, nó đúng là những tua lọng thông buồng xuống từ lòng một cái tán tàn xanh đặc. Lộc vừng vừa nở vừa tạ bên hồ Gươm, cỏ mép hồ phủ hoa, ngồi phía Thủy Tạ nhìn sang, cứ như bờ bên kia vừa có cái đám cưới nhà ai nổ bánh pháo vừa đi hết khói. Mặt hồ sát gốc, liền diễn ra cái cảnh “hoa trôi giạt thắm”... Từ ngày chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, gốc lộc vừng đã bốn lần ra hoa. Tôi ngồi cạnh hầm, nghe báo động đã già lại còi yên, vừa đếm hoa rụng trong gió heo, vừa nghĩ lùi lại những năm Hà Nội phòng thủ thụ động. Nhật đánh Pháp, hất Pháp rồi Mỹ lại đánh Nhật ném bom vào ngay cả nội thành Hà Nội, ở ngay nhà Đáu Xáo, ở ngay đâu Hàng Đẫy, ở ngay cả bài chợ Hàng Da. Cái kỳ bom đạn Mỹ, Pháp, Nhật ấy, hình như ai cũng lo tháo thân lấy một mình, hình như lòng ai cũng nổi lên một góc chợ đen. Chưa cần bom rơi mà giá người đã lộn tung phèo.

Áy, hai mươi bảy năm trước, tôi đã bắt đầu ngồi dưới bóng hoa mây gốc lộc vừng đó. Mấy chương tuỳ bút “Những ngọn đèn xanh... và những nhịp còi” ghi lại mấy nét thu đô hồi đại chiến thứ hai, là khởi hứng cũng từ dưới bóng cái gốc già kia. Người quen tôi ở cái thời ấy, nhiều người đã mất tích khỏi Hà Nội, nhiều người đã qua đi như một cái gì không ai níu lại

kịp. Sau gần ba chục năm, dưới cái tán cây sót lại đó, tôi ngồi mà ngẫm về trách nhiệm và vinh quang, cùng là chiến tranh và hòa bình. Tàu bay Mỹ vẫn bay quanh Hà Nội, xoay đủ các hướng chiêu để càn lè vào thủ đô. Và ta đánh chặn tàu bay Mỹ, đúng là những cuộc chống càn Mỹ, bè gãy trận càn Mỹ, thăng càn Mỹ, và lôi thằng càn Mỹ từ trên đó xuống dưới đất thủ đô này mà trói gô ngay tại chỗ. Cũng cái còi báo động ấy, nhưng nay nó là mình kéo còi láy, kéo còi để nổi hiệu lệnh chiến đấu. Nó hoàn toàn khác hẳn cái tiếng còi báo động hầm bảy năm về trước. Còi xưa, đúng là “phòng thủ thụ động” và thật là thiên hạ sự, cả cuộc sống lúc ấy cũng chỉ là một cái hầm mình rúc vào, ai đánh vào ai và đánh ra sao, và đánh tới đâu rồi, cũng chả ai thèm loan báo tới mình. Cứ mù tịt dưới hầm trong sự thụ động, ba thằng Mỹ, Nhật, Pháp lục đục đinh đóng trên đầu mình. Và nó còi một cái là ngày 29 tháng 8 năm 1939, dựng luôn Sở kiểm duyệt báo chí IPP. Nay thì vừa còi, vừa truyền tin về diễn biến trận chống càn, nó rơi rụng cháy gãy bao nhiêu là biết luôn trong ngày đó. Có nhiều lần vừa còi lên, vừa tàu bay mình cũng bay lên. Mình tuần thám và nghênh chiến, cảnh giới và bảo vệ lấy sự trong sáng của bầu trời mình. Có hôm máy bay mình đánh mài ngoài vòng xa kia, nhưng cũng bay về Hà Nội lượn mây vòng nghiêng cánh để chào thủ đô

thân mến vừa chiến thắng trong ngày. Hồ Gươm mùa thu càng lộng đẹp tấm gương sáng hắt ánh lên những cánh én bạc của một binh chủng không quân đang ra đồi.

Từ phía xa, Hà Chí đang tiến về phía hầm cây lộc vững. Bà, một người Huế rất Hà Nội mà tôi cứ quen miệng gọi là cô như hồi nào.

- Nghe nói cô giờ về Bảo tồn bảo tàng?

- Dạ, được gần năm rồi. Vừa di chuyển nhiều tranh và tượng cổ đại lẫn hiện đại, cùng là một số di vật lịch sử. Lại còn sơ tán một số tượng Phật khỏi mấy nơi chùa cổ liệt hạng.

- Có, tôi biết những nơi nào là chỗ có giàu tượng Phật rồi (tôi ghê tai cô nói nhỏ). Tôi có anh bạn kiến trúc đã dựng sẵn mấy nơi để đón tượng và tranh của cô. Anh ấy không nói gì cụ thể về chuyện cô gửi tượng bụi, chỉ nói trống không với tôi, tôi thử ghép hai tin vào làm một, không ngờ lại đoán trúng.

Hà Chí đi rồi, tôi nghĩ mà thấy yên tâm, bình tâm vì sự sống của ta ngày càng có tổ chức. Trong cuộc kháng chiến này mình quá là có lớn lên hơn lần kháng chiến chống Pháp trước. Hồi ấy mình còn bận, đã nghĩ đâu đến chuyện cất giấu di vật lịch sử, tranh và tượng quý. Chống Mỹ, nhưng mà bảo vệ vốn cổ về tinh thần của mình nữa, làm hầm bảo vệ người, nhưng còn xây hầm riêng để cất giấu của báu nữa.

Tôi tạt vào một hiệu sách cũ ngoại văn. Thấy có nhiều người bán ra cho cửa hàng những sách cũ của mình. Những người bán đi tủ sách của mình kia đang nghĩ gì về tình hình? Có khi cũng chỉ vì lẽ giàn đị là không muốn giữ nữa thì bán. Nhưng tôi đã vui hẳn lên khi thấy các hiệu sách cả mới lẫn cũ vẫn ùn ùn người tiến vào tìm lục sách cà xưa lắn nay, mà nghiên cứu cái cũ và tìm hiểu những cái của hôm nay đây, để càng hiểu thêm cái cũ. Có cuốn sách nào hay, là y như họ lấy hết rất nhanh. Sách mà hay, giờ tung ra vẫn được giá, có bán sách bảo thê.

Hè phố người đi vân động. Cũng như lòng đường vân nhiều xe tải xe con. Nhiều chiếc từ các phương xa trở về Hà Nội, lá nghi trang đã khô nâu. Chiếc nào từ thủ đô mà bắt đầu đi ra thì lá ròn xanh phủ tươm mướt.

Bên lề đường, có mấy người đang chỉ trò những cái hầm cá nhân tròn bê tông hình ống chưa hạ thổ hết: “Cái nay mà chiến thắng xong giặc Mỹ, thì rất nên chuyển về cho các xã ngoại thành làm giếng. Chồng ba ống cá thè lên nhau là được một giếng ăn rồi. Cái ống có đáy dùng thay chum”.

*

* * *

Hà Nội nổ súng nhưng mà Hà Nội vẫn nở hoa. Hoa trồng ngay nách hầm, đất đào lai vun luồn vào gốc hoa, luồng hoa nội thành. Cửa hàng hoa quốc doanh, dân doanh góc Hồ Gươm, có cả nam nữ đeo súng trường đi mua hoa mừng cưới. Chị Élen Lorraine Manca tác giả phim Cây tre Việt Nam, vừa từ Ba Lan trở sang Hà Nội làm phim chống Mỹ, đã sốt đeo quay ngay mấy đám cưới cò dâu mặc áo dài, chú rể vẫn kè kè súng trường. Và quanh quanh Hồ Gươm, hình như cửa hàng bia nào cũng thật nhiều đá ướp, thật là nhiều hơi nhiều bọt. Hòn nào Hà Nội nhiều báo động nhiều còi và nhất là loa truyền thanh báo tin miền Bắc hạ nhiều máy bay Mỹ, thì hình như các hàng bia quanh Hồ Gươm càng đông người vào uống. Bà đồng nát đi mót các mảnh vụn đuyra máy bay Mỹ rơi vài ở các ven làng ngoại thành về, cũng vào quanh đây làm một vại bia bơm. Anh vận xe tải từ tuyến lửa Khu Tư về, mui xe um tùm lá khô vàng rộm bụi đường trường tuyến lửa miền Trung, cũng vào làm luôn mấy hơi, mỗi cốc chì một hơi, rồi lại nổ máy đi ngay, có khi ngay đêm nay anh lại trở hàng vào Khu Tư. Bác xích lô khệ nệ bưng từng két vỏ bia ra xe mang đi đổi két mới. Trong bác hao hao cái bác xích lô Mái tài liên hai ngay đạn cao xạ cho đơn vị đánh máy bay Mỹ (trong trận hầm chín tháng sáu dương lịch vừa rồi) mà cứ khang khang không nhận tiền

công chuyên chờ. Một anh biệt động cũ của Hà Nội 1950 - 1953 bỏ nhò vào tai tôi ; "Này hồi туì mình còn hoạt động trong Hà Nội chưa giải phóng, chính anh em xích lô đã có nhiều người đánh tháo cho bọn mình thoát ra khỏi các cửa ô". Từ năm ngoái, trẻ em ở thủ đô đã theo trường theo gia đình sơ tán về các tỉnh. Nhưng từ cửa bia hơi nhìn ra vẫn thấy thấp thoáng bóng mây em mười hai mười ba tuổi riu rít, nách mỗi em cầm cộm một thùng lạc rang. Các em thuộc làu con số tàu bay Mỹ hạ đến chiếc thứ mấy rồi. Tuổi mây em này, đúng là thuộc vào tuổi của Hà Nội giải phóng sau Điện Biên Phủ. Cùng ngồi một bàn với tôi là một thanh niên chiến sĩ cũ của Trung đoàn Thủ Đô. Thời toàn quốc kháng chiến lần trước đánh đế quốc Pháp, chắc anh bạn cùng bàn của tôi đây, hồi ấy cũng xấp xỉ cái tuổi mây em bé Gavorot bán phá sang nợ chư gì! Trông mây em nhanh nhau hồn nhiên, lại khó mà quên được những bóng dáng các chú em liên lạc ở một vài đơn vị bộ binh hồi đầu kháng chiến chống Pháp. Chao ôi, cái chú bé ở Trung đoàn Thủ đô mà dám một mình đuổi Tây mồ dù thì cũng là cái tuổi này chứ gì. Và tất cả các em thiếu nhi thả bò chăn trâu của 61 thường ngoại thành Hà Nội cùng là 13 trại nội thành Hà Nội theo Trần Quốc Toản dựng cờ đỏ mờ quân chống ngoại xâm, tập trận ở cánh đồng Giang Võ ở bãi

Đồng (nay là Thụy Khuê) ở Núi Voi (nay là nhà máy Bia) thì đều là cùng một lứa tuổi này chứ gì?

Và hơn chín trăm năm trước đây, Lý Thường Kiệt lập nhiều công lao trong sự nghiệp phá Tống bình Chiêm. Lý Thường Kiệt chính là một chàng trai Hà Nội quê ở gần vườn Bách Thảo. Chàng trai Hà Nội Lý Thường Kiệt đọc toàn sách nói về phép tắc luyện quân để đánh giặc. Chàng trai Hà Nội Lý Thường Kiệt đêm đọc sách rất khuya ở phía tây thành Thăng Long và ngày ngày bày trận già, lập doanh trại, phi ngựa bắn cung. Vua nhà Lý chọn đất Hà Nội hôm nay để dựng đô được 9 năm (cách đây gần mươi thế kỷ) thi Hà Nội đã sinh ra người con trai Lý Thường Kiệt. Hà Nội xưa, hình như chỉ có chàng trai lập công lao. Nhưng Hà Nội hôm nay đã có những cô gái thật là đảm. Sau mười hai năm giải phóng thủ đô, phụ nữ trẻ ở ngoại thành đã lái máy cày. Và đã là thuyền trưởng lái tàu thủy trên sông Hồng. Để bảo vệ thành quả lao động xã hội chủ nghĩa ở bờ phái bờ trái sông Hồng, cô gái Hà Nội rời tay lái máy cày cầm súng chống tàu bay Mỹ, bắn cà súng trường, bắn cà trung liên, bắn cà đến đại liên. Đất nước ngày nay từ Nam chí Bắc đâu đâu cũng đều nổi lửa đốt giặc Mỹ, đâu đâu cũng có sự đóng góp của chàng trai, cô gái thủ đô. Cái máu Hà Nội cũng dự phần vào thứ máu huyết trẻ của biết bao

đoàn thanh niên xung phong khắp nơi, có những nơi thật là cách xa Hà Nội mỗi khi voi voi nhìn về.

Uống bia "Trúc Bạch" chiều mùa thu, thế mà cũng ngà ngà. Thầy hồ Gươm càng lồng lẫy khí thế "nghìn năm văn vật", cò trên chỏm trên lườn hầm vẫn phủ mượt một màu xanh hoài vọng. Hồ nay bờ cạp lại. Hà Nội quyết liệt chống Mỹ nhưng Hà Nội vẫn tu sửa hồ Gươm. Cảm khái mà thấy rằng yêu đẹp, có ý nghĩa là quyết tâm bảo vệ đến cùng những gì mình đã nhận là đẹp.

Này, thế ma sắp đủ 1500 chiếc máy bay Mỹ rồi nhé. Lòng hồ thu giữa long Hà Nội chống Mỹ, như một bầu gương sáng đã bao nhiêu buổi phản ánh lên những minh thoi phản lực của không quân trẻ tuổi Việt Nam đang vòng nghiêng cánh bạc mà cảnh giới bầu trời Hà Nội, mà chào Hà Nội mến yêu, sau mỗi lần xuất trận. Người dũng sĩ diệt Mỹ ở trời Bắc tại Hà Nội, đã đánh Mỹ bằng súng từ dưới đất bắn lên, và đã bay cao mà diệt Mỹ. Nghĩ chuyện đánh tàu bay giặc xâm lăng, quên sao được chuyện cũ. Chuyện ngày đầu ta xây dựng pháo binh, pháo binh phát lệnh tác chiến cho toàn quốc kháng chiến, pháo binh đầu 1947 hạ chiếc tàu bay Mo Ran của đế quốc Pháp ngay tai giữa bầu trời Hà Nội. Nay ta ngày cũng như đêm vít cổ bè cánh tàu bay Mỹ hàng trăm hàng ngàn chiếc quên sao được cái buổi ta hạ chiếc ban đầu

thứ nhất đó! Thế rồi một đêm đông buốt lạnh, dùng
sĩ tré Hà Nội vào phá sân bay Bạch Mai, đốt vèo một
triệu lít xăng và đánh gục 25 máy bay Spitfire, King
Cobra, Zunker, Dakota. Đêm 18-1-1950 đó, giữa lòng
Hà Nội tạm chiếm, đế quốc Pháp nỗi còi báo động
đêm. Đêm xưa đó ta kín tiếng bò vào mà đánh tàu bay
giặc. Nay, sau mười sáu năm ta đàng hoàng bay
thẳng lên mà diệt phản lực Mỹ.

10.10.1966

HÀ NỘI GIẢI TÙ MỸ QUA PHỐ HÀ NỘI

Phía trong đê chò bờ sông lố nhố một lũ giặc phi công Mỹ xích tay từng cặp một.

Nước sông Hồng, mới kỳ sơ phục mà cầu sông Đuống thuyền không luôn qua được, mà cầu sông Cái thì đứng trên mui thuyền với tay lên châm nền cầu sắt. Hà Nội báo động phản lực Mỹ chen vào báo động nước lên. Việt Nam dữ dội cả về lửa cả về nước, bao đời tích luỹ kinh nghiệm trị thuỷ, và đời nay đang sơ kết kinh nghiệm trị Mỹ. Trên mặt đê chò Bảo tàng Lịch sử, một cụ già chít khăn nói chuyện với một cụ già đội mũ.

- Nước lên to, trông đê sơ. Mà nước lên to, cũng còn là bao hiệu điểm tốt. Nam có Cách mạng tháng Tám thành công, nước to lắm chứ. Cụ cũng như tôi, là dân ngoài bắc, hàn con nhớ rõ.

- Nước nám nay con kém nước Cách mạng Tháng Tám sau tắc. Cái gì lố nhố ở phía Nhà hát Lớn thế hả cụ?

- A, cụ không nhớ hôm nay lấy khẩu cung cái bọn Mỹ hèn ác định phá đê sông Hồng à? Tôi không bận mấy đứa chắt nhỏ, thì cũng đi vạch mặt nó ngay bây giờ.

- Thôi, xin phép cụ tôi phải chạy ra đả đảo ngay nó một trận mới được.

Đám tù Hoa Kỳ tập tung ở chỗ gần chân đê hữu ngạn sông Hồng, đằng sau lưng chúng là nước to đang lên, đằng trước mặt chúng là cả một cái bể thủ đô mà mỗi người Hà Nội là một con sóng dữ. Bọn phi công Mỹ này bị ta bắt sống ở khắp các trận địa miền Bắc và đưa về từ khắp các trại giam, thằng mới vọt dù chạm đất, thằng ở tù thảm niên ăn cơm ăn cá ta được hai năm kém 30 ngày, như thằng quan hai Anvarết cao lêu đều kia. Trông chúng nhấp nhô như nhau, nhưng cấp bậc có khác nhau, kẻng nhất là quan năm, mèng cũng là quan hai, nếu tính theo gạch lon có sao thì trên thân hình uý tá cả bọn, cũng mang tới gần hai trăm cái chấm của tội ác. Tên mỗi thằng, nay đã thành con số tù, đinh ở ngực. "Đả đảo đế quốc Mỹ! - Mỹ cút đi!". Trên trời giật giật những cái chớp mùa hè giông, lũ, dưới đường rền như sấm là những tiếng đả đảo. "Đế quốc Mỹ cút đi!". Đoàn tù Mỹ liền chuyển bước đi. Hè phố, từ lúc chưa lặn mặt giờ, đã được vực cao lên như hai bờ sông đổ lá mới trồng lên một rừng người. Và giữa lòng sông khô trực chính của Hà Nội,

đang lùi dùi trôi đi những rơm rác Hoa Kỳ. Từ lòng đường, xông lên mùi của Thần Chết, một cái thứ khắm thối Hoa Kỳ mà không thứ nước huê đế quốc nào tẩy tan được. Trong chiến tranh thứ hai thế giới, nhớ mỗi lần Mạc Tư Khoa điểm tù binh phát xít, giải qua Hồng trường, thì liền sau đó có ngay xe nước phun vòi rửa đường cho nó ào hết ngay đi cái mùi xấu hổ nô.

Những thằng tù dây của dây tù Hoa Kỳ đã từ phía bờ sông tiến vào ngã bảy hoa thị. Đèn pha điện ánh đặt trên xe cam nhông, hắt sáng vào mặt tội phạm, mỗi hàng là hai thằng kẻ cướp Mỹ đóng chung một xích. Phải, đây là một bọn tù tội theo cái nghĩa cụ thể thường phạm hạng nặng về mặt hình luật, chứ không phải “tù binh” tù biếc gì như cái đám Năm góc, Nhà Trắng U Pê U Pi thường nêu ra một cách thật là hồ đồ. Đoàn sỹ quan phi công Mỹ kia áp đến quê hương ta bằng con đường trời mây, thì chiều nay cả bọn giặc trời của không lực Hoa Kỳ áy đã hiện nguyên hình là một đám bộ binh. Để đẩy mạnh kỹ nghệ tàu bay xâm lược, bọn lý luận Hoa Kỳ đưa ra cái thuyết “chiến tranh sạch sẽ”, cho rằng đánh phá bằng tàu bay bắn xuồng, bom xuồng, thì gọn gàng hơn là trực tiếp đánh ở dưới mặt đất nó không được sạch sẽ bằng, nó nhiều bùn quá, mất vệ sinh! Chao ôi, sẩm tối hôm nay, hàng triệu con mắt thù đô đã nhìn rõ mặt mũi râu tóc ngón

tay ngón chân của những phi đội ác ôn quỷ sứ “chiến tranh sạch sẽ” Hoa Kỳ. Bọn kè cướp này quen hành hung ở tầng cao và từ xa vụt lén tới, nó đúng là cái bọn không quen đi bộ. Trên thế giới, có lẽ chưa có đám bộ hành nào buồn iu bằng cái đám đi chân này. Không lực Hoa Kỳ mà đi bộ ngay giữa cái “mục tiêu” Hà Nội: thua rồi, trên con đường thua rồi. Có thằng thấy đèn pha điện ánh bát vào, vụt nhở đến một thứ thể điện gì đây của Mỹ, vội ngẩng cao đầu lên, ưỡn ngực, thăng lung, thăng căng. Nó điệu, nó định làm hiên ngang chưa mất tự tin, nhưng qua khỏi quầng sáng đèn đường, cả người nó lại thiu xuống. Cạnh tôi vụt lên nhiều cái chớp sáng, không khác gì những phút trận địa, chưa nghe tiếng bom phá, nhưng thấy chớp là đã đè phòng nầm tránh tiếng nổ. Nhưng không, đây chỉ là những làn chớp phờ lát đèn chụp ảnh lóe lên cùng nhiều tiếng tách tách. Trước mắt, diễu qua các thứ tóc các thứ đầu giặc, trông nghiêng trông chéch ba phần tư góc. Mắt tôi trong giây lát biến thành một ống ánh thu vội những khuôn mặt của tội ác Hoa Kỳ. Không đứa nào bị đầu tóc bù xù, không đứa nào râu ria xồm xoàm. Cho nên những cái nét ngu Mỹ và ác Mỹ càng hiện rõ trên trên vành mặt nó, không có lông lá gì che phủ nữa. Loáng một cái lại nhận mặt được vài tên tôi đã từng gặp ở trại giam,

có thằng gây đi (hắn vì nhớ nhà) có thằng vân phục phịch như ngày mới bị giơ tay lên giờ mà đầu hàng.

“Đả đảo đế quốc Mỹ - Mỹ cút đi - Giôn Xon cút đi”. Tiếng thét trong hành lang phố dài lùa rền đi hàng đợt hàng tràng. Tới mỗi ngã tư, tiếng thét tiếng hò cảng toả rộng tận xa. Dây tù binh Mỹ kia giong tới đâu, cái sự khốn nạn Hoa Kỳ kia nhích tới đó. Người Hà Nội phút này toàn mắt toàn miệng toàn tay. Run bần bật lên những cánh tay muôn đánh nhưng tự kìm mình lại. Có nhiều tiếng thét khàn đi, khẽ đi. Và ở nhiều kẽ mắt nổ lửa, rì ra dòng nước mắt tưởng nhớ họ hàng thân thích mình bị chúng nó giết hại ngày 29 tháng sáu vừa qua ở khu phố bên tả ngạn. Không có bộ đội ta bảo vệ trật tự đi sát dòng tù, thì nhất định bọn sát nhân kia thế nào cũng có đứa nhù tử. Có những chị tiếp tế ngoài thành để rút đòn gánh đánh quai bọn Mỹ ngứa mắt, như là hồi Kháng chiến cũng bằng đòn càn, quật ngã Tây đồn địch hậu. Dọc phố, tất cả cửa hàng ăn hàng uống đều lên cửa, tất cả những tầng gác đều đóng hết kính chớp, cũng là để giặc Mỹ kia đỡ bị ăn gạch, đá, vỏ chai suýt tuyến đường đi tới địa điểm lầy khẩu cung. A, bọn giặc Mỹ lái máy bay lại đi qua một quãng phố trước đây mang tên là “Phố Hoa Kỳ” (hồi tạm chiếm, Pháp nịnh Mỹ đặt lại tên phố cũ Tràng Thi để vòi đạn dược tàu bay Mỹ). A, nó lại đi qua cổng bệnh viện trong đó đang

năm nhiều nạn nhân của bom đạn gần đây nhất của chúng nó. Nhao nhao ôn ào những lời hiến kế một cách dữ dội "Phải treo cổ chúng nó lên ở đầu cầu sông Cái. Phải chôn sống chúng nó trên mặt đê từ Chèm về đến bến Thanh Trì". Tôi nghĩ rằng đây là những sáng kiến nhân dân cần nghiên cứu thêm. Có thể phân phôi những chiến lợi phẩm Mỹ sống kia cho các đơn vị giữ cầu giữ đê. Rồi cho bọn phi công này được thấy tận mắt bọn Thần Chết đồng nghiệp chúng nó đánh xuống như thế nào, và từ dưới mặt đất thiêng, chúng ta đánh lên cụ thể như thế nào. Sau mỗi trận như thế, ta sẽ cho từng thằng Mỹ sống sót kia được phát biểu cảm tưởng nóng hổi. Tôi tin rằng những cuộn băng thu thanh nọ sẽ dùng được vào nhiều việc.

Cứ qua thêm một cái ngã tư đông đặc cảm thù, thì những đầu gối những mắt xích của dây tù càng rao ra. Dây tù Mỹ nhão nhào thêm mãi, gáy thằng quan Hoa Kỳ lái may bay nào cũng ròng ròng một thứ mồ hôi sền sệt dầu máy nhờn. Cảnh tôi lại lách tách những cái chớp giật giật của đoàn máy ảnh. Một ống kính vừa chớp xong, nói nhanh với một ống kính khác: "Ở ngã tư đầu tiên, máy thằng kia còn nhơn nhơn cả mặt, cả cổ, giờ thì mắt nó chỉ còn nhìn xuống chân nó. Anh theo dõi "chân dung" này nhé. Ta làm riêng một xêri đặc tả sự thay đổi diễn biến nét mặt của máy thằng đó trong quá trình đi bộ này của chúng. Anh

cần thêm phim, tôi còn đây". Trong dây tù đã rao xích, thực ra vẫn còn dám bảy thằng Mỹ cố rướn lên cái đầu giặc của nó. Nó rướn rướn như người bơi đuối sức sắp buông tay mà chìm. Nó rướn lên, mũi hếch ngừa lên như bắt đầu biết sợ hãi mùi đất cay dữ Việt Nam, và cố tránh mùi đất Việt Nam đang ngùn ngụt bốc lên từ mặt đường, mặt hè phố của Hà Nội nồng cháy lòng người, bùng bùng lửa giận nung bỏng cả tuyến đường đi. Nhiều thằng đã tụt dép ra cầm tay lại lồng dép vào chân mà lẹt xẹt bước tiếp. Một mấy thằng Mỹ đứt dép Thái Lan cao su trắng kia dài điếc hẳn đi. Đôi tai nó ù ù, nghe "Mỹ cút đi" hôm nay mà lại nhớ đến những tiếng hô "Hen xơ áp - Giơ tay lên" hôm nào của nhân dân Việt Nam vây bắt nó trên rừng dưới biển ngay cái lần nó vừa chạm chân phút đầu xuống đất nước miền Bắc này.

Đám tù dây đã vao tới phòng hỏi cung. Bể người dừng lại ngoài tường như sóng đại dương vấp bờ. Tiếng thét đà đảo đế quốc Mỹ vẫn dội mãi theo vào trong lòng phòng lấy cung. Phòng rộng mênh mông xây hình giếng loe, bấy nhiêu cấp có thể chứa đến mấy vạn người ngồi nghe. Trên trời lồng lộng những ngôi sao lúc nào cũng đúng hẹn với những đêm Hà Nội thân yêu và đồn dập. Hai ngôi sao xanh đỏ song song đi từ Tây sang Đông: tàu bay ta tuần thám bâu trời Hà Nội như thường lệ.

Đoàn giặc Mỹ lái máy bay ngồi xếp xuống, mắt thằng nào dán đúng vào ngón tay bàn tay và ngón chân cái thằng áy. Những cái ngón chân cái ngón chân con đôi bàn chân, những bàn tay ngón tay đã từng án nút tên lửa và cắt dây bom! Chúng cựa quậy ngón tay, cổ tay, chúng bẻ khớp ngón tay, miệng mím, mắt nhìn vu vơ. Chúng nó co chân rút chân lại, theo một thói quen người phương Tây sợ phô trần bàn chân không bit tất lộ liêu, nhưng chính là vì chúng vứt nhớ đến những việc man rợ mà tay chân chúng đã làm. Chúng đều giấu chân đi. Trước mặt mỗi thằng, trên nền nhà "hỏi cung", lôi ra đôi dép trắng Thái Lan - Thái Lan, cái nơi đã cho không lực Hoa Kỳ mượn đất dựng sáu chục căn cứ để bay sang đánh vào nách Việt Nam. Thái Lan, cái xứ xa bị Mỹ ăn hiếp, mà các nhà báo Pháp vẫn gọi mỉa là "cái bang thứ 51 của Hoa Kỳ", hoặc là chiếc hàng không mẫu hạm trên cạn của hạm đội VII. Cũng trong đêm bọn giặc bay Mỹ ký hợp đồng giết người theo từng khóa đăng một, đang rút cổ rút chân kia, thì đài của pháp AFP đưa tin theo cách đưa tin ờm ờ của AFP: "... họ là 80 người sức lực khỏe tốt nhưng hơi gầy..." (!?).

Và bán tin cuối cùng trong ngày của ta cho biết là miền Bắc hạ chiếc phản lực thứ một ngàn một trăm sáu chục lẻ ba.

CHO GIẶC BAY MỸ NÓ ĂN MỘT CÁI TẾT TA

Giữa chợ hoa Tết Hà Nội chống Mỹ đã “sơ tán” từ bên Công chéo Hàng Lược sang bên Đường Thành, đồng chí Cao nhất định kéo tôi cùng đi duyệt lại dây cành đào một lần nữa. Anh nói nhỏ vào tai tôi:

- Chọn đào cho cơ quan đây. Trại tôi năm nay phải bố trí Tết cho một số lái máy bay Mỹ cả cũ lẫn mới.

- Nên lấy đào ta, chọn một cành thật to ấy. Đào bích nó thắm quá thành ra trông nặng mặt. Đào phai ta bao giờ cũng nhẹ nhõm và duyên dáng hơn đào bích.

Rước được cành đào cả gốc ra khỏi chợ, nơi bấy
vắng, đồng chí Cao mới giảng thêm cho tôi đang băn
khoăn về ý nghĩa một cái Tết tù:

- Cũng cho một số nào ăn Tết thôi, nhất là đối
tượng nào đã ít nhiều hiểu biết về chiến tranh và hòa
bình ở ta là như thế nào. Có thể một số thằng anh đã
gặp rồi. Thiệt tình ra, có một số thật sự khao khát

muốn hiểu thêm về dân tộc ta, nhân dân ta. Cho nó ăn Tết thật đó, tức là có bánh chưng, thịt đồng, cá kho, dưa hành. Nghĩa là đúng hệt một cái Tết cổ kính cổ truyền cổ điển.

- Cà đốt pháo?

- Không, Tết là ngừng bắn, không nổ pháo. Vậy anh soạn ngay giúp chúng tôi một ít tài liệu chung quanh tập tục về Tết ta, từ xưa đến nay. Có những gì là nhiều ý nghĩa thì anh cứ soạn cho. Cho nó ăn cái bánh chưng, đồng thời giảng cho nó hiểu về nguồn gốc và ý nghĩa cái bánh anh ạ. Và các thứ khác nữa.

- Nay, tôi vào xem chúng nó ăn Tết được không?

- Để tôi nghiên cứu xem.

Đúng hôm đi chọn cành đào cho tù Mỹ nó được biết thêm phần nào về tạo vật miền Bắc mỗi khi mùa xuân về, công đoàn cơ quan tôi cũng rục rịch chuẩn bị lá dong để gói và luộc bánh chưng, ai muốn có bánh thì góp phần gạo, đồ, thịt của mình vào, cơ quan sẽ gói hộ cho, không tính công, chỉ tính vốn về tiền cùi. Tôi nghĩ đến bánh chưng đầy đặn mà bọn phi công Mỹ sắp được bóc ăn tại một địa điểm nào đó trên miền Bắc. Nghỉ mà thấy nó kỳ, nó kỳ quái thật đó. Mình không điều binh khiển tướng sang Mỹ đánh Hoa Kỳ; mặt khác Giôn Xon cũng chưa lần nào chính thức tuyên chiến với nước ta. Vậy mà tự nhiên nghĩa địa

tàu bay các tinh ta ngày càng ùn lên cơ man là xác Hoa Kỳ đủ các kiểu, không tay chân đâu mà vùi chôn cho xuể; và giặc bay thì cứ lũ lì đút đầu vào các cổng đề lao. Trung bình, cứ tính đồ đồng thì một chiếc của nó cũng phải 2 triệu 50 vạn đồng đô la. Và tiền ăn học của mỗi thằng phi công nhà nghè Hoa Kỳ cũng ít nhất là 25 vạn đồng đô la. Nói ra điều tiền bạc này, tôi không có ý gì xót xa tiếc tiền tiếc của hộ cho bọn lái súng Mỹ. Mà chỉ là muốn nói thêm một cái điều khác nó quan trọng hơn. Trong chiến tranh chống Mỹ tại miền Bắc, ta vốn cũng không biết cơ man nào là tiền. Nếu không có bọn kẻ cướp Mỹ vân phỉ áy áp tới bắn phá miền Bắc, thì việc gì chúng ta phải bay lên nhiều như thế, lâu như thế? Bao nhiêu là tiền xăng tung vãi ra giữa trời! Nếu không có chúng nó lén vào mây trời mình quấy phá sự làm ăn thắt lưng buộc bụng của mình, thì ét xăng thượng hảo hạng đó đem ra mà chạy máy các thứ máy kiến thiết và vận tải dưới mặt đất, có vui hơn không, có thấy đỡ tiếc tiền xăng hơn không? Đã thế, giờ lại còn phải tốn cơm thêm, tốn bánh thêm cho cái lũ giặc lái máy bay Mỹ, chủ Mỹ phải tốn 25 vạn đô la hay có tốn hao bao nhiêu đi nữa, đó là chuyện tính toán lỗ lãi gì đó của bọn Mỹ làm kinh tế chiến tranh, nó tiêu thế chứ nó tiêu tốn hơn cũng mặc cha nó. Nhưng bây giờ lại đến lượt mình tốn tiền tốn gạo cho lũ báo đồi này, ấy mới là

cái điêu phải bận tâm. Mày hàng rồi, thì không giết; đã không giết, thì lại phải nuôi, phải tốn tiền, phải mò thêm tài khoản. Chiến tranh là một cái gì thật là cụ thể, chứ không phải là một cái gì trừu tượng đâu như bọn phi công Mỹ chúng thường nghĩ, trước khi bị chết trận giữa trời ta, hoặc bị bắt sống trên đất ta. Nếu một giờ bay lên để ta cảnh giới bầu trời là biết bao của cải mình tung giời vãi ra giữa trời, thì một phát đạn cao xạ mình bắn lên, trúng hoặc chưa trúng giặc bay, đó lại cũng là tiền mình phải tiêu đi. Một phát nổ lên trời, nói một cách khác, tức là bao nhiêu bánh chưng tung lên trời, mất hút giữa trời, thì nay tiếc gì ít bánh chưng Tết ta tung thêm vào cái mâm ăn của bọn tù Hoa Kỳ gãy cần lái. Để cho nó mở thêm mắt thêm mồm ra.

Tôi liền yên tâm hơn mà ngồi soạn ít tài liệu cho đồng chí Cao đang quản lý đám hổ báo thú dữ Hoa Kỳ. Bắt đầu bằng câu chuyện không động đất, xông đất và giồng cây nêu ngày Tết.

Ý nghĩa của tục trồng cây nêu, ngâm mà thấy hay. Chuyện tổ tiên ta giồng cây nêu có từ đời nào, tôi không rõ, nhưng tôi tin là nó đã có lâu từ ngàn xưa rồi. Nó có thể có từ lúc trên đất nước này bắt đầu cho nở lên những cây tre, bụi tre, và những luỹ tre quẩn đảo cạn giữa châu thổ miền Bắc. Tục giồng cây nêu bằng cây tre thì cũ xưa, nhưng nay đồng chí Cao đem

ra giáng cho bọn giặc bay Mỹ vào dịp Tết ngừng bắn, thật cũng có một ý nghĩa rất là hiện thời.

Ngày xưa, sắp Tết, gia đình Việt Nam chân chính nào cũng đều trồng ở nhà mình một cây nêu. Người phương Tây thiết tha với gốc thông xanh giữa nhà vào dịp Tết Nôen và Năm Mới như thế nào, thì người Việt Nam cũng bận tâm như thế ấy với cây tre Tết lịch mặt trăng của mình. Nó cũng chỉ là một cây tre thường, cắm đúng giữa sân nhà mình. Chung quanh gốc tre, lấy vôi bột vẽ bốn cánh cung lấp sẵn tên, hướng thẳng ra bốn phương Đông Tây Nam Bắc. Cây tre trồng giữa sân nhà, hàm cái ý là mảnh đất này, dù nhỏ đến mấy, cũng là một đơn vị sống, sự sống ấy có một người chủ, người chủ ấy có quyền về chồ đất dai đang mang cái bóng xanh của ngọn nêu tre toả xuống. Bốn hình cung tên vẽ ra kia như báo cho các thú ma quỷ nào định xâm phạm đất ấy rằng đứa nào đến, ta cũng bắn đuổi, đứa nào đến bởi từ phương nào, hướng nào, ta cũng từ gốc tre trung tâm tự vệ này mà bắn ra tất. Việc cù gốc tre cũ và cung tre tên tre là thế. Nay là đạn đồng tên lửa bắn bắt kể Con Ma, Thần Sấm nào, dù mày ở hàng không mǎu hạm đất liền Thái Lan xộc sang hay ở hạm đội VII biển Đông tạt vào.

Cái Tết Việt Nam thật là trang trọng. Cây nêu đã trồng xuống sân, tức là chính thức tuyên bố tuyên cáo

một cái gì. Lúc sinh ra cây nêu tre Tết cũ Việt Nam, chưa có chủ nghĩa xã hội, nhưng nhân dân Việt Nam đã rất có ý thức về sự lao động làm ra của cải của mình. Là sau một năm quần quật làm lụng không cần đặt ra ngày chủ nhật, hôm nay Tết, tức là nghỉ, nếu không nghỉ hàng tháng giêng tháng hai thì ít nhất cũng phải nghỉ bảy ngày. Trong bảy ngày truong cây nêu lên, tức là nghỉ tay ngừng tay. Mùng bảy Tết, hạ cây nêu xuống rồi mới lại bắt đầu sờ mó vào mọi thứ công việc thường mùa, thường năm. Thượng cây nêu lên, nó trang trọng như một cửa hàng phục vụ liên ba trăm sáu mươi nhăm ngày, nay tự cho phép mình khép vào đóng cửa hàng, và không quên dán vào tấm cửa một chữ NGHỈ. Trong những ngày người nghỉ, thì cũng cho đất nó nghỉ. Đất được coi như người bạn, cả năm nó cũng vất vả, nay mình là người, mình biết nghỉ, cũng nên để cho bạn đất nó nghỉ với. Cho nên trong những ngày Tết đã giương cao cây nêu là không có làm bất cứ việc gì kinh động tới mặt đất. Không chạm mũi cày mũi cuốc xuống mặt ruộng, thậm chí không bồ cát, không quét nhà. Những việc vệ sinh cát nước ấy phải làm xong trước đi, rồi liên mấy ngày là không động đất nữa. Để qua năm mới, trong không khí thiêng liêng im ả, lắng nghe cho trọn cái tiếng mùa xuân nó đang về, đang sang, đang tới với mọi người. Giữa lúc đầu năm ấy, người đầu tiên nào đặt chân vào nhà ai, người ấy được gọi là người

xông đất, và cả năm ấy nhiều may mắn hoặc có chuyện không may, người trong nhà ấy đều luôn luôn nhắc tới tên tuổi người xông đất đầu năm. Nói rút tóm lại, xuyên qua một tập tục cổ truyền Tết cũ, thấy con người Việt Nam có những thói quen đáng yêu về cách tổ chức làm ăn trong hòa bình. Thói quen ấy từ nghìn xưa đã tạo cho mình một cái truyền thống yêu quý hòa bình. Giặc Hoa Kỳ thường xuyên tạt ta là một dân tộc chỉ thích cõi chính chiến, không muốn đi tới thương lượng hòa bình như chúng đã trí trá đê ra, bởi vì thiếu cái chất cốt hòa bình. Nó đánh phá mình, đòi nuốt chửng mình đi, đến lúc mình ngáng họng nó lại, nó phải công nhận là sự tình trong bấy nhiêu năm đầu gươm mũi súng, mình đánh càng ngày càng tai ác, thì, chao ôi, nó lại dùng cả bộ máy thông tin hiện đại của nó mà tri hô lên rằng người Việt Nam hiếu chiến bất trị đến cái mức không thèm trả lời kế hoạch giải giáp của Giôn Xon đê ra đến mấy chục lần rồi! Thằng tổng thống kẻ cướp Mỹ ấy càng leo thang xâm lược càng nén dùi mạnh vào cái mặt trống hòa bình. Hóa cho nên càng phải giảng cho bọn tù Mỹ đó thấy rằng mình đấu tranh vô trang quyết liệt, mình có truyền thống đánh lui các thứ xâm lược từ bao thế kỷ, nhưng mình cũng là một dân tộc có truyền thống yêu trọng cuộc sống thanh bình. Bên lề bài soạn, tôi không quên bị chú thêm ít dòng như sau gửi kèm theo cho đồng chí Cao:

- "... Hôm nọ có thằng giặc bay đã trả lời tôi rằng tại sao Mặt trận Dân tộc Giải phóng lại ngừng bắn những ngày vào dịp Tết ta ấy à! Tại là ngừng dài ngày thì ông Nguyễn Hữu Thọ càng có nhiều thời giờ để chuyển súng đạn và người của miền Bắc vào miền Nam, nó báo thế. Đồng chí Cao ơi! cái thằng Mỹ sắp sửa ăn bánh chưng Tết của mình, chính nó đã mở mồm ra mà nói láo hồn như thế đấy. Tôi cũng chưa nếm hết nội dung tư tưởng, ý nghĩa chính trị quân sự của thời hạn bảy ngày trong ngừng bắn Tết ta, nhưng tôi nghĩ rằng mình gắn cái việc bảy ngày trước mắt, với cái chuyện bảy ngày trồng cây nêu không động đất ngày xưa của ta, coi như là phát triển một cái truyền thống đã sẵn có lâu đời về con số ngày nghỉ của dân tộc, tôi nghĩ rằng sau khi giảng giải mà nó hiểu được theo cái hướng đó, thì cũng là một điều tốt ta làm được, ta không đến nỗi bóc nhầm một số bánh chưng phải không anh?".

Tính từ khi ta có lịch sử ghi chép được bằng bút mực, thì nước ta ra đời đã mấy nghìn năm. Còn lịch sử truyền miệng thì lâu hơn, và bánh chưng ra đời từ thời kỳ lịch sử Việt Nam truyền miệng đó. Đem lịch sử Hoa Kỳ ra mà so, thì Hoa Kỳ dựng nước cũng mới từ cuối thế kỷ XV, từ khi Cô Lôm tìm ra châu Mỹ đó mà thôi. Rồi trên Bắc Mỹ, người Âu đã kéo tới. Phần lớn là những người bất đắc chí từ châu Âu di cư sang - vô khôi là người phiêu lưu mạo hiểm, là trốn chúa

lộn chông, buôn bán cáo cùng, lục lâm xổng ngục, cùng là các thứ thất cơ lỡ vận, đánh bạc chạy làng, nay cùng kéo sang đất mới để làm lại một cái hồ sơ lý lịch cho nó mới hơn. Cái xã hội tìm vàng bát nháo đó bị đô hộ năm tao bảy tiết, rồi mãi cho tới cuối thế kỷ XVIII mới tuyên bố được Độc lập và chính thức thành lập liên bang Hoa Kỳ. Rồi từ đó làm giàu, và qua hai cuộc đại chiến thế giới, cứ giàu sụ mãi lên một cách thật là tàn bạo và tráng tráo. Cho đến nỗi đại văn hào Béc Na Sô phải thốt lên rằng : “Nước Hoa Kỳ đã đi một lèo từ man rợ thảng tới đọa lạc mà không có thông qua giai đoạn văn hiến văn minh nào”.

“Nay cho chúng nó ăn Tết ta, nên cho nó thấy cuộc sống ta la la có nề nếp thật là từ nghìn xưa, anh ạ. Cái bánh dày tròn lấy theo tượng hình của bầu trời, cái bánh chưng vuông theo tượng hình của nền đất. Bánh chưng thì xanh, câu đối thì đỏ, và cái bánh chưng Việt Nam đã vuông thì phải vuông đủ tám góc kia, và cái lạt che dùng buộc bánh, tuy rất mềm, nhưng mà buộc rất chặt. Cái bánh chưng ấy, những năm đánh Pháp trước và cả những năm đánh Mỹ bây giờ, ở mặt trận không có điều kiện gói luộc thì đã có các bà mẹ bà chị cô em ở hậu phương gói chặt luộc kỹ, và cứ mỗi Tết chống Mỹ lại gửi ra tiền tuyến.

“Dân tộc ta là những người thừa lòng yêu bình tri và quý sự thanh bình và là những con người khéo tay.

Trạm, trồ, cẩn, khắc rất tinh tế ; cày cuốc bền sức; cát nóc, cơi tường, lén bộ khung cột nhà rất chi là nhiều kiểu cách; làm miếng sống nau miếng chín, cái khoa học ẩm thực Việt Nam ấy quá đã thành hẳn một trường phái riêng biệt ở Viễn Đông. Trở lại chuyện bánh chưng, tôi muốn nói thêm với đồng chí Cao rằng bánh chưng có thể để lâu qua nhiều tháng. Các cụ ngày xưa, gói xong luộc xong, liền bọc một lần đất thó, đem nung đở lên, rồi quẳng xuống bùn ao hoặc đáy giếng, mấy tháng sau vớt lên vẫn thơm ngon như vừa chín tới. Bọn Mỹ tính thích lối nói dí dỏm và thích lối u-mua chơi chữ, anh có thể bảo chúng nó là Việt Nam chưa làm đồ hộp bánh chưng, nhưng đã lấy vỏ đất nung cùng là lá chuối luộc mà thay cho vỏ sắt hộp, và đã giữ được bánh ăn đó rất lâu ngày.

"Nếu tôi hiểu không lầm, thì hình như cho tới nay, sự phản tuyên truyền tinh vi Hoa Kỳ khen ta đánh giáp lá cà giỏi, khen ta bắn cao xạ giỏi, khen ta bắn tên lửa giỏi, khen ta đánh trên bầu trời mây khá giỏi bằng tàu bay Mig, nói tóm lại là khen ta biết đánh nhau, chỉ khen về mặt hùng hục ác liệt còn ngoài ra thì hình như cho ta là không biết đến gì khác nữa ở cuộc sống nhiều mặt này. Vì thế mà, nhân dịp cho chúng nó ăn Tết này, phải cho nó thấy nhân dân mình, ngoài cái giỏi ở mọi chiến trường đánh ngoại xâm, còn có nhiều cái tài khéo ở các mặt làm ăn và xây dựng trong hòa bình. Và những con người tài giỏi

hiền hòa đó có quyền được yên vui trên bờ cõi nước họ. Và khi mà họ bị kẻ cướp Mỹ xâm phạm tới sự yên lành, thì họ có quyền đánh Mỹ kỹ cho tới lúc Mỹ xin hàng thi mới thôi”.

*

* * *

Chiều ba mươi Tết, tôi vẫn đi giữa chợ đào, có những gốc hoa to và cao hơn hẳn tôi một đầu người. Tôi đứng dưới gốc đào, một buổi chiều ngừng bắn, nghĩ miên man thấy sự sống là một điều gì thật là óng ánh, thiêng liêng, và hồng hào. Hắn lúc này, ở một địa điểm nào đó của miền Bắc sắp vào xuân, đồng chí Cao cũng đang đứng dưới một gốc đào. Đứng dưới một gốc đào chiến thắng mà giáng cho bọn giặc bay Hoa Kỳ một bài học văn hóa, về nền văn hóa lâu đời của dân tộc ta đang ở tuyến đầu chống đế quốc Mỹ. Bọn uý tá phi công Hoa Kỳ có thằng cui mặt ngốn lấy ngốn để các đĩa thịt cá và bánh chè các thức bày ra la liệt. Có thằng ăn vội, chỉ thấy có mồm nhai, không thấy có tai nghe. Nhưng cũng có thằng ăn rất thong thả, vừa ăn vừa nghe đồng chí Cao. Chúng nó ăn thong thả, tin chắc rằng ai đã có khẩu phần này, có ăn chậm cũng chả ai tranh mất khẩu phần mình. Cái thằng Giòn tôi đã gặp nhiều lần, chắc vừa nhai ngóm ngoàn, vừa nghe chuyện, vừa liên lỉ: “Oeo, Oeo! Tốt, hay,

hay!". Còn cái thằng Dim, bạ cái gì, bất cứ cái gì, nó cũng "O kê" để lấy lòng người khác, như tôi đã để ý. Dim, giữa lúc được ăn được mổ này, nó phải "O kê" lia lịa. Nó "O kê" liền thoảng như cái kiểu Giôn Xon cầm bút chì xanh đỏ mà lia lịa viết chữ "O kê" phê chuẩn vào các danh sách mục tiêu ném bom miền Bắc và Hải Phòng cùng là Hà Nội của các tướng viễn chinh Hoa Kỳ truyệt hàng đẹp.

Chúng nó một số vừa ăn vừa có vẻ nghĩ ngợi. Một vài đứa ngừng nhai mà gật gù, như là vừa thấy thêm một nét gì cụ thể về cái sự Việt Nam đối với chúng nó cho đến bây giờ, nói chung, vẫn còn là trừu tượng. Giữa sân trại giam mà giặc bay Hoa Kỳ nay gọi lóng với nhau là "Khách sạn Hin Tơn" bừng một gốc đào nở bung tới ngàn cánh đào phai. Gốc đào xòe mờ nghìn mắt sáng, mỗi hoa mở hết khoe mắt mà nhìn cái bọn Hoa Kỳ lạ mặt kia. Bọn giặc bay đã ăn xong cái Tết rất nhanh. Những cánh đào liên tục lè tè đậu lên vai đồng chí Cao ung dung nói nốt cho chúng nó nghe về tập tục không động đất bảy ngày của Xuân cũ trên đất ta. Mười mấy năm trước đây, đồng chí Cao cũng đã từng đứng như thế mà nói trước hàng ngàn tù binh Pháp chiến bại Điện Biên Phủ sắp được phóng thích đưa về bến Việt Trì. Hôm ấy cũng là một thời kỳ ngừng bắn, một buổi chiều mùa thu Kháng chiến thắng lợi.

NÔEN MỸ

*(Giới một nhà văn Mỹ thật sự
yêu tự do và quí hòa bình)*

Thưa ông, tôi phải nói thật, phải nói ra ngay với ông rằng, tôi rất ít kiến thức về đất nước và con người Hoa Kỳ. Trừ một số rung cảm nghệ thuật khi đọc thơ văn Hoa Kỳ qua những truyện như "Gót sắt", "Những quả nho của thịnh nộ", v.v... và qua Edgar Poe, Walt Whitman, Carl Sandburg, Lanston Hughes, Jack London, Sinclair Lewis, Hemingway mà tôi rất quí, thì hầu như tôi rất lờ mờ về Hoa Kỳ. Tôi không dám tin rằng tôi am tường văn hóa và lịch sử Hoa Kỳ khi tôi chỉ mới biết qua loa về các vĩ nhân Hoa Kỳ như Washington, như Lincoln, hoặc là chỉ mới xem bức ảnh chụp lại tượng thần Tự do trên cửa bể Núi Uớc. Về địa lý thì lại càng mờ mịt, chỉ biết đại khái rằng bên ông đất nước thật là vĩ đại bao la, thật là quá đỗi thừa thãi cho người Mỹ tung hoành khai thác. Cho

mãi tới gần đây tôi mới biết rằng nước Hoa Kỳ không phải gồm 18 bang, mà là 50 bang kia - từ sau khi chiếm đóng quần đảo Ha Wai giữa Thái Bình Dương.

Những con người Hoa Kỳ mà tôi gặp lần đầu tiên ở nước tôi, cách đây ba bốn chục năm, là những người làm nghệ thuật thứ bảy vì nghệ thuật. Đến chiến tranh thế giới lần thứ hai, những cái bóng người tài tử xinê Mỹ ấy loãng tan dần. Rồi tôi nhìn thấy người Mỹ thật, mắt tôi nhìn thấy người Mỹ bằng thịt bằng xương thật. Ấy là phi công Mỹ nhảy dù bị phát xít Nhật đóng tại quanh Hà Nội bắt giải đi. Hồi ấy pháo đài bay Hoa Kỳ B.29 ném bom xuống nhà máy xe lửa Gia Lâm, ném xuống bãi chợ Hàng Da, Hàng Đẫy và Nhà Đấu Xảo (nay là Nhà hát Nhân Dân) v.v... quan lính phát xít Nhật chết độ bao nhiêu tôi không rõ, nhưng chính mắt tôi đã trông thấy nhiều người Hà Nội ở các khu phố đã bị chết vì bom Mỹ. Và sau đó hơn hai chục năm, Hoa Kỳ lại cuồng loạn tàn bạo ném bom vào Hà Nội (ngày 29/6, 2/12, 13/12, 14/12 năm 1968 vừa rồi) và vẫn như xưa, nhiều con người Hà Nội dân thường đã bị giết hại bởi tên lửa và bom ép Hoa Kỳ.

Cách đây hơn hai chục năm, cũng như mấy hôm gần đây, mắt tôi đã nhìn rõ thứ văn minh vũ trang của Hoa Kỳ. Thưa ông, ông là một nhà văn Mỹ thật sự muốn đòi hỏi hòa bình và tự do cho mọi dân tộc

trên địa cầu - và cả trên Mặt trăng mà chúng ta sắp bay tới - tôi nghĩ rằng ông không thể không biết đến những thứ “kỷ niệm xương máu” này mà người nước ông đã “vung vãi ra” ở chỗ Hà Nội quê hương tôi đây. Tôi viết cho ông một lá thư ngắn, gửi từ bờ bên này Thái Bình Dương sang tận bờ bên kia cái đại dương mà đúng với tên gọi, thì nó phải là cái biển mênh mông vô tận những là sự thanh bình hòa bình. Giữa hai cái bờ bể thăm xa đó, ở một điểm của dương Thái Bình mà người nước ông hay gọi đưa là “cái ao éch” nay đang có một hạm đội VII của nước ông ngày ngày bắn phá vào làng bāi xóm bờ nước tôi, và ngày đêm cho tàu bay phản lực vào đốt phá cõi đất liền chúng tôi. Vừa đánh phá, vừa chối cãi, vừa dọa nạt quân sự lại vừa lừa phỉnh thương lượng hòa bình. Và cái bẩn thỉu cũng rất Hoa Kỳ nhất - xin lỗi ông - là cứ mỗi đợt dụng nói đến hòa bình thương lượng, thì tội ác của hải lục không quân của lũ viễn chinh Hoa Kỳ lại càng leo thang mãi lên. Như thế là sau nhiều nám úp úp mở mở, mặc dù nước tôi không hề phạm vào bờ cõi nước Hoa Kỳ cách xa chúng tôi muôn trùng, mặc dầu các ông không hề báo trước là tuyên chiến chính thức với nước tôi, chính phủ nước ông đã ra mặt đánh nhau với cả nước chúng tôi, cả ở Nam Việt Nam cả ở Bắc Việt Nam. Và ùn ùn kéo quân đến, càng kéo đông đến càng thấy rõ là không thé thắng được Việt Nam

bằng quân sự. Đã có nhiều nhà ngôn luận nước ông còn dám nói trắng trợn rằng Hoa Kỳ không thắng được Việt Nam mà cũng không thể thua được... vì còn có cái vấn đề thể diện Hoa Kỳ (!). Có những người lại còn hùng hổ nói rằng phải hủy diệt Hà Nội đi thì mới kết thúc được vấn đề miền Nam Việt Nam. Chao ôi, là một người của Hà Nội và sinh tử với Hà Nội như tôi, đứng trước lời đe dọa dãm của hiếu chiến Hoa Kỳ bắn tin qua đài, tôi đã nghĩ gì hờ ông? Tôi nghĩ rằng hủy diệt thủ đô Hà Nội không phải là một chuyện giản đơn, miệng nói là tay họ làm được ngay. Làm như trên đời này không còn có ai cầm cân nảy mực cho sự sống nữa, làm như trên đời này chỉ có rật một bọn tàu bay tàu bò Hoa Kỳ đó hoành hành mà thôi. Đây không phải là chuyện đi thách thức một cách không cần thiết với lũ điên rồ hiếu chiến, nhưng tôi nghĩ rằng trong lịch sử đã có những thủ đô vẫn sừng sững nguy nga trước biết bao âm mưu hủy diệt của quân thù. Hit Le và quân nó chả đã phạm tội triệt hạ và thực hiện xóa bỏ thủ đô Vác Xa Va (Ba lan) khỏi bản đồ thế giới đó sao? Nhưng rốt cục thì Hit Le chết, quân nó tan tành, và Vác Xa Va ngày nay thì tráng lệ vững chắc hơn bao giờ. Lính và quan Hoa Kỳ đã từng mờ mặt trận thứ hai để cùng đánh phát xít, hẳn vẫn còn nhớ rõ thế nào là sự tan rã quân sự của bạo lực. Cái bài học đó trong đại chiến thứ hai, bọn quân

sự tài phiệt Hoa Kỳ (mà tổng thống Giôn Xon chỉ là tay sai bất tài) hẳn phải nghiên ngẫm, khi mà Hoa Kỳ không còn như xưa kia độc quyền duy nhất về đầu đạn nguyên tử và tên lửa vượt đại châu. Thưa ông, Hà Nội chúng tôi vẫn còn đủ người tại chỗ để sản xuất, để bắn tàu bay Mỹ, nhưng thật ra cũng sơ tán đi rất nhiều trường học và trẻ em. Riêng tôi có hàng chục trẻ em gọi tôi bằng ông nội ông ngoại. Bấy nhiêu đứa cháu tôi dưới mươi tuổi, đều đã gặp nhau ở tại nhà tôi giữa Hà Nội mục tiêu của không quân Hoa Kỳ. Những đứa nhỏ ấy sơ tán mỗi trẻ về một phương một làng tại các tỉnh, đã bắt tay tôi, và chúng vừa bắt tay từ biệt nhau vừa đồng thanh mà nói:

- “Bao giờ đế quốc Mỹ cút khỏi thì chúng ta gặp nhau!”.

Thưa ông, tôi không khóc buồn cho ông, khi tôi kể cho ông điều vừa rồi, vì cái lớp tuổi lũ cháu nội cháu ngoại tôi, tất cả thiếu nhi Việt Nam chúng tôi đã nguyên rùa người Hoa Kỳ - cái tuổi thơ ấy, đáng lý ra không nên biết đến nguyên rùa, và nếu không có giặc Hoa Kỳ thì chúng tha hồ mà đứng giữa thủ đô Hà Nội đẹp xinh nết nã, đậm đà, hậu hĩ mà múa hát và đếm sao trên bầu trời Hà Nội. À, những cụ già nước tôi hay phân biệt thế nào là ngôi sao tốt lành, thế nào là ngôi sao ác độc, các cụ gọi là hung tinh, cát tinh. Bọn giặc Mỹ lái máy bay bị dân quân du kích

bắt sống khi nhảy dù xuống mà xòe cờ Hoa Kỳ ra để xin ăn uống nương tựa thì, thưa ông những cái chùm sao cờ ấy trông thật không đẹp đẽ tốt lành tí nào!

Ban nãy tôi nói rằng cách đây hơn hai chục năm, chính mắt tôi đã trông thấy phát xít Nhật bắt được phi công Hoa Kỳ và áp giải qua Hà Nội. Thưa ông, tôi cũng xin nói luôn rằng sau đó hơn hai chục năm, người làm ruộng người thợ người lính nước tôi lại bắt sống sĩ quan phi công Hoa Kỳ bị cháy tàu bay phản lực quanh Hà Nội, rồi tôi đã gặp rất nhiều người Mỹ xấu Mỹ ác này, mà thông cáo quân sự Mỹ tại Sài Gòn thường gọi là bọn "mất tích". Không, chả mất tích gì cả, khôi là đứa Mỹ nằm ngồi lù lù và lù lì ra kia kia, và đứa nào cũng ngong ngóng Giôn Xon thương lượng "thật sự" cho nhanh đi để chúng được sớm thả về bên kia dương Thái Bình đã yên sóng chiến tranh.

Tôi đã nhiều lần gặp những người Mỹ xấu này. Qua những câu trả lời của họ, tôi hiểu dần dần thế nào là "lối sống Mỹ", thế nào là cái hệ ngụy biện kiểu Mỹ mà tôi càng thấy cái tâm lý Mỹ muốn làm một đại dân tộc, vừa ác bướng vừa xuẩn ngốc khi cưỡng bức người nước khác phải thuần phục cái gọi là lối sống văn minh của mình. Gặp bọn sĩ quan tàu bay Mỹ bị cầm tù nhiều lần, tự nhiên tôi phải đọc một số sách và tài liệu Hoa Kỳ mà nay tôi tạm tạm có thêm một số hiểu biết về Hoa Kỳ. Trước đây, tôi cứ định ninh

rằng chả cần gì nghiên cứu về Hoa Kỳ, vì nó xa xôi cách biệt với mình quá. Xa biệt về mọi mặt, nhất là về địa lý. Nhưng nay, thưa ông, biến cố của lịch sử đã đặt chúng tôi phải đụng độ đương đầu sống mái với bọn hiếu chiến Hoa Kỳ về mọi mặt, bằng mọi cách, và bằng mọi điều kiện có thể của mình. Lực lượng vũ trang cả nước tôi tìm hiểu về cách đánh của quân đội Mỹ. Và những người như chúng tôi tìm hiểu về cách nghĩ Hoa Kỳ để mà cũng đánh Mỹ, đánh cho chết tiệt đi cái cách nghĩ phản khoa học, phản đạo lý làm người và trích thượng đó của bọn phát xít Hoa Kỳ hơm hỉnh về súng đạn, và du côn du kề lộng hiếp.

Gần đây, hạm đội VII Hoa Kỳ cứ nhich dần vào vịnh Bắc bộ, không ngày nào không có tàu bay hải quân cất cánh vào bắn phá miền Bắc. Phóng viên báo “Thế giới” có ghé hạm đội VII giết người đó, và tả về đám sĩ quan phi công Mỹ phạm tội ác ở miền Bắc, Jacques Ducornoy (trong số báo 18-10-1966) có viết bài “...Trong vịnh Bắc bộ” và nói rằng đây là một cuộc chiến tranh thật là kỳ cục, bởi vì “những phi công Mỹ đó rất thuộc cái vùng mục tiêu bắn phá trên miền Bắc “của họ” như là “thuộc quen cái túi áo họ”, nhưng đồng thời họ lại sa vào “một cái nếp cũng thật hết sức trừu tượng”. “Những phi công ấy, suốt đời họ, không hề thấy mặt người Việt Nam bao giờ”.

Xin lỗi ông báo nước ngoài! Bọn phi công quý dữ ông tả trên hàng không mẫu hạm Intrepid đó, nhiều

dứa chúng nó đều có gập người Việt Nam cà đầy. Cụ thể tức là, kẻ viết bức thư này đã nhiều lần lại các trại tù Mỹ, đối thoại với nhiều tên sĩ quan phi công Mỹ khốn kiếp đó cắt cánh tội ác từ cái boong tàu Intrepid nõ.

Thưa ông, chiến tranh mà đế quốc Hoa Kỳ đang cố gắng đẩy mạnh ở Việt Nam là một cái gì thiệt là cụ thể, chứ không phải là trừu tượng như người ta đã nói. Và những hậu quả của chiến tranh Hoa Kỳ ở Việt Nam nó cụ thể tới cái mức là tàu bay Mỹ cháy rụng riêng ở miền Bắc Việt Nam đã quá con số 1600, và bọn lái máy bay Mỹ bị bắt sống thì đã thành một lũ tù dây. Nếu chặng vọng chiêu 6-7-1966 đó mà ông có mặt cùng tôi giữa Hà Nội giải tù Mỹ phi công đi lấy khẩu cung thì ông sẽ thấy bọn này đã gặp cụ thể người Việt Nam ở dọc đường, có cả những thân nhân cụ thể của những người chúng đã giết hại, có cả những người nam nữ du kích đã bắt sống chúng quanh vùng Hà Nội. Nhiều thằng nhảy dù xuống bị tóm, giải về, đứa thì liền thoảng, đứa thì lảm bẩm một cách khá cụ thể bằng tiếng Anh:

- “Tôi xin làm tù binh. Tôi không là tội phạm chiến tranh”.

Khi nó bị bắt sống rồi, có ai định giết nó đâu, mà sao sự sợ chết của nó ôn ào quá thế hờ ông!

Tôi gặp cái đám người Mỹ xấu này thường là ở các ván phòng trại giam. Nhìn mặt chúng một phần, nhưng nhìn rất nhiều vào đôi bàn tay của mỗi đứa. Mỗi đứa trong người đều có một cái thẻ con, bìa cứng, một mặt in một câu nguyện Chúa nhật tụng, một mặt vẽ hai bàn tay áp lại để cầu xin, để tâm niệm. Mỗi thằng Mỹ giết người này thành ra có những bốn bàn tay. Hai bàn tay thật để cắt bom, bấm tên lửa. Và hai bàn tay giả để đấm ngực xin “Chúa Cha tha cho con mọi sai lầm”.

Cũng như mấy lần Nôen trước, đêm Noen vừa rời linh mục và mục sư lại làm lễ cho bầy quỷ sống phi công Mỹ đó. Ở miền Nam, như thường lệ Nôen mọi năm Hồng y giáo chủ tổng quản xứ Nhiều Do, và tổng tuyển úy quân đội Hoa Kỳ là Xịt Pen Man lại dẫn thần xác đến Sài Gòn. Từ khi đỡ đầu Ngô Đình Diệm, không năm nào Xịt Pen Man không tới Sài Gòn để làm chính trị. Đêm 21-12-1966 vừa rồi, hề Mỹ Bốp Hốp đi ba lợn ở các đơn vị Mỹ cũng nổi máu xâm lăng truyền nhiễm mà bô lô ba la: “Với sự hùng hậu hiện diện Mỹ tại đây, tôi nghĩ rằng chúng ta phải đẩy lên nữa sự leo thang”. Thế rồi đến đức cha Mỹ Xịt Pen Man đi làm lễ ở phía Bắc thành Sài Gòn, tại chỉ huy sở quân đoàn dã chiến 23. Trong khi “cha” Xịt Pen Man lên tòa giảng thi xe tăng lắp súng liên thanh chạy dàn quanh bàn thờ Chúa. Và để “sang danh

Chúa trên các tầng trời cao”, không biết bao nhiêu là trực thăng Mỹ lắp súng nạp đạn về vè vù vù trên đầu trên lưng bọn quỷ sứ lâu la viễn chinh Mỹ đang cuí mừng sự giáng sinh hàng năm của một Đấng sinh ra để cầm giết người. Và ngược lại với lời tuyên bố mừng hòa bình lễ trọng mới đó của Giáo hoàng, Tổng giám mục viễn chinh Xit Pen Man trong đêm Noen lại đi thúc giục quân lính phải hoan chinh hơn nữa việc bắn giết để Mỹ toàn thắng bằng quân sự.

Tại Hà Nội, lại cũng như năm kia năm ngoái, linh mục và mục sư vẫn làm lễ cho bầy tù Mỹ lái máy bay bị bắt sống. “Sáng danh Chúa trên các tầng trời rất cao - Bình an dưới đất, àn trạch cho loài người”. Thưa ông, “Trên các tầng trời rất cao” ở Việt Nam, nay đang lẩn lút bầy quỷ Cơn Ma, Thần Sấm phản lực Hoa Kỳ. Và mặt đất không bình an vì bom đạn Mỹ. Và con người Việt Nam đâu đâu cũng chỉ một niềm căm thù Mỹ. Đêm Noen, nhà thờ Phùng Khoang ngoại ô Hà Nội vừa làm lễ, vừa đào hầm hào phòng không cho người dự lễ. Tại nhà thờ Phát Diệm, ngay cạnh hang đá, sát nách với nôi giáng sinh Noen, là cả một hệ thống hầm hào này, để bốn đạo an tâm chịu lè và nghe giảng. Trông xa xa như một trận địa bên thánh đường. Chao ôi, trên một tuyến đường dài chừng vài cây số từ Phú Lý đến Ninh Bình, đã có tới 10 nhà thờ Chúa bị bom Mỹ xúc phạm nặng. Càn quét đốt giết

làng xóm miền Nam quân dữ Mỹ còn đem tên đất thánh Bết Lem mà đặt tên cho chiến dịch tội ác. A-men. Và mới hôm 23-12-66 vừa đó thôi, thánh đường Ninh Bình bị Mỹ coi là mục tiêu quân sự và đánh tới đánh lui đánh đi đánh lại liên bốn trận trong một ngày. Và tiếp đó, chỉ 14 tiếng sau khi Chúa vừa mới giáng sinh tại miền Bắc, tàu bay Mỹ đã lại bay “trên các tầng trời cao” Hà Nội chưa hàn gắn xong tất cả vết thương do bom Mỹ gây ra ở nội thành trong hai ngày 13 và 14-6-66 gần đây nhất thì tất cả Hà Nội lại càng phẫn nộ vì Mỹ tráng trọng vi phạm vào cả Noen ngừng bắn. Chao ôi! báo động giáng sinh, chuông giáng sinh chưa ngán hết làn sóng lě mà đã rộn cỏi phòng không. Mỹ thật là quá đỗi quý sứ.

Mỹ leo thang cả vào ngày riêng của Chúa. Giữa ban ngày 25 Noen mà Mỹ vẫn tráng trọng xâm phạm bầu trời Hà Nội. Dĩ nhiên là các cỡ các tám súng Hà Nội lại phải nổ giòn như mọi lần bảo vệ sự trong sáng của bầu trời thủ đô. Mỹ bay trên buổi lě ở Sài Gòn chưa cho là đủ. Mỹ lại còn bay trên lě Nôen của Hà Nội nữa. Nhưng mà thằng liều mạng Mỹ đã bị trùng phạt đích đáng. Chiếc Mỹ thứ 1614 liền bị hạ. Có thể Mỹ lại xuyên tạc là ngày Nôen ma Ha Nội cũng nổ súng đây! Giè su ma! Thế cứ mặc cho phản lực Mỹ bay qua phố phường Hà Nội, bay qua đình chùa và

nhà thơ Hà Nội vì đang lễ trọng mà không nói gì chăng?

Thư tôi viết cho ông vào lúc sắp hết một năm 1966, Mỹ bắt lực, và sắp mở đầu cho năm 1967, một năm mới nữa của chúng tôi trên cái đà đi tới thắng lợi cuối cùng. Tết này ngừng bắn nhưng, phản lực Mỹ có tái phạm trò bay khiêu khích như hôm ngừng bắn Nôen nữa thôi? Hà Nội lúc nào cũng vẫn đều tinh táo bình tĩnh. Mặt trời sắp ló lên vào ngày cuối năm hai bên thoả thuận ngừng bắn, mà Mỹ còn tiếc rẻ ném bom bốn tiếng liền lúc mờ mờ đất, vào một tỉnh đồng bằng Bắc Bộ rất nhiều tín đồ của Chúa Giời, và đúng vào nhà thờ Nam Phong, huyễn Nam Trực. Sáng danh Chúa cho mặt đất chằng có bình an. A men.

Trong những trận vừa rồi, Hoa Kỳ bắn và bom vào nhiều nơi không phải là mục tiêu quân sự làm đổ sập những tầng nhà căn phố Hà Nội, và nhiều thường dân Hà Nội đã bị chết vì khoa học giết người và kỹ thuật giết người tàn kỵ của chính phủ Hoa Kỳ. Cái hèn hạ của bọn này là đã chối, cũng như một số phi công Mỹ cứ nói loanh quanh là chỉ đánh phá cầu đường thôi, chứ không chủ tâm đụng đến mọi người dân thường qua đường qua cầu. Ném vào trung tâm Hà Nội, tang chứng rành rành ra kia mà vẫn cứ xoén xoét leo lèo. Đến lúc hết đường chối quanh thì một cách thật là ngang bửa hồn láo đã quen thân, chúng lai kêu là

“đáng tiếc cho cái việc vô tình” ấy. Nói chè hoe ra, thì cái “vô tình” Hoa Kỳ này đã được kế hoạch hóa mấy nám nay rồi bởi bọn lái súng và bọn tâm lý chiến tranh. Và chưa xong việc chúng định xóa những nợ máu chúng gây cho nội tim Hà Nội, chúng lai tái phạm vào Hà Nội đúng giữa ngày Nôen. Thư viết cho ông, không nói hết được mọi việc xấu, mọi tội ác mà bọn phát xít Mỹ đã phơi bay ra trên đất nước Việt Nam. Sinh viên giáo sư đại học và trí thức Mỹ đầy mạnh phong trào chống chiến tranh Mỹ tại Việt Nam, chính là để tách mình ra khỏi bọn Mỹ xấu đó, và chính là để cho thế giới thấy rõ có hai thứ tiếng nói Hoa Kỳ. Tôi ngờ rằng trong hàng ngũ những phong trào ấy, hẳn phải có ông. Hình như tôi đã nghe thấy ông đang phát biểu gì ở đâu đó bên nước ông.

Thư viết cho ông là một lời kêu gọi và một lời tin cậy. Tin cậy vào ông tức là tin cậy vào nhân dân Mỹ có nhiều người thiện tâm biết phân biệt rành rọt đâu là đúng, sai, phải, trái, và khi đã thấy, đã biết thì thế nào cũng lên tiếng. Cái tiếng lên án bọn hiếu chiến Mỹ đã dậy lên trên đất Mỹ rồi, nhưng tôi nghĩ rằng nó phải đồng, phải to, phải vang hơn nữa. Đánh đế quốc ngay giữa đất Việt Nam, ngay trên bầu trời Việt Nam là công việc chính chúng tôi phải làm lấy và đang làm quyết liệt. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng đó cũng là một vấn đề của những nha văn Mỹ chân

chính sống cho tự do và chân lý. Chúng tôi tin chân lý và thời gian của chân lý đều là ở phía chúng tôi. Mà các bạn lên tiếng vì tự do độc lập của chúng tôi, cũng là đồng thời lên tiếng vì tự do và độc lập của chính các bạn nữa. Công việc này thật là cao cả mà cũng thật là thiết thực biết bao. Mà tính thiết thực vốn cũng là một đức tính Mỹ.

Nhiều bạn nước ngoài có mặt tại Hà Nội đã tận mắt chứng kiến sự bình tĩnh tinh táo của Hà Nội đánh trả lại đích đáng bọn Mỹ xâm phạm vào trái tim Hà Nội. Cũng dễ cất nghĩa sự bình tĩnh của tất cả Hà Nội nó vốn là sự lạc quan tin vào tất thắng cuối cùng của mình. Nếu ông đã có dịp nghiên cứu về sự sống Việt Nam, hẳn ông phải thấy rằng trải qua các đời, dân tộc này rất yêu chuộng hòa bình; các làng xóm, các bến chợ, các trấn, các thành, các tỉnh, thường đều được gọi tên với những chữ đinh liền với hòa và bình. Rất yêu hòa bình, rất muốn yên lành, nhưng cũng rất vững tâm bền chí trong cái truyền thống chống lại và đánh lui mọi cuộc xâm lăng bất kể từ phía nào kéo tới.

Xin trân trọng gửi ông lời chào chống xâm lược Mỹ của một người Hà Nội, của tất cả Hà Nội 1967 đang cùng nhau nhịp nhanh tay súng với Huế với Sài Gòn mà cùng hô mạnh:

- “Đế quốc Mỹ cút đi”.

ĐÈN ĐIỆN PHỐ PHƯỜNG HÀ NỘI VUI SÁNG HƠN BẤT CỨ LÚC NÀO

Mỗi ô ảnh là một thằng ăn cướp Hoa Kỳ, nếu không quan năm đại tá thì cũng là quan ba - mà những người chiến thắng Mỹ là chúng ta càng phải nhớ rằng: đại tá phi công Hoa Kỳ là ngang cấp bậc một thiếu tướng quân bộ viễn chinh Hoa Kỳ. Và như thế là ta bắt sống đến cả tướng giặc phi công nó kia đây nhé! Phi công Mỹ nào ta tóm được, cũng đều có đi đạo cả, tức là đứng về nguyên tắc và lý thuyết mà nói, thì chúng đều là người phải kính sợ đức Chúa Giời, tôn trọng cuộc sống do sự sáng chế của Chúa. Trong túi thằng giặc bay nào ta tóm được cũng có một bản cầu kinh vê hai tay cầu Chúa. Hai bàn tay vê thì cầu kinh vê hai bàn tay thật của mỗi thằng thì toàn là để cắt bom phá, bom bi, tên lửa và chúng giết người Việt Nam gồm cả những người Việt Nam cùng thờ chung một đức Chúa với lũ chúng. Nó lại giết người cả vào chủ nhật là ngày Chúa bảo con người ta phải nghỉ cái bàn tay, dù bàn tay ấy đang hàng ngày làm

việc gì. Vậy là ngày chúa nhật 19-11-67 đó, cả miền Bắc hạ 17 máy bay Mỹ. Và riêng Hà Nội bắn rơi những 12 chiếc. Đây là một vẻ đẹp tân thời của người Hà Nội, của trời Hà Nội, của đất Hà Nội, của nước hồ Hà Nội. Trong bảng lập công của các thành các tỉnh miền Bắc diệt diều hâu Mỹ mới đó Hà Nội còn bị xếp loại thứ mười sáu, thì nay đã được cả nước nâng lên hàng thứ tư. Mỹ càng leo thang vào Hà Nội thì Hà Nội càng thăng cấp, và các tỉnh gửi điện mừng thủ đô chiến thắng là ... "Hà Nội đại diện cho cả nước mà diệt giặc...". Lần này Hà Nội không cần giải tù qua phố thủ đô như năm ngoái nữa, mà Hà Nội cho dăng luôn ảnh bọn phi công Hoa Kỳ vừa tóm được. Tít bài chạy suốt chiều ngang bảy tám cột trang đầu báo và ảnh cỡ 4 x 6 nối liền mấy chục ảnh cấn cước, trông đúng là một lù tù dây. Ưng, Khuyển, Phệ Hoa Kỳ một dây hiện hình. Cái trận đánh của Hà Nội đạt con số trên 200 chiếc được nêu ngay ở quanh hồ Gươm, thượng ngay biển bao công ở các gốc sáu, biển nền đỏ tươi và con số "200" kẻ trắng đậm nét, thấy nó quý như một loại thượng hạng "Thăng Long" mới nhất - chất khói đậm đà gợi đến hương vị thâm thuý nhất của đất nước. Cho tới lúc tôi viết đây, riêng thủ đô Hà Nội ta đã làm gọn của nó 229 chiếc. Và riêng năm 1967, Hà Nội đứng đầu các tỉnh thành dùng súng diệt Mỹ phản lực trên toàn miền Bắc.

Tôi gặp thằng (quan tư) Mich Kênh tại một nhà thương, tôi không muốn dùng chữ bệnh viện. Đầu cửa kính, giữa buồng bệnh trăng lấp lánh tờ, mà cảm thấy như sắc của sự im lặng phải là một thứ màu gì trăng trăng. Trên giường sắt sơn trắng, trên đệm trắng của nhà thương, thằng cẳng nằm dài một người cứng đờ cánh tay. Cánh tay phải giơ lên kia cũng trắng bệch, cứ giơ mãi như thế để tan loãng vào cái trăng nhè của buồng bệnh thấp đèn hơi thủy ngân bóng hình ống. Giữa cái thế giới bệnh bạch lôm lốp ấy, lờ đờ một đôi mắt nhiều lòng trăng và rậm lông mày. Với một bộ râu xồm đen kịt. Không phải, thằng Mich Kênh ta bắt sống trên hồ Trúc Bạch, làm gì có râu, mặt nó lên ảnh cẩn cước ở báo ngày hôm sau trông nhăn nhí kia mà. Mặc dầu mình không phải là chuyên viên đi hỏi cung tù Mỹ, nhưng để cho khỏi ngờ ngợ nữa, tôi đã dùng lại câu cổ lệ mở đầu của sự lấy khẩu cung:

- Tên?

- Giôn Xi Ni Mich Kênh, thiếu tá (cái đám này, nghiệm ra, nói chung, càng bị cầm tù càng thích xưng cấp mỗi khi xưng danh, xưng mãi cho tới lúc nào nó thấy mỏi miệng nó và nhảm tai những người giam nó thì nó mới hết dung đến cấp bực nó). Tôi được đè ra trên tàu ngầm, nhưng nhận Pa Na Ma là quê vì bố tôi chỉ huy tàu ngầm đóng ở căn cứ Pa Na Ma.

Vậy là đúng mày rồi. Mich Kênh cũng không to lầm, không cao lầm, nhưng vẫn đủ để án tên lửa và cất bom. Tôi chưa biết nên bắt đầu hỏi nó bằng câu gì, tôi đi đi lại lại quanh đầu giường sắt nó, mắt bỗng hạ vào cái bảng bệnh án Mich Kênh treo ở đầu giường ghi mạch nó có ngày từ 80 đến 120, nhiệt độ nó có ngày từ 37 lên 38. Bác sĩ đã dặn khẽ tôi là thằng quan tư Kênh này còn mệt, cần cho nó an dưỡng, nên bớt cho nó những câu hỏi hóc búa, chưa nên cho nó phải động não suy nghĩ nhiều. Thế này là chêch mất kế hoạch của tôi định hỏi chuyện thằng Kênh rồi. Bởi vì trong chuyến gấp này, tôi định ninh rằng thế nào tôi cũng phải quăng được vào giữa mặt thằng giặc bay kia một cái sự thực này: "cả lò nhà mày, cả họ nhà mày, đúng là một bọn ăn cướp nhà nghề. Một bọn kẻ cướp biển chuyên nghề. Ông nội mày đã từng làm đô đốc ở Thái Bình Dương. Bố mày hiện giờ là đô đốc ở Đại Tây Dương. Còn nhà ngươi thì làm thiếu tá phi công hải quân của hạm đội VII. Gia phả nhà anh thật không còn nghi ngờ gì, quả là cái truyền thống đi ăn cướp biển đã ba đời". Tôn trọng lời dặn của bác sĩ, tôi dành tạm cất đi mấy câu đó. Lại phải tìm một câu khác một cách khác để vào chuyện với thằng quan tư Kênh phạm tội ác đánh phá nhà máy nhiệt điện Hà Nội trưa ngày 26 tháng mười 1967. Ô, mẹ thằng thiếu tá Mich Kênh này giàu lầm, có cơ man nào là cổ phần công ty than

đốt. Còn bối nó đô đốc loại tướng giặc biến đeo những bốn sao đang chỉ huy hạm đội VI. (Xin nói thêm là đô đốc Hoa Kỳ to nhất cũng chỉ đeo tối năm sao, và tên đô đốc Hoa Kỳ chỉ huy hạm đội VII đậu ở vịnh Bắc bộ thì chỉ có ba sao thôi).

Hôm thằng tư Kên bị tên đạn thù đô Hà Nội hạ xuống thì thằng đô đốc bối nó đang ở thủ đô Luân Đôn nước Anh. Thằng tư Kên là con một của đô đốc. Theo đài Hoa Kỳ thì thằng đô đốc bối được biết tin ngay, và vẫn theo lời của đài Hoa Kỳ thì “đô đốc không bình luận gì về tin con bị mất tích ở Bắc Việt”. Và theo một nguồn tin khác, thì đô đốc bốn sao có đánh điện cho đô đốc hạm đội VII ba sao hỏi thêm chi tiết cụ thể về việc điều động con y vào tọa độ lửa Hà Nội. Liền sau đó thì đô đốc bối rời Luân Đôn đi luôn Hoa Thịnh Đốn. Chả hiểu người đô đốc bối này đã thúc giục Giôn Xon xúc tiến việc xin trao đổi tù binh Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam ra sao nhưng nhân tiện đây, tôi cũng xin gợi thêm một ý này. Là theo tục lệ cổ xưa thời cũ của Việt Nam người bối ruột có thể xin ở tù hoặc chết chém thay cho con đẻ được; nếu thấy cần giữ cho dòng họ mình khỏi tuyệt tự. Về thằng con là thiếu tá tội phạm Mich Kên, thì sự sống chết hiện giờ của nó trên đất Bắc Việt Nam này là do thái độ nó: nếu nó nhận được cho rõ vấn đề Hoa Kỳ đích thị đã xâm lược Việt Nam, thì cuộc sống quyết liệt nhưng

cũng rất rộng lượng ở Việt Nam vẫn không hép gì mà không mở một cửa sinh cho thằng quan tư chết hụt đó. Nhưng mà tôi muốn nhắn người đô đốc bố rằng ông hãy nên nghĩ tới ông nhiều hơn là nghĩ tới con ông mà, lúc nó được lệnh sang chiến trường Việt Nam, ông đã ân cần dặn nó; "Sang đánh Việt Nam phải cẩn thận đó". Tôi nghĩ rằng ông dễ có thể vì tật bệnh vì tai nạn cháy tàu mặt biển, hoặc vì hầm đạn chập dây điện nổ mà chết không kịp nhìn lại cái mặt đứa con một bị cầm tù ở Việt Nam. Đã có nhiều sự bất đắc kỳ tử xảy ra gần đây cho các hạm đội Hoa Kỳ. Ai dám bảo là ông không chết trước thằng con một lái máy bay của ông. Thật là một điều khá tội nghiệp cho một người đô đốc bố, khi mà trên cái kỳ hạm đô đốc kéo cờ đám ma to lại treo thêm mũ rơm gậy tre thằng con bất hiếu là Mich Kênh đang nằm ườn ra trên giường trăng kia kia!

- "Xin ông một điều thuốc lá".

Mich Kênh nhìn tôi chăm chăm, sau khi nói tiếng Pháp như thế.

- "Vâng, thưa ông tôi có sang châu Âu nhiều lần, và có ở Pháp liền năm năm, mỗi năm ở Pháp sáu tháng".

Nó nói thong thả, tay trái ôm chặt lấy bụng dưới, tay phải gẩy xương bó bột pò-lát giơ thằng lên trần

giời như bắt cứ phi công nào lại hàng trước mũi súng trường của tự vệ phố, tự vệ làng ta.

Tôi cầm một điếu thuốc Điện Biên vào mồm thằng giặc. Nó cảm ơn. Tôi bắt diêm châm vào mặt nó, nó nghển nghển đầu xin cảm ơn. Tôi đặt cái gạt tàn thuốc lá lên ngực nó đầy lông rậm dày như cái úc một con thú dữ nào. Nó rit khỏi thuốc, cái tàn trắng dài ra gần một đốt tay mà chưa chịu gạt tàn. Ngoài cửa phòng bệnh đã khép hờ, mặc dù không nghe thấy tiếng ai nào đi lại, nhưng tôi ngờ là có thể vẫn có bác sĩ quân y ngoài hành lang. Và bác sĩ có thể sẽ vào phòng rất kịp thời, nếu tôi bắt đầu hỏi nó những câu mà bác sĩ đã dặn là nên tránh. “Lúc này không nên làm tăng mạch máu nó, và tăng nhiệt độ nó”. Thưa bác sĩ, tôi vẫn nhớ, tôi chưa đồn nó tí nào cả. Tôi chỉ đang ngồi im mà nhìn thằng quan tư Kén hút điếu thuốc và đẩy khói ra hai lỗ mũi. Bất giác lại nhớ tới câu ba lón chán chường của bọn phi công Hoa Kỳ tại câu lạc bộ căn cứ Tắc Li hoặc Khò Rạt bên Thái Lan cả nước ngày nay đã biến thành cái hàng không mả hạm cạn của Mỹ. Mỗi lần bay đi rồi thoát chết mà trở về được “hang không mả hạm Thái Lan”, chúng thường đứa mà không cười với nhau rằng : “Đời bay thuê của chúng ta có hai cách chết một là chết nhanh, hai là chết chậm. Đánh vào Hà Nội cũng dễ chết, mà nghiên thuốc là thì dễ bị ung thư mà chết. Nhưng

chết vì khói thuốc lá lâu dài có lẽ thích hơn chết đánh phut một cái vì khói tên lửa của Khu Sáu". Khu 6 tức là mập hiệu của chúng mỗi khi nhắc đến thủ đô Hà Nội. Những người tài hoa trí dũng của "Khu Sáu" chúng ta nên nhớ thêm rằng gần đây địch còn nói lóng gọi Hà Nội mình là "ải lửa" là "tọa độ chết", là "khách sạn Hin Tơ" nữa kia đây. Chao ôi, giặc bay Hoa Kỳ đã chán ngấy Hà Nội quá lắm rồi - Hà Nội mà lười lửa tên lửa mỗi lần thổi rồng lửa bay lên nền trời xanh xanh Thăng Long, lại hệt như hạ bút viết chữ tháu lá bùa thiêng khoanh đứng lại, và đốt luôn các thứ "con ma" "thần sấm", lôi tuột xuống các túng uý tá quỷ sứ ma vương Hoa Kỳ.

"Xin ông một điếu thuốc!". Tôi lại cầm điếu thuốc Điện Biên thứ hai vào mồm thằng tư Kên con tên đô đốc Đại Tây Dương và cháu nội tên đô đốc Thái Bình Dương. Nó gạt tàn thuốc lên ngực lông lá, cánh tay trái cẩn thận gạt nhẹ tàn gió vào cái gạt tàn. Nó khép chặt tay vào nách, theo một thói quen của bọn giặc bay quen sống với buồng lái, ít khoa tay vung chân quá rộng, mà thường là cử động với những động tác khép khít hẹp ngắn. Thằng Kên dè dặt đặt gạt tàn thuốc lên ngực mà thấy càng tiếc nhớ cái gạt tàn sĩ quan Không lực Hoa Kỳ mọi ngày của nó! Úi chà, cái gạt tàn áy thường cài ở tay ngai trái chiếc ghế hành nhôm mỗi lần bay vừa bom vừa hút, sao nó thoái mãi,

và lý thú đến cái mức phải văng tục ra một câu để khám phục cho cái sự tiện nghi Hoa Kỳ ! Mà ngay trên hàng không mẫu hạm O Rit Ca Ni của hạm đội VII, ngay ở trong căn cứ buồng hội ý hội báo có điều dưỡng không khí ấy, ngay ở những ghế bành da thú vị đó, cũng vẫn cái gạt tàn thuốc tiện lợi đáng yêu cài ngay ở tay ngai bành da. Lim dim mắt vừa nghe chỉ huy phi đội phổ biến kế hoạch trong ngày phải tiến đánh Hải Phòng, Hà Nội bằng phi thuật gì, vừa hít thuốc Lúc Ki, vừa dụi dụi mẫu thuốc, kể cũng khoái trá thật! Khi thấy rằng chỉ cần có bảy phút là xộc tới mục tiêu rồi; mỗi chuyến bay khoảng một tiếng cả đi cà về và, nếu xong gọn được 3000 giờ bay thì được về hưu với rất nhiều tiền bạc và danh vọng. Có những điều thuốc Lúc Ki hút chưa quá nửa đã quăng mà đau đớn nhìn vào tâm bản đồ Bắc Việt Nam trước mặt trông như một tranh vẽ trừu tượng nào. Ở đây rừng nhiều và xanh um, mặt rừng úp xuống đất nước áy như thế nào, cái đó hình như không quan trọng lắm bởi vì Kên chỉ thấy có cái chòm cái gáy của dải rừng. Đất nước áy trừu tượng, người Việt Nam đối với thiếu tá Mich Kên quả là trừu tượng. Nếu không có cái việc bị bắn cháy tàu bay và chí tử nhảy dù xuống hồ nội thành Hà Nội thì có thể là cả đời Mich Kên ta cũng chưa hiểu Việt Nam nó cụ thể ra làm sao nữa.

Kèn đã từ giã cơn mơ hồi ký, bèn giọng ra mà trả lời cụ thể về câu hỏi cụ thể của tôi:

- Vâng, tôi nhận được lệnh đánh Khu Sáu tức là Hà Nội vào lúc 10 giờ sáng hôm đó, tính theo giờ Sài Gòn - tính theo giờ Hà Nội thì là 9 giờ. 12 giờ Sài Gòn kém 10 phút thì tôi rời boong hàng không mầu hạm. Và sự việc những phút sau như thế nào khi tôi vào bầu trời miền Bắc thì các ông đã biết cả rồi. Vâng thưa ông, tôi bay trên miền Bắc tất cả là 23 lần. Ở miền Nam thì tôi chưa được bay lần nào. Tôi có bay vào và có đánh Hải Phòng sáu lần. Chưa bay vào Hà Nội, trừ cái lần vừa rồi. Đại đội tôi 14 chiếc là đại đội chuyên đánh thử bom điện tử định hướng. Tôi chỉ huy một phi đội hai chiếc A4 cường kích. Đó là lần đầu tôi đánh Hà Nội.

- Là lần đầu?

- Và là lần cuối cùng.

- Nếu anh được cấp trên cho chọn giữa hai mục tiêu nhà máy nhiệt điện và cầu sắt dài trên sông Hồng, thi anh chọn cái nào?

- Cả hai đều là xấu cả, nghĩa là đều nguy hiểm cả, nhưng có lẽ đánh cầu thì tôi nghĩ có phần còn dễ hơn đánh nhà máy đèn. Nhưng tôi tin rằng nếu chúng tôi có đánh trúng được nhà máy đèn thì các ông vẫn có

những cách riêng để giải quyết vấn đề ánh sáng cho Hà Nội.

- Anh đánh nhà máy điện trung ương Hà Nội mà lúc này, đèn điện vẫn cháy đều trên đầu giường bệnh của anh, cũng như vẫn cháy đều ở khắp nơi khác của Hà Nội ngoài nhà thương này, thì anh có cảm tưởng gì?

- Thưa ông tôi không buồn mà cũng không vui. Tôi chỉ mong chiến tranh ở Việt Nam sớm kết thúc để tôi được tha về. Bố tôi cũng không cứu được tôi. Ông Giôn Xơn cũng không cứu được tôi. Ông vừa hỏi tôi nghĩ gì về Giôn X ơn? A, Giôn X ơn là người không muốn ai phê bình mình. Ông ta là người chỉ thích dùng máy tính éléctorónich, đặt câu hỏi cho máy tính điện từ rồi chờ câu đáp số trả lời của máy tính... Xin ông một điều thuốc!

Viên quan tư tù Mỹ định đánh vô mặt vào ánh sáng Hà Nội, định tắt ngầm cả đèn điện toàn thành Hà Nội đang nằm hit điếu thuốc mới, mặt trắng bệch, và sợi khói thuốc cứ dâng lên dưới ánh điện tỏa đều. Ánh sáng của Hà Nội không bao giờ tắt, và dưới ánh đèn điện sáng, đang đùn lên một thứ khói của thằng tù. Không còn nghi ngờ nữa, thằng này là hung thần Bóng Tối kẻ thù số một của Ánh Sáng. Chả rõ hung thần vừa thở khói vừa nghĩ gì trong đầu óc đen

tối của nó - nhưng tôi thì tôi biết rõ những điều tôi đang nghĩ. Khuôn mặt và cả thân hình thằng quan tư Kén lao bom không thành công vào nhà máy đèn kia cứ mờ dần, và trước mặt tôi đã mờ chồng đi, bỗng hiện dần lên cả khu nhà máy đèn Yên Phụ thân mến với sáu cái ông khói cổ hữu của nhà máy. Đã có biết bao phi đội Hoa Kỳ lao chí mạng vào Hà Nội với kế hoạch đèn tối đài dập tắt cho kỳ được cái ánh sáng truyền ra từ khu nhiệt điện Yên Phụ. Và đã có biết bao nhiêu là đạn pháo và tên lửa của ái lửa Hà Nội bảo vệ cho bằng được cái khu vực nhà máy đèn này. Ấy cũng là một thói quen rất đáng yêu của người Hà Nội ít lâu nay cứ xong một ngày đánh giặc bay Hoa Kỳ, nhất là sau mỗi trận nó bắn xuống mình bắn lên, ấy là cái việc đầu tiên mà bất cứ người Hà Nội nào cũng đều làm cả, không cần ai bảo ai, không cần phải nhắc nhở nhau: vừa tắt tiếng bom phá bom bi, vừa chớm lên hiêu còi trả động, thì ai nấy đều bật ngay cái núm công tắc điện nhà mình. Đèn tóe sáng! Thế là mắt mày miệng mắt đều như reo lên nỗi vui, nó hệt như lời trong Sáng thế ký "Thế rồi ánh sáng đã bừng lên". Trong chiến đấu người ta càng yêu thương nhau hơn, càng thấy trùm mến cái khu phố mình, cái cầu trên sông Cái mình đã băng bó lại mây nhịp kia, và càng thấy quý yêu nhà máy nhiệt điện của mình. Đứng ở bờ đường bên hồ Trúc Bạch mà nhìn khu nhà

máy đèn nóc xám tường xám, phô xám, ngói xám, thấy đó như là người dũng sĩ da sắt xương thép dày dạn trong khói lửa để giữ vững dòng điện cho ánh đèn Hà Nội “nghìn năm văn vật đất Thăng Long”. Người dũng sĩ nhiệt điện khoác một tấm áo xám tro nghỉ trang, tà áo tòa ra đến sát hồ. Trái tim người dũng sĩ điện đèn ngày đêm vẫn đập thình thình. Thủ đô càng chiến đấu giỏi càng sản xuất hăng thì trái tim Yên Phụ ấy càng nhịp mạnh, sáu đầu ống khói càng đều đều, ngày càng như đêm; thổi lên trời Hà Nội thân mến tất cả cái nhiệt tâm của một nhà máy làm ra ánh sáng. Trông xa, nó giống như một cái tàu bể đang ăn than ở “bến cảng” Trúc Bạch, ngay sau “kho hàng” Ngũ Xã và “cầu tàu” Châu Long ấy. Đã có nhiều chiếc phản lực và thằng phản lực Hoa Kỳ bị chết cháy trên khoảng mù trời máy đèn này. Chính thằng quan tư Kên đang hít khói kia là đã chết hụt trên khoảng trời máy đèn Yên Phụ. Khi bị tên lửa, nó vọt dù ra ngay đúng phía trên sáu cái ống khói máy đèn và, chiếc phản lực của nó thì đâm sầm xuống đồng cát than xì nhà máy. Tàu bay nó lao từ hướng Tây vào mà đánh chui xuống nhà máy đèn, thì đó, xác máy bay nó lại bẹp đầu mà lộn quay về phía Tây. Trong cuộc chiến tranh quyết tâm chống Mỹ, lần nào tôi tua lên hồ Tây, hồ Trúc, lần nào tôi cũng xúc động mà nhìn nhà máy đèn yêu quí của tất cả người Hà Nội chúng

ta. Cái nhà máy đèn như một con tàu bể nhiều triển vọng bến bờ, và lại như một lời thách thức quyết liệt, cái thách thức của Ánh Sáng chính khi nhất định chặn đứng lại mọi bạo lực Bóng Đen Hoa Kỳ đang r้าย chết đòi tràn vào.

Tôi mở mắt mà mơ trong ánh đèn sáng trưng, và thằng thiếu tá Mỹ Kên nằm chèn ềnh ra kia, càng nhìn càng thấy nó đúng là một cái đình ốc, một cái rỗng cưa, một cái tay của một cơ xưởng khổng lồ chế tạo Bóng Tối. Tôi liền muốn tìm hiểu xem cái thằng Kên này nghĩ gì về tương lai phúc phận nó. Tôi hỏi cái Bóng Tối Hoa Kỳ ấy:

- Nếu trong tình hình nào đó mà được trở về Hoa Kỳ thì người quan tư tàu bay Hoa Kỳ kia sẽ làm nghề gì?

- Tôi sẽ viết sách. Tôi cũng muốn viết sách.

- Viết sách nhưng viết cái gì? Viết về những cái gì? Viết về Việt Nam, về chiến tranh Việt Nam?

- Không, tôi sẽ viết về châu Âu, những kỷ niệm mấy năm vừa rồi của tôi tại châu Âu. Tôi không biết rõ về Việt Nam và cũng không viết về chiến tranh.

- Tại sao không muốn viết về Việt Nam và chiến tranh ở Việt Nam ?

- Vì tôi cho rằng tôi chưa biết gì lắm về Việt Nam. Vì tôi nghĩ rằng tôi cũng chưa hiểu gì lắm về chiến tranh.

Thưa đồng chí bác sĩ quân y, có lẽ vẫn đang đi ở hành lang ngoài cửa phòng bệnh này, hẳn đồng chí đã nghe rõ cái thằng quan tư Kên nó trả lời tôi một cách khốn nạn như thế đó! Bác sĩ bảo tôi đừng dồn nó, khà nên gượng nhẹ cho nhiệt độ nó, mạch tim nó, nhưng nó nói như thế mà để im được sao? Trong phòng, sao lúc này lại thấy phảng phát nhiều mùi ête, nhiều mùi phoóc môn, nhiều mùi gây mê phức tạp khác. Chao ôi, lại còn cái mùi hoa sữa dạ hương ngọt thở ấy cứ từ ngoài sân nhà thương mà lùa mãi vào qua khe cửa chớp chồ cuối phòng. Thưa bác sĩ, tôi xin phép được nói thấp giọng với nó để không ra vẻ dồn nó;

- Hàng không mẫu hạm Pho Rét Tan bị cháy hồi cuối tháng bảy vừa rồi. Có đúng là anh đã suýt chết cháy trên chiếc Pho Rét Tan đó không?

- Vâng, đúng thế. Tôi về với hàng không mẫu hạm Pho Rét Tan từ tháng sáu, rồi cuối tháng bảy, xảy ra vụ cháy tàu. Vừa cháy vừa nổ các hòm tên lửa, cháy cả tàu bay trong khoang tàu, cháy cả người lái tàu bay. Có người tránh nạn lửa nhảy xuống bể thì lại chết dưới bể không ai cứu được. Bạn đồng nghiệp của tôi chết ở bên phải, bạn đồng nghiệp của tôi chết cả ở

bên trái. Chung quanh toàn chết và toàn lửa. Tôi là trong số những người may mắn. Tôi được đưa về Sài Gòn. Báo chí và vô tuyến truyền hình Hoa Kỳ đăng ảnh tôi, viết khen tôi, đăng bài ngay trang nhất. Người ta khen tôi học rộng, đọc nhiều, gấp cũng nhiều sự may mắn. Và có Chúa Trời che chở.

- Anh ở Sài Gòn và những đâu nữa?

- Chỉ ở tại Sài Gòn thôi. Ở đó có 48 tiếng là lệnh cấm không được ra khỏi Sài Gòn... Xong được chuyển về Hoa Kỳ, sau đó lại sang châu Âu với danh nghĩa có tính chất thời sự là "người may mắn của đám cháy Pho Rét Tan". Và sau đó chuyển sang hạm đội VII Thái Bình Dương.

- Anh bảo người ta đăng báo khen anh là đọc nhiều, anh thích tác giả nào?

- Thường là Xít Tanh Béch, Hê Minh Uê, Xít Tanh Béch viết những cuốn trước đây hay hơn những cuốn in ra sau này. Ông hỏi tại sao Xít Tanh Béch sau này viết kém đi, tôi lại cho là tại sau này già rồi nên cõi.

- Không phải thế đâu. Xít Tanh Béch đổ đốn ra viết lách tồi tệ đi vì đã lẩn mất phương hướng sự thật lịch sử rồi. Nhân danh cái gì mà Xít Tanh Béch vẫn còn khư khư treo giữ tấm bằng của giải thưởng Nô Ben? Thật là một sự buồn cười cũng rất bi đát kiểu Hoa Kỳ, khi mà một giải Nô Ben của Thuy Điển hòa

bình làm ăn lại đi hăng say tuyên truyền cho chiến tranh xâm lược của Mỹ. Tại sao người ta chưa thu hồi một cái bằng sắc đã trao nhầm cho Xít Tanh Béch - một tên hiếu chiến ca ngợi sự giết chóc của xâm lược Mỹ nay đã lộ nguyên hình?

- ... Thưa ông, còn như Hê Minh Uê thì tôi rất thích. Ông bảo ông cũng thích Hê Minh Uê, thế tôi xin phép hỏi ông tại sao Hê Minh Uê lại tự tử?

- Tôi cũng chưa hiểu rõ về những nguyên nhân xa gần nào đã làm cho Hê Minh Uê tự bóp cò súng hai nòng vào họng mình. Nhưng tôi có thể biết chắc một điều này. Là cái người Mỹ tốt Hê Minh Uê đó mà còn sống thì ông ta sẽ bảo thằng anh rằng ông ta không thích anh đâu, mặc dù là anh vẫn khăng khăng thích Hê Minh Uê vì một sự thời thượng a dua nào đó... Nhưng tôi hãy trở về câu chuyện chiến tranh và hòa bình của anh. Ban nãy anh có nói là mong chiến tranh ở Việt Nam sớm kết thúc để chóng về quê nhà. Thế rồi anh kể đến chuyện anh hút chết ở hạm đội VII cháy hàng không mẫu hạm. Thế rồi đến trưa ngày 26 tháng mười vừa rồi, đạn và tên lửa Hà Nội bắn cháy tàu bay anh ngay trên mục tiêu nhà máy đèn mà anh định bom vào. Đó là cái may mắn lần thứ hai. May không bị thiêu luôn với tàu bay anh lái, anh nhảy dù ra, rơi xuống, có thể gãy cổ chết tươi, và dù không chết tươi thì cũng có thể bị tất cả những người

xung quanh hồ sát nhà máy đèn bơi ra giết anh. Nhà cửa và người cùng phô với những người bơi ra vớt anh đó là, không nhiều thì ít, đều bị bom đạn Hoa Kỳ làm đổ nát thương vong. Tại sao người ta không áp dụng ngay với mày cái quyền được giết mày, và áp dụng ngay cái luật sát nhán giả từ đó? Tại sao người ta vẫn trân trọng lại sự giận dữ thiêng liêng của người ta mà tha chết cho anh? Thế là lần thứ ba người quan tư Không lực Hoa Kỳ của tôi đây được thoát chết. Lần thứ ba này anh vẫn được sống sót. Không phải Chúa trời nào đã cứu sống anh đâu mà chính là vì những người Hà Nội chân chính đó đã hết sức tôn trọng phép nước họ đối với tù Mỹ bị bắt sống. Anh bảo không muốn viết sách về Việt Nam vì chưa thấy rõ Việt Nam. Có thể anh cứ bay từ sân bay nổi trên Thái Bình Dương vào bắn trong đất liền, rồi lại hạ cánh xuống boong tàu - sân bay hàng không mẫu hạm, lần bay nào cũng trót lọt cà, nếu sự việc xảy ra cho anh một cách êm tháim như thế, thì đúng là Việt Nam này chỉ là một cái gì rất trừu tượng đối với anh. Nhưng chiến tranh là một cái gì rất cụ thể. Cho nên rơi xuống đất nước miền Bắc, anh đã cụ thể được gấp con người Việt Nam đánh tàu bay Mỹ rất dữ, rất giỏi, nhưng không giết phi công Mỹ một cách bừa bãi. Và cụ thể anh đã được truyền máu, đã được thực sự tiêm thuốc cụ thể của Việt Nam, và ăn cơm thịt cụ thể của

Việt Nam. Ngày tháng của anh từ nay trở đi tại chốn này là một thứ thời gian phải tinh cũn thể bằng giờ phút của Hà Nội - một Hà Nội quyết tâm đánh Mỹ ngay trên nội ngoại thành mình và ở khắp nơi từ Bắc chí Nam. Đến như thế mà còn bảo là chưa hiểu gì lầm về Việt Nam và chiến tranh ở Việt Nam, đến cái mức ba lần chết hụt giữa cuộc chiến tranh tại Việt Nam, mà còn cho là chưa nhận thức được ra cái điều ấy, thì anh định chờ đến cơ hội suýt chết một lần thứ tư nào đó nữa, thì rồi mới chịu đập vỡ cái cục tối ở trong đầu anh ra hay sao? Tôi cho rằng anh đúng là một mẫu người Hoa Kỳ, theo cái nghĩa Hoa Kỳ là chúa hay khôi hài một cách đen ngòm như thế.

Tôi ngừng lại, cầm một điếu thuốc lá đã châm sẵn vào mồm nó vừa được chiêu xong một chén nước.

- Thưa ông, tôi cũng mới định như thế thôi. Thực tình mà nói, tôi thấy cũng khó mà viết được. Tôi không tin rằng cánh tay phải tôi sẽ lành lặn. Tôi tàn tật tay phải thì viết sao được (mắt nó liếc ngang vào cánh tay phải chỉ thiên bô bó).

- Người định làm sách một cách thật nghiêm túc, thì dù có bị ai cưa đi cả tay phải lẫn tay trái, người ta cũng cứ viết được. Đối với người viết sách để làm chứng cho sự sống, làm chứng cho chiến tranh và hòa bình, sự quan trọng không ở cánh tay bàn tay cầm

quản bút hoặc mổ máy chữ. Không phải ở cái tay, mà chính là ở cái đầu, ở cái tim, chính là những cái đọng lại nơi tim và đầu mình. Anh là một thằng con nhà giàu, chắc anh không ngọng gì mà anh lại không hiểu rằng có những người triệu phú nước anh chỉ đọc mom thôi, rồi có hàng chục hàng trăm thư ký phải túc tốc ghi chép ra những lời tầm thường và quỷ quyết đó. Nếu anh tin rằng anh sẽ bị què quặt suốt đời thì anh càng nên nhớ rằng cái máy chữ Hoa Kỳ tinh xảo vẫn giúp anh được. Một người con nhà giàu như anh và lại có lương tiễn tinh theo giờ bay như anh hẳn là thuê được ít ra là một cô đánh máy chữ mười ngón rất nhanh, anh nói nhảm có liền thoáng đến máy, người ta vẫn kịp đánh máy theo.

- Ý định viết sách ở tôi, thưa ông, cũng mới là thoáng nẩy ra như thế thôi. Có lẽ sau này tôi sẽ xin đi làm quản lý ở một công ty nào. Tôi có một vợ, và ba con. Thưa ông, tôi là một người đang thấy cần phải có hòa bình và mong chiến tranh kết thúc. Tôi còn là một người không muốn làm những gì có thể hại đến thành danh gia đình tôi.

Thế này thì bác sĩ ạ, tôi dành bò đó câu chuyện nói chưa hết với thằng Kênh. Chỉ nói thêm một câu một chữ nữa về “thanh danh gia đình” nhà nó là tôi có thể xung thiên lên rồi, là tôi có thể có lối với bác sĩ đà dẵn tôi là chờ đồn nó. Thằng giặc Kênh này lại

bàn về thanh danh gia đình của một gia đình ba đời ăn cướp bể! Tôi đã ra về và không quên vứt lên ngực thằng giặc Kên cả chõ thuốc lá còn lại.

François Chalais, đặc phái viên dài vô tuyến truyền hình Pháp, mấy hôm sau gặp lại tôi tại một khách sạn thủ đô Hà Nội trước đây Tày gọi là Mê Tô Pôn, tỏ vẻ kính trọng cuộc chiến đấu của ta, tỏ lòng khâm phục Hà Nội đánh Không lực Hoa Kỳ một cách ác liệt và tài giỏi. Phảng Xoa Sa Le từ Paris sang Hà Nội quay được rất nhiều về tội ác của Hoa Kỳ ném bom vào giữa nội thành thủ đô ta, ảnh quay đều kèm theo những băng ghi lại mọi kiểu âm thanh sinh hoạt của thủ đô. Lý thú nhất là cuốn băng ghi được cái tiếng khóc nấc lên của quan tư phi công Mich Kên. Chả là Phảng Xoa Sa Le cũng được vào bệnh viện gặp thằng giặc bay này, và bảo thằng Kên rằng :

- “Nhà chức trách Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cho phép tôi ghi vào băng những lời nói của anh. Nếu anh có điều gì cần nhắn về gia đình anh bên quê hương anh, thì tôi sẽ cho ghi luôn vào băng và chuyển hộ”.

Sau khi nó trả lời một số câu, đến mục nhắn tin gia đình thằng Kên bỗng khóc nấc lên. Băng ricooedr quay quay mãi không biết cơ man nào là vòng nhựa rồi, mà thằng Kên vẫn nghen lời, vẫn chưa buột ra

được thành tiếng, vẫn chỉ có khóc. Hình như đặc phái viên vô tuyến truyền hình Pháp dành hẳn bảy phút cho hắn nhắn tin về nhà, thế mà cả bảy phút quý báu đó, cái thằng quan tư khốn nạn ấy chỉ nói được vèn vèn có mỗi một câu. Nó gọi tên vợ nó và thêm vào: “em ơi, rồi anh sẽ khỏi...”. Khỏi, khỏi cái gì, khỏi cái bệnh bá đạo Mỹ, khỏi cái chết xâm lược thực dân mới, khỏi cái nọc phát xít, khỏi, bức khỏi cái nghề giặc bay, khỏi cái tự tôn mặc cảm Hoa Kỳ, hay là khỏi cái gì? Cả một cuộn băng người ta mà nó chỉ mở mồm nói được có bảy nhiêu, nếu viết ra thì cũng chưa đủ một dòng chữ. Rồi còn lại là toàn thốn thức với nức nở. Tiếng nức đã thành một điệp khúc. Cái tiếng nức Hoa Kỳ của một thằng tù rên, có nốt lại nghe ảng lên như tiếng bị hóc xương nơi họng cổ. Phăng Xoa Sa Le đã cho ghi băng đầy đủ cả câu nói bị cắt ra vì những tiếng khóc, và cả cái nhạc nền của sự nức nở. Đặc phái viên vô tuyến truyền hình Pháp đã chia cho tôi xem đến hai mươi mấy câu hỏi đánh máy săn, đã chuẩn bị sẵn sàng, để cho đối tượng thiếu tá tù Kên trả lời, và tất cả những câu hỏi đó, Phăng Xoa Sa Le đã không nỡ đem ra hỏi thẳng vào mặt tù Mỹ. Và Phăng Xoa Sa Le rất mến phục về cái ý nhị rất có tính nhân đạo của bác sĩ bệnh viện mình đã dặn ông ta lúc này hãy tránh cho tên thiếu tá Kên mọi sự kích động hoặc xúc động về cảm nghĩ. Phăng Xoa Sa Le đã

từng gia nhập du kích chống phát xít Đức trong rừng Pháp hồi chiến tranh thứ hai, nay phải giơ tay lên mà kêu trời, mỗi khi tôi kể cho ông ta nghe thêm về cách nghĩ và cách giết người của bọn Hoa Kỳ tại Việt Nam. Phăng Xoa Sa Le rất chú ý đến một cỗ bài về thực vật Việt Nam do không quân và hải quân Hoa Kỳ in ra để cấp phát cho bắt cứ thằng giặc Mỹ nào tới đánh Việt Nam. Ấy là đúng một cỗ bài 54 cây bài là khuôn khổ như bài tú lơ khơ, một mặt in hình vẽ, một mặt in chữ Mỹ (thực ra Hoa Kỳ không có chữ viết riêng mà đều nói và viết bằng tiếng Anh, tức là con bài in bằng chữ Anh). Những hoa, lá, cù, quả Việt Nam nói chung đều được in vào một mặt lá bài. Mặt sau cước chú rõ ràng thứ nào ăn được, thứ gì độc không ăn được thì chú thích bằng chữ đỏ. Trong cỗ bài tiêu bản về thực vật Việt Nam, dễ nghĩ đến một thầy giáo Việt Nam dùng để giảng cho học trò nhỏ xứ mình về cây cỏ thực vật nơi quê nhà. Nhưng đây, đâu có phải là một câu chuyện giáo dục sự phạm hòa bình như vậy. Mà đây là một cỗ bài của tổ chức chiến tranh, một cỗ bài của Thần Chết Hoa Kỳ phân phát cho bọn phi công nó mang theo. Người Hoa Kỳ rất thực dụng chủ nghĩa, nên đã chuẩn bị kỹ lưỡng cho phi công nó, nhớ máy bay có phải ăn đạn mà dù xuống đất nước Việt Nam thì cứ xòe bài ra mà tìm chất tươi để chờ trực thăng tới cứu. Theo đài AP Hoa Kỳ gần đây, thì bọn

phi công Mỹ bị bắt sống tại miền Bắc là khoảng 300 tên. "Như thế là Hoa Kỳ tung vào nước ta đã tới ba trăm cỗ bài hai mặt. Ở miền nam nó thả hơi độc và na pan, nhưng ở rừng miền Bắc thì nó định khai thác rừng và cây chúng tôi theo cái cách cỗ bài lá như thế đó".

- Ông Phăng Xoa Sa Le, ông có thấy người Hoa Kỳ có óc tổ chức rất chu đáo không, và sự tổ chức của bộ máy chiến tranh Hoa Kỳ thật là tinh tế không bò sót một cái gì. Trong túi tùy thân của thiếu tá Mich Kênh ông đã thu tiếng khóc đó, ngoài những điện đài, pháo hiệu, dao găm và các thứ đồ lề biệt kích linh tinh khác, dĩ nhiên là phải có một cỗ bài lá như thế. Tôi có hỏi một số phi công Hoa Kỳ nhảy dù xuống xem họ có lén lút tìm kiếm hoa quả trên đất nước miền Bắc ra sao, thì tất cả đều trả lời rằng : "Bạn tôi chưa kịp đi tìm hoa lá rẽ cành, củ quả nào thì các ông đã ập đến trói bắt rất nhanh. Cũng như chúng tôi trong người đều được trang bị lưỡi câu đủ cỡ và mỗi câu nilông đủ loại nhưng đều không kịp dùng tới. Chưa kịp đi tìm cá để câu, thì đã thấy rất đông người đến bắt". Cỗ bài thực vật Việt Nam do Hoa Kỳ phát hành này, nếu ông Phăng Xoa Sa Le thấy nó có thể thêm được vào việc thuyết minh phim truyền hình của ông, thì xin mời ông và các bạn trong đoàn ông cứ việc chọn lấy mỗi người vài lá bài.

Phảng Xoa Sa Le xem ra xúc động về những nỗi niềm cỏ cây bài bạc này, vừa ghi sổ tay vừa bỏ pip xuống, nhún vai mà kêu trời rắng : - Thật là quá sự tưởng tượng. Tôi xin mang lá bài chiến tranh này về, để cho ở Pháp người ta hiểu thêm về cái tính cách Hoa Kỳ của bộ máy xâm lược Mỹ. Xin cảm ơn ông. Và cũng xin nói trước để ông biết là về Pháp chiếu vô tuyến truyền hình, với những tài liệu chúng tôi đã thu vào băng và quay vào phim, chương trình vô tuyến truyền hình của chúng tôi sau khi đi thăm Việt Nam và Hà Nội này sẽ dài khoảng bốn mươi nhăm phút, phát vào buổi tối. Sẽ có độ hơn 10 triệu người Pháp theo dõi chương trình Việt Nam - Hà Nội anh dũng này.

Mùa đông năm 1967, da trời Hà Nội thấp thỏm xanh ngắt một niềm cảnh giác. Nó còn cách thủ đô ta những bảy tám chục cây số mà khu phố mình đã loa mồm rồi. Phố Hà Nội nắng hanh vàng làm khô sáng thêm những cõi mù rơm mù sắt di động trên đường, và càng làm khô nỏ thêm những đáy hầm cá nhân còn vương vất tí ẩm ướt mùa thu qua. Cây Hà Nội trông dữ hơn mùa đông năm ngoái, mỗi con chim giật mình chuyển từ ngọn cây này sang ngọn cây khác, lại như một chiếc lá tàn năm vừa mới được chắp cánh vọt bổng lên mà theo dõi chân trời đàng Đông, chân trời đàng Tây. Và cứ mỗi lần chuyển biến khí tượng có gió

mùa Đông Bắc tràn vào trời thủ đô, thì hình như đường Hà Nội càng đông thêm người đi giữa ban ngày. Nhiều hôm mới có năm giờ chiều mà phố đã cho bạt đèn đường, trông thích mắt ra phết. Rất nhiều người Hà Nội cữ này hay ướm mình ngắm mây trời Thăng Long, đánh giá xem trần mây còn đậu chân được mấy buổi nữa rồi mới cuốn vét hết, tính lường sức mây để tranh thủ thời gian mà làm nhanh hơn những việc hàng ngày của mình. Trong khi ấy, chỗ xa xa tít tắp nào đó của tờ Thái Bình Dương, dài tiếng nói Hoa Kỳ lại tự bào chữa một cách không cần thiết, giọng khê nồng hằn học cả với áng mây không chịu tan trên trần Hà Nội.

Tôi ngồi bên hồ Trà Gươm, đọc vội cho hết bản tin trong ngày. Cũng như tôi, nhiều người uống bia ở Thủ Tạ đều đội mũ sắt và nhìn giờ. Giờ phản chiếu vào đáy hồ. Đáy hồ Gươm trong như gương, những long lanh cái nôi “mặt đất mây đùn cửa ái xa”. Những phi đội hai chiếc một của Không quân mình đang uốn cánh nối đuôi nhau, vẽ những đường tròn bánh xe mà lăn trên vòm trời Hà Nội, vừa lăn xe mây vừa soi mình vào bóng mây hợp tan đáy lòng hồ. Sát với mặt hồ là đàn nhạn hàng nghìn con đang bay. Nó cũng soi gương hồ, vừa soi gương vừa tắm đuôi tắm bụng trắng vào nước hồ. Nó bay đủ các kiểu phi thuật, là ngang sát xuống đầu bờ sông hồ, ngoặt bay gấp góc 180 độ,

vợt đứng ngược lên để bồ nhào xuống, bụng trắng phau như tờ giấy chưa đẽ thư. Không hiểu con người trông thấy nhạn bay rồi mới nghĩ cách làm ra tàu bay Mig, hay là đàn nhạn gió bác kia đang bắt chước những dùng súng diệt tàu bay Mỹ ta đang cảnh giới trời mây đình đầu.

Tôi liền mời thêm anh bạn thi sĩ nghèo của tôi một chầu bia bơm nữa, và biểu khôngh anh cà cái câu vẫn vừa bừng lên mới đó trong tôi: “Nở tin bay thẳng, Hồ thiêng lừng sóng nhạn hoa gươm”.

Hồ Trúc Bạch hôm ấy cũng đông người ngồi. Tập thể nhà chài Hồ Tây sớm nay vừa làm mẻ tôm đầy, hàng bánh tôm rán chiêu ấy lại có rất nhiều viễn khách bạn mới của Hà Nội khói lửa. Ngoài những anh em lao động mình ngồi đó uống bia tôm sau một ngày làm việc bằng hai ngày, lại có các bạn thông tấn Đông Âu phe mình, lại có cả một số ký giả báo chí Tây Âu vừa tới Hà Nội kỳ tàu bay tuần trước. Một anh cán bộ ngoại giao ta đi sát giúp đỡ đoàn ký giả báo tư sản, đã niềm nở chạy sang bàn tôi. Anh muốn rủ tôi sang bàn bên ấy để nói chuyện cho vui, nhất là nói chuyện về Hà Nội cố đô vì anh cũng thấy có phần hơi lúng túng về mặt dĩ vãng thủ đô. Tôi phải xin lỗi ngay anh:

- Như anh thấy đó, tôi đang ngồi chung với bạn tôi, bỏ đi sang bàn khác, người Hà Nội với nhau, không

nên làm thế. Xin giới thiệu với anh chị Ba đây là giáo sư dương cầm. Những hôm nó đánh Hà Nội nhiều, thì y như xâm xẩm chiêu đó, nhà chị Ba đây càng du dương tiếng dương cầm, - rất đông các em khu phố đến tập đàn ở nhà chị Ba.

- Giá anh tat qua bên tôi mà vui chuyện kể ít nét về Hà Nội cũ, để các bạn ký giả Tây Âu hiểu thêm về Hà Nội mới, thì cũng là một điều rất nên. Họ nói được tiếng Pháp cả đấy.

- Thế này nhé. Tôi xin cứ ngồi tại bàn tôi mà kể rồi chúc nữa anh về bàn anh mà dịch lại cho họ. Xin kể luôn về cái hồ Trúc Bạch trước mặt ta, tức là một cái hồ vừa được ghi thêm vào bảng tên những địa điểm lịch sử chống Mỹ của Hà Nội. Thằng thiếu tá Mich Kênh đánh nhá máy đèn kia không thành, đã vọt dù ra rơi xuống hồ Trúc Bạch một buổi trưa cuối mùa thu vừa rồi. Hồ Trúc Bạch không to như Đại hồ ở liên bang Hoa Kỳ. Hồ Trúc Bạch cũng không phải là hồ lớn của Hà Nội. Nó có thể chỉ là một cái đĩa nhỏ so với Hồ Tây, nhưng cái đĩa Trúc Bạch ấy đã là nơi chết đuối hụt của một thằng Mỹ giặc bay ba đời làm nghề trên biển cả. Anh nên nói thêm với các bạn ký giả Tây Âu cái chi tiết này do thằng Mich Kênh nói ra với tôi: là nó bảo rằng nó không biết gì về Hà Nội, nó chỉ biết là Hà Nội có con sông, sông Hồng; chứ nó không biết tí gì về những con hồ cái hồ Hà Nội, và theo nó thì

sông hồ Hà Nội đều nguy hiểm cả, vì bạn bay đồng nghiệp của nó đều có những kỷ niệm hồi hộp khi đan chéo qua sông hồ Hà Nội, nhất là cái sợ lưỡi lửa của thung lũng sông Hồng. Anh còn nên cho họ thấy rằng không phải chỉ hồ Trúc Bạch mới lập công bắt sống giặc bay Hoa Kỳ, mà cách đó dăm tháng, đúng vào ngày 19-5, Hồ Tây cũng bắt sống giặc bay. Và lại bắt sống một lúc những hai sĩ quan Mỹ rót từ hai máy bay bị tên đạn Hà Nội diệt luôn tại chỗ và bắt sống nó ở ngay mép hồ. Hôm ấy là một ngày Hà Nội thật đáng nhớ. Tức là lần đầu tiên giặc bay Mỹ đứt dây ngay trên trời Hà Nội, rơi đúng xuống phố phường Hà Nội. Tất cả Hà Nội ầm ầm đi bắt nó từ trước khi nó chạm xuống mặt phố Hà Nội, và rơi bịch xuống cạnh cái chuồng chồ nhà số 71 phố Thụy Khuê, cả hai thằng đều rơi sát hai hố xí, cách nhau khoảng trăm thước. Hôm ấy Hà Nội ta đánh tài lăm. Buổi sớm hả sáu chiếc buổi chiều hạ bốn chiếc. Hết một ngày hả gọn mười chiếc Hoa Kỳ và bắt sống hai thằng giặc bay. Hà Nội nổi một trận mưa mùa hè, có vẻ như là để tưới đường cho nó tẩy uế sạch đi cái mùi khét lẹt hơi hướng Hoa Kỳ. Thế rồi trên con đê Thanh Trì của ngoại thành, in lên nền trời chiều dọc sông Hồng, thấy một đoàn ô tô bọc sắt của đơn vị pháo di động đang nghênh nòng súng mà chuyền bánh, trên nòng mỗi cỗ pháo lai hồng tươi một lăng hoa. Đó là hoa ban ra từ

Phủ Chủ tịch, từ ngay buổi trưa trời chưa tan hết khói đạn và tên lửa. Đó là hoa các cơ quan đoàn thể, các bộ các ngành, các sứ quán ngoại giao đoàn như thường lệ chúc thọ sinh nhật Bác Hồ, và Hồ Chủ tịch cho chuyển xuống các đơn vị quân dân đều bình công, và ai được bình bầu thì liền cài luôn lăng hoa lên súng mình mà kết thúc một ngày mém vời đẹp của Hà Nội anh hùng.

- Anh kể cho nghe ít nét về lịch sử hồ Trúc Bạch. Cụ gì viết câu đối ở Hàng Bồ có nói tới câu “danh lưu Trúc Bạch”. Nó có dính gì đến vấn đề hồ kia không?

- Ngày xưa chưa làm giấy bǎn, thì người phương Đông khắc vào cật tre xanh, và viết lên mình lụa trắng tất cả tiếng thơm việc tốt nào mình cho là nên lưu truyền lại đời sau. Quan tư Mỹ Mich Kēn roi tôm xuống hồ Trúc Bạch thì tên tuổi có được “danh lưu Trúc Bạch” không áy à?" Có ai lại khắc tên nó vào tre vào lụa, dù tre lụa áy có là lụa linông Hoa Kỳ hoặc là sắt tây Hoa Kỳ ! Chính thằng Kēn đã làm bẩn thêm nước hồ Trúc Bạch. Thằng giặc bay nào trong người cũng phồng mang theo một túi phẩm nhờn hóa học, khi nào rót xuống sông, biển, hồ thì nó cho hòa thuốc nhờn, nó cho loang cái dầu đó ra để trực thăng nó nhìn rõ hơn mà tới cứu. Nhưng bố thằng Mỹ cũng không dám thả thang dây xuống nội thành Hà Nội. Mặt hồ Trúc Bạch hôm Mich Kēn bị bắt sống bị loang

nhờn hàng vùng, một số cá bị úi nổi lên sau đó, có lẽ vì chất độc nhòn này. Vui nhất là hôm bơi ra bắt nó, lại có cả những anh em hàng ngày vẫn chiêu chiêu ra đây ăn tôm uống bia như là người vô tích sự nào đó. Đứng về phía quân dân Hà Nội dũng cảm và kịp thời giải quyết giặc bay đánh phá nhà máy đèn và sa cơ trên hồ Trúc, tôi nghĩ rằng chữ “danh lưu Trúc Bạch” của nghìn xưa, nay đem ra dùng vẫn cứ hay. Lưu vào lịch sử Hà Nội cái chiến công của người ven hồ Trúc Bạch chứ sao! À, anh có biết người của khu Ngũ Xã bên kia bờ hồ Trúc là làm nghề gì không? Trước phường Ngũ Xã có nghề đúc tượng và đúc chuông đồng đen. Nay họ chuyển thành hợp tác xã đúc các hiện vật lưu niệm. Họ đổ khuôn những hình tàu bay ta, những thú hình thù tàu bay Hoa Kỳ. Lại lấy ngay những mảnh đuya ra xác máy bay Mỹ ra mà làm nguyên liệu, trông khéo đáo để. Thế nào mà các anh chàng tặng đám ký giá Tây Âu kia ít cái rồi!

- Hồ Trúc Bạch ngày xưa qua các đời vua trước ra sao?

- Hồ Tây có rồi, rồi mới có kinh đô Thăng Long. Hồ Trúc Bạch là lầy ra một góc của Hồ Tây. Đầu thế kỷ thứ XVII, hình như năm 1620 thì phải, người ta đắp một con đê giữa hai hồ, và chúng ta đang ăn uống trên cái đê xưa ấy đây. Ngõ Trúc Lạc ở nách sau cái khu xám nhà máy đèn bờ bên kia hồ trước mặt ta,

nguyên ngày xưa là một xóm trống toàn trúc. Đời Lê chúa Trịnh, hình như là Trịnh Giang dựng ở làng Trúc đó một nơi an dưỡng biệt viện. Sau không an dưỡng tại đó nữa, và biệt viện biến thành cung lạnh của một số cung nữ bị thất sủng. Những cung nữ xấu số này phải dệt lụa mà làm cái sinh sống. Lụa làng Trúc đó rất tốt rất đẹp. Chữ Hán, bạch là lụa. Và hồ này từ đó được mang cái tên của lụa tốt tre quý đó. Thời Tây cai trị, nơi hồ Tre Lụa đây cũng không có gì đặc biệt, ngoài một số vụ tự tử thành công hoặc không thành. Phải, Vũ Trọng Phụng trong "Số đò" có mượn khung cảnh Hồ Trúc Bạch mà hư cấu một cảnh chợ phiên lâu bát giác nhà máy gạch chủ Tây, phải, đúng ngay chỗ ta tóm thằng quan tư giặc bay dù xuồng, giữa một buổi trưa Mỹ ném bom nhà máy đèn Hà Nội. Kia kia, chỗ đâu dốc con đường Cổ Ngư Cổ Ngựa bó lấy ven hồ Trúc Bạch mà trước đây thực dân Pháp gọi là thông cù của thống chế Liôtay, và nay ta gọi là đường Thanh Niên, chỗ đâu đường ấy có một cái đèn. Đèn Nghĩa Dũng của nhân dân Hà Nội dựng lên để tưởng niệm Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu đã lấy tính mệnh mình ra mà giữ lấy thành Hà Nội. Cũng như ở bài làng Giảng Võ không cách xa đây lắm, ta vẫn còn cái bia tiếng Pháp đánh dấu lấy mà thăng Tây nhà binh Gạc Nhe (Francis Garnier) và nơi Cầu Giấy phố Phú Hoài cũ, vẫn lù lù cái mà quan

năm Pháp Henri Rivière - cả hai thằng đế quốc này đều chết trận vì đã đụng vào Hà Nội. Nay hồ Trúc lại ghi công diệt quan tư tàu bay Mỹ. Nay, anh có thấy bia "Trúc Bạch" ta uống là ngon đậm lám, không sợ bất cứ bia nước ngoài nào? À, còn quên cái này, nói để biết với nhau như thế cho nó vui, chả cần dịch ra cho báo nước ngoài họ nghe làm gì. Ta vừa phát hiện được một cỗ xương voi ở gần Cột Cờ trong khi nắn lại via hè một cái ngã tư. Có những bậc cao tuổi lấy làm thích lám, vì cho rằng tìm thấy cốt voi trận là điều lành và tốt.

*

* * *

Sát kề hai con hồ Tây hồ Trúc Bạch vây bắt sông giặc bay dù Hoa Kỳ là một cái vườn cây rất lớn rất đẹp. Cái vườn ấy cách đây khoảng bốn năm thế hệ thì gọi nó là Trại Hàng Hoa. Rồi sau Tây gọi là Sở Bách thú và nay thì ta gọi là vườn Bách Thảo. Vườn Bách Thảo vẫn có đủ cò, hạc, bồ nông, đường nga, đai bàng, voi, vượn, khỉ, chồn, cáo, nai, hươu, hổ, báo, gấu, sư tử. Hà Nội nổ súng chống tàu bay được ít tháng thì vườn Bách Thảo cho sơ tán hết những con thú lạ, nhất là những con dữ tợn như voi, gấu, báo, sư tử. Phải, cứ sơ tán ác thú đi, chứ bom và tên lửa Mỹ bắn vào Bách Thảo, vỡ cui sắt mà những con thú dữ xổng

chuồng này tự do đi vào các phố Hà Nội thì nó còn ra làm sao nữa! Cho sơ tán đi xa cái lũ thú rừng này, buồn tiếc nhất có lẽ là những em nhỡ thiếu nhi Hà Nội mỗi lần được cô giáo cho lên vườn Bách Thảo thì lại thấy vắng thiếu một cái gì. Nhưng mà rồi thủ đô Hà Nội cũng không phải bận tâm nữa về vấn đề trò chơi này của thiếu nhi mình. Bởi vì, sau đó, trong một tình hình Hà Nội quyết tâm diệt Mỷ tại chỗ - ngay trên cái vòm trời xanh cao úp đúng lên đỉnh đầu mình - thì các em cũng được đi sơ tán luôn nữa. Vườn Bách Thảo Hà Nội, Sở thú Hà Nội (gọi theo cách nói của bà con Sài Gòn mình). Sở thú Hà Nội nay vẫn bỏ không đó máy dây chuồng có song sắt. Đàn hươu sao nay được chuyển sang ở đúng cái nhà của ông voi quận công đi sơ tán. Con hạc, con đường nga vẫn múa giữa cù lao hồ sở thú, con đại bàng hói trán ngày ngày vẫn nhận khẩu phần thịt của Công ty hoa viên phát cho, vượn vẫn đu bay, khỉ vẫn chộp bi đỏ và chuối, nhưng dây chuồng ác thú thì lạnh tanh vắng ngắt bóng chúa rừng. Mỗi khi có công việc lên khu vực làm phim xi-nê-ma, hoặc đi Thụy Khuê chợ Bưởi, trừ những buổi bận lắm, còn thường ra thì tôi hay tat qua sở thú Bách Thảo. Đã có một số câu văn từ tế của tôi này sinh từ những phút giờ Bách Thảo đó. Nhớ cái lần ấy, trước khi đưa cháu gái được rời Hà Nội đi sơ tán, tôi đeo nó sau xe đạp, tua cho nó lên sở thú một lần nữa.

Tên nó là con Hanh. Con Hạnh cứ lái nhài sau lưng sau gáy tôi:

- Ông ngoại ơi, ông thương Hạnh, ông bảo là ông thích con Hạnh, thế sao cháu lại không được ở Hà Nội với ông, thế sao cháu lại phải xa Hà Nội có vườn Bách Thảo?

- Tại có giặc Mỹ đánh Hà Nội và nó dọa sẽ đánh to ở đây.

- Thế không có thằng Mỹ nữa thì cháu lại được về Hà Nội ở với ông bà chứ?

- U.

- Thế hôm nào thì đuổi hết giặc Mỹ?

Trẻ con kể chuyện cứ đóng một như thế, nhưng có những câu rất nguy hiểm. Nhưng mà câu hỏi trẻ con hay hỏi vừa rồi, tôi cho rằng tôi không chịu bị đóng tí nào với con cháu Hạnh. Tôi đạp xe thông thả hơn, vừa bảo đứa cháu gái;

- Bao giờ Hanh không đi sơ tán nữa thì là Mỹ đã cút đi hết đây.

Con Hạnh cứ thế ở đằng sau cái giá đỡ xe đạp mà đấm đấm vào lưng tôi:

- Mỹ cút đi, Mỹ phải cút đi.

Hai ông cháu liền gác xe cạnh một cái chuồng khỉ. Con khỉ thấy đông thêm người, bỗng héch chân dưới

ra giờ trò đếu của bú dù, nhiều cô lớn tuổi phải vờ quay mặt đi.

- Nó là con khỉ phải không ông?
- Ủ, có chú còn gọi nó là con Mỵ nữa.
- Không xem con Mỵ nữa, ông ạ. Đi xem con gấu nhảy đầm đi ông.

Tôi đứng trước một dãy chuồng vắng vẻ, đã sơ tán ác thú, và đã bay hết mùi thịt sống mọi ngày, rồi bỗng nhớ đến con Hạnh sơ tán, cùng là nhớ đến những con chúa sơn lâm. Nay chúng ở đâu và đang làm gì? Người ta phải khắc phục những khó khăn gì để nuôi chúng nó và cho nó ăn uống ra sao? Ở nước mình thì rồi mọi sự vẫn được giải quyết thôi, khó đến mấy rồi cũng cứ xong. Nhưng tôi không khỏi không nghĩ đến những thằng giặc bay Hoa Kỳ ta bắt sống được, và nay vẫn báo hại ta bao nhiêu là cõm, thuốc, thịt. Đã phải mở thêm một ngành để quản lý nó. Nuôi giữ những con Mỵ ác thú này, thật là tốn rất nhiều thứ, tốn tiền, tốn thời giờ. Càng phòng không mạnh, càng bắt sống được nhiều giặc bay Mỹ, trại chăn nuôi những con Hoa Kỳ của ta càng vát và. Nhưng thôi, biết làm thế nào, khi mà lịch sử chống ngoại xâm đã giao cho mình phải quản lý cho tốt cái đàn cái lũ thú Mỵ này?

Dày chuồng Bách Thú đã vắng hết những dã thú, mọi ngày cửa đóng then cài, song sắt buồng ăn trong và buồng chơi ngoài đều khóa cả. Mọi khi thú chưa chuyển đi sơ tán thì những cùi sắt này đâu được sạch sẽ như thế. Nền xi moong lồng sắt khi có thú ở, thường là nhợp nháp, bàn chân chúng, ngón chân chúng in lên những kiều hoa nhèo nhoẹt và bẩn bùn. Bây giờ thi lạnh không khóc như một cái bàn mổ thiếu hơi nóng sinh động của cơ thể có máu chảy. Mọi khi quang chín giờ sáng này là giờ cho chúng đớp thịt sống thì phải biết là quá đỗi ôn ào. Tiếng đầy cửa ngăn khung sắt rít lên trong cửa và kẽ lùa, nghe chói tai như mở đóng toàn bộ cánh cửa sà lim ngục tù. Đồn xong bọn thú dữ từ ngăn ngoài vào ngăn trong, thì ở ngăn ngoài cọ rửa, ngăn trong tung thịt. Tiếng ác thú xé thịt nhồm nhồm nhai xương gau gáu. Ăn không vừa ý, chúng cũng gùn ghè. Ăn thích khẩu, chúng càng lâu nhau. Con ngốn nhanh, con ăn chậm đều là tóp tép lột xót một cách âm ī. Chúng không cần biết rằng đây là bữa ăn xảy ra trong một thành phố nền nếp chứ không phải đớp mồi tươi sống giữa rưng già. Có con lại còn đanh với sang con khác ở song sắt bên cạnh. Một tay giữ phần thịt mình, một tay cào sang chuồng đang có tiếng xương vỡ llop bóp.

Chuồng sắt nay đã hả hết mùi hôi thịt sống cũ. Nay đã biến đi hết mọi thứ nhẹ rỗng, đập đuôi, xoe

móng, xù lông, uốn sống lưng, bạnh vai, vờn vờn lượn lượn hoặc nằm phục lù lù đôi mắt như sắp giờ ra một điều bất trắc chớp nhoáng gì. Tôi biết là Sở thú Hà Nội vì chồng Mỹ đã chuyển dã thú đi hết từ lâu rồi. Nhưng sao hôm nay đứng đây tôi vẫn như còn nghe thấy những tiếng xé thịt nhai xương của những dã thú ăn tươi nuốt sống mờ mùa loạn rừng. Và những con ác thú đó lại còn đang bắt chước tiếng người mà tranh giành nhau, mà vừa ăn vừa nói, giọng vặn vẹo mà nuốt chửng cả con chữ, mà nhai biến cả văn. Qua làn song sắt chuồng hổ, báo, gấu đi vắng nhiều, sao lại đang àm è xí xố xì xồ một lù quỳ mình thú mặt thú mà giọng người. Có con vừa gặm nhòm nhoàm vừa nói lem leм lén cái luận điệu lôgich Hoa Kỳ “- Khi mà người ta càng đào tạo nhiều sĩ quan Không lực Hoa Kỳ thì người ta càng phải nghĩ ra nhiều chỗ để mà ném bom. Mà khi đã đánh nhau, thì người ta phải đánh nhau đến cùng, ném bom đến kỳ cùng, và phải giành lấy sự thắng lợi cuối cùng của trận bom”. Một con Mỹ khác mặt như lợn lòi, lại lầu nhau mà nhai giọng người : “- Trong thế giới đại kinh doanh, người ta chỉ sở hữu được vào những thứ gì người ta có thể bán được mà thôi”. Nghe thằng Mỹ lợn lòi đó, thấy nó hao hao cái giọng ô ô thằng quan tư Rô Botic tôi đã gặp năm ngoái ở trại giam. Thôi đúng thằng Rô Botic tật tèn chán và có sẹo ở cả hai bàn tay rồi!

Thằng này đã bán cái tim nó, cái đầu nó cho bộ máy chiến tranh xâm lược Hoa Kỳ, hay là nó chỉ bán đứng hai bàn tay nó thôi? Hay là nó đã hoàn toàn “sở hữu” về đầu về tim về tay nó, đã bán tất cả cho Giôn Xon rồi? Nhớ lần gặp nó, nó cứ bai bải mà chống chế; “Tôi chỉ là người thừa hành một cái lệnh, thừa hành nhiều cái lệnh tôi đã nhận được”.

Bọn phi công Hoa Kỳ tội phạm chiến tranh bị bắt sống bị cầm tù ở Việt Nam, lại còn có cái méo mó Hoa Kỳ về sự hí hước, nên chúng nói lóng với nhau, đặt tên riêng cho mọi trại giam chúng trên miền Bắc là Khách sạn Hin Tơn Hà Nội.⁽¹⁾

Tôi cũng chưa hình dung ra được cái cách ăn ở tại Khách sạn Hin Tơn nó như thế nào ở các nơi khác trên thế giới. Nhưng qua một buổi mơ chưa cất cơn trước Sở thú Hà Nội, tôi như thấy hầu hết phi công Hoa Kỳ đang gặn gặn xì xụp ăn uống ngay trong một dãy nhà sắt mà người ta chỉ dành riêng cho những

(1) Hin Tơn (Hilton) là một triệu phú Hoa Kỳ. Hin Tơn làm giàu bằng cách kinh doanh cao lầu phòng trọ. Trong liên bang Hoa Kỳ và trên lục địa nước ngoài, tay triệu phú này hay dựng lên những khách sạn đắt tiền cắt cổ mấy mươi tầng ở khắp các thành phố lớn. Nay bọn tù Mỹ phi công gọi trại giam nó là khách sạn Hin Tơn Hà Nội. Ấy cũng là kiểu nhe răng méo miêng Mỹ của những tên giết người nhưng lai chối tội, và cười để dờ phài sợ. “Hin Tơn khách sạn” là một tên gọi phổ biến ở Âu Mỹ. Cũng như những thứ chai lọ giải khát Côca Côla gì đó.

con vật dữ nhất. Tất thảy phi công tù Mỹ Hoa Kỳ, kể cả mấy thằng đánh trộm nhà máy điện đèn ta bắt sống trên hồ Trúc, tất cả chúng nó tôi đều muốn cho chuyển hết vào Sở thú Hà Nội. Thằng Pi Tơ, thằng Dơ Vít, rồi En Tơ Ri, Ri Sa, Ông Lơ, Ông Lân, rồi Mich, Sác, Giòn, Gim, vân vân, tất cả những con thú ấy, nay nên đưa hết chúng vào cái "Khách sạn Hin Tơn Bách thú" này này.

Mùi thịt sống lại khâm nồng lên trong cái chuồng đã vắng hổ báo gấu của Sở thú Hà Nội. Mỗi lần ngắm đám sĩ quan giặc bay Hoa Kỳ ăn uống đi lại trong các trại giam miền Bắc, tôi lại cứ phải nghĩ đến cái Sở thú Hà Nội, và lại thấy vẫn như còn nguyên đó dù các thứ lợn lòi chó sói và hổ báo. Một loại chó sói mới, hổ báo mới, mới xích từ rừng nguyên sinh Hoa Kỳ lôi tuột về đây.

Hà Nội, Nôen 67

CÓ BA PHI CÔNG MỸ ĐI BỘ TRONG CHỢ HOA SƠ TÁN

Thủ đô với hẵn người, xe đạp cũng với hẵn đi. Cơ quan, xí nghiệp, trường học đều rời khỏi Hà Nội. Nó đánh cầu Sông Cầu, nó ném nhà máy điện Yên Phụ, bom của nó rơi cả ở mép bờ hồ Hoàn Kiếm. Phố Hà Nội, cửa khép, nhiều nhà khóa. Khóa lên giá, rất quý, có gai đinh sơ tán khóa cửa khóa ngõ bằng khóa xe đạp. Trẻ em và trò nhỏ, những đàn chim sẻ đó vù bay hết về các làng quê xa, nhiều cái sân Hà Nội trống và rộng hẵn ra. Thứ bảy, chủ nhật ai ai có con cái sơ tán đều lên xe đạp về quê thăm người nhà. Thủ đô lại càng thưa vắng. Đến ngay cả bia hơi bia chai mà cũng vắng teo, chỉ trừ khi nào có trận đánh. Còi báo yên vừa xong, có lẽ quán bia là nơi tụm năm tụm ba nhiều nhất để lấy tin thời sự mới nhất. Tin via hè, nhiều cái cũng có sức hấp dẫn của nó! Có ai việc gì không? Nó cháy nó rơi ở đâu? có tóm được thằng dù không? Bắt được no còn sống hay là lại bắt phải thằng chết tươi?

Cái tin về lệnh của thành phố cho rời chợ hoa té từ Cống Chéo Hàng Lược chuyển về Đường Thành, có người cho là phải, cũng có người cho là chà cắn. Cũng có ý kiến dung hòa thi nói rằng nghĩa là đánh Mỹ nhưng mà Hà Nội ta không thể mất chợ hoa của mình thế là tốt rồi, thế là đẹp rồi.

Không ai chủ trì, nhưng chuyện gẫu ở quán bia đang tản漫 về các kiểu phản lực Mỹ và các mẫu tiếu sú giặc bay Mỹ ta tóm gần đây, bỗng lái dần vào việc chợ hoa đào sơ tán. Người ta cứ ngồi xóm thê bên nắp hầm cá nhân mà bàn góp về hoa và chợ Tết sắp đến. Nhiều tay đội mũ sắt trực chiến trông rất hắc, nhưng lúc góp ý về hoa thấy cũng thật là ý nhị. Một tay bảo rằng “Ông bà tôi, thầy mẹ tôi đều ở Hà Nội mấy đời. Theo các cụ thì chợ hoa thủ đô bên sông Tô Lịch. Không rõ xuất hiện từ đời nào, nhưng đến đời Tú Uyên thì đã có chợ hoa té rồi, lúc ấy sông Tô còn có cái Cầu Đông gần chỗ bánh kháo Thanh Hiên phô Hàng Đường bây giờ”. Ôn lại chuyện cũ, một vị bự bia, giọng đã đậm tí giọng mũi “Đó biết Hà Nội mất chợ, mất chợ hoa là năm nào? Ấy, năm toàn quốc kháng chiến Tây mồ đó, và Trung đoàn Thủ đô quần nhau mấy tháng, hoa ngoại thành không vào lợt phố. Với lai năm ấy mọi tài hoa Hà Nội đã tan cư ra ngoài cả, đem theo đi hết rồi cái cốt cách của Hà Nội, thì năm ấy mất chợ hoa cũng không có gì là đáng tiếc cả”.

Tết năm Mậu Thân vừa qua đó hoa của mọi người Hà Nội đón xuân chống Mỳ, đúng là hoa mua ở chợ hoa mới sơ tán ra Đường Thành. May buổi đầu họp chợ mới, nhiều người ngồi xóm ôm gốc đào hàng còn lạ chỗ trên vỉa hè, người người sắm hoa còn bỡ ngỡ tìm nơi gửi xe đẹp, nhưng rồi mọi sự đều vui gọn hết, hoa đi đến đâu là ở đây hay ngay lên, tươi ngay lên. Tất cả những người quen mặt bao năm vẫn gặp chọn hoa tết ở chợ hoa cũ thì mình vẫn lại thấy hiện về với cái dáng dấp áo quần của mọi năm đã qua. Xuân mới, hoa mới, chợ mới, nhưng người quen thì vẫn cũ. Tài thế, cứ ra chợ hoa Tết là gặp lại băng hết. Có những người lâu lâu bắt hồn hơi, mình tưởng đã đi đâu rồi, hay là tưởng đã làm sao rồi, thế mà cứ đúng chiều ba mươi Tết ra đây là lại bắt gặp đang loanh quanh ở mấy cái dây hoa cây hoa gốc đó.

Nhưng mà ở chợ hoa sơ tán Đường Thành sắp sửa đón cái tết tung bừng Mậu Thân, tôi đã thấy ba người khách lạ của chợ hoa. Thật là ba bộ mặt mới. Ông già bà già làng ngoại thành vào chợ hoa đóng chỗ vỉa hè đã liên mấy chục năm nay đều phải nâng lên mà nhìn ba người lạ đang chơi chợ. Đúng, kiểu này là kiểu người nước ngoài đi dạo, đi xem chợ đào, đi xem người mình ăn tết đó mà thôi. Trông hao hao cái kiểu chuyên gia Âu nước bạn, nhưng cũng không hẳn là cái cung cách chuyên gia. Cùng đi với bộ ba lạ mặt, vẫn

có cán bộ mình hướng dẫn. Họ thỉnh thoảng dừng bước, cả ba cùng dừng rất là con nhà bình. Họ ít nói và nói rất khẽ, miệng không đụng đầy như là lối nói không máy mồi của những người tù lão luyện ở các trại giam quốc tế. Hình như họ nói tiếng Anh với một lối phát âm thật là ái nam ái nữ. Mà sao họ mặc quần áo giống nhau thế. Cò cái vẻ như là ta vừa sắm sửa cho họ, mặt vài chục dặp hết nước hồ. Ba quần kaki rêu, ba áo dệt kim lam, ba varo bóng, lần vài ngoài bọc kaki Nam Định nhuộm xanh còng nhân. Ba đôi giày da lộn có cổ, màu đất thô. Ba cái đầu mới hói, như là vừa ở cửa hàng thợ ngồi ra, tóc đều một màu râu ngô cá. Những người hỏi hả đi tìm đúng thứ hoa của mình, khi vượt ba người lạ lùng thừng bước một kia, đều sốt sắng hoặc kín đáo mà quay nhìn lại. Chợ chiều ba mươi Tết thỉnh thoảng đợt gió nồm lùa vào phố hoa, mận trắng đào hồng cành đã man khai đổ xuống hàng trận mưa, cánh hồng cánh trắng nhẹ nhẹ reo. Như hoa cũng đang thi thào đánh hơi về sự lạ khách lạ. Một bà cụ hai tay giữ hai gốc đào phai chèo kéo mời tôi cứ xem kỹ gốc đào ta rất có thể đó, cứ ngồi hàn xuống mà ngắm. Bà cụ trông nhẹ nhõm, hôn hậu níu tòi lại bằng lời chào mời ân cần, chỉnh ra không phải vì lo hoa é. Bà cụ đã cẩn thận chờ mấy người chọn hoa kia tàn sang những cành hoa hàng xóm rồi mời hỏi nhỏ tôi:

- Đó là người Mỹ phai không ông?

Tôi im lặng nhìn bà cụ, chăm chú ngắm hai gốc đào ta như là ưng ý, sắp ngã giá đến nơi. Bà cụ hoa đẹp lão nói tiếp, thấp giọng hơn:

- Tôi có đưa cháu bộ đội ở các đơn vị quản giáo lũ phi công Mỹ. Nó nói Tết này ta sẽ phóng thích cho ba thằng ăn năn tội lỗi. Họ được đi xem Tết, vừa đi qua đây phải không ?

Tôi có nên nói dối bà cụ đẹp lão, mà bảo là không đúng không? Có nên bảo là cụ đã đoán đúng không? Khẳng định thì cũng không nên, mà nói rằng không thì cũng không tiện. Mang thêm vào người một câu nói dối nữa, vào lúc năm sấp hết, thật là càng không nên lầm. Tôi chỉ khen cái thế cảnh đào phai của cụ thật là nhất chợ Tết, và nếu cụ nói giá cho một chút, thì tí nữa tôi quay lại lấy.

Quả có như vậy đó, cu bán đào ạ. Đúng, ba người khách lạ cụ hỏi đó, đúng là ba người sĩ quan không quân Mỹ ta bắt sống và ta vừa khoan hồng trả lại tự do cho họ. Ta cho họ xem chợ hoa Tết cho họ mở mắt ra. Bọn Mỹ hiểu chiến nhồi sọ bọn đi sang ta đánh nhau rằng người Việt Nam chỉ thích chinh chiến, chỉ thành thạo về bắn giết, nay ta muốn cho họ thấy tận mắt rằng cuộc sống của ta, ngoài cái tài thiện chiến để gìn giữ đất nước, chúng ta còn dịu dàng trồng hoa

chăm hoa, yêu hoa cỏ, và rung cảm với mùa xuân đầm thám như bát cứ dân tộc văn minh nào. Phải, ba người Mỹ bay thuê theo hợp đồng cho tư bản hiếu chiến kia vừa được Chính phủ ta không những đã tha cho tội chém chém, lại còn thả cho về nước. Và chiều nay ba mươi Tết cho phép họ láng vào chợ hoa trước khi họ được đưa trả về nhà họ ở bên kia dương Thái Bình.

Ba người Mỹ đã từng là giặc bay có lon sao, được hưởng sự khoan hồng ấy tên họ là gì? Họ có đủ tên đủ họ đủ tuổi ở hồ sơ danh sách những tội phạm chiến tranh Mỹ phá hoại miền Bắc. Tên ba người này thì cũng như tên nhiều người Mỹ khác thôi. Không là Giêm, là Diêm, là Giòn, thì là Bốp, là Dịch, là vân vân, nếu cần biết cho rõ vì công việc nghiên cứu, thì cứ tra khảo ở danh sách tội phạm số sách vẫn nguyên cà đóng đó. Mà cũng chả cần nhớ tên mấy người đó làm gì. Ta chỉ cần biết rằng cái đám ba người Mỹ chết hụt được ta ban cho sự sống đó gồm có một quan tư, một quan ba, một quan hai, cả ba đều không nhiều thi ít, đã ném bom xuống phố xá làng mạc, cầu đường, các bến và các chợ miền Bắc mình. Cũng có thể có người trong bọn họ đã từng ném thuốc độc xuống rừng miền Nam để làm một cái việc mà chỉ có sú táo bao ngu xuẩn Hoa Kỳ mới dám thực hiện một cách vô vọng và điên cuồng: diệt hủy chất diệu lục của rừng

núi, làm cho rừng núi miền Nam hết hẳn cây tươi và lá xanh!

Như thế là, nếu chúng ta ôn lại sơ sơ một số nét thời sự gần đây, như thế là buổi chiều ba mươi Tết (năm đó tháng chạp ta chỉ có 29 ngày, 29 coi là 30) có ba tù Mỹ phi công được thả, được đi xem hoa Tết Hà Nội. Rồi liền đó chỉ có ba đêm ở tận chỗ xa xa 1758 cây số đường sắt trong kia, ta đốt rụi luôn sân bay quốc tế Sài Gòn, cho cháy vèo bốn ngàn chiến xa Mỹ, cháy gục ngàn rưỡi tàu bay Mỹ, và ta đã đánh thốc vào sứ quán Mỹ giữa Sài Gòn. Rồi cắm cờ Giải phóng lên kỳ đài thành Huế, đánh lùi xe tăng Mỹ, đánh tan tàu chiến trên sông Hương. Và làm chủ thành phố Sài Gòn liên trong 29 ngày. Tại một khách sạn quốc tế ở Hà Nội, ba người quan tư, quan ba, quan hai phản lực Mỹ được tha tội kia vẫn nằm chờ máy bay Ủy Ban Quốc Tế chở họ sang Vạn Tượng Lào. Rồi từ Lào họ sang U Đôn U Bôn gì đó bên Thái Lan. Lại từ U Đôn U Bôn họ đáp sang trường bay Cơ Lắc để từ Phi Luật Tân ấy bay luôn về Caliphocni. Ba người phi công Mỹ từ tù hút chết đó, trong đêm xuân Hà Nội thao thức chờ buổi cắt cánh từ giã Bắc Việt Nam khoan hồng, họ đã có những gì xảy ra thêm trong đầu họ khi họ được nghe bản tin tiếng Anh của các hãng Roi Tơ, A Pi, U Pi phản ánh nóng hỏi về những đêm xuân lửa Sai Gòn? Trên tầng trên khách

sạn đang thao thức ba người tù Mỹ chờ tàu khó ngủ, thèm rượu uýtxki, thì cũng ở ngay trong khách sạn đó, tại tầng dưới cùng, trong cái phòng 35 băm máy gì đó, nhiều bàn giấy hành chính quản lý, đèn sáng trưng vẫn chiếu vào một tấm bảng đen, có nét phấn trắng ghi cụ thể một số việc cần làm trong ngày mai. Nào là kiểm kê lại hầm rượu xem còn bao nhiêu chai rượu ngoại tồn kho. Nào là xin thêm bao nhiêu cân thịt tươi. Nào là... Cuối bảng rõ mồn một dòng: “Hỏi vé máy bay cho ba giặc lái”.

Những đêm xuân tất cả Hà Nội, tất cả Huế, tất cả Sài Gòn đều khó ngủ đó, tôi cũng ít muốn ngủ, thấy muốn chồm dậy đi tìm người này người kia, thấy muốn đứng dậy mà lục lại báo này, sách nọ, trong lòng thấy thật sự có một nỗi niềm hồi xuân. Và thấy sự sống của đất nước mình có những cái xuân thật là dữ dội. Điện Biên Phủ là một mùa xuân toàn lửa cháy. Mở đầu cuộc chiến tranh-phá hoại miền Bắc ta, bọn ác ôn Hoa Kỳ giờ trò ăn cướp giữa trời cũng là vào lúc mùa xuân đang nở rộ hoàng mai từ sông Gianh đến sông Tuyến, và sau mùa xuân đó cũng là mùa xuân của đơn vị tên lửa trẻ tuổi ta lập nhiều công lao. Xuân lửa Mậu Thân Sài Gòn cháy to là đêm 34 tháng giêng 1968. Trước đó 179 năm là xuân lửa Đồng Đa, lửa ta đốt trại giặc, quân sĩ Tôn Sĩ Nghị chết vô thiên lủng, xác trôi vạn vạn trên khúc sông

Hồng Hà Nội mà theo câu văn xuôi tả chân rất hình tượng Hoàng Lê nhất thống chí thì xác bọn xâm lược chết đuối nhiều tới cái mức nước sông không chảy được nữa. Đây cũng là ngày xuân, xuân Kỷ Dậu, dương lịch là ngày 30 tháng giêng 1789 : cũng tháng giêng dương lịch như tháng đánh Mỹ tại Sài Gòn chỉ chênh có một ngày. Ngầm lại mà càng thấy thảm hại cho cái đám Thiệu Kỳ. Còn nhớ nó cò kè về thời hạn ngừng bắn dịp Tết Mậu Thân. Minh nói 144 giờ, nó nói chỉ 48 giờ thôi, rồi nó lại giờ giọng, rút lại chỉ còn 36 giờ. Vậy là đúng như nó bày ra, chỉ sau lúc hết hạn ngừng bắn của nó có ba tiếng đồng hồ, là ta nổ lửa đánh đốt giữa Sài Gòn. Từ các nơi tập kết về quanh các cửa ô Sài Gòn rồi tức tốc đánh luôn vào tim Sài Gòn tạm chiếm chỉ sau có mấy tiếng Thiệu Kỳ nói là hết hạn ngừng bắn. Ấy cũng là cái cách phát huy truyền thống dân tộc, hành binh vận quân thần tốc của vua Quang Trung đánh giặc ngoại xâm tại Hà Nội trước đây gần hai thế kỷ. Nhờ có sự kỳ diệu Mậu Thân đánh Mỹ giữa Sài Gòn đó mà côn đồ Mỹ buộc phải ngừng phá hoại miền Bắc, và phải chết ngồi chết mòn ở bàn tròn Paris. Xuân lửa Mậu Thân dữ tới cái mức Mỹ nguy vẫn còn khiếp sợ cho đến tròn năm nay, cho đến nỗi Tết Kỷ Dậu năm ngoái (theo tin Roitơ ngày 15 tháng 1 năm 1969) tư lệnh II tỉnh bao quanh Sài Gòn là tướng Đò Cao Trí phái cho binh lính nó đi

phép Tết từ trước Tết. Để cho mây hôm thực sự Tết thì Sài Gòn vẫn đủ quân số “vì trong Tết năm ngoái người ta còn nhớ Việt Cộng đã đột nhập 36 thị xã và Sài Gòn. Và các nhà quân sự và chính trị đang lo lắng là nó lại xảy ra nữa”.

Nhà báo Mỹ trú danh Giòn Rít có viết một cuốn sách rất thích *Mười ngày chuyển rung thế giới*. Trên khắp đất nước liên bang Hoa Kỳ, cuối năm 1969 cũng đang có những ngày làm rung chuyển cả Bắc Mỹ. Cuộc chấn động có định kỳ này kéo một luồng từ bờ Thái Bình Dương sang thấu bờ Đại Tây Dương, từ Cửu Kim Sơn qua Bốt Tông, Oa Sinh Tơn, Nữu Ước. Ngày 15 tháng 10 năm 1969, cuộc động đất chính trị rùng rùng chuyển nhà cửa Lầu Năm Góc hiếu chiến và Nhà Trắng hiếu sát. Tiếp theo đó tháng sau, tức là ngày 15 tháng 11 năm 1969, ủy ban “Ngày tạm ngừng hoạt động” lại phát động một cuộc động đất chính trị lần thứ hai, và có báo trước cho chính quyền Nich Xon chấm dứt ngay chiến tranh xâm lược Việt Nam, và rút ngay quân Mỹ về nước. Lịch sử Hoa Kỳ chưa bao giờ có sự chính phủ mất lòng dân, bị nhân dân ra mặt phản đối một cách có trật tự và khùng khiếp đến như thế. Ngày rằm tháng mười và ngày rằm tháng mười một quang vinh của nhân dân tiến bộ Mỹ đó, người ta đi đến từng nhà, mà nháu nhau “tạm ngừng hoạt động”. Người người deo băng

tang ở cánh tay và xếp hàng vào cuộc “Tuần hành chống chết chóc”. Máy bay tiến bộ Mỹ bay trên bầu trời Mỹ động đất mà phun khói. Khẩu hiệu khói phun “Chấm dứt chiến tranh” áy tập hợp vạn vạn tâm hồn Mỹ chân chính đang diễu hành dưới các phố mặt đất Hoa Kỳ. Đêm rung chuyển đó, tại Oa Sinh Tơn, tại Nữu Ước và nhiều trung tâm khác, người ta rước nến, tay mỗi người cầm một ngọn nến, và ở cổ là một cái biển đề hoặc tên một làng Việt Nam bị không lực Hoa Kỳ hủy phá hoặc tên một tử sĩ Mỹ bị chết trận tại Việt Nam viễn chinh. Trên bệ thánh đường nhà thờ Toriniti người ta lần lượt lên hú hồn từng người lính Mỹ, lễ gọi hồn chỉ chấm dứt sau khi đọc xong cái danh sách đầy đủ tên tuổi của bốn vạn lính Mỹ bỏ xác tại Việt Nam. Đối diện với nơi Ních Xon đặt bàn giấy, cứ đọc phố Pennsylvania mà nến cuộc rước nối đuôi nhau mà lập lòe như là phát tang tổng thống đến nơi rồi. Cuộc “Tuần hành chống chết chóc” bắt đầu từ nghĩa địa quốc gia Ác Linh Tơn gồm 4 vạn rưỡi nam nữ công dân Mỹ diễu quanh vây hàng rào sắt Nhà Trắng, đã diễu liên tục bốn mươi tiếng đồng hồ, vòng đi không dứt không ngừng một phút nào, bốn cỗ trống cà rùng phủ nhung tang đi đầu giữ nhịp cho mấy sư đoàn thường dân Mỹ đi “chống chết chóc”. Cuộc tuần hành lặng lẽ chỉ có tiếng bước đi, tiếng lá bị dập, tiếng hô danh tử sĩ chở vào dinh tổng thống sát nách Ních

Xưa. Hô xong bốn vạn tên họ binh quân tử sĩ Mỹ thì cuộc diễu hành kết thúc vào một buổi sớm gió lạnh đang thổi nhẹ nhặt pho tượng kỷ công tổng thống Ông Sinh Tồn.

Ở Nữu Úc, nhiều hòm thư gốc phố được quét sơn lại, và từ lúc nào đã nổi lên hình ngôi sao vàng Việt Nam cũng như trên lề phố thường xuất hiện các chấm lơ và đồ cờ Giải phóng. Một vạn quả bóng có đeo tên một người lính Mỹ tử trận tinh từ ngày Nich Xưa nhậm chức.

Như thế là giữa tháng 11 vừa qua, tại Ông Sinh Tồn có từ 30 vạn đến 50 vạn người Mỹ xuống đường chống chiến tranh Mỹ tại Việt Nam. Và riêng ở Cựu Kim Sơn đối ngạn với bờ biển nước Việt Nam ta, có khoảng 25 vạn người biểu tình vì Việt Nam, đi theo một tấm băng biểu ngữ: "Không chết thêm một người nào nữa". Người đi tuần hành chống chết chóc lại còn cầm cả hoa ở tay nữa. Như ở Ông Sinh Tồn rất nhiều người cầm ở tay những cành hoa xisêđêlich bông rất to.

Đọc những tin về các cuộc biểu tình khổng lồ người Mỹ trên đất Mỹ phản đối chiến tranh Mỹ tại Việt Nam, tôi không khỏi nhớ tới cái bóng ba người phi công Mỹ được thả ra vào giữa chợ hoa Tết lúc đó còn đóng ở khu sơ tán Đường Thành. Ba sĩ quan

không lực Hoa Kỳ tử tu được tha tội, và ngày đầu được ban trả lại tự do, họ được đi nhìn tận mắt một chợ hoa của mọi giống hoa Việt Nam vừa nở ngay trên các mảng đất Hà Nội có nhiều mảng vườn cây Tết vẫn còn giữ nguyên dấu vết tội ác của các phi đội Hoa Kỳ bom bắn xuống thủ đô. Chuyện cũng vừa mới đó thôi, làm gì đã được hai năm, từ hôm ba người Mỹ kia được xá tội về nước họ.

Hôm nay, trên đất nước Hoa Kỳ quê hương họ đang sục sôi Mỹ chống Mỹ, ba người sĩ quan tàu bay Hoa Kỳ tốt số được thác sinh giữa một chợ hoa Hà Nội khoan hồng, ba người phi công Hoa Kỳ đã từng tham chiến tại Việt Nam đó hiện đang làm gì, đang hô gì, đang nghĩ gì? Không có quan hệ chi với những phân tử thù địch nô, làm sao tôi hiểu được điều mưu toan của họ, làm sao mà biết được hành tung của họ? Nhưng tôi muốn được biết lầm về thân phận họ, cái thân phận họ tính từ hôm chúng ta tái sinh họ vào sự sống. Ăn cơm của ta, mặc áo đi giầy của ta, nhận sự sống lần thứ hai từ tay chúng ta, ba người lính chuyên môn của Thần Chết đó, hôm nay là người của lẽ phải, hay là có người đã bắt đầu lạm dụng lòng nhân từ của chúng ta rồi? Trước khi họ bị bắt sống tại miền Bắc ta, họ lén lút tránh né trên các đường mây, thì đất nước và con người Việt Nam ta cả sống lẫn chết, đối với họ chỉ là một cái gì hoàn toàn truwu

tương, - như cà bẹn chúng thường bộc lộ một cách thàm thê như vậy. Trước khi họ bị bắt sống, sự sống con người và hoa cỏ quy tụ trên sông núi quê hương chúng ta, đối với bọn họ, chỉ là một khái niệm gì đó, là một nơi nào đó để bọn bay thuê tói thử các món vũ khí hiện đại nhất của sự giết người dựng nên từ một nền sản xuất công kỹ nghệ chiến tranh Hoa Kỳ. Trước khi bị bắt sống, đối với họ, cái nôi văn hóa độc đáo Việt Nam này cũng chỉ là một tọa độ những tọa độ để vô tội vạ (họ tưởng thế!) quăng ném xuống cơ man là chất nổ tân kỳ mang nhãn hiệu một siêu cường quốc đang tự huyền tự dối mình về một lối sống Hoa Kỳ. Cho tới lúc bị bắt sống, bọn giặc Mỹ lái máy bay mới chuyển dần cái gì là trùu tượng thành ra những nhận thức cụ thể. Và có những phi công Mỹ đã vất và lầm mới nhận được ra một cái điều rất rõ mà bấy lâu nay họ vẫn mơ hồ: đúng là Mỹ đã và đang xâm lược Việt Nam.

Ba người quan hai quan ba quan tư không lực Hoa Kỳ thoát chết và rời khỏi nước ta sau khi họ được ăn một cái Tết có tự do.

Trên miền Bắc quyết liệt đánh Mỹ, họ hiểu sự sống của ta như thế nào, tới mức nào? E phải viết hẳn ra một tiểu thuyết khá dài thì mới tách bạch phanh phui hết được cơ cấu tim và lòng cái đam nhân vật phiền phức này. Thông thường, ở trại giam họ hay nói

to lên rằng chuyến này mà được trả lại sự sống có tự do, thì họ không dại gì mà uống mạng cầm vào cần lái phản lực mà bay thuê nứa trong một cuộc phiêu lưu vũ trang mà chỉ có bọn lái bom triệu phú thuê họ đó là đỡ bị chết bắn mà thôi.

Nhưng nay trở về liên bang, ba kẻ “giác ngộ” về chiến về hòa đó, họ có còn giữ được cái tia sáng đã tới với họ tự trại giam miền Bắc? Họ có dám thực sự thể hiện cái quyền tự do quyết liệt giữa cái gọi là thế giới tự do Hoa Kỳ không? Hay là áp lực đen tối của chính quyền hiếu chiến Nich Xon đã buộc họ phải chối những điều họ đã chớm thấy vào lúc thập tử nhất sinh ở chiến trường Bắc Việt Nam? Họ ngang nhiên xếp hàng vào dòng “Tuần hành chống chết chóc” hay là tham dự một cách kín đáo hơn? Hoặc là trốn lánh sự phản kháng ra mặt cuộc chiến tranh Mỹ, nhưng vẫn ủng hộ ngầm phong trào “Ngừng hoạt động” vì Việt Nam, và xui vợ con bạn bè, cứ đi biểu tình chống bọn Mỹ hiếu chiến? Ngày mười lăm tháng mười một vừa qua, ba phi công Mỹ được ta thả về Mỹ đó, đã làm gì, đã nghĩ gì trong phong trào nhân dân tiến bộ Mỹ biểu thị thái độ đúng mực đối với chiến tranh và hòa bình? Tôi tin rằng ba phi công Mỹ đó nếu không được cả ba người cùng xuống đường mà tuần hành chính trị thì ít nhất cũng vẫn còn được một người dám thấp ngọn nến mít tinh và nối theo đám đông, hoặc ở

bờ này Thái Bình Dương, hoặc ở bờ kia Đại Tây Dương, mà gọi hôn những tử sĩ Mỹ uồng mạng toi tại Việt Nam. Theo chi tiết tin tức tôi đọc được thì có những người tuần hành còn dám thách thức đám cảnh sát định giờ trò đòn áp, bằng cách vẫy vẫy những cánh hoa xisêđêlich (??) giữa dòng tuần hành. Chắc mấy người phi công Mỹ được chúng ta trả về Mỹ cách đây gần hai năm, nếu có tham gia tuần hành, thì cũng chỉ thấp nến rước nến như bất cứ lương tâm nhân dân Mỹ chân chính nào thấy xấu hổ vì sự làm bậy của bọn chính quyền nước họ. Họ cầm nến chính trị xuống đường, thế là đủ rồi, tôi cũng không bao giờ đòi hỏi cái bộ ba ấy phải cầm hoa xisêđêlich mà khiêu khích lính cấm Hoa Kỳ. Chao ôi, hoa xisêđêlich người ta cầm nơi tay trong cuộc động đất chính trị phản chiến tại Mỹ vừa rồi đó là thứ hoa gì? Nó đại khái giống giống thứ hoa gì ở chợ hoa Tết Hà Nội mà ba phi công Mỹ xóa tội kia đã được nhìn tận mắt, ngửi tận mũi và dờ tận tay.

Chao ôi tôi quên làm sao được cái buổi chiều Hà Nội ba mươi Tết lửa Mậu Thân hỏa công Sài Gòn, quên sao được một buổi chiều chợ hoa Tết có ba người phi công Mỹ đang dừng lại trước những gốc đào bích đào phai với tất cả nỗi xúc động của người tù tù vừa được ban trả lại tự do, có tự do và lại có cả phần hoa tươi?

Chợ hoa sơ tán năm đó và ngày Tết, đêm Tết năm đó cũng là một cái không khí không giống bất cứ Tết năm nào của quá vãng hoặc của sau này.

Cái Tết cổ truyền Việt Nam có một vẻ gì thật là rộn ràng một cách trịnh trọng. Mình không được ăn Tết của người dân tộc ở nhiều nước khác, không rõ thiên hạ họ vui cái ngày đầu năm của họ tới cái mức nào, họ đầy cái vui nguyên đán họ rõ lên dưới những dạng gì, chắc hẳn có nhiều điều đáng yêu đáng quý lắm. Nhưng, tôi ngờ rằng chưa chắc Tết họ đã đầm thắm đã ăn to bằng cái Tết người mình. Chưa ăn xong cái Tết năm mới tới đó, cành hoa chưa bung hết lượt nụ bụ bãm, thì đã tinh đến cái chuyện ăn Tết của năm sau, nhựa lòng trào dâng tới sự sống một niềm tin cậy vào năm sau, vào tất cả những năm sau đang tiến lại từ ngày mai.

Người ta bấm tay mà tính Tết cứ hàng tháng, hàng tuần, hàng ngày, hàng giờ, quãng cách ngày giờ rút ngắn dần lại, hút thu cái Tết trang trọng về phía người bóc cuốn lịch mỏng dần đi. Cái thói quen đợi và chờ Tết ở ta, nó có đã mấy ngàn năm trên đất nước ông bà. Không biết có đúng như thế không, nhưng tôi cứ mạo muội nghĩ rằng ngày nay những nhà phi hành vào vũ trụ không trọng lượng bay lên mặt trăng với voi kia cả phi công vô sàn, cả phi vũ công tư bản, cái kiểu họ tính định kỳ bay xa là đều tập theo cách ăn

Tết của con người Việt Nam chúng ta. “Còn một tuần nữa thì con tàu vũ trụ chụp ảnh núi bể mặt trăng sẽ rời bệ phóng... Còn sáu tiếng mười lăm phút nữa thì tàu rơi moóc đáp lên mặt trăng sẽ rời bệ phóng...”. “Còn đúng ba mươi ngày nữa thì đã Tết đây đồng chí thương nghiệp ơi... Còn đúng một tuần nữa thì đã tép đó, đồng chí vận tải ơi... Còn có một tiếng nữa thì giao thừa rồi đó, bạn đi đường ơi...”. Cung trăng thiên hạ tới tấp đi về, và xuân ấm cúng năm năm, đúng hẹn mà trở lại với cái điệp khúc Tết đăng yêu thay trên đất nước mình.

Hà Nội dựng đô được gần một ngàn tuổi đầu, cái điều thâm nién đáng tự hào đó thì tột Bắc đến cực Nam, cả nước ta ai ai cũng biết thừa. Nhưng thủ đô Hà Nội có chợ hoa tết từ đời nào? Có từ bao giờ? Phiên chợ hoa đầu tiên của Thăng Long đã họp ở tả ngạn hay hữu ngạn sông Tô Lịch? Cái Tết đầu tiên của chợ hoa đào trên đất cũ Thăng Long, trai lịch gái thanh các phường thủ đô mặc quần áo gì, chít vành khăn màu gì để đón xuân trong vòng chợ Tết dân tộc? Chợ hoa mỗi năm chỉ họp có mỗi một phiên, nhưng phiên chợ hoa năm nào là dài ngày nhất, và kéo dài tới mấy tuần? Tất cả lá xanh cánh đỏ, tất cả lộc non lộc già, tất cả hoa đào hoa chùm, tất cả đang trông chờ một bậc “Vũ trung tùy bút” thứ hai nào, hiện ra giữa Tết năm tới, để kể lai lịch chợ hoa cổ với thiết

chế hoa xưa cho người bấy giờ tăng thêm mến thương Hà Nội, tuổi thủ đô càng cao tim thủ đô càng nhịp đập. Tết năm nay, hoa Hà Nội không phải ở khu sơ tán nữa. Sau hai năm chuyển đi sang Đường Thành, chợ hoa Tết đã từ tết năm ngoái được trở về khu cổ hữu phố sông Tô Lịch, từ khi cựu tổng thống Hoa Kỳ sát nhân Giôn Xon ngày 31 tháng mười 1968 buộc phải ngừng ném bom phá hoại miền Bắc. Nhưng tôi khó mà quên được cái không khí chợ hoa Tết Hà Nội năm sơ tán đó, quang trường chợ Hàng Da đúng là một cái ngà Sáu của cúc đào. Đào Tết đã khoanh vùng, nhưng đào ngồi, đào đứng, đào đi, đào vẫn cứ lấn dần sang đất những phố vành đai của khu hoa sơ tán. Đào ngồi nhờ cả sang cuối phố Hàng Nón. Đào tràn cả sang Hàng Gai. Ngồi ghé nhấp nhôm chõ đầu Hàng Gai bờ hồ, hoa được thể còn nhich nhich vào đầu Hàng Đào. Đào và Hàng Đào gọi gọi thèm cái náo nhiệt xưa của Hàng Đào chuyên nhuộm tơ lụa óng lên một màu điêu đẽ phán hồng. Nách ngõ Tô Lịch khắc dấu gỗ và tiện quân cờ ngà voi sừng trâu, nổi lên những cột khói xanh béo ngậy của những hàng bún chả. Quanh mệt bún con bứa, một vài người lúng túng vì hai tay đều bận cả, mỗi tay đang khu khu một cành đào bị nồm cuối năm mở tung cá bảy nhiêu đốm hoa. Tia nước rãnh phố ở mép lề hè nhẹ nhàng trôi, thong thả chờ đi những cánh rụng của chợ Hoa Tết

đóng từ nách chợ Hàng Da tới cái cột sắt tàu điện đầu veo phố Hàng Đào. Đào nguyên là một giống hoa không cần tới hương, khói lam bún chả via hè quyện vào, đào hàm tiếu bồng tiết ra một mùi thơm ngày ngay. Giữa giấc mơ nồng, anh bạn đặc công vừa ở Nam Bộ ra, nói về giá hoa Tết ở chợ Bến Thành. "Một cành hoa hoàng mai ở chợ Tết Sài Gòn giá 500, tính theo tiền ta ngoài này cũng phải tới 20 đồng". Quanh mệt bún nghi ngút khói lam, chuyện đào càng bốc mãi lên. Những lá mẩy năm đầu tiếp quản thủ đô, có anh mại bản tư sản chưa cải tạo thuê cả một chuyến tàu bể cho chạy bích đào từ Hải Phòng sang Hương Cảng, trông boong tàu đồ ối, dẽ lầm nó với một khu đào vùng Quảng Bá Nhật Tân. Năm đầu trúng một chuyến đào cứ đúng 30 đô la một cành giữa chợ Tết đào Hồng Kông, tưởng là nhờ vào hoa rồi cứ thế mà tẩy lên, nhưng đến chuyến Tết năm sau, tàu hoa gặp gió mùa cấp tám, hoa bị nước mặn, hoa thâm mặt và hoa cập bến Hương Cảng chỉ còn đem bán cho người ta làm chổi xể để quét những xóm nghèo trên đào. Đào, những năm hòa bình, đi tàu bay vào tận Miên. Đoàn bóng đá Khơ Me, chuyến nào trở về gặp hoa Tết, là có mang về Nam Vang. Anh câu thủ Khơ Me cầm cành đào Hà Nội tại giữa nhà nơi đường phố chính, mở rượu mời bà con tới xem hoa. Một số Việt Kiều gốc miền Bắc mình ly tán ở Miên, bồng nỗi lòng sâu xù,

bỏ ra nhiều tiền nài cho kỵ được gốc hoa vừa rước từ sân bay về. Đào chối xể, đào lưu vong, đào cửa phát, còn khôi là chuyện đào, nếu không có những tiếng pháo lè té của trẻ em nó nhắc là năm đang hết đây, có định mua sắm gì thêm thì đứng dậy mà đi thôi.

Chỗ chợ Hàng Da, chỗ ga tàu điện, có dáng người leo lên cột đồng hồ, việc tu chỉnh lại đồng hồ gợi thêm cho người qua đường là chả mấy chốc nữa đã tới giờ giao thừa rồi đó. Đồng chí công an giữ trật tự trên tuyến hoa phố, trông cũng lành mát như một cành đào ta. Ngoài sông Hồng, trận lũ lá dong bữa nọ vẫn còn ánh hưởng đến cầu phao. Ô tô ít lâu nay không dùng cầu sắt Long Biên bị bom Mỹ, ùn lên ở hai đầu vào cầu phao. Mố cầu phao bờ tả ngạn đầy ô tô các tinh vẹt, nguy trang lá xanh ròn như là đã bẻ sẵn lá lộc tiếp thêm về cho thủ đô. Mố cầu phao hữu ngạn thấp thoáng cành đào trong những xe com mǎng ca của một số cơ quan Trung ương đi chúc tết các bộ phận mình sơ tán tận ở phương xa. Trận lũ cuối đồng xô lệch cầu phao; nhưng đã làm yên tâm một số người có lúc nhao lên vì chưa đủ lá gói bánh chưng. Có trận lũ lá dong hôm ông Táo lén trời đó, tha hồ mà lá bánh trên nguồn về. Bí mút lại được mùa, trong chợ Đồng Xuân dùng làm kho, thông mấy gian đầy áp bí bự phán trắng, khôi trái bí nặng tới ba chục cân. Bia Trúc Bạch chai đã thấy bán và cũng dè mùa. Những

cái áo vinilông nữ dài năm hòa bình, nay đã chuyển thành áo bông cộc thời chiến, trần đủ kiểu con bài, quả trám, con cờ, trông cũng duyên dáng ra phết. Người đi xem Tết ủn ủn lên ở các đường trục. Công ty Hoa thành phố đã lần lượt thay áo màu mới cho các vườn công viên, trông đã thấy sướng mắt. Từ các vùng sơ tán, trẻ em kéo về như nước chảy. Trên các luồng niêm thiếu hác cư, thời khắc cứ từ từ mà trôi theo về dòng Hà Nội gió đang nổi nồm rộ nở rừng đào phố. Đào ngoại thành vẫn từ các cửa ô mà tiến vào chợ sơ tán nội thành, lớp buỗi sớm bị gió nồm quạt hết cánh, thì lại tiếp luồn đợt hoa trưa đợt hoa chiều. Đoàn hoa vẫn không ngừng nhập thành, tay cành nào cũng mọng tẩy lên hàng hà sa số là nụ đào. Các em ở sơ tán về ăn Tết ngừng bắn với các bậc cha mẹ, đếm sao cho hết được, cũng như đoi đếm làm sao cho xuể tổng số nụ đào bừng bừng khắp chợ khắp hè khắp nhà khắp phố.

Đến gần xế chiều, Công ty công viên thành phố cho lệnh rờ dàn hoa, đúng vào giờ bắt đầu ngừng bắn trong dịp Tết. Ở các cửa hoa thương nghiệp, ai ai cũng đã rinh hoa từ mấy buổi nay, hoa chậu hoa cành hết bay ngay. Các đoàn hoa kìn kìn xe tài tiếp ưng bao nhiêu chuyến rồi mà vẫn chưa vơi được người đợi hoa. Dòng người xếp hàng nối đuôi, vặt mình trườn lên như một con trăn minh gấm đang doi nuốt ngón ngấu

bất cứ hoa gì, có gì, màu sắc gì. Không thấy đâu con trăn hoa, đuôi nó lại càng khó thấy. Mỗi người yêu hoa chỉ như là một khớp xương mềm dễ khiến của một con trăn ngoan lành nhã nhặn. Nó không ôn ào như mây con trăn chồ bến xe hàng và nhà ga bán vé xe tàu Tết. Cả thân con trăn Tết lừng lên mùi thơm bách hoa, người mua hoa sau không thấy hoa của người phía trước. Hình như cửa hoa nó có một cái trật tự riêng của nó. Xem chừng cũng chỉ có cái bà tóc trắn vẫn lộn gáy có lưỡi trai đỏ là tỏ ra nóng ruột nhất thôi. Chưa tới lượt mình, nhưng chợt nhớ ra là ông bà ông vài đã ngồi chờ cà ở nhà rồi, bà đã xin lỗi xin lỗi mà thảng cánh tay tuôn ngang tiền vào quầy hoa. Đứng xếp vòng ngoài không trông thấy hoa, bà chỉ nghe trong quầy hỏi to lên rằng “Ai mua hoa năm đồng, mua hoa gì nào?” thì bà sung sướng mà trả lời nhanh gọn “tôi có năm đồng đây, các bà cho tôi hoa gì cũng được. Mõm sói cũng được. Chân chim, thược dược, vâng cứ cho tôi”.

Cửa hoa, hè hoa, càng về chiều càng đậm dùn người đẹp của ngày hội hết năm, chuyện của người nào cũng xoáy vào hoa, tay người nào cũng đỡ hoa, giữ hoa. Cả năm không biết họ ở đâu, mà chiều hoa này xuất hiện rất nhiều khoe mắt phượng ngủ, miệng hình quả tim. Bước vào lối hoa, họ khoe khoắn như sải bước tại sân điền kinh nào, họ dừng lại mà hỏi hoa, thì có những

thân hình trông tươi nhẹ hơn cả cành hoa đang nhấp nhôm trong hoàng hôn.

Ba giặc Mỹ lái máy bay phản lực vẫn lặng lẽ đi giữa cái tấp nập của hoa chiều. Không nhớ rõ mặt người nào buồn nhất, chỉ nhớ thằng quan tư, thằng quan hai, thằng quan ba, cả ba đều buồn buồn. Hình như cả thủ đô có mặt tại chợ hoa, chỉ riêng ba người Hoa Kỳ lạc lõng đó là buồn thôi. Phải chăng đây là đang biểu lộ cái nguyên lý sự việc ở đời có giai cấp: cái gì ta bỏ thì địch giữ, cái gì ta vui mừng thì địch lo buồn.

Trong ba cái kiểu người có thể mỉm cười được ấy, có người đã nói nhỏ rằng nên tổng cổ mẹ nó ra khỏi chợ hoa đi. Thấy cả Hà Nội vui đón năm mới, chuẩn bị đón xuân mới, ba người Mỹ đó nổi buồn, nghĩ cái buồn của họ cũng chính đáng thôi, vì có thể giữa chợ hoa họ mới cảm thấy hơn lúc nào hết rằng người Việt Nam đang chiến thắng Mỹ. Và chợ hoa đây là chợ hoa của những người chiến thắng. Những gốc hoa, châm hoa, cành hoa, cứ mỗi mùa xuân phương Đông thì lại đúng kỳ hẹn mà trở về với những con người đã biết giữ gìn đất nước, và hoa quả của riêng mình. Có lẽ giữa chợ hoa này, chỉ này ra có ba kẻ khốn nạn Hoa Kỳ kia là "riêng mình nào biết có xuân là gì". Chiều Tết Bắc Việt Nam, họ xấu hổ, muối hay không muối, họ cảm thấy họ đã là, không còn nghi ngờ gì nữa,

những kè cướp dùng phản lực mà đắc tội với những mùa xuân bắn địa đây vốn chả định dập gì tới cái trời đất một nước Hoa Kỳ bót du côn đi thì cũng có thể có mùa xuân thật sự như ai. Hoa Hà Nội nở bạt ngàn phố phường ta, mà ba phi công Mỹ thì râu ria, vì trông hoa chu kỳ nở giữa mùa Tết, họ càng thấy rõ là thời gian thật ra không mày may ủng hộ Mỹ và các thứ quạ máy Hoa Kỳ. Tôi còn nghĩ rằng trong ba cái buồn Hoa Kỳ nọ - còn lồng vào một tí tha phương nhớ nhà nữa. Giá không ngu dại hám lợi mà làm thẳng giặc bay thuê, giết thuê theo hợp đồng thì cũng được ngồi ở một xó xỉnh Hoa Kỳ nào bên kia dương Thái Bình, cạnh vợ con hắn cũng có một cành hoa chứ lại!

Hà Nội giao thừa quanh hồ Trà Gươm, năm nào cũng trang trọng cái không khí nối năm. Thêm một tuổi đời ở ven hồ xuân nghe như trữ tình hơn. Quanh Hoàn Kiếm không lồng đèn điện vào tán cây cành cây nhiều như mọi lần có cuộc đua đón thời gian và tiễn cũ rước mới. Trái với những bầu trời giao thừa cổ điển bao giờ đêm tận cung năm cũng phải đèn ròn tán đi, đêm giao thừa đón xuân Mậu Thân trời đầy sao nháy nháy. Những ngôi sao những cái nháy mắt kín đáo và hữu ý gửi từ xa thầm về, như nháy mắt, bảo thầm cho mọi người sắp giao thừa chống Mỹ rằng, với cái xuân tươi mới đang tiến tới kia, những nguyện vọng lớn của mình sắp bùng lên thành tia lửa của sự thật

đây. Trên hồ đêm thấp đèn phòng thủ chống Mỹ, có tiếng tàu thủy chạy. Những ca nô máy tua quanh hồ, hành khách dạo hồ Tết toàn là các em nhỏ hoa niên các tinh đồng rừng đồng bể được vê chơi Tết thủ đô. Năm nay cũng khác với mọi năm, cả xe đạp, cả ô tô đều được tha hồ lượn quanh hồ, mỗi vòng hồ là hai ba cây số, ai muốn vòng giao thừa máy tua cũng đều là tùy ý tùy sức. Cái lạ mắt nhất là từ ngày tiếp quản, chưa bao giờ người ta chải chuốt, ăn mặc đẹp đến như thế để đi đón giao thừa, có gì mặc này, đem ra mặc hết.

Đài Sài Gòn trong kia nheo nhéo thông theo mà loan ra cái lệnh của bù nhìn cầm mọi người Tết không được đốt pháo. Người Hà Nội “ngựa xe như nước áo quần như nêm” mà lảng pháo giao thừa đang nổ, nó có một cái gì nghe khang khắc mọi năm. Chỗ chân giới phía Đông Nam bỗng lụp bụp, lụp bụp rồi những chấm lửa sáng bay vụt lên trời. Đã tưởng quân khốn nạn ác điếu Mỹ bắt trắc ấy vụt đến đánh lén, buộc cao xạ của mình phải khai pháo đầu năm. Nhưng đây chỉ là một vài xi nghiệp phía dọc sông đốt cày bông lè mà liên hoan giao thừa.

Quanh hồ Kiếm, ba người quan hai, quan ba, quan tư phi công Mỹ cũng đi một vòng, lặng lẽ mà nhòm mà ngóng. Trở về cái buồng khách sạn đã dành cho họ vừa được co tự dù, họ cũng ăn giao thừa, ban ăn

có những món thật là cổ truyền của mâm ăn Việt Nam dịp Tết. Họ nói với một người mình chạy bàn tại khách sạn: “Nếu Giôn Xon mà được phép đi bộ giữa phố Hà Nội xem nhân dân Việt Nam mua hoa Tết, và thức rêu vây ông đêm Tết như chúng tôi, thì ông ta sẽ lấy làm xấu hổ nhiều lắm. Hắn ông ta phải tận mắt thấy rằng người Việt Nam lúc nào cũng sẵn sàng đánh Mỹ xâm lược, nhưng không vì thế mà họ quên, hoặc bỏ mất hoa và những mỹ tục cổ truyền của họ. Giôn Xon cho là leo thang miền Bắc, bom đạn Mỹ sẽ làm cho con người ở đây khiếp sợ. Nhưng hôm nay, chúng tôi đã thấy rõ Hà Nội vẫn không quên Giôn Xon nhưng cũng rất phớt ông ta. Bao nhiêu Giôn Xon cũng không làm cho họ quên được mùa xuân hàng đồi hàng ngàn năm của họ. Lúc nào bắn súng thì họ bắn, lúc ngừng bắn dịp Tết, thì họ cầm vào cành hoa mùa Xuân. Thật là sự năng động có lô gích và thật là có văn minh”.

Sớm mùng một Tết, bọn tôi đốt bánh pháo xuất hành. Ra ngõ, đi thẳng lên nhà máy nhiệt điện Yên Phụ. Nâng cốc rượu khai xuân cùng anh em đại biểu công nhân nhà máy, thấy như rượu có một cái gì như là rượu tượng trưng, chúc mừng cho ánh sáng cả Hà Nội càng năm mới càng đánh tan mọi bóng tối Hoa Kỳ và Thiệu Kỳ. Leo lên sân thượng nhà máy đèn Yên Phụ, nhìn ra toàn cảnh hiện trường tội ác của không

quân Mỹ quanh nhà máy, quanh chùa Am, quanh khu Cửa Bắc, Châu Long. Nhà ngói khu này đứng cao mà nhìn, thật như bát úp, nhưng bát úp đã bị quân ác Hoa Kỳ lật ngửa và xô vỡ khá nhiều. Mà cũng thấy thảm hại cho Hoa Kỳ tự phong cho mình là hiện đại. Một cái nhà máy điện cổ lỗ sĩ dựng lên từ ba bốn chục năm thời đế quốc thực dân Pháp, nay ta cải tiến thêm, thằng Mỹ phải huy động các thứ vũ khí có cánh tối tần nhất để đánh phá, mà vẫn không đánh nổi. Mò vào tầm bắn của khu máy đèn, là ông diệt mày ngay, và bắt sống mày ngay.

Ngày mùng một Tết Mậu Thân, Hà Nội nỗi hai lần còi báo động. Lần đầu tiên người ta tưởng đây là nhắc khéo bà con trẻ già các nơi về ăn Tết thì, Tết xong, nên trở về chỗ sơ tán ngay. Nhưng đến lượt còi thứ hai, có nổ súng thật. Năm nay khai súng sớm nhỉ! Mọi người trân trọng xuống hầm, áo dài tha thoát xuống hầm thì dèn dàng hơn mọi ngày mặc quần áo ngắn. Trên nắp hầm lắp ló áo xanh áo đỏ, vẫn nhô nhô cái mũ rơm thường ngày chống bom bi. Ngày Tết người Việt Nam có tục kiêng chửi, nhưng đầu năm Mậu Thân, không ai là không một câu mà buột miệng chửi Giôn Xon giờ thói bắn rốc két vào ngoại thành Hà Nội chiều mồng một Tết.

Thê roi đêm mùng hai rạng mùng ba Tết, ta đánh luôn Sài Gòn và nỗi lửa khắp bốn mươi thành thị

miền Nam, lửa cháy hai bờ sông Hương hàng tháng ròng, và ta làm chủ Sài Gòn liền trong 29 ngày.

Tại cái buồng hành chính khách sạn có ba phi công Mỹ được tha đó, tấm bảng đèn vẫn ghi rõ “Hỏi vé máy bay cho ba giặc lái”. Họ vẫn nằm khàn theo dõi tin “Tết tổng Mỹ” và tin sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn bị đặc công ta đánh vỡ ngực ứa máu tim. Họ bồn chồn ngóng ngóng vé máy bay ta lấy cho, mong sớm được trở về phía bên kia dương Thái Bình. Nhưng sau Tết đến dăm bảy hôm rồi mà vẫn không có chuyến bay nào của Ủy ban quốc tế từ Sài Gòn bay ra Hà Nội. Họ vẫn đắn đắn chờ cái tàu bay ấy của họ. Sân bay Tân Sơn Nhất Sài Gòn bị ta đánh liệt, đường bay chưa biết hôm nào mới hồi.

Hà Nội, bước sang 1970

HÀ NỘI TA ĐÁNH MỸ GIỎI

Có cái vẻ như là Hoa Kỳ vừa đánh Hà Nội, vừa thử tài sức và trí lực của Hà Nội. Trong cuộc đọ súng đọ lửa với giặc Hoa Kỳ, quân và dân Thủ đô càng đánh càng phát huy truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc mình. Chắc tay súng, đúng tầm đạn, chiều 5 tháng 5 vừa qua, tất cả cờ súng Hà Nội có nòng và tên lửa không nòng đã quần cho Mỹ một trận tơi bời. Không lực Hoa Kỳ ăn đòn Hà Nội càng phải nhớ đời về trán đánh chiều 5 tháng 5. Trung đoàn Thủ đô trong kháng chiến có truyền thống đánh nhanh giải quyết nhanh trận địa như thế nào, thì chiều đó Hà Nội cũng giải quyết gọn các phi đội không lực Hoa Kỳ đang lao chí tử vào trời Hà Nội. Phóng vào túi đầu, đội hình Hoa Kỳ đều bị lửa đạn Hà Nội chè xé ra, đường bay rối loạn, rồi cút chạy, nếu chưa tan hết từng mảnh vụn. Chợ Ngọc Hà không phải là vở chợ, mà chính là xác thù đã vỡ tan trên một buổi chợ chiều: mớ rau, xóc cua đồng, mạt tôm riu đều nháy nhánh mảnh vụn đuyra F.105. Cô gái trại hàng

hoa vứt đó cái ô-doa sấp tưới vườn chiêu, cầm vội tay súng, và theo dõi trận mưa duyra đang phá vườn hợp tác hoa. Đây đó có những bông thược dược huyết dù bị thương đang bầm sắc, và luống hồng quế vẫn như cười gắt với nắng chiêu: "Sớm mai đây, người Hà Nội mua báo tường thuật chiến thắng, kèm với hoa hồng mừng công". Trận đòn Hà Nội đánh Mỹ ác quá. Vườn hoa, bãi chợ, bãi tha ma, ruộng rau, sân thóc, bờ ao cá, từ lề đường từ gác thượng, vút vút lên toàn đường đạn Hà Nội của cả ngoại nội thành. Mũ rom, mũ sắt lõi nhô khắp năm cửa ô đang sấm rền tiếng nổ pháo lửa của mọi ụ súng bốn phương tám hướng, và mọi bệ phóng đang trấn giữ mọi tầng cao. Súng nổ như đốt pháo "Tết ngày xưa, đã châm ngòi là cứ thế mà nổ tiếp sức hết phố Hàng Đào thì sang Hàng Bô, Hàng Buồm rồi đến Hàng Ngang và mãi mãi. Trong pháo rền, có những quả đùng lên giọng một cách thật là cao cả. Trên trời có đám mây vàng. Trên giữa trời thượng tầng thủ đô bùng nổ một đám khói năm sắc. Rồi là khắp các mặt hầm hố hào, người ta đều nhảy cẳng mà reo "Trúng rồi". Biết là thằng Mỹ đã trúng tên lửa, một người có vẻ thành thạo : "Khôn hồn nó phải bấm dù vọt ra ngay thì may ra còn sống".

Chiều tên lửa đó là 26 tháng ba ta, cây Hà Nội đang thay lá đợt gió cuối cùng để chuyển mùa xuân trên đất Thăng Long. Tuyến lửa Hà Nội chiều 5/5 như

gây thêm gió bão và kéo thêm lá cây xuống mặt đường phố thủ đô chưa nổi còi báo yên. Trong ba mươi ngàn tám trăm chín mươi sáu gốc cây tươi phô Hà Nội, cây sà cù Phi châu và cây sáu rụng lá nhiều nhất, giúp thêm chất đốt cho bữa cơm chiêu của Hà Nội hôm nay ăn muộn hơn mọi chiêu không có tàu bay Mỹ. Lá sáu lá sà cù vẫn rụng quanh một cuộc họp của Ủy ban Điều tra tội ác Mỹ bị dứt quãng vì báo động. Giặc Mỹ đã tan chạy, lại họp tiếp. Các nhà thông tin và ngôn luận quốc tế liền xúm quanh một tang chứng mới nhất vừa nhặt được một cách rất kịp thời trên mặt bãi chợ nội thành. Ấy là một mảnh tàu bay mang phù hiệu Hoa Kỳ vừa bắn tan ít phút cách đây giữa trời Hà Nội. Mảnh Hoa Kỳ đó chưa nguội hết mùi tên lửa, còn khét nồng mùi chiến trận Hà Nội vừa tạm kết trong ngày. Tất cả những đàn chim bắt sáu bay tán loạn nay đã trở về tổ yên. Tin chiến thắng cho biết là ban nãy Hà Nội ta hạ được 7 chiếc Mỹ. Sáu già sáu non các đường phố Hà Nội vẫn trút lá. Trong gió lá reo, nghe như có tiếng lao xao thủy triều của Hải Phòng thân cận, và của Sài Gòn, Huế kết nghĩa cũng đang nổi gió mùa khô.

Trong một quán bia bơm cạnh Hồ Kiếm, chú bé bán lạc rang vừa bốc lạc, vừa biếu tôi hàng năm mảnh đạn vừa nhặt được ban nãy ở quanh các hầm ngay bên hồ kia. Mấy anh bạn phiên dịch cũng móc túi cho

xem những mảnh đạn nhát được ban chiếu giữa sân khách sạn Thông nhất. Vài ông già phục vụ nước sôi các khu phố có vẻ bân tâm về trận đánh buổi chiều “nó ném trúng vào nhà máy phích nước. Thế phich nước cũng là mục tiêu quân sự của thằng Giôn Xon hả ông?”. Quán bia đông mai, người Hà Nội hôm nay có vẻ khát nước tỳn. Một anh ban nhặt trình khoe riêng với tôi, “Mai có cuộc họp báo thật sớm. Chắc thế nào cũng được xem cái bọn qui khách lái may bay hỏng. Nghe đâu tóm hết và đang lùa nó về”.

*

* * *

Buổi chiều song ngũ 5/5 (1967) đánh giặc Hoa Kỳ đáng ghi nhớ ấy, chiến lợi phẩm sống của Hà Nội là một quan hai Mỹ và hai quan năm cũng Mỹ. Thằng hai Dêm Risa Savoli đâu nhỉ? Nó ngủ. Vâng, kệ nó, thôi. Thằng năm Dêm Linborthiu cũng ngủ. Vâng, thôi. Tôi gặp thằng Gioocđơn Anbe Lạc Xon đang lim dim ngồi trên ghế đầu trong phòng lấy cung. Bên cạnh ghế đầu là một đôi nạng gỗ trắng mới tinh. Phải, sớm hôm 6/5/67 vừa qua, được đưa ra trình diện tại cuộc họp báo trong nước và cả nước ngoài, tên trung tá ăn cướp Lạc Xon này phải có hai người xốc nách nó, đưa nó lê cái chân băng bó và cái quần kaki Mỹ xoạc ống tiến

vào phòng họp. Nhưng sao mặt nó không giống với
anh nó đăng mới đây trên tất cả báo miền Bắc nhỉ?
Anh nó mặt cui gầm nhẵn thín, mắt gườm gườm. Böyle
giờ thì râu ria xóm xoam. Mắt, mũi, mép, lầu cá. Tóc
nâu nâu râu ngô, trông hao hao Victo Frăncen kép hát
bóng chuyên đóng Tây già đẹp mã, có lúc lại tò tò tên
sĩ quan Bạch vệ phim "Người thứ 41".

Cứ theo đúng như tin của hãng Anh thông tấn Roitơ thuật lại lời người phát ngôn Mỹ "cho biết 3 chiếc F.105 Thần Sấm của Mỹ đã bị bắn rơi. Tất cả ba phi công này đã bị mất tích", thì như thế là, giữa phút này, giữa cái buồng nhỏ này, tôi đang ngồi đối diện với một "người mất tích". Trung tá Lạc Xon, chỉ huy phi đội F.105 D tấn công Hà Nội chiều 5/5 nay được Mỹ liệt gọn vào loại mất tích. Cứ cái cách nói Hoa Kỳ đó trong hơn hai năm phá hoại miền Bắc, vậy thì đã có độ bao nhiêu sĩ quan phi công Hoa Kỳ mất tích mà vẫn được sống lù lù tại Bắc? Tôi chỉ biết rằng những thứ giặc bay gọi là mất tích đó, hiện vẫn ăn uống đều đẽu, ngủ ngày đều đẽu, và thỉnh thoảng tôi vẫn có dịp gặp những người "mất tích" Hoa Kỳ để nói chuyện chiến tranh và hòa bình. Và đêm gần đây nhất, tôi nói chuyện tay đôi với Lạc Xon, người mất tích móm nhất trong bảng khai tử của không lực Hoa Kỳ.

Trung tá Lạc Xon đã nhìn thăng về phía tôi mà nói:

- “Tôi không đánh Hà Nội”.

Á à, câu mở đầu của người quan năm chỉ huy cuộc đánh phá Hà Nội kia là một câu chối cãi! Được, nhà ngươi cứ chối, không một người Việt Nam nào, không một người Hà Nội nào ngạc nhiên chút nào về bất cứ câu chối quanh, câu nói bừa nào của hiếu chiến Hoa Kỳ.

- Người quan năm kia, hãy nghe đây nguyên văn bản tin ngày 6/5/1967 của Jacques Moalic viết cho hãng thông tấn nước ngoài AFP : “7 máy bay Mỹ bị rơi trong 30 phút báo động. Tôi thấy một chiếc máy bay Thần Sấm nổ tung ngay trung tâm thành phố trước khi phi công có thể nhảy dù ra. Các sĩ quan Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế nói họ thấy 3 chiếc máy bay Mỹ rơi sau khi bốc cháy”. Anh có ý kiến gì về bản tin Pháp này.

- Tôi không đánh Hà Nội.

- Thế thì ai? Ai? (tôi định bảo: thế thì là chó à, nhưng tôi đã ghim lại). Ủ thế thì máy bay của ai?

Thằng “mất tích” Lạc Xon đã không trả lời, lại còn xược mà “xin phép” hỏi vặn lại:

- Thưa giáo sư (từ lúc bắt đầu cuộc nói chuyện, cái chiến lợi phẩm sống của Hà Nội chiến thắng ngày 5/5

là quan năm Lạc Xon vẫn gọi tôi với danh vị giáo sư đại học, vì người ta đã giới thiệu tôi là giáo sư văn khoa để tiện bề chuyên văn), tôi muốn được biết tại sao giáo sư cứ hay hỏi về vấn đề đánh vào Hà Nội?

- Tại vì ta là người Hà Nội, tại vì ta làm việc hằng ngày ở Hà Nội. Tại vì nhà ngươi đã bay vào Hà Nội, bắn phá và cắt ngang vào những việc ta đang làm hôm đó... À à, anh lại còn muốn được biết, lúc anh bỏ bom thì tôi ngồi ở đâu à? Tôi ngồi ở giữa Hà Nội đây để tận mắt và sốt sắng ghi lại những tội ác của bọn tội phạm chiến tranh Hoa Kỳ.

- Thưa giáo sư, tôi không đánh Hà Nội. Tôi được lệnh/ ném bom xuống phía Tây Hà Nội, vào một khu vực gồm ba nhà máy và một cái kho.

- Đúng, ba nhà máy và cái kho đó là tài sản của Hà Nội đây, và xây dựng đúng trên đất Hà Nội đây. Anh mù dốt về địa lý Việt Nam, về địa lý thủ đô Hà Nội, mù dốt thật sự hay là mù dốt giả vờ, cái đó là việc của anh. Nhưng cái rõ nhất ở Giòn Xơ là rất hèn nhát, thường gây tội ác với nhân dân Hà Nội và luôn luôn chối cãi. Cái mục tiêu anh bắn phá đó là trong chu vi Hà Nội, nhưng bản tin Hoa Kỳ các ngươi lại ám ở gọi là “trại lính Hà Đông”.

- Thưa, tôi chưa bắn phá gì. Đây là bom đạn của những chiếc khác trong phi đội tôi. Tôi mang 6 quả

bom mỗi quả 375 ký. Tôi chưa ném gì thì các ông đã bắn trúng tôi... tôi biết chứ. Đúng là tên lửa. Tàu bay tôi bị hất tung lên, tên lửa của các ông nổ sát sườn tôi. Lúc ấy tôi bay cao 5.500 thước... Trước lúc đó, chiếc số 4 yểm hộ phía đuôi tôi bị thương đã vọt dù ra. Máy dày đặc, nhưng tôi vẫn bay vòng lại để theo dõi cái dù số 4 đồng đội. Dù của tôi xuống nhanh, và vừa mới chạm đất, thì đã có bốn người các ông chia súng vây lấy tôi.

- Cho biết cảm tưởng của anh về cuộc họp báo sớm hôm sau cái ngày anh bị bắt?

- Rất có ích cho tôi, vì qua cuộc họp báo này, nhờ vào sự công bố và đăng ảnh về cuộc họp báo này mà gia đình tôi sẽ được biết tin về tôi.

Đến đây tôi thấy buồn cười cho cái lối phán ứng chiêu lệ của những người phát ngôn Hoa Thịnh Đốn hay rầm rì thế này thế nọ, mỗi khi ta đưa bọn phi công Mỹ tội phạm chiến tranh ra mắt các nhà báo tại Hà Nội. Họ bảo như thế là không lịch sự, là xử sự chưa hợp pháp đối với binh chiến, sĩ chiến Hoa Kỳ. Những thằng ăn cướp, những thằng xâm lược giết người lại di định ra pháp luật, lại hay bàn về hợp pháp cùng là bất hợp pháp! Nó lại còn bô lô bù loa một cách rẻ tiền đối với sinh mạng bọn phi công đánh thuê ma chính nó đã từng gọi là m(&:t tích trong các

bảng khai tử của nó. Và chính người mât tích Lạc Xon thì lại lấy làm bằng lòng vì đã được đưa ra trình diện tại cuộc họp báo Hà Nội : "Nhờ cuộc họp báo này, gia đình tôi sẽ được biết tin tôi".

- Anh hãy kể ít nét về gia đình và thân thế.
- Tôi có vợ. Chưa có con. Vợ tôi hiện nay ở với mẹ. Tôi quê ở thành phố Uy Na Nô, bang Đại Hô. Học ở trường cao đẳng, sau học thêm hai năm trường sư phạm. Vùng quê tôi và toàn bang đều giỏi bóng tròn, bóng bầu dục, nhưng riêng tôi thì tôi thích đánh bóng côn cầu. Tôi thích âm nhạc, thích lái ô tô, thích câu cá... Tôi cùng một tuổi với trung tá Hin bị bắt cùng một ngày với tôi đó, tức là tôi 40 tuổi.
- Tuổi bay của anh được bao nhiêu rồi? Anh vào không quân Hoa Kỳ từ bao giờ? Bay những đâu.
- Tôi đã bay ở Trung Âu, ở Anh, ở Pháp, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, ở Nam Phi châu, ở Nhật Bản cách đây mười năm. Và bay khắp cả Liên bang Hoa Kỳ rồi.
- Anh bay ở Việt Nam và bay qua Hà Nội bao nhiêu lần?
- Tại Bắc Việt Nam, tôi đã hai mươi lần bay qua các tỉnh phía trong. Phía trên này, bay qua sáu lần. Và đã ba lần thấy con sông Đò bên cạnh Hà Nội (xin chú ý là quan năm Lạc Xon hết sức chối và tránh đụng đến vấn đề không phận Hà Nội, trong câu

chuyện bay nó hay lái sang bên cạnh Hà Nội. Gọi đến sông Đỏ, ý hắn ta muốn nói Sông Hồng).

- Anh biết những gì về Hà Nội ?

- Hà Nội là một thành phố không to, mà tôi không nhận được lệnh san bằng. Ngoài điều đó, tôi xin lỗi giáo sư là tôi không biết gì lắm về thành phố yêu quý của giáo sư.

- Trở lại cuộc đời bay của anh đi.

- Tôi bay gần được hai chục năm, vào không lực Hoa Kỳ năm 1948. Nếu tôi không bị tên lửa của các ông, thì đến tháng 8/1967 này, tôi sẽ được về hưu. ..

- Trong tình hình Hoa Kỳ khủng hoảng người lái máy bay, và trong tình hình Hoa Kỳ cù nhầy nói hòa bình để kéo dài chiến tranh xâm lược, và nếu anh không bị chúng tôi kéo xuống Hà Nội thì anh có vẫn tin là anh sẽ được về hưu đúng thời hạn tháng 8/1967?

- Nếu không bị bắt, tôi không rõ sẽ còn bay bao nhiêu nữa, nhưng cứ đến tháng 8/1967 này là tôi về hưu. Tính cả những phút bay cuối cùng của tôi ở gần Hà Nội vừa đó tổng cộng đã bay được 5250 giờ bay. Tôi thiểu một phi công Hoa Kỳ chỉ phải bay có 3000 giờ thôi.

- Sau chiến tranh, nếu được trở lại bang Đại Hồ quê anh, khi anh được về hưu khỏi không lực Hoa Kỳ,

thì anh sẽ làm gì? Sẽ chuyển sang lái máy bay dân dụng?

- Không, một ngàn lần không, tôi nhất định không bay tí nào nữa. Với những số tiền tôi dành dụm được trong hai mươi năm bay, tôi sẽ hùn vốn đóng tàu thủy. Mở xưởng đóng tàu thủy du lịch. Tàu thủy du lịch chạy trên sông Mit Xít Xi Pi - chảy qua quê tôi. Quê tôi nhiều gỗ tốt. Quê tôi Uy Nô Na cũng ở cạnh bờ sông lớn, cũng ở hữu ngạn sông như Hà Nội của giáo sư...

Bỗng nổi lên tiếng còi báo động đêm, đèn trong phòng, đèn trong trại tắt phut. Tôi xin phép đồng chí cảnh vệ cứ cho tôi ngồi làm việc tiếp với tù Mỹ, trừ phi tình hình căng nữa thì mới ra hầm ngoài. Cái đèn bấm của tôi pin đã yếu, le lói trên trang số tay. Hừ, trung tá Lạc Xon chỉ huy trận ném bom Hà Nội, nay bị cầm tù thì lại bàn về ngày mai đây hòa bình kiến thiết đời riêng của mình như thế nào.

- Trung tá Lạc Xon, nếu bữa nọ anh không bị tên lửa, mà tôi lai là người nhận đúng những bom phá và bom bi của anh, thì chắc chắn là không thể nào có cái buổi tối này tôi ngồi nghe anh bàn tính chuyện hòa bình mai sau... Tôi lại hỏi thêm anh câu này: nếu cái buổi chiều Hà Nội 5/5 đó, anh không bị bồ nhào xuống đất Hà Nội để buổi tối nay anh lại vẫn tiếp tục bay

vào trời Hà Nội đang báo động kia, thì anh có dám trả lời rằng anh hăng vắn sắn có trong đầu anh cái mộng đồng tàu thủy hòa bình du lịch đó không?

- Tôi muốn giáo sư đừng hỏi tôi như thế nữa.

Trong bóng tối báo động, thằng tù Mỹ và tôi ngồi thầm mà nói thầm.

Bỗng còi yên nổ lên. Ánh sáng nhắc tôi hỏi hắn về một số chi tiết bỏ sót ban nãy:

- Anh ở căn cứ Kò Rạt Thái Lan bao lâu?

- Được năm tháng. Từ Nê Va Đa chuyển tới.

- Cái đêm cuối cùng của anh ở Kò Rạt như thế nào?

- Khác với đồng đội tôi, tôi đi ngủ sớm. Nhưng giấc ngủ căng thẳng, đứt quãng. Thời tiết đêm đó không tốt. Nhưng trời không tốt rồi trời lại cứ tốt. Và trời tốt thì lại phải bay sang Việt Nam.

- Trái bom đầu tiên của anh ném xuống Bắc Việt Nam đã rơi vào khu vực nào?

- Trái bom đầu tiên của tôi ném xuống đèo Mụ Da. Để cắt đường. Ngày 29 tháng mười một 1966.

- Trước giờ bay từ Kò Rạt vào đánh Hà Nội, anh được biết nhận nhiệm vụ phá hoại của anh trước mấy tiếng đồng hồ.

- Biết trước khoảng một tiếng.

Phi đội Thân SáM do tên trung tá Lạc Xon chỉ huy bị hạ 7 chiếc buồi chiếu, và phi đội trinh sát vũ trang Hoa Kỳ bị hạ một chiếc buồi tối cùng ngày 5-5, đã nâng số lượng phản lực Hoa Kỳ, rụng tại mặt trận Hà Nội lên thành con số 76. Trong một ngày ấy, Hà Nội hạ 8 chiếc, tóm 3 thằng, đánh đã nhanh, mà bắt cũng gọn. Thật là nhanh nhiều, tốt, đắt! Giặc Mỹ trả giá đắt về chuyến đi ăn cướp vừa rồi. Mặt trận của thương tầng Hà Nội buổi đó thiệt là dữ và cũng thiệt là đẹp mắt. Tên lửa nỗi đám mây vàng làm nổ tan hàng chùm giặc, giặc rụng lá tả xuống như một cơn mưa đá. Trận đánh chỉ diễn ra trong có 9 phút. Buổi tối tên lửa lại nổ, đò lù lù như con mắt thần đang lùng bắt địch. Những làn chớp chụp ánh đèn một triệu nến sáng của phi công trinh sát Hoa Kỳ chớp chớp được mấy cái, rồi tắt ngấm. Các cờ súng ta, ban đêm càng rõ nét các đường đạn Hà Nội bắn chéo cánh sẻ. Chưa đêm nào, Hà Nội bắn dữ như vậy. Sao lửa sao màu từ mặt đất vọt lên giữa một trời sao sa ngàn vạn mảnh. Nó lại còn như một cuộc đốt cây bông toàn thành để ăn mừng chiến thắng. Để đón mừng trước tấm huân chương cao nhất mà tối hôm sau nữa Hà Nội mới chính thức tổ chức lễ mừng công.

Tôi đi giữa Hà Nội hôm nay đã chơi thăm tấm huân chương Đức lập hang nhất. Giữa Hà Nội, thành phố của cây sầu (Hà Nội điển hình về cây sầu, cùng

núi Sài Gòn là thành phố của cày me), những gốc sầu
vẫn tiếp tục rụng lá cũ, ra lộc mới, vừa nở hoa trên
trời, vừa vài hoa đây đât. Nhưng ở những cột đèn
đường gần các gốc sầu cổ thụ của Thăng Long đât cũ,
đã thấy thương lên những tâm biến ăn mừng: "Hà Nội
phản khởi đón mừng huân chương Độc lập hạng nhất
thi đua lập thành tích mới". Bên các gờ hố cá nhân
mở nắp, trên các lề phố, trước cổng các cơ quan, trên
mặt đường nhựa, từ khắp năm cửa ô trở vào, hoa sầu
vẫn nở vẫn vâng vương khắp thủ đô tung bừng chiến
thắng. Trắng tròn như hạt nếp hạt dẻ đầu mùa, hoa
sầu kéo dài con đường, hoa nhiều quang cộm hẳn lên
như cót gạo nào của khu phố bung vãi ra. Như là vừa
có đoàn dân công phu nữ nào mới gánh gạo khao quân
qua đây, vừa hồi hả trèo qua, gạo mừng công bị đánh
sóng ra hàng yến hàng tạ trên khắp mặt phố đang
vào hè. Tiếng ve sầu đầu mùa cưa đều vào không gian
Hà Nội, cảng thời gian ra mà cưa miết vào.

Hà Nội, ngày Phật đản
16-5-67

NHỚ HUẾ

Nhớ Huế, có lúc tôi lần chần nơi hè phố Hà Nội mân mê những đôi dép lốp cao su đen quai chéo, đúng kiểu Trị Thiên Huế đã chế tạo ra nó từ cuộc kháng chiến đánh Tây lần trước. Hà Nội đã khôi người đi giày, nhưng đôi dép lốp Trị Thiên vẫn rất nhiều trên đường phố Hà Nội. Mười lăm năm trước đây, tôi chơi nhà một anh bạn người Nga quay phim, tại nhà anh ở một khu phố Mạc Tư Khoa, trong phòng khách thấy một đôi dép lốp Trị Thiên quai chéo treo bên cạnh chiếc nón bài thơ Huế. Và tôi biết có nhiều bạn Ba Lan từ ta trở về nước, cũng đem theo một đôi dép chiến lợi phẩm Huế đó về làm lưu niệm chuyến đi công tác sang Việt Nam. Đôi dép Trị Thiên Huế ngàn vạn dặm vẫn ngày ngày làm vui mắt vui chân người bộ hành trên đường phố Hà Nội.

Kết nghĩa tử sinh với Huế, Hà Nội thật đã chi tinh. Một con đường trực chính Hà Nội, con phố động mạch của thu đô mang tên là phố Huế. Mỗi lần đạp

xe qua ngõ Huế, phố Huế với một cái mõm sắt chống bom bi, tai vẫn lắng nghe cái tiếng mõm còi báo động, mà lòng thì bồi hồi bồi hồi một nỗi niềm “Kim Luông, Nam Phố nước đổ về Sinh. Đôi đứa mình dẫu có làm rãng đi nữa, cũng không đánh quên nhau”. Tội ác của Mỹ đối với thành phố Hà Nội triệu phú (sinh lực thủ đô ta đã vượt quá một triệu tâm hồn), cũng mở đầu tội trạng bằng một quả rốc két phóng vào ngõ Huế. Rồi Mỹ tiếp tục ném bom phá giữa phố Huế, một buổi sáng các thầy cô giáo khu Hai Bà họp bàn về các lớp sơ tán, và ở tầng dưới đất, thì nhân dân đang xếp hàng trước hiệu thuốc tây hôm ấy bán các thứ ống thuốc sinh tố. Buổi sáng mùa hè đói đói nguyên rúa Mỹ đó, hàng chục hàng chục người phố Huế đã không được làm người Hà Nội nữa. Cô Dung mâu dịch vẫn đóng rượu cho tôi, anh Hóa cà phê chõng nức tiếng via hè Hà Nội cũng mất tích giữa một vùng tội ác Mỹ nơi phố Huế bay nóc mất gác.

Nức lòng với xuân Mậu Thân, Sài Gòn hẹn với Huế nhất tề đứng dậy cùng trong một đêm Tết mà nỗi lửa đốt rụi sào huyệt Mỹ ngụy, Hà Nội ngàn năm như trè lại trong một mùa. Hà Nội đã sống những đêm xuân không thể nào chợp mắt nổi trước khi gà gáy sáng. Trong những cảnh xuân giá buốt thao thức, bà con đồng hương Thừa Thiên Huế mình lại càng khó ngủ. Nhiều thanh niên Ha Nội, nhất là thanh niên

đường trục phố Huế, sục tới các hiệu sách mà tìm lục sách địa lý Huế.

Tôi vẫn sùm sụp cái mũ sắt đi xin được mà đạp qua phố Huế, lòng vui lúc này vẫn không hết bồn chồn một nỗi đường trường. Tính về thời gian thì đã hai mươi mấy năm nay tôi không lộn lại Huế. Tính về không gian, thì từ đây vô đó, từ ga Hàng Cò đây, rồi liền sát cầu sắt Trường Súng đó là ga Huế, thì mất đúng 688 cây số đường xe lửa. Bao giờ nối lại đường sắt xuyên Việt? Ý niệm của tôi đối với sự nghiệp thống nhất thiêng liêng lâu dài không lúc nào nguôi gắn nó một cách cụ thể với hình ảnh con đường sắt âm âm hối hả sự sống ba miền.

Giữa phố Huế của Hà Nội sơ tán, thấy dòng phố như một dòng sông Hương, và thấy xe đạp chậm của mình đang như một con đò trôi miết trên dòng. Chao ôi, quên sao được sáu nhịp cầu Thành Thái và quên sao được những tiếng súng giờ giác của thành Huế thanh bình giả vờ thủa đó. Cụ Tú Hải Văn đã có những câu nhớ Huế:

*"Giā viēn cāy cō chiēu êm giō
 Lāng tạ lāu dāi lūc tānh māu
 Con sōng cō nhōr ta chāng
 Ta vē ta nhōr cái thāng đò đua..."*

Tôi nhớ Huế thì tôi tua quanh Hà Nội tìm các bạn Huế xưa và hiểu thêm về Huế nay. Chị Mừng nhắc tôi cái tính hiếu sắc (màu) của Huế. Áo, khăn, quần, rất là nhiều màu, từ màu lạnh tới màu ấm, từ màu nhẹ tới màu gắt, với bao nhiêu là tên màu nó gọi cảm tới cái mức sáng tạo ngôn từ. Màu trên phục sắc, mà trên mâm ăn lại càng phải nhiều màu. Có cái vẻ như là người sông Hương non Ngự thì ăn bằng mắt nhiều hơn là bằng miệng. Những cái đĩa nhỏ nhở, những cái chén xinh bé, trên đó sắc màu của miếng chín hài hòa như giữa một tranh tĩnh vật ngon lành. Phía sau mâm tranh màu, có tấm bình phong gỗ quý, và tháp thoáng sau bình phong là nữ chủ nhân đang nhẹ nhàng ý tứ theo dõi khẩu vị từng người, tiếp tục đưa thêm ra những đĩa màu mới ngũ sắc, bách sắc. Trước thêm nhà kiều bánh ú, cũng vẫn phải bình phong trà tầu (duối) nữa, để trước khi khách thấy chủ nhà, thì chủ nhân đã nhận ra khách trước mà đơn đả xuống thêm rước vào bàn cỗ màu. Cha tôi đã cho tôi theo đi ăn cơm tại nhà một bà thập lục đời nổi danh. Nghe đồn xong, thi ăn cơm muối, thật là cơm muối theo cái nghĩa đen chật hẹp của nó. Chỉ cơm và muối. Muối rồi lại muối. Trong lòng mâm đồng tam khì, bày đủ mười hai đĩa muối. Nào là muối riêng, muối tỏi, muối ớt, muối tiêu, muối hột phộng, muối sòi sườn, muối mè v.v... Bữa cơm đậm đặc nhai rất thông thả nơi nhà bà

đờn để lại cho hai cha con tôi một dư vị mà sau này bao nhiêu thịt cá yến tiệc cũng không làm cho tôi quên được cái đậm đà có tính cơ bản, rất bình dị mà lại rất kiểu cách, rất là muối Huế đó. Và chép miệng mà thấy rằng cũng chỉ có ở Huế đó, thì muối trắng mới dù mùi dù màu như vậy, thì sự tung bắn mới đượm mùi trang trọng tinh tế như vậy thôi. Sau này lớn lên, săn tàu tốc hành xuyên Việt lần nào ghé Huế, tôi đều hỏi tất cả các "cu" lái trên sông, tất cả các "cụ" xe trên bộ về người cho ăn "muối thập nhị sứ quân" đó. Thấy rọn rợn mà dội về những câu thơ trắng Huế của Hàn Mặc Tử. Trong dư vang tiếng súng phong trào Thừa Thiên Huế mở đầu năm 1968, thấy con xao xuyến nơi lòng mình nào là đò tuần hò ô cơn gió phá; nào là mái đầy trận mưa cồn; súng nổ mở cổng thành và sáu nhịp cầu Tràng Tiền rạng dần lên như ba cặp lông mày trắng thần lăng mạn nào đang soi mắt vào sông mồi. Thế rồi chuông chiêu chùa Diệu Ðế bốn lầu mà chỉ còn ba chuông. Khách sạn Huế toàn phát triển sào chông và bơi chèo; nón bài thơ che mặt mà nhẹ nhệ đỗ bén tòa Khâm; thuyền sông Hương không bao giờ kéo buồm dù cho gió có thuận tối mây; và xe tay mắc lục lạc đồng, ý chừng để nhớ đến những con ngựa đã được thế bằng mạng người. Thế rồi cái lồng áp xo ro, cái áo tơi ống, cái áo tơi cánh gà, cái áo tơi đót lá dăng, với những bước ngắn ngắn kéo dài guốc gỗ mắc

dưới rặng mù u. Thép rồi mưa Huế, mưa thuí cỏ, mưa thuí đất. Nhưng hôm nay nhớ Huế mưa xưa, lòng bừng hàn lên một thứ nắng mới của Tết Huế đánh Mỹ.

Nhớ Huế, tôi đã bao nhiêu lần tha thân một cách bồi hồi suốt dọc bờ bắc con sông tuyến, đi từ vùng đạo biển Di Loan lên phía đạo rừng Phước Sơn dòng tu ép xác. Nhìn cái nền ga xe lửa cũ chỗ ga Tiên An đó, mà thấy như có thể chỉ hôm sau thôi, chỉ ngày mai thôi là tàu của tôi lại đã thét còi vang mà chạy, chạy mãi vô Huế, vô Sài Gòn, y như là tôi đã ngồi lên nó ngồi trong nó mà qua đây trước kia, lúc bấy giờ vĩ tuyến 17 chưa là giới tuyến và cầu Bến Hải còn là phà Hiền Lương. Bèn nổi lên trong đầu mình tất cả bấy nhiêu cái ga với tên từng cái với hình thù to bé của riêng từng ga, trên suốt cái tuyến ga giới tuyến Tiên An này tới Đà Nẵng Cửa Hàn. Nào là ga Tiên An - ga Hà Thanh - ga Quàng Trị - ga Mỹ Chánh - ga Hiền sỹ - Ga Văn Xá - ga An Hòa - ga Huế - ga An Cửu - ga Hương Thủy - ga Phú Bài - ga Nong - ga Truồi - ga Cầu Hai - ga Nước Ngọt - ga Thừa Lưu - ga Lăng Cô - ga Liêu Chiểu - ga Nam Ô - ga Tua Ran (Đà Nẵng).

Tiên An đây cách ga Hà Nội phía Bắc đúng 599 cây số. Đà Nẵng là cây số 791. Và xa tít trong nữa là Sài Gòn rồi, sau khi qua nhịp cầu sát Bình Lợi đó, là đã cột mốc tiêu cây số 1.758 của dung Sai Gòn rồi!

Bao giờ nỗi con đường xuyên Việt, mà thống nhất
 tuyên đường sắt chạy qua ba miền thân yêu ruột rà!
 Bao giờ thiết lập được trên đường đi đó một thứ vé,
 một thứ tàu, một thứ trật tự của một con đường đã
 thống nhất!

Ngôi thu lu trong cái xuồng máy dành cho phân
 ban Uỷ ban Quốc tế tuần tra hai bờ sông tuyến mà
 càng thấy nhớ Sài Gòn, thấy nhớ Huế như là không
 có gì có thể làm cho mình khuây khỏa được chút tắc
 lòng đó!

Vậy là ngay trong đêm đầu tiên đánh Huế dịp Tết
 vừa qua, trên thành Huế mình, ta đã cảm được cờ của
 ta lên chính giữa kỳ đài. Lá cờ Mặt trận dân tộc giải
 phóng rộng chín mươi sáu thước vuông, thượng lên từ
 trong đêm, đã lồ lộ vào lúc tan sương trên mặt thành
 nổ súng. Gió phá ngoài Cửa Thuận càng thổi vào phía
 núi, càng phát mạnh khí thế cách mạng, và lá cờ mẹ
 phần phản trên mặt thành càng vẫy gọi ngàn vạn lá
 cờ con cùng một lúc dựng lên khắp các chợ, các bến,
 các phố, các cầu, các chùa. Đò sông Hương các vạn
 chài, vạn Trường Súng, vạn Thương Bạc, vạn Lợi
 Nông, vạn Đập Đá, vạn Cồn Hến đều nổi hết cờ lèn,
 có đò cảm tới hai cây cờ, mũi một lá, cuống lái một lá.
 Đò ối mặt sông Hương. Những luồng cờ di động sông
 Hương đang rực cháy cả hai bờ, lại càng nóng sôi lên
 vì cờ huyết. Một con sóng vẫn tượng là yên lành bỗng

thành một con sông máu, trên sông đang bơi bơi, vò số là hồng huyết cầu. Cách đây mới có mươi tháng, đúng hôm Tết Lao động quốc tế 1/5 năm 1967, cờ đỏ mới chỉ xuất hiện trong có một buổi trên phía núi Ngự Bình mà bà con mình ở phố, ở rú, ở phà, ở bến, ở khắp sáu huyện Thừa Thiên cũng đã lấy làm thỏa lòng lâm rồi. Huống chi Tết này lại đang hoàng mà nỗi cờ lên giữa vòng Đại nội quân ta mỗi lúc mỗi dồn địch vào từng góc mặt thành, vào góc chàm thành mà diệt gọn. Có những chiến sĩ, những dân quân vừa tiến lên, vừa nhìn lá cờ mà khóc, khóc một cách thật là tự nhiên như là người ta thương sa lè mỗi lần được đột ngọt bắt gặp lại hạnh phúc. Trời màu ghi của xuân Huế càng vào lúc đứng bóng, càng làm tôn mau cờ trên kỳ đài. Ngàn ngàn cánh tay cùng chò về một phía, ngàn ngàn cặp mắt Huế cùng hướng về một điểm. Chà, cờ ta “ác” hung! Đứng ở ngoại thành cách Huế hai mươi cây sô mà vẫn nom rõ mười mươi lá cờ. Cách mạng của mình đang rung đều trên mặt thanh trước Đại nội.

Chỗ cửa Đông Ba, hàng xóm người đang leo lên mặt thành mà coi cờ cho sướng mắt. Ai bắn cứ tiếp tục bắn giặc, ai tài thương cứ tài, o mô nấu cơm tiếp tế trong các lồng công phô cứ nấu, còn ai chưa biết làm chi cả, thì phải đi coi cờ. Có ba mẹ nói như tuyên bố rằng coi cờ xong đã rồi mới đi chì mạt ác ôn điểm diệp giúp

các anh chị ở Ủy ban nhân dân Cách mạng Thừa Thiên Huế. Trên mặt thành tuy đã đủ cao để thấy cờ của mình, nhiều người vẫn cứ kiêng cả hai chân lên. Áo quân bữa đó thôi là đủ sắc. Mau rêu màu cỏ chiến đấu, màu xanh công nhân, màu nâu màu đà. Và nhân dân dịp Tết ai có chi mặc này, kéo nhau đi xem cờ với quần áo đủ các màu tàn nhang, màu khói hương, sắc lam chìm trà xanh cõm tim than, tím hương, quan lục, hóa hoàng. Có những cụ đang ôn lại cho lũ con cháu quay quần trên cửa thành Đông Ba về chuyện Huế tổng khởi nghĩa ngày 23 tháng 8 - 1945, hồi 3 giờ chiều mươi lăm vạn nhân dân mít tinh ở bên sân vận động, và cờ đỏ sao vàng cắm trên cung cầu kỳ đài Ngo môn đô nơ. Cờ sao soi xuống Sông Hương, bến Phú Văn Lâu chưa khi nào đẹp tới vậy. Rồi băng đi hai mươi hai năm sau, chờ mới lại tung bay giữa mùa xuân Huế!

Phóng viên Mỹ Alvin Webb Junior ở bản tin UPI, cũng nói về lá cờ tình cảm cách mạng đó của nhân dân Huế: "Cờ vẫn bay trên cột cờ chính của đế đô này. Linh Mỹ đang thê thảm nó xuống cho băng được, hoặc là bắn gục nó đi". Một phóng viên Mỹ khác nói cột cờ cao tới 197 phút (mỗi foot là 0m305, như vậy là 60 mét lẻ 085, anh nhà báo đích này tính cũng không sai gì mấy về cờ cao). Mỹ đã phản công cho nguy di phá cờ, nhưng cả đám tiểu đoàn "Cọp đen" ác ôn đó đều

tut lai, như muốn nhường cái “vinh dự” đó cho các đơn vị quan thày Mỹ. Cuối cùng Mỹ cũng phải nỗi cờ loạn sao Hoa Kỳ lên mặt thành (Cờ Hoa Kỳ có tới năm chục ông sao, sao chỉ mà nhiều rứa)! Linh Mỹ đã đặt một cái ghế lên mặt thành buộc cờ loạn sao Mỹ vào tay ghê, cán cơ là một cành tre tuốt chưa hết lá. Trong nó chả khác gì một cành phan, một lá cờ phan đám ma. Cái đám ma quàn viễn chinh Hoa Kỳ đang cử hành ngay ở chân Đại nội từ cấm hành ngay ở chân tường gạch hoàng thành, và ở cả vòng ngoài kinh thành kia nữa. Ở một tuyến trận độ 270 thước tại phía đông kinh thành, riêng tại một đại đội Mỹ lính thủy đánh bộ đó mà đã thương vong tới 72 thằng, thằng chết nằm bèn đống gạch rêu tới hơn một ngày rồi mà chưa có tàu bay trực thăng tới lượm thây. Những thằng Mỹ sống sót chỉ đóng cách đống xác Mỹ có 30 mét, định nhảy vào cướp xác chỗ chân thành mà không sao cướp nổi. Xe tăng Mỹ vẫn tiến vô lùi ra mà úi mà rùi tung góc thành gạch. Dưới những cơn mưa đá Mỹ đang bom bắn, các “cụ” xe xích lô chờ thương binh vẫn huýt sáo miệng mà làm con thoi giữa tuyến lửa với các mái chùa chuyền làm trạm cứu thương. Chợ Đông Ba vẫn có bóng người tới đòi mua hoàng mai, mai vàng hết thì hoa huệ cũng được. Mỹ đổ đạn vào mặt thành, mặt thành như một ông vua nào bị rồ hoa. Đại bác 200 ly Mỹ từ ngoài cửa Thuận An bắn

tới tấp, có những viên đúi vào gạch thành những lỗ chó chui, trông gọi gợi máy vét thương ở cửa Bắc thành Hà Nội những năm Hà Nội chống Pháp 1873, 1882. Trên vườn chuối thành nội, chuối khu Lục Bộ Tam Tòa đã cháy khô vì lửa tràn, mà cái gì xanh le nhất chỗ vườn chuối đó lại là bom đạn lân tinh Mỹ quăng vào hàng đồng. Tất cả mọi thứ hữu hình nơi thành nội đều ám khói hết, gạch ngói lưu ly càng bát khói.

Huế vẫn mưa. Mưa xuân lửa. Trần mây Huế thấp không đầy 150 thước, các thứ vịt Mỹ trực thăng khô sà xuống mà cướp đồng thây Hoa Kỳ đã có mùi. Tôi lúc xếp được xác lính thủy đánh bộ Mỹ lên trực thăng thì phải xếp làm hai lượt, lớp xác trên chồng lên lớp xác dưới.

Mỹ, ngụy trong thành nội, phân bố theo một chiều dài Tây Đông. Quân Mỹ lính thủy đánh bộ đóng ở phía Tây thành, ngụy tiểu đoàn "Hắc báo" ở giữa, và hai tiểu đoàn marin Mỹ ở phía Đông, Thành vuông, mỗi chiều đo đúng hai cây số rưỡi, mà sau bốn ngày đổ máu liên hồi, những cây thịt Mỹ xâm lăng đó chỉ nhích được 180 mét. Tướng Rôbót Cortsoman, tư lệnh Mỹ vùng Một chiến thuật phải kêu lên: "Tôi muốn đưa số quân mới vào thành, nhưng đưa được họ vào là cả một vấn đề. Việc chuyển quân quanh Huế khó khăn và rất nguy hiểm. Máy bay lên thăng đã xuất trận

446 chiếc, ở Huế đã có 60 chiếc bị bắn hỏng” (AFP, 21-12-1968). Không phải chỉ hỏng tàu bay, chỉ 60 cái bị bắn hỏng, mà tất cả là những 212 chiếc kia. Không phải chỉ hỏng xoàng, mà còn là cháy rụi tàu bay, và dù kích bắt sống phi công Mỹ ở phía Tây thành Huế ngày 6-2 nữa, cái điều thú vị này tư lệnh Mỹ không nói tới!

Dương Nghiêm Mậu, trong một số nguyệt báo văn học in ở Sài Gòn, chứng kiến xuân lửa Mậu Thân Nam Bộ sau khi ăn giao thừa ở Huế, đã viết : “Bây giờ chiến tranh đã ở Sài Gòn Huế (...) nhưng không có nghĩa trước đó chiến tranh không có mặt ở Huế. Chiến tranh có mặt ở Huế với tiếng súng vọng vào mỗi đêm, là những bao cát chất trên những cỗ ngựa lảng bóng trong những ngôi nhà cổ kính, là những thùng dầu hôi cát giấu trong những hốc tối cùng với những Mỹ...”. Đúng như vậy đó. Không nói gì đâu xa, mà cứ nói ngay về Huế năm 1967 đó (nghĩa là trước cái Tết Mậu Thân xuân Huế dù dội đó chì khoảng một năm) thì cũng đã thấy rõ rồi. Chùa chiên thi sư đi mít tinh cá. Trong chùa chỉ còn những sinh viên trốn bát lính, nấp vào chùa mà học ôn bài đê thi nốt bằng tú tài. Con đường từ Văn Xa tới Pho Trạch vẫn tan xác nhiều Mỹ, nguy di trên đoạn đèo quốc lộ. Nó vẫn đúng cái tên “con đường không vui” đúng với danh từ của

Bécna Phôn đã đặt cho nó, trước khi chính lão ta ăn phải mìn của du kích mà chết ngay tại quang đó.

Năm 1967 ở sông Hương, Mỹ nguy lệnh cho bắt cứ đò nào của bất kể vạn đò nào, tất cả đều phải tập trung một chỗ, sau khi mặt trời lặn xuống núi trên tê; tập trung, nhưng phải đồ cách xa chân cầu là 300mét, cầu nào cũng phải đồ cách xa ra như vậy. Chỉ sau cái lệnh đó khoảng một năm thì tất cả đò trên sông Hương đều cấm cờ Giải phóng. Và tất cả 14 cái cầu lớn nhỏ dài ngắn trên thủy hệ sông Hương ta đều đánh sập. Tính cầu từ Bắc xuống Nam, rồi kéo qua hệ cầu phía Đông, thì cầu An Hòa, cầu Bạch Hổ, cầu Giả Viên, cầu Ga, cầu Nam Giao, cầu Bên Ngư, cầu Phủ Cam, cầu Lò Rèn, cầu An Cựu, cầu Đập Đá, cầu Tràng Tiền, cầu Đông Ba, cầu Gia Hội, cầu Bao Vinh, ta đều đánh sập. Đến nỗi Mỹ, ngụy chỉ còn tiếp tế được cho nhau bằng tàu thủy. Và quân dân Huế đã đìm luôn 41 chiếc thuyền Mỹ xuống lòng con sông Hương bấy nay vẫn tưởng nó không có sóng dữ.

Hồi 1967 đó, cũng là thời kỳ ngụy chỉ tin thành nội, Đại nội là yên thân, nên chúng không cho người ngoài nhập thành, 8 giờ tối đã đóng bưng cửa Thượng Tứ, cửa Đông Ba lại, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Thì sau đó khoảng một năm, lửa nỗi dữ dội nhất lại nhóm ngay từ lòng thành nội đó, ngọn lửa châm lên từ cửa Chánh Tây mà cháy thốc vào.

Gần Tết năm Mùi ấy (1967) nhân dân hay lảng vảng ở bờ sông Hương chở bến vắng. Bọn ác ôn điệp biết là nhân dân muốn mượn đò qua sông đi tìm Cách mạng trên phía rú, nó bèn ngăn đò cấm bến và chộp người. Nhưng hôm bắt đầu ngừng bắn 7 ngày dịp Tết năm Mùi đó, nhân dân phớt tỉnh ác ôn, cứ qua đò mà đi miết lên phía chiến khu xanh rì lá mù u. Mới năm trước đó còn là đi tìm, đi gặp, thì Tết Mậu Thân năm sau, những người đi lén đò ấy, đã trở thành lực lượng Cách mạng. Họ đã tóm đúng thằng trưởng ty chiêu hồi là Lê Văn Trữ và hỏi: "Mi chiêu hồi giỏi hè! Mi chiêu hồi, nên Việt Cộng về ăn Tết đông như ri đây!". Và họ đã thanh toán gọn bọn cướp đò sông Hương, họ đã thanh toán rất gọn cả bọn 380 tên ác ôn điệp đóng tại Cồn Hến giữa dòng. Sông Hương lúc này không có điện, chỉ có lửa mù u cháy le lói, và hỏa châu giặc soi tàn nhẫn xuống lòng sông.

Mưa phún Huế xuân lửa vẫn vòn quanh lá cờ Giải phóng cao 60 thước, sớm sớm chiêu chiêu cách Huế hai chục cây số, vẫn trông thấy đang phất mạnh mà vẫy gọi mình.

Từ cửa Đông Ba tới cột cờ là trận địa trên mặt thành của ta. Tại Mang Cá Lớn tại Mang Cá Bé bọn ác ôn nguy Hắc Báo bị diệt toàn bộ. Phía bến đò Chợ Dinh, địch bị đánh không còn manh giáp. Mặt trận phía chùa Quốc Ân, ngắn ngang một đồng Mỹ đếm

được một trăm cô thịt chết. Phía chợ Bao Vinh, tàu chiến Mỹ vẫn đổ đại bác lên phố, và đổ gục xuống từng hàng phượng vĩ. Và sông Hương xuân đang trôi xuôi xác quân thù.

Súng nổ nhiều ở chợ An Cựu, ở gần cầu An Cựu, và súng An Cựu tiến dần lại phía Chợ Công. Mặt trận Chợ Công, tới sân vận động có một tiểu đội nữ tự vệ, tiểu đội trưởng là cô Liên đang xả cây tiểu liên gấp báng. Chờ nổ súng, cô Xê ngồi dưới hầm cắp lại bím tóc thê. Mười xe thiết giáp và xe tăng Mỹ hồng hộc bánh sâu róm, hầm hè choán hết cả mặt đường, to sừng sững. Cô Hoa bị điếc tai vì bom đạn Mỹ vừa đánh sập hầm của tiểu đội nữ. Cô Cúc vẫn không ngót bắn tia rất xuya. Cô gái Huế tên là Hoa không chịu lùi về hầm tuyến sau, mà lại xông lên xáp trận với bọn Mỹ, đánh giáp lá cà với Mỹ, đảo đầu súng lại mà quai bằng báng súng. Cuối cùng nó thả cái thứ bom cay gì mà xoc óc như ớt khô thả vô bếp cháy. Trong khói lửa mù, đoàn chiến xa Mỹ mười cô đã rút lui và chịu thua mười một thiếu nữ sông Vân Dương thành Huế. Hôm đó là ngày thứ mười hai của chiến trường Huế Tết lửa. Mười một cô gái Huế trí dũng phần lớn trước đó đều là người đi ở đợt, và đã nhiều lần theo cha anh theo mẹ theo bà con Phật tử xuống đường chống Mỹ, ngụy dùng xe tăng xô đổ và nghiên nát hương án cúng Phật A Di Đà. Yêu cầu các cô diễn lai

chiến công, các cô đều bén lèn vân vè mép mũ tai bèo, như ngày nào nghiêng nghiêng xuồng má cái vành nón bài thơ. Mười một người đẹp Huế làm nên một câu chuyện đẹp để hồi sinh lại những tiếng đánh sênh tiên châm câu cho một lối kể chuyện nhịp đôn gióng Huế cổ truyền.

Theo phóng viên Anh của tờ báo Anh hàng ngày tờ *Tám gương* thì thành Huế đúng là “cái địa ngục đầm đìa máu viễn chinh của Mỹ tại Việt Nam”.

Sát nách “địa ngục” đó, Cách mạng Huế cho diễn văn công. Đoàn Văn Công Quân Giải phóng Trị Thiên Huế ngày nào cũng hóa trang từ tinh mơ và quá nửa đêm mới gỡ phần đi nầm, sau khi chuyển sân khấu lần theo tuyến lửa. Tàu chiến Mỹ từ mặt sông bắn qua mặt qua tai sân khấu. Ngói và gạch và mảnh đạn rơi cả vào chân diễn viên. Sân khấu có khi đặt cách ổ giặc có hai trăm thước, trăm rưỡi thước. Linh nguy vừa ra đầu thú Mặt trận cùng đi coi, và ho bảo trước đây một vé 5 đồng mà coi không sướng bằng ngồi chen nhau ghế dài học trò bừa ni. Nhiều tiết mục đồng bào “bít! bít” (bis) đòi diễn lại. Có ông giáo lèn bắt tay, nắn nì văn công nhận lấy chiếc đồng hồ ông thành tâm tặng, cho ông bằng lòng. Sinh viên thích tặng máy ảnh. Có người lại yêu cầu hát lại nữa, để họ thay cái bằng mới mà thu riêng vào máy ghi âm của họ. Sư chùa Tăng Quang tự, nay đặt trạm cứu thương,

khẩn khoản mời văn công vào chùa kề chuyên chiến khu.

Huế có cây mù u, có hàng cây mù u, hữu ngan tả ngan sông Hương, đều có mù u. Nhất là bên phía Gia Hội và trong thành nội Huế cứ ngược dòng sông tình mà lên phía núi rú, càng gấp mù u. Rừng mù u của Thừa Thiên thương du rực xanh hơn cả màu xanh của hy vọng. Chạm lửa, là mù u cháy.

Ở giới tuyến Vinh Linh, mù u chưa đóng thành rưng riêng, nhưng cũng đủ góp vào cái xanh rì của Trường Sơn - Nơi phân thủy của sông Lào và sông tuyến. Từ Hồ Xá lên Bãi Hà cơ quan miền Tây, rồi leo đeo Cút Voi vào Vinh Ô, qua xóm Cây Tâm; xóm Mít, đi Cu Bạc, Cù Bai, Hướng Lập, vẫn nhận ra mù u xanh bạt ngàn. Từ đó mù u keo qua Thừa Thiên, qua Huế, kéo vỏ Ninh, Khánh, Thuận Khu Sáu, và cái xanh rì cả Bắc lẫn Nam đó kéo thấu vào tới Sài Goong Chợ Lớn. Thơ vô danh thì trước đây còn vọng lại cái hơi rất tọn và cái mâu rất lạc quan của mù u:

*Trái mù u trên núi
Chảy xuồng vụng Phan Lang (Phan Rang)
Anh đi về ngoài nô
Khiến lòng ta chàng an
Bao giờ anh trở về
Gặp nhau ở giữa đàng
Uống rượu, cười nghênh ngang*

Chao ôi, trước đây khoảng một thế kỷ, trái mù u “xứ Huế xanh xanh đường vô” đã chống Pháp cùng với nông dân Thừa Thiên và nhà nho đất Kinh. Đánh Tây, ở ngay Huế, ở trên con đường ra Quảng Trị, người ta liêng quăng ra biết bao nhiêu là trái mù u, cho rằng thực dân đi ủng đi bốt chỉ là bọn người dã thú và chân chỉ có một đắn một róng, cứ tung quả tròn mù u ra thì nó ngã kènch rồi xông ra mà chặt. Cũng đã có những chùm mù u rót máu. Cũng một cái cách nghĩ hồn nhiên đó, những người yêu nước ở miền Bắc và ở Hà Nội, cũng đã tung ra đường cái không biết cơ man nào là ổi xanh và ống dang. Thời của tuổi áu trĩ chiến thuật đáng yêu đó đã qua, và ngày nay chống ngoại xâm, chúng ta có không quân mình lái láy, và tên lửa mình khiến láy.

Nhưng Tết Mậu Thân vừa qua, cả miền Nam lấy pháo Tết làm hiệu lệnh mà cùng một ngày một giờ, cùng đứng lên đốt đánh hơn bốn mươi thành và thị, thì mù u vẫn cháy ở Huế, mù u vẫn cháy ở Sài Gòn, Chợ Lớn, mù u cháy ở Đức Hòa, Đức Huệ, ở Vàm Cỏ Đông. Trước đây, Tây chưa tới thấp điện, thì Huế và Sài Gòn, trong những đêm dài lịch sử, thường là thấp bằng dầu mù u. Sau đó trăm năm, ta lai tắt phụt điện đi giữa Sài Gòn giữa Huế mà đánh giặc Mỹ thì mù u lại rực cháy, Mỹ, có thằng tò mò thì không hiểu nó là thứ gì mà cháy góm quá, cháy như

tẩm vào napan mà ở chỗ góc trận nó, nó cho là chưa ném quả bom napan nào.

Lúc động dụng có chuyện đánh Tây đánh Mỹ ở đằng trong, thì mù u lại cháy, cháy như đuốc, những bó đuốc xáp trận và những bó đuốc mừng công. Lúc bình thường của đời sống làm ăn yên ổn, thì gỗ mù u dùng làm cái vai cày, làm cây chống hầm mỏ. Gỗ mù u dùng đóng ván thuyền và làm cột buồn. Quà nó ép dầu công nghiệp. Mới trông nó, người chưa biết nó, thì không ai nghĩ rằng mù u có nhiều đức tính đến như vậy. Cái màu xanh bết lại của mù u thì người ta cho là nó còn xanh một cách chưa thuần hóa, nó cứ xanh một cách đại ngàn nguyên thủy như vậy. Nó cũng đậm hoa, hoa nấm cánh, nhuỵ vàng. Hoa nó nở chùm, cũng như quả nó đậu chùm. Từ quả, lấy hạt ép dầu.

*

* * *

Huế nổi cờ Giải phóng cắm lên thành nội từ đêm hôm 31/1/1968, mà sau đó hơn hai tháng, hăng tin Roitơ Sài Goòng ngày 2/3/1968 còn đăng: "Hôm nay, một đoàn xe gồm 230 chiếc chở 980 tấn hàng được quân đội Mỹ và Nam Việt Nam hộ tống, đã từ Đà Nẵng đến được Huế sau 6 tiếng đồng hồ và không gặp

rắc rối gì cả. Cách đây hai hôm, 2 đoàn xe quân sự đã đi mở lại con đường then chốt Đà Nẵng Huế”.

Phía Tây Nam Huế cách khoảng bốn chục cây số là thung lũng A Sầu. Thung lũng A Sầu giáp giới Trung Hạ Lào, thung lũng dài 22 cây số, rộng 2 cây có khe A Chê, khe Chai, khe A Sáp. Lại có những điểm như A Sầu, A Vâu, Tà Bác, A Sáp, A Co. Mù u ở rừng lũng đây thì không chê được.

Đồn A Sầu, ta đánh ngày 8/3/1966. Lúc ấy A Sầu mới chỉ có 18 thằng cỗ ván Mỹ. Đến 19 tháng tư 1968, ở trận A Sầu, Mỹ đã chết tại trận 300 tên Mỹ kỵ binh bay. 300 thằng Mỹ kỵ binh bay cùng chết luôn với 34 con vịt trực thăng vận. Hàng Roitor của Anh bình: “Đây là ngày đen tối nhất của lịch sử cái sư đoàn giỏi nhất nước Mỹ”. Mù u A Sầu vẫn tiếp tục cháy. Cho tới tháng 5/1969 Mù u A Sầu càng cháy. Và tại A Bia, Mỹ lại nướng quân ở đó khoảng 1.700 thằng linh dù trong cuộc hành quân bí danh là “Tuyết trên đỉnh núi A Pát”.

Từ A Sầu mù u xanh rì về tới Huế thì hình như mất vài ngày đường. Mà thằng lối đường chim bay thì chỉ có hơn bốn chục cây số.

SAI GÒN TỔNG MỸ

Thường là Tết của người mình bao giờ cũng linh đình. Mà bắt đầu vào năm mới thì năm nay chúng ta lại ăn Tết to quá. Từ bờ Nam khu phi quân sự, kéo qua Huế và Sài Gòn, thấu tới mũi Cà Mau, pháo nổ rền một hơi. Dây pháo kéo dài trên sáu trăm dặm; theo lời một tên quan võ Hoa Kỳ một sao đang choáng váng vì cái Tết Việt Nam đốt nhiều pháo quá. Và tràng pháo từ đêm châm ngoi vẫn nổ giòn tan suốt mấy ngày Tết, ngoài khai hạ vẫn liên tục nổ, và cứ nổ mãi cho đến ngày rằm nguyên tiêu. Trên bàn thờ Tổ quốc nghi ngút khói mừng công, đào phai chưa nhặt thám, và mai trắng Hà Nội đang giao cành với hoàng mai của tất cả miền Nam rộn xuân.

Tết năm nay to quá, miền Nam ta đánh to quá. Tấn công và nổi dậy khắp bốn mươi ba thành và thị, và hàng trăm thị trấn miền Nam thiết lập chính quyền Cách mạng. Diệt năm vạn địch (trong số này có một vạn viễn chinh Hoa Kỳ và tiêu tan hai mươi vạn

quân ngụy. Cùng là phá hủy độ ngàn rưỡi máy bay. Và vân vân về hăng hà sa số súng trường đạn mìn và xăng dầu. Chiến thắng quân xâm lược, cách đây 179 cái Tết, chúng ta có trận Đồng Đa với ngày mùng 5 tháng Giêng lịch sử. Tính về vũ công hiển hách vào dịp Tết, thì sau gần trăm tám mươi năm dân tộc ta luôn luôn chống ngoại xâm, giờ mới lại ăn một cái Tết to như vậy. Tính về xuân thì sau chiến thắng Điện Biên Phủ trong mươi ba cái xuân qua, mùa xuân này thật là một mùa xuân dân tộc. Trong hơi xuân, thật là chiến tranh và hòa bình: chiến tranh vệ quốc Việt Nam gắn liền với bảo vệ hòa bình thế giới và, khắp năm châu bốn biển, bạn bè ta đều hả dạ nức lòng.

Mùa xuân đang rộ hoa khắp đất nước Việt Nam, nhưng tổng thống Giôn Xon thì bi buồn vô cùng. Thằng giặc già đó không nhăm mắt liền mấy đêm xuân. Theo nguồn tin Ăng Lê Roitơ thì hắn ta “thức trắng đêm để nghiên cứu khẩn cấp những diễn biến từng giờ một của tình hình”. Mùa xuân Việt Nam mà như lửa đốt đầu tổng thống giặc già. Đại sứ của hắn là Bản Cơ từ Sài Gòn liền liên đánh về cho Giôn Xon hai mươi nhăm công điện giật gân từ phút tòa sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn bị đánh chiếm. Thế này thì còn ra cái sự thể gì nữa, thế này thì còn ra cái thống chế Hoa Kỳ gì nữa. Cái sứ quán - lô cốt Mỹ tám tầng xây lõi tổ ong để chống mọi cuộc tiến công của Việt

Công, mới lạc thành được sáu tháng nay, nay chúng tôi là cũng chả đến nỗi tuyệt đối bất khả xâm phạm vỗ trang tới, như đám thầu khoán Hoa Kỳ vẫn hằng khoe khoang. Đã thế, hôm sau tờ Thời báo Nữ Uớc của phái chủ hòa lại còn nói giọng đâm hông rằng việc quân khởi nghĩa vào lọt, và đánh chiếm sứ quán Mỹ tại Sài Gòn “làm cho thấy rõ thêm những sức mạnh hữu hạn của Mỹ ở châu Á”. Giôn Xon tiêm đủ các thứ thuốc tân kỳ để ngủ già tạo và thức thật sự, đôi lúc chủ động gọi vô tuyến điện thoại và, trái với nghi lễ Nhà Trắng, tổng già lại còn xộc cả vào buồng mật mã đòi tra cứu ngay mật điện. Đêm xuân bên kia đại dương Thái Bình, Nhà Trắng chốc thành ra nhà xám, xám xịt. Bây giờ là 10 giờ GMT ngày 30/1/1968, tức là 5 giờ sáng Hoa Thịnh Đốn.

Vào cùng lúc ấy, xuân lửa giữa Sài Gòn đang đốt đầu các thứ tay sai Mỹ. Mới nghe súng nổ, Thiệu tướng Kỳ bắt đầu lật đổ mình, Kỳ cũng tướng Thiệu nó bắt đầu chơi mình, cả chánh tổng lẫn phó tổng, không đứa nào bão đứa nào, cả hai thằng cùng tẩu vọt cả, mỗi thằng biến một hướng. Thế rồi lửa bốc cháy quanh hàng rào dinh Độc Lập và lực lượng khởi nghĩa tung hoành tại giữa dinh. Thế rồi sân bay Tân Sơn Nhất bị đánh ba mặt, bị cháy ba mặt. Thế rồi Đài Sài Gòn sập. Thế rồi liền liền quân khởi nghĩa đánh chiếm Bến Đà, Chú Lá, Phú Nhuận, Cây Sung, Hàng

Sanh, Hàng Thái, Khánh Hội. Và ngã năm Chuồng Chó và ngã tư Bảy Hiền giết và bắt các thứ linh Mỵ.

Đêm khủng khiếp cho Mỹ ngụy đó, nhiều người trung lập nước ngoài leo lên nóc gác thương mà theo dõi thế biến của ba trận đánh ở hai đầu đường băng bay Tân Sơn Nhất và ở gần đường đua. Bấy giờ là đêm mùng hai rạng mùng ba Tết (31/1/1968) khoảng 3 giờ sáng (giờ Sài Gòn) tức là khoảng 2 giờ sáng Hà Nội. Mọi ngả đường dẫn vào ruột Sài Gòn liền bị cắt đứt.

Nhà sư áo cà sa màu xám, cõng cầm súng bắn vào ác ôn cảnh sát; cao bồi thì rủ nhau đi nhặt đạn cho quân Cách mạng đánh Mỹ (theo đài UPI ngày 5/2). Hàng ngàn gái tiệm của mấy trăm nhà “ba” biến hết rất nhanh. Theo hãng Roitơ thì, ban đêm tới nhà Bưu điện đường Tự Do, các phóng viên Mỹ đi đánh điện phải bắt buộc giơ hai tay lên trời mà đi với tư thế người đấu hàng.

Sài Gòn không có điện, chỉ thắp bằng pháo sáng quân sự Mỹ. Nước thiêu, và cả Sài Gòn ăn bằng đồ hộp Hoa Kỳ. Các cửa hàng đóng kín, bánh mì bán rong đất gấp mấy lần mọi ngày. Các cấp tiểu học trung học đại học đều không mở cửa trường. Thành phố Sài Gòn mỗi ngày chỉ sinh hoạt có 6 tiếng đồng hồ, từ 8 giờ sáng đến 2 giờ chiều. Ngoài giờ đó, người

đi đường sẽ bị an ninh Mỹ nguy bắn chết. Trong giờ đó thì được đi, nhưng lại cấm đi xe đạp, cấm ngồi xe gắn máy, cấm dùng tàu xuống ghe. Và cấm đi thành tốp ba người, a men.

"Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ bị cháy trui... Trưa nay lửa cháy to ở một khu rộng cách dinh Độc Lập năm trăm mét... Trời lại hanh..." (AFP 5/2/1968).

Bộ tư lệnh Mỹ ở Sài Gòn lệnh cho tất cả ô tô quân sự Hoa Kỳ đi lại giữa quang đường Sài Gòn Chợ Lớn phải cặp kè díu đôi để đề phòng sự biến hòng bảo vệ lẫn nhau - trong khi ấy dài ngụy vẫn xoén xoét là trong chín quận Sài Gòn thì đã yên được một nửa rồi.

Lại nói về cái dài Sài Gòn. Đúng đêm về sáng 31/1 đánh Sài Gòn, giờ phát thanh buổi 5 giờ sáng, nó không đọc bản tin như mọi lần nữa. Mà chỉ có ca nhạc du dương tri trá thế thôi (thiếu hẳn cái nhạc nền của súng khởi nghĩa nổ chung quanh nó, và vừa nổ trúng nó, nó phải dùng dài phụ). Mai đến hơn một tiếng sau, tức 6 giờ 15 phút, nó mới đót đót giọng mà đọc một cái mệnh lệnh của bù nhìn ra lệnh giới nghiêm tại Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn. Và 7 giờ 55 phút, nó đọc tiếp lệnh cấm đốt pháo: "Vì lý do an ninh của chính đồng bào, yêu cầu đồng bào đô thành Sài Gòn Chợ Lớn Gia Định triệt để thi hành lệnh cấm đốt pháo này"(!) Ưa, mừng hai mừng ba Tết vừa rồi, người

Sài Gòn nổi dậy nổ súng thật, chứ có phải là đốt pháo chơi đâu, mà cái dài phản động kia lại khuyên là đừng nổ pháo. Nó định khôi hài gì đây? Nó định bảo người ta thôi nổ sao, sau khi người ta đã nổ pháo trúng vào trung tâm phát thanh nó? Rồi dài Sài Gòn lại kêu hộ cho Mỹ: "Toàn thể nhân viên phục vụ tại tòa đại sứ Hoa Kỳ phải trình diện tại nhiệm sở (tôi gạch dưới) vào hồi 9 giờ sáng thứ ba 6/2 để tiếp tục làm việc". Làm việc gì? Làm việc chôn cất Mỹ? Lúc này, người thức thời ai lại còn muốn dính với Hoa Kỳ ở cái tòa sứ quán Mỹ chết người như bồn này. Rồi vẫn qua cái dài khỉ gió ấy, Lộc cũng kêu gọi công chức đi làm, vừa gọi xong, lại xóa lệnh gọi, đúng là cái kiểu cò kè ngừng bắn đúng dịp Tết chưa xong thì đã thu hồi lệnh hưu chiến. Tại sao kêu gọi rồi lại bãi kêu gọi? Thật là không còn nghi ngờ gì nữa, nó không dám tin ở tất cả mọi người công chức của nó nữa rồi.

Thế rồi đến lượt phó tổng Kỳ nhảy lên dài, đích thân nói lấy, huênh hoang tuyên bố là kho Nhà nước bù nhìn còn bao bao tấn gạo còn bao bao tấn thịt, còn bao bao thùng sữa, đủ ăn thứ thì được hai tháng, thứ thì được ba tháng. Nó làm như khói gạo khói thịt đó thật sự là để phần cho nhân dân. Nó làm như giữa cuộc nhất tề nổi lửa của quân dân miền Nam, giữa khí thế cách mạng miền Nam ngày càng bốc cháy lớn, nó làm như hai ba tháng nữa, nó vẫn còn là nó. Cao

Kỳ còn nói tục trên đài: "Chỉ khi nào đâu tôi rơi xuống thì..." Thị là thằng Kỳ sẽ chết chứ gì? Mày cứ gở mồm như thế, thì hãy coi chừng cái đầu mày. Mà cái đầu phó tổng Cao Kỳ là cái đầu gì mới được chứ! Cái đài Sài Gòn xưa nay vốn nói nhảm, nay lại bắt đầu nói tục.

Lại nhớ đài (Sài Gòn) xưa, cứ vào khoảng đúng nửa đêm Hà Nội thì nói leo nhéo: "Bây giờ là một giờ, đây là tin tức vận chuyển về hàng không quốc tế... Máy máy giờ, có một chuyến đi Đài Bắc. Máy máy giờ có một chuyến đi Ôkinao... Máy máy giờ có một... vận vận". Cứ bay ngập xị cà lên, đến bảy giờ thì hết. Đài cũng vỡ mặt mà sân bay dân dụng Tân Sơn Nhất cũng lại liệt rồi. Đã hai lần liên cái đài ôm rao hàng cho cái sân bay hỏng. Hình như sân bay dân dụng Tân Sơn Nhất đã và viu lại đường băng và có mờ cửa rồi đây. Nhưng vẫn thiếu phi công dân dụng. Vẫn không có người lái. Nếu ở Sài Gòn hàng ngàn gái tiêm vụt biến sau đêm Tết khai súng cách mạng thì cũng có nhiều người lái máy bay dân dụng nay cũng muốn nán ná xem xem thời thế nó ra sao đă. Cho nên sân bay Tân Sơn Nhất vẫn đang là một đường băng lạnh chết người.

*

* * *

Giôn Xơn vẫn tìm bơm các thứ thuốc tân kỵ để tiếp tục những đêm trắng giữa Nhà Xám, để mệt điện mà nỗi khùng với quan văn quan võ nó tại miền Nam Việt Nam : “Đặc biệt là tôi không muốn có một Điện Biên Phủ” thứ hai nữa. Rồi Giôn Xơn giắc già, theo báo Time, yêu cầu mỗi viên tham mưu trưởng viễn chinh Mỹ phải ký vào một bản tuyên bố để khẳng định cụm cứ điểm Khe Sanh (ở Tây Bắc Quảng Trị) phải được bảo vệ thành công. Chao ôi, Giôn Xơn buộc tướng tá nó phải hạ “quyết tâm thư” bảo thủ tới cùng, vì Giôn Xơn vẫn chưa cho rằng dịp Tết ta đánh rền bốn mươi thành và thị kẽ cả Huế Sài Gòn, cũng chỉ là câu chuyện nghi binh (!) và mục tiêu chính lúc này vẫn là Khe Sanh. Nghi binh gì mà mới sáu ngày đầu ngụy chết tới bốn vạn và Mỹ chết một vạn. Nếu nghi binh mà Mỹ bị cháy rụi ngàn rưỡi tàu bay và bốn ngàn chiến xa thì càng nên hô nghi binh muôn năm!

Tôi viết đến đây thì ban phòng không Hà Nội kéo còi báo động, thì súng mùa xuân Hà Nội khai pháo và cao xạ tên lửa Hà Nội nổ rền mà hạ luôn chiếc máy bay Mỹ do thám và nâng thành tích của riêng Hà Nội lên con số 236. Lúc này Huế và Sài Gòn vẫn ngoan cường chiếm đánh Mỹ ngụy. Cờ đỏ xanh sao vàng vẫn pháp phói trên kỳ đài thành Huế, và lửa đạn vẫn liên tiếp cháy nổ giữa Sài Gòn Chợ Lớn. Tôi băng khuông nghì xem những phi công không quân Sài Gòn những người bay ly khai với ngụy quân ấy đang làm gì? Tôi

biết rằng Hoa Kỳ đang nỗi khùng một cách tàn bạo, cho máy bay đi ném bom. Không phải chỉ ném bom miền Bắc, ném bom các thành phố Hà Nội Hải phòng mà giờ là ném bom ngay giữa trời Huế, trời Sài Gòn. Nếu nó tin rằng nó vẫn nắm được Huế, được Sài Gòn thì sao bom nó lúc này lại thả xuống đây? Thằng Kỳ, hồi này đi họp Hònolulu, mày được Mỹ cho lên xem hang không mẫu hạm hạm đội VII, mày dại dột lấy phẩn ký tên vào đít những quả bom tấn USA mày còn nhớ không ? Những lúc này, những người phi công Sài Gòn còn chút lòng với đất nước bà con, có thấy nhói trong tim, khi mà chúng nó ném xuống ngay giữa Sài Gòn những ba mươi hai lần bom chì trong một ngày mùng mấy Tết vừa đó? Lúc này tôi cũng muốn nghĩ đến những ban cầm bút yêu nước ở miền Nam, và nghĩ rằng những ngòi bút mà tôi muốn gặp áy hẳn phải đang ghi cho thật đến nơi đến chốn tất cả những tội ác của Hoa Kỳ và lùi tay sai Mỹ. Chao ôi, mùa xuân ngoài trời lửa sục sôi trong lòng ta mùa xuân ngoài trời đang thêm xuân cho bên trong lòng vạn vạn người. Những người bạn mới của mình tại miền Nam nay họ bay trên hướng trời nào, đang viết bằng thứ mực gì đây! Để cùng nhau đẩy cái xuân này lên. Để cùng nhau ta đẩy Mỹ ra khỏi mùa xuân dân tộc chúng mình.

BÊN Ư SÚNG HÀ NỘI, MỘT ĐÁM CUỐI PHÒNG KHÔNG

Không, không, đây không phải là tôi phê bình phê biếc gì mà chỉ là một nhận xét riêng của tôi: sau dịp Nônen 1972 này, Hà Nội khá nhiều đám cưới, riêng tôi cũng nhận được tới bốn thiệp gửi tới từ mươi hôm trước. Lại còn một anh bạn Angiéri cũng sinh nhật vào Nôen. Chao ôi, mình không phải là “Chúa trời để được có mặt khắp nơi” cùng một phút một giờ! Gần chỗ tôi ăn nằm chỉ có trăm rưỡi thước chim bay cũng lại đang nói cười cả một đám cưới mà cô dâu mới về vừa vượt qua trận địa tội ác Mỹ ở Nhổn, mà chú rể cũng vừa vượt qua mọi hậu quả bom Yên Viên nhập nội kịp giờ cưới.

Hôm nay bận quá. Chả còn tham gia được vào cuộc vui nào nó rất là chính đáng cần thiết, nhất là những lúc đang phải làm phải làm nhiều nhiều này. Lại còn cho vợ, cháu, con sơ tán lại. Nhưng, muốn gì thì gì, tôi phải đi kiếm một bó hoa tử tế để mừng một cặp

thanh niên có thành tích bảo vệ trời Hà Nội này mới được.

Cùng máy bạn đồng nghiệp trẻ, tôi tiến vào phòng cưới. Phòng cưới lộ thiên, cảng một màn phông xanh lơ, một thứ màu da trời trong vắt (không vẫn một vệt mây xốp nào có thể là nơi ẩn nấp của tàu bay địch!). Mười bốn bàn lớn nhỏ xếp theo ba hàng, đã bày sẵn trên mảnh ruộng khô nẻ còn vương chân gốc ra, mùa gặt vừa qua. Bàn to, bàn nhỏ đều cấu trúc bằng đui đạn 100 li, mũi đạn cầm xuống mặt ruộng. Và trên bàn đã sẵn sàng chén uống trà, kẹo, và thuốc quán. Bàn to hình quả trám, 36 quả đạn xếp theo sáu hàng sáu quả. Bàn nhỏ 16 quả theo bốn hàng bốn. Trang trí màn phông da trời có chữ triền song hì, có dòng chữ 25/XII/72, có đôi chim bồ câu trắng, có dòng chữ cắt to nét “Hạnh phúc trong chiến đấu”. Chung quanh sân cưới là dãm bảy ụ súng tầm cao 100 li, nòng súng héch héch nghe ngóng chân trời. Xa xa tháp thoáng trong sương chiều Mè Trì đôi cột thép dáng vóc lênh khênh quen thuộc. Trận địa sân cưới là đất của nhà trai. Nhà gái ở cách nhà trai khoảng 1.500 thước chìm bay. Chú rể và cô dâu đã nhất định chọn ngày lành tháng tốt này từ mấy tháng nay. Dâu và rể đều sáu tuổi xí nghiệp, cùng vào nhà máy cơ khí Hà Nội một lúc, anh là thợ sửa chữa cơ khí, chị là thợ đúc khuôn. Anh quê vùng quan Đề Hoang Hoa Thám. Chị quê ở

một tinh rất đòn hậu miền Nam hạ. Chị là xạ thủ số 1 sử dụng nòng 14 li 5 vào loại không vừa. Anh là trung đội trưởng một đại đội tự vệ pháo tầm cao của công nhân khu Đồng Đa. Tức là “létuvecaré” đáy (hồi kháng chiến chống Pháp trước, nổ súng tại Hà Nội để báo hiệu Toàn quốc kháng chiến, Pháp gọi dân quân Hà Nội là đám tự vệ sao vuông và rất gồm thứ sao vuông chưa sao tròn này). Đạn của đại đội công nhân nhà máy này (tên cũ là Trung quy mô) nặng mỗi quả trên ba yến; mới thành lập nhưng đã tham gia các trận bảo vệ trời Hà Nội bằng sáu trăm phát dư tầm cao phối hợp với tên lửa, và đã hạ được F. 8 hiện đại quái quỷ của Hoa Kỳ. Càng thấy nhớ Trung đoàn Thủ đô, từ 26 năm nay đã tạo ra những truyền thống gái trai Hà Nội trí dũng có thừa này. Chao ôi, tự vệ sao vuông ngày nay đã đánh giỏi bằng đại bác 100 li, càng thấy nhớ cái ngày tự vệ Hà Nội còn phải đánh bằng súng tay phát mìn.

Nhà gái tới, cắt ngang mạch hồi ức của tôi. Cô dâu đã từ trận địa pháo tầm thấp băng qua các thửa ruộng ngoại thành xanh rờn lá xu hào, cái vồng, cái bẹ, mà tiến vào sân ruộng cưới: Áo vàng hoàng yến, áo phản hồng, áo đỏ. Ba cô phù dâu (đều là áo dài tha thướt như áo của cô dâu, bèn mép ruộng khô xanh xanh), một cô là trung đội phó pháo vừa, hai cô là bô

binh tiểu liên, quê cũng quanh quanh vùng này cả, một cô giáo quê ở ngay Khàm Thiên.

Phút này, tôi thấy Nich Xon chặng ra quái gì cả. Tôi không chủ quan khinh thường nó, nhưng ý tôi muốn nói là phút này tôi không mấy may tích tắc nghĩ tới những cái bẩn thiu áy. Nhà trai đốt pháo. Nghĩa là đốt cái thứ pháo như trẻ con ngày tết hay gờ lè ra đốt cái mọt. Nhưng đây là đốt hàng tràng. Phải nói ngay rằng đơn vị nhà trai nhà gái, cả cô dâu chú rể không ai gởi thiệp cho tôi cả. Tôi là một người khách không ai mời nhung mọi người vui vẻ nhận tôi được có phần vào ngày vui này của một trận địa ven thành Hà Nội. Quá mừng cười của tôi chỉ vén vẹn một bó hồng nhung và, một tấm lòng Hà Nội cả tin Hà Nội và lớp trẻ của nó. Nhìn gần, cả cô dâu, và ba cô phù dâu đều đúng là mày ngài mắt phượng và sao mà mắt sắc đến thế. Hắn là mắt áy rất đẹp, nhưng ý tôi muốn nhấn vào cái khía này: những con mắt áy, cái đức tính áy bắt mục tiêu các thứ F. cũng nhanh lăm đó. Lại một tràng pháo nữa.

Trong khói pháo ven thành mắt tôi rơm rớm buộc tôi nghĩ lùi về tất cả mọi đám cưới từ ngày chúng ta mắt nhiều công của để bảo vệ bầu trời xanh ngắt Hà Nội, tức là bầu trời của Toàn quốc Bắc Nam. Chà, cô dâu cao xạ đeo găng ren duar, tháo găng tay, bắt tay mọi người sau tuần tra. Chà, chà, cũng rất có thể

trong đêm tân hôn này, nửa đêm về sáng, súng Hà Nội lại nổ rền, và hai bàn tay cô dâu lại đeo một thứ găng tay khác nó vẫn màu dau mỡ để chỉnh súng nòng 14 ly năm.

Cả đơn vị giục cô dâu pháo tầm thấp và chú rể pháo tầm cao phát biếu. Chú rể hội ý chớp nhoáng với cô dâu xong liền nói: "Sang năm 1973, chúng tôi bão đám X giây một phát". Cả sân cưới vang. Thì ra ở đơn vị chính quy, kỷ lục bắn nhiều, bắn nhanh là Y giây một phát, mà đây thì còn phải tiến tới nữa. Phải bắn trúng, phải bắn gấp, bắn nhanh hơn nữa để bảo vệ sự sống và trả thù cho mọi cuộc sống bị bom Mỹ cắt ngang vao. Phía chân giời xa kia xóng xoài gạch và bê tông vụn nát của bệnh viện Bạch Mai bị nó B.52 lúc đầu canh năm 21/12/72. Nữ bác sĩ của bệnh viện là Ngô Thị Ngọc Tường, nếu không có Ních Xơ B.52, thì hôm nay cũng tay cầm một bó hoa trắng mà tiến vào một bàn cưới trắng ngần. Lúc niệm nữ bác sĩ với quần áo cô dâu mới tinh, nhà đám không quên đặt vào lòng quan tài tâm thiếp mời dự cưới chị để ngày Noen 1972.

Một buổi chiều ngoại thành Hà Nội. Nó lâng lâng một nỗi niềm tin yêu sự sống trước mắt và bao la sau này. Từ buổi kèo liên hoan đây, cho tới một ngày mai kia và ngày đánh Mỹ nào mà có súng tầm cao tầm thấp phối hợp với không quân cùng tên lửa, tôi tưởng

rằng tôi có thể nhận ra cái tiếng “kẹo đồng” nổ riêng của lứa đôi Hân Hiền này đang xây dựng hạnh phúc. Và cùng mọi trân đia miền Bắc, bảo vệ lấy hạnh phúc mình và hạnh phúc của tất cả.

Từ đàm khói pháo lành vui ra về, tôi hỏi một anh bạn trẻ tự vệ:

- Đơn vị chắc di chuyển luôn. Hôm nào đó có thêm thành tích, mình trở lại đây, thì tìm các cậu ở đâu?
- Đồng chí cứ tìm anh chị em ở chỗ nào có súng nổ lên.

NÓ BÊ-NĂM-HAI PHỐ KHÂM THIỀN

Riêng Hà Nội chúng ta vừa xối tái hai mươi ba cỗ B.52 vỡ khi chiến lược Mỹ. Trong chiến công chói lòa của không quân ta, tên lửa ta, có phần của tự vệ gái trai Khâm Thiên nhất định trả thù cho phố Khâm Thiên đây. Đêm 26 rạng ngày 27/12/1972 của Khâm Thiên đó, nghe rền bom B.52 trút hàng trăm quả xuống Khâm Thiên của Hà Nội mới, của Hà Nội cũ, trong cái mớ động cảm nghĩ nhiều mặt, thật tình là tôi có tưởng nhớ tới một số nhiều bạn hiện nay đang phải xa vắng thủ đô Hà Nội. Tôi ác Hoa Kỳ phạm vào máu Hà Nội bằng B.52, xin tìm các báo miền Bắc từ sau 18-12-1972 thì rất rõ rệt. Riêng tội ác Hoa Kỳ ở phố Khâm Thiên, tóm tắt như thế này: một trăm quả bom phá nát một nghìn tòa nhà (kể cả nhà hát, nhà nhảy đầm ngày xưa); ngõ chợ Khâm Thiên thiệt hại to, riêng cái chợ này, nhận gần một chục bom B.52. Phố Khâm Thiên dài một cây số hai trăm thước, với 26 cái ngõ rãng bùa, một phố dài của Hà Nội thân mến, số nhà cá lè lanh chằn kèo tới con số 500. Dân số

trên dưới ba vạn người, thì gần tám ngàn người mất cửa nhà tại ba khôi 45, 46, 47 hoàn toàn bị hủy diệt. Cao lâu Trung Sơn xưa vẫn đặt thời rượu nghe hát thì vẫn còn. Phía sau Rex bar, phía sau Takara dancing (ngày xưa nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát chúng ta đã lấy đàn bò contrebasse ở đây) đều bị cù. Ở đây, tôi không nói đến nhưng cứ phải nói tới bà Sen tài sắc một thời đã bị hy sinh chuyến trước cũng vì bom đế quốc. Đến thờ tổ mà tại đó, tôi đã được nghe các bà luân phiên hát thờ ngày giỗ tổ trong giáo phường, hình như cũng bị nặng. Đến trong ngõ Thổ Quan thờ ba chị em à đào cùng họ Đào (Mỹ tự là Hiền Hữu, Phương Dung, Quá Minh) tức là thờ ba vị tướng bà của Hai Bà cũng bị bom Mỹ xúc phạm tới. Bà Bốn, Bà Năm, bà Phúc Hậu, bà Hậu Hoan, các bà Tích Tâm Niệm không sao. Riêng mấy tòa ba tầng bà Đốc tâu thì thiệt hại. Với bà Hoàn, bà Nhạn mà còn sống ở Nam Vang Sài Gòn để lao động tiếng ngâm tiếng hát thì tôi xin nói thêm: phố Khâm Thiên, chỉ dãy số lẻ bị nặng, nhất là phía sau nhà, còn dãy số chẵn, đỡ hơn. À, trong ngõ chợ Khâm Thiên mà không việc gì, có nhà bà Hồ (Quách Thị). Bà đi sơ tán, cổng khóa, nhưng trong vườn vẫn kiêu diễm một luống hoa thược dược tổ ong màu huyết dụ. Nụt nhân cân đỏi nợ máu nặng nhất đối với Nhà băng máu Ních Xơn, có thể là nha bà cu Thanh buôn trầu cau từ xưa (có lẽ các bà

hát vừa chuyện vừa nhô quết trầu vào ống phóng đồng bạch hắn phải nhớ tên bà cụ này) là đau nhát, “tứ đại đồng đường” cùng chết trong một vệt B.52. Thỉnh thoảng không ngủ được, có những đêm tôi được nghe bà Bản hát mươi hát nói ở đài trong ấy! Thưa bà, kẻ cướp Ních Xơn (tức là bố nuôi thằng tổng Thiệu trong ấy) đã bom vào tiếng hát à đào dân tộc đấy! Nó bom vào xênh phách hầm hát Khâm Thiên quê gốc và ngay cả ở dưới Ấp (Thái Hà) nữa đó. Ở gần Cổng Trắng nhà hát cũ Ngũ Nương thì nay là gia đình một ông thợ tiện và vợ chồng ông phở gà, nguyên là thợ giã giò. Dứt đợt B.52 họ đều lao thực mạng lên khu Ngoại giao, rồi cứ thế mà chạy bắn hắn về quê xa. Trèo lên gác bà Năm, nhìn qua khu tập thể Văn Chương, nhìn ra đồng ngồn ngang kho vỡ, đường ray oằn, toa tàu, đầu tàu nghiêng ngửa mà càng thấy rõ thằng ác Ních lại còn là một thằng lố nữa. Ga Hàng Cỏ lâu nay còn có gì nữa mà nó cũng đưa cảnh cup cảnh xòe tối mà bom lade vào giữa trưa 21-12, lấy mắt của Hà Nội một cái đồng hồ to và quen thuộc. Người Hà Nội cũ, ai ma chả nhớ ít ra là một chuyến tốc hành xuyên Việt 40 tiếng đồng hồ ở sân ga kia, ai mà chả vương chút tơ lòng nơi ga Hàng Cỏ rất chi là “phong cảnh Hà thành”. Thịt ra kỷ niệm của người ta, Mỹ cũng coi là mục tiêu quân sự. Chao ôi, từ hôm nó

B.52 phô Khâm Thiên, lòng bà Tình sôi lên như mớ cá trên than hồng.

Sau đợt B.52 Hà Nội, các chợ thủ đô lấm chấm những vệt khăn ngang còn nguyên màu hổ. Rồi các chợ lặng hẳn đi. Nay thi lại họp lại rồi. Bà Bạch Ngọc đã lại trở về bay hàng ở chợ Hàng Da (bà đã mở cơm tám giờ chà từ hồi Hà Nội chưa có Điện Biên Phủ). Bà cũng vừa có hai ông anh ở Khâm Thiên phải ghi sổ máu với tổng thống kè cướp. Khách mua chà quế gio lụa kin đáo nhìn khăn mới của ba, bà nói khẽ: “Khâm Thiên đây ông à!”.

Vợ tôi lật đật ở nơi sơ tán về đóng gạo số và dầu phiếu, bần thần hỏi tôi: “Cái bà Hành vẫn đưa bánh giò hàng tháng cho nhà ta, cũng ở dưới Khâm Thiên ấy đây. Lại còn bà Lý vẫn đem chổi lúa đổi nước gạo nhà ta về nuôi lợn nái. Các bà ấy đều ở Khâm Thiên, chả biết chuyện này có tai qua nạn khói không”. Vừa nói xong, thì bà nước gạo sao mà thiêng thế, đã tiến vào cái ngõ cụt nhà chúng tôi ở nách ga Hàng Cỏ. Vợ chồng tôi vui gấp lại bà nước gạo, như là thấy lại được một cái gì vừa giành lại từ tay máu của sự Chết Hoa Kỳ.

Trong tuần lễ trời Hà Nội ta diệt B.52, cho tới lúc Noen Chúa sắp nằm vào máng cỏ cho “sáng danh Chúa trên khắp tầng trời...”, chị Giôn Bê vẫn hát giữa

Hà Nội. Chị Bé là danh ca Mỹ đứng hẳn vào phong trào nhân dân Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Mỗi lần chi ngồi lên xe hơi Hà Nội đi thăm các hiện trường tội ác Mỹ tại Hà Nội về, chị thường cầm vào đàn ghi ta mà hát, hát giọng trầm trầm buồn buồn, - buồn cho nước (Mỹ) của chị đã chả có gì là vui minh như chúng vẫn tự khoe. Sau đêm B.52 hủy diệt phố Khâm Thiên của lao động mới và của lao động nghệ thuật ả dào cổ truyền, Giôn Bé mặc bộ bà ba đen Việt Nam, vừa ở trận địa về, vẫn đài Huê Kỳ, nhảy tuýt, lấy băng ricocđơ ra thu lại một bài hát Mỹ, tai khách sạn "Hòa Bình" Hà Nội, và hát nhại lại, giọng xuống hẳn một octave, trầm trầm mà buồn buồn cho con người Hoa Kỳ. Và sau đó, bay luôn về Mỹ để tố cáo Mỹ, - như chị Giên Phònđa đã từng vạch Mỹ.

Chao ôi, Monica Warnenska mà tôi vừa gặp! (Mônica Oác nén xka được các báo nước ngoài gọi là "Việt cộng", mới từ thủ đô Ba Lan qua; đây là chuyến đi thứ mười của chị sang Hà Nội, trong ấy có một chuyến đi vào B, đi vào chiến khu Nam bộ với bì danh là chị Ba). Chị Ba Mônich Ba Lan, chị có thấy tội ác của Nich Xon B.52 ở Khâm Thiên là tái diễn tội ác Hitler tại khu Giétô Oácgiava của chị hay không? Và chị có thấy rằng những người bay vũ trụ Hoa Kỳ Apollo 17 chỉ tới xem khu phó Khâm Thiên này cũng

đù hình dung ra phản nào cái quang cảnh Mát tráng họ vừa già từ không !

Bị báo chí hỏi cụ thể về chiến tranh sứ mạng Hoa Kỳ trùu tượng và tội ác Hoa Kỳ cu thể tại Việt Nam, nhất là B.52 phò Khâm Thiên động dân cư và ở trung tâm Hà Nội, tên phát ngôn chiến tranh Hoa Kỳ là Phò rit Hem nói là y không biết phố này. Có thể là tên này làm sao mà biết rằng Khâm Thiên dựng lên từ đời nhà Lý để làm đài khí tượng và làm lịch hang năm; có thể là tình báo CIA Mỹ không hé báo cho Phòrit Hem biết rằng cách đây ba chục năm, Khâm Thiên là khu lao động nghệ thuật ngày xưa của danh sĩ, danh kỳ, của những người ái quốc lấy xóm hát làm hộp thư, mượn chén rượu ca để tổ chức những cuộc họp kín mưu chống đế quốc thực dân; có thể Phòrit Hem mù tịt không biết gì về Khâm Thiên lao động nghệ thuật trước và lao động xã hội chủ nghĩa ngày nay. Nhưng, chối quanh mà làm gì, Phòrit Hem rất biết rằng Khâm Thiên là rất đông, đông tới ba vạn linh hồn lao động bình thường. Dánh vào đây, mục tiêu quân sự chả thấy đâu, mà chỉ toàn là dân lành! Phải chăng là mỗi mỗi cái đầu dân lành biết ghét xâm lược thì đều là mục tiêu để Hoa Kỳ tấn công bằng pháo đài bay chiến lược.

Nich Xon vừa B.52 vào tiếng phách tiếng hát cỗ truyền Hà Nội ta, người Hà Nội của Hà Nội hôm nay,

người Hà Nội nay đang ở Huế, ở Sài Gòn, tất cả đều chửi Mỹ. Cả những tên giặc bay Mỹ bị bắt sống mà ta dẫn đi xem Khâm Thiên B.52 tận mắt cũng đều chửi Nich Xon.

Sau tội ác B.52 Mỹ, cần cẩu cứu sập làm việc tảng giờ. Và, các đội tự vệ trai gái Khâm Thiên và Đống Đa càng phát triển pháo tầm cao, xa xa phía sau ga Hàng Cỏ, vẫn nghe giòn tan tiếng pháo bốn nòng của cô gái Khâm Thiên, với một nhân phẩm mới, đang trả thù cho cá phố mới phố cũ.

12-1972

TÁI BÚT (12-1973)

Hình như vào lúc tàn năm, sự thương nhớ ở trong lòng người ta nó cứ thế mà tăng lên mãi: thương những cố nhân chuyển trước đánh giặc cũng là người tàn cư năm đầu với mình, thì bỗng chốc hóa ra người di cư; và nhớ những người thân lúc này đang còn tàn mát ở khắp bốn phương trời sơ tán. Còn bao nhiêu tiếng gà sang canh ngoại thành, ven thành nữa thì đã là giao thừa nối năm? Cứ một nhịp đếm giật lùi rất cho là comple à rebours đó của những người hành khách đi tàu vũ trụ trong toa tên lửa, kỷ niệm năm cũ càng dồn tới để gặp những kỷ niệm của năm Quý Sửu sáp kính chào xuân Thăng Long. Chao ôi, kinh thành chưa nhạt khói trận, trăng cuối tháng chạp vẫn soi lên tội ác B.52 những vết trăng kéo dài hàng cây số miệng núi lửa thời đồ đá Ních Xóm tại khu Nghĩa Dũng (nay là xóm lao động An Dương), tại khu nhà thương Bạch Mai, tại khu phố Khâm Thiên. Tiếng càn cầu máy trực cứu sáu đã tắt hẳn rồi. Đêm trăng cuối năm, đứng ở ngõ chợ Khâm Thiên, nhìn thẳng tắp

thấy gác kho hàng Công ty bông vải sợi, xưa là Takara dancing, nó cứ thông thống một luồng hoang dại. Trên một vệt gần cây số nhà lầu tan gục, lèn khênh ít mảnh tường hồi nhà, trên đó uốn lưng uốn đuôi vài con mèo già. Tiếng mèo gào cái gào đực trong trăng sa, hay là tiếng mèo nhớ những gác xưa ám tiếng cười nói chủ cũ.

Phó Khâm Thiên trước xưa và lao động xã hội chủ nghĩa ngày nay đúng là cao trao tội ác Hoa Kỳ. Dưới trăng lạnh, gạch ngói tan hoang Khâm Thiên vẫn còn ngùn ngụt những vang hưởng của đài đèn mạng, đài trà thù; Trăng Khâm Thiên soi chéch xuống những đồng gạch quy khối của cả một phố vỡ. Trong một ngày gần đây, rồi thì kiến trúc sư Hà Nội, bằng những khối gạch B.52 Khâm Thiên, An Dương, Chùa Mới, Ngõ Quỳnh, Hoàng Mai, Bạch Mai, sẽ dựng lên một bức tượng căm thù đế quốc Mỹ và một đài ghi tội Hoa Kỳ.

VỤN B.52 VÀ HOA HÀ NỘI CHIẾN THẮNG

Mười tám cái Tết chống Mỹ, những người lao động xã hội chủ nghĩa Hà Nội chả còn dành được mấy thời khắc mà tạt vào Trại Hàng Hoa cổ truyền của mình. Nhưng mà cũ này, - giữa khoảng Tết dương 1973 và Tết âm Quý Sửu, thôn hoa nội thành Ngọc Hà lại là nơi được người Hà Nội chân chính tới chia vui với làng hoa khu Ba Đình. Năm ba con đại bàng Mỹ B.52 là thành tựu chiến thắng chung của Thủ đô trong chiến dịch mười hai ngày đêm liền Hà Nội chỉ ngủ có một mắt, nhưng thôn hoa đây là nơi được triển lãm tại chỗ những chiến lợi phẩm Mỹ duyra B.52 bị bắn rơi tại chỗ. Để đâu cho hết xe đạp của người đi xem hàng hoa đang mở chợ phiên.

Đình Hữu Tiệp, trước đây là nơi tuyển lựa chim họa mi giỏi hay, thì nay là nơi triển lãm xác đại bàng Mỹ gãy cánh. Lòng hồ con trước đình, ngoi lên một cái đầu lâu duyra khổng lồ, với ký hiệu B.52. Trên cái cục

Mỹ to tướng chênh zeńh trên mặt hồ đó, vươn lên một tám biển viết bằng chữ ta.

Dọc ngang cái làng hiền xưa nay chỉ chuyên một nghề lành là trồng hoa, âm âm tung tóe lên vô khói là những cục Mỹ giết người áy. Dúng là thằng siêu đế quốc Mỹ đêm trước vừa binh vào thôn hoa. Bà Huấn, tổ hợp tác hoa Bờ Hồ nói như gỡ tay ai chặt cổ mình: “Đây, ông xem, B.52 có mảnh nào rơi đúng được vào luống hoa của làng chúng tôi đâu. Ở khói 63, nó lại còn rơi đúng vào trước dây cửa hố xí công cộng. Các ông áy ở Thông tấn xã có chụp ảnh cả đấy...”. Trước sân trường phổ thông cấp I Ngọc Hà, trong lòng hồ xinh nhu lén một cái đầu B.52 cháy đen, trên sọ dừa vĩ đại Mỹ áy, tiêu lên một tám biển chưa khô nét sơn: “Bảo tồn tại chỗ”. Trông cũng khá buồn cười, cái hòn non bộ Hoa Kỳ duyra!

Chùa Bát Mẫu, trên gò dưới gốc muồm, ở nhiều miệng hầm hào, lung linh nhiều mái tóc em bé con ngái ngủ. Cảnh ao Cổ Ngựa, trên bãi tha ma gò Núi Chùa, công nhân quốc phòng đang đục, đang tháo một cục đầu B.52 nữa. Nó nằm nghiêng nghiêng, phải dùng dây lin mà neo cái tủ đựng Mỹ áy vào một gốc nhẵn, không có thì nó lộn tung phèo xuống ao mát. Người ta trượt mò lết, vừa làm vừa chui những đứa đã làm ra B.52: “Mẹ cha nó, sao êcu đinh vít nó, nó rèn kỹ thế”. Tiếng búa, tiếng đục, tiếng cưa vào hợp

kim tối tân Mỹ. Bên cạnh hiện trường tháo gỡ cái đầu Mỹ duyra vẫn xè xè nhẹ nhẹ tiếng voi ôdoa của một cò hàng hoa vào lứa tuổi của cô Du Liệt. Sát nách những vụn to duyra xám bêch, hồng nhung, hồng quế và thược dược, huyết dụ cứ bầm bầm rướm lên như vừa mọc từ máu tươi đất nước. Đi khắp thôn hoa, hoa xen kẽ với B.52 đầu Mỹ, cánh Mỹ, đuôi Mỹ, bánh (xe) Mỹ, mui Mỹ, ghế Mỹ, xác Mỹ, thấy hình như vừa lóe lên một hiện thực, rộ lên một đôi câu đối hàng ngày: "CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH" mà, dĩ nhiên, về hòa bình vẫn là tươi thắm hơn với một cách thật là vô giá. Bà Linh, vẫn tổ hoa Bờ Hồ, khoe luôn rằng: "Sau cái trận B.52, hoa không nở kịp để bán. Ba tổ Lê Hồng Phong, Ngọc Sơn, Bờ Hồ chúng tôi bán được tiền hoa ba ngàn đồng đầy ông ạ". Đúng thế, "bạn ơi, hãy nói lên bằng hoa, cái điều ấy".

Cũng đúng vào ngày Tết dương lịch 1973, nhận được thư của R.F... thư đề ngày 19-12-1972 gửi từ La Mā, có một câu thật là đáng yêu, đáng quý: "...Sớm nay, tôi nghe dài và biết Hà Nội anh bị nó B.52, và lấy làm xấu hổ vì đã sớm rời Hà Nội. Ôm hôn anh". Lại thư, cũng về chuyện Hà Nội B.52 của Th.R, gửi từ Paris sang: "Tôi có cảm tưởng như là đã bò mà đi, đi trước khi Hà Nội có cuộc thử thách thật sự...". Không, không hai anh bạn đồng chí Ý, Pháp của báo Unita, của báo Huyma, các anh rời khỏi Hà Nội vì

công việc các anh phải đổi chỗ, cũng như hôm các anh lên tàu bay thì tôi cũng rời Hà Nội xuống Hải Phòng đi theo một cái tàu phá mìn, các bạn không có gì việc gì phải bận tâm về sự vắng mặt của mình. Cám ơn và hôm nay, trong bó hồng tôi mua ở quầy hoa Bờ Hồ, tôi vẫn giữ lại hai cánh tươi chiến thắng cho hai bạn đây.

Pháo đài bay chiến lược Mỹ bị Hà Nội bắn rơi tại chỗ, vung vãi theo một vết dài, kéo từ Hồ Tây qua Thụy Khuê rồi sang thôn Ngọc Hà. Người xâ viên chài lưới Hồ Tây, người thợ lò da Thụy Khuê phải dọn dẹp mặt hồ, mặt sân nhà máy. Người trồng hoa tập thể phải vun quén lại góc vườn bông. Ngôi trực thăng ta mà nhìn xuống những điểm có các cục đuyra Mỹ vãi rụng, thấy như đó là những thoi vàng hồ rác (thoi vàng làm bằng hợp kim cao cấp Mỹ) đánh dấu cho một đợt chót đâm ma Mỹ xâm lược. Bên cạnh bờ sông Tô Lịch, tó hô một tảng cánh Mỹ. Cánh B.52 thường là dài gần sáu chục thước, cách cấu trúc lòng cánh dập theo đúng hình lục lăng của tổ ong.

Tại xóm 9 Thụy Khuê, sập mất mấy ngôi nhà. Cả một cái đầu B.52 rớt xuống, hỏng nhà, hỏng cà mui luyện bể nước mưa kinh niên.

Thăng B.52 này trúng tên lửa ngoại thành, rụng xuống bờ sông Tô Lịch nội thành, rơi xuống, rụng xuống như một quả bom nổ, cháy rừng rực từ mười

một giờ đêm. Buồng lái lộn tung phèo, xác giặc bay đã lấy đi rồi. Cao su bọt biển nhán tạo đệm ở hành tạ còn vẩy máu. Cách đây vài thước, hoa tươi vẫn nở bầm bẩm một mảng đỏ máu vụơn. Nách cần lái nó bếp dùm, máy đồ hộp Hoa Kỳ do bang Hawai thứ 49 của liên bang Hoa Kỳ sản xuất. Thằng giặc chưa kịp khui án uống thì đã chết tươi. Nhìn máu thằng chết còn dính vào đồ hộp bếp, nghe như vang lên cái điệu hát: "Vịnh biệt Hawai". Nó là thứ đồ hộp đựng bảy thứ quà đã ép ra nước như nho, dứa, v.v... Ông chủ nhà chết hụt vì cái đầu B.52 này vừa cắp cái bắp ngọt nhồm nhoàm, vừa chửi: "Mẹ cha nó, mình ăn ngọt, nó ăn nước nho hộp để ném bom mình". Bà vợ nói tiếp cho chồng: "Ăn ngọt mà đánh được thằng ăn nước nho hộp, thế càng giời chứ sao".

Một cục Mỹ nữa đã được kéo ra gần chuồng hổ Bách Thú Bách Thảo. Anh phụ trách chuồng gấu, báo, hổ gác đó khẩu trung liên, kể lại rằng đêm hôm nay ghê quá, nghe chung quanh nổ cứ sôi lên như bão bể "tôi cứ phải bám sát lũ thú dữ, nếu bị bom hoặc B.52 nó rơi làm vỡ chuồng, thì là tôi phải bắn ngay mấy con hổ, báo, gấu này. Nếu bọn này mà xổng chuồng vỡ mà vào phố, thì còn ra sao nữa". Tôi nhìn cục B.52 lại nhìn lũ gấu con, gấu mẹ đang nhảy đầm trong cùi mà lại cứ tưởng rằng chúng đang nhảy liên hoan mừng vò B.52 tan xương cạnh nó.

Năm nay Hà Nội ăn Tết to thật đây! Riêng một mình Thủ đô mà xoi của nó hăm ba cỗ B.52. Có bao nhiêu đào, quất, là người Hà Nội mua cho băng hết với bất kể giá nào. Đúng thế, hoa Tết này là giành cho những người chiến thắng, hoa ta ta trong chậu ta, hoa Tết nhất định không phải là nở cho những tên trọc phú thả mìn gõ từ trường nào. Ông cụ viết câu đối Hàng Bồ bảo rằng, theo lời tổ tiên tám, chín đời nói trong gia phả, thì cái năm vua Tây Sơn đuổi xâm lăng nhà Thanh khỏi Hà Nội và giỗ trận thì hoa hoàng mai nở rất nhiều, Bạch Mai, Hoàng Mai, Tương Mai, quanh chò ông đội trạm nhà trạm cung Hoàng Mai của “phu trạm công văn triều đình” hoa mai vàng nở rất nhiều.

Năm nay, cúc được mùa to. Nhìn hoa Tết năm nay thấy nhớ nhở mai vàng nở mừng vua Quang Trung đuổi xong giặc. Thấy nhớ cái Tết tiếp quản, đào chiến thắng nở từ rừng Điện Biên Phủ kéo về, đỏ rực cả phố sông Tô Lịch.

Ga Hàng Cỏ, bờ này bờ kia sông Hồng, mấy hôm nay đã inh ỏi tiếng còi tàu hỏa của năm tuyến đường sắt đã phục hồi. Còi tàu Tết rúc lên rèn vang như cảng giục hoa Tết nở bung và tàn theo ra khỏi Thủ đô cùng với những người Hà Nội đi ăn Tết ở các tỉnh, các miền quê xa.

ĐẤT CÙNG TRỜI TOÀN CỐI TA, TỪ ĐÂY SẠCH HẮNG BÓNG NÓ

Dai tá trưởng đoàn và thiếu tướng cố vấn đoàn đại diện chính phủ Hoa Kỳ, cùng là cả bấy nhiêu sĩ quan Hoa Kỳ ăn ngủ ở sơ sơn ở ngay cái tầng gác ga bay Gia Lâm. Vừa ăn vừa chờ Ủy ban quốc tế tới làm thủ tục trao trả đợt cuối cùng. Sát nách buồng ăn ngủ, cái gì chí chát và động đây ôn ào đều đều ở bên cạnh thế nhỉ? Không có gì đặc biệt cả; đó chỉ là những tiếng đục sàn, trát tường vỡ, vá tường, xây tường gác của hiệp thợ nề trai gái Hà Nội; họ đang tái tu lại gác ga bay mà không lực Hoa Kỳ đã bom mạnh vào, - B.52 hồi tháng chạp 72. “À, đúng như một sĩ quan cộng hòa Sài Gòn đã lưu ý mình, gà rán Hà Nội ngon thơm hơn gà ướp tủ Sài Gòn... Cà phê vẫn keng như mọi lần chờ trao trả, nhưng hình như có đặc và đắng hơn... Không rõ ở Sài Gòn có cuốn cờ rút hết quân cho đúng ngày giờ, nếu không thì...”.

Mép đường băng bay, thủ tục trao trả đợt cuối cùng đã bắt đầu, và sĩ quan Hà Nội đang dông dác:

“Những người Mỹ bị bắt, hãy nghe rõ tên mình, mà bước ra khỏi hàng để lên máy bay”. Các sĩ quan đoàn đại diện chính phủ Hoa kỳ đau đầu theo dõi lần lượt ra khỏi hàng 40 sĩ quan tù binh - (xin lỗi, tôi nói nhầm vì quên miệng) 40 nhân viên quân sự trao trả”. À, mùa xuân Hà Nội đã nóng nhiều, họ không mặc bờ lùn đồng cho người trả mình, mà đã bắt đầu cho mặc sơ mi xanh da trời. Mùa xuân Hà Nội nóng sớm năm nay, chả thấy CIA nó báo trước tí gì cho đoàn đại diện... còn 67 người nữa, ngày mai, thế là xong, 9 trung tá, 18 thiếu tá, 49 đại úy, 27 trung úy, 4 thương sĩ súng máy B.52; B.52 là 33 nhân viên quân sự... Minh có ném bom vào xưởng đóng giầy Nam Đồng của họ, vậy mà họ vẫn có đủ giầy tốt cho nhân viên quân sự Mỹ được trao trả. Ôkê. Chả hiểu những đợt chiêu nay và ngày mai, có thằng phi công nào lại đút mèo đút chó kỷ niệm vào túi du lịch như tên Antôni Đavít nữa không đây!... Nhưng mà nếu ngày mai Sài Gòn chưa rút đi người lính Mỹ cuối cùng, thì chả hiểu rồi còn ra sao đây...”.

Sớm 29-3-73, sân bay Gia Lâm cho đồ xuống một tàu bay Lào bay từ Vạn Tượng sang. Gần ba chục phóng viên báo và tivi Mỹ, Anh, Tây Đức thuê riêng máy bay đó cứ ngồi trên tàu bay thuê mà chờ tình hình trao trả. Lúc họ được xuống mặt đất Hà Nội để đi xem trại giam tù, thì cái tàu bay họ lại đậu tít ở

cuối đường băng mà cánh quạt vẫn quay rền không tắt máy. Trông cứ như là cái tàu Lào áy đã chồm vào đường xe lửa đi Hải Phòng. Trên nền đường sắt, vừa nghênh tàu hỏa, vừa kiêng chân lén, người người đều muốn chờ xem tí về cái đám Hoa Kỳ “tống khứ hải hà” này. Áo cánh trắng đi xem trao trả đông nghìn nghịt, trên tàu bay mà nhìn xuống cứ như là hằng hà hạt muối hạt gạo tống tiễn ném theo xe tù. Bên bờ Hà Nội, bên bờ Gia Lâm mà ngay trên cầu Long Biên, đông hơn cả cái thời thực dân Pháp mở hội cầu tháng 2-1902 mời cả vua Thành Thái ra cùng cắt băng. Xưa, thu quyết, mùa thu chém tù; thì nay xuân (khoan) hồng. Bốn xe ca chờ phi công Hoa Kỳ được trao trả đã tiến vào gần mố phía Hà Nội của cầu Bồ Đề (Tên cũ của cầu Long Biên). Thế là hết cả rồi à! Chà tiếc làm quái gì. Nhiều bậc Hà Nội nhớ cũ ôn thầm mấy trang Hoàng Lê Nhất thống chí, cái đoạn mùa xuân vua Quang Trung đuổi quân xâm lược khỏi Thăng Long, quân Tôn Sĩ Nghị chạy vỡ cầu phao, xác trôi đầy dòng “nước sông Hồng không chảy được nữa”. Và bây giờ:

“Nhong nhong ngựa ông đã về
Giặc đến Bồ Đề rồi giặc lại tan”.

Bốn xe ca trao trả nhân viên quân sự Hoa Kỳ(!) có nét vẽ sơn xanh cành lá nghi trang(!) từ ngày chưa hòa bình, đã bon bon gần qua hết 19 nhịp cầu Bồ Đề.

Cái cầu Bồ Đề bị bom suýt hai triệu đại binh đao tổng thống Mỹ. Nay, nửa cái cầu tự lực cánh sinh mà làm lại, trông như một thân áo nâu phải thay hẵn đi một vai. Dưới cầu - đã chảy biết bao nước chảy gậm cầu - sông Hồng hiền hòa mùa xuân đang vuốt mượt làng bài. - Và phù sa xuân cho tời ra những thanh sắt gi của cầu bị thương nặng do 14 trận bom xuyên phá của “nhân viên quân sự Hoa kỳ”. Bốn xe ca trả Hoa Kỳ qua hết cái cầu súng sót, qua mép bài Bồ Đề đang “nhong nhong ngựa ông” qua phố ga Gia Lâm tan hoang mấy đận vừa rồi. Thôi, cho nó xong đi. Ấy cũng phải đến thế rồi có xong thì mới xong. Bất giác thấy phục hiện một số chi tiết vừa thu được ở trại giam HIN - TƠN - CẦU MỚI, cách cột đồng hồ Ngã Tư Sở trăm mét chim bay, cạnh sông Tò Lịch rau muống, cách đây mới chì vài trăm phút. Trong trại tù, cạnh sân bóng vô lây là một sào cà chua lá xanh rờn, và xà lim này xà lim nọ là những trái ca chua mâm mím. Đám tù này được trồng cây, và đã kịp bón quả, trước khi trở về bên kia tự do dương Thái Bình, có tên đã bỏ sẵn vào túi du lịch trái cà lưu niệm, cá môt vài mảnh bom Mỹ ném hồi nọ vào trúng góc trại, làm một số bị thương. Trong một buồng khác, thấy có thầu cá vàng, và lại có cây cảnh nữa. Cây hai viên gạch carô lên, trồng vào đáy ít khóm đậu nành và mây đot rau húng. Thấy tôi bứt cái lá trồng xanh mượt mà “chú”

nó được tha sáp bỏ lại xứ này để ra đi, tên tù cười cười: "Ve-ri-gút". Chao ôi, con người ta cũng chúa là hay quên. Tui bay có nhớ là đã phá hỏng bao nhiêu rừng cây lành và hủy diệt bao nhiêu vườn quả không?

C.141 đã đậu sẵn để nhận người được thả. Gọi đến đâu, tiến lên đến đây, một tay kè kè cái túi du lịch đen. Tôi biết là chuyến này ngoài lạt bánh chưng, dép lốp, quần áo pigiama sọc đỏ bầm xin mang theo về bang quê hương gọi là tí quà chiến tranh, họ còn mang theo cả điều cày nữa. Chả biết nó nằm trong cái túi nào đang tách ra khỏi hàng. Cái thằng cha chồng đôi nặng kia gợi lại mấy trang "Xtalingrát" của Toôdoro Pliviê ghi những nét bại tẩu của sư đoàn phát xít. Có tên cầm túi du lịch ở tay phải, giơ tay trái chào, rồi lúc vội, lại đưa luôn tay trái ra mà bắt tay thượng cấp lái mình ra đường băng bay. C.50.080 nhận đủ người, chưa kịp cất cánh thì chiếc C. 50.238 đã vòng lượn và hạ xuống. Cả hai đưa nó rú máy, nó tăng máy, nó đạp máy cho nóng, nó nháy đèn, nghe bạt nhĩ mà nhớ những ngày nó bay vào để quăng hết thứ này thứ khác vào mình. Trao trả đến người cuối cùng, đến tên quan tư hải quân đội số tự do Acniu thì người đi xem tràn hết vào đường băng. Nhiều cụ bà đeo kính vào bỏ kính ra để nhìn cho rõ cái lúc cút đi của một đám khách không mồi này đang sắp "liệu mà cao chạy xa bay" (Kiều). Hai nhà báo trẻ đùa nhau: "-Còn tên nao nữa không ? - Nếu gây lại cuộc chiến tranh nữa, thì vẫn còn !".

Tầng dưới ga bay, quầy hàng sơn mài, quầy vàng, bạc chạm trổ, quầy bán tem Việt Nam, vô khói người hỏi hàng. Vô khói người các nước đôi tiên. Có tung thêm mấy chục két bia Trúc Bạch nữa cũng cứ hết veo. Xuân này vẫn còn là xuân lửa, nóng (bên kia bờ sông Thạch Hãn, súng to vẫn còn nổ). Trong phòng họp báo của bốn bên, vài sĩ quan Sài Gòn vẽ vời giờ giọng, nhưng rồi cũng phải ký vào biên bản của đợt trao trả tốt và hết. Tin mới nhất cho biết là trong kia Sài Gòn đơn vị cuối cùng Mỹ đang cầm vào sợi dây cờ sấp hạ cờ, và người lính bộ Hoa Kỳ đã cuốn gói để chỉ tí những thoi là bán xôi.

Mười sáu giờ kém 20 (giờ của người viết này) chiếc C.141 cuối cùng nổ máy trên đường băng, chạy khoảng trên nghìn mét băng thì bánh trước đã lia được đất Hà Nội rồi biến vào phía biển Đông. Lúc ấy 16 giờ kém 15. Gốc gạo đỏ cháy trên đường 5, đánh rót đóa hoa cuối cùng, hoa xoáy tít như một quả toocpi sơn màu máu.⁽¹⁾

Chưa lần nào sân bay Gia Lâm đông như buổi tổng đưa này. Thế mà, khiếp quá, không có lấy một nhánh hoa nào. Không một lời nào thoát ra. Mà lại tuyệt đối không một cánh tay vào vẫy vẫy như thường lệ ở ga bay Hà Nội vốn lưu luyến. Không một cặp mắt nào chịu nháy. Chỉ có máy bay Hoa Kỳ nổ ầm ầm. Cả một sân tổng tiễn yên lặng. Lặng thinh mà nhìn theo một đám khói tăng tốc.

⁽¹⁾ Toocpi: Thủy lôi.

VẬY MÀ ĐÃ MỘT NĂM CHIẾN THẮNG B.52

Chà mấy chốc nữa mà hòa bình trên miền Bắc đã trọn một năm. Chủ nhật vừa qua, bọn tôi bố trí một chuyến xe trở về thăm làng sơ tán cũ. Làng Em (M) chỗ sơ tán năm ngoái đã in vào bọn tôi những kỷ niệm thật là thấm thía. Những hôm giặc điên cuồng đánh phá Hà Nội, đứng ở mặt đất làng Em nghe rõ tiếng rung của từng trận bom và, ban đêm thì thấy rõ những cái chớp bom B. 52 chỗ chân giờ Hà Nội cháy gắt. Từ khi cơ quan rút về Thủ đô ăn Tết hòa bình, chả ai lên thăm viếng được bà con, bọn tôi thường đinh ninh với nhau rằng không chóng thì muộn, sao từ giờ tới Tết cũng phải trở lại làng cũ cho nó phái cái đao làm người. Với tôi, làng Em và một vùng Sơn Tây này lại còn là nơi mình đã từng lồng vào đấy ít nhiều chuyện riêng tư từ hồi còn nhỏ, từ cái hồi tàu thủy Bạch Thái Bưởi còn ngày ngày chờ khách Hà Nội ngược tỉnh Đoài, - bấy giờ chưa có ôtô tài khách qua Phù Hoài. Chao ôi, quên sao được những nồng nỗi

vượt sông ban đêm ngồi bó gối trong chiếc thuyền nan sang ngang sông cái. Chuyến ấy, tôi từ Khu bốn trở lên Việt Bắc để nhậm chức; địch Pháp đã chiếm thị xã Sơn Tây, đường dài phải vòng qua làng Em và, chính anh du kích làng Em đã chèo thuyền cho tôi vượt sông. Sông Hồng cũng như đêm, đen đặc. Không biết mặt anh du kích qui báu, chỉ nghe tiếng miết bơi chèo. Không thấy mặt, không biết tên, chỉ nhớ rằng đây là cái bến làng Em này.

Bọn tôi trở lại làng Em sơ tán vào lúc chạng vạng một tối thứ bảy hòa bình, sân gạch đình làng đèn điện sáng trưng, điện đang thúc máy tuốt lúa chạy vo vo. Mọi khi còn thời chiến, phải tuốt lúa thầm, và mọi thứ ô tô lớn bé, tuyệt đối không được vào làng, đây là lệnh của làng. Hôm nay hòa bình đã mươi tháng rồi, xe chúng tôi xuyên thẳng cổng làng và vào thâu tối ngõ trong. Mọi người đổ ra. Nhận ra nhau. Rất mừng. Làng năm nay vừa gặt xong. Được mùa, mà lại có cố nhân Hà Nội về để thiết cơm mới. Mừng mừng nhưng thoảng có tiếng xì xào.

Tôi ấy, bọn tôi chia nhau đi thăm hỏi bà con và đưa những gói quà mọn tới những chủ nhà đã nhường nhà cho người tránh bom năm trước. Và cũng nhiều bà con chạy tới thăm chúng tôi: “Ra các bác vẫn nhớ đến chúng tôi. Tết vừa qua, cả làng ăn Tết vui lắm. Thật là Tết hòa bình vinh dự. Vụ mùa này lại đang

thu hoạch khá, thật là khá, cả lúa cả rau củ đều khá cả. Lại có các bác về ném bom mới với bà con vui quá... Các bác trở lên thăm làng, có việc gì nghén cứu thì chúng tôi cũng không dám biết tới. Nhưng cả thôn cả xóm chúng tôi, trước sau bao giờ cũng vẫn quí mến các bác ở Hà Nội cát công lên tới đây. Tình hình gần đây xem ra nó lại muôn giờ giọng phái không bác? Ở đây cũng đủ loa đủ đài cả. Vừa thấy Chính phủ ta vạch ra bộ trưởng lâu la Mỹ đe ta là nó dám ném bom lại ở Đông Dương. Cái giọng giặc Mỹ này nó đúng là Phạm Nhan, đĩa đói chặt ra từng khúc quăng xuống sông tống ra biển rồi, mà nó vẫn lộn về đầu thai vào quân Thiệu". Bà con đã vân hết về, ông Đợ chủ nhà nói nhò:

- Các bác lên thăm, tất cả bà con quen biết đều lấy làm quí hóa vô cùng. Còn như vạn nhất mà các bác phải sơ tán lên đây lần nữa thì có gì khó khăn lắm đâu. Quen nhau, thuộc nết biết tinh nhau cả rồi. Bác nào nǎm ngoái ở nhà ai thì giờ lại cứ đây mà dọn tới chứ gì. Bà con ta giờ tinh lắm, biết và hiểu cả đây. Hay là Mỹ nó đòn gió? Mỹ còn muốn hòa bình nữa hay đã thôi? Ôi dà, chúng nó lầm trờ, nhưng mà ta cũng có khối phép. Tết tới xem ra vẫn còn phải cẩn thận với nó đấy bác nhỉ!

- Vâng, vẫn là cái Tết cứ phải tiếp tục cảnh giác.

- Văn giao thừa nhấp nhôm. Ông bà ông vải liên mây Tết vẫn phải cùng con cháu cảnh giác cái quân Mỹ Thiệu...

Nghĩ mà cứ bận lòng vì cái ông Đẹp này trước đây thật lầm oan khiên. Ông vừa cung chén với bọn tôi, vừa khoe rằng năm nay thu mùa khá, dành ra được năm trăm đồng. Mua được cái xe cải tiến gần 100 đồng, loại chờ được tới ba tạ thóc, chồng kéo vợ đẩy để mà giải phóng đôi vai. Sắm được cổ giường mới cho mẹ già năm nay đã... đến Tết này là đúng 78 tuổi. Lại còn cho thằng cháu mua được cái xe đạp Phượng Hoàng, cho nó mượn 200 đồng để nó thêm tiền mà sắm xe. "Sáng sớm mai là tôi cho lợp lại cái bếp đáy bác ạ. Cái mái bếp thời chiến không bị bom đạn gì, nhưng nó cũ ài quá rồi. Mùa được, thừa rơm rạ, phải có cái mái gianh hòa bình mới toanh chứ!".

Ông Đẹp đi ngủ trước, mai dậy sớm lợp mái bếp. Bọn tôi cứ ngồi đồi bình rượu quê mà thức tối gần sáng nghĩ lo về đủ mọi thứ chuyện lành chuyện gờ. Nghĩ đến những nỗi gần và đường xa của dân mình nước mình, ở hiền mà chưa gặp lành, gặp lành cho trọn. Cân cù, chăm chỉ làm lụng, chỉ mong được chắt chiu trong thanh bình. Cây (Việt Nam) muốn lặng, gió (Hoa Kỳ) thì không muốn đừng. Chiến tranh và Hòa bình đúng là cái chủ luận cái rắng lược nó quán triệt cả sự sống toàn cầu ngày nay, nhất là ở Việt Nam ta

thì thật là đã rất cụ thể. Nếu đấu một đảng kia là chiến tranh mà đấu đảng này là hòa bình, thì giữa hai cái thái cực đó là một mảng đang tranh tối tranh sáng, cái ác, cái thiện tranh chấp nhau căng thẳng; và nay thời sự xấu đi hoặc khá lên tùy theo tình hình đấu tranh bảo vệ hòa bình của mình. Trong cách nói của loài người, vẫn còn quen miệng mà nói thắng trận (chiến), chỉ Việt Nam mình chuyển dần cách nói là : chúng ta vừa mới thắng được một chuyến hòa bình. Chao ôi, cũng chỉ mới vài chục tháng nay, giữa Paris và Hà Nội, tin tức về diễn biến cuộc họp giữa ta và Mỹ Kitxinhgioi, luôn luôn là một đường dây lúc thật lạnh giá lúc thật là căng cháy và, có lúc đã đứt phứt. Bất giác nghĩ tới mấy câu về của một anh tếu nào đó đã ghi lại phần nào nỗi hối hòp của một dân sống rất đồn dập:

“Thoáng nghe ông Thọ về rồi
Vợt lên sờ tan mà ngồi ngóng tin”

*

* * *

“Được tin ông Thọ đi rồi
Lại về Hà Nội lại ngồi chè xu”

(Chè bán chén ở quán nước trà hương 5 hào thì hồi 72/B.52 chỉ bán có mấy xu).

Con người Việt Nam mình quả là đã biết bao công của để giành lại được hòa bình khoảng năm nay mới chỉ trên nửa nước. Đêm trở lại làng Em sơ tán mà không ngủ được này cũng có thể là cái đêm của tất cả những ai đã hiểu thế nào là chiến tranh, và đều muốn nghĩ tới kế cách tăng thêm tuổi thọ cho hòa bình. Cả bọn tôi đêm trắng đó, chỉ là một lũ bình thường, nhưng có những phút hào hùng như là chính mình đã vừa tìm ra được thuốc trường sinh cho Hòa bình.

Rời Hà Nội lên làng sơ tán cũ, tưởng để nghỉ ngơi thông thả một ngày chủ nhật hòa bình trên cánh đồng được mùa của miền Bắc, mà lại hóa ra bận rộn trong đầu hơn bất cứ ngày làm việc nào. Chao ôi, già thử như cũ này năm ngoái mà ta không giải quyết gọn cái món vô khí tuyệt đối B.52 Hoa Kỳ, thì Hà Nội, Sơn Tây này và các tỉnh khác sẽ có gì, sẽ còn gì, sẽ phải làm những gì khác nữa để giữ vững cho thế hòa bình nhỉ? Bình xong cái giặc Cối xay đó (cối xay là biếm danh của B.52 Mỹ) rồi Paris mới có Hiệp nghị Paris, rồi trời miền Bắc mới yên và xanh trở lại cho mây trắng non Tân đất Sơn Tây này. Hạ uy thế không quân chiến lược Hoa Kỳ đến cái thành tích 23 cỗ B.52 ấy, tôi nghĩ rằng thủ đô Hà Nội có thể tự hào rằng mình đã góp phần vang vào chinh cái việc lớn tăng thêm tuổi thọ cho hòa bình, hòa bình ở cả Việt Nam và cả nhiều thủ đô ngoài ta ra nữa. Không hiểu hồi

này những anh em tên lửa và Mich hiển hách của chúng ta đang làm gì nhỉ!

Trời đã sáng dần, sau một đêm trăng, sau một đêm thức như thịnh thoảng vẫn được dịp sáng đèn ở một ít nước ngoài. Đã thấy ông bà chủ nhà khiêng cây tre bánh tè ra chè xong một ngàn rưỡi cái lạt để tí nữa đánh rơm lợp nóc mới cho cái bếp hòa bình. Làng đang làm ăn vui, trừ những gia đình có bếp mái ngói thì thôi, còn 97 phần trăm các hộ (220 hộ tất cả) đều lợp mái mới. Cả một làng lợp nhà mái mới, trông thật sướng mắt thật. Bất chợt nghĩ tới một đám cháy nào đó, mà thấy cái vui trước mắt như bị hoen ố đi. Chạy về xem cái cỗ hậu sự của bà cụ mà tối qua ông Đơ gọi là “cái giường mới sắm cho mẹ tôi” thấy lại cách nghĩ cù kỹ của người Việt Nam bình thường đối với cái sống và cái chết của con người ta. Mua được cái áo cho bố mẹ tuổi cao, để dành đó cho việc sau này, vậy là đã có phần nào báo hiếu được rồi. Sáu tấm gỗ chờ nhai dày bốn phân; trông cỗ thọ dường như cũng ưa nhìn. Lại thoảng nghĩ đến các chiến sĩ đào hố hào ở trận địa, đều gọi cái hầm mình đào lấy là “chữ thọ”, lúc nó bom bắn tới tấp, tìm được hầm của mình thì đều đứa là “chữ thọ đây rồi”. Cỗ hậu sự để dành cho một bà mẹ như vậy là tươm rồi. Lại chạnh nhớ tới chuyện năm ngoái thù đô liên tiếp những tội ác B.52 Mỳ hết đêm tội ác này đến đêm tội ác khác, có những

người đã phải đi vay xối hậu sự người khác để giải quyết cho người nhà mình không may. Lại vụt nhớ tới việc năm ngoái ở ngay làng Em này, nó xảy ra cũng vào cái đận B.52 Hà Nội. Không rõ thằng (quan) hai phản lực Hoa Kỳ Pôn áy bị bắn từ đâu, nhưng dù nó và nó rót bịch ngay đầu làng Em. Xác nó dài gần hai mét, để tạm chõ quán ngồi. An táng xong vài người của ta bị hy sinh trong trận bom quanh vùng, thì cũng chôn luôn cái thằng khốn nạn Pôn trung uý đó. Có người phương xa không rõ sự tình, tần ngần trước hai ba cái mà mới, đều như nhau mà sao lại có một ngôi không có tí vòng hoa nào. Bèn nỗi lòng trắc ẩn và muốn cho mấy ngôi mà đều được hương khói binh đắng trước sự chết; rồi bèn lấy ra một vòng ở mấy ngôi thừa hoa mà đắp sang cái mà trui. Người làng sau đó, có người đã lặng lẽ giật đi vòng hoa đặt sai lầm trên mà giặc Hoa Kỳ.

Buổi sớm chủ nhật, cả nửa ngày chủ nhật rồi mà cả nhà ông Đợ chủ nhà có cả các ông em bà chị trong họ phụ tá vào, mà chỉ lớp xong có nửa mái bếp thế này thôi à? Đẹp thì có đẹp thật, nhưng cái mái nửa đá vàng rơm mới, nửa còn đen thuỷ, trông nó thế nào áy, trông nó cứ như là cái đầu hói tóc nào bị còi báo động cắt quăng vào, phải bò dở cà tông đơ cà tóc cắt mà cùng voi túa đi trú ẩn, bưng cái đầu nham nhở da báo vọt xuống hầm mà chờ lệnh báo yên. Chủ bếp

cười, chỉ một cây rơm to cao: “Lợp cả hai mái vẫn còn đủ rơm đây. Nhưng chò rơm kia còn phải nuôi con trâu. Hãy lợp một nửa mái bếp hòa bình. Còn nửa sau, sang năm lợp tiếp chứ sao!”. Ông cười, tự tin là rơm qua năm sẽ hoàn chỉnh mái bếp trong yên lành, và ông cười ý nhị như một người tự tin mình có quyết tâm nhất định bảo vệ nỗi hòa bình của mình, bất chấp diễn biến hóc hiem thế nào của cái đuôi chiến tranh ngo ngoạy phía đằng trong, chiến tranh mà năm ngoái mình đã đậm bê đầu nó.

Bọn tôi gác đáy cái bếp mới ông chủ nhà, và tất cả những bếp mái mới của làng đẹp, mà đi ra phía chợ làng. Chợ sơ tán thời chiến thì ở mãi phía trong kia, sát luỹ tre, bên mép hào; chặt, âm u, bẩn. Nay họp giữa bãi rộng. Đứng ở giữa chợ ê hề ngôn ngữ đủ các thứ và mọi người thong dong tự tại mà bán mà mua, lại càng thấy lớn vòn hình tượng díu đuôi chiến tranh và đâu hòa bình. Ủ, hòa bình thì cái chợ lộ thiên này kéo ra chõ phong quang cao ráo như thế đó. Nếu nói đổ sông đổ bể, mình thiếu cảnh giác mà không khóa chặt lại bàn tay thăng phiêu lưu Mỹ - Thiệu thì binh đao lại dây lên tại miền Nam, và trở lại chợ này cũng là khắp các chợ miền Bắc bị xé lè mà nấp ẩn vào những nơi rậm rạp ẩm mốc. Tất cả nhộn nhịp của chợ làng Em hôm nay cũng như tất cả nhộn nhịp khắp nơi của toàn thể các chợ miền Bắc,

đúng là cái biểu thị cao độ quyết tâm giữ vững hòa bình. Trên các nẻo đường hướng vào lòng chợ làng, nghe chí chát tiếng chàng tiếng đực vui giòn của những hiệp thợ đang dựng khuôn cửa, đang dựng nóc cho các thử nhà ăn tập thể và các thử kho lương thực. Xanh vắt trời một màu nắng hanh, lưng trời không vẩn một tiếng rú gầm nào. Thật là một buổi chủ nhật êm đẹp của đất nước có hòa bình.

Ăn cơm hòa bình ôn chuyện chiến tranh, nên ở mâm cơm được mùa, mọi người lại nhắc đến việc Nich Xon “trực thăng vận” từ Sài Gòn ra ngay Sơn Tay đây năm 1971 để bịp dư luận cử tri Mỹ là nó dám cứu cho bằng được cái đám tù phi công Mỹ. Ta thu một trực thăng Mỹ bị hạ trên đất Bắc. Bộ ngoại giao Việt Nam dân chủ cộng hòa tố cáo việc Mỹ đã man bắn phá trại giam này. Vỡ nhẹ ra rằng đây là trò vô tuyến truyền hình cũng rất là nhân hiệu Hoa kỳ, ông Đợ cạn một chén rượu, khẳng định:

- Trại giam giặc bay Mỹ, Nich Xon biết tống là trại bỏ không nên nó mới lén đến... Thế ra sau đấy, nó lại còn vờ vĩnh đồ lồi cho tình báo Xia của nó là báo nhầm trại giam nọ ra trại giam kia. Thằng Nich này xảo quyết thật, dàn cảnh phim, cho chiếu ra để gờ gạc phiếu cử tri bầu nó tái cử.

- Tôi xin nói thêm để cụ Đợ rõ. Biết địch là có phi công của nó bị cầm tù ở trại giam ấy, thì bố nó cũng không dám xông vào cứu. Nó đến cứu, tức là Mỹ lên án tử hình những lũ chuyên gia ném bom ấy của chúng đấy. Nó mà xông vào cướp tù, thì ta phải có biện pháp cụ thể ngay. Chỉ riêng bộ phận cảnh vệ của ta cũng đã đủ giải quyết các thứ Mỹ ấy. Chỗ gần trăm thằng phi công Mỹ vừa chuyển trại giam đó, cũng là những đứa chết hụt lần thứ hai trên đất Bắc, sau chuyến chết hụt hạ dù xuống. Chuyện Nich Xơn cướp tù ấy, vì nó là trò giả vờ, nên sinh mệnh bọn tù phi công đó vẫn còn. Nếu đêm ấy nó cướp thật thì những thằng tù này đã phải gửi xác tại đây rồi, chứ còn đâu mà đứng vào danh sách mấy trăm người ta phóng sinh cho vừa rồi.

- Ra cái thằng Nich này đều quá các bác nhỉ. Nó vừa làm chiến tranh tâm lý với ta nó vừa dùng chớp bóng để đòn tâm lý với cử tri dễ bịp của nó. Phải đấy các bác ạ, cảnh giác cho kỹ với âm mưu phá hoại của Mỹ, không bao giờ là chuyện thừa cả nhỉ.

Sau một ngày chủ nhật Sơn Tây, lại trở về Thủ đô sống và làm việc như tất cả mọi người Hà Nội cật lực lao động hòa bình và thi đua mà hiến kế, để giải quyết mọi hậu quả của chiến tranh vừa bay qua vừa bay đi. Đám này đám nọ không khỏi tự hào về công lao của Hà Nội mình liền liền mười hai ngày đêm năm

ngoài chỉ ngù có một mắt để săn cho được B.52, vỡ khì tuyệt đối của không quân chiến lược Hoa Kỳ. Hà Nội bắn rụng 23 con đại bàng chủ bài Mỹ, và đem triển lâm nó tại vườn Bách thú Hà Nội, cạnh dãy chuồng ác thú hổ, báo v.v... Hà Nội giữ kỷ lục hạ B.52. Và có lẽ không ai trên địa cầu đăng ký để phải phá cái kỷ lục này của Hà Nội mình. Chỉ biết rằng Ních Xơn và Kit Xinhgiơ (người say bom, cuồng tin về bom) cũ này đang phải làm giỗ đầu và chiêu hồn cho lũ pháo đài bay tuyệt đối đã tuyệt mệnh trên đất trời Hà Nội.

Hà Nội ta, vậy là đã đầy năm chiến thắng B.52. Súng tầm thấp, súng tầm cao, tên lửa Hà Nội, Mich 21 Hà Nội quật chết tươi 23 con B.52, nghĩ mà thấy khiếp thật đấy! Mà cũng là càng tự hào thật đấy. May bữa nay, chỗ này khu Hoàn Kiếm nói “sắp đầy năm ga Hàng Cỏ”, chỗ kia khu Đống Đa cũng nói “Sắp giỗ đầu Khâm Thiên”. Chị dân phòng trật tự phố, nhắc khéo về lập trường, đã định đạc mà cười: “Ních X ơn đang sửa soạn làm giỗ đâu B.52”. Chúc nhau “tết tây” tết ta vừa qua, người lao động chân tay trí óc Hà Nội nâng chén rượu quê mừng tuổi thọ của Thủ đô, xiết bao bồi hồi hể hả lai láng tình quê. Pháo (hỏa binh) nổ không tiếc tay, khói mừng quyện liền mây ngày chưa tan. Một ông cụ Hà Nội mấy nay nay không muốn viết câu đối đó trên giấy hồng điều ngân sa, đã vội cầm lại cán bút mà đề vào một tờ giấy: Tết

chiến thắng năm Sửu này Hà Nội ăn Tết to quá. To hơn cả giỗ trận và tết vua Quang Trung tổng ngoại xâm”.

Tôi giờ lại sô tay ghi về mươi hai ngày Hà Nội vát vả và vinh quang ấy, và xin lược ra ít nét, ít chi tiết trong cái thời chiến giữa thủ đô.

*

* * *

Nhip và lượng sơ tán, chưa đợt nào triệt để và tự giác bằng cái đập nó B. 52 nội ngoại thành. Cơ quan xé lè, gia đình xé lè; có gia đình đông, tan chia ra tới ba bốn địa điểm. Trường học khóa cổng, phố Hà Nội rộ hẵn ra. Dưới các tán cây lê đường giữa sân, tất băng đi cái tiếng hót của bầy chim học trò.

Cảnh và chuyện người Hà Nội ban ngày ban đêm lột tạm mū của nhau là một việc bình thường. Có tí việc vội phải phóng nhanh ngựa sắt, và mượn anh bạn cái mū sắt một lúc nhé!

Còn gọi lóng B.52 là cối xay. Mặt trời lặn, xong được bữa cơm tối đèn đóm thát thường, là ngồi chờ nó vào. Có công việc phải đi đâu, tai và mắt đều căng thẳng. Coi báo động, những ngày B.52 lại còn được chen vào những ám lệnh: “Giặc Mỹ âm mưu đánh phá hủy diệt Thủ đô ta. Tất cả mọi người không được nằm

ngôi đì đứng trên mặt đất". Có đợt báo động mà ám lệnh nhắc đi nhắc lại tới năm lần. Chợt nghe cái gì ù ù cõi xay. Cửa hầm, miệng hầm này nọ, bỗng giật giọng lên: "Vào đấy! Nó vào đấy!". Phiên nhất cho người ở lại nào, lúc này nhỡ độ đường ở một góc phố lạ, một khu phố lạ mà mình chưa thuộc các vị trí hầm.

Nó vào. Vào bao nhiêu, tôi không biết hết, nhưng đích xách là ầm ầm vào Hà Nội, nó đã tiêu diệt để lại đây 23 xác pháo đài bay chiến lược. Hà Nội vỡ rát cả tay nhẩy cẳng lên từ nóc hầm, thở đánh phào mà nhìn mặt trời vẫn mọc trên ngói phố thân yêu. Thần chết Mỹ lại xong một đêm nữa của quỳ Nich Xon khát máu dân lành Thủ đô. Vườn hoa khu ngoại giao và sứ quán có người nghe còi báo động đang tìm hầm trú ẩn. Từ cổng một đại sứ quán vọng ra một giọng Âu nói sôi tiếng ta, tha thiết nhắc lại : "Sứ quán chúng tôi đặt trên đất nước các bạn, và là đất của các bạn. Xin...". Tiếng bom nổ rền át cả lời mời dờ dang.

Trong những hầm pháo bên những bệ phóng, chiến sĩ gốc Lục Tỉnh và Sài Gòn kể chuyện "Ông huyền Hoa Kỳ" với các chiến sĩ của Hà Nội kết nghĩa: "B.52 không bao giờ đi một mình. Nó phải kèm các thứ cường kích tiêm kích trinh sát vô trang, nghĩa là lâu la bộ sâu nó đi thành từng đoàn. Vậy cho nên mới gọi nó là Ông huyền. Ông huyền đi đâu là thày cò, ác ôn

linh tráng đi hầu theo...”. Tên lửa vọt lén từ bệ phóng ngoại thành, làm luôn một bàn B. 52 nữa. Mọi người reo: “Huyện Hoa Kỳ cháy, cháy rồi!” Xác “ông huyện Hoa Kỳ” rót xuống mép một hố xì công cộng ven thành.

Chợ giờ chưa sơ tán hết; không có gì khó lăm, nếu cần mua bóng bán dẫn (vừa tháo ra từ xác B.52 mà).

Xe cơ quan chuyển vận lên gạo và dầu hỏa cho các gia đình. Xe đi nhanh trong đêm xáu đường, bắt cơm nóng nơi sơ tán thỉnh thoảng lại bốc lên mùi dầu hỏa.

Giường sắt nhẹ 45 đồng một chiếc. Nó nguyên là của viện trợ, đâu của Liên Xô gửi giúp nạn nhân đỡ đẽ vỡ đường năm 1971. Rất nhẹ. Có người còn gọi nó là cái chõng nhôm, chõng nhôm gấp đôi lại được, rất tiện cho cảnh sơ tán.

*

* * *

Đánh đến ga Hàng Cỏ, nó đánh luôn điện và máy nước. Sân khấu màn ảnh ách hết. Cấm các rạp, rồi tới bãi hết mọi chợ. Và đình chỉ cả bia hơi Ba Đình. Hiệu cơm tây Bôđêga ăn bằng đèn “Hoa Kỳ”. Hiệu Hoa kiều đó họ nghỉ sớm, có anh phóng viên đi tìm cái ăn để viết đêm, chỉ vội quơ lấy con chim bồ câu chiến tranh vừa lây ra từ lò quay, và vội cầm chim nóng bỏng mà nhảy đai xuống hầm ống. “Nó vào dây nhé!”. Trước

mắt đã thấy những cái chớp giật của B.52 trông và nghe rất gần.

Một đám cưới mà cô dâu và chàng rể đều là thương binh. Năm 1972, nhiều cây thông trang trí bằng những búi nhiều đuôi chó, búi tóc, các thứ sợi thiếc nó nhiều xuống để lừa lọc rada ta.

*

* * *

Có dịp đi nước ngoài, tôi thường đòi đi xem vườn Bách thảo bách thú để hiểu thêm về thiên hạ. Chuyến vừa rồi, thăm đất nước và con người xã hội chủ nghĩa Bungari, tôi có đi xem sở cây sở thú của thủ đô Xôphia. Cô Valangtin cùng đứng trước các chuồng cùi voi, trăn, sư tử, gấu, hổ, chó sói. Rất nhiều cây cối, chim muông lạ; đây là một cái bảo tàng phong phú để người thì nghiên cứu sinh vật, để kè thì giải trí ích lợi và coi đó là những học cụ sinh động để nâng kiến thức mình lên. Bảo quản lũ thú và ác thú ở Xôphia, rõ là tốn nhiều công nhiều của. Trong vườn bảo tàng này, nhiều của qui thật. Nhưng tôi đã bảo cô bạn Bun Valangtin ấy rằng :

- Vườn Bách thảo Hà Nội chúng tôi cũng có voi hổ báo gấu. Nhưng chúng tôi còn nuôi thêm một con B.52 săn bắt được cuối năm ngoái. Cánh dài 60 mét, nanh vuốt giương ra, trông ác không chè vào đâu được. Thủ

chim này bay cao chín tầng mây, cứt nó rơi xuống cứ chết hàng cả phố người. Chúng tôi đã phải dùng tới cung tên lửa Sam 2 cái tiến mới tri được. Một phi công Thạch Sanh tân thời chúng tôi đã bay lên bầu trời Hà Nội dùng thần tiên Sam không đổi không để giết nó, vào một đêm chỉ sau đêm Chúa ra đời được năm chục tiếng đồng hồ chi đó.

- Anh có thể xin cho chúng tôi được một con ác thú đó để bày thêm ở bách thú Xôphia không?

- Nước tôi giao hảo với các nước trong phe ta, cũng vẫn có gửi những tặng phẩm hữu nghị như voi sống đưa sang từ rừng Trường Sơn. Còn con ác điểu B. 52 này, tôi chưa được biết ý định của Nhà nước tôi. Tôi chỉ biết rằng hiện nay, trong số 23 con thu được từ rừng Mỹ, chúng tôi có cho bày một con để làm mẫu, tại công viên Hà Nội. Hàng ngày rất đông người Hà Nội và các tỉnh đổ về xem mặt con này, nhất là thày và cô giáo cùng là trò nhỏ. Vào xem phải mua một cái vé năm xu. Nếu Valangtin qua năm sang làm việc ở Hà Nội với phái đoàn Bungari nào, thì vào xem công viên không ai tính tiền vé vào cửa với các đoàn tham quan nước ngoài đâu. À, phải nói thêm cho cô biết rằng Mỹ đã từng đe ra miệng rằng dùng không quân chiến lược Hoa Kỳ để buộc Hà Nội và cả nước trở về thời kỳ đồ đá. Nay Hà Nội chiến thắng Mỹ, đã gọi con B.52 chiến lợi phẩm đó là một con ác thú của thời đồ đá tân thạch khi Hoa Kỳ.

Lại sắp sửa Chúa năm vào máng có Nôen rồi đây.
 Dip Giáng sinh 1972 năm ngoái, bài của đặc phái viên
 thường trú báo Nhân đạo Alanh Oasmơ NÔEN CỦA
 TỘI PHẠM với câu:

- "...Trong lịch sử các thủ đô anh hùng, đã có
 không phận trời Luân Đôn và đã có mặt phố Pari...
 Từ nay phải dành một địa vị lớn cho Hà Nội...".

Sở Bách thú Hà Nội dịp đây năm chiến thắng B.52
 bán được khói vé vào cửa xem xác Mỹ xương trắng
 bêch đuyra. Hãy vào Bách thú mà xem cái con Hoa
 Kỳ! Nhìn cái cục nhôm hiểm ác và xấu hổ Mỹ đó, mà
 càng nghĩ tới kết quả của hội nghị Paris ta vè vang
 lấy được chữ ký của nó vào hiệp nghị. Chao ôi, có cái
 cuộc tọa đàm chính trị nào trong lịch sử mà dài đến
 thế không ! Mất vài ngàn ngày, mất trên bốn năm,
 mất bao nhiêu là nước cháy dưới cầu Long Biên. Nào
 là bàn tròn, tròn không xong lại xoay ra bàn vuông.
 Nào là đàm ngồi, nào là đàm đứng, nào là bỏ đàm.
 Rồi ầm ầm B.52 kéo tới. Thế rồi giao thừa chiến thắng
 cây bóng pháo thăng thiên hòa bình kéo rền hàng
 tiếng đồng hồ. Thế rồi mùa xuân khoan hồng mà thả
 tù - xin lỗi, tôi nói nhầm - mà trao trả nhân viên quân
 sự Hoa Kỳ (gần đây, một số nhân viên quân sự ta trả
 này, đã trái hình làm khách du lịch mà đầu thai lộn
 kiếp vào không quân Ít-ra-en đánh phá Xiri Arập cuối
 1973).

ĐÊM XUÂN NĂM HỒ NÀY, NĂM NGÂM THÊM VỀ BÂY HỒ MỸ

Thế là, từ ngày ta bình được cái giặc cõi xay B.52 Hoa Kỳ, đã gọn lẹ hai Tết yên lành tĩnh tại. Và sau Tết, từ vỉ tuyến 23 tới vỉ tuyến 17, mùa xuân đúng hẹn lại trở về với Hà Nội và khắp các tỉnh thành toàn miền Bắc bình yên. Gốc già cành cũ thương tật vì bom chiến lược cũng trở lại đâm lộc dần dần. Ở nhiều lề phố, loáng thoảng người cầm mai, cầm xèng đào những hố lè. Có người sừng sốt hỏi, thì người đào hố một - từng dây hố một - tủm tỉm trả lời là "không, không, đã có gì đâu; mà đây chỉ là đào hố mới để thêm cây bóng mát cho Thủ đô. Mùa xuân trồng cây là rất hợp". Những gốc gạo độc lập khắp các khóm mọi khu trong khu ngoại ven thành đều đã bừng bừng đó ối chân trời mà gợi lại pháo Tết chiến thắng của người Hà Nội tung lên giờ không biết tiếc tiền không tiếc tay. Hành hương chùa nhang lẽ Phật đầu năm cầu lành, các cụ già dắt cháu đi trẩy hội năm nay thật là đông vui. Bên có ngay những người đào lại một câu

thơ thơi sự: "Tray hội vui như là đi đánh Mỹ". Hai năm nay, đêm cũng như ngày, bầu trời không tiếng bay xoa sao xé mây, bầu trời không rủn rèn nhịp còi chống Mỹ. Sau mỗi đêm xuân sớm ngày ra, gặp lại nhau, thay một câu chào mở đầu ngày mới, thường nhiều người hay phàn nàn với mình rằng "đã lâu nay không ngủ được cho đây giấc". Mình cũng nhớ ra là lâu nay mình cũng ngủ không trọn giấc, nhất là trong những đêm xuân sau Tết nám Hồ này. Ngoài ta đã phục hồi hai năm bình yên cho bốn mùa đất Bắc, nhưng mùa xuân chưa trở về cho gốc rừng, cho lúa ruộng, cho lá vườn các tỉnh đồng trong. Xuân ấm mà không ngủ yên, hòa bình chỉ mới ở một nửa toàn cõi, thật là không ngoa ngoắt chút nào khi những người bình thường chúng ta nói rằng đêm xuân này sau chiến thắng mới đây nhất, ta vẫn ngủ có một giấc thôi như ngày nào. Anh M. - người mà tôi tin cậy về nhữn lực chính trị - liền nhấn thêm, với một giọng đăm đăm: "Cảnh giác với Mỹ, không lo thừa, mà rất nên sẵn sàng cho dù, phải không anh!". Đêm mất ngủ thì làm gì? Chỉ còn có đọc sách (dù cho nhà mình có bị mất điện) và đó là cách "trác táng" duy nhất nếu không là cách sang trọng nhất của kè sỉ và của bất cứ ai có lòng với đất nước chưa hoàn toàn hồi xuân. - trong kia vẫn còn mất máu, ngoài nay vẫn và mồ hôi trộm.

Một đêm thức đọc đủ các thứ, tôi đọc thế nào mà lại đọc ngay vào một đoạn về cái quĩ đen của bộ chiến tranh Hoa Kỳ, cùng những dự toán của Mỹ năm 1974 này sẽ chi bao nhiêu tiền về việc ném bom tại Đông Nam Á, kể cả việc xuất kích của B.52 chiến lược. Theo tin của Nhật báo “Thế giới” mách, thì quĩ 1974 sẽ chỉ cho không quân Hoa Kỳ hoạt động tại Đông Nam Á (kể cả Đông Dương là trọng điểm chứ gì?) một số tiền là 275 triệu đô la. Và không lực Hoa Kỳ đã dự trù 276.963 giờ bay. Thêm vào đó, lại còn 750.000 giờ bay riêng của những phi đội Thiệu Sài Gòn (mà nếu Mỹ không pẩy-xìn thì cha thằng nào sẽ trả?). Về đám tướng tá Thiệu cu li cu leo Mỹ quấy phá Hiệp định Paris tại miền Nam, ngân quỹ Hoa Kỳ 1974 cũng cho Thiệu 277 triệu đô la riêng về tiết mục đạn dược. Một đại diện hành chính Hoa Kỳ gợi ý là cũng nên lo tính trước cả cho quĩ chiến tranh Việt Nam năm 1975 tới, thì thượng nghị sĩ Symington vặn lại: “Có thật là chúng ta rút khỏi Đông Dương không ?”. Ấy, Nich Xon không ngọt dàn ra mặt bài hòa bình, mà luôn luôn nói lời cái tẩy chiến tranh của chúng như thế đó.

Ở Hà Nội nhiều người, bân rộn đủ các thứ, hầu như đã quên đứt đi cái sự tàu bay quân sự, nhất là các thứ quân lực Hoa Kỳ. May ai còn nhớ tới cái bóng đáng yêu của đồng chí cán sự khu phố làm việc công không cho khói phố cứ ngày ngày cám hòn phấn ghi

con số xấu hổ của Mỹ cứ thế mà leo thang dưới bàn tay phán của người thông tin khói phố. Bảng thông tin thường là mảng lưng ngõ cụt, hoặc một mảnh tường đầu phố. Có những phố mà người ta yêu cái việc thông tin diệt Mỹ, lại còn lấy sơn màu kẻ sẵn cái máy bay Hoa Kỳ tóe khói, trên đó quẹt chéo một chữ thập đen cáo phó hộ cho Hoa Kỳ. Rồi chỉ cầm hòn phấn trắng nắn nót viết vào lưng tường ngay bên cạnh bảng báo tử Mỹ ấy cái con số máy bay nó vừa bị hạ trong ngày. Lại sực nhớ tới những ngày Hà Nội ta oanh liệt diệt Mỹ, nhất là quãng mùa đông giá lạnh 1972, Thủ đô ta “luộc nhử 23 con B.52 Mỹ” - Nói theo cách nghĩ nghề nghiệp của một ông mở hàng ăn món dân tộc. Hồi ấy, nhiều người ốm đứng, sau liền mười hai ngày đêm hao sức và mất ngủ, lại còn gọi là một vụ nấu cao hổ cốt qui mô, nấu liền một mẻ những 23 bộ xương hổ Mỹ mà lại là kẽm B.52 nữa kia! Ngay sau cái mè cao khổng lồ hàng tấn cao Mỹ ấy, Thủ đô ta hồi sức ngay, và cả nước từ Bắc chí Nam khỏe hẳn ra, mà anh em ta khắp bốn bề năm châu đều hể hả ra mặt ra lời. Dũng về kỹ thuật nấu chung cao hổ cốt, từ ngày có Đông y ở Đông A, thật tình mà nói cũng chưa bao giờ phải nấu cao từ công phu đến mức ấy; lò đun cháy xinh xịch gần hai tuần liền tay đốt lửa đêm ngày, và đêm đêm đứng sơ tán quanh Thủ đô một đường bán kính vài chục ngàn mét mà vọng về

chân giời Thủ đô thì lúc nào cũng thấy lò cao Hà Nội phut lén một vầng cháy lửa đun nấu cháy rền đến người ở xa cũng phải sot ruột thay. Gần đây, bộ quốc phòng Mỹ hăm dọa một cách láo xược là dám ném bom lại Đông Dương, một số ông bà mở hàng dồi chả rưa mận của suốt một tuyến thịt chó từ Hàng Bè, Mâ Mây, Ô Quan Chưởng, kéo qua Cống chéo Hàng Lược lên tới chợ Châu Long, tất cả đều nói buông thông: "Nó lại muốn ta nấu cao hổ cốt nó đấy". Cũng như nhìn thấy con chó nhà ai sửa sang cắn bậy, họ thường nẹt con chó trở chứng: "ý chừng chú mà y lại muốn giềng mè đấy phỏng!".

*

* * *

Quân tướng của Thiệu làm cu li thuê cho bộ máy chiến tranh Mỹ. Thiệu cùng tướng và tá đúng là một lũ hổ giấy của Mỹ. Nếu không có quan thầy Mỹ lộn sòng vào đội ngũ, thì cái đám giấy vẽ rần rì đó dễ cháy vèo từ lâu rồi. Càng ngày càng rõ cảnh loạn rừng phương Nam là do hổ Hoa Kỳ gây ra. Đó là những con hổ tranh Hoa Kỳ đội lốt người, nói tiếng chiến tranh mà lại khoác áo hòa bình. Cha cha, còn có nơi nào mà lãnh sự quán Hoa Kỳ mọc ra nhiều như vậy ở vùng da báo Thiệu không! Và từ ngay tiến sĩ thái sư

Kitxinggiơ đẻ ra cái trật phẩm “cố ván” trong ngạch quan lại vò biển Mỹ, thì cái sự giết người của tử thần Hoa Kỳ càng phát triển thêm cái “hệ cố ván”. Cố ván dân sự⁽¹⁾ của Thiệu Sài Gòn là gì nếu không là lũ linh, đánh thuê mới của Mỹ đầu tư - một cách khôn nhưng chưa ngoan - vào thời cuộc phương Nam? Hai vạn rưỡi tên (cố ván Mỹ) ấy cài vào các đống da báo Thiệu, thì còn bao lâu nữa hòa bình Việt Nam mới hừng sáng ở rừng ruộng vườn phương Nam? Ở ngoài ta đã vắng hắn đi cái bóng cần cù dễ thương của anh cán bộ khôi phố ghi lên mặt tường Hà Nội con số leo thang chết của máy bay Mỹ cháy rụng, nhưng ở phương Nam, từ sau Hiệp định Paris và Hiệp định bí Mỹ - thiệu xúc phạm vô trang, thì các khu vực đang trong lại đang liên tiếp ghi số tàu bay Thiệu (tức là Mỹ) bị quân dân Giải phóng bắn rơi. Con số tàu bay Mỹ - Thiệu bị hạ

-
- (1) Theo con số được biết (nghĩa là không đúng với sự thật) thì tại các vùng da báo Thiệu:
- Cố ván Mỹ các cơ quan quốc phòng Thiệu Sài Gon là 3.500 tên;
 - Cố ván Mỹ tại các quân binh chúng là 9.000.
 - Cố ván Mỹ ở các ngành cảnh sát tỉnh bao là 3.000
 - Cố ván Mỹ tại các ngành khác hữu quan với quân sự là 6.500.
 - Nhân viên (ngoại giao) đại sứ quán cùng là lanh sự quán Mỹ là 2.000. Tổng cộng tạm là 24.000 con hổ Mỹ.
- Tam ghi con số chưa chính thức này, cũng thấy số hổ Hoa Kỳ trả hình người dân sự nay là đủ gây loạn ở ruộng rừng miền Nam.

cháy cũng đang leo thang lần lần và trong một lúc nào gần đây sẽ vượt con số tròn 100 hổ Mỹ sống sói.

Năm Hổ thường vẫn là năm dữ rùng động rừng - theo lời các cụ sơn tràng và thợ săn. Nhưng nó cũng là năm làm ăn của những người làm nghề nau cao dã thú để tăng thêm gân sức cho mọi người muốn được làm ăn trong yên bình.

Nhà nghiên cứu về hổ là Christian Zuber, trong báo "Paris Match" có nói tới các giống hổ, như hổ Nam Dương, hổ Á Phu Hãn, hổ Ấn Độ, hổ Tân Cương, hổ Tây Bá Lợi Á. Riêng hổ ở ta, ông nói là còn độ 1.600 đến tới 2.000 con, nằm rải rác từ dọc Trường Sơn tới vùng Cửu Long Nam Bộ. Tôi xin gợi ý thêm cho nhà nghiên cứu tư sản về hổ đó là ông quên mất cái giống hổ Hoa Kỳ. Con số hổ Hoa Kỳ ở các nơi tôi không rõ, nhưng ở Việt Nam nó đông hàng bầy. Đến tới 24.000 con (nhưng thứ "cố vấn dân sự" Mỹ ở miền Nam, mà không gọi nó là hổ đói Hoa Kỳ thì bảo tôi gọi nó là con chó sao!). Muốn thấy mà thống kê đủ tên hổ, xin mời ông cứ về các vùng da báo Thiệu. Có lần ông bí thư tỉnh Lai Châu (Tây Bắc miền Bắc) nói với tôi rằng rừng Lai Châu giờ nhiều voi Lào chạy về cù hàng đàn, đàn voi tránh tiếng súng trận đất Lào. Nhưng hổ thì không thể. Những lúc Quân giải phóng trùng trị quân Thiệu nguy lấn sang đất giải phóng, thì nghe súng nổ rèn là hổ xông tới, năm mai phục chờ yên tiếng nổ thì

tới cướp thây ngụy. Việc đó, nhiều chiến sĩ nhiều vùng giải phóng đã chứng kiến.

Hoa Kỳ gần đây thường lu loa rằng đã “phủi tay khỏi miền Nam” nhưng quả tang là nó đang ném đá giấu tay, nó kéo dài chiến tranh gọi là có mức độ (?). Người dân Sài Gòn bình thường và lương thiện, qua miệng người dân biểu thức thời, đã phải nỗi dóa lên về tình trạng “phi hòa phi chiến” đó gây ra do hổ Mỹ ngày càng viện trợ các thứ vũ khí, các thứ có vấn dân sự cho con báo Thiệu muốn trồ thêm đốm da báo (thực ra là miếng da lừa) của Thiệu.

Mùa xuân năm ngoái, tại sân bay Gia Lâm, liên tiếp mấy đợt thả giặc Mỹ lái máy bay - mà theo Hiệp định Paris ta gọi là “nhân viên quân sự Hoa Kỳ”. Đợt thả cuối cùng, diễn ra cùng lúc với việc ở sân bay Tân Sơn Nhất Sài Gòn tên lính Mỹ cuối cùng ở các đơn vị bộ binh Hoa Kỳ cuốn cờ vinh biệt đất nước phương Nam mà cút ra biển Đông, trở về bên bờ kia cái “ao éch” Thái Bình Dương. Đang Ngoài thả tù. Đang Trong nó cuốn cờ cuốn gói, mình không giỏi mà được vậy sao! Nhưng tôi vẫn là một chú khờ khi ký sự về sự cố lịch sử đó, tôi đã tiêu đề lên đầu bài: “Đất cùng trời toàn cõi ta, từ nay sạch bóng Nô”. Nghe nói ký sự đó rồi sẽ được in vào một cuốn mang tên mình, tôi vội vã chữa lại cái nhan đề, thêm vào mấy từ, để gọi là chữa cái lòi chù quan ở mình. Nó đã hết đâu! Bóng nó

vẫn còn làm cớm lúa và cây miền Nam. Nó còn phá rừng và ăn thịt người mình trong ấy. Nay biết dại và không giấu khờ, tôi chữa cái nhan đề là : “Từ nay COI NHU sạch được bóng nó”.

Mùa xuân năm ngoái thả tù Mỹ, mùa xuân năm nay bốc mà Mỹ. Những “nhân viên quân sự Hoa Kỳ” trước đây ta hung táng nơi lưng ngàn bãi biển cánh ruộng, thì nay ta cát táng hộ nó, và trả nó. Nghĩ mà thấy bận tâm hộ thay cho những anh em mình phải giữa mùa xuân dân tộc, đi làm cái việc vất vả, tê nhị một cách khó diễn tả này. Mình bốc lên, nó tới lính tại sân bay. Đợt đầu trao ngày Xít Mác (6-3) hãy biết là 12 bộ hài cốt Mỹ. Chắc những hổ cốt Hoa Kỳ không thể bỏ vào những cái tiểu sành cổ truyền của mình. Xương tay xương chân nó lêu nghêu thế, tiểu nào của ta cho vừa (lúc nó từ thương dù xuống, ta cấp cứu cho, còn phải ghép nối hai bàn mổ cho nó nằm mới vừa kia mà). Và chẳng Mỹ thiếu gì túi nilông và áo quan kẽm cắp chì. Nhưng thôi đó chỉ là chi tiết.

Đêm xuân lại vẫn không ngủ được yên giấc. Trong đêm, lắng kỹ, như nghe được tiếng nhựa sống của tất cả cây ngoài phố nó cưa quây mà ra lộc. Mà nǎm nay có vẻ như muốn đậm chồi bốc lộc mạnh hơn mọi xuân cũ. Có vẻ như là để bù đắp cho tất cả cây cỏ phương Nam đang chưa có mùa xuân, đang bị Mỹ - Thiệu tiếp tục tàn hoại mọi cái gì là diệp lục tươi xanh. Đất và

Trời phương Nam bị ô nhiễm biết bao năm rồi, nay lại vẫn tiếp tục ô nhiễm Mỹ - Thiệu. Mùi hổ bao giờ cũng hôi khét, hổ Mỹ lại càng nồng mùi, nặng mùi. hai vạn rưỡi con hổ cổ vẫn Hoa Kỳ đó là gì nếu không là ô nhiễm khét cháy lên. Trời, cái ông dân biểu gì ở Sài Gòn, (hình như là ông Trần Ngọc Giao) nói cái câu đó ở báo Điện Tin, nghe thấy được được đó: "...rằng người Việt Nam cần hòa bình hơn là viện trợ...". Đúng đó ông à, phán đầu để cho hòa bình trở lại miền Nam, để giữ lấy hòa bình toàn cõi, không phải là vì khiếp sợ bất cứ ai bất cứ cái gì, mà chính là để giữ lấy cái nhân phẩm người mình ở khắp gầm trời Việt Nam. Ông à, lực của Hoa Kỳ, chiến lực của nó chưa tận đâu, nhưng thế của đấu tranh cho hòa bình đang trên thế tấn công ở toàn thế giới.

Đêm xuân mà thao láo cả hai mắt, lòng khôn xiết vẫn vương với cái tính nhị nguyên của sự sống nhơn tiền. Chiến tranh và hòa bình. Tìm cái thắng bằng chiến, tìm cái thắng bằng hòa, hòa cho được. Nó như có đêm thì có ngày, có ác thì phải có thiện, có đực có cái, sông có bên lở bên bồi. Có hiểu chiến Mỹ thì có đấu tranh giữ vững hòa bình của ta (ta hiểu theo cả Bắc và Nam, và rộng ra cả thiên hạ dưới gầm trời trên mặt đất tinh cầu).

Hà Nội, tiết xuân phân một năm Hồ
(21-3-74)

GIÒ LỤA

(*Tặng Thạch Lam*)

Cái buồi nhán loại tìm ra lửa để nướng để thuỷ để nấu để luộc để hầm, từ cái lúc con người biết đưa con lợn vào mâm vào đĩa bát mình, Đông Tây kim cổ khắp thiên hạ, đâu đâu và ai ai mà chả ăn thịt lợn. Có thể chỉ trừ các dân tộc theo đạo Hồi, còn thì dân nào nước nào cũng ăn lợn, tìm ra mọi cách để chế biến thịt lợn cho hợp với khẩu vị mình.

Người Việt Nam ta cũng biết ăn thịt lợn như mọi người nào của các nước nào biết quay lợn cả con mà nhậu nhẹt, nhưng đến một vài cách chế biến thịt lợn, thì hình như ta ra mặt có phần sáng tạo đây.

Thịt lợn đem gói giò chảng hạn. Không sợ là huênh hoang thiếu khiêm tốn, ta có thể nói rằng biết chế lợn ra thành càn giò lụa, đó là đỉnh cao của một dạng văn hóa dân tộc toàn cầu ăn thịt lợn và chế biến món ăn lợn, hình như giò lụa là một tiết mục độc đáo chỉ ta

mới có, chỉ người Việt Nam ta mới nghĩ ra và làm ra thôi (tôi thành thật rất mong một bạn bác học nào dẫn chứng và chỉ cho tôi thấy thêm là ngoài cõi Việt Nam, giờ lúa còn thấy ở một vùng nào xứ nào nữa kia).

Tại sao lại chỉ có cái anh Việt Nam nghĩ ra món gì. Ta có dịp chiêu đãi bạn bè họ nội ngoại quốc tế ai cũng thấy là có mê cái món giờ lúa Việt Nam tinh tế nhường ấy thì cũng không có gì là lạ cả. Nhưng rồi cũng cứ phải hỏi xem tại sao Việt Nam ta lại làm ra được cái “trò” giờ lúa hấp dẫn đó chứ, nó vẫn lại như câu chuyện quả trứng Corixtôphơ Côlông, nghĩa là ít nhất ban đầu, cũng phải có một anh nào nghĩ ra cái cách đó chứ!

Cụ Liu, cụ nghệ nhân già giờ sáu mươi năm tuổi nghè áy có lần đã bảo tôi rằng “ông ạ, ta sinh ra món giờ lúa là vì nước ta sẵn có cây chuối, lá chuối, chứ không phải là vì ta nuôi được lợn”.

- Khối nước cũng hàng rưng chuối đầy mà, sao vẫn không làm giờ lúa, - tôi cãi lại - Đây cụ xem, Xiêm, Miên, Lào, Trung Quốc chả khôi chuối ra mà có ai nói đến giờ Lào, giờ Xiêm, giờ lúa Trung Hoa đâu?

- Có chuối nhưng lại còn phải biết dùng nó, biết phối hợp nó với thịt nữa chứ. Nay tôi đố ông làm được giờ lúa nếu không có tấm lá chuối nào. Là nói lá chuối

tươi đây, chứ ai bàn gì đến lá chuối khô. Cái bánh giờ sở dĩ có hương vị bánh giò vì nó được châm quyện trong mùi thơm lá chuối luộc cho bằng chín tới đây. Giò lụa thơm đậm vì mùi thịt tươi luộc cộng với mùi thơm chát ngọt của lá chuối tươi luộc chín.

Tôi đó ông gói giò sống bằng lá ổi, lá sung, lá sen, lá dong mà lại thành ra đúng mùi vị thanh ngay của giò lụa cổ truyền đây? Nay ông có nhớ tới một cuộc trình diễn sáng kiến, người ta bày một cái ống sát to bằng một đắn ống máng, và giới thiệu rằng tống giò sống vào đây, bịt một đầu lại rồi dùng nước sôi thì thành giò. Lời giới thiệu nhấn vào chỗ luộc bằng cái ống lệnh đó thì đỡ phí bao nhiêu lá chuối và công buộc thịt dây lạt. Ôi, giờ ơi, thì ra là giò rỉ sát à? Làm ăn như thế thì tôi cũng đến chết với mấy ông áy thôi, ông ạ.

Cụ Liu chuyên viên tột cấp về giò lụa lại tiếp tục đó tôi rằng ở cân giò lụa “cắt ngang ra từng khoanh - không ai đi bổ dọc cái giò phải không ông - ở - khoanh giò cắt ngang chấm miếng nào là nhiều dư vị nhất. Ủ ông tinh đây, biết chọn cái đầu dày của giò là giỏi đây! Nhưng đừng ăn miếng đầu dày cuối giò nó hơi mủn vì nước luộc hay đọng xuống. Đầu dày phía trên thì khô giòn, cứ trong cái đầu nào có lồng cái lạt treo là trên chứ gì? Ông còn nhớ các cụ ta xưa nhâm rượu với cái tăm xiên khẩu giò lụa hay ngâm nga

"thanh lan chí không bằng bánh dày em" thì thanh lan tức là cái đầu dày giờ lua đầy. "Thanh lan đầu dày sở dĩ ngon hơn thơm hơn là vì nó tụ hết hương vị lá chuối vào, vòng ngoài giờ lá chuối già, áo lót trong cùng là lá chuối non vàng nhạt màu lụa".

Cụ Liu cứ vê cù lạc, cứ é à "Tửu lạc vong bần ông ạ" và cứ giảng về nghệ thuật giò lụa. Đúng đến kỹ thuật giã giò, giọng và mắt cụ Liu sa lệch hẳn đi.

- Có phải thịt lợn nào cũng giã được giò lụa đâu. Thịt mà ướp tủ lạnh thì giờ mới giã nổi. Nó phải tươi, để tay vào còn âm ấm, lúc thái ra miếng thịt còn phai như nháy trên mặt thớt, không cần thận thì thái vào ngón tay mình đầy. Nhưng cái khâu giã chày mới là lúc lao động ra trò. Giã như cái chú gân đây thì còn gì là chả là giò nữa. Đầu lại có cái kiểu nện chày chúng chẳng tiếng đục tiếng cái tiếng mẹ tiếng con như thế. Cái kiểu giã cho hết giờ áy thật phí cá yến thịt tươi ấm. Ngày xưa tôi giã giò làm gì có quat máy, cứ mồ hôi trên mồ hôi dưới, hai tay nện vô hôi kỵ trận, muỗi nhặng đốt mép đốt mặt cũng kệ, cứ giã đều. Mệt quá thì đưa mắt cho đứa cháu nó rót chén rượu vào mõm, giã mạnh quá cũng không cần, nhưng cốt là giã đều và bền sức. Nghe nó đều đều như dây cung bắt bông nêm. Đều đều như tiếng húa con đập dát lá qui vàng. Nay nghe tiếng giã giò, có thể đoán được mè giò lụa là được hoặc là bỏ.

- Nay giờ có thứ cối xay thịt chạy điện, tội gì mài công già hai chày hai tay thô sơ.

- Ông định làm ba tê xúc xích thì hãy nghiên cối xay, chứ giờ lụa thì không thể chạy điện như thế. Ông đưa nhà tôi mà bảo cối xay điện tiện hơn chày già giờ, có khác gì bảo nạp thịt vào hộp nhựa khử trùng, để làm giờ ni lóng cho nó nhanh. Cụ tổ nghề chúng tôi truyền nghề cho không rõ từ thời vua nào, nhưng đến thờ tổ là phải có đôi chày gỗ mít sơn son thiếp vàng dày hai ba thước ta... Già giờ mà nhịp chày kép không đậm đều, tôi nói thật cho ông biết nó sẽ không khác gì cái thằng đồ bê tông móng cầu châm chạp lóng ngóng làm ôi xi măng đây.

Xin chịu cụ Liu.

Tiếc cái là cụ Liu phải về chầu các cụ tổ trong nghề. Năm cụ Liu tịch, cùng là năm in ra cuốn từ điển tiếng Việt về từ Giò - có câu nghĩa như thế này “món ăn làm bằng thịt thường già nhỏ, bó chặt rồi luộc” Thịt gì, Thịt những con gì? Và con nào là cắn bàn? Bó, Bó bằng gì? thử gì? Và giờ lụa thì bà con Nam Bộ thường gọi là chả lụa tướng cứ nên chua vào từ điện, với cái ý là nên và phải sớm thông nhất tên gọi sự vật, trong khi chờ đợi thống nhất Bắc Nam.

Một dịp nào đó nếu có thể, sẽ xin trở lại vấn đề “chả hay giò cùng là chả và giò”.

Giò, bánh dày giò vẫn còn nhưng ngày nay đã mất đi cái bóng người đội thúng bán rong giò chả của Hà Nội nhiều thứ quà ngon và không đắt lắm. Quà rong bờ hè lề phố thủ đô hàng nào cũng có một cách rao bằng lời ngắn lời dài có khi như ngâm như hát nữa kia. Có khi chỉ bằng tín hiệu gõ phách, gõ mõ... Duy chỉ có những bác giò chả quê vùng Uớc Lê là không ai rao hàng - Họ lặng lẽ mà đi, hàng phố ai biết cái thúng ngon đặt trên đầu ấy thì gọi, có cái vẻ như là thứ này ngon thật sự, ai tinh ý thì tìm gọi, chứ họ thì không phải lăm nhăm chời chèo kéo.

Có lẽ cụ Liu đã nhiều lần qua lại phố Hàng Bạc. Phố này nhiều chủ vàng và chúa là ăn quà vặt. Có thể Hàng Bạc có điện bà Bé Tý là đất thánh của hàng quà ngon. Tuổi thơ áu của tôi ở cái phố đông và lầm thứ quà rong này, tôi quên sao được những bác Uớc Lê giò chả bánh dày giò. Họ cứ xéo lấm gầu quần chấm gót đi khắp phố phường, ngo thông ngo cụt và nhà ai có ky có giỗ là đều nhớ biết để tìm tới nhận đặt giò chả cần cho cỗ giỗ. Giò gương to bảy phân, mười hai phân, lại có thứ nhỏ mỏng như cái lưỡi mèo, cả cái nguyên vẹn mà chỉ một xu, hai xu một cái.

Những hôm tôi ngoan, không sang nghịch bẩn đình
ông Tưởng giữa Hàng Bạc, thì bà ngoại tôi mua cho
cái giò lụa hai xu vùi xuống đáy bát cơm mà ăn dè.
Lúc ấy còn tiều băng tiền kẽm. Lúc ấy nào tôi có biết
thế nào là bài thơ tốt câu văn hay. Nhưng mặc dầu
còn rất bé, tôi đã bắt đầu biết giò la tốt là ngon, dù
miếng ngon hai xu đó chỉ bằng cái lưỡi mèo. Và lớn
lên bấy giờ đã hai thứ tóc càng thấy rằng giò lụa quê
 hương là một miếng thịt chín thơm lành sạch sẽ dành
 cho người tài giỏi đủ điều, và rất xứng đáng thưởng
 thức của ngon vật lạ do chính mình nghĩ lấy và làm
 ra.

Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật,
 số 31-7-1973

CỐM

Cốm làng Vòng nổi tiếng khắp Hà Nội. Trước thời kỳ chiến tranh tiếng thơm của cốm làng Vòng truyền đưa vào đến Thanh Nghệ, đến Huế Quảng, đưa xuống Nam Định, Hải Phòng và vào thâu đến Sài Gòn Nam Bộ. Mỗi năm cứ thấy gió mùa thu nổi sóng trên đồng lúa miền Bắc là nhiều người lại nhác đến cốm Vòng - Cái món quà thoả ngơi thơm lành của ruộng lúa nếp ngoại thành thủ đô. Những cây sầu riêng đường của Hà Nội mà bắt đầu lộp bộp rụng xuống những trái sầu chín cây thi trên vỉa hè Hà Nội cũng bắt đầu hiện ra cái hình ảnh người gánh cốm đi bán rong. Trái với thói thường của hàng rong, gánh cốm cứ êm ái mà đi, người bán cốm không cất tiếng rao hàng. Hình thù người gánh cốm cũng phần nào gợi lên cái phẩm chất như thứ quà giàn dị thơm thảo hiền hậu, vừa chắc chắn vừa tinh tế. Đứng trên ban công nhìn xuống, đứng trong ngõ hoặc đứng trong quầy hàng nhìn ra, mà nhận được gánh cốm thì khắc gọi lấy mà mua. Cái gánh cốm Vòng cổ truyền đã quen quá đi rồi với con

mắt của nhiều người đã chết đi sống lại nhiều lần với Hà Nội. Ai mà lâm được cái gánh cốm Vòng có cái đòn gánh dị thường một đầu thẳng một đầu cong vút lên như cái ngọn chiếc hia tuồng Bình Định. Cái đòn gánh cổ truyền ấy là cả một thân tre đánh cả gốc, đầu cong chính là cái phần gốc cây mà có khi phải chọn hàng chục bụi tre mới tìm đúng được một chiếc đòn gánh cổ vừa ý. Cho nên đã có những cái đòn gánh cong truyền đi vai người này đến vai người khác có hàng mấy đời liền. Trong thúng là cốm, trên mặt thúng là một bó cọng rơm tươi còn xanh màu mạ, và những tấp lá sen Hồ Tây.

Đã bao năm nay như thế. Mỗi lần Hồ Tây lăn tăn ánh vàng nắng thu, mỗi lần những chùm mây mùa thu dãy Ba Vì và dãy Tam Đảo soi vào lòng sóng Hồ Tây, thì (ba mươi sáu) phố phường Hà Nội lại thấy xuất hiện cái bóng dáng êm à của người gánh cốm Vòng tiến vào theo đường cửa ô Cầu Giấy. Lúc này cũng là lúc khắp nơi nơi, nắng mùa thu đang vây những đóm trứng cuốc vào mọi trái chuối tiêu đang vuốt cong lên cái màu vàng ngọt, và nắng mùa thu cũng đang làm bóng lên cái màu đỏ hổ phách bay phấn của những quả hồng trứng cũng đang vền hết cả tai hồng lên. Không hiểu đây là sự dàn xếp của mùa thu Việt Nam hay là sự hẹn hò của thời trân phẩm quá mà chuối tiêu trứng cuốc lại hay gặp mùa

cốm và cốm lại gấp hồng trưng. Chất nó ăn ý với nhau mà màu sắc nó còn gắn bó với nhau hơn nữa. Đây quả là diễm phúc của người họa sĩ vẽ tranh tinh vật gửi vào vô tri tất cả nỗi niềm vô cùng biết ơn của mình đối với đất nước đang ban lộc ban phúc cho cuộc sống của lúa của quả của người. Ai khó tính và cầu kỳ màu sắc cứ nói gì thì nói nhưng theo tôi cái màu xanh của cốm Vòng là thứ màu xanh đẹp hơn cả cái màu xanh của ngọc thạch. Cốm xanh đậm ấy mà lại là lá sen xanh phấn làm đĩa đựng càng thấy mình cùng tạo vật sao mà nó chan hòa cảm thông đến được như thế. Cốm ròn lên một niềm vui bát tận xanh, mà trên mặt đó lại cho chằng lên một múi lạt chữ thập nhuộm đỏ cánh sen để gửi đến ngõ nhà người yêu, để đặt trên bàn tiệc cưới, đám hỏi, thì quả cái màu xanh thật là màu của nguyện vọng hạnh phúc.

*

* * *

Tôi về làng cốm, nhà chị hàng cốm đang giã cốm, mệt cảm cốm đã đầy lên. Cảm của cốm trông cũng có khác thật. Sạch sẽ, ngon lành, áp bàn tay vào thấy mịn như một thứ rêu đá tươi có thể ăn sống ngay được. Cảm cốm bóc lên mùi thơm ngào ngạt hơn cả thứ gạo tám thơm. Ông thợ giã cốm, buông mò chày

đó mà đưa luôn rằng cảm cõm này mà làm mỗi câu cá ở nước khoảnh ao mùa thu thì phải biết! Tôi như ngửi thấy gió mùa thu đang hòa vào đây một mùi béo nhạt. Ngoài sân đôi vịt đang co chân lén mà ngủ trưa. Con ngỗng đang dâu đầu và mỏ vào cánh. Bên bể nước mưa con mèo mướp cũng lim dim dưới giàn hoa thiên lý. Vịt, ngỗng, mèo đều từ từ mở mắt. Nhiều nha cùng nổi nhịp chày già cõm. Tiếng chày già cõm thanh hơn, nhẹ hơn tiếng chày già bột, già gạo. Tôi nhích lại cái cối đá nhặt ra mỏ chày già cõm có khác mỏ chày già gạo. Chị hàng cõm lại cười: "Cối nặng, chày nhẹ, đòn gánh cong, ấy là nghề làng chúng tôi đây!" Chị vừa xơ cõm, sảy cõm vừa nói về nghề: "Cõm ngọt nó dày minh hơn cõm đầu nia. Cõm làng Vòng vẫn mỏng hơn cõm Mẽ Trì. Mẽ Trì xưa kia sang già cõm thuê bên này, rồi biết nghề nhưng chưa tinh. Ta vốn hay giấu nghề. Bố mẹ chỉ truyền cho con dâu chứ không truyền nghề cho con gái. Nhưng rồi đây ta tiến lên hợp tác hóa các nghề, chắc nghề cõm cũng không ai giấu ai nữa nhỉ?" Chị xuống bếp dỡ lên mẻ nếp chồng vừa rang xong đợi nó nguội rồi lại già tiếp. Bên mép cõm câu chuyện nghề lại nổi thêm:

- "Cứ già xong một lượt lại sảy. Cõm đâu mùa ngọt hơn vì nó mỏng nhất. Rang mà giòn quá, già nó đón ra cảm hết. Mới rang xong chưa nguội mà già thì nó dính. Phải già nhẹn và nhanh chày, không có sửa hặt

nếp nó bết lại. Làm c้อม cà nhà vất và và tốn công hơn làm khung củi. Phải già đủ bảy lượt. Già không đủ lượt, già vội nó đò c้อม lên. Đủ bảy lượt, c้อม mới sạch mới xanh, mới đẹp mặt c้อม. Làm c้อม không thể sốt ruột được”.

Tôi gật đầu và xin phép nghĩ thêm rằng già c้อม cũng là một nghệ thuật, và tất cả cái gì là nghệ thuật đều là không sốt ruột được. Người sản xuất c้อม không được phép sốt ruột mà cả những người quen bò c้อม vào mồm như chúng ta cũng không được sốt ruột. Nếu sốt ruột, thì nên chọn thứ quà khác. Người ta thường bảo nói phải có nghĩ, ăn phải có nhai. Ăn c้อม phải nhai kỹ nhai lâu, phải kiên nhẫn ít nhiều thì mới thấy được cái tính nết quý hóa của hạt nếp bao tử. Tôi cũng không dám đi quá câu chuyện và lý thuyết mà tổng qui rằng cái anh tiều tư sản muốn chữa căn bệnh sốt ruột cổ hữu thì nên ăn c้อม, thì phải tập ăn c้อม. Tôi không nói thế mà tôi nói rằng c้อม không phải là thứ ăn của những người hộc tộc nuốt chửng. Đang nói về ăn c้อม phải nhai kỹ bà cụ hàng xóm vừa sang cũng bắt vào chuyện. Và cụ liền kể cho nghe về nghề c้อม trong hồi đồng ruộng làng Vòng chưa được giải phóng khỏi tay địa chủ và nhất là đế quốc chiếm đóng, ruộng lúa làm c้อม lố nhố lên những lô cốt địch. Bà cụ vốn là người đấu tranh mạnh với địch trong hồi chiếm đóng, và cụ vừa cười hóm

hình vừa tả lại cái cảnh bọn giặc ăn cỗm Vòng và cướp cỗm Vòng - "Thường thường trong nhà làm cỗm, buổi sáng đều có nắm cỗm chim của trẻ em nó làm thứ quà ăn sáng. Sớm nó ập vào thấy nắm cỗm chim của trẻ em, là bốc bỏ vào mồm nuốt chửng. Buổi chiều đang già cỗm mà nó ập vào thì mới già đến lượt một chưa sạch trấu nó cũng bốc bỏ vào mồm. Vừa nuốt, vừa quát vừa bắn qua ngõ qua mái nhà. Rồi nó chui chày cối nhà này nhà kia làm ồn ào nó khó canh gác, nó còn vu cho làng này định "nhại tiếng súng mò chìa của trên đồn".

Cũng giọng bà cụ chuyên từ chô hài hước sang nghẹn ngào: "... Nó đóng quân đóng bốt ở ngay phủ Hoài cũ, ở ngay chô đình, ở phố Vòng. Ở bốt Mai Dịch, ở bốt Phú Mỹ cách ta đây một cánh đồng kia kia. Ngay giữa làng giữa lối xóm là bốt hương dũng. Đang gặt nó quây không cho gặt. Thế là nghỉ làm. Dưa cỗm đi Hà Nội phải tránh cái bốt Cầu Giấy, đi vòng lối Cót lối Láng, đàn bà con gái phải rủ nhau đi từng đoàn đông sợ nó cưỡng hiếp. Phải về chợ sớm, phải đi chợ trưa. Sáng bạch nhật đã lâu nó cũng chưa mở cổng bốt. Cốm cứ đóng gánh mà chờ. Cốm thời chiếm đóng là cốm ôi. Không những ôi mà còn dính khói là máu nữa. Làng Vòng cũng bị nó cuốc hầm, bắn mát bốn chục người. Nhiều gia đình bỏ nghề chạy bạt vào Büong vào Cần vào So Sờ Dót Dét. Tân cư rồi nhớ

làng, nhớ nghề cũ, nhớ rang nếp rang thóc, nhưng không có nồi không có cối. Lại khó nhát là thiếu mít thóc giống. Bọn tè ở làng lại đem cối lên đồn mà lề, khăn áo thi thụp lê miếng sống miếng chín".

Ngôi bên met cối mới già xong, tôi đã có dịp được rộng thêm kiến văn về giống lúa nếp và nghề làm cối. Nếp làm cối ra nhiều giống thật, và phải đặt mua rải rác ở nhiều cánh đồng, nhiều khi không phải đồng làng. Nào là nếp sớm Bắc, nếp sớm ta, nếp Phùng, nếp Chăm, nếp Mô. Cuối mùa cối là thứ nếp dut, và ngon nhất vẫn là thứ nếp hoa vàng. Nếp sắp chín để gặt thì trước độ mươi ngày là đúng vào dịp đi cắt từng bông về làm cối. Cây lúa lớn lên rồi trổ hoa, hoa kết hạt, từ lúa con gái lúa dậy thì rồi trổ đồng, mà đậu sưa ngâm hạt rồi thành trát và cái hạt lúa tuốt từng bông về mà rang mà già thành cối chính là hạt thóc bao tử vậy. Những năm hạn hán thiếu nước, hạt nếp bao tử bao giờ cũng nhạt nhẽo hơn mầm mưa gió thuận hòa. Ngày đầu mùa của cối là khoảng rằm tháng bảy ta. Trước đây người làng cối hay tin vào thổ địa thành hoàng. Thường cứ vài gia đình rủ nhau sửa chung một lề đóm chung một mảnh cối mới đưa ra lề đình. Ở đình làng có đèn hương nghi ngút. Ngày vui nhất và ngon đậm nhất của cối tức là dịp tết trung thu, sửa hạt nếp bao tử gấp kỵ

giăng tròn nên chất nhựa đường thật là ngọt đọng và dẻo quánh.

Tình trung bình, mỗi gia đình làm một ngày được mươi hai mẻ tức là mươi hai mẻ cối, cân lên, được khoảng một yên cối. Gia đình nào làm giỏi thì được độ bốn yên. Bán lên phố, các chủ hiệu bánh Thủ đô ở Hàng Đường, Hàng Than, Hàng Cân, Hàng Thuốc Bắc mua từ hàng năm sáu tạ quây cót sấy khô đóng chum đóng kiệu để làm bánh dần quanh năm. Làng cối nhộn nhịp nhất là suốt một mùa thu. Trong một ngày làng cối vui nhất là từ quá trưa trở đi. Cứ phát thanh xong buổi trưa, là tiếng chày giã cối nhà này, nhà nọ nghe đã đều tai. Thường làm cho tới cuối canh một đầu canh hai. Gặp ngày tuần ngày rằm thì thức khuya hơn. Cối làng Vòng xanh ròn nhưng mà không phải là nhuộm như nơi khác. Làm xong rồi chỉ còn hồn túc là vảy nước, treo cối lên đầu quang, chờ giờ sáng là đưa vào cửa ô Hà Nội.

Nhưng trong một ngày cái giờ giã cối đông vui nhất vẫn là cái giờ mà nắng mùa thu chênh chêch trên những hàng cây sồi xếp hàng bên lối vào làng cối. Lúc này nhà nào cũng lục tục ở các chợ kéo về đông đủ. Cá làng có độ một trăm hai mươi cái cối giã cối. Nhịp chày của trăm hai mươi cái cối giã cối nghe đầm đầm vang vang cả một vùng trời phía tây ngoại

thành Hà Nội. Vào đúng mùa thu thì lúc nhá nhem ở làng cốm không bao giờ có nghĩa là buồn và xa vắng. Như cũng quyến luyến với cái vui lao động sản xuất, ánh nắng đã ngang tầm gốc sòi rồi mà vẫn chưa chịu tắt. Chiều thu làng Vòng vẫn dài hơn dèn dáng hơn ở bất cứ đồng khác mùa nào. Vào những năm mùa thu thêm một tháng nhuận âm lịch làm cho mùa cốm dời thêm ngày ra đến tận đầu tháng mười trên những hàng cây sòi sắp đỏ lá, thì buổi hoàng hôn trên đồng cốm còn thêm những vẻ kỳ diệu hơn nữa. Những vệt tơ giờ tà tà trên lũy tre trên dặm sòi giống hệt như những làn khói ban chiều bay ngang cắt ngang vào sương hôm đang xuống nhanh. Lặng tiếng chày mùa cốm già nếp bao từ những ngày tận thu nghe nó quyên hẳn vào vệt tơ giờ, và nhoi nhói thoi thúc vào cảm xúc như một sự trách móc thân mật nào của ai đây.

Ông cụ già làm nhiều cốm nhất ở làng Cốm có kể lại cho nghe về cốm làng Vòng trước đây bán thẳng vào đến Sài Gòn và thường có bày bán ở chợ Bến Thành trong ấy. Nguyên là có một bà cụ bán hàng tạp hóa và thực phẩm quê ở miền Bắc. Những người Bắc sống lâu ngày ở Nam thường nhớ thức ăn Bắc ra chợ nhờ bà cụ Nhì đó buôn cốm Vòng vào mà bán để cho

bà con đỡ nhớ cái hương vị của hạt lúa nếp cánh đồng ngoài ta. Thế rồi cỗm Vòng mới có dịp đi tàu biển tàu tốc hành bốn mươi tiếng đồng hồ từ Hà Nội vào Sài Gòn. Tôi liền nghĩ ngay đến cái cảnh tượng sum suê làm ăn trong tương lai gần đây hai miền quan hệ bình thường Nam - Bắc, rồi có tàu bay dân dụng thì Hà Nội - Sài Gòn chỉ mất ba-bốn tiếng đồng hồ, có thể sớm đi chợ Bắc chiều về chợ Nam. Cái ngày ấy, quà cỗm làng Vòng, mè cỗm tươi miền Bắc sẽ thấu đến bàn tay người bạn miền Nam tận Sài Gòn, Lục tỉnh, cái lá sen bọc ngoài vẫn chưa khô giòn và hạt cỗm vẫn còn tươi dẻo như một lời mời dịu đậm thơm thảo.

Lại nhớ mùa cỗm Vòng năm ngoái, một bà má tập kết Nam Bộ cũng kể cho nghe về cỗm giẹp miền Nam. Nó không xanh như ngoài Bắc, nhưng nó trắng bong, quanh năm lúc nào cũng có làm ở vườn ở chợ, làm thành ra bánh ú, bánh tét với nước dừa và nhân khô dừa đỏ xanh, chuối chín.

Thực ra không phải chỉ riêng miền Bắc mới có cỗm và miền Bắc chỉ riêng làng Vòng mới có cỗm. Ngay quanh thủ đô ngoài cỗm Vòng còn có cỗm Mè Trì, cỗm Lù. Khắp nước ta, ở đâu có lúa nếp là ở đó có cỗm, là ở đó làm cỗm. Ở Bắc cũng như ở Nam, ở đồng bằng cũng như miền núi mỗi hạt cỗm mỗi nơi đều có hương

vị thổ ngời của triền ruộng, của cánh đồng nơi áy. Còn nhớ những năm kháng chiến, có vài dịp được ăn quà cốm trên những nhà sàn chiến khu của anh chị em người Tày. Ngôi bên bếp lửa đêm thu nhà sàn, nhìn trăng chiến dịch qua những mái lá rừng tươi Việt Bắc mà nhai những cánh cốm trăng đồng ngược, sao mà thấy nó đạt dào với hương lúa của những vật ruộng bậc thang quanh chiến khu.

Thơ Thôi Hữu có những câu cốm rừng:

"Đêm giăng chay đậm vang thôn bản

Phán cốm bay bay phủ lá ngàn..."

Báo Tổ quốc
số 3654, ngày 10-8-73

CÁI BÁNH DẺO TRÒN

Cá nhà đang ăn tép đong vui, bà ngoại gật gù đâu bạc, ông ngoại vuốt chòm râu bạc, cả bà cả ông đều khen “cháu Thom càng nhơn càng ngoan”. Chị Ngọt cũng nháy nháy em Thom, hai cánh tay vui vẻ nhịp nhịp như sấp ca hát một bài gì. Mẹ Thom liền kéo Thom vào lòng mà nói to lên như trình với cả hội đồng gia đình.

- Năm nay hẽ cô giáo lớp mẫu giáo mà khen bé Thom là ngoan và học giỏi, thế nào mẹ cũng thường. Ông bà và mẹ thế nào cũng thường cho cả hai chị em. Chị Ngọt có thích mẹ bày cỗ trung thu thật to cho hai chị em không nào?

Bé Thom chưa hiểu gì lăm về Tết Trung thu. Bé chỉ nhớ rằng Tết là thích. Tết là có nhiều thứ bày ra đầy bàn. Và Tết thì người lớn cùng bạn nhỏ của mình người nào cũng mặc quần áo đẹp và đều là vui cười chào hỏi nhau. Cái phố của bé Thom cũng sạch hơn, đẹp hơn. Giá mà ngày nào cũng là ngày Tết nhỉ?

Nhưng mà thế nào là Tết Trung thu? Và lúc nào thì Tết Trung thu? Mẹ Thom rất yêu Thom, nhưng hỏi mẹ thì mẹ trả lời chẳng rõ tí nào cả. Mẹ bảo: “Bé Thom hỏi mẹ nhiều quá. Tết Trung thu là cái gì ấy à? Tết Trung thu tức là bày cỗ. Bao giờ bé Thom học ngoan, cô giáo khen nhiều, mẹ bày cỗ nhiều bánh nhiều quà, thế là Tết Trung thu. Thôi để mẹ đi học và đi chợ. Sang mà hỏi chị Ngọt ấy”. Chị Ngọt đang bận ôn bài học nhưng cũng tươi cười giảng cho bé Thom:

- Tết Trung thu là Tết của mùa thu. Cũng như mùa xuân, mùa thu là đẹp nhất. Giữa mùa thu quả chín nhiều nhất, trời trong nhất, trăng sáng nhất... À một năm có tất cả bốn mùa.

- Thế mùa là cái gì hờ chị Ngọt?

- Bao giờ em học như chị đang học, thì em sẽ biết rõ hơn. Bây giờ phải để cho chị làm bài cho kịp tới lớp nhé...

Bé Thom phung phiu, vì mình hỏi thì nhiêu mà mẹ cùng chị mình thì trả lời ít, chỉ trả lời có một tí thôi. Nhưng thôi cũng được. Chị Ngọt đã bảo mình mỗi năm tức là mỗi tuổi mình nhón dần lên. Có mười hai lần ông trăng tròn vành. Và trăng tròn nhất là giữa đêm Tết Trung thu. “Cái bánh dẻo ngon lành bầy cỗ rằm đó là bắt chước cái hình tròn đầy đặn của mặt trăng đấy”. Giả mà tháng nào cũng là Tết Trung thu

nhi! Thế là từ đấy bé Thom ít chịu đi ngủ sớm vào những đêm có trăng trong. Nhìn trăng lấp ló ngoài cửa sổ, Thom thấy mặt trăng đúng là một cái bánh hình tròn, ngon ngọt thơm mát. Bày mặt trăng vào giữa bàn cỗ bánh, thật là đúng quá. Phải xin mẹ mình bày thật nhiều ông trăng trên bàn cỗ. Cỗ bánh phải nhiều ông trăng bé ôm lấy một ông trăng to tướng ở giữa. Khi nào phá cỗ thì ông trăng bé ta ăn trước, còn ông trăng lớn để dành mà chơi cho lâu.

Trăng lên càng cao càng sáng càng rộng. Bé Thom đã ngủ từ lúc nào rồi, hai tay áp lên bụng ôm một cái bánh, cả một cái bánh ngọt và tròn như mặt trăng ngoài xa cửa sổ.

Ông ngoại bà ngoại bảo là đi lên vùng sơ tán thăm cái nhà ở cũ. Mấy hôm sau trở về ông bà đều reo lên: “Chị em thằng Thom có Tết Trung thu rồi”. Bé Thom và chị Ngọt thấy một lồng gà, một túi gạo nếp và không biết bao nhiêu là quả lựu. To nhất và quen nhất là quả bưởi.

Trăng cứ sáng thêm, cứ tròn dần.

Thế rồi trên bàn cỗ, có đến mươi, đến hai mươi cái bánh dẻo. Cái bánh tròn nó tròn đúng như mặt trăng thì bé Thom biết rồi. Nhưng lại có những cái bánh không tròn thì bé Thom không hiểu được. Hỏi chị Ngọt bảo đây là bánh vuông “bánh dẻo vuông ăn cũng ngon lành thơm ngọt như bánh tròn, ai thích ăn

vuông thì lúc phá cỗ sẽ lấy cái vuông, ai thích tròn thì ăn tròn". Bé Thom mon men đèn cạnh mẹ và chị. Hai bàn tay mẹ xanh như mớ rau, xanh như tất cả lá cây ngoài vườn. Hai bàn tay chị Ngọt thi lại đỏ, đỏ như cái cờ ngày Tết. Thì ra mẹ và chị đang nhuộm cùi bưởi, lót xuống lòng bát rồi mới bày những múi bưởi lên trên. Bưởi xanh bưởi đỏ đẹp quá trông vui vẻ hơn là cùi bưởi trắng nhạt.

- Thưa mẹ, sao bánh của ông trắng tròn người ta lại làm vuông.

Chị Ngọt chỉ cười, bảo là "em Thom ngồi lùi ra không có quần áo lại đầy phẩm khó giặt bây giờ đây". Còn mẹ thì bảo: "Chạy sang mà hỏi ông ngoại ấy? Ông ra sân mà xem ông đang chọn quả. Nhiều quả lắm. Na này, hồng trứng này, ổi này, bưởi thì nhiều lắm".

Con mèo trắng đốm đen ngồi cạnh ông ngoại, khe khẽ thò một chân trước khêu một quả ổi chín vàng. Cụm ổi đổ ủm, ổi lăn kềnh ra cà sân gạch, ông ngoại phải nhặt ổi dội nước rửa lại. Bé Thom mách luôn:

- Ông ơi, cháu không thích con mèo nhà ta đâu?
- Có việc gì mà cháu không thích con mèo nhà ta?
- Chán nó nhiều gai lầm. Ông này, con mèo nó không được ăn bánh dẻo phải không ông, chỉ cho con mèo ăn bánh vuông thôi phải không ông.

Ông ngoại không nói gì, ông đang cọ nốt những cái bát đĩa, cái nào cũng tròn cả.

- Ông ơi, có ông trăng vuông không ? có quả bưởi vuông không ?

- Cái thằng Thom lại bắt chước trẻ hư, lại tập nói nhảm rồi đây... Ông trăng thì phải tròn chứ. Bưởi cũng tròn.

Bé Thom rất thích ông ngoại hay chơi hay cười với mình, nhưng Thom rụt rè lại hỏi ông:

- Thé sao người ta lại làm cái bánh dẻo vuông?

- Tròn hay vuông, bánh dẻo bày cỗ, thứ nào cũng mềm và ngọt cả... Tròn là trời, là mặt trời, mặt trăng. Vuông là mặt đất. Cháu cứ hay hỏi nhiều quá. Đi chơi đi. Để ông bà bày cỗ cho kịp đón ông trăng Tết.

Bé Thom vẫn hậm hực. Chị Ngọt cắt nghĩa nghe ra còn dễ hiểu hơn ông ngoại giảng.

Cả phố ầm lên tiếng trống. Nào là trống ếch nào là trống quân. Đúng giờ Tết rồi. Ông trăng đúng hẹn cười cười ngoài cửa sổ. Tối Tết vui trời sáng mát, ông trăng sáng như ban ngày. Nhưng bàn cỗ của bé Thom lại sáng hơn cả ông trăng bên ngoài. Đã thêm bóng đèn điện mè lại còn thấp thêm bao nhiêu là cây nến. Trống ếch trống quân cả khu phố kêu vang còn làm cho ngọn nến nơi bày cỗ múa nhảy thêm, ánh nến càng rung rinh mãi lên trong đôi mắt chị Ngọt. Thấy cả thủ đô nỗi trống đón tiếp mình thăm thiết, ông trăng lấy làm vừa lòng, mặt trăng bèn tăng thêm sáng và kia kia, ông trăng lại như nháy nháy mắt với chị Ngọt và bé Thom.

Có cụ giáo Hiệu trưởng mẹ mời đến ăn Tết thân mật với gia đình. Có cụ tổ trưởng khu phố, ông ngoại mời đến thường trăng. Mẹ liền nhắc mâm xôi vừng ra khỏi bàn cỗ. Trên mâm xôi vừng là con gà luộc uốn theo hình một ông đang ngồi câu cá. Mẹ chặt thịt gà, bày chén, mời các cụ phá cỗ trước cho. Ông ngoại vuốt râu nhìn ông trăng, nâng chén rượu mời khách. Bà ngoại cũng nâng chén mời. Mẹ dọn thứ này thứ khác, chỉ thấy mẹ uống chén trà nhiều khói.

Trống ếch, trống quân nổi lên nhiều hơn; nhanh hơn như là động viên ông trăng mọc cao hơn nữa và trong sáng hơn nữa.

Chị Ngọt xin phép mẹ chạy qua nhà hàng xóm rủ mấy đứa bạn cùng lớp sang phá cỗ như đã hẹn. Mẹ vui vẻ ừ ừ. Bé Thom cũng nói:

- Con sang nhà bạn Nhanh ở trong ngõ. Cỗ Tết nhà bạn Nhanh chỉ có bưởi thôi. Cỗ bé hơn nhà ta mà cỗ lại không có ông trăng. Mẹ cho con một cái bánh dẻo ông trăng con mang sang biếu bạn Nhanh. Con không lấy cái bánh vuông. Con xin một cái bánh tròn.

Gói chiếc bánh dẻo đi sang nhà bạn nhỏ, bé Thom may mắn nhịp nhịp khe khẽ: Trăng êm êm, trăng vui vui, trăng tròn tròn, trăng sáng sáng, trăng nhiều nhiều.

**MỤC LỤC
NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP
IV**

Trang

TÁC PHẨM NGUYỄN TUÂN TỪ 1957 - 1975

1) Nói hay đừng (<i>Phát biểu ngắn</i>) 1957	5
2) Phố māu (<i>Tùy bút</i>) 1957	9
3) Chợ Đồng Xuân (<i>Tùy bút</i>) 1957	13
4) Cây Hà Nội (<i>Tùy bút</i>) 1957	21
5) Phở (<i>Tùy bút</i>) 1957	34
6) Truyện một cái thuyền đất (<i>Truyện thiếu nhi</i>) 1958	55
7) Tàu bay chúng ta đã xuống sân bay Điện Biên Phủ (<i>Tùy bút</i>) 1959	97
8) Mùa xuân trên Tây Bắc (<i>Tùy bút</i>) 1959	104
9) Bên nì bên tê Sông Tuyến (<i>Tùy bút</i>) 1959	112
10) Con Sông Tuyến Hiền Lương (<i>Tùy bút</i>) 1959	120
11) Nhà ngục Hy Lạp (<i>Phát biểu ngắn</i>) 1960	137
12) Suối (<i>Trích nhật ký</i>) 1960	140
13) Sông Đà (<i>Tập tùy bút</i>) 1960	145
14) Đò tuyến (<i>Tùy bút</i>) 1962	478
15) Bốn nhăm năm tuổi xuân dại đồng (<i>Tùy bút</i>) 1964	498
16) Trang hoa (<i>Tùy bút</i>) 1962	519
17) Đỗ ai quét sạch lá rưng (<i>Tùy bút</i>) 1964	529
18) Điện cao thế Nguyễn Văn Trỗi cháy sáng một vùng trái đất (<i>Tùy bút</i>) 1965	563
19) Tờ hoa (<i>Tùy bút</i>) 1966	581
20) Truyện một nghìn không trăm linh một máy bay Mỹ (<i>Tùy bút</i>) 1966	589

21) Tình rừng (<i>Tùy bút</i>) 1967	603
22) Một ngày đầu năm trên bể than Hồng Quảng (<i>Tùy bút</i>) 1969	620
23) Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi (<i>Tập tùy bút</i>) 1972	625
24) Giò lụa (<i>Tùy bút</i>) 1973	857
25) 25) Cốm (<i>Tùy bút</i>) 1973	864
26) Cái bánh dẻo tròn (<i>Tùy bút</i>) 1974	875

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP

IV

Chủ trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: **NGUYỄN THỊ HẠNH**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Sứa bản in:

**PHÒNG VĂN HỌC
HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

TÁC GIÁ GIỮ BẢN QUYỀN
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
GIỮ QUYỀN SỬ DỤNG

*In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Xí nghiệp In Phun Văn Máng.
Số đăng ký KHXB: 29/CXB-63/VH ngày 14/01/1999. Trích ngang
KHXB; 76/GP ngày 31/3/2000. In xong và nộp lưu chiểu quý II/2000.*

NGUYỄN TUÂN TOÀN TẬP

TẬP IV

"Nghề văn là nghề của chữ. Chữ với tất cả mọi nghĩa mà mỗi chữ phải có được trong một câu, nhiều câu. Nó là cái nghề dùng chữ nghĩa mà "sinh sự" mà sinh sự thì sự sinh"

*Nguyễn Tuân. Trích bài giảng bồi dưỡng
người viết trẻ.
(Nguyễn Tuân sửa lại ngày 5-6-1984)*

NHÀ SÁCH TRẺ
186 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - Tp. HCM
8228452 - 9301022 Fax : (84.8) 9301022

Giá: 90.000 đ